BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

NIÊN GIÁM

Địa chỉ: Số 10 Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long
TP. Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: 0251.3.952 778 – Fax: 0251.3.952 534
Website: http://www.lhu.edu.vn

2022

MỤC LỤC

Trang
Lời nói đầu 3
Giới thiệu Trường Đại học Lạc Hồng 4
Các phòng ban chính 6
Ngành đào tạo – Các chương trình đào tạo 7
Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ 63
Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 64
Chương II. LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY 67
Chương III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP 71
Chương IV. NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN 74
Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng 79
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG 80
Chương II.CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM 81
Chương III. PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN 82
Chương IV. TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ 85
Chương V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 87
Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng 91
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG 92
Chương II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA SINH VIÊN 92
Chương III. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT SINH VIÊN 95
Chương IV. NỘI DUNG CÔNG TÁC SINH VIÊN 99
Chương V. HỆ THỐNG TỔ CHỨC, QUẢN LÝ 101
Chương VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 103
Phụ lục khung kỷ luật sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng 105
Quy trình giải quyết hồ sơ chính sách sinh viên 109
Quy tắc ứng xử của người học tại Trường Đại học Lạc Hồng 113
Hệ thống thông tin Trường Đại học Lạc Hồng 117
Giới thiệu về thư viện Trường Đại học Lạc Hồng 122
Đề cương tóm tắt các môn học 128
Lịch trình năm học 2022-2023 267
Bản đồ hướng dẫn đường đi đến các địa điểm học 268

LỜI NÓI ĐẦU

Niên giám là tài liệu phát hành chính thức của Trường Đại học Lạc Hồng dành cho sinh viên trúng tuyển vào hệ đại học, cao đẳng chính quy của Trường. Niên giám cung cấp những thông tin cơ bản giúp sinh viên có thể hình dung đầy đủ về quy mô hoạt động của Nhà trường đồng thời cũng là cuốn cẩm nang quan trọng nhất – tập tài liệu chính thức để sinh viên tham chiếu trong suốt thời gian học tập.

Phần mở đầu, niên giám giới thiệu sơ lược về lịch sử phát triển của Trường, về các đơn vị hành chính trong Trường, các khoa quản lý ngành.

Phần thứ 2 liệt kê toàn bộ chương trình đào tạo (trình bày dưới dạng bảng) của tất cả các ngành đang được tổ chức đào tạo hệ đại học chính quy tại Trường Đại học Lạc Hồng. Các môn học trong chương trình đào tạo được sắp xếp theo trình tự vào từng cột tương ứng từng học kỳ của khóa đào tạo đại học hiện nay gồm 7 hoặc 8 học kỳ chính thức, tùy ngành – **đây là trình tự học mà Nhà trường khuyến cáo sinh viên nên tuân theo để thuận lợi nhất cho việc tiếp thu kiến thức**.

Phần thứ 3 bao gồm toàn văn "Quy chế học vụ" (Quy chế học vụ hệ đại học theo học chế tín chỉ) và văn bản "Quy trình đăng ký học và xếp thời khóa biểu" – quy trình cơ bản nhất của công tác học vụ. Sinh viên cần đọc kỹ từng đề mục trong các văn bản này để biết về hệ thống tổ chức đào tạo của trường, để hiểu và vận dụng cho đúng các quy định của Trường, về quyền và nghĩa vụ của người học trong Nhà trường.

Phần cuối của niên giám cung cấp cho sinh viên thông tin về các môn học được giảng dạy tại trường: nội dung tóm tắt của môn học và các tài liệu tham khảo liên quan.

Phiên bản Niên giám **2022** được Phòng Đào tạo biên tập lại và có nhiều thay đổi so với các phiên bản trước đây. Chúng tôi hy vọng rằng tài liệu này có thể cung cấp ngày càng nhiều những thông tin hữu ích cho các bạn sinh viên ngay ngưỡng cửa trường đại học và sẽ luôn là người bạn đồng hành cùng sinh viên trong suốt khóa học của các bạn tại Trường Đại học Lạc Hồng.

Chúc các bạn sinh viên nhanh chóng hòa nhập với môi trường mới và đạt những kết quả tốt nhất, nhiều thành công nhất trong học tập và trong cuộc sống.

Đồng Nai, tháng 10/2022

GIỚI THIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Lịch sử hình thành

Đồng Nai là một tỉnh công nghiệp nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam (bao gồm: Đồng Nai, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu), có nhiều khu công nghiệp được hình thành từ trước năm 1975. Đến những năm 1990, thực hiện chủ trương của Đảng – Nhà nước về công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước thông qua nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), Đồng Nai đã ngày càng hình thành và phát triển thêm nhiều khu công nghiệp. Xuất phát từ nhu cầu cung ứng nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa của Đồng Nai nói riêng và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung; nguyện vọng của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân Đồng Nai mong muốn có một trường đại học tại Đồng Nai.

Từ những năm 1993 – 1994, lãnh đạo tỉnh đã nhìn thấy nhu cầu bức thiết phải xây dựng một trường đại học tại Biên Hòa, Đồng Nai nhằm tạo nguồn nhân lực kịp thời đáp ứng đà phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh nhà. Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V cũng như các Đại hội sau đó đều có nghị quyết về thành lập trường đại học trên địa bàn TP. Biên Hòa. Đó là cơ sở thuận lợi cho việc sớm ra đời một trường đại học tại Đồng Nai.

Có nhiều ý kiến về tên trường, nhưng cuối cùng nhất trí một trường đại học đào tạo nhân lực cao cho đất nước, cho dân tộc thì những con người được đào tạo phải nhớ đến nguồn cội và tự hào mình là con cháu Lạc Hồng. Chính vì thế Trường có tên là Đại học Lạc Hồng.

Trường Đại học Lạc Hồng được thành lập theo Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Quyết định số 3678/GD-ĐT ngày 13/11/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Đại học Lạc Hồng đào tạo đa ngành, đa cấp; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, kinh tế và xã hội nhân văn. Nhà trường đảm bảo cung cấp và chăm lo những điều kiện học tập có chất lượng cho mọi người có nhu cầu đào tạo và đào tạo lại; mặt khác đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và hiểu biết chính trị cho thị trường lao động của tỉnh Đồng Nai nói riêng, cả nước nói chung.

Trường Đại học Lạc Hồng là trường đào tạo nhân lực cung cấp trực tiếp cho các khu công nghiệp, khu chế xuất của tỉnh Đồng Nai và các khu vực lân cận. Chính vì thế trường đã xây dựng chương trình đào tạo theo tỉ lệ 50% lý thuyết, 50% thực hành và tự học. Bên cạnh đào tạo nhân lực, Nhà trường chú trọng bồi dưỡng nhân tài. Những sinh viên có học lực từ khá trở lên phải tự chịu trách nhiệm với điểm số của mình và phải tham gia nghiên cứu khoa học. Nhà trường luôn có một niềm tin vững chắc, đó là mỗi sinh viên đều có một tiềm năng và nhà trường có nhiệm vụ phải khơi dậy những tiềm năng ấy cho sinh viên bằng

hoạt động nghiên cứu khoa học.

Với chương trình đào tạo như vậy, sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ nhanh chóng tìm được việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo hoặc có khả năng tự khởi nghiệp.

Nhà trường có xu hướng gắn liền việc giảng dạy, học tập với các khu chế xuất, khu công nghiệp,… tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên thâm nhập thực tế để không ngừng điều chỉnh, bổ sung nội dung giáo trình, đào tạo được nguồn nhân lực theo yêu cầu thực tiễn của nền kinh tế trong thời kỳ hội nhập. Song song đó, nhà trường đã triển khai chương trình tiếng Anh giao tiếp với mục tiêu là đến năm 2021, tất cả sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Lạc Hồng đều có kỹ năng sử dụng tốt tiếng Anh giao tiếp trong Cộng đồng kinh tế ASEAN.

Sứ mạng: "Trường Đại học Lạc Hồng là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội. Trường cung cấp nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài có năng lực và phẩm chất phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế"

Triết lý: "Đạo đức - Trí tuệ - Sáng tạo"

Mục tiêu: "Trường Đại học Lạc Hồng cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức chuyên môn, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp, khả năng quản lý và các kỹ năng mềm như tin học, ngoại ngữ, giao tiếp, làm việc nhóm, v.v… Nguồn nhân lực đó có các phẩm chất chính trị, đạo đức và xã hội, có năng lực sáng tạo, có trách nhiệm nghề nghiệp và sức khỏe để góp phần quan trọng vào sự phát triển của xã hội. Nhà trường tạo môi trường thuận lợi để bồi dưỡng nhân tài, có khả năng phát triển kiến thức, nghiên cứu và tham gia học tập sau đại học ở trong và ngoài nước"

CÁC PHÒNG BAN CHÍNH

- Phòng Đảng ủy, Đoàn thanh niên - ĐT: 0251 3 951 957 - nhà E102
- Phòng Thanh tra giáo dục - ĐT: 0251 8 850 970 - nhà văn phòng CS1
- Phòng Đào tạo - ĐT: 0251 3 952 778; 0251 3 953 127; 0251 3 952 188 - nhà B101, B102, B103
  Bộ phận Quản lý học vụ: - ĐT: 0251 3 951 481; Tổ giáo vụ - ĐT: 0251 3 951 976- nhà B104
  Bộ phận Kỹ năng mềm http://knm.lhu.edu.vn - nhà B104
  ĐT: 0251 3 952 422
  Bộ phận Quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ sinh viên - nhà B109
  ĐT: 0251 3 951 347
- Phòng Hành chính - Tổ chức (HC-TC) - ĐT: 0251 3 952 138 - nhà văn phòng CS1
- Phòng Tài chính (TC) - ĐT: 0251 3 952 033 - nhà văn phòng CS1
- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng - nhà D203
- Phòng Nghiên cứu Khoa học - ĐT: 0251 3 952 945 - nhà I101
- Phòng Công tác sinh viên (CTSV) - ĐT: 0251 3 952 250 - nhà D101, D105
- Phòng Quan hệ Quốc tế http://dcc.lhu.edu.vn - nhà C104
  ĐT: 0251 3 953 128
- Phòng Xây dựng và Cung ứng vật tư - ĐT: 0251 8 662 444 - nhà văn phòng CS5
- Phòng Quản trị Thiết bị (QT-TB) - ĐT: 0251 8 850 595 - nhà văn phòng CS5
- Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học http://nnth.lhu.edu.vn
  ĐT: 0251 3 951 995 nhà VP Cơ sở 4
- Trung tâm Thông tin - Tư liệu - nhà A201
- ĐT: 0251 3 952 726 http://lhu.edu.vn/224/Thong-tin-Tu-lieu.html
- Ký túc xá Lạc Hồng - ĐT: 0251 3953598 Địa chỉ: KP4 – Phường Bửu Long - BH - ĐN
- Khoa Sau đại học http://saudaihoc.lhu.edu.vn - nhà B106
  ĐT: 0251 3 951 924
- Khoa Anh văn đại cương http://avdc.lhu.edu.vn - nhà D102
  ĐT: 0251 8 850 894
- Khoa Công nghệ thông tin http://cs.lhu.edu.vn - nhà B301
  ĐT: 0251 3 952 251
- Khoa Cơ điện - Điện tử http://codien.lhu.edu.vn - nhà I206
  ĐT: 0251 3 951 937
- Khoa Kỹ thuật công trình http://kc.lhu.edu.vn - nhà C103
  ĐT: 0251 3 952 253
- Khoa Kỹ thuật Hóa học & Môi trường http://mt.lhu.edu.vn - nhà I405
  ĐT: 0251 3 953 442 http://cfe.lhu.edu.vn
  ĐT: 0251 3 951 795
- Khoa Quản trị - Kinh tế quốc tế http://qt.lhu.edu.vn - nhà D305, D306
  ĐT: 0251 3 952 252
- Khoa Tài chính - Kế toán http://kt.lhu.edu.vn - nhà B201, B202
  ĐT: 0251 3 953 441; 0251 3 952 923 http://tcnh.lhu.edu.vn
- Khoa Đông phương học http://dp.lhu.edu.vn - nhà E205
  ĐT: 0251 3 951 926
- Khoa Ngôn ngữ Anh http://ed.lhu.edu.vn - nhà D103
  ĐT: 0251 3 952 254
- Khoa Dược http://duoc.lhu.edu.vn - nhà H106
  ĐT: 0251 3 953 131 Địa chỉ: KP4 – Phường Bửu Long - BH - ĐN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH ĐÀO TẠO – CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN:
- Công nghệ thông tin

KHOA CƠ ĐIỆN – ĐIỆN TỬ:
- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
- Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Cơ điện tử)
- Công nghệ kỹ thuật Ô tô

KHOA KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH:
- Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp, Xây dựng cầu đường)

KHOA KỸ THUẬT HÓA HỌC & MÔI TRƯỜNG:
- Công nghệ kỹ thuật hóa học
- Công nghệ thực phẩm
- Khoa học môi trường (Công nghệ môi trường)
- Công nghệ sinh học

KHOA TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN:
- Tài chính - Ngân hàng
- Kế toán (Kế toán kiểm toán)

KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ:
- Quản trị kinh doanh (Quản trị Doanh nghiệp, Quản trị nhà hàng – khách sạn).
- Kinh tế (Ngoại thương)
- Luật kinh tế
- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC:
- Đông phương học (Nhật Bản học, Hàn Quốc học)
- Ngôn ngữ Trung Quốc
- Việt Nam học (Hướng dẫn du lịch)

KHOA NGÔN NGỮ ANH:
- Ngôn ngữ Anh

KHOA DƯỢC
- Dược học (Dược sĩ đại học)

Lưu ý: Ký hiệu loại môn học trong chương trình đào tạo

*	Môn học tiên quyết
**	Môn học trước
***	Môn học song hành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2022 - 2026
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

STT	Mã MH	Môn Học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
1		Giáo dục quốc phòng			
2	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn CB
3	102073	Toán cao cấp 1 {CNTT 2020}	4		Môn CB
4	102074	English 1 {CNTT 2020}	3		Môn CB
5	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn CB
6	111058	Kỹ Thuật lập trình {khóa 2022}	2		Tạo mã môn mới
7	111059	Cơ sở dữ liệu {Khóa 2022}	3		Tạo mã môn mới
8	111055	Nhập môn Công nghệ thông tin	1		Môn mới
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1		**16**		
9	102003	Giáo dục thể chất 2	0		Môn CB
10	102087	Xác suất thống kê {CNTT từ khóa 2021}	2	102073**	Môn CB
11	102075	English 2 {CNTT 2020}	4	102074**	Môn CB
12	111062	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật {Khóa 2022}	3	111058**	Tạo mã môn mới
13	111046	Vật lý thực hành	3		
14	111060	Hệ quản trị CSDL {Khóa 2022}	3	111059**	Tạo mã môn mới
15	111047	Điện tử cơ bản	2		
16	111053	Nhập môn Phát triển dự án kỹ thuật	2		Môn mới
17	112061	Mạng máy tính {Khóa 2022}	2		Tạo mã môn mới
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2		**21**		
18	102004	Giáo dục thể chất 3	0		Môn CB
20	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn CB
21	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn CB
22	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn CB
23	102076	English 3 {CNTT 2020}	4	102075**	Môn CB
24	111070	Lập trình hướng đối tượng {Khóa 2022}	3	111062**	Tạo mã môn mới
25	111048	Tín hiệu số cơ bản	2		
26	112064	Mạng máy tính nâng cao {Khóa 2022}	3	112061**	Tạo mã môn mới
27	111010	Toán rời rạc	3		
28	111051	Cấu trúc và lắp ráp máy tính {Khóa 2021}	3		

	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3		**25**		
29	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn CB
30	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn CB
31	102077	English 4 {CNTT 2020}	4	102076**	Môn CB
32	111072	Lập trình trên môi trường Windows	3	111070**	Môn mới
33	111036	Dịch vụ mạng	3	112064**	
34	111057	Nguyên lý thống kê	2		Môn mới
35	111054	Thực tập tốt nghiệp 1	2		Môn mới
	Môn tùy chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
36	111066	Lập trình Back-End	3		Môn mới
37	111076	Thương mại điện tử {Khóa 2022}			
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4		**21**		
38	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn CB
39	102078	English 5 {CNTT 2020}	4	102077**	Môn CB
40	112065	Thiết kế hệ thống mạng {Khóa 2022}	3	112064**	Môn mới
41	111056	Thiết kế UI/UX	2	111067***	Môn mới
42	111069	Lập trình giao tiếp thiết bị {Khóa 2022}	2		Tạo mã môn mới
43	111067	Lập trình Front-End	2	111066** 111056***	Môn mới
	Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
44	111043	Phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng	3	111059**	
45	111063	Công nghệ phần mềm			
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5		**18**		
46	102079	English 6 {CNTT 2020}	4	102078**	Môn CB
47	112068	Thiết kế hệ thống mạng nâng cao {Khóa 2022}	2	112065**	Môn mới
48	111075	Phát triển ứng dụng di động	3	111066**	Môn mới
49	111071	Lập trình Python cho máy học	2		Môn mới
50	112067	Chuyên đề công nghệ	3		Môn mới
	Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
51	111073	Phát triển ứng dụng web	3	111067**	Môn mới
52	111064	Đồ án công nghệ phần mềm			Môn mới
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6		**17**		
53	102080	English 7 {CNTT 2020}	4	102079**	Môn CB
54	111040	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3		
55	111065	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	3		Môn mới

56	111038	Phát triển ứng dụng	9	111073**, 111075**	
	Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
57	111074	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	3	111071**	Môn mới
58	111061	Công nghệ Blockchain			
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7		**22**		
59	111049	Thực tập	2	111054**	
60	33333	Tốt nghiệp	8		
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8		**10**		
	TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA		**150**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CƠ ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2022 -2026
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ (CƠ ĐIỆN TỬ)

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
		Giáo dục quốc phòng			
1	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
2	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
3	116068	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	4		
4	116069	Kỹ thuật điện	3		
5	114008	Thực tập Điện cơ bản	1		
6	116040	Kỹ thuật đo lường cơ khí	3		
7	102055	English 1	2		Môn cơ bản
8	116072	Nhập môn ngành Cơ điện tử	2		
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1		**21**		
9	102068	English 2	3	102055**	Môn cơ bản
10	102018	Toán A2	4	102016**	Môn cơ bản
11	114051	Điện tử cơ bản	3	116069** 102016**	
12	102067	Vật lý đại cương	2	102016**	Môn cơ bản
13	116007	Thực tập cơ khí tổng quát	1	116068** 116040**	
14	114050	Kỹ thuật số	3		
15	116051	CAD trong kỹ thuật	3	116068** 102014** 116040**	
16	114040	Thực tập thiết kế mạch điện tử ứng dụng	2	116069**	
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2		**21**		
17	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
18	102069	English 3	3	102068**	Môn cơ bản
19	115060	Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	3	116069** 114051**	

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
20	115061	Thực tập Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	2	116069** 114051**	
21	115062	Lập trình kỹ thuật	3	102016** 102018** 114050**	
22	116034	Thực tập Máy công cụ	2	116007**	
23	116002	Cơ kỹ thuật	3	102067** 102016**	
24	116065	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	4	116040** 116068** 116051** 116040**	
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3		**20**		
25	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
26	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
27	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
28	115080	Thực tập Lắp tủ điện	2	114008**	
29	102070	English 4	3	102057**	Môn cơ bản
30	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
31	114053	Điện tử công suất	3	114051**	
32	114001	Thực tập Điện tử công suất	1	114051**	
33	116009	Công nghệ Khí nén - Thủy lực	3	116002**	
	Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
34	116049	Bảo trì công nghiệp	2	116007** 116034**	
35	116008	Quản trị học đại cương			
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4		**21**		
36	115064	Vi điều khiển	4	115062** 114051** 114053**	
37	115021	Thực tập Vi điều khiển	2	115062** 114051**	
38	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
39	116024	Anh văn chuyên ngành Cơ điện tử	4	102055**	
40	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
41	115026	Kỹ thuật lập trình PLC	3	115062** 102014** 116069**	
42	115065	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC 1	2		
	Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
43	115068	Kaizen - TPM	3		
44	116037	Robot công nghiệp		116002** 115064** 115062**	
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5		**20**		
45	115066	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC 2	2	115065**	
46	115076	Hệ thống điều khiển tự động	3	115026** 115064** 114056**	
47	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	102058**	Môn cơ bản
48	102071	English 5	3	102070**	Môn cơ bản
49	116063	Học kỳ thực tập 1	2		
50	115032	Kỹ thuật lập trình PLC nâng cao	3	115026**	
	Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
51	115067	Module sản xuất linh hoạt (FMS)	3		
52	116064	Công nghệ chế tạo máy		116065**	
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6		**18**		
53	116010	Nguyên lý - Chi tiết máy	4	116002** 116051**	
54	116066	Đồ án Cơ điện tử	2	116065** 115026** 115076** 116009** 114056**	
55	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
56	114061	Đồ án công nghệ	2	116065**	

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
				115026** 115076** 116009** 114056** 116064** 115032**	
57	102072	English 6	3	102071**	Môn cơ bản
58	116054	Công nghệ CAD/CAM/CNC	3	116034** 116065** 116051** 115062** 116024**	
59	116036	Thực tập Công nghệ CAD/CAM/CNC	2	116034** 116065** 116051** 115062** 116024**	
	Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
60	115079	Hệ thống nhúng	1		
61	115050	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC nâng cao		115032**	
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7		**19**		
62	116067	Học kỳ thực tập 2	2	116063**	
63	66666	Tốt nghiệp	10		
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8		**12**		
	TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA		**152**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CƠ ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2022 -2026
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
2	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
3	114048	Nhập môn ngành Điện-Điện tử	2		
4	114049	Mạch điện	3		
5	116068	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	4		
6	102055	English 1	2		Môn cơ bản
7	114008	Thực tập Điện cơ bản	1	114048**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			**18**		
8	102018	Toán A2	4	102016**	
9	102067	Vật lý đại cương	2		
10	102068	English 2	3	102055**	
11	114050	Kỹ thuật số	3	114051**	
12	115062	Lập trình kỹ thuật	3	102014**	
13	114051	Điện tử cơ bản	3	114049**	
14	115060	Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	3	114049**	
15	114040	Thực tập thiết kế mạch điện tử ứng dụng	2	114008**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			**23**		
16	102002	Giáo dục thể chất 1	0		
17	116009	Công nghệ Khí nén - Thủy lực	3	114049**	
18	102069	English 3	3	102068**	
19	114052	CAD trong kỹ thuật điện	3	116058**	
20	115061	Thực tập Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	2	115060**	
21	114053	Điện tử công suất	3	114049** 114051**	
22	114054	Thiết kế mạch in	3	114040**	
23	114055	Máy điện	3	114049**	
24	115026	Kỹ thuật lập trình PLC	3	115060**	

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
				114049**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			**23**		
25	102063	Triết học Mác - Lênin	3		
26	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
27	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
28	102070	English 4	3	102069**	
29	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	
30	114001	Thực tập Điện tử công suất	1	114053**	
31	115064	Vi điều khiển	4	114050**	
32	115065	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC 1	2	115026**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
33	114003	Thực tập Quấn dây máy điện	1	114055**	
34	114047	Tính toán sửa chữa máy điện		114055**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			**18**		
35	114033	Anh văn chuyên ngành Điện-Điện tử	2	114051**	
36	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	
37	102006	Pháp luật đại cương	2		
38	115021	Thực tập Vi điều khiển	2	115064**	
39	115066	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC 2	2	115065**	
40	114056	Thực tập Trang bị điện	2	114034**	
41	114057	Cung cấp điện và Đồ án cung cấp điện	4	114056** 114052**	
42	114034	Trang bị điện	3	115060** 114049**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
43	114058	Đồ án Điện - Điện tử	2	114054**	
44	114059	IOT (Internet Of Things)		115064**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			**19**		
45	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
46	102071	English 5	3	102070**	
47	114063	Thực tập Cung cấp điện	1	114057**	
48	114022	Thiết kế hệ thống điện	4	114034**	
49	114060	Kỹ thuật điện lạnh	3	114057**	
50	115039	Lập trình xử lý ảnh	3	115060**	

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
51	114062	Thiết bị điện trong công nghiệp	3	114055** 114049**	
52	116063	Học kỳ thực tập 1	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
53	116037	Robot công nghiệp	3	115064** 114022**	
54	115007	Vi điều khiển nâng cao		115064**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			**24**		
55	102066	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2		
56	102072	English 6	3	102071**	
57	114037	Năng lượng tái tạo và quản lý năng lượng	2	114057**	
58	114021	Bảo vệ Rơle và tự động hoá	3	114022**	
59	114061	Đồ án công nghệ	2	115007**	
60	115077	Hệ thống cơ điện M&E	3	114060**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
61	116049	Bảo trì công nghiệp	2	116037**	
62	114039	Thực tập Robot công nghiệp		115007**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			**17**		
63	116067	Học kỳ thực tập 2	2	116063**	
64	66666	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			**12**		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			**154**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CƠ ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2022 -2026
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
2	102036	Vật lý đại cương	3		Môn cơ bản
3	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
4	116068	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	4		
5	148059	Nhập môn Công nghệ kỹ thuật Ô tô	2		
6	148069	Kỹ thuật nhiệt	3		
7	102055	English 1	2		Môn cơ bản
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			**20**		
8	148003	Nguyên lý Động cơ đốt trong	4	148060** 148069** 116058**	Môn cơ bản
9	102068	English 2	3		
10	148007	Vật liệu học	2		Môn cơ bản
11	102018	Toán A2	4	102016**	
12	148039	Dung sai kỹ thuật đo	2		
13	148081	Đồ án thiết kế ô tô	1		
14	148077	Cơ kỹ thuật	4		
15	148048	Thực tập Nguội	1		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			**21**		
16	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
17	102069	English 3	3	102056**	Môn cơ bản
18	148049	Anh văn chuyên ngành công nghệ ô tô	2		Môn cơ bản
19	148078	Kỹ thuật điện - điện tử	3		Môn cơ bản
20	116010	Nguyên lý - Chi tiết máy	4	116039**	
21	148065	Thực tập động cơ đốt trong	3	148003**	
22	148041	Lý thuyết Ô tô	3	116039** 116050**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
23	148012	Kinh tế học đại cương	2		
24	148013	Nhập môn quản trị chất lượng			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			**20**		
25	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
26	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
27	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
28	102070	English 4	3	116057**	Môn cơ bản
29	102003	Giáo dục thể chất 2	0		Môn cơ bản
30	148024	Thiết kế ô tô	3	116010** 148041**	
31	148020	Hệ thống điện – điện tử ô tô	4	148000** 148003**	
32	148070	Thực tập hệ thống truyền lực Ôtô	3	148024** 148041**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
33	148061	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	116010** 148007** 148002**	
34	148062	Máy thủy lực và khí nén			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			**22**		
35	102004	Giáo dục thể chất 3	0		Môn cơ bản
36	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
37	148071	Vi điều khiển ứng dụng	2	148000**	
38	148025	Hệ thống điều khiển tự động trên ô tô	3	148000** 148019**	
39	148072	Lập trình Matlab	2		
40	148080	Công nghệ kỹ thuật xe điện và xe lai	3		
41	148073	Thực tập hệ thống điện – điện tử ôtô	3	148000** 148003** 148020**	
42	148074	Thực tập hệ thống điều khiển và chuyển động ô tô	2	148024** 148041**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
43	148055	Trình bày các văn bản và văn bản KHKT	2		
44	148023	Nhập môn Xã hội học			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			**19**		
45	102071	English 5	3	102059**	Môn cơ bản
46	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
47	148067	Thực tập Vi điều khiển ứng dụng	2	148071**	

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
48	148031	Hệ thống an toàn và tiện nghi trên ô tô	2	148000** 148019**	
49	148051	Tính toán Động cơ đốt trong	3	116010** 116039** 148003**	
50	148030	Dao động và tiếng ồn ô tô	2	116039**	
51	148068	Thực tập hệ thống điều khiển động cơ	3	148025**	
52	116063	Học kỳ thực tập 1	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
53	148056	Ứng dụng máy tính trong thiết kế và mô phỏng ô tô	2	148015** 148023**	
54	148057	Ứng dụng máy tính trong thiết kế và mô phỏng động cơ		148003**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			**21**		
55	102072	English 6	3	116039**	Môn cơ bản
56	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
57	148076	Quản lý dịch vụ ô tô	3		
58	148079	Đồ án chuyên ngành công nghệ ô tô	2		
59	148075	Thực tập hệ thống điện thân xe	3	148031** 148025**	
60	148047	Thực tập lập trình điều khiển ô tô	2	148031** 148025**	
61	148058	Thực tập Chẩn đoán trên ô tô	2	148040** 148045** 148031** 148044**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
62	148063	Công nghệ chẩn đoán và sửa chữa ô tô	2	148036**	
63	148064	Năng lượng mới trên ô tô			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			**19**		
64	66666	Tốt nghiệp	10		
65	116067	Học kỳ thực tập 2	2	116055**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			**12**		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			**154**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CƠ ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2022 -2026
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
2	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
3	115069	Nhập môn tự động hóa	3		
4	115060	Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	3		
5	114008	Thực tập Điện cơ bản	1		
6	115061	Thực tập Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	2		
7	102055	English 1	2		Môn cơ bản
8	114051	Điện tử cơ bản	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			**20**		
9	102018	Toán A2	4	102016*	Môn cơ bản
10	102067	Vật lý đại cương	2		Môn cơ bản
11	102068	English 2	3	102056*	Môn cơ bản
12	116069	Kỹ thuật điện	3	113005*	
13	116009	Công nghệ khí nén - thủy lực	3		
14	115080	Thực tập lắp tủ điện	2		
15	115054	Điều khiển hệ thống servo	3		
16	115052	Đồ án Tự động 1	1	114025*	
17	115063	Cơ lý thuyết	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			**24**		
18	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
19	115026	Kỹ thuật lập trình PLC	3		
20	115076	Hệ thống điều khiển tự động	3		
21	115066	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC 2	2		
22	115078	CAD trong kỹ thuật điện	2	114025*	

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
23	114050	Kỹ thuật số	3		
24	102069	English 3	3	102057*	
25	115028	Anh văn chuyên ngành Tự động	3		
26	116010	Nguyên lý - Chi tiết máy	4	115030*	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			**23**		
27	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
28	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
29	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
30	102070	English 4	3	102057*	Môn cơ bản
31	102003	Giáo dục thể chất 2	0		Môn cơ bản
32	115062	Lập trình kỹ thuật	3		
33	115032	Kỹ thuật lập trình PLC nâng cao	3	115026*	
34	115050	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC nâng cao	1	115034*	
35	115053	Đồ án Tự động 2	1	115024*	
	Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
36	115075	Sơ đồ đường ống FPD và PI&D	3	116010*	
37	116051	CAD trong kỹ thuật			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			**21**		
38	102071	English 5	3		Môn cơ bản
39	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102060*	Môn cơ bản
40	115070	Motion Control	4	115004*	
41	102006	Pháp luật đại cương	2	115021*	
42	115064	Vi điều khiển	4	115032*	
43	115071	Điều khiển bằng máy tính	3		
44	115021	Thực tập Vi điều khiển	2	115056*	
	Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
45	116037	Robot công nghiệp	3		
46	115040	Hệ thống SCADA ứng dụng			

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			**21**		
47	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
48	102072	English 6	3	115036*	
49	115059	Vi điều khiển nâng cao	2	115033*	
50	115014	Thực tập Vi điều khiển nâng cao	1	115036*	
51	115036	Mạng truyền dữ liệu số	2	115033*	
52	115038	Đồ án công nghệ Tự động	1		
53	116055	Học kỳ Thực tập 1	2	115053*	
	Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
54	115057	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống tự động	3	115033*	
55	115067	Module sản xuất linh hoạt (FMS)			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			**16**		
56	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
57	115074	Cơ sở dữ liệu và lập trình quản lý cơ sở dữ liệu	4		
58	115072	Kỹ thuật lập dự án	3		
59	115073	Lập trình Web ứng dụng trong IOT	3		
60	116049	Bảo trì công nghiệp	2		
	Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
61	115068	Kaizen-TPM	3		
62	115077	Hệ thống cơ điện M&E			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			**17**		
63	116067	Học kỳ thực tập 2	2		
64	66666	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			**12**		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			**154**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

KHOA KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2022

CHUYÊN NGÀNH: XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102015	Toán A1	3		Môn cơ bản
3	102055	English 1	2		Môn cơ bản
4	124057	Kỹ thuật xây, tô	4		
5	124058	Trắc địa	3		
6	124059	Địa chất công trình	3		
7	124060	Cơ học cơ sở	4		
Tổng học kỳ 1			**19**		
8	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
9	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
10	124061	Cơ học đất	3		
11	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
12	124062	Thực tập Trắc địa	3	124058**	
13	124063	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	3		
14	124064	Sức bền vật liệu 1	4	124060**	
15	124065	Vật liệu xây dựng	3		
Tổng học kỳ 2			**21**		
16	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
17	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
18	124007	Thực tập Địa chất công trình	1	124059**	
19	124066	AutoCAD	3		
20	124067	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	2	124065**	
21	124068	Kết cấu bê tông cốt thép 1	4		
22	124069	Sức bền vật liệu 2	3	124006**	
23	124070	Nền & Móng 1	4		
Tổng học kỳ 3			**19**		
24	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
25	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
26	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
27	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
28	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
29	124071	Kết cấu bê tông cốt thép 2	3	124068**	
30	124072	Cơ học kết cấu	3	124069**	
Môn tự chọn 4.1 (chọn 1 trong 2 môn)					
31	124073	Nền & Móng 2	3	124070**	
	124074	Các giải pháp nền móng hợp lý			
Môn tự chọn 4.2 (chọn 1 trong 2 môn)					
32	124015	Thực tập kỹ thuật 1	1		
	124016	Thực tập nhận thức ngành			
Tổng học kỳ 4			**21**		
33	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
34	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
35	124075	Kết cấu thép 1	3		
36	124078	Kiến trúc 1	3		
37	124079	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	2	124071**	
38	124080	Đồ án Nền & Móng	2	124073**	
39	124076	Kết cấu bê tông cốt thép 3	4		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
40	124081	Tin học xây dựng 1	3		
	124082	Đàn hồi ứng dụng và phần tử hữu hạn			
Tổng cộng học kỳ 5			**21**		
41	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
42	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
43	123035	Mố trụ cầu	3		
44	123036	Thiết kế đường ô tô	4		
45	124029	Thực tập Kỹ thuật 2	1		
46	124085	Kỹ thuật thi công - Máy xây dựng	3		
47	124086	Ứng dụng BIM trong xây dựng	4		
48	124088	Đồ án Thép	2	124075**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
49	124017	Thí nghiệp Cơ học đất	1		
	124018	Thí nghiệm Sức bền vật liệu			
Tổng cộng học kỳ 6			**22**		
50	124091	Ngoại ngữ chuyên ngành	3		
51	123037	Xây dựng cầu & an toàn lao động	3	123035**	

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
52	123038	Thiết kế cầu	4		
53	123039	Đồ án thiết kế đường ô tô	2	123036**	
54	123040	Đồ án thiết kế cầu	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
55	123041	Xây dựng đường ô tô	3		
	123042	Đường trên nền đất yếu			
Tổng cộng học kỳ 7			**17**		
56	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 8			**10**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

KHOA KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2022

CHUYÊN NGÀNH: XÂY DỰNG DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102015	Toán A1	3		Môn cơ bản
3	102055	English 1	2		Môn cơ bản
4	124057	Kỹ thuật xây, tô	4		
5	124058	Trắc địa	3		
6	124059	Địa chất công trình	3		
7	124060	Cơ học cơ sở	4		
Tổng học kỳ 1			**19**		
8	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
9	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
10	124061	Cơ học đất	3		
11	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
12	124062	Thực tập Trắc địa	3	124058**	
13	124063	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	3		
14	124064	Sức bền vật liệu 1	4	124060**	
15	124065	Vật liệu xây dựng	3		
Tổng học kỳ 2			**21**		
16	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
17	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
18	124007	Thực tập Địa chất công trình	1	124059**	
19	124066	AutoCAD	3		
20	124067	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	2	124065**	
21	124068	Kết cấu bê tông cốt thép 1	4		
22	124069	Sức bền vật liệu 2	3	124006**	
23	124070	Nền & Móng 1	4		
Tổng học kỳ 3			**21**		
24	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
25	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
26	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
27	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
28	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
29	124071	Kết cấu bê tông cốt thép 2	3	124068**	
30	124072	Cơ học kết cấu	3	124069**	
Môn tự chọn 4.1 (chọn 1 trong 2 môn)					
31	124073	Nền & Móng 2	3	124070**	
	124074	Các giải pháp nền móng hợp lý			
Môn tự chọn 4.2 (chọn 1 trong 2 môn)					
32	124015	Thực tập kỹ thuật 1	1		
	124016	Thực tập nhận thức ngành			
Tổng học kỳ 4			**21**		
33	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
34	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
35	124075	Kết cấu thép 1	3		
36	124078	Kiến trúc 1	3		
37	124079	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	2	124071**	
38	124080	Đồ án Nền & Móng	2	124073**	
39	124076	Kết cấu bê tông cốt thép 3	4		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
40	124081	Tin học xây dựng 1	3		
	124082	Đàn hồi ứng dụng và phần tử hữu hạn			
Tổng cộng học kỳ 5			**21**		
41	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
42	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
43	124083	Kết cấu thép 2	3	124075**	
44	124084	Đồ án Kiến trúc	2		
45	124029	Thực tập Kỹ thuật 2	1		
46	124085	Kỹ thuật thi công - Máy xây dựng	3		
47	124086	Ứng dụng BIM trong xây dựng	4		
48	124087	Kiến Trúc 2	3		
49	124088	Đồ án Thép	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
50	124017	Thí nghiệp Cơ học đất	1		
	124018	Thí nghiệm Sức bền vật liệu			
Tổng cộng học kỳ 6			**23**		

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
51	124089	Đồ án Thi công	1		
52	124090	Kỹ thuật Điện công trình	2		
53	124091	Ngoại ngữ chuyên ngành	3		
54	124092	Triển khai kết cấu công trình	4		
Môn tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)					
55	124093	Kinh tế xây dựng	3		
	124094	Quản lý Dự án xây dựng			
56	124095	Cấp thoát nước	3		
	124096	Dự toán xây dựng			
Tổng cộng học kỳ 7			**16**		
57	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 8			**10**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2022 - 2026
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102008	Vật lý đại cương	3		Môn cơ bản
3	102025	Toán Cao cấp 1	2		Môn cơ bản
4	102081	Ngoại ngữ 1	2		Môn cơ bản
5	120054	Hóa học đại cương	3		
6	117009	Thực tập cơ sở	1		
7	117043	Marketing cơ bản	2		
8	117010	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	1		
9	117001	Thí nghiệm hóa đại cương	1		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			**15**		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
11	102011	Thí nghiệm vật lý	1	102008**	Môn cơ bản
12	102014	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
13	102062	Toán Cao cấp 2	2	102025**	Môn cơ bản
14	102034	Xác suất thống kê	2		Môn cơ bản
15	102082	Ngoại ngữ 2	2	102081**	Môn cơ bản
16	117007	Hoá vô cơ	3	120054**	
17	117002	Hóa hữu cơ	3	120054**	
18	117057	Thí nghiệm hóa vô cơ	1	117007**	
STT	**Mã MH**	**Môn học**	**Số tín chỉ**	**Môn học trước**	**Ghi chú**
19	117055	Thí nghiệm hóa hữu cơ	1	117002**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			**18**		

20	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
21	102083	Ngoại ngữ 3	2	102082**	Môn cơ bản
22	120055	Vi sinh và phương pháp kiểm nghiệm vi sinh	3		
23	120056	Phương pháp phân tích thực phẩm	3	120054**, 117002**	
24	120057	Quá trình và thiết bị công nghệ 1	3		
25	120058	Hoá lý	3	120054**	
26	120024	Hoá sinh	3	120054**, 117002**	
27	117045	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
28	117056	Thí nghiệm hoá lý	1	120058**	
29	120003	Thí nghiệm hóa sinh	1	120024**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			**21**		
30	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
31	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
32	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
33	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
34	102084	Ngoại ngữ 4	2	102083**	Môn cơ bản
35	120059	Quá trình và thiết bị công nghệ 2	3	120057**	
36	120060	Công nghệ chế biến thực phẩm	3	120024**, 120055**	
37	120004	Thí nghiệm vi sinh	1	120055**	
38	120061	Thí nghiệm phân tích thực phẩm	1	120056**	
STT	**Mã MH**	**Môn học**	**Số tín chỉ**	**Môn học trước**	**Ghi chú**
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
39	117031	Hình họa kỹ thuật	2		

40	122016	An toàn lao động	2		
41	117069	Công nghệ sản xuất sạch hơn	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			**23**		
42	102085	Ngoại ngữ 5	2	102084**	Môn cơ bản
43	120062	Tính toán thiết kế thiết bị	3	120057**, 120059**	
44	117029	English academic writing	2		
45	117068	Quản lý chất lượng	2		
46	120013	Công nghệ lên men	2	120055**, 120060**	
47	117060	Thực tập kỹ thuật	1		
48	120063	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu thực nghiệm	3	102014**, 102034**	
49	120053	Thí nghiệm công nghệ lên men	1	120013**	
50	120064	Đồ án chuyên ngành 1	2	117045**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)					
51	120029	Thực phẩm chức năng	2	120024**	
52	122017	Con người và môi trường	2		
53	122060	Kỹ thuật xử lý nước cấp - nước thải	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			**20**		
54	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
55	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
STT	**Mã MH**	**Môn học**	**Số tín chỉ**	**Môn học trước**	**Ghi chú**
56	102086	Ngoại ngữ 6	2	102085**	Môn cơ bản
57	117030	English technical presentation	2	117029**	

58	117062	Thực tập quá trình và công nghệ	1		
59	120018	Công nghệ sau thu hoạch	2		
60	120020	Đánh giá và kiểm tra chất lượng thực phẩm	2		
61	120065	Đồ án chuyên ngành 2	2	117045**, 120064**	
62	120048	Thực hành đánh giá cảm quan	1	120020**	
Môn tự chọn (chọn 3 trong 4 môn)					
63	121044	Công nghệ hợp chất thiên nhiên	2	117002**	
64	120066	Phát triển sản phẩm	2		
65	120026	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	2		
66	120067	Quản trị kinh doanh cho kỹ sư	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			**22**		
Môn tự chọn 7.1 (chọn 6 trong 9 môn)					
67	120068	Công nghệ sản xuất dầu mỡ	3	120024**, 120060**	
68	120069	Công nghệ chế biến và bảo quản thịt, thủy sản	3	120024**, 120060**	
69	120070	Công nghệ chế biến sữa và sản xuất bánh kẹo	3	120024**, 120060**	
70	120071	Công nghệ chế biến trà, cà phê, rau quả	3	120024**, 120060**	
71	120072	Công nghệ sản xuất nước giải khát	3	120024**, 120060**	
72	120073	Phụ gia thực phẩm	3	120054**, 117002**	
73	120074	Luật thực phẩm	3		
74	120075	Văn hóa ẩm thực	3	120024**, 120058**	
STT	**Mã MH**	**Môn học**	**Số tín chỉ**	**Môn học trước**	**Ghi chú**
75	120076	Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm	3	120024**, 120058**	
Môn tự chọn 7.2 (chọn 3 trong 5 môn)					

76	120045	Thực hành sản xuất dầu mỡ	1	120068**	
77	120046	Thực hành chế biến thịt, thủy sản	1	120069**	
78	120047	Thực hành chế biến sữa và sản xuất bánh kẹo	1	120070**	
79	120049	Thực hành chế biến trà, cà phê, rau quả	1	120071**	
80	120077	Thực hành sản xuất nước giải khát	1	120072**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			**21**		
81	66666	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			**10**		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			**150**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2022

CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
		Giáo dục quốc phòng	4		
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102014	Tin học đại cương (Word, Excel, PowerPoint, Internet)	3		Môn cơ bản
3	102055	English 1	2		
4	102027	Toán cao cấp C	3		Môn cơ bản
5	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
6	129069	Kinh tế học	3		
Tổng cộng học kỳ 1			**13**		
7	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
8	102056	English 2	2	102055**	
9	102038	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	102027**	Môn cơ bản
10	100011	Luật kinh tế	2		
11	130062	Tài chính tiền tệ	4	102006**	
12	129001	Quản trị doanh nghiệp	2		
13	100002	Marketing căn bản	2		
14	100010	Thuế	2		
Tổng cộng học kỳ 2			**16**		
15	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
16	102057	English 3	2	102056**	
17	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
18	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
19	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
20	102007	Quy hoạch tuyến tính	3		Môn cơ bản
21	129002	Thanh toán quốc tế	2	130062**	
22	100005	Nguyên lý kế toán	3		
23	129070	Thống kê doanh nghiệp	2	102038**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn - 2 tín chỉ)					
24	130063	Thị trường tài chính	3		
25	130064	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	3		
Tổng cộng học kỳ 3			**22**		
26	102058	English 4	2	102057**	

27	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
28	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
29	129048	Kế toán tài chính 1	3	100005**	
30	130006	Tài chính doanh nghiệp 1	3	(130062, 129002)**	
31	129012	Thị trường chứng khoán	2	(100011; 129070)**	
32	130054	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
33	129010	Thiết lập & thẩm định dự án đầu tư	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
34	130050	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3	130062**	
35	130049	Toán tài chính	3		
Tổng cộng học kỳ 4			**21**		
36	102059	English 5	2	102058**	
37	130013	Tài chính doanh nghiệp 2	3	130006**	
38	130059	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	(100005; 129048)**	
39	129049	Kế toán tài chính 2	3		
40	130058	Kinh tế lượng	1	130054**	
41	130012	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	(100005; 130062)**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
42	130060	Thị trường bất động sản	3	130006**	
43	130028	Marketing ngân hàng	3	(130062; 100002)**	
44	130018	Kiểm toán	3	(100005; 129048)**	
Tổng cộng học kỳ 5			**18**		
45	102060	English 6	2	102059**	
46	130034	Anh văn chuyên ngành	3	(129062, 129002)**	
47	130045	Thực hành nghiệp vụ Tài chính NH	3	(130006, 130013)** 130012**	
48	130061	Tin học ứng dụng ngành tài chính	3	(130006, 130013)**	
49	130053	Kế toán ngân hàng	3	(100005, 130012)**	
50	130065	Quản trị ngân hàng thương mại	3	130012**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
51	130055	Tài chính quốc tế	3	129002**	
52	130056	Quản trị rủi ro tài chính	3	(130006, 130013)**	
53	129074	Kế toán tài chính 3	3	100005** (129048, 129049)**	
Tổng cộng học kỳ 6			**20**		
54	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 7			**10**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2022
CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN –KIỂM TOÁN

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
		Giáo dục quốc phòng	4		
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102014	Tin học đại cương (Word, Excel, PowerPoint, Internet)	3		Môn cơ bản
3	102055	English 1	2		
4	102027	Toán cao cấp C	3		Môn cơ bản
5	102006	Pháp luật đại cương	2	100000**	Môn cơ bản
6	129069	Kinh tế học	3		
Tổng cộng học kỳ 1			**13**		
7	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
8	102056	English 2	2	102027**	
9	102038	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	102055**	Môn cơ bản
10	100011	Luật kinh tế	2		
11	100008	Tài chính tiền tệ	3	102006**	
12	129001	Quản trị doanh nghiệp	2		
13	100002	Marketing căn bản	2		
14	100010	Thuế	2		
			15		
15	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
16	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
17	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
18	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
19	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
20	102007	Quy hoạch tuyến tính	3		Môn cơ bản
21	129002	Thanh toán quốc tế	2	100008**	
22	100005	Nguyên lý kế toán	3		
			21		
23	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
24	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
25	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
26	129048	Kế toán tài chính 1	3	100005**	

27	130006	Tài chính doanh nghiệp 1	3	(100008, 100005)**	
28	129012	Thị trường chứng khoán	2	(100011, 100007)**	
29	130054	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
30	129010	Thiết lập & thẩm định dự án đầu tư	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
31	129061	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	3		
32	129062	Đối chiếu kế toán quốc tế	3	100005**	
Tổng cộng học kỳ 4			**21**		
33	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
34	130013	Tài chính doanh nghiệp 2	3	130006**	
35	130018	Kiểm toán	3	(100005; 129048)**	
36	129073	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
37	129049	Kế toán tài chính 2	3	129048**	
38	130058	Kinh tế lượng	1	130054**	
39	129064	Tin học ứng dụng ngành kế toán 1	2	(100005; 129048)**	
40	129071	Thực hành chứng từ sổ sách	2	(100005; 129048)**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
41	129063	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	130006**	
42	130050	Nguyên lý thực hành bảo hiểm	3	100008**	
Tổng cộng học kỳ 5			**22**		
43	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
44	130034	Anh văn chuyên ngành	3	(129062, 129002)**	
45	129072	Thực hành khai báo thuế	1	(129071, 129049)**	
46	129051	Kế toán tài chính 3	2	100005** (129048, 129049)**	
47	129052	Kế toán quản trị	3	100005**	
48	129044	Kế toán chi phí	2	(100005, 129048)**	
49	129065	Tin học ứng dụng ngành kế toán 2	2	(100005, 129050)**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
50	130053	Kế toán ngân hàng	3	100005**	
51	130060	Thị trường bất động sản	3	130006**	
Tổng cộng học kỳ 6			**18**		
52	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 7			**10**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2022
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	125045	Kinh tế học	3		
3	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
4	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
5	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
6	100002	Marketing cơ bản	2		
7	100003	Quản trị học	3		
8	102027	Toán cao cấp C	3		Môn cơ bản
9	102055	English 1	2		Môn cơ bản
Tổng học kỳ 1			**20**		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
11	125065	Văn hóa doanh nghiệp	3		
12	102037	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	102027**	Môn cơ bản
13	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
14	125063	Tài chính tiền tệ	3	125045**	
15	125033	Nguyên lý kế toán	2		
16	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
17	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
Tổng học kỳ 2			**17**		
18	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
19	100007	Nguyên lý thống kê	2		
20	102007	Quy hoạch tuyến tính	3	102027**	Môn cơ bản
21	100010	Thuế	2		
22	125058	Khởi sự kinh doanh	2		
23	125053	Luật kinh tế	2		
24	125020	Quản trị marketing	2	100003**	
25	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
26	125026	Thanh toán quốc tế	2		
27	100004	Kinh tế quốc tế	2	125045**	
Tổng học kỳ 3			**17**		
28	125062	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	100007**	

29	125027	Thị trường chứng khoán	2		
30	125021	Quản trị nguồn nhân lực	2	125058**	
31	125004	Kế toán quản trị	2	125033**	
32	125010	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	2		
33	125015	Quản trị chất lượng	2	125020**	
34	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
35	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
36	125019	Quản trị kinh doanh quốc tế	2		
37	125005	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2		
Tổng học kỳ 4			**18**		
38	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
39	125048	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	125062**	
40	125029	Thương mại điện tử	2		
41	125052	Khởi nghiệp và ứng dụng	2	125021**	
42	125064	Quản trị chiến lược	3	125015**	
43	125024	Quản trị tài chính	2	125004**	
44	125059	Nghệ thuật lãnh đạo	2		
45	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
46	125055	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	2		
47	125046	Hành vi tổ chức	2	100003**	
Tổng học kỳ 5			**20**		
48	125056	Anh văn chuyên ngành quản trị	3		
49	125011	Phân tích hoạt động kinh doanh	2		
50	125018	Quản trị dự án	2	125052**	
51	125017	Quản trị chuỗi cung ứng	2		
52	125023	Quản trị sản xuất	2		
53	125057	Quản trị rủi ro	2		
54	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
55	128018	Luật lao động	2		
56	125068	Quản trị sự kiện	2		
Tổng học kỳ 6			**17**		
57	22222	Tốt nghiệp	10		
Tổng học kỳ 7			**10**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2022
CHUYÊN NGÀNH: LUẬT KINH TẾ

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	125070	Kinh tế học	2		
3	102063	Triết học Mác – Lênin	3		Môn cơ bản
4	102064	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		Môn cơ bản
5	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
6	128077	Tư duy pháp lý	2		
7	128047	Lý luận nhà nước và pháp luật	3		
8	128070	Phương pháp nghiên cứu luật học	2		
9	102055	English 1	2		Môn cơ bản
Tổng học kỳ 1			**18**		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
11	128080	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2		
12	128060	Luật hành chính và tố tụng hành chính	3		
13	128072	Luật dân sự 1	3		
14	128014	Luật hiến pháp	2		
15	128053	Công pháp quốc tế	2		
16	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
17	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
Tổng học kỳ 2			**17**		
18	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
19	128046	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3		
20	128073	Luật dân sự 2	3	128072**	
21	128015	Luật hình sự	2		
22	128045	Pháp luật thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ	3		
23	128076	Luật tố tụng hình sự	2		
24	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
25	128035	Các cơ quan và tổ chức Tư pháp	2		
26	128063	Tìm hiểu và định hướng nghề luật	2		
Tổng học kỳ 3			**17**		

27	128081	Luật ngân hàng	3		
28	128012	Luật đất đai	2		
29	128066	Luật tố tụng dân sự và thi hành án dân sự	3		
30	128058	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại	2		
31	128083	Luật tài chính	3		
32	128082	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2		
33	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
34	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
35	128055	Luật phòng chống tham nhũng	2		
36	128017	Luật kinh doanh bất động sản	2		
Tổng học kỳ 4			**21**		
37	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
38	128050	Luật lao động	3		
39	128021	Luật sở hữu trí tuệ	2		
40	128008	Luật cạnh tranh	2		
41	127010	Luật thương mại quốc tế	2		
42	128059	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2		
43	128009	Luật chứng khoán	2		
44	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
45	125052	Khởi nghiệp và ứng dụng	2		
46	128019	Luật môi trường	2		
Tổng học kỳ 5			**19**		
47	128078	Anh văn chuyên ngành luật	3		
48	128056	Luật trọng tài thương mại	2		
49	128028	Pháp luật về đầu tư	2		
50	128079	Pháp luật về thuế	3		
51	128033	Tư vấn pháp lý trong doanh nghiệp	2		
52	128032	Tư pháp quốc tế	2		
53	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
54	128030	Pháp luật về thương mại điện tử	2		
55	128061	Luật hôn nhân và gia đình	2		
Tổng học kỳ 6			**18**		
56	22222	Tốt nghiệp	10		
Tổng học kỳ 7			**10**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2022
NGÀNH: KINH TẾ - NGOẠI THƯƠNG

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	125045	Kinh tế học	3		
3	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
4	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
5	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
6	100002	Marketing cơ bản	2		
7	100003	Quản trị học	3		
8	102027	Toán cao cấp C	3		Môn cơ bản
9	102055	English 1	2		Môn cơ bản
Tổng học kỳ 1			**20**		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
11	102006	Pháp luật đại cương	2		
12	125033	Nguyên lý kế toán	2		
13	125034	Tài chính tiền tệ	2		
14	127025	Kinh tế quốc tế	3	125045**	
15	102037	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	102027**	Môn cơ bản
16	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
17	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
Tổng học kỳ 2			**16**		
18	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
19	128062	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	2		
20	125046	Hành vi tổ chức	2	100003**	
21	125048	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		
22	127027	Thanh toán quốc tế	3	127025**	
23	125024	Quản trị tài chính	2		
24	127030	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin			
25	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
26	125015	Quản trị chất lượng	2		
27	127019	Logistics	2		
Tổng học kỳ 3			**18**		
28	125054	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	3		
29	127023	Quản trị kinh doanh quốc tế	3		

30	125021	Quản trị nguồn nhân lực	2		
31	102007	Quy hoạch tuyến tính	3	102027**	Môn cơ bản
32	100010	Thuế	2		
33	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
34	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
35	127024	Thực tập nghề nghiệp ngoại thương	2		
36	125058	Khởi sự kinh doanh	2		
Tổng học kỳ 4			**19**		
37	127021	Anh văn chuyên ngành ngoại thương 1	3		
38	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
39	127018	Vận tải và giao nhận ngoại thương	2		
40	127010	Luật thương mại quốc tế	2		
41	125017	Quản trị chuỗi cung ứng	2		
42	125057	Quản trị rủi ro	2		
43	125029	Thương mại điện tử	2		
44	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
45	127005	Đầu tư quốc tế	2		
46	125027	Thị trường chứng khoán	2		
Tổng học kỳ 5			**19**		
47	127022	Anh văn chuyên ngành ngoại thương 2	3	127021**	
48	125011	Phân tích hoạt động kinh doanh	2		
49	125005	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2		
50	127028	Thực hành khai báo hải quan	3		
51	125052	Khởi nghiệp và ứng dụng	2		
52	125035	Marketing quốc tế	2	100002**	
53	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
54	125016	Quản trị chiến lược	2		
55	127029	Quản trị quan hệ khách hàng	2		
Tổng học kỳ 6			**18**		
56	22222	Tốt nghiệp	10		
Tổng học kỳ 7			**10**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2022
NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	125045	Kinh tế học	3		
3	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
4	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
5	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
6	100002	Marketing cơ bản	2		
7	126055	Tổng quan du lịch	3		
8	100003	Quản trị học	3		
9	102055	English 1	2		Môn cơ bản
Tổng học kỳ 1			**20**		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
11	126029	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		
12	125012	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
13	126033	Lễ hội - Phong tục - Tín ngưỡng VN	2		
14	126034	Marketing du lịch	2		
15	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
16	126030	Du lịch bền vững	2		Môn cơ bản
17	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
Tổng học kỳ 2			**15**		
18	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
19	126061	Nghi thức và lễ tân	2		
20	126043	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch	3		
21	126058	Địa lý du lịch	3		
22	125062	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2		
23	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)					
24	126046	Tiếng Hàn cho du lịch 1	2		
25	126050	Tiếng Nhật cho du lịch 1	2		
26	126037	Quản trị đa văn hóa	2		
27	126057	Văn hóa ẩm thực	2		
Tổng học kỳ 3			**16**		

28	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
29	126062	Thuyết minh tại điểm đến	2		
30	126038	Quản trị dự án du lịch	2		
31	126059	Kinh tế du lịch	3		
32	126012	Luật du lịch	2		
33	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
34	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)					
35	126047	Tiếng Hàn cho du lịch 2	2	126046**	
36	126051	Tiếng Nhật cho du lịch 2	2	126050**	
37	125021	Quản trị nguồn nhân lực	2		
38	125022	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	2		
Tổng học kỳ 4			**19**		
39	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
40	125052	Khởi nghiệp và ứng dụng	2		
41	126011	Lịch sử văn minh thế giới	2		
42	126039	Quản trị kinh doanh dịch vụ lưu trú	3		
43	126041	Quản trị kinh doanh lữ hành	3		
44	126015	Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn	2		
45	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)					
46	126048	Tiếng Hàn cho du lịch 3	2	126047**	
47	126052	Tiếng Nhật cho du lịch 3	2	126051**	
48	126032	Kỹ năng hoạt náo - sơ cứu	2		
49	126036	Quản trị bán hàng trong du lịch	2		
Tổng học kỳ 5			**20**		
50	126027	Anh văn chuyên ngành du lịch	2		
51	126035	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3		
52	126044	Thiết kế và điều hành tour	3		
53	126040	Quản trị kinh doanh dịch vụ nhà hàng	3		
54	126056	Tuyến điểm du lịch	3		
55	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)					
56	126049	Tiếng Hàn cho du lịch 4	2	126048**	
57	126053	Tiếng Nhật cho du lịch 4	2	126052**	
58	126042	Quản trị sự kiện và lễ hội	2		
59	126028	Bảo vệ môi trường du lịch	2		
Tổng học kỳ 6			**20**		
60	22222	Tốt nghiệp	10		
Tổng học kỳ 7			**10**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2022- 2026
CHUYÊN NGÀNH: TRUNG QUỐC HỌC

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn CB
2	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn CB
3	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn CB
4	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn CB
5	133119	Nói 1 - Tiếng Trung	2		
6	133004	Viết 1 - Tiếng Trung	3		
7	133066	Đọc 1 - Tiếng Trung	2		
8	133089	Chỉnh âm	2		
9	133120	Nghe 1 – tiếng Trung	2		
Tổng cộng học kỳ 1			**18**		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0		Môn CB
11	102014	Tin học đại cương (Word, Excel, PowerPoint, Internet)	3		Môn CB
12	133121	Nghe 2 - Tiếng Trung	3	133120**	
13	133122	Nói 2 - Tiếng Trung	3	133119**	
14	133008	Viết 2 - Tiếng Trung	3	133004**	
15	133071	Đọc 2 - Tiếng Trung	2	133066 **	
16	133123	Hán tự	2	(133004; 133089)**	
Tổng cộng học kỳ 2			**16**		
17	102004	Giáo dục thể chất 3	0		
18	133010	Nghe 3 - Tiếng Trung	2	133121**	
19	133114	Nói 3 - Tiếng Trung	2	133122**	
20	133012	Viết 3 - Tiếng Trung	3	133008**	
21	133072	Đọc 3 - Tiếng Trung	3	133071**	
22	133074	Ngữ pháp Hán ngữ hiện đại	2	(133008, 133071)**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
23	133124	Kỹ năng quản trị nhân sự	2		
24	133129	Nghiệp vụ sư phạm	2		
Tổng cộng học kỳ 3			**14**		
25	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn CB
26	133016	Nhân học - Văn hóa - Xã hội T/Quốc	2		
27	133025	Hán ngữ văn phòng	3	(133010, 133114)** (133012, 133072)**	
28	133018	Nghe 4 - Tiếng Trung	2	133010**	

29	133019	Nói 4 - Tiếng Trung	3	133114**	
30	133020	Viết 4 - Tiếng Trung	3	133012**	
31	133057	Đọc 4 - Tiếng Trung	3	133072**	
Tổng cộng học kỳ 4			**18**		
32	102013	Tiếng Việt	2		Môn CB
33	133115	Nhập môn Đất nước học TQ – Kinh tế - Lịch sử TQ	3		
34	133022	Nghe 5 - Tiếng Trung	2	133018**	
35	133023	Nói 5 - Tiếng Trung	3	133019**	
36	133024	Viết 5 - Tiếng Trung	3	133020**	
37	133058	Đọc 5 - Tiếng Trung	3	133057**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
38	133126	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao - NV lưu trú tiếng Trung	2	(133025,133115)**	
39	133116	Nghiệp vụ vi tính văn phòng tiếng Trung	2	102014**	
Tổng cộng học kỳ 5			**18**		
40	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn CB
41	133130	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	3		
42	133029	Nghe 6 - Tiếng Trung	2	133022 **	
43	133030	Nói 6 - Tiếng Trung	3	133023 **	
44	133031	Viết 6 - Tiếng Trung	3	133024 **	
45	133032	Đọc 6 - Tiếng Trung	3	133058 **	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
46	133131	Kỹ năng biên - phiên dịch thương mại	2	(133074,133022,133023, 133024,133058)**	
47	133076	Kỹ năng đàm phán - Tiếng Trung	2		
Tổng cộng học kỳ 6			**18**		
48	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	102033**	Môn CB
49	133117	Nghe 7 - Tiếng Trung	2	133029**	
50	133036	Nói 7 - Tiếng Trung	3	133030**	
51	133037	Viết 7 - Tiếng Trung	3	133031**	
52	133080	Đọc 7 - Tiếng Trung	2	133032**	
53	133127	Hoa văn ứng dụng	2	(133024,133058)**	
Môn tự chọn					
54	133061	Nghiệp vụ thư ký – tiếng Trung	2	(133074,133029,133030, 133031,133032)**	
55	133128	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2		
Tổng cộng học kỳ 7			**16**		
56	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 8			**10**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2022 - 2026
CHUYÊN NGÀNH: NHẬT BẢN HỌC

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn CB
2	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn CB
3	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn CB
4	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn CB
5	131003	Nghe 1 - Tiếng Nhật	2		
6	131006	Nói 1 - Tiếng Nhật	2		
7	131118	Đọc 1 - Tiếng Nhật	2		
8	131106	Ngữ pháp 1 - tiếng Nhật	3		
TỔNG CỘNG HK 1			**16**		
9	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn CB
10	102014	Tin học đại cương (Word, Excel, PowerPoint, Internet)	3		Môn CB
11	131085	Nghe 2 - Tiếng Nhật	2	131003**	
12	131086	Nói 2 - Tiếng Nhật	2	131006**	
13	131009	Đọc 2 - Tiếng Nhật	2	131118**	
14	131119	Ngữ pháp 2 - tiếng Nhật	3	131106**	
15	131120	Viết 1- Tiếng Nhật	2		
TỔNG CỘNG HK 2			**14**		
16	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn CB
17	134012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		
18	131094	Nghe 3 - Tiếng Nhật	2	131085**	
19	131107	Nói 3 - Tiếng Nhật	2	131086**	
20	131076	Đọc 3 - Tiếng Nhật	3	131009**	
21	131098	Ngữ pháp 3 - Tiếng Nhật	3	131119**	
22	131064	Viết 2 - Tiếng Nhật	2	131120**	
TỔNG CỘNG HK 3			**14**		
23	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn CB
24	102013	Tiếng Việt	2		
25	131020	Nghe 4 - Tiếng Nhật	2	131094**	
26	131088	Nói 4 - Tiếng Nhật	2	131107**	
27	131011	Viết 3 - Tiếng Nhật	2	131064**	
28	131121	Tiếng Nhật tổng hợp 1	3		
29	131122	Tiếng Anh giao tiếp 1	2		

TỔNG CỘNG HK 4			**15**		
30	131123	Đàm thoại 1 -Tiếng Nhật	3		
31	131059	Biên phiên dịch - Tiếng Nhật 1	2		
32	131124	Tiếng Nhật thương mại 1	2		
33	131019	Viết 4 - Tiếng Nhật	2	131011**	
34	131125	Tiếng Nhật tổng hợp 2	3	131121**	
35	131126	Tiếng Anh giao tiếp 2	2	131122**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
36	131055	Đất nước học Nhật Bản	2		
37	131087	Hệ thống chính trị Nhật Bản	2		
TỔNG CỘNG HK 5			**16**		
38	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn CB
39	131127	Đàm thoại 2 -Tiếng Nhật	3	131123**	
40	131063	Biên phiên dịch - Tiếng Nhật 2	2	131059**	
41	131058	Tiếng Nhật thương mại 2	2	131124**	
42	131028	Viết 5 - Tiếng Nhật	2	131019**	
43	131128	Tiếng Nhật tổng hợp 3	3	131125**	
44	131129	Tiếng Anh giao tiếp 3	2	131126**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
45	131117	Nghiệp vụ hành chính văn phòng và quản lý nhân sự	2		
46	131037	Văn học Nhật Bản	2		
TỔNG CỘNG HK 6			**18**		
47	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn CB
48	131130	Đàm thoại 3 -Tiếng Nhật	3	131127**	
49	131131	Biên phiên dịch - Tiếng Nhật 3	2	131063**	
50	131132	Tiếng Nhật thương mại 3	2	131058**	
51	131036	Viết 6 - Tiếng Nhật	2	131028**	
52	131134	Tiếng Anh giao tiếp 4	2	131129**	
53	131135	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	3		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
54	131135	Nghiệp vụ thư ký – tiếng Nhật	2		
55	131061	Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương	2		
TỔNG CỘNG HK 7			**18**		
56	66666	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HK 8			**10**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2022 - 2026
CHUYÊN NGÀNH: HÀN QUỐC HỌC

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn CB
2	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn CB
3	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn CB
4	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn CB
5	132134	Nghe nói 1 - tiếng Hàn	3		
6	132111	Ngữ pháp - Viết 1	3		
7	132096	Đọc 1 - Tiếng Hàn	2		
8	132082	Đất nước học Hàn Quốc	2		
Tổng cộng học kỳ 1			**17**		
9	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn CB
10	102014	Tin học đại cương (Word, Excel, PowerPoint, Internet)	3		Môn CB
11	132054	Nghe 2 - tiếng Hàn	2		
12	132112	Nói 2 - tiếng Hàn	2		
13	132113	Ngữ pháp - Viết 2	3	132111**	
14	132055	Đọc 2 - Tiếng Hàn	2		
15	132097	Âm Hán và tiếng Hàn	2		
Tổng cộng học kỳ 2			**14**		
16	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn CB
17	132114	Dẫn nhập tiếng Hàn	2		
18	132103	Nói 3 - tiếng Hàn	2		
19	132012	Nghe 3 - tiếng Hàn	2		
20	132115	Ngữ pháp -Viết 3	3	132113**	
21	132014	Đọc 3 - Tiếng Hàn	3		
22	132116	Ngôn ngữ học đối chiếu	2		
Tổng cộng học kỳ 3			**14**		
23	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn CB
24	132104	Nói 4 - tiếng Hàn	2		
25	132135	Nghe 4 - tiếng Hàn	2		
26	132117	Ngữ pháp - Viết 4	3	132115**	
27	132019	Đọc 4 - Tiếng Hàn	2		
28	132089	Nhân học - văn hóa - xã hội Hàn Quốc	3		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					

29	132121	Chuyên đề Topik II - Nghe	2		
30	132122	Tiếng Anh giao tiếp 1	2		
Tổng cộng học kỳ 4			**16**		
31	132118	Nói 5 - tiếng Hàn	2		
32	132024	Nghe 5 - tiếng Hàn	2		
33	132119	Ngữ pháp - Viết 5	3	132117**	
34	132025	Đọc 5 - Tiếng Hàn	2		
35	132120	Kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình tiếng Hàn	3		
36	132123	Tiếng Hàn sản xuất	3		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
37	132124	Tiếng Anh giao tiếp 2	2	132122**	
38	132125	Chuyên đề Topik II - Đọc	2		
Tổng cộng học kỳ 5			**17**		
39	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn CB
40	132126	Nói 6 - tiếng Hàn	2		
41	132027	Nghe 6 - tiếng Hàn	2		
42	132127	Ngữ pháp - Viết 6	3	132119**	
43	132029	Đọc 6 - Tiếng Hàn	2		
44	132049	Kỹ năng phiên dịch tiếng Hàn	3	(132114; 132116)**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
45	132128	Tiếng Anh giao tiếp 3	2	132124**	
46	132129	Chuyên đề Topik II - Viết	2	132119**	
Tổng cộng học kỳ 6			**16**		
47	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn CB
48	132130	Nói 7 - tiếng Hàn	2		
49	132035	Nghe 7 - tiếng Hàn	2		
50	132131	Ngữ pháp - Viết 7	3	132127**	
51	132037	Đọc 7 - Tiếng Hàn	2		
52	132132	Biên dịch tin tức, báo chí	3	(132114; 132116)**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
53	132133	Văn hoá doanh nghiệp Hàn Quốc	2	132089**	
54	132032	Tiếng Hàn thương mại	2		
Tổng cộng học kỳ 7			**16**		
55	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 8			**10**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA NGÔN NGỮ ANH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2022 - 2026
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1		Giáo dục quốc phòng			
2	102002	Giáo dục thể chất 1			Cơ bản
3	135117	English Study Skills	2		
4	135101	Listening 1	2		
5	135118	Speaking 1	2		
6	135103	Reading 1	2		
7	135114	Writing 1	2		
8	135115	Pronunciation 1	2		
9	135116	Grammar 1	2		
Tổng học kỳ 1			**14**		
10	102003	Giáo dục thể chất 2		102002**	Cơ bản
11	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Cơ bản
12	135201	Listening 2	2	135101**	
13	135202	Speaking 2	2	135118**	
14	135203	Reading 2	2	135103**	
15	135204	Writing 2	2	135114**	
16	135218	Pronunciation 2	2	135115**	
17	135217	Grammar 2	2	135116**	
Tổng học kỳ 2			**15**		
18	102004	Giáo dục thể chất 3		102003**	Cơ bản
19	102063	Triết học Mác Lênin	3		Cơ bản
20	102064	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2		
21	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
22	135312	Listening 3	2	135201**	
23	135313	Speaking 3	2	135202**	
24	135319	Reading 3	2	135203**	
25	135315	Writing 3	2	135204**	
26	135318	Morphology	2	(135116; 135117) **	
Tổng học kỳ 3			**17**		
27	102006	Pháp luật đại cương	2		Cơ bản
28	135411	Listening 4	2	135312**	

29	135412	Business Speaking 1	2	135313**	
30	135414	Business Reading 1	2	135319**	
31	135404	Writing 4	3	135315**	
32	135410	Syntax	2	(135318; 135217)**	
33	135802	English for Marketing	2		
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
34	**135418**	**Introduction to British Culture and Society**	**2**		
35	**135419**	**British Identity and Lifestyle**	**2**		
Tổng học kỳ 4			**17**		
36	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Cơ bản
37	135501	Listening 5	2	135411**	
38	135504	Business Speaking 2	2	135412**	
39	135508	Business Reading 2	2	135414**	
40	135507	Semantics	2	135410**	
41	135604	Business Writing 1	2	135404**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
42	**135509**	**Introduction to American Culture and Society**	**2**		
43	**135510**	**American Identity and Lifestyle**	**2**		
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
44	**135610**	**English for Foreign Trade**	**2**		
45	**135803**	**English for Business Management**	**2**		
Tổng học kỳ 5			**16**		
46	135611	Listening 6	2	135501**	
47	135612	Presentation Skills	2	135504**	
48	135601	Business Reading 3	2	135508**	
49	135602	Business Writing 2	3	135604**	
50	135608	Translation 1	3		
51	135609	Research Writing	2		
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
52	**135420**	**Ngoại ngữ 2- HP1**	**2**		Japanese 1 Chinese 1 Korean 1
53	**135623**	**Teaching Methodology 1**	**2**		
Tổng học kỳ 6			**16**		
54	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	102033**	Cơ bản
55	135817	Interpretation	3	135608**	
56	135702	Business Writing 3	2	135602**	

57	135708	Translation 2	2	135608**	
58	135709	Preparation for International Tests	2		
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
59	**135701**	**Office Skills**	**2**		
60	**135710**	**Communication Skills**	**2**		
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
61	**135511**	**Ngoại ngữ 2 - HP2**	**2**	135420**	Japanese 2 Chinese 2 Korean 2
62	**135737**	**Teaching Methodology 2**	**2**	135623**	
Tổng học kỳ 7			**15**		
63	99999	Tốt nghiệp	10		
Tổng học kỳ 8			**10**		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA DƯỢC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2022_CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH: DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC

Stt	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1		Giáo dục quốc phòng			
2	102002	Giáo dục thể chất 1	0		
3	102088	Tin học đại cương {Dược}	2		
4	102055	English 1	2		
5	136001	Thực hành dược khoa 1	1		
6	136109	Thực hành dược khoa 2	1		
7	136110	Thực hành dược khoa 3	1		
8	136106	Hóa vô cơ	2		
9	136107	Thực hành Hóa vô cơ	1	136106***	
10	102010	Vật lý đại cương	3		
	Tổng cộng học kỳ 1		**13**		
11	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	
12	102056	English 2	2	102055**	
13	136140	Hóa hữu cơ 1	2	136107**	
14	136167	Sinh học đại cương 1 {SHTB}	2		
15	102012	Thí nghiệm Vật lý đại cương	1	102010**	
16	136013	Giải phẫu	2		
17	102089	Xác suất thống kê Y dược	2		
18	136020	Ký sinh trùng	2		
19	136171	Pháp luật đại cương {Dược}	2		
	Tổng cộng học kỳ 2		**15**		
20	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	
21	102057	English 3	2	102056**	
22	136141	Hóa hữu cơ 2	3	136140**	
23	136008	Thực hành Hóa hữu cơ	1	136141***	
24	136011	Thực vật dược	3	136105**	
25	136012	Thực hành Thực vật dược	1	136011***	
26	136142	Sinh lý	2	136013**	
27	136145	Thực hành Sinh lý	1	136142***	
28	136125	Sinh học đại cương 2 {SHPT}	2	136105**	

29	136126	Thực hành Sinh học đại cương 2	1	136125**	
	Tổng cộng học kỳ 3		**16**		
30	102063	Triết học Mác - Lênin	3		
31	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	102063***	
32	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	102064***	
33	102058	English 4	2	102057**	
34	136016	Hóa lý dược	2	136141**; 102010**	
35	136017	Thực hành Hóa lý dược	1	136001**; 136016***	
36	136018	Vi sinh	2		
37	136019	Thực hành Vi sinh	1	136018***	
38	136143	Sinh lý bệnh và miễn dịch	3	136142***	
39	136150	Dược liệu 1	2	136011**; 136109**	
	Tổng cộng học kỳ 4		**20**		
40	102059	English 5	2	102058**	
41	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	102065**	
42	136131	Hóa phân tích 1	2	136016**	
43	136132	Thực hành Hóa phân tích 1	1	136131***	
44	136144	Bệnh học	3	136143**	
45	136027	Hóa sinh	3	136141**	
46	136028	Thực hành Hóa sinh	1	136027***	
47	136151	Dược liệu 2	2	136150**	
48	136060	Thực hành Dược liệu	1	136151***	
49	136034	Hóa dược 1	2	136141**	
	Tổng cộng học kỳ 5		**19**		
50	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2	102033**	
51	102060	English 6	2	102059**	
52	136127	Hóa phân tích 2	2	136131**	
53	136128	Thực hành Hóa phân tích 2	1	136127***	
54	136038	Dược lý 1	2	136144**;136027**; 136018**; 136125**	
55	136041	Hóa dược 2	2	136141**	
56	136102	Thực hành Hóa dược	1	136008**; 136041***	
57	136040	Pháp chế dược	3	136171**	
58	136148	Bào chế và sinh dược học 1	2	136016**	
	Chọn 1 trong 2 môn				
59	136104	Độc chất học	2	136028**	

60	136165	Vaccin và sinh phẩm y tế	2		
	Tổng cộng học kỳ 6		**19**		
61	102061	English 7	2	102060**	
62	136149	Bào chế và sinh dược học 2	2	136148**	
63	136101	Thực hành Bào chế và sinh dược học	1	136017**; 136148**; 136149***	
64	136047	Dược lý 2	2	136038**	
65	136116	Thực hành Dược lý	1	136047***	
66	136044	Dược động học	2	136142**; 136016**	
67	136053	Kiểm nghiệm dược phẩm	2	136127**	
68	136054	Thực hành Kiểm nghiệm dược phẩm	1	136053***	
69	136169	Quản lý cung ứng thuốc	2	136040**	
	Chọn 1 trong 2 môn				
70	136103	Dược học cổ truyền	2	136151**	Chọn 1 trong 2 môn
71	136155	Dược liệu và chất chống oxy hóa có nguồn gốc tự nhiên	2	136151**	
	Tổng cộng học kỳ 7		**17**		
72	136052	Dược lâm sàng	2	136047**; 136041**	
73	136117	Thực hành Dược lâm sàng	1	136047**; 136041**; 136052***	
74	136168	Thực hành nhà thuốc	3	136050**; 136066**; 136061**	
75	136147	Kinh tế dược	2	136169**; 136047**;	
76	136139	Phương pháp NCKH	2		
77	136170	Sản xuất và đảm bảo chất lượng thuốc	3		
	Chọn 2 trong 4 môn				
78	136061	Dược xã hội học	2	136040**	Chọn 1 trong 2 môn
79	136156	Dân số học - Các chương trình y tế quốc gia	2		
80	136166	Mỹ phẩm và Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	2	136149**	Chọn 1 trong 2 môn
81	136165	Vaccin và sinh phẩm y tế	2		
	Tổng cộng học kỳ 8		**17**		
HK9 - SINH VIÊN ĐĂNG KÝ CHỌN ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN NGÀNH					
ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ CUNG ỨNG THUỐC					
Hệ Bệnh viện					
82	136213	Anh văn chuyên ngành QLCU thuốc	3	102061**	

83	136122	Quản trị doanh nghiệp	3		
84	136228	Dược Lâm sàng nâng cao	2	136052**	
85	136229	TH Dược Lâm sàng nâng cao	1	136052**; 136228***	
86	136074	Vi tính dược chuyên ngành QLCU thuốc	1	102014**; 136147**	
87	136072	Thông tin thuốc & Dược cảnh giác	2	136044**; 136052	
88	136130	Sức khỏe cộng đồng	2	136052**; 136117**	
89	136225	Dược bệnh viện	2	136050**; 136052**	
90	136226	Thực hành Dược bệnh viện 1	1	136040**	
91	136227	Thực hành Dược bệnh viện 2	1	136052**	
	Chọn 1 trong 2 môn				
92	136154	Các bệnh thường gặp ở nhà thuốc	2	136052**	
93	136157	Điều trị không dùng thuốc	2	136052**	
	Tổng cộng học kỳ 9		**20**		
94	136237	Thực tập thực tế Dược Bệnh viện	4	136226**; 136227**	
95	55555	Khóa luận tốt nghiệp	10		Chọn làm KLTN hay học tổ hợp môn
96	136172	Chuyển đề tốt nghiệp	4		
97		Học phần tự chọn 1	2		
98		Học phần tự chọn 2	2		
99		Học phần tự chọn 3	2		
	Chọn các học phần đảm bảo tối thiểu đủ 6TC				
100	136124	Kỹ năng lãnh đạo tổ chức	2		
101	136123	Quản lý dự án	2		
102	136216	Các phương pháp quản lý chất lượng	2		
103	136236	Kinh tế Doanh nghiệp	3		
104	136080	Quảng cáo thương hiệu - Giới thiệu thuốc	2	136078**	
105	136078	Marketing dược phẩm	2		
106	136233	Logistics và chuỗi cung ứng	2		
107	136160	Sử dụng hợp lý kháng sinh	2	136052**	
108	136153	Dịch tễ dược học	2		
	Tổng cộng học kỳ 10		**14**		
	TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA HỆ BV		**170**		
	Hệ Phân phối				
113	136213	Anh văn chuyên ngành QLCU thuốc	3	102061**	
114	136122	Quản trị doanh nghiệp	3		

115	136228	Dược Lâm sàng nâng cao	2	136052**	
116	136229	TH Dược Lâm sàng nâng cao	1	136052**; 136228***	
117	136074	Vi tính dược chuyên ngành QLCU thuốc	1	102014**; 136147**	
118	136236	Kinh tế Doanh nghiệp	3		
119	136078	Marketing dược phẩm	2		
120	136080	Quảng cáo thương hiệu - Giới thiệu thuốc	2	136078***	
121	136233	Logistics và chuỗi cung ứng	2		
	Chọn 1 trong 2 môn				
122	136154	Các bệnh thường gặp ở nhà thuốc	2	136052**	
123	136157	Điều trị không dùng thuốc	2	136052**	
	Tổng cộng học kỳ 9		**21**		
124	136238	Thực tập thực tế Cung ứng và phân phối thuốc	4	136147**; 136236**; 136122**; 136078**; 136233**;136152**	
125	55555	Khóa luận tốt nghiệp	10		Chọn làm KLTN hay học tổ hợp môn
126	136172	Chuyển đề tốt nghiệp	4		
127		Học phần tự chọn 1	2		
128		Học phần tự chọn 2	2		
129		Học phần tự chọn 3	2		
	Chọn các học phần đảm bảo tối thiểu đủ 6 TC				
130	136124	Kỹ năng lãnh đạo tổ chức	2		
131	136123	Quản lý dự án	2		
132	136216	Các phương pháp quản lý chất lượng	2		
133	136072	Thông tin thuốc & Dược cảnh giác	2	136044**;136052**	
134	136225	Dược bệnh viện	2	136050**; 136052**	
135	136226	Thực hành Dược bệnh viện 1	1	136040**	
136	136227	Thực hành Dược bệnh viện 2	1	136052**	
137	136160	Sử dụng hợp lý kháng sinh	2	136052**	
138	136153	Dịch tễ dược học	2		
	Tổng cộng học kỳ 10		**14**		
	TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA HỆ PP		**171**		
ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN NGÀNH SẢN XUẤT – PHÁT TRIỂN THUỐC					
139	136311	Anh văn chuyên ngành SXPT thuốc	3	102061**	
140	136320	Bào chế chuyên ngành	2	136149**	

141	136094	Vi tính dược chuyên ngành SXPT thuốc	1	102014**; 136149**	
142	136315	Đảm bảo chất lượng thuốc trong sản xuất	2	136152**	
143	136322	Thực hành Đảm bảo chất lượng thuốc trong sản xuất	1	136315***	
144	136318	Phân tích dụng cụ	3	136053**	
145	136319	Thực hành Phân tích dụng cụ	1	136318***	
146	136317	Phát triển - Sản xuất thuốc	3	136320***	
147	136327	Thực hành Phát triển - Sản xuất thuốc	1	136317***	
	Chọn 1 trong 2 môn				
148	136325	Sinh dược học	2	136320***	
149	136326	Tối ưu hóa công thức và quy trình sản xuất	2		
	Tổng cộng học kỳ 9		**20**		
150	136328	Thực tập thực tế Sản xuất - Phát triển thuốc	4	136053**, 136135**; 136321**	
151	55555	Khóa luận tốt nghiệp	10		Chọn làm KLTN hay học tổ hợp môn
152	136172	Chuyển đề tốt nghiệp	4		
153		Học phần tự chọn 1	2		
154		Học phần tự chọn 2	2		
155		Học phần tự chọn 3	2		
	Chọn các học phần đảm bảo tối thiểu đủ 6TC				
156	136123	Quản lý dự án	2		
157	136216	Các phương pháp quản lý chất lượng	2		
158	136080	Quảng cáo thương hiệu - Giới thiệu thuốc	2	136078**	
159	136078	Marketing dược phẩm	2		
160	136233	Logistics và chuỗi cung ứng	2		
161	136316	Các dạng bào chế đặc biệt	2	136320**	
162	136228	Dược Lâm sàng nâng cao	2	136052**	
163	136153	Dịch tễ dược học	2	136142**; 136018**; 136020**; 136047**	
164	136154	Các bệnh thường gặp ở nhà thuốc	2	136052**	
165	136122	Quản trị doanh nghiệp	3		
	Tổng cộng học kỳ 10		**14**		
	TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA		**169**		
ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN NGÀNH DƯỢC LÝ – DƯỢC LÂM SÀNG					

166	136510	Anh văn chuyên ngành Dược lâm sàng	3	102061**	
167	136500	Hóa sinh lâm sàng	3	136027**; 136044**	
168	136228	Dược Lâm sàng nâng cao	2	136052**	
169	136229	Thực hành Dược Lâm sàng nâng cao	1	136228***	
170	136501	Vi tính dược chuyên ngành DLDLS	1	102014**; 136052**	
171	136513	Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc	2	136047**	
172	136072	Thông tin thuốc và Dược cảnh giác	2	136052**; 136044**	
173	136503	Xét nghiệm lâm sàng	2	136144**; 136052**	
174	136502	Sử dụng thuốc trong điều trị	3	136047**	
	Chọn 1 trong 2 môn				
175	136504	Dược động học ứng dụng	2	136044**, 136052**	
176	136160	Sử dụng hợp lý kháng sinh	2		
	Tổng cộng học kỳ 9		**21**		
177	136514	Thực tập thực tế Dược lâm sàng	4	136504**, 136072**; 136229**	
178	55555	Khóa luận tốt nghiệp	10		Chọn làm KLTN hay học tổ hợp môn
179	136172	Chuyển đề tốt nghiệp	4		
180		Học phần tự chọn 1	2		
181		Học phần tự chọn 2	2		
182		Học phần tự chọn 3	2		
	Chọn các học phần đảm bảo tối thiểu đủ 6TC				
183	136505	Độc chất học lâm sàng	2	136052**	
184	136506	Phân tích và đánh giá Tương tác thuốc	2	136117**;136228**	
185	136507	Theo dõi nồng độ thuốc trong trị liệu (TDM)	3	136504**	
186	136508	Phản ứng có hại của thuốc và cơ chế tác động	2	136052**	
187	136225	Dược bệnh viện	2	136050**;136052**	
188	136226	Thực hành Dược bệnh viện 1	1	136040**	
189	136227	Thực hành Dược bệnh viện 2	1	136052**	
190	136153	Dịch tễ dược học	2		
191	136154	Các bệnh thường gặp ở nhà thuốc	2	136052**	
	Tổng cộng học kỳ 10		**14**		
	TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA		**171**		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 88/QĐ-ĐHLH	Đồng Nai, ngày 26 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đào tạo đại học, văn bằng 2, liên thông đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ khóa học 2022 – 2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-ĐHLH.K2 ngày 08/6/2021 của Hội nghị nhà đầu tư về việc công nhận chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học tư thục Lạc Hồng nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học, văn bằng 2 và liên thông đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ khóa học 2022 – 2027.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Lạc Hồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu: VT, P.ĐT, (009).	**HIỆU TRƯỞNG** *(đã ký)* **Lâm Thành Hiển**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Đào tạo đại học, văn bằng 2 và liên thông đại học
hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 88 /QĐ-ĐHLH
ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định chung về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, bao gồm: Chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với sinh viên.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học (bao gồm các hệ đào tạo như: đại học, văn bằng 2, liên thông từ trình độ trung cấp chuyên nghiệp lên trình độ đại học, liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học, liên thông từ trình độ cao đẳng nghề lên trình độ đại học) tại Trường Đại học Lạc Hồng khóa tuyển sinh năm 2021 thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đạo tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Chương trình đào tạo phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

4. Chương trình đào tạo cần cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá để định

hướng cho sinh viên, phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời đảm bảo đa số sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo;

5. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với mỗi hình thức đào tạo mà sinh viên đang theo học. Đối với sinh viên học văn bằng 2, liên thông đại học đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

Điều 3. Phương thức và hình thức đào tạo

1. Phương thức đào tạo:

Đào tạo theo tín chỉ áp dụng thống nhất cho tất cả các khoá và hình thức đào tạo. Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy chung của trường;

a) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

b) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

2. Hình thức đào tạo:

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại các cơ sở đào tạo của trường, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở đào tạo;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy:

- Buổi sáng: bắt đầu từ 7h30 đến 11h35;

- Buổi chiều: bắt đầu từ 12h50 đến 16h55;

- Buổi tối: bắt đầu từ 17h30 đến 20h40.

c) Đối với hệ đào tạo chính quy chỉ học vào buổi sáng và buổi chiều các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7.

Điều 4. Khối lượng học tập

1. Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và

dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết, 45 tiết thực hành, 30 tiết bài tập hoặc thảo luận. Trong đó, một giờ trên lớp được tính bằng 45 phút.

2. Khối lượng học tập tối thiểu của một chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Chương trình đào tạo đại học chuyên sâu đặc thù (trình độ kỹ sư, dược sĩ): 150 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh theo quy định hiện hành;

b) Chương trình đào tạo đại học (trình độ cử nhân): 120 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh theo quy định hiện hành;

c) Chương trình đào tạo đại học văn bằng 2, trung cấp liên thông thuộc cùng nhóm ngành: 60 tín chỉ (tương đương 4 học kỳ);

d) Chương trình đào tạo cao đẳng liên thông thuộc cùng nhóm ngành: 45 tín chỉ (tương đương 3 học kỳ).

Điều 5. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích luỹ trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Các loại học phần:

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích luỹ đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình;

c) Học phần thay thế, học phần tương đương:

Học phần tương đương được hiểu là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo (CTĐT) một khóa - ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong CTĐT của ngành đào tạo;

Khái niệm học phần thay thế được sử dụng khi một học phần có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy;

Các học phần hay nhóm học phần thay thế hoặc tương đương do Khoa quản lý chuyên môn đề xuất và là các phần bổ sung cho CTĐT trong quá trình vận hành. Học phần thay thế hoặc tương đương được áp dụng cho tất cả các Khoa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa ngành;

d) Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học và hoàn tất học phần A;

đ) Học phần A là học phần trước của học phần B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học và được xác nhận học xong học phần A (có thể chưa đạt). Sinh viên được phép đăng ký học học phần B vào học kỳ tiếp sau học kỳ đã học học phần A;

e) Học phần A là học phần song hành của học phần B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học học phần A. Sinh viên được phép đăng ký học học phần B vào cùng học kỳ đã đăng ký học học phần A hoặc vào học kỳ tiếp sau.

Chương II

LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

Điều 6. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Một năm có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3-4 tuần thi. Ngoài các học kỳ chính, nhà trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ.

2. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả chương trình đào tạo, được công bố kịp thời tới các bên liên quan trước khi bắt đầu năm học.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khoá học, chương trình đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

4. Thời khoá biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoa, khoá học đúng chương trình đào tạo.

Thời khóa biểu của các lớp học phần bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Điều 7. Tổ chức đăng ký học tập

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, nhà trường hướng dẫn cho sinh viên đăng ký học tập trên hệ thống đăng ký học tập tại địa chỉ: https://dkmh.lhu.edu.vn

2. Sinh viên học theo tín chỉ phải đăng ký và xác nhận lớp học của các học phần dự

định sẽ học trong học kỳ trên hệ thống đăng ký học tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

3. Giới hạn khối lượng học tập của sinh viên trong mỗi học kỳ nằm trong khung như sau:

a) Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn;

b) Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

4. Rút bớt học phần đã đăng ký

a) Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ, thời hạn được phép rút bớt này theo quy định về học phí của Hiệu trưởng. Ngoài thời hạn trên, học phần vẫn được giữ nguyên như trên hệ thống đăng ký học, nếu sinh viên không theo học các học phần đã đăng ký và xác nhận trên hệ thống sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0 (không).

b) Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký

- Sinh viên phải đóng học phí đầy đủ theo thông báo của nhà trường.

- Sinh viên nộp đơn xin rút bớt học phần ở học kỳ hiện tại và đăng ký học bù ở kỳ tương lai tại Khoa (02 bản).

- Khoa kiểm tra, ký xác nhận và chuyển đơn về Phòng Đào tạo để ký duyệt.

- Khoa nhận lại đơn từ Phòng Đào tạo, sau đó Khoa lưu 01 bản để xử lý và chuyển sinh viên giữ 01 bản.

Khi đăng ký học bù học phần ở các học kỳ trước cho sinh viên: Khoa đăng ký cho sinh viên học bù theo hình thức học phần chưa học.

5. Đăng ký học lại

a) Sinh viên có học phần bắt buộc bị xếp loại không đạt được quy định tại điểm c khoản 5 Điều 11 phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi được xếp loại đạt quy định tại điểm a khoản 5 Điều 11.

b) Sinh viên có học phần tự chọn bị xếp loại không đạt được quy định tại điểm c khoản 5 Điều 11 phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

c) Sinh viên được quyền đăng ký học cải thiện một hay nhiều học phần ở các học kỳ tiếp theo. Điểm cuối cùng của học phần sẽ là điểm thi cải thiện của học phần đó.

6. Việc đăng ký hoặc rút bớt học phần phải đảm bảo giới hạn khối lượng học tập theo

khoản 3 của Điều này.

Điều 8. Tổ chức lớp học

1. Lớp học phần là lớp của các sinh viên cùng đăng ký một học phần, có cùng thời khóa biểu của môn học trong cùng một học kỳ. Mỗi lớp học phần được gán một mã số riêng. Số lượng sinh viên của một lớp học phần được giới hạn bởi sức chứa của phòng học, phòng thí nghiệm hoặc được sắp xếp theo các yêu cầu riêng đặc thù của môn học.

2. Số lượng sinh viên tối thiểu để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ tùy thuộc vào đặc thù của từng khoa, ngành.

Các học phần đồ án bao gồm cả luận văn tốt nghiệp được mở không hạn chế số lượng sinh viên đăng ký vào mỗi học kỳ chính. Các học phần thí nghiệm, thực tập được mở theo khả năng sắp xếp đảm nhận của đơn vị chuyên môn, phòng thí nghiệm.

3. Dạy và học trực tuyến:

a) Các lớp học theo phương thức trực tuyến phải được ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học phương thức trực tiếp;

- Đối với các học phần được tổ chức trên hệ thống đào tạo trực tuyến bao gồm hệ thống quản lý học tập (Learning Management System – LMS), hệ thống quản lý nội dung học tập (Learning Content Management System – LCMS), có đầy đủ học liệu và hệ thống mô phỏng thí nghiệm, thực hành, … theo yêu cầu của chương trình đào tạo; giám sát được quá trình tổ chức đào tạo, có hệ thống thi và kiểm tra đánh giá trực tuyến đảm bảo trung thực, khách quan theo yêu cầu chuẩn đầu ra của từng học phần; lưu được hồ sơ quản lý việc dạy và học, đánh giá kết quả học tập của từng giảng viên và sinh viên, … thì được công nhận kết quả học tập tích luỹ căn cứ vào kết quả đánh giá chất lượng người học.

- Đối với những học phần chỉ tổ chức đào tạo từ xa qua các công cụ dạy học trực tuyến theo thời gian thực (Real Time Conference – RTC) như Microsoft Teams, Zoom, Webex, Google Hangouts Meet, … thì việc tổ chức đánh giá kết thúc học phần chỉ được tiến hành khi đã thực hiện đầy đủ khối lượng học tập của học phần. Nếu chưa thực hiện được đầy đủ khối lượng học tập qua công cụ dạy học trực tuyến thì khi quay trở lại học tập trung, người học được tổ chức học bù những nội dung chưa triển khai qua các công cụ dạy học trực tuyến (thí nghiệm, thực hành, ... nếu có) để đánh giá học phần, công nhận kết quả học tập tích luỹ theo quy định, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo.

b) Chỉ tối đa 30% tổng khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

Điều 9. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để kết thúc

học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có điểm học phần dưới 4.0 theo thang điểm 10 (và F theo thang điểm chữ) ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi của các kỳ thi.

Điều 10. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Hiệu trưởng quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn theo quy định hiện hành của nhà trường về việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu và bài thi của người học.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về Phòng Đào tạo của trường, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi ở kỳ thi phụ được coi là điểm thi lần đầu (kỳ thi chính). Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 11. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

2. Điểm tổng hợp đánh giá học phần gọi là điểm học phần gồm 3 điểm thành phần.

a) Điểm quá trình: Chiếm tỷ lệ 30% (Điểm liệt là 0 điểm)

b) Điểm giữa kỳ: Chiếm tỷ lệ 30% (Điểm liệt là 0 điểm)

c) Điểm cuối kỳ: Chiếm tỷ lệ 40% (Điểm liệt là 0 điểm)

* Điểm học phần gồm 3 thành phần có trọng số (30% - 30% - 40%) sẽ được áp dụng cho các khoá từ 2020 trở về trước bắt đầu từ học kỳ 1 năm học 2021 – 2022.

Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, phương pháp đề kiểm tra, đánh giá và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi cuối kỳ.

3. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

4. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

5. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

STT	THANG ĐIỂM 10	THANG ĐIỂM CHỮ	THANG ĐIỂM 4
1	Từ 8.5 đến 10	A	4.0
2	Từ 8.0 đến 8.4	B+	3.5
3	Từ 7.0 đến 7.9	B	3.0
4	Từ 6.5 đến 6.9	C+	2.5
5	Từ 5.5 đến 6.4	C	2.0
6	Từ 5.0 đến 5.4	D+	1.5
7	Từ 4.0 đến 4.9	D	1.0

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5.0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4.0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

6. Học lại, thi lại và thi cải thiện điểm:

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Quy chế này, điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần;

b) Sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký thi để cải thiện điểm theo Quy định thi cải thiện điểm hiện hành của nhà trường.

Điều 12. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa

học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây. Được quy đổi sang điểm số tương ứng theo thang từ 0 tới 4.

THANG ĐIỂM CHỮ	THANG ĐIỂM 4
A	4.0
B+	3.5
B	3.0
C+	2.5
C	2.0
D+	1.5
D	1.0
F	0.0

3. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

a) Theo thang điểm 4:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

b) Theo thang điểm 10:

Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;

Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;

Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;

Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;

Dưới 4,0: Kém.

5. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

a) Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;

b) Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;

c) Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;

d) Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;

đ) Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$.

6. Nhà trường áp dụng thang điểm 10 để đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ, năm học. Các thang điểm quy đổi được sử dụng trong trường hợp công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của sinh viên từ cơ sở đào tạo khác.

Điều 13. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời gian tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên căn cứ vào Quy định xử lý học vụ hiện hành của nhà trường.

Điều 14. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Hội đồng chuyên môn của Khoa xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Hội đồng chuyên môn của Khoa xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;

b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;

3. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

Điều 15. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ loại trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp.

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khoá được quy định tại khoản 4 Điều 12 của Quy chế này. Trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng-an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích luỹ trong chương trình đào tạo.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 16. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ ở cơ sở đào tạo và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.

3. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

4. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

Điều 17. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển trường

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc một phân hiệu khác của Trường, hoặc từ phân hiệu về trụ sở chính khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo, của trụ sở chính (hoặc phân hiệu) trong cùng khóa tuyển sinh;

c) Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của hiệu trưởng.

2. Sinh viên được xem xét chuyển trường khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Được sự đồng ý của hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của cơ sở đào tạo nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

Điều 18. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo

Trên cơ sở đánh giá và công nhận lẫn nhau, sinh viên của trường có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác, nếu được hiệu trưởng của hai trường đồng ý với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác (nếu có) không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

Điều 19. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi điều kiện của nhà trường cho phép, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính

thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau và các điều kiện khác của cơ sở đào tạo:

a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích luỹ của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng kí muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

Điều 20. Học văn bằng 2, liên thông đại học

1. Người học phải có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không trong thời gian thi hành án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

2. Người đã có bằng tốt nghiệp đại học có nhu cầu học tập để được cấp bằng đại học thứ 2, đăng ký xét tuyển đào tạo theo hình thức chính quy đúng với quy định của Trường;

3. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Trường và quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Người học văn bằng 2, liên thông đại học thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

Điều 21. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung

học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ./.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Lâm Thành Hiển

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 406 /QĐ-ĐHLH	*Đồng Nai, ngày 28 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 1801/2014/QĐ-TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi hình thức của Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-ĐHLH.K2 ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hội nghị nhà đầu tư về việc công nhận chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học tư thục Lạc Hồng nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ vào văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 606/QĐ-ĐHLH ngày 03/9/2015 về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Lan

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. CTSV, (629).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy
Trường Đại học Lạc Hồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 406 /QĐ-ĐHLH
Ngày 28/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy (sau đây gọi chung là sinh viên) tại Trường Đại học Lạc Hồng, bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên tại Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại Quy chế này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của sinh viên.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

a) Ý thức tham gia học tập;
b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường;
c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;
đ) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

A) Đối với kỳ sinh viên không đi thực tập được đánh giá theo các tiêu chí sau:

Điều 4. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức và thái độ trong học tập;

b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;

c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;

d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;

đ) Kết quả học tập.

Trường hợp tại thời điểm đánh giá rèn luyện nhưng sinh viên chưa có điểm tổng kết của học kỳ thì có thể căn cứ kết quả học tập tại thời điểm đó để thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường

Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong nhà trường;

b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong nhà trường.

c) Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;

c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;

b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;

c) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường;

b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường;

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và nhà trường;

d) Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

B) Đối với kỳ sinh viên đi thực tập, lớp liên thông – văn bằng 2

Điều 9: Đánh giá kết quả học tập/Thực tập/NCKH

Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

Sinh viên xếp loại xuất sắc, giỏi, khá, trung bình khá, yếu, kém về học tập/kết quả thực tập. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 50 điểm.

Trường hợp tại thời điểm đánh giá rèn luyện nhưng sinh viên chưa có điểm tổng kết của học kỳ thì có thể căn cứ kết quả học tập tại thời điểm đó để thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện.

Điều 10: Đánh giá chấp hành pháp luật; nội quy, quy định nhà trường; nơi thực tập

Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

Sinh viên chấp hành tốt pháp luật; nội quy, quy định nhà trường, nơi thực tập. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 50 điểm.

Chương III
PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 11. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: Xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

a) Từ 90 đến 100 điểm: Loại xuất sắc;
b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: Loại tốt;
c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: Loại khá;
d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: Loại trung bình;

đ) Từ 35 đến dưới 50 điểm: Loại yếu;

e) Dưới 35 điểm: Loại kém.

Điều 12. Phân loại để đánh giá

1. Sinh viên vi phạm khi có quyết định kỷ luật với hình thức khiển trách ở học kỳ nào, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá trong học kỳ đó.

2. Sinh viên vi phạm khi có quyết định kỷ luật với hình thức cảnh cáo ở học kỳ nào, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình trong học kỳ đó.

3. Sinh viên vi phạm khi có quyết định kỷ luật với hình thức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Sinh viên vi phạm khi có quyết định kỷ luật với hình thức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Sinh viên bỏ đánh giá kết quả rèn luyện thì điểm rèn luyện là 0 điểm, xếp loại kém.

6. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

7. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

8. Sinh viên đồng thời học hai chuyên ngành sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại lớp và khoa quản lý chuyên ngành thứ nhất, lấy ý kiến nhận xét của lớp và khoa quản lý chuyên ngành thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chuyên ngành thứ nhất đã hoàn thành thì lớp và khoa quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

9. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học khi học tại cơ sở giáo dục đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

Điều 13. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

A) Đối với sinh viên thực hiện việc đánh giá theo kế hoạch của nhà trường, được đánh giá như sau:

1. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Công tác sinh viên tham mưu Hiệu trưởng triển khai cho các khoa tiến hành đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên học kỳ đó.

2. Sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do nhà trường quy định.

3. GVCN/CVHT chủ động họp lớp (cách thức họp lớp, tùy vào tình hình thực tế của lớp mình) để công bố công khai kết quả rèn luyện cho sinh viên. Trường hợp sinh viên phát hiện kết quả rèn luyện chưa chính xác, có thể kiến nghị với GVCN/CVHT để điều chỉnh.

4. GVCN/CVHT in bảng tổng hợp kết quả rèn luyện của lớp đã có sự thống nhất của sinh viên, sau đó gửi bảng tổng hợp kết quả rèn luyện của lớp về Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp Khoa.

5. Hội đồng cấp khoa họp xét, thống nhất, báo cáo Trưởng khoa thông qua và trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp trường).

6. Hội đồng cấp trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

7. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên phải được công bố công khai và thông báo cho sinh viên biết trước 20 ngày trước khi ban hành quyết định chính thức.

B) Đối với sinh viên không thực hiện việc đánh giá theo kế hoạch của nhà trường, được phân thành các đối tượng đánh giá sau:

1. Sinh viên không thực hiện việc đánh giá theo kế hoạch của nhà trường vì lý do chính đáng (nằm viện trong thời gian người học tự đánh giá).

a/ Điều kiện đánh giá kết quả rèn luyện bổ sung.

Sinh viên không tham gia đánh giá kết quả rèn luyện (do nằm viện trong thời gian đánh giá, đã được GVCN/CVHT ghi trong biên bản họp lớp đánh giá kết quả rèn luyện).

b/ Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện bổ sung.

- Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện bổ sung tối đa 20 ngày kể từ ngày sinh viên kết thúc thời gian đánh giá kết quả rèn luyện tại học kỳ đánh giá. Sau thời gian trên, sinh viên không được đánh giá bổ sung.

- Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp Khoa họp, tổng hợp hồ sơ và nộp về Phòng Công tác sinh viên – Thường trực Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp trường.

2. Sinh viên không thực hiện việc đánh giá theo kế hoạch của nhà trường (ngoài lý do nằm viện).

a/ Điều kiện đánh giá kết quả rèn luyện bổ sung.

Sinh viên không tham gia đánh giá kết quả rèn luyện (ngoài lý do nằm viện trong thời gian đánh giá, đã được GVCN/CVHT ghi trong biên bản họp lớp đánh giá kết quả rèn luyện).

b/ Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện bổ sung.

- Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện bổ sung tối đa 20 ngày kể từ ngày sinh viên kết thúc thời gian đánh giá kết quả rèn luyện tại học kỳ đánh giá. Sau thời gian trên, sinh viên không được đánh giá bổ sung.

- Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp Khoa họp, tổng hợp hồ sơ và nộp về Phòng Công tác sinh viên – Thường trực Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp trường.

c/ Kết quả điểm đánh giá rèn luyện.

Kết quả điểm đánh giá rèn luyện sinh viên sẽ không được vượt quá mức điểm trung bình.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 14. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên và chấm dứt hoạt động khi Hội đồng ban hành Quyết định công nhận kết quả của sinh viên chính thức.

2. Hội đồng cấp trường.

a) Thẩm quyền thành lập.

Hội đồng cấp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp trường.

b) Thành phần Hội đồng cấp trường bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.
- Thường trực Hội đồng: Lãnh đạo phòng Công tác sinh viên.
- Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, phòng (ban) có liên quan, đại diện Đoàn thanh niên, Hội sinh viên cấp trường.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường:

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.
- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

- Lưu trữ hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện người học cấp Trường để kiểm tra, chỉnh sửa hoặc bổ sung kết quả rèn luyện của sinh viên theo quy định của Nhà trường.

3. Hội đồng cấp khoa.

a) Thẩm quyền thành lập.

Hội đồng cấp khoa do Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp khoa.

b) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền.
- Các ủy viên: Quản sinh khoa, Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập, đại diện Liên chi Đoàn thanh niên, Chi hội hoặc Liên chi Hội sinh viên, Ban cán sự lớp.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp khoa:

- Xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.
- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của GVCN/CVHT của từng đơn vị lớp học, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp, đề nghị Hội đồng đánh giá Kết quả rèn luyện cấp Trường xem xét, đề nghị công nhận.

Điều 15. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung (dành cho các đối tượng sinh viên chính quy đang học toàn thời gian tại trường) và 2 nội dung (dành cho các lớp đi thực tập, liên thông, văn bằng 2) đánh giá chi tiết của trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

Điều 16. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú Khu nội trú và các ưu tiên khác tùy theo quy định của nhà trường.
2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của nhà trường, làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.
3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.
4. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 17. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại lên khoa, Phòng Công tác sinh viên hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, nhà trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Các trường hợp sinh viên nhận thấy kết quả rèn luyện không chính xác sẽ được khiếu nại trong thời gian tối đa 20 ngày kể từ ngày Nhà trường công bố kết quả. Sau thời gian trên, Nhà trường không giải quyết khiếu nại về kết quả rèn luyện đã công bố của sinh viên .

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Lãnh đạo các khoa

- Nghiên cứu kỹ quy chế này, xem xét thành lập Hội đồng cấp khoa để đánh giá kết quả rèn luyện từng học kỳ của sinh viên theo kế hoạch của nhà trường.
- Triển khai Quy chế này cho Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập để phổ biến đến các lớp cho sinh viên biết và có kế hoạch rèn luyện.

2. Phòng Công tác sinh viên

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Thông tin tư liệu và các đơn vị khác có liên quan trong việc triển khai thực hiện Quy chế này.
- Cơ quan thường trực, theo dõi việc thực hiện của các Khoa.
- Tham mưu thành lập Hội đồng cấp trường.
- Tổng hợp kết quả sau mỗi kỳ đánh giá, báo cáo cho Hiệu trưởng ra quyết định công nhận.
- Tham mưu để Hiệu trưởng (Phó Hiệu trưởng) báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN
(Kỳ sinh viên học tại trường)

Họ tên sinh viên: ……..... Mã số: ……..…… Lớp:……
Học kỳ: …… Năm học: ……

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	Điểm sinh viên tự đánh giá	Điểm Tập thể lớp đánh giá	Điểm Hội đồng Khoa đánh giá
I. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA HỌC TẬP	**0-20**			
1. Ý thức và thái độ trong học tập: đi học đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học.	3			
2. Có ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học: - Tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa do Khoa, Trường tổ chức hoặc các hoạt động nghiên cứu khoa học trong và ngoài trường (không tính bài tập, tiểu luận, đồ án môn học…): 2 điểm. - Nâng cao trình độ Ngoại ngữ - Tin học; tham gia các cuộc thi chuyên ngành (điểm tối đa của mục này không quá 2 điểm): ● Hoàn thành chứng chỉ Ngoại ngữ: 1 điểm, Tin học: 1 điểm. ● Tham gia các cuộc thi chuyên ngành đạt giải khuyến khích từ cấp Khoa trở lên: 2 điểm.	4			
3. Không vi phạm quy chế các kỳ thi, kiểm tra.	4			
4. Cố gắng vượt khó trong học tập: - Không thi lại môn nào: 2 điểm. - Sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ sau bằng hoặc cao hơn học kỳ trước: 2 điểm.	4			
5. Kết quả học tập: - Loại giỏi, xuất sắc: 5 điểm. - Loại khá: 3 điểm. - Loại trung bình, trung bình khá: 1 điểm. - Loại yếu, kém: 0 điểm.	0-5			
II. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ, QUY ĐỊNH TRONG NHÀ TRƯỜNG	**0-25**			
1. Thực hiện tốt quyền, nhiệm vụ và những điều sinh viên không được làm.	7			
2. Thực hiện tốt quy định thực hiện nếp sống văn hóa học đường.	7			
3. Thực hiện tốt các nội quy, quy định của các tổ chức đoàn thể.	6			

4. Tham gia tuyên truyền, đấu tranh, phê bình nhằm nâng cao ý thức của sinh viên trong việc chấp hành nội quy, quy chế của nhà trường.	5			
III. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, VĂN NGHỆ, THỂ THAO, PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI	**0-20**			
1. Tham gia các câu lạc bộ, đội nhóm học tập, kỹ năng, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao do Khoa, Trường tổ chức.	3			
2. Tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội.	4			
3. Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.	3			
4. Tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa khi được Khoa, Trường huy động.	10			
IV. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC CÔNG DÂN TRONG QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG	**0-25**			
1. Chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng.	5			
2. Tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng.	5			
3. Có tinh thần giúp đỡ bạn bè về học tập, rèn luyện (được tập thể lớp xác nhận).	5			
4. Cưu mang người khó khăn, tham gia ủng hộ người nghèo; hiến máu nhân đạo, nạn nhân chất độc da cam, đồng bào bị bão lũ, nhân dân vùng động đất, sóng thần…	5			
5. Quan hệ, đối xử đúng mực với bạn bè, thầy, cô giáo, cán bộ nhà trường.	5			
V. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ KHI THAM GIA CÔNG TÁC CÁN BỘ LỚP, CÁC ĐOÀN THỂ, TỔ CHỨC TRONG NHÀ TRƯỜNG HOẶC SINH VIÊN ĐẠT ĐƯỢC THÀNH TÍCH ĐẶC BIỆT TRONG HỌC TẬP, RÈN LUYỆN (SINH VIÊN CHỌN 1 TRONG 4 MỤC)	**0-10**			
1. Lớp trưởng, lớp phó; Bí thư, Phó Bí thư; Chi hội trưởng; Chi hội phó; ủy viên BCH chi đoàn, BCH chi hội hoàn thành tốt nhiệm vụ được tập thể lớp công nhận.	10			
2. Bí thư Đoàn TN khoa, Phó Bí thư Đoàn TN khoa, Ủy viên BCH Đoàn TN khoa; Chi hội trưởng Liên chi hội; Chi hội phó Liên chi hội; Ủy viên Liên chi hội hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đoàn TN khoa, Liên chi hội hoặc cấp trên công nhận.	10			
3. Ủy viên BCH Đoàn trường, Hội sinh viên trường; Đội trưởng các đội sinh viên tình nguyện, chủ nhiệm câu lạc bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được khoa hoặc cấp trên công nhận.	10			
4. Đạt thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện được nhà trường hoặc cấp trên tuyên dương, khen thưởng.	10			
TỔNG CỘNG	**100**			

Kết luận điểm rèn luyện:…….. Phân loại:……..

GVCN/CVHT	**BAN CÁN SỰ LỚP**	**SINH VIÊN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

KHOA…….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

(Sinh viên đi thực tập - liên thông – văn bằng 2)

Họ tên sinh viên: …….....Mã số sinh viên: ……

Lớp:…….Học kỳ: …… Năm học: …..……

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	Sinh viên tự đánh giá	GVCN/CVHT đánh giá	Điểm Hội đồng Khoa đánh giá
I. HỌC TẬP/THỰC TẬP/NCKH	**0-50 điểm**			
❖ Kết quả học tập/Thực tập/NCKH - Loại xuất sắc: 50 điểm - Loại giỏi: 40 điểm - Loại khá: 30 điểm - Loại trung bình khá: 20 điểm - Loại trung bình: 10 điểm - Loại yếu, kém: 0 điểm				
II. CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT; NỘI QUY, QUY ĐỊNH NHÀ TRƯỜNG; NƠI THỰC TẬP	**0-50 điểm**			
❖ Chấp hành tốt pháp luật; nội quy, quy định nhà trường; nơi thực tập, không vi phạm: 50 điểm. - Nếu sinh viên vi phạm bị xử lý với hình thức khiển trách không bị trừ quá 30 điểm. - Nếu sinh viên vi phạm bị xử lý với hình thức cảnh cáo không bị trừ quá 40 điểm. - Nếu sinh viên vi phạm bị xử lý với hình thức đình chỉ học tập: Không được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đình chỉ. - Nếu sinh viên vi phạm bị xử lý với hình thức buộc thôi học: Không được đánh giá kết quả rèn luyện.				
TỔNG CỘNG	**100 điểm**			

Kết luận điểm rèn luyện:…….. Phân loại:……..

GVCN/CVHT	BAN CÁN SỰ LỚP	SINH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 494/QĐ-ĐHLH	*Đồng Nai, ngày 29 tháng 6 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 1801/TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/5/2016. Các quy định trước đây trái với Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - BGH; - Lưu: VT, P. CTSV, (644).	**HIỆU TRƯỞNG** **(đã ký)** **Đỗ Hữu Tài**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 6 năm 2016

QUY CHẾ

Công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 494/QĐ-ĐHLH Ngày 29/6/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, bao gồm: nhiệm vụ và quyền của sinh viên; khen thưởng và kỷ luật sinh viên; nội dung công tác sinh viên; hệ thống tổ chức, quản lý công tác sinh viên và tổ chức thực hiện.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Sinh viên

1. Sinh viên được quy định tại quy chế này là sinh viên đang học chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Lạc Hồng.

2. Sinh viên là trung tâm của các hoạt động giáo dục và đào tạo tại trường, được bảo đảm điều kiện thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường.

Điều 3. Công tác sinh viên

1. Công tác sinh viên là một trong những công tác trọng tâm của nhà trường, bao gồm tổng thể các hoạt động giáo dục, tuyên truyền; quản lý; hỗ trợ và dịch vụ đối với sinh viên nhằm đảm bảo các mục tiêu của nhà trường.

2. Công tác sinh viên phải thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Công tác sinh viên phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch trong các vấn đề có liên quan đến sinh viên.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA SINH VIÊN

Điều 4. Nhiệm vụ của sinh viên

1. Chấp hành đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước,

điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của nhà trường.

2. Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của nhà trường; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.

3. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong nhà trường.

4. Giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường; góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của nhà trường.

5. Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của nhà trường.

6. Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.

7. Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của nhà trường.

8. Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

9. Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên, cán bộ, giảng viên; kịp thời báo cáo với khoa đang theo học, phòng chức năng, Ban Giám hiệu nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, giảng viên trong nhà trường.

10. Tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong nhà trường, gia đình và cộng đồng.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và của nhà trường.

Điều 5. Quyền của sinh viên

1. Được nhận vào học đúng ngành, nghề đã đăng ký dự tuyển nếu đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của nhà trường.

2. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng; được cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện theo quy định của nhà trường; được nhà trường phổ biến nội quy, quy chế về đào tạo, rèn luyện và các chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan đến sinh viên.

3. Được tạo điều kiện trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện, bao gồm:

a) Được sử dụng hệ thống thư viện, các trang thiết bị và phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao;

b) Được tham gia nghiên cứu khoa học, thi sinh viên giỏi, thi Olympic các môn học, thi

sáng tạo khoa học, kỹ thuật;

c) Được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo quy định hiện hành của Nhà nước;

d) Được đăng ký dự tuyển đi học, tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên ở nước ngoài; học chuyển tiếp ở các trình độ đào tạo cao hơn theo quy định hiện hành;

đ) Được tạo điều kiện tham gia hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam; tham gia các tổ chức tự quản của sinh viên, các hoạt động xã hội có liên quan ở trong và ngoài nhà trường theo quy định của pháp luật; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao lành mạnh, phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường;

e) Được sử dụng các dịch vụ công tác xã hội hiện có của nhà trường (bao gồm các dịch vụ về hướng nghiệp, tư vấn việc làm, tư vấn sức khỏe, tâm lý, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt,...);

f) Được nghỉ học tạm thời, tạm ngừng học, học theo tiến độ chậm, tiến độ nhanh, học cùng lúc hai chương trình, chuyển trường theo quy định của quy chế về đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ theo quy định.

4. Được hưởng các chế độ, chính sách, được xét nhận học bổng khuyến khích học tập, học bổng do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ theo quy định hiện hành; được miễn giảm phí khi sử dụng các dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo quy định của Nhà nước.

5. Được góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị các giải pháp góp phần xây dựng và phát triển nhà trường, được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên.

6. Được xét tiếp nhận vào Khu Nội trú và ưu tiên khi sắp xếp vào ở Khu Nội trú theo quy định.

7. Sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, bảng điểm học tập và rèn luyện, các giấy tờ liên quan khác và giải quyết các thủ tục hành chính khác.

Điều 6. Các hành vi sinh viên không được làm

Các hành vi sinh viên không được làm thực hiện theo quy định tại Điều 88 Luật Giáo dục được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005, Điều 61 Luật Giáo dục đại học được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2012 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Cụ thể:

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, cán bộ, nhân viên,

sinh viên và người khác.

2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh.

3. Hút thuốc, uống rượu, bia trong giờ học.

4. Tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh trật tự trong nhà trường hoặc nơi công cộng và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

5. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật.

Chương III

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT SINH VIÊN

Điều 7. Nội dung, hình thức khen thưởng

1. Khen thưởng thường xuyên, kịp thời đối với cá nhân và tập thể lớp sinh viên đạt thành tích xứng đáng để biểu dương, khen thưởng. Cụ thể:

a) Đoạt giải trong các cuộc thi Olympic các môn học, thi nghiên cứu khoa học, các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật, học thuật, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

b) Đóng góp có hiệu quả trong công tác Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, trong hoạt động thanh niên xung kích, sinh viên tình nguyện, giữ gìn an ninh trật tự, các hoạt động trong lớp, khoa, trong Khu Nội trú, hoạt động xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

c) Có thành tích trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự trong nhà trường, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, dũng cảm cứu người bị nạn, chống tiêu cực, tham nhũng;

d) Các thành tích đặc biệt khác.

Nội dung, hình thức và mức khen thưởng thường xuyên do Hiệu trưởng nhà trường quy định.

2. Thi đua, khen thưởng toàn diện, định kỳ đối với cá nhân và tập thể lớp sinh viên được tiến hành vào cuối năm học, khóa học. Cụ thể:

a) Đối với cá nhân:

- Danh hiệu cá nhân gồm 3 loại: Khá, Giỏi, Xuất sắc.
- Tiêu chuẩn xếp loại:

• Đạt danh hiệu sinh viên Khá: xếp loại học tập và rèn luyện từ khá trở lên;

• Đạt danh hiệu sinh viên Giỏi: xếp loại học tập từ giỏi trở lên và xếp loại rèn luyện từ tốt trở lên;

• Đạt danh hiệu sinh viên Xuất sắc: kết quả học tập đạt từ 3,6 (thang điểm 4) hoặc từ 9,0 (thang điểm 10) trở lên và xếp loại rèn luyện xuất sắc.

- Danh hiệu cá nhân được lưu vào hồ sơ quản lý sinh viên.
- Không xét khen thưởng đối với sinh viên bị kỷ luật hoặc có điểm kết thúc học phần

trong năm học đó dưới mức trung bình.

b) Đối với tập thể lớp sinh viên:

- Danh hiệu tập thể lớp sinh viên gồm 2 loại: Lớp sinh viên Tiên tiến và Lớp sinh viên Xuất sắc.

- Tiêu chuẩn xếp loại:

• Đạt danh hiệu Lớp sinh viên Tiên tiến nếu đạt các tiêu chuẩn:

+ Có từ 25% sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Khá trở lên.

+ Có cá nhân đạt danh hiệu sinh viên Giỏi trở lên.

+ Không có cá nhân xếp loại học tập kém hoặc rèn luyện kém, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

+ Tập thể đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện, tổ chức nhiều hoạt động thi đua và tích cực hưởng ứng phong trào thi đua trong nhà trường.

- Đạt danh hiệu Lớp sinh viên Xuất sắc: nếu đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu Lớp sinh viên Tiên tiến và có từ 10% sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Giỏi trở lên, có cá nhân đạt danh hiệu sinh viên Xuất sắc.

Điều 8. Trình tự, thủ tục xét khen thưởng

1. Vào đầu năm học, nhà trường, các khoa tổ chức cho sinh viên, các lớp sinh viên đăng ký danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể lớp sinh viên.

2. Thủ tục xét khen thưởng:

a) Căn cứ vào thành tích đạt được trong học tập và rèn luyện của sinh viên, các lớp sinh viên tiến hành lập danh sách kèm theo bản thành tích cá nhân và tập thể lớp, có xác nhận của Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập (GVCN/CVHT), đề nghị khoa xem xét;

b) Khoa tổ chức họp, xét và đề nghị Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên của nhà trường xét duyệt;

c) Căn cứ vào đề nghị của khoa, Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên của nhà trường tổ chức xét và đề nghị Hiệu trưởng công nhận danh hiệu đối với cá nhân và tập thể lớp sinh viên.

Điều 9. Hình thức kỷ luật và nội dung vi phạm

1. Những sinh viên có hành vi vi phạm thì tùy tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm có thể được nhắc nhở, phê bình hoặc phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: áp dụng đối với sinh viên có hành vi vi phạm lần đầu nhưng ở mức độ nhẹ;

b) Cảnh cáo: áp dụng đối với sinh viên đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng hành vi vi phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu

nhưng mức độ tương đối nghiêm trọng;

c) Đình chỉ học tập có thời hạn: áp dụng đối với những sinh viên đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi sinh viên không được làm; sinh viên vi phạm pháp luật bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian đình chỉ học tập có thời hạn bao gồm đình chỉ một học kỳ, đình chỉ một năm học, đình chỉ cấp bằng hoặc đình chỉ theo thời gian sinh viên bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo tùy theo mức độ vi phạm của sinh viên;

d) Buộc thôi học: áp dụng đối với sinh viên đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần đầu nhưng có tính chất và mức độ vi phạm đặc biệt nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến nhà trường và xã hội; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù giam.

2. Hình thức kỷ luật của sinh viên từ mức cảnh cáo trở lên được lưu vào hồ sơ quản lý sinh viên và thông báo cho gia đình sinh viên biết. Trường hợp sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập có thời hạn hoặc buộc thôi học, nhà trường gửi thông báo cho địa phương và gia đình sinh viên biết để phối hợp quản lý, giáo dục.

3. Nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật thực hiện theo quy định Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục và hồ sơ xét kỷ luật

1. Thủ tục xét kỷ luật:

a) Sinh viên có hành vi vi phạm phải làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật. Trong trường hợp sinh viên không chấp hành làm bản tự kiểm điểm thì Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên vẫn họp để xử lý trên cơ sở các chứng cứ thu thập được;

b) GVCN/CVHT chủ trì họp với tập thể lớp sinh viên, phân tích và đề nghị hình thức kỷ luật gửi khoa;

c) Khoa đề nghị hình thức kỷ luật gửi Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên của trường;

d) Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên của trường tổ chức họp để xét kỷ luật, thành phần bao gồm: các thành viên của Hội đồng, đại diện tập thể lớp sinh viên có sinh viên vi phạm và sinh viên có hành vi vi phạm. Sinh viên vi phạm kỷ luật đã được mời mà không đến dự (nếu không có lý do chính đáng), không có bản tự kiểm điểm thì Hội đồng vẫn tiến hành họp và xét thêm khuyết điểm thiếu ý thức tổ chức kỷ luật.

Hội đồng kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật, đề nghị Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định kỷ luật bằng văn bản.

2. Hồ sơ xử lý kỷ luật của sinh viên:

a) Bản tự kiểm điểm (nếu có);

b) Biên bản họp lớp của tập thể lớp sinh viên họp kiểm điểm sinh viên có hành vi vi

phạm;

c) Biên bản họp hội đồng của khoa;

d) Các tài liệu có liên quan.

Điều 11. Chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật

1. Đối với sinh viên bị kỷ luật khiển trách: sau 03 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu sinh viên không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của sinh viên kể từ ngày quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực.

2. Đối với sinh viên bị kỷ luật cảnh cáo: sau 06 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu sinh viên không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của sinh viên kể từ ngày quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực.

3. Đối với trường hợp đình chỉ học tập có thời hạn: khi hết thời hạn đình chỉ, sinh viên phải xuất trình chứng nhận của địa phương (cấp xã, phường, thị trấn) nơi cư trú về việc chấp hành tốt nghĩa vụ công dân tại địa phương; chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để nhà trường xem xét, tiếp nhận vào học tiếp nếu đủ điều kiện.

4. Cấp có thẩm quyền quyết định kỷ luật phải có điều khoản ghi rõ thời gian sinh viên bị thi hành kỷ luật, tính từ khi ban hành quyết định kỷ luật đến thời điểm hết thời hạn bị kỷ luật theo quy định.

Điều 12. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên của trường

1. Cơ cấu tổ chức Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên của trường bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

b) Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Công tác sinh viên.

c) Các ủy viên: Trưởng (Phó) các khoa, phòng có liên quan, Bí thư Đoàn Thanh niên, Chủ tịch Hội Sinh viên, cán bộ được phân công phụ trách công tác sinh viên.

Hội đồng có thể mời đại diện lớp sinh viên, GVCN/CVHT. Các thành phần này được tham gia phát biểu ý kiến, đề xuất mức khen thưởng hoặc kỷ luật nhưng không được quyền biểu quyết.

2. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập và quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên.

Điều 13. Quyền khiếu nại về khen thưởng, kỷ luật

Cá nhân và tập thể sinh viên nếu xét thấy các hình thức khen thưởng và kỷ luật không thỏa đáng có quyền khiếu nại lên các phòng chức năng hoặc Hiệu trưởng; nếu Hội đồng đã xem xét lại mà chưa thỏa đáng có thể khiếu nại lên cấp có thẩm quyền theo quy

định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương IV
NỘI DUNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Điều 14. Tổ chức các hoạt động giáo dục, tuyên truyền

1. Giáo dục tư tưởng chính trị

a) Giáo dục, tuyên truyền để sinh viên nắm vững và thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, hình thành bản lĩnh chính trị, yêu tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, cảnh giác và biết phê phán những luận điểm xuyên tạc, hành động chống phá Đảng và Nhà nước;

b) Phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên và các tổ chức chính trị - xã hội khác có liên quan trong các hoạt động rèn luyện của sinh viên. Tạo môi trường để sinh viên rèn luyện phấn đấu, được xét kết nạp vào Đảng.

2. Giáo dục đạo đức, lối sống

a) Giáo dục, tuyên truyền cho sinh viên những giá trị, truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, những chuẩn mực đạo đức chung của xã hội và đạo đức nghề nghiệp; biết phê phán những hành vi không phù hợp với chuẩn mực đạo đức;

b) Định hướng, giáo dục lối sống lành mạnh, văn minh, tiến bộ phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam; giáo dục ý thức trách nhiệm của cá nhân sinh viên đối với tập thể và cộng đồng.

3. Giáo dục, tuyên truyền phổ biến pháp luật

a) Giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật, thói quen sống và làm việc theo pháp luật;

b) Nội dung giáo dục pháp luật đối với sinh viên tập trung vào các quy chế, quy định về học tập và rèn luyện; pháp luật về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; đảm bảo trật tự an toàn giao thông và các Luật khác có liên quan.

4. Giáo dục kỹ năng: Kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm,...

5. Giáo dục thể chất

a) Giáo dục, hướng dẫn sinh viên về kỹ thuật, phương pháp luyện tập và tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động thể dục, thể thao theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho sinh viên về ăn uống đảm bảo dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, sinh hoạt điều độ, không lạm dụng rượu, bia, sử dụng chất kích thích, gây nghiện; kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch, bệnh, tai nạn thương tích,…;Tổ chức và triển khai hoạt động y tế học đường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Giáo dục thẩm mỹ

a) Giáo dục kiến thức, kỹ năng để sinh viên biết yêu và cảm thụ cái đẹp trong tự nhiên,

cuộc sống xã hội và trong nghệ thuật;

b) Hình thành năng lực phán đoán và đánh giá thẩm mỹ; hình thành thị hiếu, lý tưởng thẩm mỹ đúng đắn; hình thành năng lực sáng tạo nghệ thuật, lòng ham muốn và khả năng chuyển tải cái đẹp vào đời sống học tập, lao động và ứng xử. Có thái độ phê phán cái xấu, phản thẩm mỹ trong tâm hồn, trong hành vi ứng xử, hình dáng, trang phục,...

Điều 15. Công tác quản lý sinh viên

1. Công tác hành chính

a) Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, sắp xếp, bố trí sinh viên vào các lớp; chỉ định Ban cán sự lớp (lớp trưởng, lớp phó), làm thẻ sinh viên, thẻ thư viện; quản lý, tổ chức cấp phát văn bằng, chứng chỉ của sinh viên;

b) Thống kê, tổng hợp dữ liệu và quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan đến sinh viên; giải quyết các công việc hành chính có liên quan đến sinh viên.

2. Công tác khen thưởng và kỷ luật

a) Theo dõi, đánh giá ý thức học tập; tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên; phân loại, xếp loại sinh viên cuối mỗi học kỳ, năm học, khóa học theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Phát động, tổ chức các phong trào thi đua trong sinh viên; tổ chức đánh giá, bình bầu và khen thưởng cho tập thể, cá nhân sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện; tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo tài năng trẻ và các hoạt động khuyến khích học tập khác;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định về học tập và rèn luyện đối với sinh viên;

d) Tham mưu, theo dõi và tổng hợp việc xử lý kỷ luật sinh viên vi phạm theo quy định.

3. Công tác sinh viên nội trú, ngoại trú

Tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp công tác sinh viên nội trú, ngoại trú theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự trường học

a) Ban hành nội quy, quy định, xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong sinh viên. Phối hợp với công an địa phương thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự trường học;

b) Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đảm bảo an toàn cho các hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên. Theo dõi, nắm bắt diễn biến tư tưởng, hành vi của sinh viên để có sự định hướng, giáo dục; phối hợp ngăn chặn việc kích động, lôi kéo sinh viên tham gia các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, tham gia các tệ nạn xã hội, truyền đạo trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật; phối hợp xử lý các vụ việc về an ninh, trật tự trường

học và các vụ việc liên quan đến sinh viên ở trong và ngoài trường.

5. Thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên

Tuyên truyền, hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp và giải quyết các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến sinh viên theo quy định.

Điều 16. Hỗ trợ và dịch vụ sinh viên

1. Tư vấn học tập

Tư vấn, hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập phù hợp với mục tiêu và năng lực; cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên tiếp cận các nguồn lực (về học thuật, tài chính, kỹ thuật...) nhằm nâng cao khả năng, học tập hiệu quả.

2. Công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm

Tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp công tác tư vấn hướng nghiệp, việc làm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe

a) Tư vấn, hỗ trợ sinh viên khi gặp phải các vấn đề về tâm lý - xã hội; phối hợp tổ chức các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe để có sự hỗ trợ, can thiệp cần thiết khi sinh viên gặp phải các vấn đề ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần;

b) Tổ chức khám sức khỏe đầu vào và định kỳ cho sinh viên; tư vấn, tổ chức cho sinh viên thực hiện Luật bảo hiểm y tế; sơ, cấp cứu, khám chữa bệnh ban đầu cho sinh viên.

4. Hỗ trợ tài chính

Phối hợp với các tổ chức, công ty, cá nhân hảo tâm xây dựng, quản lý các quỹ học bổng; tổ chức trao học bổng tài trợ cho sinh viên xuất sắc, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

5. Hỗ trợ đặc biệt

Triển khai dịch vụ công tác xã hội trong trường học, tạo điều kiện giúp đỡ sinh viên khuyết tật, sinh viên diện chính sách, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

6. Tổ chức, quản lý các dịch vụ sinh viên

Tổ chức dịch vụ cho sinh viên như: internet, điện thoại, nhà ăn, căng tin, trông giữ xe, sân chơi, bãi tập, thiết chế văn hóa,...

Chương V

HỆ THỐNG TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Điều 17. Hệ thống tổ chức, quản lý công tác sinh viên

Hệ thống tổ chức, quản lý công tác sinh viên của nhà trường gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền, Phòng Công tác sinh viên, các đơn vị được giao

phụ trách công tác sinh viên, khoa, GVCN/CVHT và lớp sinh viên.

Điều 18. Hiệu trưởng nhà trường

1. Chỉ đạo, tổ chức quản lý các hoạt động của công tác sinh viên. Bố trí các nguồn lực nhằm đảm bảo thực hiện tốt các nội dung của công tác sinh viên.

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngành và địa phương trong công tác sinh viên; tạo điều kiện cho sinh viên thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ của mình.

3. Chỉ đạo tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên" đầu khóa theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hằng năm, tổ chức đối thoại với sinh viên để cung cấp thông tin cần thiết cho sinh viên, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và giải quyết kịp thời những thắc mắc, nhu cầu chính đáng của sinh viên.

4. Đảm bảo các điều kiện để phát huy hiệu quả vai trò của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Việt Nam trong công tác sinh viên; chú trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho sinh viên.

5. Quyết định sự tham gia của sinh viên mang tính chất đại diện cho trường khi có sự huy động của địa phương, các cấp, các ngành hoặc các tổ chức khác.

6. Trong một số trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng có quyết định phân công hoặc ủy quyền cho 01 Phó Hiệu trưởng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác sinh viên của trường.

Điều 19. Các đơn vị, cá nhân phụ trách công tác sinh viên

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của khoa và các đơn vị phụ trách các nội dung công tác sinh viên của nhà trường; giao cho Phòng Công tác sinh viên là đơn vị tham mưu cho Ban Giám hiệu nhà trường trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện công tác sinh viên trong nhà trường.

2. Khoa là đơn vị trực tiếp quản lý toàn diện sinh viên và triển khai thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên thông qua hệ thống GVCN/CVHT.

3. GVCN/CVHT là giảng viên được Hiệu trưởng nhà trường phân công kiêm nhiệm công tác chủ nhiệm/cố vấn học tập, hướng dẫn các hoạt động học tập và rèn luyện cho sinh viên, hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt nội quy, quy định và các quy chế đào tạo của nhà trường. Nhiệm vụ của GVCN/CVHT thực hiện theo Quyết định số 832/QĐ-ĐHLH ngày 21/9/2013 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về công tác GVCN/CVHT Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 20. Lớp sinh viên

1. Lớp sinh viên bao gồm những sinh viên cùng ngành, cùng khóa học. Lớp sinh viên được duy trì ổn định trong cả khóa học, là nơi để nhà trường tổ chức, quản lý về thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động đoàn thể, các hoạt động xã hội, thi đua,

khen thưởng, kỷ luật.

2. Ban cán sự lớp sinh viên gồm:

a) Lớp trưởng và các lớp phó do tập thể sinh viên trong lớp bầu, được Trưởng khoa công nhận. Nhiệm kỳ của ban cán sự lớp sinh viên theo năm học.

b) Nhiệm vụ của ban cán sự lớp sinh viên:

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động sinh hoạt, đời sống và các hoạt động xã hội theo kế hoạch của trường, khoa, phòng;
- Đôn đốc sinh viên trong lớp chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế về học tập, rèn luyện. Xây dựng nền nếp tự quản trong lớp;
- Tổ chức, động viên giúp đỡ những sinh viên gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Thay mặt cho sinh viên của lớp liên hệ với GVCN/CVHT và các giảng viên bộ môn; đề nghị các khoa, Phòng Công tác sinh viên và Ban Giám hiệu nhà trường giải quyết những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ và quyền của sinh viên trong lớp;
- Phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Việt Nam trong hoạt động của lớp;
- Báo cáo đầy đủ, chính xác tình hình học tập, rèn luyện theo học kỳ, năm học và những việc đột xuất của lớp cho GVCN/CVHT hoặc khoa đang theo học.

c) Quyền lợi của ban cán sự lớp sinh viên: Được ưu tiên cộng điểm rèn luyện và các chế độ khác theo quy định của trường.

Điều 21. Lớp học phần

1. Lớp học phần: bao gồm những sinh viên đăng ký cùng học một học phần. Lớp học phần được tổ chức theo thời gian học một học phần, là nơi để nhà trường theo dõi, quản lý về học tập và ý thức kỷ luật của sinh viên trong giờ học.

2. Ban cán sự lớp học phần gồm lớp trưởng và các lớp phó do khoa chỉ định. Nhiệm kỳ của ban cán sự lớp học phần theo thời gian học của học phần. Ban cán sự lớp học học phần có trách nhiệm báo cáo việc chấp hành nội quy, quy chế của sinh viên trong lớp với khoa. Ban cán sự lớp học phần được ưu tiên cộng điểm rèn luyện và các chế độ khác theo quy định của nhà trường.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị trong nhà trường

1. Lãnh đạo các khoa:

- Nghiên cứu kỹ Quy chế này, triển khai cho GVCN/CVHT để phổ biến đến các lớp sinh viên được biết.
- Chủ động phối hợp chặt chẽ với Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên, gia đình sinh viên

để tổ chức thực hiện tốt công tác sinh viên.

2. Phòng Công tác sinh viên:

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện Quy chế này.
- Cơ quan thường trực, theo dõi việc thực hiện công tác sinh viên của các đơn vị được Hiệu trưởng phân công.
- Tham mưu để Hiệu trưởng tổ chức tổng kết, đánh giá công tác sinh viên, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

3. Các đơn vị khác được phân công thực hiện công tác sinh viên

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong quản lý sinh viên.

4. Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá công tác sinh viên, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo vào cuối năm học; gửi báo cáo đột xuất về Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý trực tiếp về những vụ việc phức tạp, nghiêm trọng xảy ra có liên quan đến sinh viên.

Điều 23. Công tác kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật

1. Phòng Công tác sinh viên, các khoa, các đơn vị được phân công thực hiện công tác sinh viên báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khi hết thúc mỗi học kỳ, năm học hoặc khi có yêu cầu.

2. Các đơn vị, cá nhân trong nhà trường có thành tích trong công tác sinh viên được xét khen thưởng theo quy định.

3. Các cá nhân vi phạm quy định về công tác sinh viên tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định./.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đỗ Hữu Tài

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Phụ lục

KHUNG XỬ LÝ KỶ LUẬT SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

(Kèm theo Quyết định số 494/QĐ-ĐHLH ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

STT	**Nội dung vi phạm**	**Số lần vi phạm và hình thức xử lý** (Số lần tính trong cả khóa học)				**Ghi chú**
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
	2	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1	Đến muộn giờ học, giờ thực tập; nghỉ học không phép hoặc quá phép	Lần 2	Lần 3			Lần 1 nghỉ học từ 04 ngày trở lên gửi thư về gia đình. Số lần tính trong một học kỳ
2	Mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học, giờ thực tập và tự học.	Lần 1	Lần 2			Số lần tính trong một học kỳ
3	Vô lễ với giảng viên, cán bộ và nhân viên nhà trường.					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
4	Người mượn hay người cho mượn thẻ sinh viên hay các loại thẻ sử dụng trong phạm vi nhà trường					Tùy theo mức độ, xử lý từ nhắc nhở đến đình chỉ học tập 01 năm học
5	Không đeo thẻ sinh viên trong khuôn viên trường	Lần 2	Lần 3			Lần 1 nhắc nhở. Số lần tính trong một học kỳ
6	Mang mặc không đúng quy định của trường	Lần 2	Lần 3			Lần 1 nhắc nhở. Số lần tính trong một học kỳ
7	Sử dụng điện thoại trong giờ học	Lần 1	Lần 2			Số lần tính trong một học kỳ
8	Hút thuốc lá trong giờ học, phòng họp, phòng thí nghiệm, trong khuôn viên trường và nơi cấm hút thuốc theo quy định	Lần 3	Lần 4 trở lên			

9	Học thay hoặc nhờ người khác học thay					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
10	Đe dọa, hành hung giảng viên, cán bộ, nhân viên và sinh viên trong nhà trường		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
11	Thi, kiểm tra thay, hoặc nhờ thi, kiểm tra thay; làm thay, nhờ làm hoặc sao chép tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp			Lần 1	Lần 2	
12	Tổ chức học, thi, kiểm tra thay; tổ chức làm thay tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp				Lần 1	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
13	Mang tài liệu vào phòng thi, đưa đề thi ra ngoài nhờ làm thay, ném tài liệu vào phòng thi, vẽ bậy vào bài thi; bỏ thi không có lý do chính đáng và các hình thức gian lận khác trong học tập, thi, kiểm tra		Lần 1	Lần 2		Xử lý theo quy chế đào tạo
14	Sử dụng bằng cấp, chứng chỉ giả trong nhà trường			Lần 1	Lần 2	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
15	Vi phạm quy định về vệ sinh phòng học và các khu công cộng khác trong khuôn viên trường					Tùy theo mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và bồi thường thiệt hại theo quy định của nhà trường
16	Làm hư hỏng tài sản của trường					Tùy theo mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và phải bồi thường thiệt hại theo quy định của nhà trường
17	Ném pin, phấn và vật cứng,…vào nhà dân và sân trường					Tùy theo mức độ xử lý từ nhắc nhở đến cảnh cáo. Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
18	Uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
19	Đánh bạc dưới mọi hình thức	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật

20	Tàng trữ, lưu hành, truy cập, sử dụng sản phẩm văn hóa phẩm đồi trụy hoặc tham gia các hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động tôn giáo trái phép trong nhà trường	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
21	Buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, lôi kéo người khác sử dụng ma túy				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
22	Sử dụng ma túy					Xử lý theo quy định về xử lý sinh viên liên quan đến ma túy
23	Chứa chấp, môi giới mại dâm				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
24	Hoạt động mại dâm	Lần1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
25	Lấy cắp tài sản, chứa chấp, tiêu thụ tài sản do lấy cắp mà có		Lần1	Lần 2	Lần 3	Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
26	Chứa chấp buôn bán vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy và hàng cấm theo quy định của Nhà nước				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
27	Đưa phần tử xấu vào trong trường, Khu Nội trú gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trong nhà trường		Lần1	Lần 2	Lần 3	Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
28	Đánh nhau, tổ chức hoặc tham gia tổ chức đánh nhau		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
29	Kích động, lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích trái pháp luật			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
30	Tham gia biểu tình, tụ tập đông người, khiếu kiện trái quy định của pháp luật	Lần1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật

31	Đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, đồi trụy, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng internet					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
32	Vi phạm các quy định về an toàn giao thông, quy định nội trú, ngoại trú					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
33	Có hành động quấy rối, dâm ô, xâm phạm nhân phẩm, đời tư của người khác					Tùy theo mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
34	Các vi phạm khác					Tùy theo mức độ, nhà trường xem xét, nhắc nhở, phê bình, trừ điểm rèn luyện hoặc xử lý kỷ luật từ khiển trách đến buộc thôi học

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY TRÌNH
Giải quyết hồ sơ chính sách sinh viên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 406 /QĐ-ĐHLH ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

I. Mục đích

Đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, ưu đãi, miễn giảm học phí cho các đối tượng theo quy định.

Quy trình được áp dụng minh bạch, công khai, đơn giản hóa thủ tục tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên.

II. Quy định về thời gian, địa điểm và đối tượng làm hồ sơ chính sách

1. **Thời gian:** Tất cả các ngày trong tuần, trừ ngày Chủ nhật.

- Buổi sáng: 07h30 đến 11h30
- Buổi chiều: 13h00 đến 16h30

2. **Địa điểm:** Phòng Công tác sinh viên (D201) – Cơ sở 2
3. **Đối tượng:** Sinh viên đang theo học tại Trường Đại học Lạc Hồng.

III. Tài liệu

- Các văn bản có liên quan tới quy trình:

+ Vay vốn tín dụng theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Điều chỉnh mức vay đối với học sinh, sinh viên theo Quyết định số 05/QĐ-TTg 23/3/2022 của Thủ tướng Chính Phủ.

+ Miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo.

+ Ưu đãi giáo dục theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Hỗ trợ dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.

IV. Nội dung quy trình

1. Vay vốn tín dụng

+ Lưu trình

Bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Trách nhiệm
1	Đăng ký xác nhận vay vốn tín dụng sinh	Sinh viên	Mẫu số: 01-TDSV - Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg
2	Kiểm tra, xuất thông tin đăng ký	P.CTSV	
3	Trình ký	P.CTSV	
4	Giao, nhận giấy xác nhận vay vốn tín dụng cho sinh viên	P.CTSV Sinh viên	
5	Lưu trữ hồ sơ	P.CTSV	

+ Mô tả chi tiết

Bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm
1	- Sinh viên đăng ký trực tuyến trên địa chỉ website của Nhà trường https://sinhviendanghoc.lhu.edu.vn →Cấp giấy chứng nhận → Giấy xác nhận vay vốn. - Trường hợp sinh viên không thể đăng ký trực tuyến được, sinh viên liên hệ và đăng ký trực tiếp tại P. CTSV (D201-cơ sở 2).	Sinh viên
2	- Kiểm tra thông tin sinh viên đăng ký trên hệ thống. - Xuất dữ liệu thông tin sinh viên đăng ký trên hệ thống.	P.CTSV
3	- Trình ký giấy xác nhận	P.CTSV
4	- Sinh viên liên hệ P. CTSV theo lịch hẹn trên hệ thống đã đăng ký để nhận giấy đã xác nhận. Khi sinh viên đến nhận giấy cần mang theo các giấy tờ sau: + Thẻ sinh viên.	P.CTSV Sinh viên

	+ Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân. + Biên lai học phí kỳ gần nhất (Trường hợp quá hạn đóng học phí, sinh viên cần có đơn gia hạn đóng học phí hoặc biên lai kỳ hiện tại). - Kiểm tra thông tin sinh viên khi đến nhận giấy xác nhận, đúng thông tin cho sinh viên nhận giấy. Trường hợp thông tin sinh viên bị sai sót, cán bộ P.CTSV cùng sinh viên điều chỉnh lại thông tin sinh viên bị sai trên hệ thống. Sau đó xuất dữ liệu lại và trình ký. - Sinh viên ký nhận giấy xác nhận vào sổ.	
5	Lưu trữ sổ ký nhận giấy xác nhận của sinh viên.	P.CTSV

2. Miễn giảm học phí, ưu đãi giáo dục sinh viên và hỗ trợ dân tộc thiểu số

+ Lưu trình

Bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Biểu mẫu
1	Đăng ký	Sinh viên	- Phục lục VIII – Nghị định số 81/2021/NĐ-CP - Mẫu số 41 – Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
2	Kiểm tra thông tin	P.CTSV	
3	Trình ký	P.CTSV	
4	Giao, nhận giấy giấy miễn giảm học phí, ưu đãi giáo dục hoặc dân tộc thiểu số cho sinh viên	P.CTSV Sinh viên	
5	Lưu trữ hồ sơ	P.CTSV	

+Mô tả chi tiết

Bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm
1	- Sinh viên liên hệ trực tiếp P.CTSV (D201-cơ sở 2) để nhận mẫu đơn và được cán bộ hướng dẫn đăng ký. - Mẫu giấy viết bằng bút xanh, không được tẩy xóa, chỉnh sửa.	Sinh viên
2	- Kiểm tra thông tin sinh viên đăng ký. - Trường hợp sinh viên ghi thông tin bị sai, cán bộ P.CTSV hướng dẫn sinh viên ghi lại giấy đăng ký.	P.CTSV
3	- Trình ký giấy xác nhận.	P.CTSV
4	- Sinh viên liên hệ P. CTSV theo lịch hẹn khi đăng ký để nhận giấy đã xác nhận. Khi sinh viên đến nhận giấy cần mang theo các giấy tờ sau: + Thẻ sinh viên. + Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân. + Biên lai học phí của kỳ xác nhận. - Sinh viên ký nhận giấy xác nhận vào sổ.	P.CTSV Sinh viên
5	Lưu trữ sổ ký nhận giấy xác nhận của sinh viên.	P.CTSV

Danh mục các biểu mẫu:

Stt	Nội dung	Biểu mẫu
1	Giấy xác nhận vay vốn sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg	Mẫu số: 01-TDSV - Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg
2	Miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Phục lục VIII – Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
3	Ưu đãi giáo dục theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Mẫu số 41 – Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Lan

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TẮC ỨNG XỬ
của người học tại Trường Đại học Lạc Hồng

Trích theo Quyết định số 269 /QĐ-ĐHLH ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy tắc này quy định các chuẩn mực ứng xử trong Nhà trường.

2. Quy tắc này áp dụng đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học đang công tác, học tập tại Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Mục đích

1. Xây dựng văn hóa ứng xử Nhà trường văn minh, hiện đại, phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và điều kiện thực tiễn của Nhà trường đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường.

2. Quy định cách ứng xử thể hiện tính văn minh, lịch sự, tôn trọng mọi người và tôn trọng bản thân; góp phần giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống lành mạnh; xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực của tập thể sư phạm Nhà trường và người học.

3. Là căn cứ để đánh giá, xét khen thưởng và kỷ luật khi vi phạm các chuẩn mực của quy tắc ứng xử.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Văn hóa Lạc Hồng: là tập hợp của những đặc trưng về vật chất và tinh thần tạo nên các giá trị về đạo đức, trí tuệ và sáng tạo đã và đang hình thành, phát triển tại Trường Đại học Lạc Hồng. Xây dựng văn hoá Lạc Hồng là cơ sở, là nền tảng để góp phần thực hiện giá trị cốt lõi của Nhà trường về đạo đức-trí tuệ-sáng tạo.

2. Ứng xử: là biểu hiện khi giao tiếp, thể hiện phản ứng của con người đứng trước một hoàn cảnh, tình huống nào đó được thể hiện rõ nét qua thái độ, cử chỉ, hành động và lời nói của con người.

3. Văn hóa ứng xử: là thái độ, hành vi ứng xử của con người với cá thể, tập thể và cộng đồng theo những giá trị, chuẩn mực văn hóa, văn minh luôn phù hợp với yêu cầu và lợi ích xã hội.

Chương III
VĂN HÓA ỨNG XỬ ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

Điều 13. Những điều người học không được làm

1. Người học không có những hành vi, biểu hiện thiếu văn hóa như nói tục, chửi bậy, cãi nhau, dự họp khi không được phép, không sử dụng điện thoại với mục đích riêng trong giờ học trừ các trường hợp khi được giáo viên cho phép.

2. Không xúc phạm danh dự, nhân phẩm, thân thể người khác.

3. Không vi phạm quy chế công tác sinh viên đối với người học.

Điều 14. Ứng xử với bản thân và gia đình

1. Sống có trách nhiệm và tôn trọng bản thân, không làm những việc trái quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng tới danh dự của bản thân và gia đình. Có lòng tự trọng, tính trung thực, khách quan và khiêm tốn. Luôn có ý thức vượt khó vươn lên để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

2. Có ý thức phấn đấu trong học tập và rèn luyện, tu dưỡng đạo đức; rèn luyện lối sống tự lập, lành mạnh, tiết kiệm. Nghiêm túc chấp hành nhiệm vụ của người học tại các quy chế, quy định.

3. Là công dân tốt nơi cư trú.

Điều 15. Ứng xử với bạn bè, người học trong Trường

1. Luôn tôn trọng, chân thành và thân thiện; đoàn kết, cởi mở, cảm thông, chia sẻ, xây dựng mối quan hệ bạn bè trong sáng, lành mạnh, động viên và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Thẳng thắn phê bình, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, tiêu cực.

2. Không ganh ghét, đố kỵ, bè phái, mất đoàn kết, phản ánh sai sự thật làm tổn thương đến tinh thần và xâm phạm thân thể lẫn nhau. Không chạy theo chủ nghĩa thành tích, không bao che khuyết điểm.

3. Sử dụng ngôn từ trong sáng, không nói tục, chửi bậy; hành vi và cử chỉ chuẩn mực.

4. Thể hiện đức tính khiêm tốn, cầu thị; biết nhận lỗi và sửa lỗi khi sai sót.

Điều 16. Ứng xử với cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Trường

1. Kính trọng, lễ phép, đúng mực với cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Trường. Thái độ chào hỏi, ngôn ngữ trong xưng hô thể hiện sự "tôn sư, trọng đạo". Không sử dụng mạng xã hội, trang thông tin điện tử, diễn đàn mạng để đăng tin và bình luận thiếu tính xây dựng về Nhà trường; phán xét, nhận định không đúng sự thật theo chiều hướng tiêu cực đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường.

2. Có thái độ tích cực khi bày tỏ ý kiến và nguyện vọng của mình, của tập thể đối với Nhà trường, các đơn vị trong Nhà trường và với từng cán bộ, giảng viên, nhân viên trên tinh thần thẳng thắn, chân thành, trung thực và mang tính xây dựng.

3. Tích cực hợp tác với cán bộ, giảng viên, nhân viên trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

4. Không sử dụng vật chất, tiền bạc và những mối quan hệ cá nhân đặc biệt làm “công cụ” tạo sự thiên vị, mưu cầu lợi ích của cá nhân, lợi ích nhóm.

5. Dũng cảm đấu tranh, lên án hành vi vụ lợi cá nhân; những cá nhân lợi dụng việc chung để thực hiện những hành vi vi phạm phẩm chất đạo đức, làm xấu mối quan hệ thầy - trò trong Nhà trường. Mạnh dạn báo cáo và đề nghị Nhà trường làm sáng tỏ mọi hành vi trù dập, đe dọa, gợi ý tiêu cực của cán bộ, giảng viên, nhân viên với người học.

Điều 17. Ứng xử với khách đến thăm và làm việc tại Trường

1. Khi có khách đến thăm và làm việc tại trường, người học phải có tinh thần hợp tác, cởi mở, lịch thiệp trong giao tiếp.

2. Nhiệt tình giúp đỡ, hướng dẫn và giải thích trong giới hạn cho phép và hiểu biết của mình khi khách cần sự trợ giúp.

Điều 18. Ứng xử với cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài Trường

1. Ứng xử văn hóa, nhã nhặn, lắng nghe, tôn trọng ý kiến của tổ chức, cá nhân và nghiêm túc chấp hành quy định của pháp luật, nội quy, quy định của các cơ quan, tổ chức.

2. Không vi phạm các chuẩn mực về thuần phong, mỹ tục tại nơi công cộng để bảo đảm sự tiến bộ, văn minh của xã hội. Không chen lấn, xô đẩy nhau nơi công cộng. Kính trọng người lớn tuổi, có ý thức giúp đỡ, ưu tiên người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai và trẻ em.

Điều 19. Ứng xử ở nơi cư trú

1. Tích cực tham gia các hoạt động ở nơi cư trú, chịu sự giám sát của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể nơi cư trú.

2. Tích cực tuyên truyền, vận động người thân trong gia đình chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của nơi cư trú và tuân thủ pháp luật.

3. Không vi phạm các quy định về đạo đức công dân đã được pháp luật quy định hoặc đã được cộng đồng dân cư thống nhất thực hiện.

Điều 20. Ứng xử trong học tập, rèn luyện

1. Thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường như: quy chế về đào tạo, khảo thí, đảm bảo chất lượng, công tác sinh viên, quy định nội trú, ngoại trú…

2. Có ý thức tự học, tự giác và tích cực, chủ động trong quá trình tiếp nhận kiến thức tại các giờ giảng, tích cực tham gia thảo luận, tranh luận trên lớp, hoàn thành tốt và đúng thời hạn các bài tập được giao…, tích cực vận dụng sáng tạo kiến thức vào thực tế cuộc sống.

3. Trung thực, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện. Không gian lận trong thi cử dưới mọi hình thức. Trình bày bài thi sạch sẽ, có trách nhiệm để vừa thể hiện sự tôn trọng giảng viên, vừa thể hiện sự tôn trọng kiến thức và tôn trọng bản thân.

4. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động cộng đồng và các phong trào thi đua trong và ngoài Nhà trường phát động. Có ý thức tự rèn luyện các kỹ năng sống và học tập.

Điều 21. Ứng xử trong nghiên cứu khoa học

1. Trung thực trong quá trình thực hiện và công bố các tiểu luận, khóa luận, luận văn, luận án, công trình nghiên cứu khoa học.

2. Tôn trọng bản quyền; không đạo văn, đạo ý tưởng của người khác.

3. Không giả mạo hoặc làm sai lệch dữ liệu trong nghiên cứu khoa học.

4. Có trách nhiệm xây dựng và bảo vệ thương hiệu của Nhà trường trong cộng đồng nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế.

5. Kiên quyết đấu tranh đối với những hành vi tiêu cực trong nghiên cứu khoa học; không bao che, thỏa hiệp với tiêu cực trong khoa học.

Điều 22. Ứng xử trong hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định, kế hoạch của Nhà trường về kết nối và phục vụ cộng đồng.

2. Có ý thức tự giác và tích cực, chủ động trong quá trình tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng; tích cực vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên môn để mang lại giá trị tích cực và lan tỏa trong cộng đồng.

4. Có trách nhiệm xây dựng và bảo vệ thương hiệu của Nhà trường trong các hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Kiên quyết đấu tranh đối với những hành vi tiêu cực trong hoạt động phục vụ cộng đồng; không bao che, thỏa hiệp với tiêu cực trong hoạt động phục vụ cộng đồng.

Điều 23. Ứng xử trên mạng xã hội

1. Tìm hiểu và tuân thủ các điều khoản hướng dẫn sử dụng của nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội trước khi đăng ký, tham gia mạng xã hội.

2. Chia sẻ thông tin có nguồn chính thống, đáng tin cậy; có hành vi, ứng xử phù hợp với những giá trị đạo đức, văn hóa, truyền thống của dân tộc Việt Nam, không sử dụng ngôn từ gây thù hận, kích động bạo lực, phân biệt vùng miền, giới tính, tôn giáo.

3. Không đăng tải những nội dung vi phạm pháp luật, các thông tin xúc phạm danh dự, nhân phẩm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác, tung tin giả, tin sai sự thật, quảng cáo, kinh doanh dịch vụ trái phép... gây bức xúc trong dư luận xã hội, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội.

Sử dụng mạng xã hội để chia sẻ thông tin tích cực, tuyên truyền các hoạt động, hình ảnh, quảng bá giá trị văn hóa của Nhà trường, về đất nước - con người, văn hóa tốt đẹp của Việt Nam.

HỆ THỐNG THÔNG TIN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

1. GIỚI THIỆU

Hệ thống website của Trường Đại học Lạc Hồng là nơi cung cấp cho sinh viên thông tin đầy đủ về Trường, Khoa, Phòng ban, Trung tâm, các ngành nghề đào tạo, thông tin tuyển sinh… các tin tức, hình ảnh, sự kiện, hoạt động đang diễn ra trong Nhà trường, …

- ***Website trường***
  - Trang Tiếng việt: http://lachong.edu.vn hoặc http://lhu.edu.vn
  - Trang Tiếng anh: https://en.lhu.edu.vn
- ***Website các khoa đào tạo***
  - Khoa Sau Đại học: https://saudaihoc.lhu.edu.vn
  - Khoa Công nghệ thông tin: http://cs.lhu.edu.vn
  - Khoa Cơ điện - Điện tử: http://codien.lhu.edu.vn
  - Khoa Khoa học và Công nghệ thực phẩm: http://cee.lhu.edu.vn
  - Khoa Kỹ thuật công trình: http://kc.lhu.edu.vn
  - Khoa Dược: http://duoc.lhu.edu.vn
  - Khoa Đông phương: http://dp.lhu.edu.vn
  - Khoa Ngôn ngữ Anh: http://ed.lhu.edu.vn
  - Khoa Quản trị - Kinh tế quốc tế: http://qt.lhu.edu.vn
  - Khoa Tài chính – Kế toán: http://tckt.lhu.edu.vn
- ***Website phòng ban và Trung tâm***
  - Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ công chúng: https://tuyensinh.lhu.edu.vn
  - Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học: https://nnth.lhu.edu.vn
  - Đảng bộ: https://dangbo.lhu.edu.vn
  - Công đoàn: https://congdoan.lhu.edu.vn
  - Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên: https://doanhoi.lhu.edu.vn
  - Thư viện: https://tainguyen.lhu.edu.vn và http://thuvienso.lhu.edu.vn
  - Virtual tour 360: https://360.lhu.edu.vn

Ngoài ra hệ thống website có thêm nhiều trang thông tin khác như: Sinh viên tương lai, Sinh viên đang học, Phụ huynh, Cán bộ & Giảng viên, Cựu sinh viên, Đảm bảo chất lượng, Hợp tác đối ngoại, Kỷ yếu, Tuyển dung và Phòng chống COVID-19.

Cổng thông tin điện tử là kênh thông tin của sinh viên bao gồm tất cả các vấn đề sinh viên quan tâm khi theo học tại trường Đại học Lạc Hồng. Sau khi vào trang sinh viên, đăng nhập mã số sinh viên và mật khẩu, các bạn sẽ bổ sung một vài thông tin cần thiết để có thể sử dụng được tất cả các dịch vụ thông tin của Trường.

2. ỨNG DỤNG

2.1. Trang thông tin cá nhân ME - http://me.lhu.edu.vn hoặc Me Apps

Me là kênh thông tin liên lạc trực tuyến giữa nhà trường với sinh viên và đáp ứng nhiều tính năng tiện ích cho cá nhân; nhóm và đơn vị như:

- Quản lý thông tin cá nhân; thông tin công việc làm...

- Chia sẻ thông tin cá nhân, chia sẻ cho nhóm *(bao gồm nhóm mặc định & nhóm do người dùng tự tạo).*
- Nhận thông tin từ nhiều hệ thống khác như: hệ thống Thư viện; lịch cá nhân; xem điểm, …
- Thảo luận có thể trao đổi thông tin qua lại & cùng thảo luận về một vấn đề trong một nhóm.
- Kênh thông tin riêng sẽ gắn bó với sinh viên trong suốt quá trình học tại trường và cả sau khi tốt nghiệp. Tại đây, sinh viên có mọi thông tin liên quan đến mình, có thể tự cấu hình giao diện và theo dõi tin tức mình muốn.

Người sử dụng sẽ biết được các thông tin; hoạt động mới nhất của nhà trường.

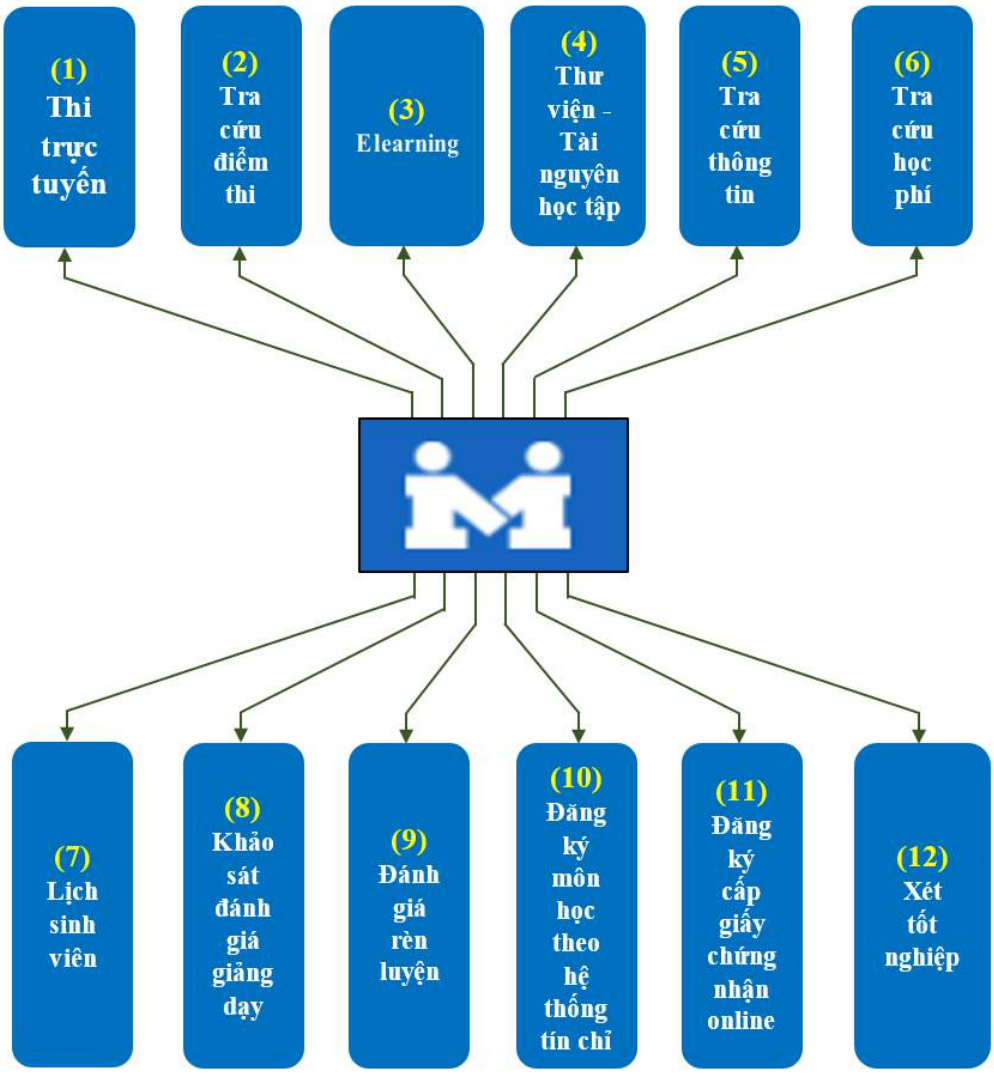

Hình 01: Sơ đồ hệ thống ứng dụng

2.2. Thi trực tuyến - https://tesu.lhu.edu.vn

Hệ thống thi trực tuyến của trường Đại học Lạc Hồng sử dụng được trên máy tính để bàn; laptop và các thiết bị di động như: điện thoại di động; máy tính bảng,...

Cho sinh viên làm bài thi trên hệ thống khi giáo viên tiến hành tổ chức thi. Nội dung thi, hình thức thi, bố cục bài thi giáo viên sẽ thông báo cho sinh viên.

2.3. Tra cứu điểm thi - http://mark.lhu.edu.vn

Hỗ trợ sinh viên tra cứu điểm trong quá trình học tập theo từng môn học, trong từng học kỳ của năm học. Ngoài ra, hệ thống còn cho phép sinh viên xem bảng điểm gốc có chữ ký của sinh viên từng môn học.

2.4. Elearning - https://learn.lhu.edu.vn

Sinh viên đăng nhập tài khoản Me và cập nhật đầy đủ các thông tin: email; số điện thoại. Tạo tài khoản trong hệ thống Elearning để tham gia học tập; nhận giáo trình; nhận và làm bài tập;... trực tuyến. Tương tác, chia sẻ thông tin với giáo viên và ngược lại.

2.5. Thư viện - Tài nguyên học tập - http://lib.lhu.edu.vn

Hệ thống Thư viện hỗ trợ độc giả các chức năng:

- Tìm kiếm tài liệu có trong thư viện: bao gồm sách in, giáo trình, báo cáo nghiên cứu khoa học, luận văn, luận án dạng điện tử.
- Cung cấp thông tin mượn trả: cho phép độc giả kiểm tra tình trạng nợ sách, ngày mượn, hạn trả, số ngày trễ hạn, danh sách tài liệu mà độc giả ưa thích.
- Đăng ký mượn online: cho phép độc giả đăng ký mượn sách qua mạng trước khi đến thư viện nhận sách.
- Gia hạn sách online: cho phép độc giả gia hạn sách online mà không cần đến thư viện.
- Thư viện số: Độc giả trong trường được tham khảo, sử dụng tất cả tài liệu số có trên trang http://thuvienso.lhu.edu.vn.

2.6. Tra cứu thông tin - https://lookup.lhu.edu.vn

Hỗ trợ sinh viên tra cứu các thông tin trong quá trình học tập tại trường kể cả khi đã tốt nghiệp, tra cứu: lịch thi định hướng chuyên ngành; lịch thi giáo dục quốc phòng; điểm thi anh văn; thi chứng chỉ; thi đầu vào; ...

2.7. Tra cứu nợ học phí - https://hocphi.lhu.edu.vn

Hỗ trợ sinh viên tra cứu thông tin như: thông tin nợ học phí; thông tin miễn giảm; khai báo học phí; khai báo học kỳ; ...

2.8. Lịch sinh viên - https://calen.lhu.edu.vn

Hỗ trợ tra cứu lịch học sinh viên, học viên; lịch giáo viên; quản lý lịch; đăng ký học. Khi có sự thay đổi lịch học, lịch dạy hệ thống sẽ hiển thị thông tin nhằm giúp sinh viên cập nhật kịp thời và thuận lợi.

2.9. Khảo sát đánh giá giảng dạy - http://qa.lhu.edu.vn

Đây là kênh giúp sinh viên nhận xét; góp ý đánh giá về chương trình giảng dạy môn học, về giảng viên phụ trách bộ môn… để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy cho Nhà trường.

2.10. Đánh giá rèn luyện – http://renluyen.lhu.edu.vn

Đây là kênh giúp sinh viên tham gia đánh giá điểm rèn luyện sau mỗi học kỳ, Hệ thống sẽ ghi nhận lần đánh giá gần nhất của bạn trong học kỳ.

2.11. Đăng ký môn học theo hệ thống tín chỉ - https://dkmh.lhu.edu.vn

Hỗ trợ sinh viên đăng ký môn học trước khi bắt đầu mỗi học kỳ mới qua mạng thay vì phải trực tiếp đến đăng ký tại phòng Đào tạo của Trường.

2.12. Đăng ký cấp giấy chứng nhận online - http://certification.lhu.edu.vn

Hỗ trợ sinh viên đăng ký cấp giấy chứng nhận đang học; bảng điểm; giấy vay vốn; giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời; giấy chứng nhận tin học ngoại ngữ.

2.13. Xét tốt nghiệp - http://xettotnghiep.lhu.edu.vn

Hỗ trợ sinh viên dễ dàng tra cứu bằng tốt nghiệp; đăng ký xét tốt nghiệp mà không mất quá nhiều thời gian.

3. SỬ DỤNG ỨNG DỤNG

Mỗi sinh viên khi vào học tại trường Đại học Lạc Hồng sẽ được cấp:

- **Mã số sinh viên** *(tên đăng nhập hệ thống)*
- **Mật khẩu** *(đăng nhập hệ thống)*

bằng cách gửi tin nhắn SMS cho từng sinh viên vào số điện thoại sinh viên đăng ghi trong hồ sơ nhập học.

Để thay đổi mật khẩu, đầu tiên, sinh viên đăng nhập hệ thống (link đăng nhập: https://app.lhu.edu.vn) hoặc **Me App** trên thiết bị di động để thực hiện:

3.1. Cập nhật hai thông tin

Để cập nhật hai thông tin cá nhân gồm:

- **Số điện thoại**
- **Địa chỉ email**

trong mục **Thông tin tài khoản** của trang **Me** hoặc **Me App** để sử dụng tất cả các **ứng dụng** của Nhà trường.

Hình 02: Giao diện cập nhật hoặc chỉnh sửa thông tin

3.2. Hướng dẫn "Đổi mật khẩu"

Bước 1: Vào trang đăng nhập hệ thống (link: https://app.lhu.edu.vn) hoặc đăng nhập trang **Me** (link: http://me.lhu.edu.vn) → chọn mục **Đổi mật khẩu**

Bước 2: Nhập **Mã số sinh viên** hoặc **Tên đăng nhập** → nhập **Mật khẩu hiện tại** (nếu lần đầu thì mật khẩu in trên hóa đơn thu học phí) → nhập **Mật khẩu mới** → nhập lại **Mật khẩu mới** (trùng với mật khẩu mới) → chọn nút **Đổi mật khẩu**. Đổi mật khẩu thành công.

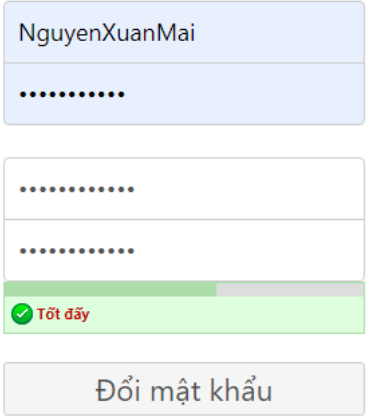

Hình 03: Giao diện đổi mật khẩu

***Lưu ý:**

Để đảm bảo sự an toàn trong bảo mật hệ thống, mật khẩu phải có độ an toàn "**Trung bình**" trở lên.

- Chiều dài mật khẩu phải từ 8 ký tự trở lên.
- Nên chứa ít nhất ký tự thường hoặc ký tự hoa hoặc ký tự số hoặc ký tự đặc biệt (! ? $? % ^ & * + = { [}] : ; @ ~ # | \ < > ? /).

3.3. Hướng dẫn tự đặt lại mới

Nếu cán bộ; nhân viên; giảng viên; sinh viên không đăng nhập được vào hệ thống (link đăng nhập: https://app.lhu.edu.vn) hoặc trang thông tin Me, do quên mật khẩu hoặc không thể đăng nhập trang **Me** thì:

- Nếu người dùng **chưa cập nhật** số điện thoại hoặc địa chỉ email, thì liên hệ Trung tâm Thông tin tư liệu (Phòng A201 hoặc ☎ 02513 952726) để được hướng dẫn.
- Nếu người dùng **đã cập nhật** số điện thoại hoặc địa chỉ email, thì **tự đặt lại** mật khẩu mới theo hướng dẫn sau:

Bước 1: Vào trang đăng nhập hệ thống (link: https://app.lhu.edu.vn) hoặc (link: http://me.lhu.edu.vn) → chọn mục **Quên mật khẩu**

Bước 2: Nhập **Mã số sinh viên** hoặc **Tên đăng nhập** → chọn nút **Tiếp tục**

Bước 3: Chọn **Số điện thoại** hoặc **Email** → chọn nút **Tiếp tục**

Bước 4: Nhập mã xác nhận từ tin nhắn **SMS** hoặc **Email** → chọn nút **Tiếp tục**

Bước 5: Nhập **Mật khẩu mới** → nhập lại **Mật khẩu mới** (trùng với mật khẩu mới) → chọn nút **Cập nhật mật khẩu**. Cập nhật mật khẩu thành công.

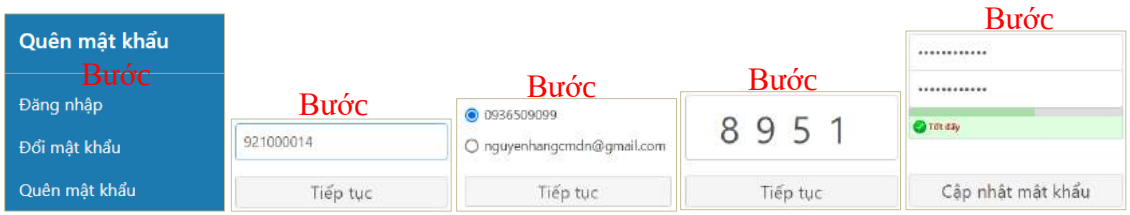

Hình 04: Các bước thực hiện đặt lại mật khẩu mới

4. THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

4.1. Giới thiệu

Thư viện Đại học Lạc Hồng thành lập năm 1997, thực hiện nhiệm vụ tổ chức khai thác, lưu trữ và cung cấp thông tin tư liệu trong các lĩnh vực khoa học; công nghệ; kinh tế; ngoại ngữ; xã hội và nhân văn... phục vụ công tác đào tạo; nghiên cứu; học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Nhà trường.

Từ cuối năm 2019 Thư viện chuyển sang mô hình kho mở, cho độc giả vào kho sách xem và tự chọn tài liệu để đọc tại chỗ hoặc mượn mang về.

Hiện nay, nguồn tài nguyên Thư viện Trường Đại học Lạc Hồng gồm có: sách giấy 9.142 đầu sách (tương đương 19.575 cuốn, 73% tiếng Việt. 27% tiếng nước ngoài), báo cáo NCKH, luận văn, luận án (dạng file điện tử): 2.483 báo cáo, Giáo trình do trường Lạc Hồng biên soạn (dạng file điện tử): 211 giáo trình, tài liệu điện tử: 4.928 tài liệu trên trang: http://thuvienso.lhu.edu.vn nguồn từ Nhà trường ký hợp tác với công ty TNHH Tài liệu trực tuyến Vina.

Hình 05: Kho sách Thư viện Đại học Lạc Hồng

4.2. Nguồn lực tài nguyên

- Tài liệu in giấy: sách (giáo trình, sách tham khảo)
- Tài liệu điện tử: tài liệu giáo trình, bài giảng, Báo cáo NCKH (file PDF)

Tài liệu in giấy: Thư viện sử dụng bảng phân loại DDC để phân loại và tổ chức kho, tài liệu chủ yếu thuộc các môn ngành sau:

- Công nghệ (khoa học ứng dụng) gồm cả kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và Marketing;
- Địa lý lịch sử;
- Khoa học tự nhiên và toán học;
- Khoa học xã hội, kinh tế học, luật học;
- Nghệ thuật, mỹ thuật và trang trí;
- Ngôn ngữ;
- Tin học, thông tin và tác phẩm tổng quát;
- Tôn giáo;
- Triết học và tâm lý học;
- Văn học;
- Y dược, dược học

Đối tượng phục vụ: cán bộ, nhân viên, giảng viên và sinh viên trong Trường.

Hình thức phục vụ: đọc tại chỗ, mượn đem về.

Tài liệu điện tử: Tài liệu điện tử đa dạng và phong phú gồm có 2 nguồn:

- Nguồn của Thư viện Đại học Lạc Hồng bao gồm: Báo cáo nghiên cứu khoa học bao gồm các báo cáo khoa học sinh viên cấp trường; luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ https://lib.lhu.edu.vn
- Nhà trường đã mua quyền sử dụng nguồn tài liệu số của công ty TNHH tài liệu trực tuyến Vina http://thuvienso.lhu.edu.vn

4.3. Hệ thống quản lý Thư viện

Từ năm 2004 Thư viện đã được trang bị phần mềm quản lý Thư viện, phục vụ công tác biên mục; quản lý tài liệu; công tác mượn trả và tra cứu tài liệu trực tuyến qua máy tính hoặc các thiết bị di động.

Qua mỗi năm, phần mềm quản lý Thư viện luôn được Nhà trường quan tâm nâng cấp; cải tiến các tính năng ưu việt hơn, thuận tiện hơn cho người sử dụng.

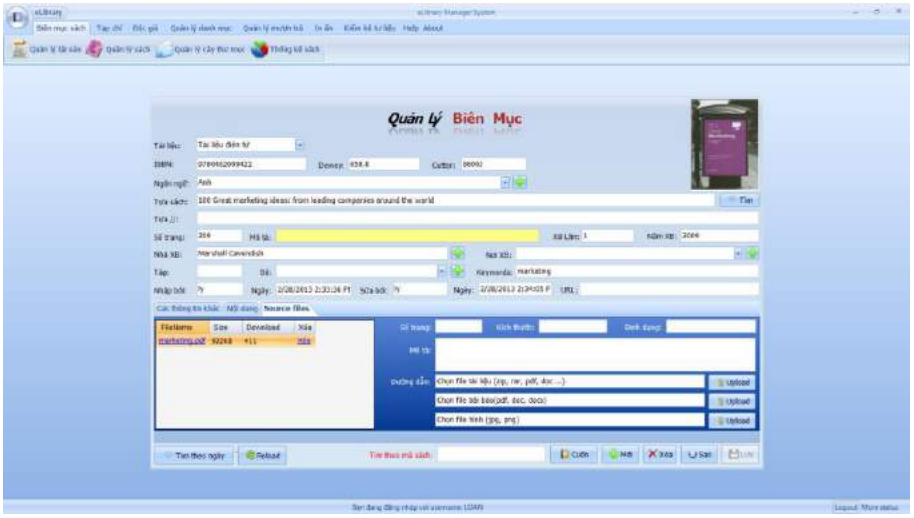

Hình 06: Giao diện quản lý biên mục

Hình 07: Giao diện quản lý mượn trả

4.4. Tra cứu tài liệu

Trang tài nguyên học tập cho chúng ta tìm kiếm; download; đăng ký mượn; gia hạn thời gian mượn tài liệu từ các nguồn tài nguyên như: Sách; Giáo trình; Tài liệu điện tử và Báo cáo NCKH trong toàn hệ thống hoặc theo bộ sưu tập.

Link truy cập: https://lib.lhu.edu.vn

Hình 08: Giao diện trang tài nguyên học tập

Hình 09: Giao diện đăng ký mượn online

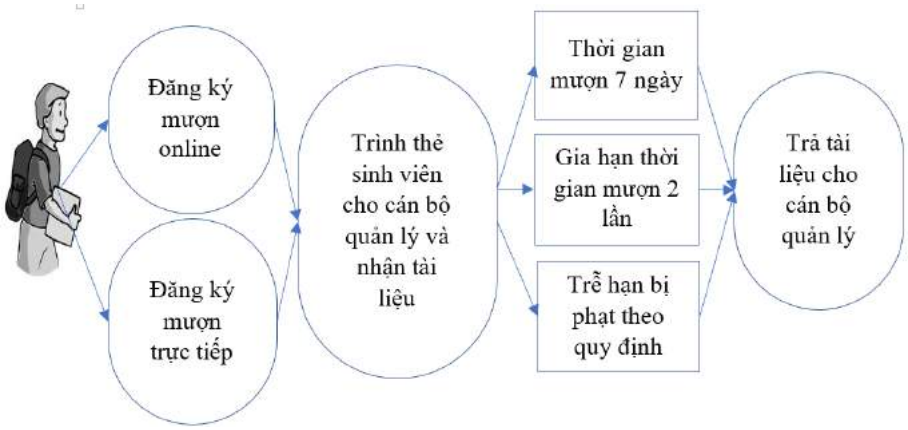

Hình 10: Sơ đồ quy trình mượn trả tài liệu tại Thư viện Lạc Hồng

***Lưu ý:**

Khi chọn một tài liệu mượn từ các nguồn tài nguyên Sách thì cần lưu ý 2 thông tin để biết tài liệu đó còn hay hết.

- Thông tin lưu trữ

Mã kho	Tên kho	Vị trí	Tổng số bản
3	Kho 3	Cơ sở 3	1

- Thông tin lưu hành

Số đăng ký cá biệt	Còn/thất lạc	Tình trạng	Mã độc giả	Họ tên	Hạn trả
300001108	Còn	Rỗi			

Nguồn tài nguyên: Giáo trình; Tài liệu điện tử và Báo cáo NCKH là tài liệu dạng file PDF độc giả không đăng ký mượn mà download file khi có nhu cầu.

4.5. Thư viện số

Năm 2015, Nhà trường đã mua quyền sử dụng nguồn tài liệu số của công ty TNHH tài liệu trực tuyến Vina VDOC, độc giả có thể truy cập và download tài liệu tại trang http://thuvienso.lhu.edu.vn bằng tài khoản trang Me.

Hình 11: Giao diện trang Thư viện số

Thư viện số cho phép tìm kiếm và download từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau như: nguồn từ trang tailieu.vn; Thư viện số Trường; các Trường có liên kết; chọn TV đa phương tiện.

Ngoài ra Thư viện số còn cho upload tài liệu; chia sẻ tài liệu; tạo bộ sưu tập;...

5. LIÊN HỆ

Trung tâm Thông tin tư liệu - Trường Đại học Lạc Hồng

Cơ sở 1: Số 10, Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, Biên Hòa - Đồng Nai.

Thư viện

Địa điểm: Phòng A201 – Cơ sở 1

Điện thoại: 02513 952726

Email: thuvien@lhu.edu.vn

Google map: https://goo.gl/maps/Jxnwr3Y5Tk2vYnE67

102003 GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

Phần lý thuyết gồm các nội dung về: Nguồn gốc; Quá trình hình thành và phát triển môn Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ trên thế giới và chuyền Việt Nam; Tác dụng của thể dục thể thao đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của Giáo dục thể chất và các hoạt động thể dục thể thao trong hoạt động giáo dục đại học; Dụng cụ sân bãi và một số điều luật cơ bản. Phần thực hành: Sinh viên tập luyện để nắm bắt được kĩ thuật; chiến thuật cơ bản; Thực hành thi đấu.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Giáo dục thể chất trường đại học Lạc Hồng.

102004 GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tự kiểm tra và theo dõi sức khoẻ để đảm bảo phương pháp tập luyện khoa học, xây dựng nếp sống cân bằng, hài hoà giữa hoạt động trí lực và hoạt động thể lực, giữa nghỉ ngơi tích cực và hoạt động gắng sức. Phần thực hành tiếp tục hoàn thiện về thể lực và nhân cách người sinh viên theo yêu cầu của chương trình, mục tiêu đào tạo; Củng cố và nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, nắm được phương pháp sư phạm để có thể trở thành hướng dẫn viên cơ sở trường học, cơ quan, công nông trường, xí nghiệp; phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.

Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Giáo dục thể chất trường đại học Lạc Hồng.

102006 PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Môn Pháp luật đại cương dành cho sinh viên không chuyên ngành Luật, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc ra đời nhà nước và pháp luật; bản chất, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật; về bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành; về quan hệ pháp luật; về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; về sự thực hiện và áp dụng pháp luật; giới thiệu những nội dung cơ bản nhất của những ngành luật chủ yếu ở nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật – Trường Đại học Luật Hà Nội – NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật. 2020.
- Giáo trình pháp luật đại cương – Bộ Giáo Dục và Đào Tạo – NXB Đại học Sư phạm. 2014
- Một số văn bản pháp luật của Nhà nước: Luật Hiến pháp, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Luật Hình sự, Bộ Luật Dân sự, Luật Hôn nhân, gia đình, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương Mại, Luật xử phạt vi phạm hành chánh.

102007 QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về một số bài toán kinh tế: Bài toán lập kế hoạch sản xuất tối ưu; Bài toán khẩu phần thức ăn tối ưu, Bài toán vận tải… Cách lập mô hình và tìm phương án tối ưu bằng thuật toán đơn hình, thuật toán thế vị.

Tài liệu tham khảo:

- Đặng Huấn (1995), Quy Hoạch Tuyến Tính, trường Đại Học Kinh Tế TP.HCM.
- Trần Túc (2001), Bài tập Quy Hoạch Tuyến Tính, nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

102008 VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (ngành công nghệ thực phẩm)

Học phần Vật lý đại cương (ngành hóa) cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công cơ học, các tính chất về chất rắn, chất lưu, nhiệt, dòng điện, quang học, giới thiệu các ứng dụng của chúng trong ngành công nghệ thực phẩm.

Tài liệu học tập:

1. Trần Phú Cường (2022), *Vật lý đại cương (ngành công nghệ thực phẩm)*, Lưu hành nội bộ.
2. Tài liệu tham khảo:
   https://phet.colorado.edu/
   https://ophysics.com/index.html
   http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html

102010 VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (ngành dược)

Học phần Vật lý đại cương (ngành dược) cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công cơ học, độ nhớt và sức căng mặt ngoài của chất lưu, nhiệt, dòng điện, quang học, giới thiệucơ học tiền lượng tử và các ứng dụng của chúng trong ngành dược.

Tài liệu học tập:

1. Trần Phú Cường (2022), *Vật lý đại cương*, Lưu hành nội bộ.
2. Tài liệu tham khảo:
   https://phet.colorado.edu/
   https://ophysics.com/index.html
   http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html

102011 THÍ NGHIỆM VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (ngành hóa)

Học phần thí nghiệm vật lý đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cũng như kỹ thuật đo lường và ghi nhận các đại lượng vật lý về chất lưu, nhiệt, dòng điện, quang học thông qua một bài sai số, bảy bài thí nghiệm.

Tài liệu học tập:

1. Trần Phú Cường (2019), *Thực hành vật lý đại cương*, Nhà xuất bản Hồng Đức.
2. Tài liệu tham khảo:
   https://phet.colorado.edu/
   https://ophysics.com/index.html
   http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html

102012 THÍ NGHIỆM VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (ngành dược)

Học phần thí nghiệm vật lý đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cũng như kỹ thuật đo lường và ghi nhận các đại lượng vật lý về chất lưu, nhiệt, dòng điện, quang học, các ứng dụng của chúng trong ngành, thông qua một bài sai số, bảy bài thí nghiệm.

Tài liệu học tập:

1. Trần Phú Cường (2019), *Thực hành vật lý đại cương*, Nhà xuất bản Hồng Đức.
2. Tài liệu tham khảo:
   https://phet.colorado.edu/
   https://ophysics.com/index.html
   http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html

102014 TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (WORD, EXCEL, INTERNET, POWERPOINT)

Môn học bao gồm 3 phần: những hiểu biết cơ bản về tin học; tin học văn phòng; sử dụng internet và e-mail.

1. Phần những hiểu biết cơ bản về tin học trình bày các kiến thức như:
   - Các khái niệm cơ bản về thiết bị phần cứng, phần mềm,…
   - Các khái niệm về hệ điều hành;
   - Các thao tác cơ bản sử dụng hệ điều hành Windows;
   - Quản lý cây thư mục và dữ liệu;
   - Gõ dấu tiếng Việt trong Windows;
2. Phần tin học văn phòng trình bày ba phần mềm thông dụng của hãng Microsoft là MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.
3. Phần sử dụng internet và E-mail trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet….

Tài liệu học tập:

Giáo trình

1. IIG Việt Nam (Oct 2016). Microsoft Office Word 2016 – Nhà xuất bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh
2. IIG Việt Nam (Oct 2016). Microsoft Office Excel 2016 – Nhà xuất bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh
3. IIG Việt Nam (Oct 2016). Microsoft Office PowerPoint 2016 – Nhà xuất bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh

Phần mềm, công cụ hỗ trợ thực hành:

1. Microsoft Windows 10
2. Microsoft Office 2016.

102015 TOÁN A1

Môn học trang bị cho sinh viên khối ngành kỹ thuật công trình các kiến thức cơ bản về giới hạn, liên tục, đạo hàm, vi tích phân hàm một biến, phương trình vi phân và các ứng dụng.

Tài liệu học tập:

Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2008), *Toán cao cấp (Tập 2),* Nhà xuất bản Giáo Dục.

- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), *Bài tập toán cao cấp (Tập 2),* Nhà xuất bản Giáo Dục.

102016 TOÁN A1

Môn học trang bị cho sinh viên khối ngành cơ điện, điện tử các kiến thức cơ bản về giới hạn, liên tục, đạo hàm, vi tích phân hàm một biến, phương trình vi phân và các ứng dụng.

Tài liệu học tập:

- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2008), *Toán cao cấp (Tập 2),* Nhà xuất bản Giáo Dục.
- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), *Bài tập toán cao cấp (Tập 2),* Nhà xuất bản Giáo Dục.

102018 TOÁN A2

Môn học trang bị cho sinh viên khối ngành cơ điện, điện tử các kiến thức cơ bản về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector, lý thuyết chuỗi số, chuỗi lũy thừa và các ứng dụng.

Tài liệu học tập:

- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2008), *Toán cao cấp (Tập 1,3),* Nhà xuất bản Giáo Dục.
- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), *Bài tập toán cao cấp (Tập 1,3),* Nhà xuất bản Giáo Dục.

102025 TOÁN CAO CẤP 1 (Ngành CN Thực phẩm – CN Hóa học – CN Môi trường)

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Hàm số và giới hạn của hàm số; Tính liên tục của hàm số; Đạo hàm, vi phân, tích phân hàm một biến và một số ứng dụng trong thực tiễn; Chuỗi số và chuỗi lũy thừa. Bên cạnh đó, việc học tập môn học giúp rèn luyện các kĩ năng: tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, tư duy phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề, mô hình hóa bài toán thực tiễn. Người học có thể vận dụng kiến thức và kĩ năng vào giải quyết các bài toán chuyên ngành

có liên quan đến sử dụng công cụ Toán.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) (2008), *Toán cao cấp (Tập 2),* Nhà xuất bản Giáo dục.
2. Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), *Bài tập toán cao cấp (Tập 2),* Nhà xuất bản Giáo dục.

102027 TOÁN CAO CẤP C

Môn học trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh các kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân hàm một biến, phương trình vi phân, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và các áp dụng của chúng vào kinh tế.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Đình Thúy, Nguyễn Quỳnh Lan (2018), Toán cao cấp cho các nhà kinh tế (Phần 1, 2), Nhà xuất bản Đại Học Kinh Tế Quốc Dân.

102033 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản nhất về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản Việt Nam và về Nhà nước; Về đại đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế: Về văn hóa, đạo đức, con người. Từ đó, góp phần giáo dục lòng tự hào dân tộc, bồi đắp tình yêu lãnh tụ và niềm tin đối với Đảng; xác lập ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Vận dụng nội dung kiến thức đã học để tham gia cuộc vận động và thực hành "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

Giáo trình

[1]. Bộ giáo dục và Đào tạo. (2021). Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo1

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[3]. Hồ Chí Minh. (2000). Toàn tập (16 tập). Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[4]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[5]. Website: http://www.dangcongsan.vn/

https://www.bqllang.gov.vn/

102034 XÁC SUẤT THỐNG KÊ (Ngành CNTP)

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Lý thuyết xác suất; Các biến ngẫu nhiên và hàm phân phối của chúng; Lý thuyết về mẫu và các đặc trưng mẫu; Lý thuyết ước lượng. Bên cạnh đó, việc học tập môn học giúp rèn luyện các kĩ năng: Tư duy sáng tạo; Tư duy phản biện; Phát hiện và giải quyết vấn đề; Mô hình hóa bài toán thực tiễn; Thu thập và xử lý thông tin, xử lý số liệu; đưa ra quyết định từ các số liệu thu thập trong thực tiễn. Người học có thể vận dụng kiến thức và kĩ năng vào giải quyết các bài toán chuyên ngành có liên quan đến sử dụng công cụ Xác suất thống kê.

Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Hấn (1996), *Xác suất thống kê,* Nhà xuất bản thống kê.
2. Nguyễn Thanh Sơn (2009), Lê Khánh Luận, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán,* Nhà xuất bản Thống kê.
3. Nguyễn Thanh Sơn, Lê Khánh Luận, Phạm Trí Cao (2008), *Bài tập Xác suất và Thống kê toán,* Nhà xuất bản Thống kê.

102036 VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (ngành ôtô).

Học phần Vật lý đại cương (ngành ôtô) cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ học chất điểm và hệ chất điểm, cân bằng của vật rắn, sự chuyển hóa giữa các dạng năng lượng, trường điện từ và các ứng dụng của chúng trong ngành ô tô.

Tài liệu học tập:

1. Trần Phú Cường (2022), V*ật lý đại cương (ngành cơ điện)*, Lưu hành nội bộ.
2. Tài liệu tham khảo:
   https://phet.colorado.edu/
   https://ophysics.com/index.html
   http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html

102037 LÝ THUYẾT XÁC SUẤT THỐNG KÊ TOÁN

Môn học trang bị cho sinh viên khối ngành quản trị các kiến thức về: Xác suất biến cố, công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng các tham số đặc trưng của tổng thể, bài toán kiểm định các giả thiết thống kê và ứng dụng trong kinh tế, kỹ thuật.

Tài liệu học tập:

1. Đặng Hấn (1996), *Xác suất thống kê,* Nhà xuất bản thống kê.
2. Nguyễn Thanh Sơn (2009), Lê Khánh Luận, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán,* Nhà xuất bản Thống kê.

[1] Tài liệu [3] chưa có tài liệu thay thế

3. Nguyễn Thanh Sơn, Lê Khánh Luận, Phạm Trí Cao (2008), *Bài tập Xác suất và Thống kê toán,* Nhà xuất bản Thống kê.

102038 LÝ THUYẾT XÁC SUẤT THỐNG KÊ TOÁN

Môn học trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế, tài chính các kiến thức về: Xác suất biến cố, công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng các tham số đặc trưng của tổng thể và ứng dụng trong kinh tế.

Tài liệu học tập:

1. Đặng Hấn (1996), *Xác suất thống kê,* Nhà xuất bản thống kê.
2. Nguyễn Thanh Sơn (2009), Lê Khánh Luận, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán,* Nhà xuất bản Thống kê.
3. Nguyễn Thanh Sơn, Lê Khánh Luận, Phạm Trí Cao (2008), *Bài tập Xác suất và Thống kê toán,* Nhà xuất bản Thống kê.

102055 ENGLISH 1

Môn học giới thiệu cho sinh viên phương pháp học tiếng Anh, các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, cách sử dụng các loại từ điển.

Môn học giới thiệu cho sinh viên cách nhận biết và phát âm đúng theo hệ thống phiên âm quốc tế, cách nhấn trọng âm của từ và các loại ngữ điệu phổ biến trong văn nói.

Môn học tiếng Anh 1 (English 1) gồm 10 bài – 30 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Lập lại đúng các nguyên âm và phụ âm trong hệ thống phiên âm quốc tế của tiếng Anh,

+ Thể hiện được khả năng sử dụng những mẫu câu đơn giản với ngữ điệu phù hợp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày,

+ Cải thiện được các phương pháp học tiếng Anh hiệu quả trong học tập và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

1. Baker, A. (2006). Tree or Three? An Elementary Pronunciation Course (2nd edition). Cambridge: Cambridge University Press.

Tài liệu tham khảo

1. Marks, J. (2007). English Pronunciation in Use Elementary. Cambridge: Cambridge University Press.
2. Baker, A. (2006). Ship or Sheep? An Intermediate Pronuniciation Course (3rd edition). Cambridge: Cambridge University Press.

102056 ENGLISH 2

Môn học này cung cấp cho các sinh viên vốn từ vựng cần thiết và các cấu trúc ngữ pháp đơn giản để sử dụng trong các tình huống giao tiếp hằng ngày như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về gia đình, đồ vật, hỏi về thời gian, nói về khả năng, phát biểu cảm nghĩ thích hoặc không thích điều gì, thức ăn, diễn đạt những việc đã làm trong quá khứ và chủ động tiếp tục học tập ở cấp độ cao hơn.

Môn học English 2 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành thành thạo các mẫu câu tiếng Anh đơn giản trong những tình huống giao tiếp thực tế như giới thiệu bản thân, cung cấp thông tin cá nhân, v.v., khi người cùng đối thoại nói chậm và rõ ràng,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng giao tiếp thông dụng để nói và nghe được trong các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày,

+ Thể hiện được sự khéo léo trong khả năng nói và nghe bằng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

1. Cunningham, S., Moor, P., Crace, A. (2013). Cutting Edge: Elementary (3rd edition). England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

1. Rea, D. & Clementson, T. (2014). English Unlimited: Elementary. Cambridge: Cambridge University Press.
2. Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). Speak Now 1. New York: Oxford University Press.

102057 ENGLISH 3

Môn học English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1 và English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp (Elementary). Qua đó, người học có khả năng luyện tập nghe và nói những bài hội thoại, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên bày tỏ quan điểm, ý kiến và cảm xúc bằng tiếng Anh qua các chủ đề và tình huống thực tế như:

- sắp xếp một buổi tối ra ngoài giải trí với bạn
- nói về một món quà mang đặc trưng của đất nước mình để tặng

cho gia đình một người bạn ở nước ngoài
- mô tả ngoại hình, quần áo và tính cách
- hỏi về hàng hóa và dịch vụ
- nói về những dự định và kế hoạch trong tương lai
- nói về học hành và sự nghiệp
- nói chuyện qua điện thoại về những chủ đề khác nhau

và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Môn học English 3 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành hiệu quả kiến thức (từ vựng, thành ngữ, mẫu câu, …) đã học vào việc bày tỏ và diễn đạt cảm nghĩ, ý kiến, và quan điểm bằng tiếng Anh trong giao tiếp phù hợp với từng tình huống cụ thể,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu tiếng Anh ở trình độ sơ cấp (Elementary) trong giao tiếp cuộc sống hằng ngày,

+ Thể hiện được khả năng khéo léo trong nắm bắt các ý tưởng của người nói thông qua những tình huống liên quan đến các chủ đề đã học và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

1. Cunningham S., Moor P., & Crace A. (2013). Cutting Edge (3rd edition): Elementary. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

1. Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). Speak Now
2. New York: Oxford University Press.
2. Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L.A., & Rea, D. (2011). English Unlimited: Elementary Coursebook. Cambridge: Cambridge University Press.

102058 ENGLISH 4

Môn học English 4 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, và English 3 đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh cũng như các kỹ năng ngôn ngữ khác như đọc, viết ở mức độ tiền trung cấp về các lĩnh vực/chủ đề:

+ Giải trí và Thể thao
+ Những sự kiện đã xảy ra
+ Làm việc và nghỉ ngơi
+ Những ngày trọng đại
+ Miêu tả ngoại hình
+ Du lịch
+ Sự thành công

Bên cạnh đó sinh viên được trang bị các thì ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khiếm khuyết giúp sinh viên tự tinh hơn trong giao tiếp hàng ngày và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Môn học English 4 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành những từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu cơ bản trong giao tiếp hằng ngày,

+ Chứng minh được khả năng nghe hiểu những tình huống liên quan đến những chủ đề đã học,

+ Cải thiện hiệu quả khả năng phát biểu về cảm nghĩ, ý kiến, và mong muốn trong giao tiếp, nhằm trao đổi thông tin với người sử dụng tiếng Anh,

+ Thể hiện được sự khéo léo trong giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày như công việc, sở thích, ngoại hình, du lịch, thành công v.v. và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

Cunningham, S., Moor, P. & Crace, A. (2013). Cutting Edge (3rd edition): Pre-Intermediate. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

1. Craven, M. (2012). Breathough Plus 2 (3rd edition). London: Macmillan Education.
2. Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L., A., & Rea, D. (2011). English Unlimited: Pre-intermediate. Cambridge: Cambridge University Press.

102059 ENGLISH 5

English 5 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, 2, 3 và 4, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ-trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: miêu tả các đặc điểm địa lý các vùng miền, miêu tả và so sánh đời sống xưa và nay, chăm sóc sức khỏe, những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống, miêu tả vật dụng, miêu tả tính cách con người, nói về tiền bạc, và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Môn học English 5 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành thành thạo các mẫu câu tiếng Anh trong những tình huống giao tiếp thực tế, trình độ sơ-trung cấp,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng giao tiếp thông dụng, để nói và nghe được trong các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày,

+ Chứng minh được khả năng nghe và nói bằng tiếng Anh ở trình độ sơ-trung cấp và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

Cunningham, S.,Moor P., & Crace, A. (2013). Cutting Edge 3rd edition: Pre-Intermediate. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

1. Rea, D. & Clementson, T. (2014). English Unlimited: Pre-Intermediate. Cambridge: Cambridge University Press.
2. Richards, J.C. & Bohlke, D. (2013). Four Corners 3. Cambridge: Cambridge University Press.

102060 ENGLISH 6

Học phần English 6 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, English 3, English 4 và English 5, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ Trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: lối sống, ký ức tuổi thơ, du lịch, các sự kiện trong cuộc đời, tính cách cá nhân, nghề nghiệp, tường thuật lại câu chuyện và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Môn học tiếng Anh 6 (English 6) gồm 6 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành được từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu ở trình độ trung cấp trong giao tiếp cuộc sống hằng ngày,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu để thảo luận và chia sẻ ý kiến theo cặp và nhóm,

+ Thể hiện được khả năng nghe hiểu chủ ý của người nói liên quan những tình huống và các chủ đề đã được học,

+ Thể hiện sự khéo léo trong việc bày tỏ và diễn đạt ý kiến và quan điểm trong giao tiếp, phù hợp với những tình huống cụ thể và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

Cunningham S., Moor P., & Bygrave J. (2013). Cutting Edge 3rd edition: Intermediate. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

1. Rea, D., & Clementson, T. (2014). English Unlimited: Intermediate. Cambridge: Cambridge University Press.

102061 ENGLISH 7

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và vốn từ vựng liên quan đến:

- Các mẫu thông báo tuyển dụng và yêu cầu tuyển dụng bằng tiếng Anh;
- Sơ yếu lý lịch, thư xin việc bằng tiếng Anh;

Các cuộc hẹn, các cuộc phỏng vấn tuyển dụng qua điện thoại, các cuộc phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp bằng tiếng Anh.

Môn học tiếng Anh 7 (English 7) gồm 5 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Hiểu được các mẫu thông báo tuyển dụng và yêu cầu tuyển dụng bằng tiếng Anh

+ Nắm được cách viết sơ yếu lý lịch, thư xin việc bằng tiếng Anh

+ Nghe hiểu được các cuộc hẹn, các cuộc phỏng vấn tuyển dụng qua điện thoại, các cuộc phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp bằng tiếng Anh

+ Nắm được kỹ năng phỏng vấn xin việc và tự tin trả lời phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

General English Faculty (2016). English 7. LHU (Internal Use Only)

Tài liệu tham khảo

1. Kirsten Campbell-Howes (2013). Writing: A2 Pre-intermediate (Collins English for Life). NTV
2. Kirsten Campbell-Howes & Clare Dignall (2013). Writing: B1+ Intermediate (Collins English for Life). NTV

102062 TOÁN CAO CẤP 2 (Ngành CN Thực phẩm – CN Hóa học – CN Môi trường)

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và một số ứng dụng; Phép tính vi tích phân hàm nhiều biến và phương trình vi phân. Bên

cạnh đó, việc học tập môn học giúp rèn luyện các kĩ năng: Tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, tư duy phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề, mô hình hóa bài toán thực tiễn. Người học có thể vận dụng kiến thức và kĩ năng vào giải quyết các bài toán chuyên ngành có liên quan đến sử dụng công cụ Toán.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) (2008), *Toán cao cấp (Tập 1,3)*, Nhà xuất bản Giáo dục.
2. Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), *Bài tập toán cao cấp (Tập 1,3)*, Nhà xuất bản Giáo dục.

102063 TRIẾT HỌC

Môn học Triết học Mác - Lênin thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho sinh viên những nét khái quát nhất về: Triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội, Giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, Ý thức xã hội, Triết học về con người. Từ đó, biết giải thích các hiện tượng xảy ra trong đời sống xã hội trên nền tảng thế giới quan duy vật, biết hành động theo quy luật khách quan.

Giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). Giáo trình triết học Mác – Lênin. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo

[2]. C.Mác & Ph.Ăngghen. (1995). Toàn tập. Hà Nội: Chính trị quốc gia.
[3]. V.I.Lênin. (2005). Toàn tập. Hà Nội: Chính trị quốc gia.
[4]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
[5]. Tạp chí Triết học - Viện Triết học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
[6]. Website: http://www.dangcongsan.vn

102064 KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho người học những nét khái quát nhất về: Đề đối tượng, phương pháp và sự cần thiết nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Các nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh mới, chẳng hạn: Hàng hóa, thị trường, các quy luật của kinh tế thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay,… Từ đó, có thể giải thích các hiện tượng kinh tế - xã hội cũng như vận dụng các quan điểm đó vào việc nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống.

Giáo trình

[1]. Bộ giáo dục và đào tạo. (2021). Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo[2]

[2]. C.Mác-Ăngghen. (1995). Toàn tập. Hà Nội: Chính trị quốc gia.
[3]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
[4]. Website: http://www.dangcongsan.vn

102065 CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng xã hội chủ nghĩa và hững nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Từ đó, sinh viên có thể giải thích những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; Hình thành, củng cố niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo[3]

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Hà Nội: Chính trị quốc gia.
[3]. C.Mác & Ph.Ăngghen. (2011). Toàn tập. Hà Nội: Chính trị quốc gia.
[4]. Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập (16 tập). Hà Nội: Chính trị quốc gia.
[6]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
[7]. Website: http://www.dangcongsan.vn

102066 LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT

[2] Tài liệu [2] chưa có tài liệu thay thế

[3] Tài liệu [3],[4] chưa có tài liệu thay thế

NAM

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho sinh viên những nét khái quát nhất về: Mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học; Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời của Đảng; Quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành chính quyền (1930-1945), kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1954); Quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2018), khẳng định những thành công, nêu lên những hạn chế và tổng kết các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công việc và đời sống, góp phần xây dựng ý thức trách nhiệm cá nhân trong quá trình bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Giáo trình

[1]. Bộ giáo dục và đào tạo (2021). Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo

[2]. Các Văn kiện Đại hội, Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam từ Đại hội đại biểu lần thứ I đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII

[3]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[4]. Website: http://www.dangcongsan.vn

102067 VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (cho ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện và Điện tử).

Học phần Vật lý đại cương (ngành công nghệ kỹ thuật điện và điện tử) cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ học chất điểm và hệ chất điểm, cân bằng của vật rắn, sự chuyển hóa giữa các dạng năng lượng, trường điện từ và các ứng dụng của chúng trong ngành công nghệ kỹ thuật điện và điện tử. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được trải nghiệm qua ba bài thí nghiệm về các dao động cơ, dao động điện từ, quang học.

Tài liệu học tập:

1. Trần Phú Cường (2022), V*ật lý đại cương (ngành cơ điện)*, Lưu hành nội bộ.
2. Tài liệu tham khảo:
   https://phet.colorado.edu/
   https://ophysics.com/index.html
   http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html

102068 ENGLISH 2

Môn học này cung cấp cho các sinh viên vốn từ vựng cần thiết và các cấu trúc ngữ pháp đơn giản để sử dụng trong các tình huống giao tiếp hằng ngày như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về gia đình, đồ vật, hỏi về thời gian, nói về khả năng, phát biểu cảm nghĩ thích hoặc không thích điều gì, thức ăn, diễn đạt những việc đã làm trong quá khứ và chủ động tiếp tục học tập ở cấp độ cao hơn.

Môn học English 2 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành thành thạo các mẫu câu tiếng Anh đơn giản trong những tình huống giao tiếp thực tế như giới thiệu bản thân, cung cấp thông tin cá nhân, v.v., khi người cùng đối thoại nói chậm và rõ ràng,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng giao tiếp thông dụng để nói và nghe được trong các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày,

+ Thể hiện được sự khéo léo trong khả năng nói và nghe bằng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

1. Cunningham, S., Moor, P., Crace, A. (2013). Cutting Edge: Elementary (3rd edition). England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

3. Rea, D. & Clementson, T. (2014). English Unlimited: Elementary. Cambridge: Cambridge University Press.
4. Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). Speak Now 1. New York: Oxford University Press.

102069 ENGLISH 3

Môn học English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1 và English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp (Elementary). Qua đó, người học có khả năng luyện tập nghe và nói những bài hội thoại, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên bày tỏ quan điểm, ý kiến và cảm xúc bằng tiếng Anh qua các chủ đề và tình huống thực tế như:

- sắp xếp một buổi tối ra ngoài giải trí với bạn
- nói về một món quà mang đặc trưng của đất nước mình để tặng cho gia đình một người bạn ở nước ngoài
- mô tả ngoại hình, quần áo và tính cách
- hỏi về hàng hóa và dịch vụ
- nói về những dự định và kế hoạch trong tương lai
- nói về học hành và sự nghiệp

– nói chuyện qua điện thoại về những chủ đề khác nhau

và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Môn học English 3 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành hiệu quả kiến thức (từ vựng, thành ngữ, mẫu câu, …) đã học vào việc bày tỏ và diễn đạt cảm nghĩ, ý kiến, và quan điểm bằng tiếng Anh trong giao tiếp phù hợp với từng tình huống cụ thể,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu tiếng Anh ở trình độ sơ cấp (Elementary) trong giao tiếp cuộc sống hằng ngày,

+ Thể hiện được khả năng khéo léo trong nắm bắt các ý tưởng của người nói thông qua những tình huống liên quan đến các chủ đề đã học và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

<u>Giáo trình</u>

2. Cunningham S., Moor P., & Crace A. (2013). Cutting Edge (3rd edition): Elementary. Harlow: Pearson Education Limited.

<u>Tài liệu tham khảo</u>

3. Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). Speak Now 2. New York: Oxford University Press.
4. Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L.A., & Rea, D. (2011). English Unlimited: Elementary Coursebook. Cambridge: Cambridge University Press.

102070 ENGLISH 4

Môn học English 4 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, và English 3 đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh cũng như các kỹ năng ngôn ngữ khác như đọc, viết ở mức độ tiền trung cấp về các lĩnh vực/chủ đề:

+ Giải trí và Thể thao
+ Những sự kiện đã xảy ra
+ Làm việc và nghỉ ngơi
+ Những ngày trọng đại
+ Miêu tả ngoại hình
+ Du lịch
+ Sự thành công

Bên cạnh đó sinh viên được trang bị các thì ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khiếm khuyết giúp sinh viên tự tinh hơn trong giao tiếp hàng ngày và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Môn học English 4 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành những từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu cơ bản trong giao tiếp hằng ngày,

+ Chứng minh được khả năng nghe hiểu những tình huống liên quan đến những chủ đề đã học,

+ Cải thiện hiệu quả khả năng phát biểu về cảm nghĩ, ý kiến, và mong muốn trong giao tiếp, nhằm trao đổi thông tin với người sử dụng tiếng Anh,

+ Thể hiện được sự khéo léo trong giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày như công việc, sở thích, ngoại hình, du lịch, thành công v.v. và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

<u>Giáo trình</u>

Cunningham, S., Moor, P. & Crace, A. (2013). Cutting Edge (3rd edition): Pre-Intermediate. England: Pearson Education Limited.

<u>Tài liệu tham khảo</u>

3. Craven, M. (2012). Breathough Plus 2 (3rd edition). London: Macmillan Education.
4. Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L., A., & Rea, D. (2011). English Unlimited: Pre-intermediate. Cambridge: Cambridge University Press.

102071 ENGLISH 5

English 5 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, 2, 3 và 4, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ-trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: miêu tả các đặc điểm địa lý các vùng miền, miêu tả và so sánh đời sống xưa và nay, chăm sóc sức khỏe, những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống, miêu tả vật dụng, miêu tả tính cách con người, nói về tiền bạc, và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Môn học English 5 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành thành thạo các mẫu câu tiếng Anh trong những tình huống giao tiếp thực tế, trình độ sơ-trung cấp,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng giao tiếp thông dụng, để nói và nghe được trong các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày,

+ Chứng minh được khả năng nghe và nói bằng tiếng Anh ở trình độ sơ-trung cấp và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

Cunningham, S.,Moor P., & Crace, A. (2013). Cutting Edge 3rd edition: Pre-Intermediate. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

3. Rea, D. & Clementson, T. (2014). English Unlimited: Pre-Intermediate. Cambridge: Cambridge University Press.
4. Richards, J.C. & Bohlke, D. (2013). Four Corners 3. Cambridge: Cambridge University Press.

102072 ENGLISH 6

Học phần English 6 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, English 3, English 4 và English 5, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ Trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: lối sống, ký ức tuổi thơ, du lịch, các sự kiện trong cuộc đời, tính cách cá nhân, nghề nghiệp, tường thuật lại câu chuyện và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Môn học tiếng Anh 6 (English 6) gồm 6 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành được từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu ở trình độ trung cấp trong giao tiếp cuộc sống hằng ngày,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu để thảo luận và chia sẻ ý kiến theo cặp và nhóm,

+ Thể hiện được khả năng nghe hiểu chủ ý của người nói liên quan những tình huống và các chủ đề đã được học,

+ Thể hiện sự khéo léo trong việc bày tỏ và diễn đạt ý kiến và quan điểm trong giao tiếp, phù hợp với những tình huống cụ thể và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

Cunningham S., Moor P., & Bygrave J. (2013). Cutting Edge 3rd edition: Intermediate. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

2. Rea, D., & Clementson, T. (2014). English Unlimited: Intermediate. Cambridge: Cambridge University Press.

102073 TOÁN CAO CẤP 1 (Ngành công nghệ thông tin)

Môn Toán cao cấp 1 trang bị cho sinh viên ngành công nghệ thông tin các kiến thức cơ bản về: phép tính tích phân hàm một biến, ứng dụng giải các phương trình vi phân cấp 1, cấp 2, khái niệm ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính và một số ứng dụng.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) (2008), *Toán cao cấp (Tập 1 và 2),* Nhà xuất bản Giáo dục.
2. Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), *Bài tập toán cao cấp (Tập 1 và 2),* Nhà xuất bản Giáo dục.

102074 ENGLISH 1

Môn học giới thiệu cho sinh viên phương pháp học tiếng Anh, các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, cách sử dụng các loại từ điển.

Môn học giới thiệu cho sinh viên cách nhận biết và phát âm đúng theo hệ thống phiên âm quốc tế, cách nhấn trọng âm của từ và các loại ngữ điệu phổ biến trong văn nói.

Môn học tiếng Anh 1 (English 1) gồm 10 bài – 30 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Lập lại đúng các nguyên âm và phụ âm trong hệ thống phiên âm quốc tế của tiếng Anh,

+ Thể hiện được khả năng sử dụng những mẫu câu đơn giản với ngữ điệu phù hợp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày,

+ Cải thiện được các phương pháp học tiếng Anh hiệu quả trong học tập và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

3. Baker, A. (2006). Tree or Three? An Elementary Pronunciation Course (2nd edition). Cambridge: Cambridge University Press.

Tài liệu tham khảo

2. Marks, J. (2007). English Pronunciation in Use Elementary. Cambridge: Cambridge University Press.
4. Baker, A. (2006). Ship or Sheep? An Intermediate Pronuniciation Course (3rd edition). Cambridge: Cambridge University Press.

102075 ENGLISH 2

Môn học này cung cấp cho các sinh viên vốn từ vựng cần thiết và các cấu trúc ngữ pháp đơn giản để sử dụng trong các tình huống giao tiếp hằng ngày như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về gia đình, đồ vật, hỏi về thời gian, nói về khả năng, phát biểu cảm nghĩ thích hoặc không thích điều gì, thức ăn, diễn đạt những việc đã làm trong quá khứ và chủ động tiếp tục học tập ở cấp độ cao hơn.

Môn học English 2 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành thành thạo các mẫu câu tiếng Anh đơn giản trong những tình huống giao tiếp thực tế như giới thiệu bản thân, cung cấp thông tin cá nhân, v.v., khi người cùng đối thoại nói chậm và rõ ràng,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng giao tiếp thông dụng để nói và nghe được trong các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày,

+ Thể hiện được sự khéo léo trong khả năng nói và nghe bằng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

1. Cunningham, S., Moor, P., Crace, A. (2013). Cutting Edge: Elementary (3rd edition). England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

5. Rea, D. & Clementson, T. (2014). English Unlimited: Elementary. Cambridge: Cambridge University Press.
6. Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). Speak Now 1. New York: Oxford University Press.

102076 ENGLISH 3

Môn học English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1 và English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp (Elementary). Qua đó, người học có khả năng luyện tập nghe và nói những bài hội thoại, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên bày tỏ quan điểm, ý kiến và cảm xúc bằng tiếng Anh qua các chủ đề và tình huống thực tế như:

- sắp xếp một buổi tối ra ngoài giải trí với bạn
- nói về một món quà mang đặc trưng của đất nước mình để tặng cho gia đình một người bạn ở nước ngoài
- mô tả ngoại hình, quần áo và tính cách
- hỏi về hàng hóa và dịch vụ
- nói về những dự định và kế hoạch trong tương lai
- nói về học hành và sự nghiệp
- nói chuyện qua điện thoại về những chủ đề khác nhau

và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Môn học English 3 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành hiệu quả kiến thức (từ vựng, thành ngữ, mẫu câu, …) đã học vào việc bày tỏ và diễn đạt cảm nghĩ, ý kiến, và quan điểm bằng tiếng Anh trong giao tiếp phù hợp với từng tình huống cụ thể,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu tiếng Anh ở trình độ sơ cấp (Elementary) trong giao tiếp cuộc sống hằng ngày,

+ Thể hiện được khả năng khéo léo trong nắm bắt các ý tưởng của người nói thông qua những tình huống liên quan đến các chủ đề đã học và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

3. Cunningham S., Moor P., & Crace A. (2013). Cutting Edge (3rd edition): Elementary. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

5. Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). Speak Now 2. New York: Oxford University Press.
6. Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L.A., & Rea, D. (2011). English Unlimited: Elementary Coursebook. Cambridge: Cambridge University Press.

102077 ENGLISH 4

Môn học English 4 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, và English 3 đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh cũng như các kỹ năng ngôn ngữ khác như đọc, viết ở mức độ tiền trung cấp về các lĩnh vực/chủ đề:

+ Giải trí và Thể thao
+ Những sự kiện đã xảy ra
+ Làm việc và nghỉ ngơi
+ Những ngày trọng đại
+ Miêu tả ngoại hình
+ Du lịch
+ Sự thành công

Bên cạnh đó sinh viên được trang bị các thì ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn,

quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khiếm khuyết giúp sinh viên tự tinh hơn trong giao tiếp hàng ngày và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Môn học English 4 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành những từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu cơ bản trong giao tiếp hằng ngày,

+ Chứng minh được khả năng nghe hiểu những tình huống liên quan đến những chủ đề đã học,

+ Cải thiện hiệu quả khả năng phát biểu về cảm nghĩ, ý kiến, và mong muốn trong giao tiếp, nhằm trao đổi thông tin với người sử dụng tiếng Anh,

+ Thể hiện được sự khéo léo trong giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày như công việc, sở thích, ngoại hình, du lịch, thành công v.v. và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

Cunningham, S., Moor, P. & Crace, A. (2013). Cutting Edge (3rd edition): Pre-Intermediate. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

5. Craven, M. (2012). Breathough Plus 2 (3rd edition). London: Macmillan Education.
6. Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L., A., & Rea, D. (2011). English Unlimited: Pre-intermediate. Cambridge: Cambridge University Press.

102078 ENGLISH 5

English 5 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, 2, 3 và 4, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ-trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: miêu tả các đặc điểm địa lý các vùng miền, miêu tả và so sánh đời sống xưa và nay, chăm sóc sức khỏe, những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống, miêu tả vật dụng, miêu tả tính cách con người, nói về tiền bạc, và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Môn học English 5 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành thành thạo các mẫu câu tiếng Anh trong những tình huống giao tiếp thực tế, trình độ sơ-trung cấp,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng giao tiếp thông dụng, để nói và nghe được trong các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày,

+ Chứng minh được khả năng nghe và nói bằng tiếng Anh ở trình độ sơ-trung cấp và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

Cunningham, S.,Moor P., & Crace, A. (2013). Cutting Edge 3rd edition: Pre-Intermediate. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

5. Rea, D. & Clementson, T. (2014). English Unlimited: Pre-Intermediate. Cambridge: Cambridge University Press.
6. Richards, J.C. & Bohlke, D. (2013). Four Corners 3. Cambridge: Cambridge University Press.

102079 ENGLISH 6

Học phần English 6 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, English 3, English 4 và English 5, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ Trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: lối sống, ký ức tuổi thơ, du lịch, các sự kiện trong cuộc đời, tính cách cá nhân, nghề nghiệp, tường thuật lại câu chuyện và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Môn học tiếng Anh 6 (English 6) gồm 6 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành được từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu ở trình độ trung cấp trong giao tiếp cuộc sống hằng ngày,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu để thảo luận và chia sẻ ý kiến theo cặp và nhóm,

+ Thể hiện được khả năng nghe hiểu chủ ý của người nói liên quan những tình huống và các chủ đề đã được học,

+ Thể hiện sự khéo léo trong việc bày tỏ và diễn đạt ý kiến và quan điểm trong giao tiếp, phù

hợp với những tình huống cụ thể và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

Cunningham S., Moor P., & Bygrave J. (2013). Cutting Edge 3rd edition: Intermediate. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

3. Rea, D., & Clementson, T. (2014). English Unlimited: Intermediate. Cambridge: Cambridge University Press.

102080 ENGLISH 7

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và vốn từ vựng liên quan đến:

- Các mẫu thông báo tuyển dụng và yêu cầu tuyển dụng bằng tiếng Anh;
- Sơ yếu lý lịch, thư xin việc bằng tiếng Anh;

Các cuộc hẹn, các cuộc phỏng vấn tuyển dụng qua điện thoại, các cuộc phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp bằng tiếng Anh.

Môn học tiếng Anh 7 (English 7) gồm 5 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Hiểu được các mẫu thông báo tuyển dụng và yêu cầu tuyển dụng bằng tiếng Anh

+ Nắm được cách viết sơ yếu lý lịch, thư xin việc bằng tiếng Anh

+ Nghe hiểu được các cuộc hẹn, các cuộc phỏng vấn tuyển dụng qua điện thoại, các cuộc phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp bằng tiếng Anh

+ Nắm được kỹ năng phỏng vấn xin việc và tự tin trả lời phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh.

102081 Ngoại ngữ 1

Môn học giới thiệu cho sinh viên phương pháp học tiếng Anh, các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, cách sử dụng các loại từ điển.

Môn học giới thiệu cho sinh viên cách nhận biết và phát âm đúng theo hệ thống phiên âm quốc tế, cách nhấn trọng âm của từ và các loại ngữ điệu phổ biến trong văn nói.

Môn học tiếng Anh 1 (English 1) gồm 10 bài – 30 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Lập lại đúng các nguyên âm và phụ âm trong hệ thống phiên âm quốc tế của tiếng Anh,

+ Thể hiện được khả năng sử dụng những mẫu câu đơn giản với ngữ điệu phù hợp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày,

+ Cải thiện được các phương pháp học tiếng Anh hiệu quả trong học tập và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

5. Baker, A. (2006). Tree or Three? An Elementary Pronunciation Course (2nd edition). Cambridge: Cambridge University Press.

Tài liệu tham khảo

3. Marks, J. (2007). English Pronunciation in Use Elementary. Cambridge: Cambridge University Press.
6. Baker, A. (2006). Ship or Sheep? An Intermediate Pronuniciation Course (3rd edition). Cambridge: Cambridge University Press.

102082 Ngoại ngữ 2

Môn học này cung cấp cho các sinh viên vốn từ vựng cần thiết và các cấu trúc ngữ pháp đơn giản để sử dụng trong các tình huống giao tiếp hằng ngày như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về gia đình, đồ vật, hỏi về thời gian, nói về khả năng, phát biểu cảm nghĩ thích hoặc không thích điều gì, thức ăn, diễn đạt những việc đã làm trong quá khứ và chủ động tiếp tục học tập ở cấp độ cao hơn.

Môn học English 2 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành thành thạo các mẫu câu tiếng Anh đơn giản trong những tình huống giao tiếp thực tế như giới thiệu bản thân, cung cấp thông tin cá nhân, v.v., khi người cùng đối thoại nói chậm và rõ ràng,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng giao tiếp thông dụng để nói và nghe được trong các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày,

+ Thể hiện được sự khéo léo trong khả năng nói và nghe bằng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

1. Cunningham, S., Moor, P., Crace, A. (2013). Cutting Edge: Elementary (3rd edition). England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

7. Rea, D. & Clementson, T. (2014). English Unlimited: Elementary. Cambridge: Cambridge University Press.

8. Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). Speak Now 1. New York: Oxford University Press.

102083 Ngoại ngữ 3

Môn học English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1 và English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp (Elementary). Qua đó, người học có khả năng luyện tập nghe và nói những bài hội thoại, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên bày tỏ quan điểm, ý kiến và cảm xúc bằng tiếng Anh qua các chủ đề và tình huống thực tế như:

- sắp xếp một buổi tối ra ngoài giải trí với bạn
- nói về một món quà mang đặc trưng của đất nước mình để tặng cho gia đình một người bạn ở nước ngoài
- mô tả ngoại hình, quần áo và tính cách
- hỏi về hàng hóa và dịch vụ
- nói về những dự định và kế hoạch trong tương lai
- nói về học hành và sự nghiệp
- nói chuyện qua điện thoại về những chủ đề khác nhau

và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Môn học English 3 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành hiệu quả kiến thức (từ vựng, thành ngữ, mẫu câu, …) đã học vào việc bày tỏ và diễn đạt cảm nghĩ, ý kiến, và quan điểm bằng tiếng Anh trong giao tiếp phù hợp với từng tình huống cụ thể,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu tiếng Anh ở trình độ sơ cấp (Elementary) trong giao tiếp cuộc sống hằng ngày,

+ Thể hiện được khả năng khéo léo trong nắm bắt các ý tưởng của người nói thông qua những tình huống liên quan đến các chủ đề đã học và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

<u>Giáo trình</u>

4. Cunningham S., Moor P., & Crace A. (2013). Cutting Edge (3rd edition): Elementary. Harlow: Pearson Education Limited.

<u>Tài liệu tham khảo</u>

7. Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). Speak Now 2. New York: Oxford University Press.
8. Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L.A., & Rea, D. (2011). English Unlimited: Elementary Coursebook. Cambridge: Cambridge University Press.

102084 Ngoại ngữ 4

Môn học English 4 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, và English 3 đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh cũng như các kỹ năng ngôn ngữ khác như đọc, viết ở mức độ tiền trung cấp về các lĩnh vực/chủ đề:

+ Giải trí và Thể thao
+ Những sự kiện đã xảy ra
+ Làm việc và nghỉ ngơi
+ Những ngày trọng đại
+ Miêu tả ngoại hình
+ Du lịch
+ Sự thành công

Bên cạnh đó sinh viên được trang bị các thì ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khiếm khuyết giúp sinh viên tự tinh hơn trong giao tiếp hàng ngày và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Môn học English 4 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành những từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu cơ bản trong giao tiếp hằng ngày,

+ Chứng minh được khả năng nghe hiểu những tình huống liên quan đến những chủ đề đã học,

+ Cải thiện hiệu quả khả năng phát biểu về cảm nghĩ, ý kiến, và mong muốn trong giao tiếp, nhằm trao đổi thông tin với người sử dụng tiếng Anh,

+ Thể hiện được sự khéo léo trong giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày như công việc, sở thích, ngoại hình, du lịch, thành công v.v. và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

<u>Giáo trình</u>

Cunningham, S., Moor, P. & Crace, A. (2013). Cutting Edge (3rd edition): Pre-Intermediate. England: Pearson Education Limited.

<u>Tài liệu tham khảo</u>

7. Craven, M. (2012). Breathough Plus 2 (3rd edition). London: Macmillan Education.
8. Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L., A., & Rea, D. (2011). English Unlimited: Pre-intermediate. Cambridge: Cambridge University Press.

102085 Ngoại ngữ 5

English 5 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, 2, 3 và 4, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ-trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: miêu tả các đặc điểm địa lý các vùng miền, miêu tả và so sánh đời sống xưa và nay, chăm sóc sức khỏe, những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống, miêu tả vật dụng, miêu tả tính cách con người, nói về tiền bạc, và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Môn học English 5 gồm 7 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành thành thạo các mẫu câu tiếng Anh trong những tình huống giao tiếp thực tế, trình độ sơ-trung cấp,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng giao tiếp thông dụng, để nói và nghe được trong các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày,

+ Chứng minh được khả năng nghe và nói bằng tiếng Anh ở trình độ sơ-trung cấp và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

Cunningham, S.,Moor P., & Crace, A. (2013). Cutting Edge 3rd edition: Pre-Intermediate. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

7. Rea, D. & Clementson, T. (2014). English Unlimited: Pre-Intermediate. Cambridge: Cambridge University Press.
8. Richards, J.C. & Bohlke, D. (2013). Four Corners 3. Cambridge: Cambridge University Press.

102086 Ngoại ngữ 6

Học phần English 6 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, English 3, English 4 và English 5, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ Trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: lối sống, ký ức tuổi thơ, du lịch, các sự kiện trong cuộc đời, tính cách cá nhân, nghề nghiệp, tường thuật lại câu chuyện và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Môn học tiếng Anh 6 (English 6) gồm 6 bài – 45 tiết.

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

+ Thực hành được từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu ở trình độ trung cấp trong giao tiếp cuộc sống hằng ngày,

+ Cải thiện hiệu quả vốn từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu để thảo luận và chia sẻ ý kiến theo cặp và nhóm,

+ Thể hiện được khả năng nghe hiểu chủ ý của người nói liên quan những tình huống và các chủ đề đã được học,

+ Thể hiện sự khéo léo trong việc bày tỏ và diễn đạt ý kiến và quan điểm trong giao tiếp, phù hợp với những tình huống cụ thể và chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

Cunningham S., Moor P., & Bygrave J. (2013). Cutting Edge 3rd edition: Intermediate. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

4. Rea, D., & Clementson, T. (2014). English Unlimited: Intermediate. Cambridge: Cambridge University Press.

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

General English Faculty (2016). English 7. LHU (Internal Use Only)

Tài liệu tham khảo

3. Kirsten Campbell-Howes (2013). Writing: A2 Pre-intermediate (Collins English for Life). NTV
4. Kirsten Campbell-Howes & Clare Dignall (2013). Writing: B1+ Intermediate (Collins English for Life). NTV

102087 –XÁC SUẤT THỐNG KÊ – KHOA CNTT.

Học phần này trang bị các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm: Xác suất và các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số và ứng dụng thống kê vào thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Sơn (2009), Lê Khánh Luận, Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Nhà xuất bản Thống kê. (Tài liệu đặc thù)

2. Nguyễn Thanh Sơn, Lê Khánh Luận, Phạm Trí Cao (2010), Bài tập Xác suất và Thống kê toán, Nhà xuất bản Thống kê. (Tài liệu đặc thù)

102088 TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (WORD, EXCEL, INTERNET, POWERPOINT) - KHOA DƯỢC.

Môn học bao gồm 3 phần: những hiểu biết cơ bản về tin học; tin học văn phòng; sử dụng internet và e-mail.

4. Phần những hiểu biết cơ bản về tin học trình bày các kiến thức như:
- Các khái niệm cơ bản về thiết bị phần cứng, phần mềm,…
- Các khái niệm về hệ điều hành;
- Các thao tác cơ bản sử dụng hệ điều hành Windows;
- Quản lý cây thư mục và dữ liệu;
- Gõ dấu tiếng Việt trong Windows;
5. Phần tin học văn phòng trình bày ba phần mềm thông dụng của hãng Microsoft là MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.
6. Phần sử dụng internet và E-mail trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet….

Tài liệu học tập:

Giáo trình

1. IIG Việt Nam (Oct 2016). Microsoft Office Word 2016 – Nhà xuất bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh
2. IIG Việt Nam (Oct 2016). Microsoft Office Excel 2016 – Nhà xuất bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh
3. IIG Việt Nam (Oct 2016). Microsoft Office PowerPoint 2016 – Nhà xuất bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh

Phần mềm, công cụ hỗ trợ thực hành:

1. Microsoft Windows 10
2. Microsoft Office 2016.

102089 XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y DƯỢC

Học phần này trang bị các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm: Xác suất, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê và các ứng dụng cho ngành Dược.

Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Hấn (1996), *Xác suất thống kê,* Nhà xuất bản thống kê.
2. Nguyễn Thanh Sơn (2009), Lê Khánh Luận, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán,* Nhà xuất bản Thống kê.
3. Nguyễn Thanh Sơn, Lê Khánh Luận, Phạm Trí Cao (2010), *Bài tập Xác suất và Thống kê toán,* Nhà xuất bản Thống Kê.

TỐT NGHIỆP

Sinh viên tham gia thực tập tốt nghiệp 5 tháng tại các công ty, xí nghiệp trên địa bàn Đồng Nai và các tỉnh lân cận nhằm ứng dụng các kiến thức được trang bị trên giảng đường để giải quyết các vấn đề thức tế tại doanh nghiệp. Sinh viên được trang bị khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm với đối tác trong và ngoài nước. Sau quá trình thực tập, sinh viên phải viết báo cáo và tham gia thi tốt nghiệp, môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành.

Riêng những sinh viên có điểm trung bình tích lũy từ 7.0 trở lên sẽ tham gia thực tập tốt nghiệp 4 tháng tại doanh nghiệp đồng thời hoàn thiện đề tài nghiên cứu khoa học và báo cáo tại hội đồng khoa học cấp Khoa hoặc cấp Trường…

111010 - Toán rời rạc

Môn học này cung cấp những kiến thức tối thiểu của toán học rời rạc dùng làm cơ sở cho việc học tập chuyên sâu về khoa học máy tính, kể cả hai lĩnh vực phần cứng và phần mềm. Những vấn đề cơ bản thuộc lý thuyết tập hợp, logic toán, đại số mệnh đề, đại số quan hệ, lý thuyết thuật toán, lý thuyết đồ thị hữu hạn và kỹ thuật số sẽ được đề cập đến. Môn học sẽ giúp sinh viên hình thành được lối tư duy logic, rành mạch, chính xác và có cách nhìn "rời rạc hóa những quá trình liên tục", nhờ vậy, họ sẽ có thể tiếp thu dễ dàng hơn những kiến thức sâu rộng đang phát triển không ngừng trong lĩnh vực tin học và công nghệ thông tin

Tài liệu tham khảo:

[1]. Đỗ Đức Giáo, Toán rời rạc ứng dụng trong tin học. 2020 – NXB Giáo dục Việt Nam

111036 - Dịch vụ mạng

Trang bị những kiến thức cơ sở các loại đường truyền mạng LAN, các thiết bị mạng LAN, cách chọn thiết bị mạng LAN, đường truyền mạng LAN, các bước thiết kế và thi công hệ thống mạng LAN, kết nối thiết bị mạng LAN, thiết kế IP cho mạng và kiểm thử mạng LAN. Học theo chương trình CCNA

Tài liệu tham khảo:

[1]. Textbook: Java Programming for Android Developers For Dummies, 2nd Edition, 2018.
[2]. Developer Guides, Google Inc., 2021 https://developer.android.com/guide

111038 - Phát triển ứng dụng

Giúp sinh viên có kinh nghiệm vận dụng kiến thức chuyên ngành đã học thực hiện một dự án thực tế bằng ứng dụng web hoặc windows form. Sinh viên theo hướng dẫn của giáo viên sẽ tự nghiên cứu bài

toán; rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm; làm quen với cách trình bày một bài báo khoa học

Tài liệu tham khảo:

[1]. Software Development A Practical Approach, Hans-Petter Halvorsen, 2020

[2]. A Beginner's Guide to Agile Business Analysis, Ahmed Fawzy, 2020

111040 - Phát triển phần mềm mã nguồn mở

Hiểu được thế nào là phần mềm tự do, phần mềm mã nguồn mở, một số License phần mềm mã nguồn mở phổ biến, những lợi ích của việc sử dụng phần mềm mã nguồn mở, trình bày được mô hình phát triển phần mềm mã nguồn mở, làm quen với các môi trường, tiện ích thường dùng để phát triển phần mềm mã nguồn mở

Tài liệu tham khảo:

[1]. Producing Open Source Software: How to Run a Successful Free Software Project 2nd edition 2020.

111043 - Phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng

Cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin, về phân tích, thiết kế, xây dựng và triển khai một hệ thống thông tin. Kiến thức về phương pháp phân tích một hệ thống thông tin, đặc biệt là phương pháp hướng cấu trúc, giúp sinh viên có thể áp dụng để giải quyết các bài toán trong thực tế; Phân tích, thiết kế, cài đặt hệ thống thông tin quản lý.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Object-Oriented Modeling and Design using UML, Dang Van Duc, 2018

[2]. "The Unified Modeling Language User Guide", Grady Booch, James Rumbaugh, Ivar Jacobson, 12th Impression, 2018, PEARSON

111046 - Vật lý thực hành

Vật lý đại cương bao gồm các nội dung cơ bản về Vật lý học và có quan hệ chặt chẽ với nhiều ngành khoa học tự nhiên khác như: Toán, Hóa, Sinh, Địa lý, Địa chất, Môi trường, Khí tượng–Thủy văn–Hải dương học,... Với các đối tượng không chuyên thì Vật lý đại cương được đào tạo cơ bản về Cơ Nhiệt và Điện Quang

Tài liệu tham khảo:

[1]. Tran Phu Cuong (2021), Experiment in Physics, internal circulation (Vietnamese).

[2]. Website 1: https://phet.colorado.edu/

[3]. Website 2: http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html

111047 - Điện tử cơ bản

Cung cấp kiến thức về các linh kiện, cấu tạo, đặc tính và nguyên lý hoạt động của linh kiện điện tử: thụ động, bán dẫn và mạch điện tử. Các ứng dụng Transistor trong thiết kế mạch khuếch đại, giao động và mạch xung

Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình kỹ thuật số, Ngô Văn Bình, Đại Học Lạc Hồng, 2020.

111048 - Tín hiệu số cơ bản

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kỹ thuật số: các hệ thống số đếm, hệ tuần tự, mạch logic lập trình và vấn đề giao tiếp.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình kỹ thuật số, Ngô Văn Bình, Đại Học Lạc Hồng, 2020.

111049 - Thực tập

Môn học này là cơ hội để sinh viên thực hành vận dụng những kiến thức (lý thuyết, thực hành) mà mình đã học tại trường vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ thông tin tại đơn vị, Tổ chức và doanh nghiệp. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng thực hành, lập trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng vận dụng các giải pháp CNTT phù hợp để giải quyết vấn đề thực tiễn. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng trình bày.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Tài liệu hướng dẫn trình bày báo cáo thực tập, Đại học Lạc Hồng, 2021.

[2]. Nguồn tài liệu có liên quan đến nội dung thực tập trong thời gian thực hiện.

111051 - Cấu trúc và lắp ráp máy tính {Khóa 2021}

Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về máy tính, các thế hệ máy tính, kiến trúc máy tính IBM PC và các thiết bị cấu thành hệ thống máy tính. Giúp sinh viên nhận dạng các thiết bị và hiểu được nguyên lý hoạt động của một số hệ thống trong máy tính

Tài liệu tham khảo:

[1]. Computer architecture curriculum, Vu Duc Lung, 2019

[2]. IT Essentials PC Hardware and Software Companion Guide 3rd, CISCO Academy, 2021, netacad.com

111053 - Nhập môn Phát triển dự án kỹ thuật

Nhập môn Phát triển dự án kỹ thuật với mục tiêu lấy người học làm trung tâm. Dựa trên các yêu cầu trong môi trường xung quanh và tính chất kỹ thuật để có thể thiết kế và kết hợp quy cung cấp giải pháp cho các vấn đề thực tế đáp ứng các nhu cầu của con người, cộng đồng và môi trường với các tổ chức cộng đồng địa phương và toàn cầu để giải quyết.

Môn học cung cấp các bước cần thiết để chuyển từ ý tưởng thiết kế, chuẩn bị chuyên môn và kết hợp để hoàn thiện dần sản phẩm cũng như quy trình làm việc của bản thân

Tài liệu tham khảo:

[1]. The Engineering Projects in Community Service course, BUILD-IT Program (2017 - 2022).
[2]. EPICS playbook. 2021.
https://sites.google.com/asu.edu/epicstrainerresources/plans-curriculum

111054 - Thực tập tốt nghiệp 1

Môn học này là cơ hội để sinh viên thực hành vận dụng những kiến thức (lý thuyết, thực hành) mà mình đã học tại trường vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ thông tin tại đơn vị, Tổ chức và doanh nghiệp. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng thực hành, lập trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng vận dụng các giải pháp CNTT phù hợp để giải quyết vấn đề thực tiễn. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng trình bày.

Đây là lần thực tập giữa kỳ của sinh viên, giúp sinh viên rút ra được những công việc mà doanh nghiệp hiện đang thực hiện theo với chuyên ngành sinh viên được đào tạo. Từ đó, giúp sinh viên định hướng cho công việc trong tương lai.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Tài liệu cần thiết cho công việc do cán bộ hướng dẫn tại đơn vị thực tập cung cấp.
[2]. Tài liệu hướng dẫn trình bày báo cáo thực tập của khoa Công nghệ thông tin

111055 - Nhập môn Công nghệ thông tin

Nhập môn công nghệ thông tin là học phần nền tảng cho những học phần khác liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin sau này. Học phần sẽ giới thiệu cho sinh viên lịch sử, các thành phần của máy tính. Học phần cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về cách biểu diễn dữ liệu trong máy tính, các thành phần cơ bản của hệ điều hành, kiến thức về mạng máy tính. Ngoài ra học phần còn trình bày các nguyên tắc, kĩ năng thuyết trình, trình bày báo cáo, sử dụng bảng tính. Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có cái nhìn đúng đắn về vai trò và trách nhiệm của mình đối với các nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin

Tài liệu tham khảo:

[1]. Nell Dale and John Lewis, " Computer science illuminated, Sixth Edition. By Jones and Bartlett Publishers, 2018.
[2]. Richard Fox, Information Technology – An Introduction for Today's Digital World, by Chapman and Hall/ CRC, 2018

111056 - Thiết kế UI/UX

Sau khi hoàn tất các yêu cầu trong học phần, sinh viên có thể đánh giá và nghiên cứu thói quen sử dụng ứng dụng của người dùng, thiết lập các thao tác, tính năng và sự vận hành của ứng dụng, quy trình phát triển và thiết kế UI/UX cho ứng dụng. Nắm vững kiến thức về thiết kế cho mobile và website, bố cục, màu sắc, nguyên tắc thiết kế. Tư duy quy trình thiết kế từ khi nhận yêu cầu tới hoàn thiện sản phẩm. Sử dụng các hệ thống lưới, các loại font chữ để vẽ wireframe, workflow, các giải pháp giúp người dùng sử dụng sản phẩm. Sử dụng các phần mềm để thiết kế giao diện ứng dụng

Tài liệu tham khảo:

[1]. Mobile UI Design Patterns, Dominik Pacholczyk, 2018 - A Deeper Look At The Hottest Apps Today.

111057 - Nguyên lý thống kê

Là môn khoa học xã hội nhằm nghiên cứu mặt lượng trong sự liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng và quá trình kinh tế- xã hội số lớn phát sinh trong những điều kiện lịch sử nhất định.

Thông qua việc tìm hiểu hệ thống các phương pháp chuyên môn của thống kê (phương pháp quan sát số lớn, phương pháp số tuyệt đối, tương đối, bình quân, chỉ số…), nhằm thu thập số liệu, tính toán tổng hợp số liệu, phân tích, đánh giá các số liệu đó trong điều kiện thời gian và không gian nhất định nhằm chỉ ra bản chất, tính quy luật và dự báo các mức độ của các hiện tượng trong tương lai

Tài liệu tham khảo:

[1]. Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Nguyên lý kế toán, NXB Thống Kê 2017

111058 - Kỹ thuật lập trình {khóa 2022}

Môn học bao gồm những nội dung cơ bản về ngôn ngữ lập trình như kiểu dữ liệu, biến, hằng; khái niệm về nhập xuất dữ liệu; các cấu trúc điều khiển; Phương thức, các kiểu dữ liệu dạng cấu trúc; chuỗi ký tự.

Môn học sẽ chú trọng đến các kỹ thuật lập trình mạch lạc, trong sáng, hiệu quả để giải quyết một số bài toán trong khoa học tự nhiên, kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Dương Thăng Long, Trương Thế Tùng, Kỹ thuật lập trình cơ sở với ngôn ngữ C/C++, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, 2017.
[2]. Vũ Việt Vũ, Phùng Thị Thu Hiền, Giáo trình ngôn ngữ lập trình C++, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, 2017.

111059 - Cơ sở dữ liệu {Khóa 2022}

Cung cấp một số kiến thức cơ bản về các loại mô hình dữ liệu cơ bản, các khái niệm trong mô hình

dữ liệu quan hệ, các dạng chuẩn và các ngôn ngữ truy vấn dữ liệu.
Sinh viên sẽ được thực tập với một số hệ quản trị CSDL phổ biến như Access, SQL-Server, Oracle.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Cơ sở dữ liệu. Tài liệu nội bộ Khoa CNTT-LHU, 2019.
[2]. SQL Server technical documentation. Microsoft Documentation . 2020

111060 - Hệ quản trị CSDL {Khóa 2022}

Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị một hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm việc quản trị người dùng, quản trị cơ sở dữ liệu, cơ chế hoạt động của môi trường sử dụng cơ sở dữ liệu kiểu client/server, các kiến thức về lập trình Transact-SQL

Tài liệu tham khảo:

[1]. Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu. Tài liệu nội bộ Khoa CNTT-LHU. 2019.
[2]. SQL Server technical documentation. Microsoft Documentation . 2020

111061 - Công nghệ Blockchain

Hiểu và biết những kiến thức cơ bản về Blockchain như: các khái niệm, đặc trưng, lợi ích và hạn chế của Blockchain; các thế hệ Blockchain, tình hình phát triển và pháp lý Blockchain ở Việt Nam và trên thế giới.
Hiểu và biết kiến thức liên quan đến phát triển hệ thống Blockchain: thuật toán, hạ tầng công nghệ, các cơ chế đảm bảo đồng thuận và duy trì mạng lưới, minh bạch thông tin, API phát triển ứng dụng.
Có thái độ thích thú, quan tâm tìm hiểu ứng dụng của Blockchain trong các lĩnh vực: Thanh toán điện tử, Hợp đồng thông minh, Y tế, Logistics, Giáo dục, Chứng thực, Chính phủ điện tử …
Có kỹ năng phân tích và đánh giá cơ hội ứng dụng Blockchain vào trong doanh nghiệp, kỹ năng lựa chọn các giải pháp, công nghệ, phương tiện và cách thức thực hiện Blockchain vào giải quyết các vấn đề thực tế.
Có kiến thức và kỹ năng tự xây dựng Hệ thống Blockchain đơn giản, tạo hợp đồng thông minh

Tài liệu tham khảo:

[1]. Melanie Swan, LeVN dịch, Blockchain – Khởi Nguồn Cho Một Nền Kinh Tế Mới, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018.
[2]. Don Tapscott, Alex Tapscott, Nguyệt Minh dịch, Cuộc cách mạng Blockchain, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018.

111062 - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật {Khóa 2022}

Học phần trình bày những kiến thức cơ bản và nâng cao về các cấu trúc dữ liệu bao gồm các cấu trúc cơ bản như: mảng, chuỗi, cấu trúc, con trỏ, tập tin…Ngoài ra học phần này cũng đề cập đến các cấu trúc dữ liệu phục vụ cho tìm kiếm và sắp xếp như danh sách liên kết, ngăn xếp, hàng đợi, bảng băm, cấu trúc cây và một số cấu trúc dùng biểu diễn đồ thị.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Narasimha Karumanchi, Data structures and algorithms made easy, ISBN 9788193245279, CareerMonk, 2020, 414tr.
[2]. Võ Đào Thị Hồng Tuyết, Giáo trình Cấu trúc dữ liệu (Ngành: Hệ thống thông tin, thiết kế trang web, công nghệ thông tin) - CĐ Kinh tế Kỹ thuật TP.HCM, 2020.

111063 - Công nghệ phần mềm

Giới thiệu một số mô hình phát triển phần mềm, các giai đoạn trong quá trình xây dựng phần mềm: lập kế hoạch, khảo sát, phân tích, thiết kế, cài đặt, kiểm thử, tích hợp và bảo trì. Sinh viên nắm được nội dung và phương pháp làm việc trong các giai đoạn xây dựng hệ thống phần mềm và có khả năng áp dụng để xây dựng phần mềm ứng dụng có chất lượng. Sử dụng công cụ hỗ trợ thiết kế, lập kế hoạch và quản trị dự án phần mềm.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Object-Oriented Modeling and Design using UML, Dang Van Duc, 2018
[2]. "The Unified Modeling Language User Guide", Grady Booch, James Rumbaugh, Ivar Jacobson, 12th Impression, 2018, PEARSON

111064 - Đồ án công nghệ phần mềm

Môn học này dành cho các sinh viên đã học xong tất cả các môn học cơ sở và các môn học chuyên ngành của khóa học có liên quan đến nội dung đồ án sẽ thực hiện. Môn học yêu cầu sinh viên thực hiện một đồ án của ngành đang theo học (còn gọi là đồ án môn học).
Nội dung đồ án bao gồm các kiến thức, kỹ năng đã học và các kiến thức, kỹ năng mở rộng có liên quan. Kết quả của đồ án yêu cầu sinh viên thực hiện là tìm hiểu và xây dựng giải pháp cho một vấn đề đặt ra về lý thuyết hay và ứng dụng và viết quyển báo cáo đồ án đã thực hiện. Trong quá trình thực hiện đồ án, sinh viên được một giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Cuối môn học, nếu được sự chấp thuận của giảng viên hướng dẫn, sinh viên sẽ báo cáo đồ án đã thực hiện để được kiểm tra, đánh giá kết quả.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Object-Oriented Modeling and Design using UML, Dang Van Duc, 2018
[2]. "The Unified Modeling Language User Guide", Grady Booch, James Rumbaugh, Ivar Jacobson, 12th Impression, 2018, PEARSON

111065 - Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm

Trang bị cho sinh viên kiến thức về vai trò của kiểm thử phần mềm trong qui trình phát triển phần mềm, các thuật ngữ cơ bản về kiểm thử phần mềm, các kỹ thuật kiểm thử hộp đen và hộp trắng cơ bản và cách áp dụng trong thực tế kiểm thử phần mềm để đảm bảo phần mềm để đạt một tiêu chuẩn chất lượng nhất định.

Sinh viên nắm được kiến thức lý thuyết về các kỹ thuật kiểm thử và có khả năng áp dụng vào các ứng dụng trên thực tế để đảm bảo phần mềm đạt các tiêu chuẩn đặt ra. Thông qua dự án, sinh viên biết viết các kiểm thử đơn vị và sử dụng một số công cụ kiểm thử cho các nền tảng phổ biến.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Sagar Naik và Piyu Tripathy. Software Testing and Quality Assurance: Theory and Practice. Wiley-Spektrum. ISBN-10: 0471789119. 2018.

111066 - Lập trình Back-End

Môn học này giúp sinh viên Hiểu rõ mục tiêu của trang web và đưa ra các giải pháp tối ưu tốc độ và hiệu suất để các ứng dụng được vận hành hiệu quả. Cộng tác với các thành viên khác trong nhóm như lập trình viên Frontend để phát triển web. Lưu trữ dữ liệu và cũng đảm bảo rằng nó được hiển thị chính xác cho người dùng. Quản lý tài nguyên API hoạt động trên các thiết bị. Tham gia vào kiến trúc của hệ thống và các phân tích Khoa học dữ liệu

Tài liệu tham khảo:

[1]. ASP.NET Core in Action, Second Edition Annotated Edition, Manning Publications; Annotated edition (April 13, 2020)
[2]. Text: Murach's ASP.NET Core MVC 1st Edition, Mike Murach & Associates; 1st edition (January 14, 2020)

111067 - Lập trình Front-End

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức: Các khái niệm về Internet, web, quy trình xây dựng một website. Áp dụng ngôn ngữ HTML, CSS để thiết kế giao diện Website

Giới thiệu một số vấn đề cơ bản của lập trình Web: Các ngôn ngữ và công cụ trong lập trình web Tổ chức, quản lý một dự án website sử dụng Visual studio Các kiểu dữ liệu cơ bản. Xây dựng một số chức năng cơ bản để làm quen với lập trình web sử dụng Visual Studio

Tài liệu tham khảo:

[1]. Jennifer Niederst Robbins, Learning Web Design: A Beginner's Guide to HTML, CSS, JavaScript, and Web Graphics, Copyright © 2018 O'Reilly Media, Inc. All rights reserved, Printed in Canada.
[2]. Online Textbook: http://w3schools.com, Refsnes Data

111069- Lập trình giao tiếp thiết bị {Khóa 2022}

Cung cấp cho sinh viên phương pháp luận thiết kế dựa trên cơ sở sử dụng các hệ thống nhúng: quy trình thiết kế, phân tích và thiết kế chương trình, quá trình và hệ điều hành, thiết kế hệ thống. Hệ nhúng T-Engine và hệ điều hành thời gian thực mã nguồn mở T-Kernel, phát triển các ứng dụng trên nền (platform) T-Engine.

Tài liệu tham khảo:

[1]. "Computer as Components: Principles of Embedded Computing System Design", Wayne Wolf, 1st Edition, Morgan Kaufmann Publishers, Inc., 2018.
[2]. Arduino Cookbook, Michael Margolis, 2018.

111070 - Lập trình hướng đối tượng {Khóa 2022}

Môn học bao gồm các nội dung chính như sau: Sự khác biệt giữa lập trình hướng đối tượng và lập trình thủ tục, một số khái niệm liên quan đến lập trình hướng đối tượng như sự đóng gói, thừa kế, đa hình, nạp chồng (over loading).

Một số vấn đề về ngôn ngữ C++ cần bổ sung để viết chương trình theo hướng đối tượng

Cách thức tạo ra kiểu dữ liệu, cách thức xây dựng lớp thể hiện sự đóng gói, sự thừa kế.

Hoàn thiện kiểu dữ liệu bằng cách hiện thực phép toán. Cách thức thiết kế chương trình theo hướng đối tượng và hiện thực chương trình bằng ngôn ngữ C++. Thể hiện tính đa hình của đối tượng qua các lớp và chương trình.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Huỳnh Lê Uyên Minh, Bài giảng Lập trình DOTNET, Chương 3 Lập trình hướng đối tượng với C# , 2021
[2]. Lê Viết Mẫn, Tổng quan lập trình hướng đối tượng, Bài giảng Lập trình hướng đối tượng, 2020
[3]. ĐH Bách Khoa Hà Nội, Bài giảng Lập trình hướng đối tượng, 2018

111071 - Lập trình Python cho máy học

Nội dung môn học lập trình python giới thiệu về ngôn ngữ lập trình python, trình soạn thảo, môi trường thông dịch và thực thi chương trình. Các kiến thức cơ bản về lập trình được trình bày như biến, kiểu dữ liệu, phép toán, cấu trúc rẽ nhánh, lặp,

hàm và các kiểu dữ liệu phức tạp, xuất nhập, bắt ngoại lệ, lập trình hướng đối tượng, môn học cung cấp kiến thức lập trình ứng dụng mạng, lập trình web, lập trình giao tiếp đồ họa, lập trình IOT, điều khiển Robot, máy học.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình lập trình Python, Nguyễn Minh Phúc, Đại Học Lạc Hồng, 2022

[2]. David Beazley, Brian K. Jones, "Python CookBook", O'Reilly media, 5rd, ed. , 2018.

111072 - Lập trình trên môi trường Windows

Môn học sẽ chú trọng đến kỹ thuật lập trình hướng đối tượng hướng sinh viên biết thiết kế một chương trình theo hướng đối tượng để giải quyết các bài toán trong khoa học tự nhiên tự nhiên hay chương trình quản lý.

Môn ngày cung cấp những kiến thức giúp sinh viên có thể làm việc với hệ quản trị CSDL, các phương thức kết nối CSDL, thực hiện các thao tác dữ liệu như cập nhật, thêm, sửa, xóa. Thiết kế các giao diện báo cáo, thống kê dữ liệu, xuất báo cáo ra Report.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình Lập trình ứng dụng CSDL với C#, Nguyễn Minh Phúc, Đại Học Lạc Hồng, 2020.

[2]. Lập Trình Windows Form Và Web Form Với C#, Phạm Quang Hiển, Nguyễn Tất Bảo Thiện, Nhà Xuất Bản Thanh Niên, 2020.

[3]. Programming C# 8.0: Build Cloud, Web, and Desktop Applications 1st Edition, O'Reilly Media; 1st edition (January 14, 2020)

111073 - Phát triển ứng dụng web

Môn học cung cấp kiến thức về khái niệm cơ bản Internet, web. Quy trình để thiết kế giao diện website bằng cách áp dụng ngôn ngữ HTML, CSS, JavaScript, JQuery. Ngoài ra, môn học còn hướng dẫn sử dụng NetBeans để tổ chức, quản lý và xây dựng một số chức năng cơ bản trong một dự án website.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Online Textbook: http://w3schools.com.

[2]. David Sawyer McFarland, JavaScript & jQuery: the missing manual, Sebastopol, Calif.: O'Reilly, 2018

111074 - Nhập môn trí tuệ nhân tạo

Sinh viên nắm được các khai niệm cơ bản về AI, các phương pháp giải quyết vấn đề, các phương pháp biểu diễn tri thức và kỹ thuật xử lý tri thức, Kỹ năng phát triển ứng dụng dựa trên kiến thức về trí tuệ nhân tạo.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Machine learning for dummies, IBM limted Edition, 2018 by John Wiley & Son, Inc.

[2]. Hands on Machine learning with Scikit Learn and TensorFlow. By Aurelien Ceron, 2017, Published by O'Reilly Media, Inc.

111075 - Phát triển ứng dụng di động

Khóa học này giới thiệu các thành phần chính của phát triển ứng dụng di động. Các chủ đề sẽ bao gồm tổng quan về thị trường, môi trường phát triển di động, thiết kế giao diện người dùng / trải nghiệm người dùng, vòng đời, mô hình lập trình MVC, nguồn, lưu trữ và hiệu suất, dữ liệu liên tục, location và dịch vụ web. Sinh viên sẽ thiết kế và tạo ứng dụng trên ít nhất một trong những nền tảng di động phổ biến hiện nay

Tài liệu tham khảo:

[1]. Textbook: Java Programming for Android Developers For Dummies, 2nd Edition, 2018.

[2]. Developer Guides, Google Inc., 2021 https://developer.android.com/guide

111076 - Thương mại điện tử {Khóa 2022}

Đây là môn học bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về công nghệ Internet, tình hình phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam, các mô hình thương mại điện tử, hoạt động marketing, thanh toán trực tuyến, bảo an trong thương mại điện tử.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Hoàng Thị Phương Thảo (chủ biên) (2019). Thương mại điện tử. TPHCM: NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Trần Văn Hòe, (2018). Giáo trình thương mại điện tử căn bản. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[3]. Kenneth C.Laudon, Carol Guercio Traver, (2018). E-Commerce, Pearson International Edition

112061 - Mạng máy tính {Khóa 2022}

Trang bị những kiến thức cơ sở về mạng, mô hình OSI, các loại đường truyền mạng LAN, các thiết bị mạng LAN, giao thức TCP/IP. Học theo chương trình CCNA, học kỳ 1

Tài liệu tham khảo:

[1]. Introduction to Networks ver 7.0, Cisco Networking Academy, 2020.

[2]. Other supplemental materials: Materials (Curriculums, Labs, Assessments, Quizzs…) on netacad.com of Cisco System, GNS3, Packet Tracer

112064 - Mạng máy tính nâng cao {Khóa 2022}

Trang bị kiến thức giúp sinh viên thiết kế hệ thống mạng, cấu hình Routing giữa các mạng, các phương thức tìm đường đi tĩnh và động.

Tài liệu tham khảo:
[1]. CCNA Routing and Switching ver 7.0, Cisco Networking Academy, 2020 (Online: netacad.com)
[2]. Other supplemental materials: Materials (Curriculums, Labs, Assessments, Quizzes…) on netacad.com of Cisco

112065 - Thiết kế hệ thống mạng {Khóa 2022}
Trang bị kiến thức giúp sinh viên thiết kế hệ thống mạng, cấu hình Routing giữa các mạng, các phương thức tìm đường đi tĩnh và động
Tài liệu tham khảo:
[1]. CCNA Routing and Switching ver 7.0, Cisco Networking Academy, 2020 (Online: netacad.com)
[2]. Other supplemental materials: Materials (Curriculums, Labs, Assessments, Quizzes…) on netacad.com of Cisco System, GNS3, Packet Tracer.

112067 - Chuyên đề công nghệ
Sinh viên nắm được một số phương pháp phân tích dữ liệu mới trong các định hướng của ngành Công nghệ thông tin.
Sinh viên có thể cài đặt được phương pháp được học trên các nền tảng tính toán hiện đại đang được sử dụng nhiều trong công nghiệp. Sinh viên có khả năng sử dụng phương pháp được học để giải quyết một số bài toán ứng dụng trong CNTT.
Học phần này sẽ hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về một số phương pháp mới trong các định hướng của ngành Công nghệ thông tin. Học phần sẽ tập trung vào các phương pháp hiện đại xử lý dữ liệu lớn đang hoặc sẽ được sử dụng rộng rãi. Học phần yêu cầu sinh viên cài đặt phương pháp được học trên các nền tảng tính toán hiện đại đang được sử dụng trong công nghiệp nh kiến trúc song song hoặc điện toán đám mây. Sinh viên sẽ nắm được các kiến thức nền tảng của phương pháp, ứng dụng để giải quyết một số bài toán và xu hướng phát triển của phương pháp được học trong tương lai
Tài liệu Tham Khảo
[1] Sean Owen, Robin Anil, Ted Dunning and Ellen Friedman, Mahout in Action,
Manning Publications, 2020.
[2]. Peter Harrington, Machine Learning in Action, Manning Publications, 2020.

112068 - Thiết kế hệ thống mạng nâng cao {Khóa 2022}
Cung cấp kiến thức về phương pháp xây dựng một hệ thống an toàn cho máy tính và mạng máy tính.
Phương pháp dùng Access Control list trên Router và Switch layer 3
Tài liệu tham khảo:
[1]. CCNA Routing and Switching ver 7.0, Cisco Networking Academy, 2020 (Online: netacad.com).
[2]. Other supplemental materials: Materials (Curriculums, Labs, Assessments, Quizzes…) on netacad.com of Cisco System, GNS3, Packet Tracer.

33333 - Tốt nghiệp
Môn học này giúp sinh viên vận dụng các học phần của khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để xây dựng và phát triển giải pháp công nghệ thông tin (CNTT) nhằm giải quyết vấn đề trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Các công việc chính bao gồm: Xác định và phân tích vấn đề cần giải quyết, tìm kiếm giải pháp phù hợp, thiết kế giải pháp, xây dựng và triển khai giải pháp (Bao gồm kiểm thử) và viết báo cáo trình bày
Tài liệu tham khảo:
[1]. Tài liệu hướng dẫn trình bày báo cáo tốt nghiệp, Đại học Lạc Hồng, 2021.
[2]. Nguồn tài liệu có liên quan đến nội dung báo cáo tốt nghiệp trong thời gian thực hiện.

114001 THỰC TẬP ĐIỆN TỬ CÔNG SUẤT
Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các tín hiệu trên mạch điều khiển, dạng sóng trên tải của mạch chỉnh lưu cầu 1 pha, 3 pha có điều khiển, mạch điều khiển pha AC. Sau khi học xong môn họcsinh viên có khả năng phân tích hoạt động, lắp ráp và đo đạt các thông số của các mạch đóng, cắt cơ bản sử dụng UJT, SCR, TRIAC. Lắp ráp và chế tạo mạch hoàn chỉnh mạch điều khiển pha AC và mạch chỉnh lưu cầu 1 pha có điều khiển. Kỹ năng cài đặt các thông số cho bộ biến tần để điều khiển động cơ 3 pha.
Tài liệu tham khảo: Huỳnh Đức Chấn, Bài giảng thực tập điện tử công suất, ĐH Lạc Hồng, 2020

114003 THỰC TẬP QUẤN DÂY MÁY ĐIỆN
Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình tháo, lắp, sửa chửa các loại máy điện quay và máy biến áp.Sau khi học xong môn họcsinh viên có khả năng tính toán bộ dây quấn của các loại máy điện quay và máy biến áp theo yêu cầu.
Tài liệu tham khảo: Ngô Thanh Bình, Thực tập quấn dây máy điện, ĐH Lạc Hồng, năm 2020

114008 THỰC TẬP ĐIỆN CƠ BẢN
Môn học hướng dẫn sinh viên cách sử dụng các dụng cụ đo điện, thực hiện được các phương pháp nối dây, nối cáp, và làm đầu code. Lắp ráp được các mạch đèn chiếu sáng, chuông báo đi dây nổi và đi dây âm tường. Thiết kế thi công mạch điện 1 pha trong sinh hoạt. Vận hành, kiểm tra và bảo dưỡng động cơ 1 pha, 3 pha.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Đình Đại, Bài giảng Thực tập Điện cơ bản, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

114021 BẢO VỆ RƠLE VÀ TỰ ĐỘNG HOÁ
Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc bảo vệ trong hệ thống điện, nguyên lý hoạt động của các loại rơle bảo vệ và vai trò của chúng trong mạng điện hệ thống. Sau khi học xong môn họcsinh viên có khả năng vận hành các hệ thống tự động trong hệ thống điện,thiết kế các hệ thống bảo vệ và tự động hoá đơn giản trong hệ thống điện.
Tài liệu tham khảo: PGS. TS. Nguyễn Hoàng Việt, *Bảo vệ Rơ le và tự động hóa trong Hệ Thống Điện*, NXB ĐH Quốc Gia Tp HCM, 2011.

114022 THIẾT KẾ HỆ THỐNG ĐIỆN
Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Sau khi học xong môn họcsinh viên có khả năng phân tích, thiết kế một hệ thống điện cụ thể.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hà Thoại Phi, Bài giảng Thiết Kế Hệ Thống Điện, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

114033 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ
Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức ngoại ngữ về cấu tạo, ký hiệu vànguyên lý của một số thiết bịđiện và máy điện như: khởi động từ, CB, công tắc tơ, máy biến áp…và hệ thống truyền tải điện.Sau khi học xong môn họcsinh viên có kỹ năngđọc hiểu các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành, dịch thuật sách tham khảo chuyên môn, giao tiếp tốt về lĩnh vực chuyên môn và học thuật trong hội thảo quốc tế.
Tài liệu tham khảo: Phan Nhu Quan, English for Electrical and Electronics Engineering, LHU, 2017

114034 TRANG BỊ ĐIỆN
Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các mạch máy dùng relay, contactor trang bị cho các máy công cụ và các quá trình tự động đơn giản. Đồng thời môn học còn giúp sinh viên khả năng tự phân tích, thiết kế điều khiển các hệ thống máy và dây chuyền sản xuất quy mô nhỏ.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hà Thoại Phi, Bài giảng Trang Bị Điện, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

114037 NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VÀ QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG
Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về năng lượng tái tạo như là: Năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối và năng lượng đại dương. Giới thiệu các tính chất vật lý của pin năng lượng mặt trời, phương pháp tính toán lựa chọn thiết bị cho một hệ thống năng lượng mặt trời và ảnh hưởng của bức xạ mặt trời đến công suất phát điện của Pin mặt trời. Bên cạnh đó, những kiến thức về hệ thống năng lượng gió như là các tính chất của gió và các cấu trúc của một tuốc bin gió được trang bị.
Tài liệu tham khảo: Hồ Phạm Huy Khánh, Nguyễn Hữu Phúc, Nguyễn Văn Tài, Kỹ thuật hệthống năng lượng tái tạo, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, 2013.

114039 THỰC TẬP ROBOT CÔNG NGHIỆP
Học phần này trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản về các thành phần cấu tạo và hoạt động của một robot công nghiệp, bao gồm: Số lượng trục, Động học, Tầm hoạt động, Tải trọng, Tốc độ, Độ chính xác, Kiểm soát di chuyển, Nguồn, Truyền động.
Tài liệu tham khảo: ThS. Tưởng Phước Thọ, Giáo trình thực tập Robot Công Nghiệp, NXB Đại học quốc gia Tp. HCM, 2014.

114040 THỰC TẬP THIẾT KẾ MẠCH ĐIỆN TỬ ỨNG DỤNG
Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản để phân tích và thiết kế các mạch điện tử. Học viên được làm quen với các linh kiện điện tử thường được sử dụng trong thực tế. Khảo sát các đặc tính của linh kiện và sử dụng các linh kiện đó thiết kế một số mạch điện tử ứng dụng cơ bản.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Huy, Bài giảng Thực tập thiết kế mạch điện tử ứng dụng, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020

114047 TÍNH TOÁN SỬA CHỮA MÁY ĐIỆN
Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách tính toán, thiết kế mới hoặc phục hồi số liệu kỹ thuật các loại máy điện quay và máy biến áp.Sau khi học xong môn họcsinh viên có khả năng kiểm tra, điều chỉnh các thông số kỹ thuật các loại máy điện quay và máy biến áp theo yêu cầu.
Tài liệu tham khảo: Giáo trình tính toán và sửa chữa máy điện, Nguyễn Trọng Thắng - Nguyễn Thế Kiệt, NXB Giáo Dục, năm 2009.

114048 –NHẬP MÔN NGÀNH ĐIỆN – ĐIỆN TỬ
Môn học này giới thiệu cho SV cách sử dụng hệ thống LMS, trang bị kiến thức về các khái niệm như điện thế, hiệu điện thế, sụt áp, điện tích, dòng điện, trở kháng, công suất tác dụng, công suất phản kháng, công suất biểu kiến, hệ số công suất, phân biệt giữa điện AC và DC, mạch điện, điện trường, từ trường...
Tài liệu học tập, tham khảo: Phan Nhu Quan, Introduction to Electrical and Electronics Engineering, Lac Hong University, 2019

114049 MẠCH ĐIỆN

Các phương pháp phân tích mạch: phương pháp dòng nhánh, dòng mắt lưới, điện thế nút. Mạch có ghép hổ cảm và biến áp lý tưởng. Mạch có khuếch đại thuật toán. Định lý Thévenin và Norton. Quan hệ tuyến tính, nguyên lý tỷ lệ và nguyên lý xếp chồng. Định lý Tellegen. Định lý tương hổ. Định lý chuyển vị nguồn. Mạch ba pha. Mạch ba pha đối xứng. Công suất. Ứng dụng Matlab vào giải mạch điện.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Huy, Bài giảng Mạch điện, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020

114050 KỸ THUẬT SỐ

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kỹ thuật số : các hệ thống số đếm và phương pháp chuyển đổi, đại số Boole, hệ tổ hợp, hệ tuần tự, các mạch logic lập trình và vấn đề giao tiếp

Tài liệu tham khảo: Ngô Văn Bình, Giáo trình kỹ thuật số, Đại Học Lạc Hồng, năm 2020.

114051 ĐIỆN TỬ CƠ BẢN

Cung cấp kiến thức về các linh kiện điện tử và mạch. Các tính chất của các tiếp xúc P-N trong các Diode, BJT, FET và các ứng dụng tuyến tính và phi tuyến của chúng. Các ứng dụng Transistor trong thiết kế các mạch khuếch đại, mạch dao động và mạch xung. Đặc tính khuếch đại thuật toán và ứng dụng.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Huy, Bài giảng Điện tử cơ bản, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

114052 CAD TRONG KỸ THUẬT ĐIỆN

Môn học cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản về: Cách thành lập một bản vẽ theo đúng tiêu chuẩn, các tập lệnh hình thành một bản vẽ, xuất bản vẽ và in ấn bản vẽ.Sau khi học xong môn họcsinh viên có kỹ năng diễn tả ý tưởng thiết kế của mình trên máy tính một cách nhanh tróng, chính xác.

Tài liệu tham khảo: Quyền Huy Ánh, Giáo trình Cad trong kỹ thuật điện, trường ĐHQG Tp.Hồ Chí Minh, năm 2008.

114053 ĐIỆN TỬ CÔNG SUẤT

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu tạo, ký hiệu, thông số kỹ thuật của các linh kiện điện tử công suất lớn. Hiểu rõ nguyên lý hoạt động của các mạch điện tử công suất ứng dụng trong công nghiệp.Sau khi học xong môn họcsinh viên có khả năng lắp ráp, thi công được các mạch điện tử ứng dụng trong công nghiệp như Inverter, converter …Có khả năng phân tích, tính toán giá trị và lựa chọn các linh kiện trong các mạch điện tử công suất.

Tài liệu tham khảo: Huỳnh Đức Chấn, Bài giảng điện tử công suất, ĐH Lạc Hồng, 2020.

114054 THIẾT KẾ MẠCH IN

Thiết kế mạch in làmôn học giới thiệu về quy trình gia công mạch in và các tiêu chuẩn kỹ thuật trong thiết kế. Ngoài ra môn học này còn trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên dụng trong việc thiết kế sơ đồ mạch nguyên lý và sơ đồ mạch in.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Thiện Tài, Bài giảng Thiết kếmạch in, Đại học Lạc Hồng, 2020.

114055 MÁY ĐIỆN

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chế độ làm việc, sơ đồ thay thế, giản đồ vectơ và đặc điểm vận hành máy biến áp. Các vấn đề cơ bản của động cơ không đồng bộ, máy phát điện đồng bộ, máy điện một chiều, các động cơ đặc biệt công suất nhỏ cùng các đặc tính vận hành của chúng.

Tài liệu tham khảo: Phan Nhu Quan, Electric Machinery Lesson, Lac Hong University, 2020.

114056 THỰC TẬP TRANG BỊ ĐIỆN

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức vềmạch động lực, mạchđiều khiển và nguyên lý hoạt động của các mạchđiện động cơ xoay chiều ba pha thông dụng; vềquy trình lắp đặt các tủ điện điều khiển.Sau khi học xong môn họcsinh viên có khả năng lắp đặt, tính toán, lựa chọn các thiết bị điện trong tủ điều khiển.

Tài liệu tham khảo: Ngô Thanh Bình, Thực tập Trang bị điện, ĐH Lạc Hồng, năm 2020.

114057 CUNG CẤP ĐIỆN VÀ ĐỒ ÁN CUNG CẤP ĐIỆN

Môn học này trang bị cho sinh viên ngành Kỹ thuật điện – điện tử phương pháp thiết kế mạng điện phân phối xưởng gồm các nội dung về đặc điểm phân xưởng, số liệu phụ tải, phân nhóm phụ tải, vạch sơ đồ nối dây, xác định phụ tải tính toán ở từng cấp, chọn số lượng và dung lượng MBA, chọn công suất máy phát dự phòng, chọn công suất bù và phương án bù, chọn dây dẫn/cáp, chọn thiết bị đóng cắt/ bảo vệ/đo lường, chọn tủ phân phối điện, tính toán chống sét, tính toán nối đất và lập bản dự toán

Đảm bảo trang bị cho sinh viên đủ những kiến thức về phương pháp xác định phụ tải tính toán, tính toán tổn thất điện áp, tính toán tổn thất điện năng, tính toán ngắn mạch, chọn số lượng, dung lượng máy biến áp, sơ đồ trạm biến áp phân phối và

nguồn dự phòng, chức năng và nguyên lý hoạt động của các thiết bị đóng cắt, bảo vệ trung và hạ áp, các phương pháp chọn dây dẫn, cáp, thiết bị đóng cắt-bảo vệ- đo lường, tủ phân phối trung và hạ áp, các biện pháp nâng cao chất lượng điện năng và các loại đèn, phạm vi ứng dụng, tính toán chiếu sáng.
Tài liệu tham khảo:
- Trần Quang Khánh, Bài tập Cung cấp điện, Nhà xuất bản Khoa hoc và kỹ thuật, 2005.
- Nguyễn Công Hiền, Nguyễn Mạnh Hoạch, Hệ thống cung cấp điện của xí nghiệp công nghiệp đô thị và nhà cao tầng, NXB Khoa hoc và kỹ thuật, 2001.
- Phan Thị Thanh Bình, Phan Thị Thu Vân, Dương Lan Hương, Hướng dẫn thiết kế đồ án cung cấp điện, NXB ĐHQG Tp.HCM, 2002.

114058 ĐỒ ÁN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ
Môn học giúp sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học của môn học Điện Tử Ứng Dụng để giải quyết một bài toán thực tế trong lãnh vực kỹ thuật điện tử.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Huy, Tài liệu hướng dẫn Đồ án Điện - Điện tử, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

114059 IOT (INTERNET OF THINGS)
Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về internet of thing. Người học có khả năng tự thiết kế được những ứng dụng về IoT dựa trên phần cứng Arduino, Arm.
Tài liệu tham khảo: Phạm Văn Ca, Trương Quang Phúc, Cơ sở và ứng dụng Internet of things (Thiết kế hệ thống nhúng), NXB ĐH Quốc Gia TP HCM, 2017.

114060 KỸ THUẬT ĐIỆN LẠNH
Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản vềkỹ thuật điều hoà không khí trong phạm vi dân dụng, nhà máy, nhà cao tầng;kiến thức về Bơm quạt, máy nén vàthông gió trong điều hoà không khí.Sau khi học xong môn họcsinh viên có khả năng biết vận dụng một cách linh hoạt và đúng phương pháp để chọn giải pháp thiết kế máy điều hoà nhiệt độ theo nhu cầu. Biết cách thiết kế các phụ kiện hệ thống liên quanđáp ứng hiệu quả một hệ thống vận hành tốt
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Xuân Lâm, Bài giảng Kỹ Thuật Điện Lạnh, Cao đẳng nghề số 8, năm 2019.

114061 ĐỒ ÁN CÔNG NGHỆ
Môn học giúpsinh viên biết cách vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học của các môn như: Trang Bị Điện, Điện Tử Công Suất, Thiết Bị Điện Trong Công Nghiệp ... để phân tích, thiết kế và giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tiễn sản xuất.
Tài liệu tham khảo: Giáo Trình Trang Bị Điện - Điện Tử Trong Máy Công Nghiệp, PGS.TS Đặng Thiện Ngôn, Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp. HCM, năm 2013.

114062 THIẾT BỊ ĐIỆN TRONG CÔNG NGHIỆP
Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo, nguyên lý hoạt động, thông số kỹ thuật và cách thức sử dụng của các thiết bịđiện được sử dụng rộng rãi trong công nghiệp. Sau khi học xong môn họcsinh viên có khả năng lắp đặt, vận hành các thiết bịđiện trong các dây chuyền sản xuất thực tế.
Tài liệu tham khảo: Phan Nhu Quan, Industrial Electrical Equipment, Lac Hong University, 2017

114063 THỰC TẬP CUNG CẤP ĐIỆN
Thực tập cung cấp điện là một môn học trực quan, thực tiễn. Giúp sinh viên ngành điện hiểu kỹ hơn về đường dây truyền tải thông qua mô hình đường dây, cách đấu nối và vận hành chúng. Thực tập cung cấp điện còn giúp cho SV làm quen với việc thiết kế cung cấp điện cho một phụ tải thực tế, theo tiêu chuẩn kỹ thuật và hợp lý về kinh tế. Là cơ hội để sinh viên ôn lại những kiến thức cơ bản của các môn học liên quan như: Cung cấp điện, Thiết kế hệ thống điện, Bảo vệ Rơle và tự động hóa.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Huy, Bài giảng Thực tập cung cấp điện, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020

115007 – 115059 VI ĐIỀU KHIỂN NÂNG CAO
Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức nâng cao về vi điều khiển, xây dựng chương trình có khả năng xử lý nhiều tác vụ đồng thời. Giới thiệu về cấu trúc và ứng của các bộ vi điều khiển lõi Arm. Lập trình giao tiếp với các thiết bị ngoại vi như màn hình cảm ứng, màn hình hiển thị TFT LCD, Micro SD.
Tài liệu tham khảo: Rui Santos and Sara Santos, MicroPython Programming with ESP32 and ESP8266, 2019.

115014 THỰC TẬP VI ĐIỀU KHIỂN NÂNG CAO
Môn học này giúp cho sinh viên thực hành về cấu trúc và xây dựng ứng dụng trên các bộ vi điều khiển lõi Arm, thực hành lập trình điều khiển và giao tiếp với các ngoại vi như màn hình cảm ứng, màn hình hiển thị TFT LCD, Micro SD.
Tài liệu tham khảo: Ngô Kim Long, Bài giảng Thực hành Vi điều khiển nâng cao, ĐH Lạc Hồng, 2020.

115021 THỰC TẬP VI ĐIỀU KHIỂN

Môn học này giúp sinh viên thực hành các kiến thức đã học liên quan đến lập trình ngôn ngữ C, cấu trúc cơ bản của các họ vi điều khiển như 8051, AVR và PIC. Xây dựng giải thuật điều khiển và giao tiếp các khối ngoại vi như nút nhấn, LED 7 đoạn, LCD, ma trận phím, Real time…
Tài liệu tham khảo: Ngô Kim Long, Bài giảng Thực hành Vi điều khiển, ĐH Lạc Hồng, 2020.

115026 KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC
Môn học trang bị cho học viên các khái niệm cơ bản về tổng quan hệ thống điều khiển, các ví dụ điều khiển dùng PLC, các lệnh và chức năng căn bản, phương pháp lập trình PLC, ứng dụng PLC trong điều khiển công nghiệp.
Tài liệu tham khảo: Trần Văn Thành, Bài giảng Kỹ thuật lập trình PLC, Đại học Lạc hồng, 2021.

115028 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH TỰ ĐỘNG
Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành Điều khiển và Tự động hóa nhằm giúp sinh viên hiểu và sử dụng được các thuật ngữ, các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh trong lĩnh vực Điều khiển và Tự động hóa, qua đó có thể đọc, hiểu và soạn thảo được các văn bản kỹ thuật.
Tài liệu tham khảo: Eric H. Glendinning, Norman Glendinning, Oxford English for Electrical and Mechanical Engineering, Oxford University Press, 2005.

115032 KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC NÂNG CAO
Giới thiệu về cấu tạo và khả năng ứng dụng của bộ điều khiển lập trình (PLC – Programmable Logic Controller) vào việc điều khiển các thiết bị công nghiệp, đặt biệt là điều khiển quá trình sản suất công nghiệp. Môn học cung cấp cho người học các chức năng của PLC liên hệ với chức năng của một máy tính công nghiệp và cách thức vận hành, phương pháp lập trình trên PLC. Giới thiệu khả năng nối mạng trong truyền thông đa nhiệm, giúp tạo các giải pháp cho vấn đề điều khiển, từ điều khiển giám sát từng thiết bị đơn lẻ đến điều khiển phối hợp cả một hệ
Tài liệu tham khảo: Trần Văn Thành, Bài giảng Kỹ thuật lập trình PLC nâng cao, Đại học Lạc hồng, 2021.

115036 MẠNG TRUYỀN DỮ LIỆU SỐ
Một số chuẩn truyền thông thông dụng (Modbus, CAN, Zigbee, I2C, ISP), cơ sở kỹ thuật, lập trình kết nối Arduino với các thiết bị khác (Arduino, thiết bị trường, HMI) thông qua các chuẩn trên.
Tài liệu tham khảo: Trần Văn Thành, Bài giảng Mạng truyền dữ liệu số, Đại học Lạc hồng, 2020.

115038 ĐỒ ÁN CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG
Đồ án là sự lựa chọn các hướng đi của sinh viên Ngành Tự động theo hướng công nghệ (robocon, xe công nghệ, lập trình, điện - điện tử, cơ khí, tự động hóa, tự động hóa quy trình sản xuất, mô hình hóa và nhận dạng hệ thống, mô phỏng ..), làm cơ sở thực hiện các phương án tốt nghiệp. Sinh viên chủ động đề
nghị đề tài về các lĩnh vực với mục tiêu cụ thể (báo, video, sách, sản phẩm, tài liệu, máy, …) và chủ động đề nghị giáo viên chuyên ngành liên quan hỗ trợ. Đồ án chú trọng việc lập kế hoạch thực hiện, tiến độ
thực hiện mục tiêu, báo cáo tiến độ bằng văn bản và khả năng thuyết trình.
Tài liệu tham khảo: Trần Văn Thành, Hướng dẫn thực hiện và đánh giá Đồ án Công nghệ tự động, Đại học Lạc Hồng, 2020.

115039 LẬP TRÌNH XỬ LÝ ẢNH
Cung cấp Khái niệm xử lý ảnh, lập trình xử lý ảnh xác định tọa độ trọng tâm, hình bao trong không gian 2 chiều, 3 chiều từ các camera cố định sử dụng C#
Tài liệu tham khảo: Phan Nhu Quan, Image processing, Lac Hong University, 2017.

115040 HỆ THỐNG SCADA ỨNG DỤNG
Môn học này cung cấp các kiến thức về các thành phần của hệ thống SCADA trong hệ thống tự động hóa như hệ thống các thiết bị chấp hành, các thiết bị vào ra đầu cuối từ xa (RTU: remote terminal unit), các khối điều khiển khả trình (PLC: programmable logic controller), trạm điều khiển giám sát trung tâm, hệ thống truyền thông, giao diện người máy (HMI: human machine interface). Cách thức tích hợp phần cứng phần mềm để xây dựng một hệ thống SCADA trong thực tiễn.
Tài liệu tham khảo: Lê Ngọc Bích, Phạm Quang Huy, Hệ thống Scada ứng dụng, ĐH Bách Khoa Hà Nội, 2016.

115050 THỰC TẬP KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC NÂNG CAO
Môn học cung cấp kiến thức về: Thiết lập mạng và lập trình truyền dữ liệu giữa các PLC Siemens dùng các chuẩn mạng MPI, Modbus, Profibus, Ethernet. Thực hiện lập trình điều khiển giám sát từ WinCC cho các loại PLC.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Cường Phi, Bài giảng Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC nâng cao, Đại học Lạc Hồng, 2020.

115052 ĐỒ ÁN TỰ ĐỘNG 1

Người học nghiên cứu tìm hiểu các thiết bị cảm biến và thiết bị chấp hành dạng thường và dạng thông minh. Bên cạnh đó, người học cần chú trọng cách trình bày các dạng văn bản theo mẫu báo cáo đồ án và mẫu báo cáo NCKH chuẩn Tiếng Việt.
Tài liệu tham khảo: Trần Văn Thành, Hướng dẫn thực hiện và đánh giá Đồ án Tự động 1, Đại học Lạc Hồng, 2020.

115053 ĐỒ ÁN TỰ ĐỘNG 2
Người học nghiên cứu tìm hiểu các thiết bị điều khiển và các phần mềm điều khiển khác nhau và sử dụng bộ điều khiển để thực hiện điều khiển một số ứng dụng thông dụng. Bên cạnh đó, người học cần chú trọng cách trình bày các dạng văn bản theo mẫu báo cáo đồ án và mẫu báo cáo NCKH chuẩn Tiếng Việt.
Tài liệu tham khảo: Trần Văn Thành, Hướng dẫn thực hiện và đánh giá Đồ án Tự động 1, Đại học Lạc Hồng, 2020.

115054 ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG SERVO
Cung cấp kiến thức về tính toán, lựa chọn và điều khiển động cơ servo, stepper Mitshubishi.
Tài liệu tham khảo: Lê Hoàng Anh, Bài giảng Điều khiển hệ thống Servo , Đại học Lạc Hồng, 2020.

115057 MÔ HÌNH HÓA VÀ MÔ PHỎNG HỆ THỐNG
Cung cấp kiến thức về truyền động điện tự động, quá trình thực hiện mô hình hóa một số đối tượng: mức, lưu lượng, nhiệt độ, vận tốc. Sử dụng phương pháp nhận dạng hệ thống để xác định mô hình của các đối tượng trên, trên cơ sở đó tiến hành mô phỏng, so sánh với đáp ứng của các đối tượng thực. Áp dụng công cụ MatLab Simulink để thực hiện quá trình mô hình hóa và nhận dạng hệ thống.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Quang Hoàng, Matlab & Simulink cho kỹ sư, NXB Bách Khoa Hà Nội, 2021

115060 KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG - CẢM BIẾN
Môn học trình bày những phần cơ bản về đo lường điện, nguyên lý hoạt động của các thiết bị đo, sai số trong đo lường và đơn vị đo lường quốc tế, đo điện áp và dòng điện, đo tổng trở, phương pháp dùng Vôn kế và Ampe kế, cầu đo một chiều và xoay chiều tần số thấp, đo công suất, dao động ký. Giới thiệu về cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các loại cảm biến thông dụng trong công nghiệp.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Vũ Quỳnh, Phạm Quang Huy, Giáo Trình Đo Lường Cảm Biến (Lý Thuyết-Thực Hành), Nxb - Công ty TNHH thương mại STK, năm 2020.

115061 THỰC TẬP KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG - CẢM BIẾN
Môn học này giới thiệu cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thiết bị đo lường, nguyên lý hoạt động, ứng dụng của các loại cảm biến. Thực tập đo, thu thập dữ liệu, đánh giá kết quả đo của các loại thiết bị đo, các loại cảm biến.
Tài liệu tham khảo: Ngô Văn Bình, Bài giảng Thí nghiệm Kỹ thuật đo lường cảm biến, Đại Học Lạc Hồng, 2020.

115062 LẬP TRÌNH KỸ THUẬT
Môn học cung cấp cho sinh viên nhưng kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình C như cấu trúc chương trình, các kiểu dữ liệu, các cấu trúc điều khiển, các hàm nhập xuất dữ liệu. Bên cạnh đó, môn học cũng hướng dẫn cho sinh viên áp dụng kỹ thuật lập trình để giải quyết các bài toán trong thực tế, đặc biệt là trong ngành điện tử như tính toán các mạch RLC, đèn giao thông, mô phỏng các vi mạch logic …
Tài liệu tham khảo: Hồ Thành Trung, Trương Hoài Phan, Trần Duy Thanh, Giáo trình kỹ thuật lập trình cơ bản, NXB ĐH Quốc Gia TP HCM, 2019.

115063 CƠ LÝ THUYẾT
Cung cấp kiến thức về phân tích lực, phân tích moment tác động lên trục
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Duy Phú, Bài giảng Cơ Lý Thuyết, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

115064 VI ĐIỀU KHIỂN
Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc của các bộ vi điều khiển thông dụng như 8051, AVR, PIC, Arduino. Lập trình điều khiển và giao tiếp với các ngoại vi như nút nhấn, LED, LCD, động cơ DC, real time…
Tài liệu tham khảo: Ngô Kim Long, Bài giảng Vi điều khiển, ĐH Lạc Hồng, 2020.

115065 THỰC TẬP KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC 1
Môn học này sẽ hướng dẫn sinh viên thực hành kết nối phần cứng PLC trong đó sinh viên sẽ được hướng dẫn cách kết nối phần cứng, cách xác định các dạng, ra PLC l Rơle, NPN, PNP của các loại PLC Omrom, Siemens, LG, Moller. Sinh viên sẽ viết một loạt các qui trình với các mô hình thí nghiệm có sẵn để đổ chương trình xuống PLC cũng như Load chương trình PLC ngược lên đồng thời sẽ kết nối PLC với màn hình cảm ứng, tạo lập giao diện màn hình cảm ứng load chương trình xuống màn hình cảm ứng.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Cường Phi, Bài giảng Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC 1, Đại học Lạc Hồng, 2020.

115066 THỰC TẬP KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC 2
Môn học này sẽ hướng dẫn sinh viên thực hành kết nối phần cứng PLC dựa trên Thực tập kỹ thuật lập trình PLC 1, trong đó sinh viên sẽ được hướng dẫn nâng cao cách kết nối phần cứng, cách xác định các dạng, ra PLC l Rơle, NPN, PNP của các loại PLC Omrom, Siemens, LG, Moller. Sinh viên sẽ viết một loạt các qui trình với các mô hình thí nghiệm có sẵn để đổ chương trình xuống PLC cũng như Load chương trình PLC ngược lên đồng thời sẽ kết nối PLC với màn hình cảm ứng, tạo lập giao diện màn hình cảm ứng load chương trình xuống màn hình cảm ứng.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Cường Phi, Bài giảng Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC 2, Đại học Lạc Hồng, 2020.

115067 MODULE SẢN XUẤT LINH HOẠT
Giới thiệu phương pháp module hóa quá trình sản xuất, các module hình thành nên quy trình sản xuất hiện tại, phương pháp tính toán lựa chọn tối ưu quy trình bố trí sản xuất.
Tài liệu tham khảo: Trần Văn Địch, Hệt hống sản xuất linh hoạt FMS và sản xuất tích hợp CIM, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2001.

115068 KAIZEN - TPM
Các nguyên lý triết lý cải tiến Kaizen - TPM và ứng dụng các bước triển khai dự án cải tiến.
Tài liệu tham khảo:
- Trần Quỳnh Hương, Trần Mạnh Cung, Kaizen Teian 1, Nxb Lao động xã hội, 2009.
- Trần Quỳnh Hương, Trần Mạnh Cung, Kaizen Teian 2, Nxb Lao động xã hội, 2009.

115069 NHẬP MÔN TỰ ĐỘNG HÓA
Cung cấp kiến thức cho người học về Khoa, ngành, các phòng ban liên quan.
Giới thiệu về các phòng thí nghiệm thuộc Khoa.
Giới thiệu về các kỹ năng và phương pháp để đạt được các kỹ năng trong cuộc sống.
Giới thiệu định hướng ngành, CTĐT và nội dung của từng môn trong chương trình đào tạo.
Tài liệu tham khảo: Trần Văn Thành, Bài giảng Nhập môn Ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa, Đại học Lạc Hồng, 2020.

115070 MOTION CONTROL
Cung cấp kiến thức về cơ sở tính toán, lựa chọn động cơ và điều khiển di chuyển sử dụng công cụ Motion Control của Siemens, Mitsu. Áp dụng điều khiển vận tốc, vị trí đối tượng vitme, băng tải, index table.
Tài liệu tham khảo: Trần Văn Thành, Bài giảng Các bài toán di chuyển và kỹ thuật điều khiển, Đại học Lạc Hồng, 2021.

115071 ĐIỀU KHIỂN BẰNG MÁY TÍNH
Phần mềm C#, ứng dụng lập trình đa luồng đồng thời xử lý phương trình logic, lập trình xử lý hàm P, PI và PID trong điều khiển ổn định, lập trình tỷ lệ thông qua các giao tiếp máy tính thông dụng, đọc/xuất dữ liệu logic/liên tục (realtime) qua các giao tiếp máy tính.(LPT; COM; USB; Ethernet; ISA, IE)
Tài liệu tham khảo: Lê Tiến Lộc, Bài giảng giao tiếp và điều khiển bằng máy tính, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2021.

115072 KỸ THUẬT LẬP DỰ ÁN
Ứng dụng các Phương pháp quản trị dự án, công cụ thực hiện, các yêu cầu, các mốc thời gian kiểm tra kế hoạch, chi phí, tổ chức hoạt động, nghiên cứu triển khai. hoạt động, giới thiệu dự án.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Bạch Nguyệt, Giáo trình: Lập và quản lý dứan đầu tư, NXB Thống kê, 2017.

115073 LẬP TRÌNH WEB ỨNG DỤNG TRONG IOT
Lập trình Web ứng dụng trong IoT truy cập CSDL từ máy tính qua mạng Internet sử dụng C#
Tài liệu tham khảo: Robin Nixon, Learning PHP, MySQL & JavaScript with jQuery, CSS & HTML5, Đại học Lạc Hồng, 2017.

115074 CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ LẬP TRÌNH XỬ LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU
Cơ sở dữ liệu (CSDL), phần mềm lập trình cơ sở dữ liệu, phân cấp quản lý - truy cập cơ sở dữ liệu. Lập trình truy cập (đọc/xuất) CSDL sử dụng C#
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Tuệ, Giáo trình nhập môn hệ Cơ sở dữ liệu, NXB Giáo dục, 2009.

115075 SƠ ĐỒ ĐƯỜNG ỐNG PFD VÀ P&ID
Cung cấp kiến thức đọc hiểu, vẽ sơ đồ BFD, PFD và P&ID ứng dụng trong lĩnh vực điều khiển quá trình nhiệt, lọc hóa dầu.
Tài liệu tham khảo: Moe Toghraei, Piping and Instrumentation Diagram Development, Publish Wiley, 2019.

115076 HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG
Môn học này cung cấp kiến thức về các thành phần cơ bản của hệ thống điều khiển, về hàm truyền, sơ đồ khối, không gian trạng thái trong hệ thống điều khiển. Các kiến thức về mô hình toán học của hệ thống động lực, phân tích đáp ứng quá độ và sai số

trạng thái tĩnh, xây dựng biểu đồ quỹ tích nghiệm, tìm dự trữ pha,dự trữ hệ số khuếch đại,vẽ biểu đồ Bode, vẽ biểu đồ Nyquist, kỹ thuật thiết kế bù và hệ thống rời rạc.
Tài liệu tham khảo: Trần Văn Thành, Hệ thống điều khiển tự động ứng dụng, Đại học Lạc Hồng, 2021.

115077 HỆ THỐNG CƠ ĐIỆN M&E
Giới thiệu hệ thống Mechanical và Electrical trong công nghiệp, xây dựng và quản lý.
Tài liệu tham khảo: Richard R. Janis, William K.Y. Tao, Mechanical ang Electrical System In Buildings (Sixth Edition), Publish Pearson, 2014.

115078 CAD TRONG THIẾT KẾ TỦ ĐIỆN
Môn học cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản về: Cách thành lập một bản vẽ theo đúng tiêu chuẩn, các tập lệnh hình thành một bản vẽ, xuất bản vẽ và in ấn bản vẽ.Sau khi học xong môn họcsinh viên có kỹ năng diễn tả ý tưởng thiết kế của mình trên máy tính một cách nhanh tróng, chính xác.
Tài liệu tham khảo: Bernd Gischel, EPLAN Electric P8 Reference Handbook, Carl Hanser Verlag, Munich, 2016.

115079 HỆ THỐNG NHÚNG
Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về lập trình hệ thống nhúng bao gồm lý thuyết về cấu trúc của hệ thống nhúng, kiến trúc của bộ vi xử lý được sử dụng trong hệ thống nhúng, hệ điều hành, các phương pháp biên dịch hệ điều hành. Xây dựng các ứng dụng trên hệ điều hành Linux, Windows CE và trên các thiết bị di động.
Tài liệu tham khảo: Phạm Văn Ca, Trương Quang Phúc, Cơ sở và ứng dụng Internet of things (Thiết kế hệ thống nhúng), NXB ĐH Quốc Gia TP HCM, 2017.

115080 THỰC TẬP LẮP TỦ ĐIỆN
Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về mạch động lực, mạch điều khiển sử dụng contactor/inverter/softstarter và nguyên lý hoạt động của các mạch điện động cơ xoay chiều ba pha thông dụng; về quy trình lắp đặt các tủ điện điều khiển.Sau khi học xong môn học sinh viên có khả năng lắp đặt, tính toán, lựa chọn các thiết bị điện trong tủ điều khiển.
Tài liệu tham khảo: Ngô Thanh Bình, Bài giảng Thực tập lắp tủ điện, Đại học Lạc Hồng, 2020.

116002 – 148077 CƠ KỸ THUẬT
Vận dụng lý thuyết vào khảo sát các bài toán cân bằng tĩnh học cơ bản. Xác định được các lực tại các liên kết bằng phương pháp hình học, Phương pháp giải tích. Vận dụng lý thuyết vào khảo sát: chuyển động của điểm, chuyển động của vật rắn, hợp chuyển động, chuyển động song phẳng. Vận dụng lý thuyết vào bài toán cơ bản của sức bền vật liệu như: thanh chịu kéo (nén) đúng tâm, xoắn thuần túy, uốn ngang phẳng, chịu lực phức tạp (nén lệch tâm, uốn xiên, uốn cộng xoắn đồng thời) Giải thích nguyên lý làm việc, các loại truyền động và phương pháp tính toán thiết kế các chi tiết máy để học sinh, ứng dụng vào tính toán những bài tập cơ bản thuộc cơ ứng dụng.
Tài liệu tham khảo: Đỗ Sanh, Nguyễn Văn Vượng, Phan Hữu Phúc, Giáo trình Cơ KỹThuật, NXB Giáo dục, 2009.

116007 THỰC TẬP CƠ KHÍ TỔNG QUÁT
Môn học này nhằm rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết về nghề nguội và hàn điện hồ quang. Môn học gồm 2 phần: Phần lý thuyết cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các dụng cụ trong nghề nguội, các bước tiến hành khi sử dụng các dụng cụ đó để gia công chi tiết; các kiến thức cơ bản về kỹ thuật hàn điện hồ quang. Phần thực hành rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để hoàn thành bài tập tổng hợp gia công búa nguội và sử dụng máy hàn điện hồ quang để hàn được một số mối hàn.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Thiện Tài, Bài giảng Thực tập Cơ khí tổng quát, Đại học Lạc Hồng, 2020.

116008 QUẢN TRỊ HỌC ĐẠI CƯƠNG
Môn học này cung cấp cho sinh viên hiểu được quản trị và sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức. Nắm bắt được bốn chức năng cơ bản của quản trị. Mô tả các vai trò của nhà quản trị. Xác định được các cấp quản trị trong các tổ chức và nhiệm vụ chủ yếu của mỗi cấp quản trị. Hiểu được tại sao phải học quản trị và phải học như thế nào để trở thành nhà quản trị giỏi.
Tài liệu tham khảo: Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Huyền, Giáo trình quản trị học, Nhà xuất bản Tài Chính, 2009.

116009 CÔNG NGHỆ KHÍ NÉN - THUỶ LỰC
Nguyên lý làm việc của hệ thống điều khiển khí nén, điện khí nén; thủy lực, điện thủy lực. ưu nhược điểm của hệ thống điều khiển bằng khí nén, thủy lực so với điện. Giới thiệu các phần tử trong hệ thống. Nguyên tắc cơ bản để thiết kế mạch điều khiển khí nén, thuỷ lực. Cách phát hiện lỗi của phần tử và hệ thống, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống.
Tài liệu tham khảo: Phạm Văn Toản, Bài giảng Công nghệ khí nén – Thủy lực, Đại học Lạc Hồng, 2020.

116010 NGUYÊN LÝ- CHI TIẾT MÁY

Môn học chia thành 2 phần:
Phần 1: Chi tiết máy
Phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: tính toán thiết kế các chi tiết theo các chỉ tiêu khả năng làm việc: độ bền, độ cứng, độ chịu mòn, độ chịu nhiệt …
Phần 2: Nguyên lý máy
Phần này trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng để giải các bài toán phân tích và tổng hợp cơ cấu. Đây là môn học cơ sở nghiên cứu về cấu tạo, động học và động lực học của cơ cấu.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Duy Phú, Bài giảng Nguyên Lý Chi Tiết Máy, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

116024 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH CƠ ĐIỆN TỬ
Cung cấp các kiến thức và kỹ năng đọc các tài liệu chuyên ngành Cơ Điện Tử được viết bằng tiếng Anh ở trình độ nâng cao.
Tài liệu tham khảo: Eric H. Glendinning, Norman Glendinning, C Eng. MIMechE, Oxford English for electrical and mechanical engineering, Oxford University Press, 2009.

116034 THỰC TẬP MÁY CÔNG CỤ
Trên cơ sở các kiến thức về lý thuyết đã học được ở môn cơ sở công nghệ chế tạo máy sinh viên được làm quen với các thao tác cơ bản trên một số máy móc, thiết bị, dụng cụ gia công cơ khí và đồng thời đạt được tay nghề cơ bản của các phương pháp gia công đó. Qua đợt thực tập sinh viên có khả năng lập được quy trình gia công một chi tiết cụ thể.
Tài liệu tham khảo: Trần Hữu Tuyển, Bài giảng Thực Tập Máy Công Cụ, Đại học Lạc Hồng, 2020.

116036 THỰC TẬP CÔNG NGHỆ CAD/CAM/CNC
Môn này sẽ hướng dẫn sinh viên thực hành trên các máy CNC: máy tiện CNC, Máy phay CNC.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Duy Phú, Bài giảng Thực Hành Công Nghệ Cad/Cam/Cnc, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

116037 – 116062 ROBOT CÔNG NGHIỆP
Sinh viên nắm các thông tin cơ bản nhất về tay máy công nghiệp, các vấn đề về động học, động lực học và điều khiển và lập trình tay máy công nghiệp. Ứng dụng tay máy trong công nghiệp và trong hệ thống tự động.
Tài liệu tham khảo: Lê Hoài Quốc, Kỹ thuật người máy - Phần 1 – Robot Công Nghiệp, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, 2005.

116040 KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG CƠ KHÍ
Môn học gồm hai phần: Phần dung sai và lắp ghép cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: các khái niệm cơ bản về dung sai và lắp ghép, sai số gia công các yếu tố hình học của chi tiết, dung sai và lắp ghép bề mặt trơn, dung sai và lắp ghép các chi tiết điển hình, chuỗi kích thước.Phần kỹ thuật đo cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: các vấn đề cơ bản của kỹ thuật đo, đo kích thước dài, đo kích thước góc, đo sai lệch hình dạng và vị trí tương quan giữa các bề mặt.
Tài liệu tham khảo: Trần Hữu Tuyển, Bài giảng Kỹ Thuật Đo Lường Cơ Khí, Đại học Lạc Hồng, 2019.

116049 BẢO TRÌ CÔNG NGHIỆP
Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về bảo trì hiện đại nhằm giúp sinh viên có thể thiết kế, xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý bảo trì có hiệu quả. Phân tích nguyên nhân, xây dựng chiến lược bảo trì năng suất toàn diện, kiểm soát chất lượng, bảo trì tập trung vào độ tin cậy. Sản xuất tinh gọn và bảo trì tinh gọn.
Tài liệu tham khảo: Bùi Văn Yên, Trần Nhật Tân, Sửa chữa điện dân dụng và điện công nghiệp, Nxb Giáo dục, 2009.

116051 CAD TRONG KỸ THUẬT
Môn học này giới thiệu cho sinh viên ngành kĩ thuật nắm vững những kiến thức vẽ kĩ thuật trên máy tính, rèn luyện kỹ năng lập và đọc bản vẽ. Bao gồm cách thành lập một bản vẽ theo đúng tiêu chuẩn, các tập lệnh hình thành một bản vẽ, xuất bản vẽ và in ấn bản vẽ. Sinh viên sau khi học xong môn học sẽ diễn tả ý tưởng thiết kế của mình trên máy tính một cách nhanh chóng, chính xác đồng thời môn học này sẽ làm cơ sở cho các phần mềm ứng dụng công nghệ cao như cad, cad/cam/cnc … sau này.
Tài liệu tham khảo: Trần Trọng Đức, Bài giảng Solid Work, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

116054 CÔNG NGHỆ CAD/CAM/CNC
Môn học cung cấp các kiến thức và phương pháp luận về CAD/CAM, mô hình hoá hình học, đồ hoạ máy tính, thiết kế nhờ máy tính và các ứng dụng, công nghệ, lập trình và máy công cụ CNC, hệ thống sản xuất linh hoạt (FMS) và hệ thống sản xuất tích hợp nhiều máy tính (CIM).
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Duy Phú, Bài giảng Công Nghệ Cad/Cam/Cnc, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

116063 HỌC KỲ THỰC TẬP 1
Học phần là một khâu quan trọng của quá trình đào tạo nhằm trang bị cho sinh viên những phần sau:
- Củng cố và nâng cao kiến thức đã trang bị trong thời gian học tập tại trường. Bước đầu vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thực tế trong nội dung thực tập.

- Thực tập các kỹ năng của một kỹ sư, xây dựng tác phong và phương pháp làm việc của người kỹ sư trong hoạt động nghề nghiệp.
- Rèn luyện khả năng, phân tích, tổng hợp, đề xuất và giải quyết vấn đề cùng với các kỹ năng mềm.

Tài liệu tham khảo: Phạm Hồng Sơn, Hướng dẫn thực tập 1, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

116064 CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY

học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phương pháp thiết kế quá trình công nghệ gia công chi tiết máy; phương pháp thiết kế đồ gá gia công cơ; giới thiệu các quy trình công nghệ điển hình; công nghệ lắp ráp các sản phẩm cơ khí.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Duy Phú, Bài giảng Công Nghệ Chế Tạo Máy, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

116065 CƠ SỞ CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quá trình sản xuất, quá trình công nghệ, các hình thức tổ chức sản xuất, cơ sở lý thuyết cắt gọt kim loại, các phương pháp gia công, chất lượng bề mặt chi tiết máy, độ chính xác gia công, chuẩn và kích thước công nghệ.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Duy Phú, Bài giảng Cơ Sở Công Nghệ Chế Tạo Máy, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

116066 ĐỒ ÁN CƠ ĐIỆN TỬ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực thiết kế máy : trình tự tính toán thiết kế một máy hoàn chỉnh, cơ sở tính toán xác định năng suất, công suất, sức bền cơ học máy, tính toán thiết kế kích thước, dung sai các chi tiết máy, sơ đồ mạch điện, điện tử điều khiển, lập trình hệ thống tự động; hoàn thành hồ sơ bản vẽ chi tiết máy, bản vẽ sơ đồ khối mạch điều khiển tự động, bản vẽ lắp máy.Học phần này trang bị cho sinh viên khả năng tổng hợp kiến thức đã học và áp dụng vào thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Duy Phú, Bài giảng Hướng dẫn Đồ án Cơ Điện Tử, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

116067 HỌC KỲ THỰC TẬP 2

Học phần là một khâu quan trọng của quá trình đào tạo nhằm trang bị cho sinh viên những phần sau:
- Củng cố và nâng cao kiến thức đã trang bị trong thời gian học tập tại trường. Bước đầu vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thực tế trong nội dung thực tập.
- Thực tập các kỹ năng của một kỹ sư, xây dựng tác phong và phương pháp làm việc của người kỹ sư trong hoạt động nghề nghiệp.
- Rèn luyện khả năng, phân tích, tổng hợp, đề xuất và giải quyết vấn đề cùng với các kỹ năng mềm.

Tài liệu tham khảo: Phạm Hồng Sơn, Hướng dẫn thực tập 2, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

116068 HÌNH HỌA - VẼ KỸ THUẬT

Nghiên cứu cách biểu diễn các vật thể, các chi tiết máy bằng phép chiếu thẳng góc và phép chiếu trục. Giúp cho sinh viên đọc được các bản vẽ hay khi nhìn vào bản vẽ có thể hình dung ra vật thể tương ứng trong không gian. Giúp sinh viên nắm được cách vẽ quy ước các chi tiết máy thường dùng biết đọc, lắp các bản vẽ chi tiết và biết đọc bản vẽ lắp, các bộ phận máy và các máy móc cơ khí cũng như các sơ đồ điện.

Tài liệu tham khảo: Trần Hữu Tuyển, Bài giảng Hình Họa - Vẽ Kỹ Thuật, Đại học Lạc Hồng, 2019.

116069 KỸ THUẬT ĐIỆN

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về cơ sở lý thuyết và các phương pháp tính toán mạch điện; các kiến thức về nguyên lý, cấu tạo, đặc tính và ứng dụng các loại máy điện cơ bản.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hà Thoại Phi, Bài giảng Kỹ Thuật Điện, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

116072 NHẬP MÔN CƠ ĐIỆN TỬ

Môn học giúp sinh viên có kiến thức tổng quan về ngành Cơ điện tử, hiểu được những nội dung tổng quát nhất của các môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Định hướng phát triển công việc sau khi tốt nghiệp cho sinh viên theo sở trường sở thích của bản thân.

Môn học giúp sinh viên trang bị kiến thức cơ bản về: Chương trình đào tạo của ngành Cơ điện tử, các phương pháp học tập trong môi trường đại học, các kỹ năng cần rèn luyện, làm quen với các hệ thống cơ điện tử, xu hướng phát triển của ngành Cơ điện tử.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Bá Sơn, Nhập môn ngành Cơ điện tử, Đại học Lạc Hồng, năm 2021.

148003 NGUYÊN LÝ ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG

Các kiến thức về nguyên lý làm việc của động cơ đốt trong. Các quá trình lý hóa cơ bản xảy ra trong động cơ. Các chu trình nhiệt động, chu trình làm việc lý tưởng và chu trình làm việc thực tế của động cơ, lý thuyết về quá trình cháy, các biện pháp giảm lượng khí xả trên động cơ. Các thông số đặc trưng cho các quá trình làm việc của động cơ đốt trong và các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình làm việc. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Các đặc tính của động cơ

Tài liệu tham khảo: Ninh Thị Thúy, Bài giảng Nguyên lý động cơ đốt trong, Đại học Lạc Hồng, Năm 2021.

148007 VẬT LIỆU HỌC

+ Kiến thức chung về cấu tạo kim loại và hợp kim, vật liệu kim loại trong chế tạo cơ khí và các kiến thức cơ bản trong nhiệt luyện các vật liệu kim loại để bảo đảm cơ tính làm việc. Cung cấp kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất sử dụng các vật liệu polime, chất dẻo, vật liệu composite, cao su, vật liệu keo, v.v.

+ Thí nghiệm vật liệu học trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để có thể kiểm tra đặc tính cơ, lý, hóa, của vật liệu bằng các thiết bị đo lường hiện đại.

Tài liệu tham khảo: Arzamaxov B. N, Vậtliệu học, Nxb Giáo dục, năm 2000.

148012 KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Môn Kinh tế học đại cương bao gồm 2 phần: kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô. Kinh tế vi mô nghiên cứu các vấn đề về luật cung cầu, cơ chế thị trường, hành vi người tiêu dùng, hành vi nhà sản xuất cũng như cách thức hình thành giá cả trong các loại thị trường. Kinh tế vĩ mô đề cập đến các vấn đề chu kỳ kinh tế, đo lường sản lượng quốc gia, lạm phát, thất nghiệp của nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo: TS. Trần Đăng Thịnh (chủ biên), Huỳnh Thị Cẩm Tú, Võ Hữu Phước, Kinh tế học đại cương (dành cho sinh viên không chuyên ngành kinh tế), NXB Đại học Quốc gia, 2009.

148013 NHẬP MÔN QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

Môn Kinh tế học đại cương bao gồm 2 phần: kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô. Kinh tế vi mô nghiên cứu các vấn đề về luật cung cầu, cơ chế thị trường, hành vi người tiêu dùng, hành vi nhà sản xuất cũng như cách thức hình thành giá cả trong các loại thị trường. Kinh tế vĩ mô đề cập đến các vấn đề chu kỳ kinh tế, đo lường sản lượng quốc gia, lạm phát, thất nghiệp của nền kinh tế.

Học phần này cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Với những kiến thức được cung cấp từ học phần này, người học sẽ có cái nhìn năng động và hệ thống về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường.

Tài liệu tham khảo: Tạ Thi Kiều An, Ngô Thị Ánh, Nguyễn Văn Hoá, Nguyễn Hoàng Kiệt, Đinh Phượng Vương – Giáo trình Quản lý chất lượng trong các tổ chức – NXB Thống kê, 2010.

148020 HỆ THỐNG ĐIỆN – ĐIỆN TỬ Ô TÔ

Môn học trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ ô tô những kiến thức cơ bản về hệ thống điện – điện tử của động cơ ô tô, bao gồm: sơ đồ, cấu tạo, nguyên lý làm việc, luận cứ và tính toán các hệ thống riêng biệt hợp thành mạng điện động cơ.

Tài liệu tham khảo: Đỗ Tấn Thích, Bài giảng Hệ thống điện - điện tử Ô tô, Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

148023 NHẬP MÔN XÃ HỘI HỌC

Học phần trang bị cho sinh viên không chuyên ngành xã hội học, những kiến thức cơ bản về hệ thống lý luận Xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của ngành khoa học xã hội trong tiến trình phát triển của nhận thức, tiến bộ xã hội và khoa học kỹ thuật; các khái niệm, phạm trù và các lĩnh vực nghiên cứu chính của khoa học xã hội học trong đời sống con người thông qua các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu, học tập Học phần xã hội học.

Tài liệu tham khảo: Trương Thị Hiền,Giáo Trình Xã Hội Học Đại Cương, NXB Tổng Hợp TPHCM, năm 2019

148024 THIẾT KẾ Ô TÔ

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý cấu tạo, những đặc điểm về động học và động lực học của các cụm và hệ thống thuộc gầm xe ô tô. Cung cấp cho sinh viên những phương pháp tính toán cơ bản nhằm kiểm tra khả năng làm việc của các chi tiết, các cụm và hệ thống trong hệ thống gầm ô tô.

Tài liệu tham khảo: Hoàng Ngọc Tân, Bài giảng thiết kế ô tô, Đại học Lạc Hồng, 2020.

148025 HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG TRÊN Ô TÔ

Môn học trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ ô tô những kiến thức cơ bản về hệ thống điện thân xe và điều khiển tự động trên ô tô, bao gồm: sơ đồ, cấu tạo, nguyên lý làm việc, luận cứ và tính toán các hệ thống riêng biệt hợp thành mạng điện thân xe và các hệ thống tự động điều khiển

Tài liệu tham khảo: Đỗ Tấn Thích, Bài Giảng Hệ thống Điều khiển Tự động trên Ô tô, Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

148030 DAO ĐỘNG VÀ TIẾNG ỒN Ô TÔ

Học phần này trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô những kiến thức về dao động và phương pháp mô phỏng dao động cũng như bản chất vật lý, nguồn gốc và các nguyên nhân của tiếng ồn, sự rung động và va đập trên ô tô. Từ đó đưa ra các phương pháp chẩn đoán và biện pháp sửa chữa khắc phục các hiện tượng trên giúp sinh viên hình thành các năng lực chuyên môn nghề nghiệp chuyên nghành ô tô.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Luân, Bài giảng Dao động và tiếng ồn trên ô tô, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

148031 HỆ THỐNG AN TOÀN VÀ TIỆN NGHI TRÊN Ô TÔ

Môn học trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ ô tô những kiến thức cơ bản về hệ thống tiện nghi trên ô tô, bao gồm: sơ đồ, cấu tạo, nguyên lý làm việc, luận cứ và thuật toán điều khiển các hệ thống
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Luân, Bài giảng An toàn và tiện nghi trên ô tô, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

148039 DUNG SAI KỸ THUẬT ĐO

Tính đổi lẫn chức năng trong ngành chế tạo máy. Dung sai và lắp ghép các mối thông dụng trong ngành chế tạo máy như mối ghép hình trụ trơn, mối ghép then và then hoa, mối ghép ren, phương pháp giải bài toán chuỗi kích thước và nguyên tắc cơ bản để ghi kích thước trên bản vẽ chi tiết, một số loại dụng cụ đo và phương pháp đo các thông số cơ bản của chi tiết.
Tài liệu tham khảo: Trần Quốc Hùng, Dung sai – Kỹ thuật đo, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp HCM, 2004.

148041 LÝ THUYẾT Ô TÔ

Môn học bao gồm các vấn đề về khảo sát động học và động lực học chuyển động thẳng, quay vòng và phanh ô tô, khảo sát hiện tượng dao động, ổn định và đánh giá tính kinh tế nhiên liệu của ô tô. Môn học là cơ sở cho việc đánh giá chất lượng động lực học chuyển động của ô tô, cho những ứng dụng trong vận hành và khai thác cũng như trong những tính toán thiết kế động học và động lực học những mẫu xe mới
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Luân, Bài giảng Lý thuyết ô tô, Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

148047 THỰC TẬP LẬP TRÌNH ĐIỀU KHIỂN Ô TÔ

Nội dung học phần bao gồm: kiến thức về các tín hiệu điện trên ô tô (tín hiệu ngõ vào, ngõ ra điều khiển), thuật toán điều khiển, phương pháp nhận tín hiệu và điều khiển các loại cơ cấu chấp hành hệ thống trên ô tô.
Sau khi học xong học phần sinh viên:
- Hiểu được cấu trúc các hệ thống điều khiển trên ô tô.
- Lập trình điều khiển các hệ thống điều khiển cơ bản trên ô tô.
Tài liệu tham khảo: La Khải Khải, Bài giảng Thực tập lập trình điều khiển Ô tô, Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

148048 THỰC TẬP NGUỘI

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử, Công nghệ chế tạo máy, Kỹ thuật công nghiệp có tác phong và đạo đức trong nghề nghiệp, nắm vững cấu tạo và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ cắt gọt cầm tay (giũa, đột dấu, mũi vạch, búa, cưa tay, tarô...), dụng cụ đo kiểm (thước cặp, êke, thước lá, thước vạch dấu…). Có khả năng chế tạo và sửa chữa nhỏ phục vụ cho kỹ thuật chuyên ngành.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Thiện Tài, Bài giảng Thực tập Nguội, Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

148049 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ

Luyện kỹ năng đọc, dịch qua một số bài đọc chọn lọc với trọng tâm về kỹ thuật ô-tô. Tăng cường kiến thức ngữ pháp căn bản và các kỹ năng từ vựng cần thiết cho việc đọc dịch.
Tài liệu tham khảo: Martin W. Stockel, Martin T. Stockel, James E. Duffy, Chris Johanson, Auto fundamentals, The Goodheart-Willcox Company, Inc., 2020.

148051 TÍNH TOÁN ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG

Nội dung chính của học phần này bao gồm các kiến thức về động học và động lực học của cơ cấu piston - khuỷu trục - thanh truyền, cơ cấu phân phối khí. Các kiến thức về cân bằng động cơ. Tính tóan kiểm nghiệm sức bền của các chi tiết chính trong nhóm pit-ton- khủyu trục- thanh truyền và các chi tiết của các hệ thống phụ trên động cơ
Tài liệu tham khảo: Đỗ Tấn Thích, Bài Giảng Tính toán Động cơ Đốt trong, Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

148055 TRÌNH BÀY CÁC VĂN BẢN VÀ VĂN BẢN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Môn học Soạn thảo văn bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về kỹ năng soạn thảo, trình bày và ban hành các loại văn bản trong công tác văn phòng (các loại văn bản: quyết định, tờ trình, báo cáo, biên bản, công văn, …), cũng như trong hoạt động kinh doanh (hợp đồng, thư thương mại …) những kỹ năng rất cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp sau này
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Luân, Bài giảng Trình bày các văn bản và văn bản khoa học kỹ thuật, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

148056 ỨNG DỤNG MÁY TÍNH TRONG THIẾT KẾ VÀ MÔ PHỎNG Ô TÔ

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng bản vẽ trên

phần mềm Catia, bao gồm phần xây dựng mô hình 3D của chi tiết, lắp ráp cụm chi tiết, lắp ráp một kết cấu máy hoàn chỉnh, xuất bản vẽ 2D của chi tiết, cụm chi tiết và mô phỏng hoạt động của cụm máy hay một kết cấu máy hoàn chỉnh.
Thông qua phần mềm Catia nhằm đẩy nhanh tốc độ thiết kế hướng tới một phương pháp thiết kế theo chuẩn công nghiệp, tạo ra các modun chuẩn có thể kế thừa trong các giai đoạn thiết kế tiếp theo, hướng cho người học phương pháp thiết kế theo hệ thống, thiết kế theo nhóm, hình thành kết cấu nhanh theo ý tưởng đã đề ra.
Tài liệu tham khảo: Hoàng Ngọc Tân, Bài giảng ứng dụng máy tính trong thiết kế và mô phỏng ô tô, Đại học Lạc Hồng, 2020.

148057 ỨNG DỤNG MÁY TÍNH TRONG THIẾT KẾ VÀ MÔ PHỎNG ĐỘNG CƠ
Môn học cung cấp những kiến thức về các phần mềm trên ôtô, lý thuyết lập trình LabVIEW và các giải pháp trong lập trình các thiết bị đo lường giao tiếp với các cảm biến trên ô tô, lý thuyết điều khiển tự động trong ô tô nhằm điều khiển các cơ cấu chấp hành và hệ thống tự động trên xe. Sau khi học xong học phần sinh viên:
- Lập trình được bằng ngôn ngữ LabVIEW.
- Biết được cách thiết lập hệ thống giao tiếp đo lường với môi trường LabVIEW.
- Tính toán, quy đổi các đại lượng đo lường và đại lượng điều khiển
Tài liệu tham khảo: Hoàng Ngọc Tân, Bài giảng Ứng dụng máy tính trong thiết kế và mô phỏng động cơ, Đại học Lạc Hồng, 2020.

148058 THỰC TẬP CHẨN ĐOÁN TRÊN Ô TÔ
Nội dung môn học bao gồm việc trình bày toàn bộ các tiêu chuẩn, những thông số kỹ thuật cần thiết để kiểm định ôtô, phân tích các phương pháp, những thiết bị cần thiết trong chẩn đoán kỹ thuật của ôtô. Xác định các thông số đặc trưng dùng trong chẩn đoán kỹ thuật, qua đó phân tích và đánh giá hiệu quả trong chẩn đoán kỹ thuật
Tài liệu tham khảo: Phạm Công Sơn, Bài giảng Thực tập chẩn đoán trên ô tô, Đại Học Lạc Hồng, Năm 2021.

148059 NHẬP MÔN CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ
Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản liên quan đến ngành công nghệ ô tô, cách tra cứu thông tin liên quan, giúp cho sinh viên hiểu biết về công việc sẽ làm sau khi tốt nghiệp nhằm nâng cao lòng yêu nghề và tinh thần học tập.
Tài liệu tham khảo: Hoàng Ngọc Tân, Bài giảng nhập môn công nghệ kỹ thuật ô tô, Đại học Lạc Hồng, 2020.

148061 CƠ SỞ CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY
Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản của quá trình cắt kim loại,những hiện tượng cơ lý hóa xảy ra trong khi cắt, những đặc trưng và vai trò của hệ thống công nghệ, các phương pháp gia công cắt gọt, các vấn đề liên quan đến sai số gia công và các biện pháp khắc phục chúng để nâng cao độ chính xác gia công, chất lượng bề mặt của sản phẩm. Cách tính sai số gá đặt khi gia công đặc biệt là sai số chuẩn, tính chuỗi kích thước công nghệ khi gá đặt.
Tài liệu tham khảo: Trần Hữu Tuyển, Bài giảng Cơ Sở Công NGhệ Chế Tạo Máy, Đại học Lạc Hồng, 2019.

148062 MÁY THỦY LỰC VÀ KHÍ NÉN
Giúp sinh viên nắm được nguyên lý cấu tạo, cách thức vận hành của các thiết bị chuyển động cơ học trong thiết bị nhiệt: bơm, quạt, máy nén.
Tài liệu tham khảo: Trần Thế Sang, Trịnh Thị Kim Lang, Khí Nén Và Thuỷ Lực, Nhà Xuất Bản Khoa học & kỹ thuật, Năm 2019.

148063 CÔNG NGHỆ CHẨN ĐOÁN VÀ SỬA CHỮA Ô TÔ
Nội dung môn học bao gồm việc trình bày toàn bộ các tiêu chuẩn, những thông số kỹ thuật cần thiết để kiểm định ôtô, phân tích các phương pháp, những thiết bị cần thiết trong chẩn đoán kỹ thuật của ôtô. Xác định các thông số đặc trưng dùng trong chẩn đoán kỹ thuật, qua đó phân tích và đánh giá hiệu quả trong chẩn đoán kỹ thuật.
Tài liệu tham khảo: Trân Thanh Hải Tùng, Nguyễn Lê Châu Thành, Chuẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô, Nhà Xuất Bản Đại học Quốc gia TP HCM, Năm 2018.

148064 NĂNG LƯỢNG MỚI TRÊN Ô TÔ
Môn học bao gồm các kiến thức về thực trạng ô nhiễm môi trường do khí thải ô tô và vấn đề sức ép lên nguồn nhiên liệu dầu mỏ, các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguồn nhiên liệu mới và các ứng dụng về năng lượng mới này trong ngành công nghiệp ô tô. Xe điện, xe lai và các công nghệ hiện đại để tối ưu hóa quá trình quản lý và sử dụng năng lượng trên xe điện, xe lai
Tài liệu tham khảo: Hoàng Ngọc Tân, Bài giảng năng lượng mới trên ô tô, Đại học Lạc Hồng, 2020.

148065 THỰC TẬP ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tháo lắp động cơ, phương pháp điều chỉnh, kiểm tra, sửa chữa các bộ phận chi tiết của động cơ, sử dụng các loại dụng cụ trong ngành ô tô có khoa học và chính xác.
Tài liệu tham khảo: Phạm Công Sơn, Bài giảng Thực tập động cơ đốt trong, Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

148067 THỰC TẬP VI ĐIỀU KHIỂN ỨNG DỤNG
Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vi điều khiển, đặc tính, cấu trúc, chức năng của các vi điều khiển và các ngoại vi của nó từ đó, người học có thể ứng dụng vi điều khiển vào giải quyết các vấn đề thực tế
Tài liệu tham khảo: La khải Khải, Bài giảng Thực tập Vi điều khiển ứng dụng, Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

148068 THỰC TẬP HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ
Học phần này trang bị cho sinh viên ngành công nghệ ôtô các kiến thức cơ bản nhất về hệ thống điện điều khiển động cơ xăng và động cơ Diesel. Cấu trúc, nguyên lý của hệ thống phun xăng và điều khiển động cơ Diesel bằng điện tử, phân tích sơ đồ mạch điện, phương pháp kiểm tra, phương pháp chẩn đoán hệ thống điều khiển động cơ xăng và diesel
Tài liệu tham khảo: Phạm Công Sơn, Bài giảng Thực tập hệ thống điều khiển động cơ, Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

148069 KỸ THUẬT NHIỆT
Học phần cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về nhiệt động học kỹ thuật, các định luật 1 và 2, các chu trình sinh công và tiêu hao công, qua đó tính toán nhiệt và công cho các chu trình. Phần truyền nhiệt giúp cho sinh viên nắm bắt một số khái niệm liên quan cũng như các quy luật trao đổi nhiệt: dẫn nhiệt, truyền nhiệt đối lưu, bức xạ nhiệt.
Tài liệu tham khảo: Lê Xuân Hoà, Kỹ thuật nhiệt, NXB đại học quốc gia TP. HCM, 2004.

148070 THỰC TẬP HỆ THỐNG TRUYỀN LỰC ÔTÔ
Học phần này trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô những kiến thức cơ bản về kết cấu thiết kế hệ thống truyền lực ô tô. Cấu tạo chung ly hợp-hộp số thường, trục truyền các đăng, cầu xe chủ động, xe nhiều cầu chủ động. Phương pháp tháo, lắp ráp, kiểm tra các cụm chi tiết khi tháo rời khỏi xe, phương pháp kiểm tra cụm chi tiết hệ thống khi còn lắp trên xe.
Tài liệu tham khảo: Lương Gia Sinh và các tác giả, Sửa chữa gầm và mâm ô tô, NXB Bách Khoa Hà Nội, 2017.

148071 VI ĐIỀU KHIỂN ỨNG DỤNG
Môn học bao gồm các kiến thức về cấu tạo phần cứng của Vi điều khiển (các bộ nhớ bên trong, bộ định thời, các chức năng đặc biệt hỗ trợ khi sử dụng như tạo ngắt), cách lập trình cho Vi điều khiển và các tập lệnh của nó. Qua đó, sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu và tiếp cận với các hệ thống xử lý mới trong quá trình học.
Tài liệu tham khảo: La Khải Khải, Bài giảng Vi Điều Khiển Ứng Dụng, ĐH Lạc Hồng, 2020.

148072 LẬP TRÌNH MATLAB
Học phần trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô những kiến thức cơ bản về Lập trình Matlab. Học phần gồm hai phần chính là Giới thiệu về Lập trình Matlab và Giải đề dùng Matlab. Phần một gồm giới thiệu về biểu thức, toán tử, biến, phép gán, đại lượng vô hướng, véctơ, các hàm cài sẵn, thuật toán, hàm do người dùng tự định nghĩa, các lệnh rẽ nhánh, các lệnh vòng lặp, véctơ hóa đoạn mã, xử lý chuỗi, mảng, xuất nhập tập tin. Phần hai gồm các kỹ thuật vẽ đồ thị, biểu diễn ma trận cho phương trình đại số tuyến tính, thống kê cơ bản, tập hợp, sắp xếp, chỉ mục, khớp đường cong, số phức, tích phân và vi phân. Ngoài ra môn học này còn định hướng phương pháp tư duy và phong cách lập trình Matlab.
Tài liệu tham khảo: Phan Nhu Quan, Matlab programming, LHU, 2018

148073 THỰC TẬP HỆ THỐNG ĐIỆN – ĐIỆN TỬ ÔTÔ
Môn học trình bày những kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc các hệ thống điện ôtô. Phương pháp tháo lắp, kiểm tra, sửa chữa, xác định những nguyên nhân hư hỏng, phương pháp chẩn đoán, tìm pan thuộc hệ thống điện ô tô bao gồm: Hệ thống cung cấp điện; Hệ thống khởi động; Hệ thống đánh lửa; Hệ thống điều khiển nhiên liệu; Hệ thống chiếu sang và tín hiệu và Hệ thống thông tin.
Tài liệu tham khảo: Vỹ Song, Lương Gia Sinh, Cam Dũng Huy, Kỹ Thuật Bảo Dưỡng Và Sửa Chữa Ô Tô Hiện Đại - Sửa Chữa điện Ô Tô, NXB Bách Khoa Hà Nôi, 2012.

148074 THỰC TẬP HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN VÀ CHUYỂN ĐỘNG Ô TÔ
Học phần này trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô những kiến thức cơ bản về kết cấu thiết kế hệ thống truyền lực ô tô. Cấu tạo chung ly hợp-hộp số thường, trục truyền các đăng, cầu xe

chủ động, xe nhiều cầu chủ động. Phương pháp tháo, lắp ráp, kiểm tra các cụm chi tiết khi tháo rời khỏi xe, phương pháp kiểm tra cụm chi tiết hệ thống khi còn lắp trên xe
Tài liệu tham khảo: Lương Gia Sinh và các tác giả, Sửa chữa gầm và mâm ô tô, NXB Bách Khoa Hà Nội, 2017.

148075 THỰC TẬP HỆ THỐNG ĐIỆN THÂN XE
Môn học trình bày những kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc các hệ thống điện thân xe ôtô. Phương pháp tháo lắp, kiểm tra, sửa chữa, xác định những nguyên nhân hư hỏng, phương pháp chẩn đoán, tìm pan thuộc hệ thống điện thân xe bao gồm: Hệ thống chiếu sáng tín hiệu; Hệ thống thông tin; Hệ thống điện phụ; Hệ thống điều hoà không khí.
Tài liệu tham khảo: Vicent Keler, Everything Electrical How To Find Electrical Shorts, Kindle Edition, 2015.

148076 QUẢN LÝ DỊCH VỤ Ô TÔ
Môn học trình bày những kiến thức cơ bản liên quan đến các vấn đề về quản lý một cơ sở dịch vụ ô tô và các quy trình về quản lý xưởng dịch vụ.
Tài liệu tham khảo: ThS Nguyễn Văn Long Giang, Bài giảng môn Quản lý dịch vụ ô tô, trường ĐH SPKT Tp.HCM, 2009.

148078 KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ
Học phần dành cho sinh viên không chuyên ngành điện, nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về máy điện, mạch điện, cách tính toán mạch điện, nguyên lý cấu tạo, tính năng và ứng dụng các loại máy điện cơ bản; cung cấp khái quát về đo lường các đại lượng điện. Trên cơ sở đó có thể hiểu được các máy điện, khí cụ điện thường gặp trong sản xuất và đời sống.
Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hà Thoại Phi, Bài giảng Kỹ Thuật Điện - Điện Tử, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

148079 ĐỒ ÁN CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ
Môn học giúp sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học của môn học THIẾT KẾ Ô TÔ, TÍNH TOÁN ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG, HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG TRÊN Ô TÔ để giải quyết một bài toán thực tế trong lĩnh vực ô tô. Sau khi học xong môn học sinh viên có khả năng tính toán, phân tích, thiết kế động cơ, hệ thống truyền lục, hệ thống treo, hệ thống điện trên ô to
Tài liệu tham khảo: Hoàng Ngọc Tân, Hướng dẫn thực hiện và đánh giá đồ án chuyên ngành công nghệ ô tô, Đại học Lạc Hồng, 2020.

148080 CÔNG NGHỆ KĨ THUẬT XE ĐIỆN VÀ XE LAI
Môn học bao gồm các vấn đề về khảo sát tổng quan, phân loại, công dụng, cấu trúc, ưu nhược điểm của từng loại xe điện và xe lai, công nghệ pin thế hệ mới, cấu trúc thiết kế tổng quan của xe điện và xe lai, cấu trúc vật liệu và kĩ thuật trong chế tạo xe điện và xe lai, tối ưu hóa biên dạng thân xe và hộp số để nâng cao hiệu suất trên xe điện và xe lai, mô phỏng điều khiển điện và quản lí năng lượng trên xe điện và xe lai.
Tài liệu tham khảo: Chris Mi, M. Abul Masrur, Hybrid electric vehicles: principles and applications with practical perspectives principles and applications with practical perspectives,N.J.: John Wiley & Sons, 2018.

148081 ĐỒ ÁN THIẾT KẾ Ô TÔ
Học phần "Đồ án thiết kế ô tô " gồm những nội dung: Tính toán kết cấu một số hệ thống cơ bản như hệ thống treo, hệ thống lái, hệ thống truyền lực, kết cấu ô tô … Qua đó, sinh viên có thể rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, cách đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo liên quan đến lĩnh vực ô tô.
Tài liệu tham khảo: Hoàng Ngọc Tân, Hướng dẫn thực hiện và đánh giá đồ án thiết kế ô tô, Đại học Lạc Hồng, 2020.

117001 THÍ NGHIỆM HÓA ĐẠI CƯƠNG
Thí nghiệm Hóa đại cương dành cho sinh viên ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm. Bao gồm các thí nghiệm liên quan đến các kiến thức Hóa Đại Cương như vấn đề về dung dịch điện ly, dung dịch đệm, tốc độ phản ứng, cân bằng hóa học, phản ứng oxi hóa khử,…Môn học sẽ giúp sinh viên biết các thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm, cách quan sát các hiện tượng xảy ra trong phản ứng hóa học, vận dụng những kiến thức đã học giải thích các hiện tượng xảy ra trong phản ứng hóa học.
Tài liệu tham khảo
- Võ Duy Thanh, Võ Văn Bé (2008), Thực hành hóa đại cương B, Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia TPHCM.
- Tô Thị Yến Chi, Đỗ Đặng Thuận (2015), Giáo trình thí nghiệm hóa đại cương, Lưu hành nội bộ.

117002 HÓA HỮU CƠ
Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ cũng như các kiến thức cơ bản về hóa học của các nhóm định chức chính thường gặp trong hóa hữu cơ.
Tài liệu tham khảo

- Trần Thị Việt Hoa, Phan Thanh Sơn Nam (2007), Hóa hữu cơ, NXB Đại Học Quốc Gia – TP. HCM
- Phan Thanh Sơn Nam (2008), Bài tập hoá hữu cơ, NXB Đại Học Quốc Gia – TP. HCM.
- Nguyễn Đình Thành, (2013), Hóa học hữu cơ – Tập 1, NXB Khoa học và kỹ thuật.
- Nguyễn Đình Thành, (2013), Hóa học hữu cơ – Tập 2, NXB Khoa học và kỹ thuật.
- Nguyễn Đình Thành, (2013), Hóa học hữu cơ – Tập 1, NXB Khoa học và kỹ thuật.

117007 HOÁ VÔ CƠ

Môn học gồm 10 chương cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản các vấn đề liên quan đến các tính chất của các nguyên tố hóa học trong bảng hệ thống tuần hoàn, cơ sở lý thuyết của các liên kết hóa học trong các hợp chất vô cơ, các tính chất vật lý, hóa học, các phương pháp điều chế và ứng dụng của các đơn chất và hợp chất vô cơ.

Tài liệu tham khảo

- TS Nguyễn Huỳnh Bạch Sơn Long (Chủ biên), ThS Đỗ Đặng Thuận, ThS Bùi Trường Đạt (2016), Hóa vô cơ: dành cho sinh viên hệ đại học các khối kỹ thuật và dược, NXB Đại học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lê Mậu Quyền (2001), Hóa học vô cơ: Bài tập, NXB Khoa hoc và kỹ thuật

117009 THỰC TẬP CƠ SỞ

Thực tập cơ sở là một môn học thuộc khối kiến thức bổ trợ dành cho sinh viên năm nhất ngành Công nghệ Thực phẩm. Môn học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về thực tế sản xuất tại các nhà máy thuộc lĩnh vực liên quan đến Công nghệ Thực phẩm, từ đó giúp rèn luyện kỹ năng quan sát, đặt câu hỏi, trình bày báo cáo. Nội dung môn học gồm 2 phần chính được bố trí trong 45 tiết như sau:

- Đi thực tế tại nhà máy, xí nghiệp.
- Viết báo cáo những nội dung thực tập thực tế tại nhà máy, xí nghiệp

Tài liệu tham khảo

- Do đặc thù của môn học nên phụ thuộc vào công ty tham quan mà sinh viên sẽ được cung cấp những tài liệu nội bộ cụ thể để hoàn thành báo cáo.

117010 KỸ THUẬT PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trên cơ sở các dụng cụ, máy móc thiết bị được trang bị, sinh viên nắm được kỹ năng thao tác sử dụng các loại dụng cụ, pha hóa chất và các chất chỉ thị cũng như sử dụng thiết bị máy móc và kỹ thuật bảo quản thiết bị máy móc trong quá trình sử dụng.

Tài liệu tham khảo

- Trần Kim Tiến (2001), Kỹ thuật an toàn trong phòng thí nghiệm hóa học, NXB Khoa Học Và Kỹ Thuật Hà Nội.
- Thái Nguyễn Hùng Thu, Lê Đình Chi (2018), Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP): tài liệu đào tạo đại học và sau đại học, NXB Y học.

117029 ENGLISH ACADEMIC WRITING

Môn học English Academic Writing là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng đọc, hiểu và cách viết thể loại bài báo khoa học viết bằng tiếng Anh. Thông qua môn học, sinh viên được đánh giá cuối kỳ bằng việc viết lại abstract (tóm tắt) của một bài báo khoa học tự chọn liên quan đến ngành học bằng tiếng Anh, với yêu cầu từ ngữ của abstract mới chỉ được giống tối đa 50% với abstract của bài báo gốc.

Tài liệu tham khảo

John M. Swales, Christine B. Feak (2012), Academic Writing for Graduate Students, Second Edition: Essential Tasks and Skills (Michigan Series in English for Academic & Professional Purposes), University of Michigan Press.

117030 ENGLISH TECHNICAL PRESENTATION

Môn học English Technical Presentaion là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để thể hiện nội dung của một báo cáo khoa học (bằng poster, bằng power point). Thông qua môn học, sinh viên được đánh giá cuối kỳ qua việc thiết kế Poster cho bài báo khoa học tiếng Anh tự chọn, liên quan đến chuyên ngành.

Tài liệu tham khảo

- Carter M. (2013), Designing Science Presentations-A Visual Guide to Figures, Papers, Slides, Posters, and More, Elservier.
- Alley M. (2013), The craft of scientific presentations- Critical steps to succeed and critical errors to avoid, Springer.

117031 HÌNH HỌA KỸ THUẬT

Môn học Hình họa kỹ thuật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình học họa hình cũng như cách trình bày và đọc hiểu bản vẽ kỹ thuật theo đúng tiêu chuẩn. Nội dung môn học gồm các phần sau:

- Các tiêu chuẩn về trình bày bản vẽ kỹ thuật
- Cách biểu diễn các hình chiếu của một chi tiết

Tài liệu tham khảo

- Trần Hữu Quế, GVC. Nguyễn Văn Tuấn (2007), Giáo trình vẽ kỹ thuật, NXB Gáo dục.
- Trần Hữu Quế, (2007), Bài tập vẽ kỹ thuật, NXB Gáo dục.

117043 MARKETING CƠ BẢN

Môn Marketing căn bản được giảng dạy nhằm cung cáp các kiến thức cơ bản trong nghệ thuật Marketing đối với khách hàng, nhận diện khách hàng của mình và đề ra các phương án giải quyết nhằm đem đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng.

Marketing căn bản cung cấp cho học viên những kiến căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh bao gồm:

- Những khái niệm cơ bản về nghệ thuật Marketing.
- Những yếu tố môi trường tác động đến hành vi mua sắm của khách hàng.
- Những yếu tố nằm trong phối thức Marketing.
- Giải quyết những khúc mắc trong hệ thống Marketing.

Tài liệu tham khảo

- Phan Đình Quyền (2013), Marketing căn bản, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Trần Minh Đạo, (2013), Giáo trình Marketing căn bản, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2013.

117045 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học. Môn học này cũng hướng dẫn sinh viên cách viết các báo cáo khoa học.

Tài liệu tham khảo

- Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An (2010), Phương pháp nghiên cứu khoa học, NXB Lao động – Xã hội.
- Lê Huy Bá (2006), Phương pháp nghiên cứu khoa học, NXB ĐHQG TP. HCM.

117055 THÍ NGHIỆM HÓA HỮU CƠ

Thí nghiệm Hóa hữu cơ là môn học thực hành giúp sinh viên làm quen với quy trình tổng hợp và rèn luyện các kỹ năng thực hành để tổng hợp một số hợp chất hữu cơ cơ bản dựa trên các phản ứng tổng hợp hữu cơ thường gặp gồm:

- Phản ứng ester hóa
- Phản ứng sulfo hóa
- Phản ứng thủy phân
- Phản ứng acetyl hóa
- Phản ứng dehydrate hóa

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Huỳnh Bạch Sơn Long, Nguyễn Bình Kha, Phan Kim Anh (2013), Giáo trình thí nghiệm Hóa hữu cơ (lưu hành nội bộ).
- Trần Thị Việt Hoa, Phạm Thành Quân, Trần Văn Thạnh (2008), Kỹ thuật thực hành Tổng hợp hữu cơ, NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- Trần Thị Việt Hoa, Phan Thanh Sơn Nam (2007), Hóa hữu cơ, NXB Đại Học Quốc Gia – TP. HCM.

117056 THÍ NGHIỆM HOÁ LÝ

Môn học thí nghiệm Hóa lý củng cố, bổ sung cũng như làm sáng tỏ các lý thuyết cơ sở về Hóa Lý thông qua thực nghiệm.

Thông qua môn học thí nghiệm này sinh viên sẽ được thực hành để hiểu rõ hơn về các quá trình Hóa lý xảy ra trong hệ như: cân bằng hóa học, nhiệt động hóa học, nhiệt lượng, xây dựng giản đồ pha và các thí nghiệm khác liên quan đến các thông số Hóa lý, đồng thời nâng cao và rèn luyện kỹ năng thực hành trong phòng thí nghiệm cũng như cách viết báo cáo, trình bày và xử lý các số liệu thí nghiệm

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Ngọc Hạnh (2008), Thí Nghiệm Hóa Lý, NXB Đại Học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Huỳnh Bạch Sơn Long, Đỗ Đặng Thuận, Bùi Trường Đạt (2018), Hóa lý: giáo trình dành cho sinh viên hệ đại học, NXB Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh.

117057 THÍ NGHIỆM HÓA VÔ CƠ

Thí nghiệm Hóa vô cơ dành cho sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm bao gồm các thí nghiệm liên quan đến các kiến thức Hóa vô cơ như tính chất hóa học của các đơn chất, hợp chất của một số nguyên tố nhóm chính nhóm A: (IA, IIA, IIIA, IVA, VA, IVA, IIVA) và nguyên tố nhóm phụ nhóm B (IB, IIB, IIIB, IVB, VB, VIB, VIIB, VIIIB). Môn học sẽ giúp sinh viên trình bày được các thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm, cách quan sát các hiện tượng xảy ra trong phản ứng hóa học, vận dụng những kiến thức đã học giải thích các hiện tượng xảy ra trong phản ứng hóa học.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Huỳnh Bạch Sơn Long (Chủ biên), Tô Thị Yến Chi, Đỗ Đặng Thuận, Bùi Trường Đạt, Mai Thi Nhâm (2017), Thí nghiệm hóa vô cơ: dành cho sinh viên hệ đại học các khối kỹ thuật và dược, NXB Đại học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Huỳnh Bạch Sơn Long (Chủ biên), Đỗ Đặng Thuận, Bùi Trường Đạt (2016), Hóa vô cơ: dành cho sinh viên hệ đại học các khối kỹ thuật và dược, NXB Đại học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

117060 THỰC TẬP KỸ THUẬT

Thực tập kỹ thuật là một môn học thuộc khối kiến thức bổ trợ dành cho sinh viên ngành Công nghệ

Thực phẩm. Môn học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về thực tế sản xuất tại các nhà máy thuộc lĩnh vực liên quan đến Công nghệ Thực phẩm, từ đó giúp sinh viên dễ dàng liên hệ được giữa lý thuyết và thực tế sản xuất đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng quan sát, đặt câu hỏi, trình bày báo cáo và làm việc nhóm. Nội dung môn học gồm 2 phần chính được bố trí trong 45 tiết như sau:
- Đi thực tế tại nhà máy, xí nghiệp.
- Viết báo cáo những nội dung thực tập thực tế tại nhà máy, xí nghiệp

Tài liệu tham khảo

- Do đặc thù của môn học nên phụ thuộc vào công ty tham quan mà sinh viên sẽ được cung cấp những tài liệu nội bộ cụ thể để hoàn thành báo cáo.

117062 THỰC TẬP QUÁ TRÌNH VÀ CÔNG NGHỆ

Thực tập quá trình và công nghệ là một môn học thuộc khối kiến thức bổ trợ dành cho sinh viên ngành Công nghệ Thực phẩm. Môn học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về thực tế sản xuất tại các nhà máy thuộc lĩnh vực liên quan đến Công nghệ Thực phẩm, từ đó giúp sinh viên dễ dàng liên hệ được giữa lý thuyết và thực tế sản xuất đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng quan sát, đặt câu hỏi, trình bày báo cáo và làm việc nhóm. Nội dung môn học gồm 2 phần chính được bố trí trong 45 tiết như sau:
- Đi thực tế tại nhà máy, xí nghiệp.
- Viết báo cáo những nội dung thực tập thực tế tại nhà máy, xí nghiệp

Tài liệu tham khảo

- Do đặc thù của môn học nên phụ thuộc vào công ty tham quan mà sinh viên sẽ được cung cấp những tài liệu nội bộ cụ thể để hoàn thành báo cáo.

117068 QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Môn học giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về quản lý chất lượng, bao gồm:
- Các khái niệm cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng;
- Các công cụ quản lý chất lượng;
- Các phương pháp quản lý chất lượng và các tiêu chuẩn quản lý chất lượng.

Tài liệu tham khảo

- Đống Thị Anh Đào (2014). Quản lý chất lượng thực phẩm. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Tạ Thị Kiều An, Ngô Thị Ánh, Nguyễn Thị Ngọc Diệp (2014). Quản lý chất lượng. NXB Thống Kê.
- Nguyễn Thị Vân Hà (2014). Quản lý chất lượng môi trường, Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Tạ Thị Kiều An, Nguyễn Thị Ngọc Diệp (2007). Quản lý chất lượng trong các tổ chức: bài tập. Tp. Hồ Chí Minh: Thống kê.

117069 CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT SẠCH HƠN

Môn học cung cấp cho sinh viên:
- Hiểu được tính hợp lý và cấp thiết của việc thực hiện sản xuất sạch hơn của các công ty, xí nghiệp.
- Phương pháp đánh giá lợi ích thu được từ một dự án sản xuất sạch hơn, phương pháp kiểm toán môi trường cũng như phương pháp đánh giá vòng đời sản phẩm (Life-Cycle Assessment – LCA).

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Đình Huấn. Sản xuất Sạch hơn, Đại Học Bách Khoa Đà Nẵng.
- Tài liệu hướng dẫn sản xuất sạch hơn. Trung tâm sản xuất sạch Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2000.
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở Việt nam, Bộ KH-CN-MT, 12/1997.

120003 THÍ NGHIỆM HÓA SINH

Môn học giúp sinh viên ôn lại kiến thức và vận dụng một cách thực tế. Sinh viên phải thuần thục những kỹ năng cơ bản và bắt buộc. Giúp sinh viên hiểu sâu và tiến hành thực tế về các phản ứng của protein cụ thể: Biuret, Ninhidrin…

Giúp sinh viên biết phương pháp vô cơ hoá mẫu để xác định được lượng đạm của một sản phẩm thực phẩm cụ thể bằng phương pháp đơn giản….. Bao gồm:

- Định tính Protein - Định lượng Protein
- Định tính Glucid
- Xác định đường khử, đường tổng bằng phương pháp Bertrand
- Định tính Lipid - Định lượng Lipid
- Định lượng Vitamin C bằng phương pháp hoá học
- Xác định hoạt độ của một số Enzyme

Tài liệu tham khảo

- Trần Bích Lam, Tôn Nữ Minh Nguyệt, Đinh Trần Nhật Thu (2004), Thí Nghiệm Hóa Sinh Thực Phẩm, NXB Đại học Quốc gia TPHCM.
- Nguyễn Văn Mùi (2001), Thực hành Hóa sinh học, NXB Khoa hoc và kỹ thuật.

120004 THÍ NGHIỆM VI SINH

Môn học giúp sinh viên ôn lại kiến thức và vận dụng một cách thực tế. Sinh viên phải thuần thục những kỹ năng cơ bản và bắt buộc. Sinh viên sẽ được quan sát nhận biết hình dạng vi sinh vật ở các độ phóng

đại của kính hiển vi, sẽ đếm được tế bào vi sinh vật bằng buồng đếm…. Bao gồm:

- Chuẩn bị môi trường
- Kỹ thuật gieo cấy, nuôi và quan sát sự phát triển của vi sinh vật
- Phân lập vi sinh vật thuần khiết
- Quan sát vi khuẩn, quan sát nấm men và quan sát nấm mốc
- Xác định *Escherichia coli*
- Xác định *Coliform*
- Xác định tổng vi khuẩn hiếu khí
- Xác định tổng nấm men – tổng nấm mốc

Tài liệu tham khảo

- Lê Văn Việt Mẫn, Lại Mai Hương (2008), Thí nghiệm vi sinh vật học thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia TPHCM
- Nguyễn Lân Dũng, Nguyễn Đình Quyến, Phạm Văn Ty (2008), Vi Sinh Vật Học, NXB Giáo Dục.
- Trần Linh Thước (chủ biên) (2010), Phương pháp phân tích Vi Sinh Vật trong nước, thực phẩm và mĩ phẩm, NXB Giáo Dục.

120013 CÔNG NGHỆ LÊN MEN

Công nghệ lên men thực phẩm là môn học cung cấp cho sinh viên ngành công nghệ thực phẩm những kiến thức về quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm thực phẩm bằng phương pháp lên men. Bao gồm:

- Công nghệ sản xuất các thực phẩm lên men từ ngũ cốc.
- Công nghệ sản xuất các thực phẩm lên men từ rau quả.
- Công nghệ sản xuất các sản phẩm lên men từ thịt cá.
- Công nghệ sản xuất các sản phẩm lên men từ sữa

Tài liệu tham khảo

- Bùi Ái (2008). Công nghệ lên men ứng dụng trong công nghệ thực phẩm. TP. HCM: NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM.
- Lê Văn Việt Mẫn (2004). Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa và thức uống, tập 1. TP. HCM: NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM.
- Nguyễn Đức Lượng (2002). Công nghệ vi sinh, tập 2. TP. HCM: NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM.
- Nguyễn Đức Lượng (2002). Công nghệ vi sinh vật, tập 3 - Thực phẩm lên men truyền thống. TP. HCM: NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM.
- Nguyễn Thị Hiền (2006). Công nghệ sản xuất mì chính và các sản phẩm lên men cổ truyền. Hà Nội: NXB Khoa học và kỹ thuật.

120018 CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về các biến đổi sinh lý và hóa sinh trong nông sản sau thu hoạch; những rối loạn sinh lý, sự thiệt hại do vi sinh vật, mầm bệnh và các nhân tố khác dẫn đến sự suy giảm chất lượng nông sản; Đồng thời giúp sinh viên nắm vững kiến thức về phương pháp bảo quản và công nghệ chế biến nông sản.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Tiếp, Quách Đĩnh Nguyễn Văn Thoa (2008). Bảo quản và chế biến rau quả. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Trần Văn Chương, 2000. Công nghệ bảo quản – chế biến nông sản sau thu hoạch – Tập 1&2, NXB Văn hóa dân tộc.
- Hà Văn Thuyết, (2002) Bảo quản rau quả tươi và bán chế phẩm, NXB Nông nghiệ.
- Tôn Nữ Minh Nguyệt, Lê Văn Việt Mẫn, Trần Thị Thu Hà, (2008) Công nghệ chế biến rau trái - Tập 1: Nguyên liệu và công nghệ bảo quản sau thu hoạch, NXB Đại học Quốc gia.

120020 ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG THỰC PHẨM

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản, kỹ năng về đánh giá cảm quan thực phẩm, cũng như cơ chế tương tác của các hợp chất mùi, vị đến các tế bào cảm giác trên các giác quan như vị giác và khứu giác. Đồng thời, giúp người học tiếp cận với những phương pháp đánh giá cảm quan và cách xử lý số liệu tương ứng được sử dụng phổ biến trong đánh giá chất lượng và nghiên cứu phát triển sản phẩm như: phép thử phân biệt, phép thử mô tả và phép thử thị hiếu.

Tài liệu tham khảo

- Đống Thị Anh Đào (2014), Quản lý chất lượng thực phẩm, NXB. ĐHQG Tp.HCM.
- Hà Duyên Tư (2006), Kỹ thuật phân tích cảm quan thực phẩm, Hà Nội: NXB. KHKT.
- Nguyễn Đức Lượng, Phạm Minh Tâm (2005), Vệ sinh và An toàn thực phẩm, NXB. ĐHQG Tp.HCM.
- Nguyễn Hoàng Dũng (2006), Thực hành đánh giá cảm quan, NXB. ĐHQG Tp.HCM.
- Nguyễn Thái Thanh Trúc (2014), Giáo trình thực hành đánh giá cảm quan, Lưu hành nội bộ.

120024 HÓA SINH

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học của thực phẩm như protein, glucid, lipid, vitamin, muối khoáng và nước, cũng như khả năng chuyển hóa các thành phần ấy khi chế biến và bảo quản để có biện pháp sử dụng hiệu quả hơn.

Môn học này giúp sinh viên hiểu rõ bản chất sinh hóa của nhưng vật chất sống để có thể vận dụng, lý giải cho các vấn đề của những môn học sau như công nghệ thực phẩm đại cương, công nghệ lên men

thực phẩm, công nghệ chế biến và bảo quản rau quả, ….

Tài liệu tham khảo

- Phạm Thị Trân Châu, Trần Thị Áng (2009), Hóa sinh học, Hà Nội, NXB Giáo dục.
- Nguyễn Thị Thịnh, Vũ Thị Thư, Lê Ngọc Tú (2005), Bài tập hóa sinh, Hà Nội, NXB Khoa học kỹ thuật.

120026 KỸ THUẬT BAO BÌ THỰC PHẨM

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về:

– Định nghĩa, phân loại, chức năng của bao bì thực phẩm là đảm bảo và xác thực chất lượng của nguyên liệu hoặc sản phẩm thực phẩm.

– Những yếu tố tạo nên chức năng bao bì là:

▪ Loại vật liệu, đặc tính vật liệu đáp ứng yêu cầu bảo quản các loại nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm.

▪ Cấu trúc các lớp vật liệu và cấu tạo hình dạng bao bì.

▪ Phương pháp và trang thiết bị chiết rót, đóng kín bao bì.

▪ Quy định về nội dung ghi nhãn.

▪ Ký mã trong quản lý và thương mại quốc tế.

▪ Những hư hỏng và nguyên nhân.

▪ Vệ sinh an toàn bao bì thực phẩm.

Tài liệu tham khảo

- Đống Thị Anh Đào (2012), Giáo trình Kỹ thuật bao bì thực phẩm, Nơi xuất bản: NXB Đại Học Quốc Gia Tp.HCM.
- Đống Thị Anh Đào (2007), Bài tập trắc nghiệm Kỹ thuật bao bì thực phẩm, Nơi xuất bản: NXB Đại Học Quốc Gia Tp.HCM.

120029 THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

Môn học Thực phẩm chức năng là một môn học mang tính chuyên sâu về các công nghệ sản xuất và sử dụng thực phẩm chức năng

Môn học giới thiệu các khái niệm về thực phẩm chức năng; cách phân loại thực phẩm chức năng và giá trị phòng bệnh của các dinh dưỡng chức năng; những ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất thực phẩm chức năng và giới thiệu về công tác quản lý nhà nước đối với thực phẩm chức năng.

Tài liệu tham khảo

- Thúy Hân (2004), Dinh dưỡng và sức khỏe, Hà Nội: NXB Văn hóa thông tin.
- Lê Ngọc Tú, Bùi Đức Hợi, Lưu Duẫn, Ngô Hữu Hợp, Đặng Thị Thu, Nguyễn Trọng Cẩn, (2001), Hóa học thực phẩm. Hà Nội, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật.

120045 THỰC HÀNH SẢN XUẤT DẦU MỠ

Môn học giới thiệu về các loại nguyên liệu sản xuất dầu mỡ - thành phần hóa học và tính chất vật lý của chúng; Công nghệ sản xuất dầu mỡ dạng thô và công nghệ tinh luyện dầu mỡ thô để sản xuất dầu mỡ tinh luyện; Các phương pháp biến hình dầu mỡ nhằm mở rộng phạm vi sử dụng của dầu mỡ; Quy trình & thiết bị sản xuất các sản phẩm từ dầu mỡ ; Một số biện pháp quản lý chất lượng trong sản xuất dầu mỡ cũng được đề cập.

Tài liệu tham khảo

- Lê Bạch Tuyết (1996), Các quá trình công nghệ cơ bản trong sản xuất thực phẩm, NXB. Giáo dục.
- Trần Thị Thu Trà (2007), Công nghệ bảo quản và chế biến lương thực: tập 1: Bảo quản lương thực, NXB ĐHQG TpHCM.
- Trần Minh Tâm (1998), Các quá trình công nghệ trong chế biến nông sản thực phẩm, NXB Nông Nghiệp.

120046 THỰC HÀNH CHẾ BIẾN THỊT, THỦY SẢN

Môn học nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thực hành và biết ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn trong lĩnh vực chế biến và bảo quản thịt, thủy sản.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Trọng Cẩn, Đỗ Minh Phụng, Nguyễn Việt Dũng, Nguyễn Anh Tuấn (2011) , Công nghệ chế biến thực phẩm thủy sản, Tập 2, NXB. Khoa học kỹ thuật.
- Trần Đức Ba, Nguyễn Văn Tài (2009), Công nghệ lạnh thủy sản, NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Hiền và cộng sự (2007), Thí nghiệm công nghệ thực phẩm, NXB. Đại học quốc gia Tp.HCM.

120047 THỰC HÀNH CHẾ BIẾN SỮA VÀ SẢN XUẤT BÁNH KẸO

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về nguyên liệu, sản phẩm, các biến đổi chính và các thiết bị chính trong quy trình chế biến sữa và sản xuất bánh kẹo.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Hiền và cộng sự (2007), Thí nghiệm công nghệ thực phẩm, Nơi xuất bản: NXB, Đại học quốc gia Tp.HCM.
- Nguyễn Thái Thanh Trúc (2017), Giáo trình Công nghệ bảo quản và chế biến sữa, Lưu hành nội bộ.
- Nguyễn Thái Thanh Trúc (2017), Giáo trình Công nghệ sản xuất bánh kẹo, Lưu hành nội bộ.
- Nguyễn Thái Thanh Trúc (2014), Giáo trình Thí nghiệm chuyên để thực phẩm, Lưu hành nội bộ.

120048 THỰC HÀNH ĐÁNH GIÁ CẢM QUAN

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản, kỹ năng về đánh giá cảm quan thực phẩm, cũng như cơ chế tương tác của các hợp chất mùi, vị đến các tế bào cảm giác trên các giác quan như vị giác và khứu giác. Đồng thời, giúp người học tiếp cận với những phương pháp đánh giá cảm quan và cách xử lý số liệu tương ứng được sử dụng phổ biến trong đánh giá chất lượng và nghiên cứu phát triển sản phẩm như: phép thử phân biệt, phép thử mô tả và phép thử thị hiếu.

Tài liệu tham khảo

- Hà Duyên Tư (2006), Kỹ thuật phân tích cảm quan thực phẩm. Hà Nội: NXB. KHKT.
- Nguyễn Hoàng Dũng (2006), Thực hành đánh giá cảm quan, NXB. ĐHQG Tp.HCM.
- Nguyễn Thái Thanh Trúc (2014), Giáo trình thực hành đánh giá cảm quan, Lưu hành nội bộ.

120049 THỰC HÀNH CHẾ BIẾN TRÀ, CÀ PHÊ, RAU QUẢ

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc tính nguyên liệu trà, cà phê, các loại rau quả nhiệt đới phổ biến.

Giúp sinh viên tìm hiểu, nắm bắt và thực hiện được các quy trình chế biến các sản phẩm từ trà, cà phê, rau quả như trà xanh, trà vàng, trà đỏ, trà đen, cà phê rang xay, mứt rau quả, nước rau quả, rau quả sấy khô…

Sinh viên nắm bắt chỉ tiêu chất lượng một số sản phẩm từ trà, cà phê, rau quả.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Hiền và cộng sự (2007), Thí nghiệm công nghệ thực phẩm, NXB. Đại học quốc gia Tp.HCM.
- Nguyễn Vân Tiếp, Quách Đĩnh, Nguyễn Văn Thoa (2008), Bảo quản và chế biến rau quả, NXB Khoa học kỹ thuật
- Trần Bích Lam (2006), Thí nghiệm phân tích thực phẩm, NXB. Đại học quốc gia Tp.HCM.
- Đàm Sao Mai và cộng sự (2012), Phụ gia thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

120053 THÍ NGHIỆM CÔNG NGHỆ LÊN MEN

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và khả năng thực hành một số công nghệ sản xuất các sản phẩm lên men. Qua đó, sinh viên nắm được những thao tác cơ bản trong nghiên cứu và điều hành sản xuất cũng như nắm được tiêu chuẩn của các loại sản phẩm đó.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Ái (2008), Công nghệ lên men ứng dụng trong công nghệ thực phẩm, NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM.
- Lê Văn Việt Mẫn (2004), Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa và thức uống, tập 1, NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM.
- Nguyễn Thị Hiền (2006), Công nghệ sản xuất mì chính và các sản phẩm lên men cổ truyền, NXB Khoa học và kỹ thuật.

120054 HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG

Môn Hóa đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về hóa học, bao gồm: những khái niệm và định luật cơ sở của hóa học; cấu tạo nguyên tử - định luật tuần hoàn các nguyên tố hóa học nhiệt động học; liên kết hóa học; trạng thái tập hợp của các chất; nhiệt động lực học hóa học; cân bằng hóa học; dung dịch; dung dịch điện ly và pin điện hóa. Kiến thức của môn Hóa Đại Cương nhằm cung cấp những kiến thức và khái niệm căn bản để tiếp tục học các môn Hóa lý, Hóa vô cơ, Hóa phân tích…. ở những năm tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Đức Chung (2009), Hóa học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Lê Mậu Quyền (2008), Bài tập Hóa học đại cương, NXB Giáo Dục.

120055 VI SINH VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM VI SINH

Môn học cung cấp cho sinh viên ngành công nghệ thực phẩm những kiến thức chuyên môn về vi sinh vật, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thái, sinh lý vi sinh vật.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Lân Dũng, Nguyễn Đình Quyến, Phạm Văn Ty, 2008 Vi sinh vật học. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Trần Linh Thước, 2007 Phương pháp phân tích vi sinh vật trong nước, thực phẩm và mĩ phẩm. NXB Giáo dục.

120056 PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH THỰC PHẨM

Môn học này sẽ trang bị cho sinh viên những phương pháp xác định các thành phần cơ bản của các sản phẩm thực phẩm như: protein, glucid, lipid, khoáng, vitamin và nhiệt lượng của các sản phẩm thực phẩm.

Trang bị cho sinh viện nguyên tắc hoạt động của một số thiết bị hiện đại được sử dụng để phân tích hàm lượng và cấu trúc của thực phẩm.

Trang bị cho sinh viên một số kỹ thuật xử lý các mẫu thực phẩm khác nhau trước khi tiến hành phân tích. Từ đó giúp sinh viên tiếp cận dễ dàng hơn với các phương pháp phân tích ngoài doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Lê Ngọc Tú, Bùi Đức Hợi, Lưu Duẫn, Ngô Hữu Hợp, Đặng Thị Thu, Nguyễn Trọng Cẩn (2001) , Hóa học thực phẩm, Hà Nội: NXB khoa học và kỹ thuật.
- Nguyễn Thị Thu Vân (2006), Bài tập và sổ tay phân tích định lượng, NXB Đại học Quốc gia TPHCM,.
- Hoàng Minh Châu, Từ Văn Mặc, Từ Vọng Nghi, (2007), Cơ sở hóa học phân tích, NXB Khoa học kỹ thuật.

120057 QUÁ TRÌNH VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ 1

Môn học gồm 2 phần chính

Phần 1: Cơ lưu chất và cơ học vật liệu rời

Gồm 2 phần: Phần cơ học lưu chất liên quan tới các vấn đề cơ học của lưu chất, quá trình chảy của lưu chất, các thiết bị ứng dụng trong công nghệ thực phẩm như lắng lọc. Phần vật liệu rời mô tả các quá trình vận chuyển vật liệu rời, các nguyên lý làm nhỏ kích thước, phân loại vật liệu rời.

Phần 2: Truyền nhiệt

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở quá trình truyền nhiệt: dẫn nhiệt, đối lưu nhiệt, bức xạ nhiệt; về trao đổi nhiệt: đun nóng, làm nguội, ngưng tụ; và các thiết bị truyền nhiệt nhằm giúp người học vận dụng kiến thức để tính toán, lựa chọn thiết bị trao đổi nhiệt cho phù hợp các quy trình trong công nghệ thực phẩm.

<u>Tài liệu tham khảo</u>

- Nguyễn Văn Lụa (2008), Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm: tập 1: các quá trình và thiết bị cơ học: quyển 1: khuấy - lắng lọc, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Bin (2002), Các quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm: Tập 1: Các quá trình thủy lực, bơm, quạt, máy nén, NXB Khoa hoc và kỹ thuật.
- Phạm Xuân Toản (2008), Các quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm: Tập 3: Các quá trình và thiết bị truyền nhiệt, NXB Khoa hoc và kỹ thuật.
- Phạm Văn Bôn, Nguyễn Đình Thọ (2006), Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm: tập 5: quá trình và thiết bị truyền nhiệt: quyển 1: truyền nhiệt ổn định, NXB Đại học quốc gia TP.HCM.

120058 HÓA LÝ

Môn Hóa lý cung cấp các kiến thức về sự ứng dụng của các nguyên lý nhiệt động học để khảo sát các hiệu ứng nhiệt của phản ứng, khảo sát các quá trình chuyển pha, chiều và giới hạn quá trình, cân bằng hóa học, cân bằng pha, cân bằng pha trong hệ một cấu tử, dung dịch và cân bằng trong dung dịch hơi và cân bằng giữa dung dịch lỏng và pha rắn.

Đây chính là nền tảng để sinh viên tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành liên quan và cung cấp kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên nhằm áp dụng vào lĩnh vực lien quan đến công nghệ thực phẩm.

<u>Tài liệu tham khảo</u>

- TS Nguyễn Huỳnh Bạch Sơn Long (Chủ biên), ThS Đỗ Đặng Thuận, ThS Bùi Trường Đạt (2018), Hóa lý, NXB Đại học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mai Hữu Khiêm,... [và những người khác] (2007), Hóa lý: bài tập, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

120059 QUÁ TRÌNH VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ 2

Môn học gồm 2 phần:

Phần 1: Truyền Khối

Phần 2: Kỹ thuật Phản Ứng

Phần "Truyền Khối" trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo và nguyên lý hoạt động, ưu-nhược điểm và ứng dụng của thiết bị truyền khối: hấp thụ, chưng cất, sấy…để phân riêng các chất Công nghệ Thực phẩm. Áp dụng lý thuyết đã học để tính toán các thông số cơ bản của các quá trình truyền khối và phân tích vấn đề về truyền khối trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm.

Phần "Kỹ thuật phản ứng": cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng tính toán các thiết bị phản ứng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể đánh giá sơ bộ hiệu quả của một quá trình phản ứng, hiệu suất thiết bị và các yếu tố khác phục vụ cho mục tiêu tối ưu hóa các quá trình sản xuất.

<u>Tài liệu tham khảo</u>

- Vũ Bá Minh, Võ Văn Bang (2007), Các quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm: tập 3: truyền khối, Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh Trịnh Văn Dũng (2008), Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm: bài tập: truyền khối, NXB đại học quốc gia TP.HCM.
- Vũ Bá Minh (2004), Các quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm: tập 4: kỹ thuật phản ứng, NXB ĐHQG TP.HCM.
- Trịnh Văn Dũng (2008), Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm: bài tập: truyền khối, NXB đại học quốc gia TP.HCM.

120060 CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

Môn học Công nghệ chế biến thực phẩm là một trong những môn học quan trọng, mang tính cơ sở về các công nghệ trong chế biến thực phẩm.

Môn học Công nghệ chế biến thực phẩm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quy trình sản xuất và các hướng chế biến nguyên liệu trong ngành công nghiệp thực phẩm. Môn học này giúp sinh viên

vận dụng được các kiến thức về tính chất công nghệ của từng loại nguyên liệu và sản phẩm để xây dựng quy trình công nghệ chế biến phù hợp, gồm các nội dung:

- Khái niệm chung: Giới thiệu các khái niệm cơ bản về nguyên liệu, sản phẩm, công nghệ thực phẩm
- Các quá trình trong công nghệ thực phẩm

Tài liệu tham khảo

- Lê Văn Việt Mẫn và các cộng sự (2010), Công nghệ chế biến thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Lê Bạch Tuyết và cộng sự (1996), Các quá trình công nghệ cơ bản trong sản xuất thực phẩm, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Lê Ngọc Tú và cộng sự (2004), Hóa học thực phẩm, NXB Khoa hoc và kỹ thuật.

120061 THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH THỰC PHẨM

Môn học thí nghiệm phân tích thực phẩm giúp sinh viên nắm được phương pháp lấy mẫu và xử lý mẫu để phân tích chất lượng thực phẩm.

Giúp cho sinh viên có thể hiểu rõ và vận dụng kiến thức đã học vào việc đánh giá chất lượng một sản phẩm thực phẩm. Từ đó giúp sinh viên có khả năng ứng dụng trong thực tiễn sản xuất và nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Hiền (2007), Thí nghiệm công nghệ thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia TPHCM.
- Trần Bích Lam (2013), Thí nghiệm phân tích thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia TPHCM.
- Trần Bích Lam (2014), Thí nghiệm hóa sinh thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia TPHCM.

120062 TÍNH TOÁN THIẾT KẾ THIẾT BỊ

Môn học này cung cấp các kiến thức về nguyên lý cơ bản của việc thiết kế thiết bị hóa chất và thực phẩm; cách lựa chọn vật liệu; các quan hệ phụ thuộc giữa các kích thước của các chi tiết thiết bị với tính chất của vật liệu và các phương pháp gia công, chế tạo; tính toán các thông số cơ bản của thiết bị; tính toán các chi tiết chính, phụ và cơ cấu bích kín; các phép tính để kiểm tra độ bền các chi tiết và phương pháp thiết kế.

Tài liệu tham khảo:

- Hồ Lê Viên (2006), Tính toán, thiết kế các chi tiết thiết bị hóa chất và dầu khí, NXB Khoa Học và Kỹ Thuật.
- Nguyễn Bin (2004), Tính toán quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất thực phẩm tập 1,2, NXB Khoa Học Kỹ Thuật.

120063 THIẾT KẾ THÍ NGHIỆM VÀ XỬ LÝ SỐ LIỆU THỰC NGHIỆM

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về phân tích đơn biến, phân tích đa biến, phân tích phương sai, phân tích tương quan và phương trình hồi qui. Sinh viên được giới thiệu trình tự các bước khi tiến hành bố trí nghiệm trong thí nghiệm và nghiên cứu. Sau khoá học, sinh viên có kỹ năng tốt trong việc sử dụng phần mềm xử lý thống kê để xử lý và phân tích các kết quá thực nghiệm.

Tài liệu tham khảo

- Trịnh Văn Dũng (2008), Ứng dụng tin học trong công nghệ hóa học - thực phẩm, NXB. ĐHQG Tp.HCM.
- Nguyễn Cảnh (2004), Quy hoạch thực nghiệm, NXB. ĐHQG Tp.HCM.
- Chu Văn Mẫn (2009), Tin học trong công nghệ sinh học, NXB. Giáo dục.
- Bùi Minh Trí (2005), Xác suất thống kê và quy hoạch thực nghiệm, NXB. Khoa hoc và kỹ thuật.
- Nguyễn Huỳnh Bạch Sơn Long, Nguyễn Thái Thanh Trúc (2016), Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu thực nghiệm, NXB. Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh.

120064 ĐỒ ÁN CHUYÊN NGÀNH 1

Hướng dẫn cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để làm một khảo sát hoặc nghiên cứu trong ngành Công nghệ thực phẩm. Sau đó yêu cầu sinh viên chọn đề tài và tiến hành thực hiện những khảo sát liên quan đến đề tài trong phòng thí nghiệm.

Tài liệu tham khảo

- Vũ Cao Đàm (2000), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học kỹ thuật.
- Nguyễn Văn Lê (2001), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Trẻ.
- Các tài liệu chuyên ngành khác (bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học) ứng với mỗi đề tài thuộc lĩnh vực cụ thể mà sinh viên chọn.

120065 ĐỒ ÁN CHUYÊN NGÀNH 2

Môn học hướng dẫn cho sinh viên áp dụng kiến thức chuyên ngành và kỹ năng cần thiết, để thực hiện một khảo sát, một nghiên cứu hoặc tham gia cải tiến, phát triển một sản phẩm cụ thể trong lĩnh vực Công nghệ thực phẩm. Trên cơ sở những kiến thức chuyên ngành và kỹ năng đạt được, sinh viên đề xuất đề tài và tiến hành thực hiện những khảo sát liên quan đến đề tài trong phòng thí nghiệm.

Tài liệu tham khảo

- Vũ Cao Đàm (2018), Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Các tài liệu chuyên ngành khác (bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học) ứng với mỗi đề tài thuộc lĩnh vực cụ thể mà sinh viên chọn.

120066 PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về phát triển sản phẩm, các giai đoạn của quá trình phát triển sản phẩm, cách lập kế hoạch và thực hiện các mục tiêu phát triển sản phẩm, phương pháp tạo sản phẩm mới và những việc cần làm để thương mại hóa sản phẩm.

Tài liệu tham khảo

- Vũ Quế Hương (2001). Quản lý đổi mới và phát triển sản phẩm mới. Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật.
- Earle M.; Earle R.; Anderson A. (2001). Food Product Development. Woodhead Publishing.
- Gordon W. Fuller (2011). New Food Product Development From Concept to Marketplace. CRC Press.

120067 QUẢN TRỊ KINH DOANH CHO KỸ SƯ

Môn học bao gồm lý luận chung về phân tích kinh doanh, phân tích kết quả và tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất, phân tích chi phí sản xuất và giá thành, phân tích tiêu thụ và lợi nhuận, phân tích tình hình tài chính. Các nội dung phân tích thể hiện thông qua các chỉ tiêu kinh tế cụ thể cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Trần Kim Dung (2018), Quản trị nguồn nhân lực, NXB Tài chính.
- Đặng Đình Đào, Nguyễn Đức Diệp, Nguyễn Thị Diệu Chi (2020), Quản trị nguồn nhân lực logistics ở Việt Nam , NXB Dân trí.

120068 CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT DẦU MỠ

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các nguồn nguyên liệu sản xuất dầu mỡ, công nghệ tinh luyện dầu mỡ, các kỹ thuật cải tiến tính chất của dầu mỡ và các phương pháp xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất dầu mỡ.

Tài liệu tham khảo

- Lê Bạch Tuyết (1996), Các quá trình công nghệ cơ bản trong sản xuất thực phẩm, NXB. Giáo dục.
- Trần Thị Thu Trà (2007), Công nghệ bảo quản và chế biến lương thực: tập 1: bảo quản lương thực, NXB ĐHQG Tp.HCM.
- Trần Minh Tâm (1998), Các quá trình công nghệ trong chế biến nông sản thực phẩm, NXB Nông Nghiệp.

120069 CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN VÀ BẢO QUẢN THỊT, THỦY SẢN

Môn học Công nghệ bảo quản và chế biến thịt, thủy sản trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và kỹ năng để hiểu về nguyên liệu dùng trong thực phẩm và các phương pháp để bảo quản và chế biến thịt, thủy sản. Môn học này sẽ giúp người học nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của thịt, thủy sản trong dinh dưỡng và chế biến thực phẩm, trong sản xuất công nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Lê Văn Việt Mẫn, Lại Quốc Đạt, Nguyễn Thị Hiền (2010), Công nghệ chế biến thực phẩm, tái bản lần 1, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Đức Lượng (2008), Công nghệ vi sinh - Tập 3: thực phẩm lên men truyền thống, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Trần Minh Tâm (1998), Các quá trình công nghệ trong chế biến nông sản thực phẩm, NXB Nông nghiệp.

120070 CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN SỮA VÀ SẢN XUẤT BÁNH KẸO

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguyên liệu sữa, nguyên liệu sản xuất bánh, kẹo. Đồng thời, cung cấp những kiến thức về quy trình công nghệ chế biến sữa, các sản phẩm lên men từ sữa, quy trình công nghệ sản xuất bánh và quy trình sản xuất các sản phẩm kẹo.

Tài liệu tham khảo

- Lê Văn Việt Mẫn (2004), Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa và thức uống , Tập 1, Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa, Nơi xuất bản: NXB Đại Học Quốc Gia TP. HCM.
- Bùi Đức Hợi (chủ biên) (2006), Kỹ thuật chế biến lương thực, tập 1, NXB. Khoa học và kỹ thuật.
- Lâm Xuân Thanh (2008), Giáo Trình Công Nghệ Các Sản Phẩm Sữa, NXB Khoa Học Kỹ Thuật.
- Nguyễn Thái Thanh Trúc (2017), Giáo trình Công nghệ bảo quản và chế biến sữa, Lưu hành nội bộ.
- Nguyễn Thái Thanh Trúc (2017), Giáo trình Công nghệ sản xuất bánh kẹo, Lưu hành nội bộ.

120071 CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN TRÀ, CÀ PHÊ, RAU QUẢ

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc tính thực vật và thành phần của nguyên liệu trà, cà phê, các loại rau quả nhiệt đới phổ biến; các

phương pháp bảo quản và công nghệ chế biến các sản phẩm từ trà, cà phê, rau quả.
Môn học giới thiệu các dạng sản phẩm chế biến từ trà, cà phê, rau quả và các nguyên tắc cơ bản trong chế biến các sản phẩm trà, cà phê, rau quả
Giới thiệu những thành tựu mới và những nguyên tắc cơ bản trong các phương án công nghiệp chế biến trà, cà phê, rau quả.
Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Vân Tiếp, Quách Đĩnh, Nguyễn Văn Thoa (2008), Bảo quản và chế biến rau quả, NXB Khoa học kỹ thuật.
- Hà Văn Thuyết (2000), Bảo quản rau quả tươi và bán chế phẩm, NXB Nông nghiệp.
- Tôn Nữ Minh Nguyệt, Lê Văn Việt Mẫn, Trần Thị Thu Hà (2008), Công nghệ chế biến rau trái - Tập 1: Nguyên liệu và công nghệ bảo quản sau thu hoạch, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Trần Văn Hòa và tập thể tác giả (1999), Kỹ thuật trồng và chăm sóc ca cao, cà phê, tiêu, sầu riêng, NXB Trẻ.
- Lê Văn Việt Mẫn, Lại Quốc Đạt, Nguyễn Thị Hiền (2010), Công nghệ chế biến thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

120072 CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NƯỚC GIẢI KHÁT

Công nghệ sản xuất nước giải khát, đề cập đến việc khảo sát các công đoạn chính trong một quá trình khảo sát nước giải khát có gas và không có gas từ nguyên liệu chính đến quá trình pha chế nước giải khát, chiết rót sản phẩm và cuối cùng là các nguyên nhân gây hư hỏng và làm giảm chất lượng nước giải khát.
Tài liệu tham khảo

- Lê Văn Việt Mẫn (2007), Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa và thức uống - Tập 2: Công nghệ sản xuất thức uống, NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM.
- Lê Văn Việt Mẫn, Lại Quốc Đạt, Nguyễn Thị Hiền (2010), Công nghệ chế biến thực phẩm, tái bản lần 1, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

120073 PHỤ GIA THỰC PHẨM

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về phụ gia được sử dụng trong công nghệ thực phẩm để sau khi hoàn thành môn học thì người học có những kiến thức cơ bản về:
- Quy định nhà nước về chất phụ gia thực phẩm.
- Các đặc tính hóa lý .
- Nguyên tắc - ứng dụng trong công nghệ bảo quản và chế biến thực phẩm.

Tài liệu tham khảo

- Đàm Sao Mai, Nguyễn Thị Hoàng Yến, Bùi Đặng Khuê (2012), Phụ gia thực phẩm, NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Quang Minh, Tiến Phát (2016), Luật an toàn thực phẩm: quy định mới về chất phụ gia thực phẩm, quản lý chất lượng và xử phạt vi phạm hành chính, NXB. Lao động.

120074 LUẬT THỰC PHẨM

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về:
- Cơ cấu quản lý Nhà nước về chất lượng của chuỗi sản xuất thực phẩm, phù hợp với điều kiện phát triển của kinh tế, xã hội.
- Đặc tính, vai trò, nội dung và áp dụng của Luật an toàn thực phẩm.
- Nội dung và áp dụng của Quy định vệ sinh an toàn thực phẩm của Thủ tướng chính phủ ban hành.
- Nội dung và áp dụng của các Quy định vệ sinh an toàn thực phẩm của Bộ Y Tế ban hành.

Tài liệu tham khảo

- Luật an toàn thực phẩm (2011), NXB. Y học.
- Luật an toàn thực phẩm năm 2010 và văn bản hướng dẫn thi hàn (2012), NXB. Chính trị quốc gia Hà Nội.
- Quang Minh, Tiến Phát (2016), Luật an toàn thực phẩm: quy định mới về chất phụ gia thực phẩm, quản lý chất lượng và xử phạt vi phạm hành chính, NXB. Lao động.
- Trương Hồng Quang, Kiều Thị Hảo (2013), Hỏi đáp về luật an toàn thực phẩm năm 2010, NXB. Chính trị quốc gia.

120075 VĂN HÓA ẨM THỰC

Môn học cung cấp những hiểu biết cơ bản về nguyên liệu và văn hoá ẩm thực Việt Nam và so sánh với các nước khác; nắm vững các cơ cấu và tính chất bữa ăn, không gian, thời gian, phong cách ăn uống truyền thống của người Việt Nam.
Tài liệu tham khảo

- Bố Xuân Hổ (2011), Văn hóa ẩm thực dân gian Chăm Bình Thuận, NXB Khoa học xã hội.
- Phạm Minh Đức (2011), Văn hóa ẩm thực vùng Thái Bình, NXB Văn hóa dân tộc.
- Nguyễn Nghĩa Dân (2011), Văn hóa ẩm thực trong tục ngữ ca dao Việt Nam, NXB Lao động.
- Nguyễn Văn Hòa (2011), Văn hóa ẩm thực vùng Tây Bắc Việt Nam, NXB Thanh Niên.

120076 DINH DƯỠNG & AN TOÀN THỰC PHẨM

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về:

- Các kiến thức về vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng.
- Tính cân đối giữa các chất dinh dưỡng và chế độ dinh dưỡng hợp lý.
- Tìm hiểu về giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn, xây dựng khẩu phần ăn.
- Các bệnh thiếu dinh dưỡng thường gặp, giám sát dinh dưỡng và đánh giá tình trạng dinh dưỡng. Một vài nguyên tắc về dinh dưỡng điều trị và chế độ ăn điều trị trong một số bệnh.
- Thực trạng về ngộ độc thực phẩm, cách lựa chọn thực phẩm an toàn, vệ sinh ăn uống công cộng.

Tài liệu tham khảo

- Hà Huy Khôi và cộng sự (2006), Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm, Nơi xuất bản: NXB. Y học.
- Nguyễn Đức Lượng, Phạm Minh Tâm (2005),Vệ sinh và an toàn thực phẩm, Nơi xuất bản: NXB ĐHQG Tp.HCM.
- Lương Đức Phẩm (2001), Vi sinh vật và an toàn thực phẩm, Nơi xuất bản: NXB. Nông nghiệp.
- Thúy Hân (2004), Dinh dưỡng và sức khỏe, Nơi xuất bản: NXB. Văn hóa thông tin.

120077 THỰC HÀNH SẢN XUẤT NƯỚC GIẢI KHÁT

Môn học giới thiệu về các loại nguyên liệu sản xuất nước giải khát. Giới thiệu các phương pháp phân loại các loại thức uống trên thị trường và sinh viên sẽ thực hành các quy trình sản xuất các loại thức uống cũng như nắm được tiêu chuẩn của các loại thức uống.

Tài liệu tham khảo

- Lê Văn Việt Mẫn (2007), Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa và thức uống - Tập 2: Công nghệ sản xuất thức uống, TPHCM: NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM.
- Lê Văn Việt Mẫn, Lại Quốc Đạt, Nguyễn Thị Hiền (2010). Công nghệ chế biến thực phẩm, tái bản lần 1. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

121044 CÔNG NGHỆ HỢP CHẤT THIÊN NHIÊN

Là môn học nghiên cứu các loại hợp chất thiên nhiên. Xây dựng quy trình nghiên cứu các hợp chất thiên nhiên. Nội dung môn học bao gồm phân loại các hợp chất thiên nhiên, cấu tạo và tính chất của chúng, các phương pháp tách chiết và phân lập các hợp chất thiên nhiên, các tác dụng sinh học và dược lý cũng như ứng dụng của chúng.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Hân, Đỗ Hữu Nghị (2017), Kỹ thuật chiết xuất dược liệu, NXB Y học.
- Phan Tống Sơn, Phan Minh Giang (2016), Hóa học các hợp chất thiên nhiên. T.1, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

122016 AN TOÀN LAO ĐỘNG

Môn học An toàn lao động giúp sinh viên có thêm kiến thức về an toàn lao động, có thể vận dụng và áp dụng vào ngành nghề một cách hợp lý. Giúp sinh viên biết nghiên cứu về hệ thống các văn bản pháp luật, các biện pháp về tổ chức, kinh tế, xã hội và khoa học công nghệ để cải tiến điều kiện lao động nhằm bảo vệ sức khoẻ, tính mạng con người trong lao động, ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, hạn chế ốm đau làm giảm sút sức khoẻ cũng như những thiệt hại khác đối với người lao động; Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; Bảo vệ môi trường lao động nói riêng và môi trường sinh thái nói chung góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Trí (2013), Giáo trình An toàn lao động và môi trường công nghiệp, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Trần Hoàng Hải, Lê Thị Thúy Hương, Bùi Thị Kim Ngân (2017), Giáo trình luật lao động, Hội luật gia Việt Nam.
- Đỗ Thị Ngọc Khánh, Huỳnh Phan Tùng, Lê Quý Đức (2010), Kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

122017 CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG

Môn học cung cấp các kiến thức về con người và sự phát triển của con người, gắn liền với sự tác động của con người vào môi trường, hậu quả của sự tác động đó ngược trở lại đối với con người; đồng thời giới thiệu các khái niệm về sinh thái, tài nguyên, môi trường.

Môn học này cũng đưa ra các biện pháp cơ bản để bảo vệ môi trường, hướng đến đảm bảo môi trường sống và nguồn cung cấp thực phẩm không bị nhiễm bẩn, góp phần bảo vệ sức khỏe con người.

Tài liệu tham khảo

- Lê Thị Thanh Mai (2009), Môi trường và con người, NXB Đại học Quốc qia TP. Hồ Chí Minh.
- Lê Văn Khoa, Đoàn Văn Tiến, Nguyễn Song Tùng, Nguyễn Quốc Việt (2009), Môi trường và phát triển bền vững, NXB Giáo dục.

122060 KỸ THUẬT XỬ LÝ NƯỚC CẤP - NƯỚC THẢI

Môn học giới thiệu về các nguồn nước thải, thành phần, tính chất các chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước thải, công trình xử lý nước thải.

Môn học cung cấp kiến thức về các loại nguồn nước, công nghệ xử lý nước mặt, nước ngầm, chất lượng

nước cấp, tiêu chuẩn cấp nước cho đời sống và các ngành công ngiệp.

Tài liệu tham khảo

- Trần Văn Nhân, Ngô Thị Nga (2009), Giáo trình công nghệ xử lý nước thải, NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thu Thủy (2008), Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp, NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.
- Trịnh Xuân Lai (2000), Tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải, NXB Xây dựng.

123035 MỐ TRỤ CẦU

Vật liệu xây dựng mố trụ cầu. Phân loại và cấu tạo các bộ phận của mố trụ cầu. Tính tóan thiết kế mố trụ cầu dầm.

Tài liệu tham khảo:

- Mố trụ cầu - Nguyễn Minh Nghĩa, Dương Minh Thu.
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05 - Bộ GTVT 2005.
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN 11823 – Bộ Giao thông vận tải, Hà Nội - 2017.
- Ví dụ tính toán mố trụ cầu theo tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05 - GS.TS. Nguyễn Viết Trung.
- Design of highway bridges based on AASHTO LRFD.

123036 THIẾT KẾ ĐƯỜNG Ô TÔ

Các nguyên tắc, phương pháp và các giải pháp kỹ thuật cũng như các tiêu chuẩn kỹ thuật để khảo sát, thiết kế: bình đồ, trắc dọc và trắc ngang. Thiết kế nền đường, áo đường; các công trình thoát nước và phòng hộ cho đường ô tô thuộc mọi cấp hạng cùng những căn cứ để nhgiên cứu lập khả thi khi lựa chọn phương án một tuyến đường ô tô được xây dựng mới hay cải tạo nâng cấp.

Thiết kế thoát nước mặt và ngầm; nền đường trên đất yếu; kết cấu áo đường cứng. Thiết kế cảnh quan và các bước khảo sát để lập các hồ sơ thiết kế.

Tài liệu tham khảo:

- Thiết kế đường ô tô 1 – Đỗ Bá Chương - NXB Giáo dục, Hà Nội – 1996.
- Thiết kế đường ô tô 1 – Nguyễn Xuân Trục, Dương Học Hải, Nguyễn Quang Chiêu - NXB Giáo dục, Hà Nội – 2003.
- Thiết kế đường ô tô 3, Công trình vược sông – Nguyễn Xuân Trục - NXB Giáo dục, Hà Nội – 1996.
- Thiết kế đường ô tô 4 – Dương Học Hải - NXB Giáo dục, Hà Nội – 2002.
- Các Tiêu chuẩn chuyên ngành : 22TCN-220 – 1995 Dòng chảy lũ.
- Thiết kế đường ôtô (Tập 2) - Nguyễn Xuân Trục, Dương Học Hải, Nguyễn Quang Chiêu -NXB Giáo Dục, Hà Nội - 2003.
- Thiết kế đường ôtô (Tập 4) - Dương Học Hải –– NXB Giáo Dục, Hà Nội - 2002.
- Thiết kế đường ôtô (Tập 1) -Đỗ Bá Chương -NXB Giáo Dục, Hà Nội – 1966.
- Thiết kế đường ôtô: công trình vượt sông (Tập 3) - Nguyễn Xuân Trục - NXB Giáo Dục, Hà Nội – 1998.
- Các tiêu chuẩn chuyên ngành TCN, TCVN.

123037 XÂY DỰNG CẦU & AN TOÀN LAO ĐỘNG

Những biện pháp cơ bản và trình tự thi công các hạng mục của móng và cầu.

Công nghệ thi công thông dụng và áp dụng để thi công những cầu nhỏ và vừa.

Biện pháp thi công chỉ đạo trong thiết kế phương án tuyến .

An toàn lao động trong xây dựng cầu.

Tài liệu tham khảo:

- Thi công cầu thép – Lê Đình Tâm, Nguyễn Tiến Oanh, Nguyễn Trâm – NXB Xây dựng – 1996.
- Thi công cọc khoan nhồi – Nguyễn Bá Kế - NXB Xây dựng – 1999.
- Xây dựng móng mố trụ cầu – Nguyễn Oanh, Nguyễn Tiến Oanh, Lê Đình Tâm, Phạm Duy Hòa – NXB Xây dựng – 1997.
- Thi công cầu Bê tông cốt thép – Nguyễn Tiến Oanh, Nguyễn Trâm, Lê Đình Tâm – NXB Xây dựng – 1985.
- Tính toán các công trình phụ trợ trong thi công cầu – NXB Xây dựng – 2001.
- Kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động - Nguyễn Bá Dũng.

123038 THIẾT KẾ CẦU

Khái niệm về công trình cầu; tải trọng và hệ số tải trọng; phân tích kết cấu cầu BTCT; tính mất mát ứng suất và kiểm toán .

Tài liệu tham khảo:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật công trình giao thông, tập VIII; Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272 - NXB Giao thông vận tải, Hà Nội - 2005.
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN 11823 – Bộ Giao thông vận tải, Hà Nội - 2017.
- Cầu BTCT đúc hẫng cân bằng - Nguyễn Viết Trung - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2005.
- Cầu BT cốt thép trên đường ô tô - Lê Đình Tâm - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2005.
- Các ví dụ tính toán dầm cầu chữ I, T Super-T Bê tông cốt thép dự ứng lực theo tiêu chuẩn 22 TCN 272-05 - Nguyễn Viết Trung, những người khác.

Bridge Engineering Handbook - Ed. Wai-Fah Chen and Lian Duan. Boca Raton: CRC Press - 2000.

123039 ĐỒ ÁN THIẾT KẾ ĐƯỜNG Ô TÔ

– Nghiên cứu thiết kế sơ bộ 2 phương án tuyến chính trên bình đồ. Quy hoạch và tính toán thuỷ văn, thuỷ lực lựa chọn khẩu độ các công trình thoát nước của 2 phương án.

– Thiết kế sơ bộ trắc dọc, trắc ngang của 2 phương án tuyến (bao gồm: thiết kế đường đỏ dựa trên đường đen và địa hình; tính khối lượng đào đắp; vẽ biểu đồ vận tốc xe chạy).

– Đề xuất và lựa chọn 2 phương án kết cấu áo đường bao gồm: chọn loại móng kinh tế, tính toán 2 kết cấu áo đường theo tiêu chuẩn độ võng đàn hồi giới hạn và lựa chọn kết cấu áo đường áp dụng cho cả 2 phương án tuyến. Lập luận chứng, so sánh các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật của 2 phương án để lựa chọn 1 phương án tốt nhất.

Tài liệu tham khảo:

- Thiết kế đường ôtô (Tập 1) - Đỗ Bá Chương - NXB Giáo Dục, Hà Nội – 1966.
- Thiết kế đường ôtô (Tập 2) - Nguyễn Xuân Trục, Dương Học Hải, Nguyễn Quang Chiêu - NXB Giáo Dục , Hà Nội - 1993 & 2003.
- Các tiêu chuẩn chuyên ngành TCN, TCVN.
- Thiết kế đường ôtô: công trình vượt sông (Tập 3) - Nguyễn Xuân Trục - NXB Giáo Dục, Hà Nội - 1998.
- Thiết kế đường ôtô (Tập 4) - Dương Học Hải – NXB Giáo Dục, Hà Nội - 2002.

123040 ĐỒ ÁN THIẾT KẾ CẦU

Thiết kế kỹ thuật chi tiết một kết cấu nhịp cầu BTCT nhịp giản đơn. Tính tóan lan can, lề bộ hành, bản mặt cầu, dầm ngang và dầm chính .

Tài liệu tham khảo:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật công trình giao thông, Tập VIII, Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05, Hà Nội: NXB Giao thông vận tải, 2005.
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN 11823 – Bộ Giao thông vận tải, Hà Nội - 2017.
- Cầu BTCT đúc hẫng cân bằng - Nguyễn Viết Trung - NXB Xây dựng, Hà Nội - 2005.
- Cầu BT cốt thép trên đường ô tô - Lê Đình Tâm - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2005.

Các ví dụ tính toán dầm cầu chữ I, T Super-T Bê tông cốt thép dự ứng lực theo tiêu chuẩn 22 TCN 272-05 - Nguyễn Viết Trung.

123041 XÂY DỰNG ĐƯỜNG Ô TÔ

Các phương pháp thi công nền đường; kỹ thuật thi công xây dựng nền đường bằng các phương tiện cơ giới, bằng phương pháp nổ phá.

Thiết kế quá trình công nghệ và kỹ thuật xây dựng các loại kết cấu áo đường.

Lập tiến độ thi công chỉ đạo để xây dựng đường ôtô.

Tài liệu tham khảo:

- Xây dựng nền đường ôtô - Nguyễn Quang Chiêu, Dương Học Hải, Nguyễn Khải, Hà Huy Cương - NXB Đại học & THCN, Hà Nội - 1974.
- Xây dựng mặt đường ôtô - Trần Đình Bửu, Nguyễn Quang Chiêu, Dương Học Hải, Nguyễn Khải - NXB Đại học & THCN, Hà Nội – 1978.
- Các xí nghiệp phục vụ xây dựng đường ôtô - Trần Đình Bửu, Nguyễn Quang Chiêu, Dương Học Hải - NXB Đại học & THCN, Hà Nội -1974.
- Tổ chức thi công đường ôtô - Nguyễn Quang Chiêu, Dương Học Hải - NXB Giao thông vận tải, Hà Nội – 2000.
- Các tiêu chuẩn chuyên ngành TCN, TCVN.

123042 ĐƯỜNG TRÊN NỀN ĐẤT YẾU

Môn học "thiết kế đường trên nền đất yếu" giới thiệu các phương pháp thiết kế đánh giá tính ổn định và biến dạng của nền đất yếu bên dưới nền đường trong các giai đoạn thi công khác nhau cũng như các giải pháp xữ lý nền đất yếu bên dưới nền đường như gia tải trước kết hợp thi công từng giai đoạn của nền đường, đệm cát, các giải pháp thoát nước đứng (giếng cát, bấc thấm ...), bơm hút chân không, cọc đá, cọc đất trộn cement/vôi, cọc tiết diện nhỏ bên dưới nền đường v.v...

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Văn Tân, Trần Đình Ngô, Phan Xuân Trường, Phạm Xuân, Nguyễn Hải (1973) Những phương pháp xây dựng công trình trên đất yếu, NXB. KHKT, 346 trang.
- Brand, E. W.and Brenner, R. P. (1981), Soft Clay Engineering, Elservier scientic, Amsterdam, 779 trang.
- Leroueil, S., Magnan, J. P., Tavenas, F. (1990), Embankments on soft clays, Ellis Horwood, New york, 360 trang.

124007 THỰC TẬP ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

Thực tập ngoài hiện trường nhằm đánh giá điều kiện địa chất công trình của một khu vực bằng các phương pháp khảo sát địa chất công trình khác nhau: trực quan, khoan, xuyên, nén, đổ hút nước thí nghiệm .

Tài liệu tham khảo:

- Địa kỹ thuật thực hành - Trần Thanh Giám, Nguyễn Hồng Đức, Nguyễn Ngọc Bích - NXB Xây dựng - Hà Nội - 1999.
- Thực tập địa chất công trình - Nguyễn Văn Phương, Trần Thanh Giám, Nguyễn Tính, Nguyễn Uyên - NXB Giáo dục - Hà Nội – 1996 .

124015 THỰC TẬP KỸ THUẬT 1

Công tác chuẩn bị mặt bằng, công tác nề (xây, tô,

ốp, lát, cán nền, ...), công tác hoàn thiện.
Tài liệu tham khảo:
- Giáo trình kỹ thuật nề, NXB Xây dựng Hà Nội - 2000.
- Kỹ thuật thi công - NXB Xây dựng.
- Bản vẽ thi công tại công trường xây dựng.

124016 THỰC TẬP NHẬN THỨC NGÀNH
Đợt thực tập nhận thức nhằm tạo điều kiện cho sinh viên: Hội nhập vào môi trường thực tế của cơ quan doanh nghiệp; Vận dụng những kiến thức đã học để hiểu công việc thực tế; Biết cách ứng xử trong các mối quan hệ tại cơ quan doanh nghiệp.
Tài liệu tham khảo:
- Giáo trình kỹ thuật nề, NXB Xây dựng Hà Nội - 2000 .
- Kỹ thuật thi công - NXB Xây dựng .
- Bản vẽ thi công tại công trường xây dựng .

124017 THÍ NGHIỆM CƠ HỌC ĐẤT
Học phần thí nghiệm cơ học đất nhằm củng cố kiến thức đã học ở học phần cơ học đất thông qua các bài thí nghiệm xác định các đặc trưng cơ lý của đất.
Tài liệu tham khảo:
- Cơ học đất - Vũ Công Ngữ - NXB Giáo Dục - 2006.
- Giáo trình Thí nghiệm Cơ học đất – Bộ Xây dựng – 2007.

124018 THÍ NGHIỆM SỨC BỀN VẬT LIỆU
Củng cố kiến thức lý thuyết sức bền vật liệu sinh viên, nâng cao được kỹ năng thực hành, thực hiện được các thí nghiệm về tính chất vật lý, cơ lý của một số vật thể rắn và đánh giá độ bền, độ cứng và độ ổn định.
Tài liệu tham khảo:
- Sức bền vật liệu 1 – Lê Hoàng Tuấn, Bùi Công Thành – NXB Khoa học Kỹ thuật – 1998 .
- Sức bền vật liệu - PGS.TS. Lê Ngọc Hồng - NXB KHKT - 1998, 2000.
- Sức bền vật liệu - Nguyễn Y Tô và Bộ môn SBVL - NXB KHKT – 1998 .

124029 THỰC TẬP KỸ THUẬT 2
Học phần thực tập kỹ thuật 2 nhằm giúp cho sinh viên nắm bắt thực tế thi công xây dựng Công trình Dân dụng & Công nghiệp; áp dụng lý thuyết đã học vào thực tiễn đồng thời tìm hiểu và học hỏi các kỹ thuật mới trong công nghệ xây dựng. Ngoài ra học phần nầy còn giúp cho sinh viên có sự chuẩn bị tốt hơn cho giai đoạn lao động tốt nghiệp .
Tài liệu tham khảo:
- Giáo trình kỹ thuật nề - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2000.
- Kỹ thuật Thi công - NXB Xây dựng.
- Bản vẽ Thi công tại Công trường xây dựng.

124057 KỸ THUẬT XÂY, TÔ
Cung cấp sinh viên định mức kinh tế - kỹ thuật thể hiện mức hao phí về vật liệu, lao động và máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng như 1m3 tường gạch, 1m3 bê tông, 1m2 lát gạch, 1 tấn cốt thép, 100m dài cọc .v.v. từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc công. Tài liệu tham khảo: Định mức dự toán xây dựng công trình 2013 – Bộ Xây Dựng.

124058 TRẮC ĐỊA
Nội dung chính của học phần bao gồm các vấn đề trắc địa cơ bản nhưng cần thiết cho xây dựng công trình như: Định vị điểm, định hướng đường thẳng, sử dụng bản đồ, đo góc, đo dài, đo cao, đo vẽ bản đồ, đo vẽ mặt cắt địa hình, các dạng công tác bố trí công trình, đo vẽ hoàn công, quan trắc biến dạng công trình .
Tài liệu tham khảo:
- Trắc địa - Phạm Văn Chuyên - NXB KHKT - Hà Nội, in lần thứ 3 năm 2001.
- Trắc địa đại cương - Nguyễn Tấn Lộc, Trần Tấn Lộc, Lê Hoàng Sơn, Đào Xuân Lộc - NXB ĐHBK Tp.Hồ Chí Minh - 1996.
- Trắc địa - Đỗ Hữu Hinh, Đào Duy Liêm, Lê Duy Ngụ, Nguyễn Trọng San - NXB GD, Hà Nội - 1992.
- Trắc địa - Nguyễn Quang Tác - NXB Xây dựng, Hà Nội - 1998.

124059 ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH
Các kiến thức cơ bản về đất đá xây dựng, nước dưới đất. Các hiện tượng, quá trình địa chất động lực, các phương pháp khảo sát địa chất công trình .
Tài liệu tham khảo:
- Cơ sở địa chất công trình và địa chất thuỷ văn công trình - Nguyễn Hồng Đức - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2000.
- Địa kỹ thuật - Trần Thanh Giám - NXB Xây dựng, Hà Nội – 1999 .
- Địa kỹ thuật có ví dụ và lời giải - Nguyễn Ngọc Bích - NXB Nông nghiệp, Hà Nội – 1996 .
- Địa chất công trình (3 tập) - Lômtadze V.D - NXB ĐH và THCN, Hà Nội – 1982 .
- Đất xây dựng - Địa chất công trình và kỹ thuật cải tạo đất trong xây dựng - Nguyễn Ngọc Bích, Lê Thị Thanh Bình, Vũ Đình Phụng - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2001 .
- Địa chất học cho kỹ sư xây dựng và cán bộ kỹ thuật môi trường - Alan E.Kehew - NXB Giáo dục, Hà Nội – 1998 .

124060 CƠ HỌC CƠ SỞ
Tĩnh học: Các khái niệm cơ bản và hệ tiên đề tĩnh học, thu gọn hệ lực, điều kiện cân bằng của hệ lực,

bài toán cân bằng của vật rắn - hệ vật rắn, ma sát, trọng tâm .
Động học: động học điểm, hai chuyển động cơ bản của vật rắn, chuyển động phức hợp điểm, chuyển động song phẳng của vật rắn, chuyển động quay quanh một điểm cố định, chuyển động tổng quát của vật rắn. Mô hình hóa cơ cấu động học .
Động lực học: động lực học chất điểm, đặc trưng hình học khối lượng của hệ, các định lý tổng quát của động lực học hệ, nguyên lý D'Alambert, nguyên lý di chuyển khả dĩ, phương trình Lagrange 2 .
Chuyên ngành cơ học: Kỹ thuật xây dựng, Cơ khí, Kỹ thuật giao thông, Kỹ thuật địa chất và dầu khí .
Tài liệu tham khảo:
- Cơ học 1, 2 - Đỗ Sanh - NXB Giáo dục, 1999.
- Bài tập cơ học tập 1 - Lê Doãn Hồng, Đỗ Sanh – NXB Giáo dục, 1998 .
- Giáo trình giản yếu cơ học lý thuyết - X. M. Targ - NXB ĐH&THCN, NXB Mir, 1983 .
- Cơ học lý thuyết - Nguyễn Trọng Chuyền, Nguyễn Thế Tiến, Trần Hữu Duẩn. - NXB Đại học & Trung học chuyên nghiệp .
- Cơ học lý thuyết - Nguyễn Văn Đình, Lê Doãn Hồng, Nguyễn Nhật Lệ, Đỗ Sanh - NXB Đại học & Trung học chuyên nghiệp .
- Cơ học đại cương và Cơ học môi trường liên tục - Trương Tích Thiện - Trường ĐHBK Tp. Hồ Chí Minh, 2003.

124061 CƠ HỌC ĐẤT
Bao gồm: Sự hình thành của đất, các pha hợp thành đất, các đặc trưng vật lý của đất; các tính chất cơ học và các đặc trưng liên quan. Sự phân bố ứng suất trong đất, các vấn đề về biến dạng, sức chịu tải của nền đất, ổn định của khối đất và áp lực đất lên các vật rắn .
Tài liệu tham khảo:
- Cơ học đất - Nguyễn Văn Qùi - NXB Giáo dục, Hà Nội – 1973 .
- Cơ học đất I& II – Withlow - NXB Giáo dục, Hà Nội – 1997
- Cơ học đất - Vũ Công Ngữ, Nguyễn Văn Dũng – NXB KHKT, Hà Nội – 1998 .
- Cơ học đất - Vũ Công Ngữ - NXB Giáo Dục - 2006.

Tài liệu tham khảo:
- Cơ học kết cấu 1 - Lều Thọ Trình .
- Bài tập Cơ học kết cấu 1 - Lều Thọ Trình .
- Fundamentals of Structural Analysis - H. H. West and L. F. Geschwindner .
- Structural Analysis - A. Kassimali .
- Structural Engineering Handbook - Chen Wai-Fah .

124062 THỰC TẬP TRẮC ĐỊA
Sử dụng máy kinh vĩ và máy ni-vô để đo các yếu tố cơ bản; đo góc bằng, đo góc đứng, đo dài bằng vạch ngắm xa và mia đứng, đo cao lượng giác, đo cao hình học .
Tài liệu tham khảo:
- Hướng dẫn thực tập trắc địa đại cương - Bộ môn Trắc địa Trường Đại học Xây Dựng Hà Nội – 1990 .
- Thực tập trắc địa công trình - B. C. Khâyphết, B. B. Đanhilêvích - NXB "Nhedra" Mátxcơva -1973.
- Tài liệu của các trường đại học kỹ thuật .

124063 HÌNH HỌA – VẼ KỸ THUẬT
Môn học này trang bị cho sinh viên khả năng tư duy không gian; kỹ năng sử dụng các dụng cụ vẽ thông thường cũng như các phần mềm và thiết bị vẽ tự động, nhằm biểu diễn và đọc được các ý tưởng kỹ thuật trên bản vẽ, theo đúng các tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) và Việt Nam (TCVN) .
Tài liệu tham khảo:
- Vẽ kỹ thuật xây dựng - Đoàn Như Kim - NXB Gíáo Dục - 2007.
- Vẽ kỹ thuật - Trần Hữu Quế - NXB GD – 2006.
- Bài tập Vẽ kỹ thuật xây dựng 1,2 - Đoàn Như Kim – NXB Giáo Dục – 2007 .
- Excercises in machine drawing - S.K. BOGOLYUBOV, MIR -1980 .

124064 SỨC BỀN VẬT LIỆU 1
- Các khái niệm cơ bản về ứng lực, ứng suất trong bài toán thanh .
- Trạng thái ứng suất đơn và phức tạp trong thanh .
- Các thuyết bền .
- Các đặc trưng hình học cần thiết khi tính toán thanh .
- Các bài toán thanh chịu xoắn và chịu uốn phẳng
- Ổn định thanh chịu nén .

Tài liệu tham khảo:
- Sức bền vật liệu 1 – Lê Hoàng Tuấn, Bùi Công Thành – NXB Khoa học Kỹ thuật – 1998 .
- Sức bền vật liệu - PGS.TS. Lê Ngọc Hồng - NXB KHKT - 1998, 2000.
- Sức bền vật liệu - Nguyễn Y Tô và Bộ môn SBVL - NXB KHKT – 1998 .
- Giáo trình và bài tập về SBVL của các trường đại học kỹ thuật .

124065 VẬT LIỆU XÂY DỰNG
Các tính chất cơ lý chủ yếu của vật liệu xây dựng dùng cho các công trình xây dựng.
Các tính năng kỹ thuật chủ yếu của các loại vật liệu xây dựng phổ biến dùng cho các công trình xây dựng như: vật liệu đá thiên nhiên, vật liệu gốm xây dựng, chất kết dính vô cơ (thạch cao xây dựng,

ximăng Portland), bêtông ximăng, vữa xây dựng …
Tài liệu tham khảo:
- Vật liệu xây dựng – Phùng Văn Lự - NXB Giáo dục, Hà Nội - 2002 .
- Bài tập Vật liệu xây dựng – Phùng Văn Lự - NXB Giáo dục, Hà Nội - 2001 .

124066 AUTOCAD
Trang bị những kiến thức cơ bản về cách trình bày bản vẽ và thể hiện bản vẽ thiết kế một cách đúng nhất và nhanh nhất. Nôi dung chính của môn học: Các lệnh vẽ cơ bản, hiệu chỉnh mô hình, thể hiện kích thước trên bản vẽ, in ấn bản vẽ, …
Tài liệu tham khảo:
- Hướng dẫn học nhanh AutoCAD 2006 - Nguyễn Khánh Hùng, Phạm Thái Thạnh - Nhà Xuất Bản Thống Kê.
- Sử dụng AutoCAD 2006 - Nguyễn Hữu Lộc - Nhà Xuất Bản Tổng Hợp TPHCM .

124067 THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
Củng cố kiến thức lý thuyết vật liệu xây dựng, nâng cao được kỹ năng thực hành, thực hiện được các thí nghiệm về tính chất vật lý, cơ lý của một số vật liệu xây dựng cơ bản như: gạch đất sét nung, cát đá, xi măng, bê tông.
Tài liệu tham khảo:
- Vật liệu xây dựng – Phùng Văn Lự - NXB Giáo dục, Hà Nội – 2002.
- Giáo trình Thí nghiệm Vật liệu xây dựng – Bộ Xây dựng – 2007.

124068 KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP 1
Môn học này nhằm mục đích phân tích các tính năng cơ lý chủ yếu của bê tông, tính toán tiết diện cấu kiện và lượng cốt thép cần thiết; bố trí cốt thép một cách hợp lý trong các tiết diện khi chịu những trạng thái ứng suất đơn giản; uốn, kéo, nén, kéo lệch tâm, nén lệch tâm. Việc tính toán theo 2 trạng thái giới hạn và là cơ sở bắt buộc để nghiên cứu việc tính toán kết cấu nhà cửa về sau .
Tài liệu tham khảo:
- TCXDVN 356:2005, Kết cấu Bê tông và Bê tông Cốt thép, Tiêu chuẩn thiết kế - NXB Xây dựng, 2005 .
- Kết cấu Bê tông Cốt thép, Phần cấu kiện cơ bản - Phan Quang Minh, Ngô Thế Phong, Nguyễn Đình Cống.. - NXB KHKT - 2006 .
- Bài giảng môn học "Kết cấu Bê tông Cốt thép theo TCXDVN 356:2005, Phần cấu kiện cơ bản" - Lê Đức Hiển, ĐH Tôn Đức Thắng – 2007 .
- Tính toán tiết diện cột Bê tông Cốt thép - Nguyễn Đình Cống.. - NXB Xây dựng - 2006 .
- Design of Concrete Structure - Athur Nilson, - 1997 .
- Thiết kế Kết cấu Bê tông và Bê tông Cốt thép theo Tiêu chuẩn Anh - BS 8110-97 - Nguyễn Trung Hòa (dịch và chú giải).. - NXB Xây dựng – 2003 .

124069 SỨC BỀN VẬT LIỆU 2
- Thanh chịu lực phức tạp .
- Ổn định thanh thẳng chịu nén đúng tâm .
- Tính chuyển vị hệ thanh
- Tính hệ siêu tĩnh phẳng bằng phương pháp lực .
- Tải trọng động .

Tài liệu tham khảo:
- Sức bền vật liệu 2 – Lê Hoàng Tuấn – NXB Khoa học Kỹ thuật – 1998 .
- Sức bền vật liệu - PGS.TS. Lê Ngọc Hồng - NXB KHKT - 1998, 2000.
- Sức bền vật liệu - Nguyễn Y Tô và Bộ môn SBVL - NXB KHKT – 1998 .
- Giáo trình và bài tập về SBVL của các trường đại học kỹ thuật .

124070 NỀN & MÓNG 1
Những nguyên lý, qui trình, qui phạm thiết kế nền móng và trình tự thiết kế các loại móng nông: móng đơn, móng băng, móng bè.
Tài liệu tham khảo:
- Những kiến thức cơ bản về những phương pháp xử lý và gia cố nền đất .
- Nền Móng - Châu Ngọc Ẩn - Nhà xuất bản ĐH Quốc Gia TP. HCM, 2002 .
- Giáo trình Nền – Móng - Vũ Công Ngữ - Bộ GD & ĐT, 1990 .
- Foundation analysis and design - Bowles Joseph E. – 1988 .

124071 KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP 2
- Bê tông cốt thép: Chủ yếu tính toán các bộ phận của kết cấu nhà cửa bằng BTCT bao gồm các loại sàn, kết cấu khung, dầm, móng, mái và nhà công nghiệp 1 tầng. Kết thúc môn học này trên nguyên tắc sinh viên có thể tự thiết kế những công trình nhỏ, vừa, kiên cố .
- Gạch đá: Phần này sẽ giới thiệu tóm tắt về tính năng cơ lý của khối xây gạch và gạch đá có hay không có cốt thép; cách tính toán những khối xây ấy với các trạng thái ứng suất chịu khác nhau.

Tài liệu tham khảo:
- Kết cấu Bê tông và Bê tông Cốt thép, Tiêu chuẩn thiết kế - TCXDVN 356:2005 - NXB Xây dựng – 2005.
- Tải trọng và Tác động, Tiêu chuẩn thiết kế - TCVN 2737:1995.
- Kết cấu Bê tông Cốt thép, Phần cấu kiện cơ bản - Phan Quang Minh, Ngô Thế Phong, Nguyễn Đình Cống - Nhà xuất bản KHKT – 2006.

- Kết cấu Bê tông Cốt thép, Phần kết cấu nhà cửa - Ngô Thế Phong, Nguyễn Đình Cống, ... - Nhà xuất bản KHKT – 1998.
- Bài giảng môn học "Kết cấu Bê tông Cốt thép 2", Phần kết cấu nhà cửa - Lê Đức Hiển - ĐH Tôn Đức Thắng – 2007.
- Tính toán tiết diện cột Bê tông Cốt thép - Nguyễn Đình Cống - NXB Xây dựng - 2006.
- Design of Concrete Structure - Athur Nilson – 1997.
- Thiết kế Kết cấu Bê tông và Bê tông Cốt thép theo Tiêu chuẩn Anh,BS 8110-97 - Nguyễn Trung Hòa (dịch và chú giải) - NXB Xây dựng - 2003.

124072 CƠ HỌC KẾT CẤU

Hệ thanh phẳng tĩnh định:

- Phân tích cấu tạo hình học .
- Phân tích nội lực của hệ chịu tải bất động và di động .
- Khái niệm hệ không gian .
- Xác định chuyển vị trong hệ thanh phẳng đàn hội tuyến tính .
- Khái niệm về hệ siêu tĩnh, bậc siêu tĩnh .
- Phương pháp lực và cách tính hệ thanh phẳng siêu tĩnh .
- Phương pháp chuyển vị tính hệ thanh phẳng .

Tài liệu tham khảo:

- Lều Thọ Trình (2000), Bài tập Cơ học kết cấu - tập 1, Hà Nội, NXB KHKT.
- Lều Thọ Trình, Nguyễn Mạnh Yên (2000), Bài tập Cơ học kết cấu 1 (hệ tĩnh định), Hà Nội, NXB KHKT.

124073 NỀN & MÓNG 2

Những nguyên lý, qui trình, qui phạm thiết kế các dạng móng đặc biệt; móng sâu: móng cọc, móng cọc khoan nhồi, móng cọc barrette, móng trụ ống; móng chịu tải trọng ngang, móng chịu tải trọng động .

Tính toán nền móng công trình trên đất yếu.

Tài liệu tham khảo:

- Nền Móng - Châu Ngọc Ẩn - Nhà xuất bản ĐH Quốc Gia TP. HCM, 2002.
- Giáo trình Nền – Móng - Vũ Công Ngữ - Bộ GD & ĐT, 1990 .
- Foundation analysis and design - Bowles Joseph E. – 1988.

124074 CÁC GIẢI PHÁP NỀN MÓNG HỢP LÝ

Giúp sinh viên nắm vững nguyên lý về lý thuyết và nửa thực nghiệm để thiết kế hợp lý các loại móng cơ bản để vận dụng vào những điều kiện khác nhau của đất nền bên dưới các công trình xây dựng; riêng về nền đất, học viên nắm được cách tính toán các vấn đề liên quan đến độ bền, ổn định và biến dạng của nền đất.

Tài liệu tham khảo:

- Nền Móng - Châu Ngọc Ẩn - Nhà xuất bản ĐH Quốc Gia TP. HCM, 2002.
- Giáo trình Nền – Móng - Vũ Công Ngữ - Bộ GD & ĐT, 1990 .
- Foundation analysis and design - Bowles Joseph E. – 1988.

124075 KẾT CẤU THÉP 1

Tính toán và thiết kế những cấu kiện đơn giản bằng thép hình hay gỗ và chất dẻo. Gồm 2 phần :

- Kết cấu thép: tính toán được các loại liên kết, thiết kế dầm, cột, dàn theo dạng định hình hay tổ hợp .
- Kết cấu gỗ: tính toán được các liên kết, chọn tiết diện cấu kiện dùng gỗ hay liên kết mềm và một số dạng kết cấu gỗ chịu lực khác .

Tài liệu tham khảo:

- Kết cấu thép cấu kiện cơ bản - Phạm Văn Hội - NXB khoa học và kỹ thuật.
- Kết cấu thép - Đỗ Đào Hải - NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM .
- Kết cấu thép (Đại học Thủy lợi) - Vũ Thành Hải - NXB Xây dựng.
- Kết cấu thép công trình dân dụng và công nghiệp - Phạm Văn Hội - NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Bài tập thiết kế kết cấu thép (Đại học Quốc gia) - Trần Thị Thôn - NXB khoa học và kỹ thuật.
- Thiết kế kết cấu thép nhà công nghiệp một tầng - GS: Đoàn Định Kiến - NXB KHKT.
- Kết cấu thép (Tiêu chuẩn thiết kế) TCXDVN: 338-2005 - NXB Xây dựng.

124076 KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP 3

- Tính toán các cấu kiện đặc biệt bằng BTCT bao gồm: tường chắn đất, bể chứa chất lỏng các loại, silô, bunke và mái vỏ không gian.
- Phân tích nội lực trong những dạng kết cấu phức tạp và nắm bắt được kỹ thuật tính toán, cấu tạo cốt thép trong những kết cấu đó để vận dụng vào thực tế nghề nghiệp của mình lâu dài.

Tài liệu tham khảo:

- Kết cấu Bê tông cốt thép, phần kết cấu nhà cửa - Ngô Thế Phong, Lý Trần Cường, Trịnh Kim Đạm, Nguyễn Lê Ninh. –NXB KHKT – 1998.
- Bài giảng kết cấu bê tông cốt thép 3 - Nguyễn Văn Hiệp - ĐHBK Tp.HCM.
- Bài giảng Kết cấu bê tông cốt thép 3 - Lê Đức Hiển - ĐH Tôn Đức Thắng.
- Kết cấu Bê tông cốt thép –Tiêu chuẩn Thiết kế TCVN 5574-1991.
- Tải trọng và tác động –TCVN 2737-1995

124077 ĐỒ ÁN NỀN & MÓNG

Vận dụng những kiến thức đã học trong các học phần Cơ học đất, Nền và Móng tính toán thiết kế cho các móng thông thường.

Tài liệu tham khảo:

- Nền và móng - Lê Đức Thắng - NXB Giáo dục, Hà Nội – 1998.
- Kết cấu sàn bê tông cốt thép - Nguyễn Đình Cống - NXB KHKT, Hà nội – 2001.
- Kết cấu bê tông cốt thép - Ngô Thế Phong và các tác giả, , - NXB Khoa học Kỹ thuật – 2002.

Tài liệu hướng dẫn đồ án "Nền và móng" của các trường đại học.

124078 KIẾN TRÚC 1

Kiến trúc dân dụng .

Những cơ sở thiết kế kiến trúc: trình tự thực hiện, bố cục kiến trúc, không gian chức năng; những đặc điểm về kinh tế – kỹ thuật khi thiết kế những công trình dân dụng như nhà ở, chung cư, nhà làm việc, khách sạn, công trình công cộng, công trình đặc biệt … sẽ là những nội dung cơ bản của giáo trình này .

Tài liệu tham khảo:

- Nguyên lý kiến trúc dân dụng – Nguyễn Tài My.
- Sáng tác kiến trúc – Đặng Thái Hoàng.
- Kiến trúc nhà ở - Đặng Thái Hoàng.
- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam của Bộ Xây Dựng ban hành tháng 12/1996.
- Nguyên lý kiến trúc nhà dân dụng – Nguyễn Đức Thiềm.
- Các tài liệu chuyên ngành trong và ngoài nước .

124079 ĐỒ ÁN KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP

- Vận dụng những kiến thức đã học trong môn học kết cấu bê tông cốt thép về tính toán và cấu tạo cấu kiện chịu uốn để thiết kế một kết cấu cụ thể .
- Thực hiện tính toán tương đối hoàn chỉnh sàn công tác bằng BTCT. Bao gồm việc xác định các loại tải trọng, xác định nội lực, tổ hợp và chọn cốt thép; bố trí cốt thép cho những bộ phận kết cấu sàn – dầm theo 1 trong 2 phương án: bản làm việc 1 phương hay 2 phương .

Tài liệu tham khảo:

- Kết cấu Bê tông cốt thép, phần kết cấu nhà cửa - Ngô Thế Phong, Nguyễn Đình Cống, Trịnh Kim Đạm, Nguyễn Xuân Liên, Nguyễn Phấn Tấn – Nhà xuất bản KHKT, 1998 .
- Kết cấu bê tông Cốt thép 2, phần cấu kiện nhà cửa, Tài liệu lưu hành nội bộ - Lê Đức Hiển .
- Kết cấu Bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn Thiết kế TCVN 5574 -1991 .
- Tải trọng và tác động –TCVN 2737-1995 .
- Sàn sườn toàn khối có bản loại dầm - Nguyễn Đình Cống – Nhà xuất bản KHKT - 2003.

124081 TIN HỌC XÂY DỰNG 1

Hướng dẫn sinh viên phân tích và thực hành sử dụng phần mềm SAP – 2000 theo các phiên bản hiện hành được dùng rộng rãi trong ngành học hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

- Tính nội lực và cốt thép bằng Sap 2000 - Nguyễn Khánh Hùng, Phạm Thái Thạnh - NXB Thống kê.

Phân tích kết cấu bằng Sap2000 - Bùi Đức Vinh - NXB Tổng hợp Tp.HCM.

124082 ĐÀN HỒI ỨNG DỤNG & PHẦN TỬ HỮU HẠN

Môn học này giúp sinh viên tìm hiểu về một phương pháp tính toán kết cấu hiện đại trong ngành xây dựng, hiểu rõ về bản chất của việc phân tích kết cấu khi sử dụng các phần mềm tính toán kết cấu được lập trình theo phương pháp phần tử hữu hạn đang được sử dụng rộng rãi hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Văn Bình, Phương pháp phần tử hữu hạn trong tính toán kết cấu, NXB Thống kê, 2009.
- Chu Quốc Thắng, Phương pháp phần tử hữu hạn, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1997.

124083 KẾT CẤU THÉP 2

Tính toán các kết cấu đặc biệt bằng thép gồm: Khung nhà công nghiệp, kết cấu thép dự ứng lực, nhà nhịp lớn, tháp trụ và kết cấu thép bản .

Phân tích những nội lực của dạng kết cấu phức tạp nhằm có những kỹ năng ban đầu để nghiên cứu chuyên sâu và biết các cấu tạo, liên kết kết cấu thép trong những trường hợp khó .

Tài liệu tham khảo:

- Kết cấu thép cấu kiện cơ bản - Phạm Văn Hội - NXB khoa học và kỹ thuật.
- Kết cấu thép - Đỗ Đào Hải - NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM.
- Kết cấu thép (Đại học Thủy lợi) - Vũ Thành Hải - NXB Xây dựng.
- Kết cấu thép công trình dân dụng và công nghiệp - Phạm Văn Hội - NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Bài tập thiết kế kết cấu thép (Đại học Quốc gia) - Trần Thị Thôn - NXB khoa học và kỹ thuật.
- Thiết kế kết cấu thép nhà công nghiệp một tầng - GS Đoàn Định Kiến - NXB KHKT.
- Kết cấu thép (Tiêu chuẩn thiết kế) TCXDVN: 338-2005 - NXB Xây dựng.

124084 ĐỒ ÁN KIẾN TRÚC

Thông qua môn kiến trúc dân dụng, sinh viên khi

thực hiện đồ án này sẽ được chọn một trong những công trình dân dụng hay công cộng như chung cư, nhà làm việc, khách sạn, nhà triển lãm, thư viện, bưu điện … để thiết kế cụ thể kiến trúc cho một công trình đầu tay; bao gồm việc quy hoạch tổng mặt bằng, mặt bằng các tầng, mặt cắt, mặt đừng các hướng. Đây là một trong 3 đồ án bắt buộc cho chuyên ngành xây dựng.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyên lý kiến trúc dân dụng – Nguyễn Tài My.
- Sáng tác kiến trúc – Đặng Thái Hoàng.
- Kiến trúc nhà ở - Đặng Thái Hoàng.
- Nguyên lý kiến trúc nhà dân dụng – Nguyễn Đức Thiềm.
- Thiết kế kiến trúc công nghiệp – Nguyễn Minh Thái - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2003.
- Kiến trúc 2 (Kiến trúc công nghiệp) – Nguyễn Tài My.
- Các tài liệu chuyên ngành trong và ngoài nước.

124085 KỸ THUẬT THI CÔNG – MÁY XÂY DỰNG

− Kỹ thuật thi công: những kiến thức cơ bản về biện pháp thi công các công trình Dân dụng và Công nghiệp gồm những nội dung chính: thi công phần công tác đất, thi công cốt- pha, cốt thép, bê tông. Công tác lắp dựng các cấu kiện trong công trình và công tác xây, hoàn thiện .

− Máy xây dựng: Các kiến thức cơ bản về đặc điểm, cấu tạo chung của máy xây dựng; cấu tạo, tính năng kỹ thuật, khai thác sử dụng, tính toán đơn giản …của các loại máy thường sử dụng trong xây dựng cơ bản như: máy nâng, máy -

− Làm đất, thiết bị gia cố nền móng, máy sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác máy xây dựng.

Tài liệu tham khảo:

- Kỹ thuật thi công 1,2 – TS. Đỗ Đình Đức, PGS Lê Kiều.
- Thi Công công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị - Th.S Nguyễn Văn Thịnh.
- Kỹ thuật thi công - Nguyễn Văn Hiện.
- Địa chất công trình - Nguyễn Uyên, Nguyễn Văn Phương, Nguyễn Định, Nguyễn Xuân Diến.
- Máy Xây Dựng - Nguyễn Văn Hùng, Phạm Quang Dũng, Nguyễn Thị Mai.

124086 ỨNG DỤNG BIM TRONG XÂY DỰNG

Tìm hiểu về BIM (Building Information Modeling) để tạo lập và sử dụng mô hình thông tin trong các giai đoạn thiết kế, thi công và vận hành công trình.

Một số ứng dụng cụ thể của mô hình thông tin công trình BIM cho các công ty xây dựng hiện nay như:

- Thiết kế kiến trúc: từ giai đoạn lên ý tưởng, phân tích năng lượng công trình.
- Thiết kế kết cấu: lên phương án thiết kế, phân tích sơ đồ kết cấu.
- Thiết kế cơ điện nước: lên phương án thiết kế, tối ưu thiết kế (giảm va chạm, đảm bảo cao độ, phân tích hiệu suất)
- Bản vẽ Shopdrawing, thống kê
- Mô phỏng trình tự thi công, lắp dựng
- Phục vụ chế tạo cấu kiện
- Quản lý tổng mặt bằng, đánh giá tính khả thi ngoài công trường, an toàn lao động
- Virtual Reality, Augmented Reality, 3D Printing, 3D Scanning

Tài liệu tham khảo:

- Phần mềm Revit Architecture, Revit Structure, Revit Mep
- Phần mềm Navisworks, Dynamo

124087 KIẾN TRÚC 2

Kiến trúc công nghiệp .

Kiến trúc nhà công nghiệp một tầng, nhiều tầng và các loại. Gồm 2 phần :

* Nguyên lý thiết kế nhà công nghiệp.

* Nguyên lý cấu tạo các bộ phận nhà công nghiệp (mái, sàn, trục định vị, cầu trục …).

Tài liệu tham khảo:

- Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam - NXB Xây dựng, Hà Nội - 1997.
- Quy hoạch khu công nghiệp, thiết kế mặt bằng tổng thể nhà máy và công trình công nghiệp – Vũ Duy Cừ - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2003.
- Thiết kế kiến trúc công nghiệp – Nguyễn Minh Thái - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2003.
- Một số vấn đề tổ chức khu công nghệ cao tại Việt Nam, Luận văn thạc sĩ Kiến Trúc – Quy hoạch – Nguyễn Thị Hồng – 2002.
- Các hồ sơ thiết kế quy hoạch các khu công nghiệp tập trung, Khu công nghệ cao..
- Luật xây dựng– NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội – 2004.
- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Bộ Xây Dựng , 03/04/2008.
- Kiến trúc 2 (Kiến trúc công nghiệp) – Nguyễn Tài My.
- Các tài liệu chuyên ngành trong và ngoài nước.

124088 ĐỒ ÁN THÉP

Sinh viên sẽ thực hiện việc tính toán tương đối hoàn chỉnh một công trình bằng thép, thường là nhà công nghiệp 1 tầng bằng thép có cầu trục, bao gồm việc xác định các loại tải trọng, xác định nội lực, tổ hợp và chọn tiết diện cho những bộ phận kết cấu đó.

Tài liệu tham khảo:

- Thiết kế Kết cấu thép Nhà công nghiệp, Kết cấu thép Công trình Dân dụng & Công nghiệp.
- Tiêu chuẩn thiết kế Kết cấu thép - TCXD VN 338-

2005.
- Các tài liệu có liên quan về kết cấu thép.

124089 ĐỒ ÁN THI CÔNG

Đồ án thi công gồm 2 phần :

Phần 1: Lập biện pháp kỹ thuật. Sinh viên phải nêu được biện pháp kỹ thuật thi công với 1 dạng công trình định trước (toàn khối hay lắp ghép). Bao gồm biện pháp chống đỡ, cấu tạo cốt-pha và đổ bê tông hay lắp ghép 1 công trình BTCT hay nhà thép cho nhà dân dụng hoặc công nghiệp.

Phần 2: Tổ chức. Sinh viên phải quy hoạch tổng bình đồ công trường, lập tiến độ thi công (sơ đồ dây chuyền, sơ đồ mạng) có tính toán những hệ số kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo:
- Kỹ thuật thi công 1,2 – TS. Đỗ Đình Đức, PGS Lê Kiều.
- Thi Công công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị - Th.S Nguyễn Văn Thịnh.
- Kỹ thuật thi công - Nguyễn Văn Hiện.
- Máy Xây Dựng - Nguyễn Văn Hùng, Phạm Quang Dũng, Nguyễn Thị Mai.
- Tổ chức xây dựng - Nguyễn Đình Thám - NXB KHKT – 2001.
- Các sách về lập kế hoạch sản xuất xây dựng do NXB XD phát hành.

124090 KỸ THUẬT ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Môn học trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về tính toán thiết kế hệ thống cấp điện cho công trình xây dựng. Chương trình học còn giới thiệu cho sinh viên một số khái niệm về :
- Hệ thống chống sét (lightning protection)
- Hệ thống thông tin liên lạc (communication system)
- Hệ thống chống trộm cướp (security system)
- Hệ thống cứu hỏa tự động (fire protection system)
- Hệ thống điện thang máy (electrification for elevator)
- Hệ thống điện điều hòa trung tâm và hệ thống điện bơm nước .
- Hệ thống ăng-ten cho ti-vi (master antenna)

Tài liệu tham khảo:
- Thiết kế hệ thống cung cấp điện cho xí nghiệp - ĐHBK Hà Nội -1993.
- Thiết kế cấp điện - NXB KHKT - 1997.
- Gerd Balzer, Bernhard Boehle and Others - Switchgear manual - Bản dịch của Lê Văn Doanh, Cẩm nang thiết bị đóng cắt - NXB KHKT - 1998.
- A. A. Fedorov, Bản dịch của Lê Văn Doanh, Sách tra cứu về cung cấp điện xí nghiệp công nghiệp, NXB Cầu Vồng - 1981, .
- Các calalogue chào hàng của ABB, Cooper (Mỹ), Melix Gerin (Pháp), Fuji Electric (Nhật), Siemens (Đức)...
- BS (British Stardard), Tiêu chuẩn lắp đặt theo JIS (Japanese Industrial Stardard) và tiêu chuẩn Việt Nam.

124091 NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH

Bao gồm các nội dung chính về Kiến trúc, Kết cấu xây dựng, vật liệu xây dựng và thi công công trình.

Tài liệu tham khảo:
- English of civil engineering, Võ Như Cầu, NXB GD, Hà Nội – 1992.
- Thực hành tiếng Anh trong kiến trúc và xây dựng, Đỗ Văn Thái, NXB Xây dựng, Hà Nội – 1998.
- Luyện kỹ năng đọc hiểu và dịch thuật Tiếng Anh chuyên ngành kiến trúc và xây dựng - Quang Hùng – Tống Phước Hằng. NXB KHKT - Hà Nội, in lần thứ 3 năm 2001.

124092 TRIỂN KHAI KẾT CẤU CÔNG TRÌNH

Vẽ lại một số bản vẽ theo yêu cầu từ hồ sơ thiết kế kiến trúc của một công trình (chung cư, cao ốc văn phòng, trường học, bệnh viện, ...) hay một hạng mục mới của công trình đã qua thẩm định. Tính kết cấu sàn, dầm dọc, cầu thang, hồ nước(hiện hữu hoặc giả định), khung(phẳng hoặc không gian). Tính và thiết kế các giải pháp móng (đơn, băng, bè; cọc ép, khoan nhồi,...) chọn ra phương án tối ưu để triển khai thực hiện.

Yêu cầu :
- ***Sử dụng thành thạo các phần mềm: Autocad, Sap-2000, Microsoft Project 2003, ... để thiết kế, vẽ, tính, thống kê, ... thỏa quy chuẩn của ngành về kiến trúc, kết cấu công trình, hạng mục được thực hiện qua đồ án.***
- ***Thi công được ngay khi công trình hay hạng mục công trình triển khai thực hiện.***

Tài liệu tham khảo:
- Kết cấu Bê tông Cốt thép, Phần cấu kiện cơ bản - Phan Quang Minh, Ngô Thế Phong, Nguyễn Đình Cống - NXB KHKT - 2006.
- Tính toán tiết diện cột Bê tông Cốt thép - Nguyễn Đình Cống - NXB Xây dựng - 2006.
- Design of Concrete Structure - Athur Nilson, - 1997.
- Thiết kế Kết cấu Bê tông và Bê tông Cốt thép theo Tiêu chuẩn Anh - BS 8110-97 - Nguyễn Trung Hòa (dịch và chú giải) - NXB Xây dựng – 2003.
- Kết cấu Bê tông và Bê tông Cốt thép, Tiêu chuẩn thiết kế - TCXDVN 356:2005 - NXB Xây dựng – 2005.
- Tải trọng và Tác động, Tiêu chuẩn thiết kế -

TCVN 2737:1995.
- Kết cấu Bê tông cốt thép, phần kết cấu nhà cửa - Ngô Thế Phong, Lý Trần Cường, Trịnh Kim Đạm, Nguyễn Lê Ninh. –NXB KHKT – 1998.
- Kết cấu Bê tông cốt thép –Tiêu chuẩn Thiết kế TCVN 5574-1991.
- Kết cấu thép cấu kiện cơ bản - Phạm Văn Hội - NXB khoa học và kỹ thuật.
- Kết cấu thép - Đỗ Đào Hải - NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM .
- Kết cấu thép (Đại học Thủy lợi) - Vũ Thành Hải - NXB Xây dựng.
- Kết cấu thép công trình dân dụng và công nghiệp - Phạm Văn Hội - NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Bài tập thiết kế kết cấu thép (Đại học Quốc gia) - Trần Thị Thôn - NXB khoa học và kỹ thuật .
- Thiết kế kết cấu thép nhà công nghiệp một tầng – GS Đoàn Định Kiến - NXB KHKT.
- Kết cấu thép (Tiêu chuẩn thiết kế) TCXDVN: 338-2005 - NXB Xây dựng.
- Tính nội lực và cốt thép bằng Sap 2000 - Nguyễn Khánh Hùng, Phạm Thái Thạnh - NXB Thống kê.
- Phân tích kết cấu bằng Sap2000 - Bùi Đức Vinh - NXB Tổng hợp Tp.HCM.
- Ứng dụng Microsoft Project 2003 trong Quản lý Dự án xây dựng – Ts. Trần Hành (Chủ biên) - NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM – 2008.

124093 KINH TẾ XÂY DỰNG

Quản lý kinh tế và tổ chức sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng. Đi sâu vào việc quản lý sử dụng vốn đầu tư, đánh giá hiệu quả kinh tế vốn đầu tư từ đó đưa ra được các dự án đầu tư tốt nhất và quản lý thực hiện dự án. Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong thiết kế và thi công. Đưa ra được các biện pháp hạ giá thành công trình trên cơ sở phân tích hoạt động kinh tế của công ty xây lắp .

Tài liệu tham khảo:
- Lập " Dự án khả thi", tính " Dự tóan xây dựng" và quản lý đầu tư xây dựng .
- Kinh tế xây dựng – TS. Nguyễn Công Thạnh, ĐHBK TP.HCM – 2005 .
- Kinh tế và quản trị kinh doanh xây dựng – GS.TS. Nguyễn Văn Chọn .
- Kinh tế đầu tư xây dựng – GS.TS. Nguyễn Văn Chọn – 2003 .
- Quản trị dự án đầu tư xây dựng – TS. Nguyễn Xuân Thủy – 2003 .
- Quản lý dự án đầu tư – ThS. Đào Thị Xuân Lan – 2004 .
- GT Kinh tế xây dựng – TS. Nguyễn Văn Khiêm – Bộ XD Hà Nội – 2006 .

124094 QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG

Giúp cho sinh viên nắm được quy trình và trình tự thực hiện của quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý tiến đố, chất lượng, an toàn của dự án, quản lý về chi phí, vật tư, thanh quyết toán hợp đồng của dự án, thanh quyết toán vốn đầu tư…

Tài liệu tham khảo:
- Nguyễn Bạch Nguyệt, 2000, Giáo trình Lập và Quản lý Dự án Đầu Tư. NXB Thống Kê, Hà Nội.
- Nguyễn Xuân Thuỷ, 2003, Quản Trị Dự Án Đầu Tư: Lý thuyết và Bài Tập. NXB Thống Kê.

124095 CẤP THOÁT NƯỚC

Giới thiệu các vấn đề về cấp và thoát nước ở bên ngoài và bên trong nhà. Phần cấp nước sẽ đề cập đến các loại nguồn nước và các sơ đồ xử lý nước, hệ thống cấp nước cho khu vực và cho công trường xây dựng cũng như hệ thống cấp nước trong nhà; trong đó sẽ nhấn mạnh đến việc tính toán và thiết kế mạng lưới cấp nước. Phần thoát nước sẽ trình bày các vấn đề chủ yếu về hệ thống thoát nước cho khu vực và trong nhà cũng như các phương pháp xử lý nước thải.

Tài liệu tham khảo:
- Cấp thoát nước trong nhà - Bộ Xây Dựng.
- Công trình cấp thoát nước – ĐHBK Tp. HCM
- Tiêu chuẩn thiết kế và nghiệm thu hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình, TCVN.
- Tài liệu thiết kế thực tế.

124096 DỰ TOÁN XÂY DỰNG

Giúp sinh viên làm quen với các công việc chuyên môn, sinh viên thực tập làm quen với công tác xây tô, ván khuôn tại xưởng thực tập tại trường.
- Tham gia trực tiếp công tác xây, tô.
- Thực tập các công tác hoàn thiện láng, ốp, sơn, vôi…

Tài liệu tham khảo: Kỹ thuật thi công – Công tác xây, tô hoàn thiện – Lê Kiều – NXB Xây Dựng – Hà Nội 2004.

100002 MARKETING CƠ BẢN

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản trong nghệ thuật Marketing đối với khách hàng, nhận diện khách hàng của mình và đề ra các phương án giải quyết nhằm đem đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng. Ngoài ra, cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh

Tải liệu tham khảo

Hoàng Thị Phương Thảo, Đoàn Thị Mỹ Hạnh, Lê Khoa Nguyên (2021), *Marketing căn bản*, NXB Thông tin truyền thông, TP Hồ Chí Minh.

100003 QUẢN TRỊ HỌC

Quản trị học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị phù hợp với ngành học về các nội dung: Khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Các lý thuyết quản trị; Môi trường quản trị, các quyết định quản trị; Các chức năng quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Nhằm trang bị cho người học có kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng xây dựng, thực hiện và kiểm soát kế hoạch; kỹ năng làm việc nhóm và ra quyết định trong kinh doanh.

Tải liệu tham khảo

− Nguyễn Thị Liên Diệp, "Quản trị học", NXB Lao động xã hội, 2010
− James H. Donnelly, Vũ Trọng Hùng, Phan Thăng, "Quản trị học", NXB Lao động xã hội, 2008
− Lưu Đan Thọ, "Quản trị học trong xu thế hội nhập: những vấn đề cốt yếu của quản lý" NXB Bộ Tài Chính, 2014

100004 KINH TẾ QUỐC TẾ

Môn học này trình bày các lý thuyết thương mại đầu tư quốc tế, các công cụ can thiệp vào mậu dịch tự do cũng như các hình thức liên kết kinh tế quốc tế, sự dịch chuyển nguồn lực quốc tế, tài chính quốc tế giúp sinh viên nắm vững cơ sở lý luận, phân tích khoa học bản chất của thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng thương mại quốc tế, lợi ích của liên kết kinh tế quốc tế khu vực, toàn cầu.

Tài liệu tham khảo:

- Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Như Bình (2019), *Giáo trình hội nhập kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
- Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai (2019), *Giáo trình kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

100007 NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ

Hệ thống các bước nghiệp vụ thống kê phục vụ yêu cầu tổ chức thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu. Cung cấp hệ thống các phương pháp thống kê nhằm thu thập thông tin ban đầu, xử lý các thông tin đã thu thập, phân tích, dự đoán hiện tượng phục vụ cho mọi mục đích sử dụng thông tin trong quản lý. Giới thiệu các phần mềm làm công cụ xử lý dữ liệu trên nền tảng lý thuyết về các phương pháp nhằm biết khai thác công cụ tính toán đồng thời biết đọc các kết quả tính toán từ công cụ.

Tài liệu tham khảo

1. David Moore, George McCabe, Bruce Craig, Layth Alwan (2020),The Practice of Statistics for Business and Economics, Macmillan Learning.
2. James T. McClave, P. George Benson, Terry Sincich (2018), Statistics for Business and Economics, Pearson Higher Education & Professional Group.

100010 THUẾ

Hệ thống các sắc thuế hiện hành tại Việt Nam. Vận dụng các kiến thức về thuế để tính các loại thuế. Các loại thuế: Thuế xuất khẩu- nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế giá trị gia tăng , Thuế thu nhập doanh nghiệp. Giải quyết các công việc liên quan đến lĩnh vực thuế như hoạch định chính sách thuế, quản lý thuế, kế toán thuế, tư vấn thuế…

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Kim Quyến, Lê Quang Cường, Đặng Thị Bạch Vân (2017), *Bài tập thuế, NXB Kinh Tế TPHCM*

125004 KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Kế toán trong quản trị gồm những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí trong hoạt động quản lý và điều hành doanh nghiệp. Đánh giá sự tác động của các loại chi phí ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xây dựng dự toán chi phí cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát, đánh giá chi phí kinh doanh sản xuất và lựa chọn phương án tối ưu.

Tài liệu tham khảo:

- Huỳnh Lợi, Đào Tất Thắng, Lê Đình Trực (2020), Kế toán quản trị, TP.HCM, NXB. Tài chính
- Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn (2019), Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam, TP.HCM, NXB. Tài chính.

125005 KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN VÀ SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG

Môn học giúp cho sinh viên:

- Tiếp cận những quan điểm mới về Thương lượng
- Vận dụng sách lược phá thế căng thẳng xung đột trong thương lượng
- Cực đại hóa sức mạnh thương lượng của ta và cực tiểu hoá sức mạnh thương lượng của họ
- Soạn thảo được hợp đồng đúng luật.
- Tránh được những điểm bất lợi khi soạn thảo hợp đồng.
- Tính toán được những quyền lợi hoặc rủi ro trên hợp đồng.

Tài liệu tham khảo:

- Scott Gerber, Ryan Pauph, Kỹ năng đàm phán hiệu quả trong kinh doanh, 1980 Books, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019
- Nguyễn Ngọc Điệp, Cẩm Nang Soạn Thảo, Ký Kết

Và Thực Hiện Hợp Đồng Dân Sự, Kinh Tế, Lao Động Với Các Mẫu Hợp Đồng Thông Dụng Nhất 2018, NXB Hồng Đức, 2018
- Đại Hồng Lĩnh, Nghệ thuật đàm phán thương lượng trong kinh doanh và cuộc sống, NXB Đà Nẵng.
- TS. Thái Trí Dũng, **Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh**, NXB Thống kê.

125010 NGHIỆP VỤ XUẤT NHẬP KHẨU

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, giúp sinh viên nắm vững kiến thức và các kỹ năng giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp có hoạt động mua bán với thương nhân nước ngoài. Môn học cũng hỗ trợ sinh viên có kiến thức và kỹ năng làm việc tại công ty nước ngoài.
Giáo trình:
- Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt (2016), *Quản trị xuất nhập khẩu,* NXB Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh
Tài liệu tham khảo:
- Incoterms 2010: quy tắc của ICC về sử dụng các điều kiện thương mại quốc tế và nội địa (2013) , Hà Nội, NXB Thông tin và Truyền thông.
- https://iccwbo.org/resources-for-business/incoterms-rules/incoterms-2020.

125011 PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Học phần này trang bị sinh viên những kiến thức cơ bản như: phân tích tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân tích các yếu tố sản xuất như sử dụng tài sản cố định và nguyên vật liệu.
Tài liệu tham khảo:
Phạm Văn Được, Huỳnh Đức Lộng, Lê Thị Minh Tuyết, Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Kinh tế TP.HCM, 2019.

125012 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học. Cách thu thập dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Cách xử lý dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp trong nghiên cứu. Cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.
Tài liệu tham khảo:
- Vũ Cao Đàm (2018), Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học. NXB Giáo dục Việt Nam
- Hà Nam Khánh Giao, Bùi Nhất Vương (2019), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - cập nhật SmartPLS, NXB Tài chính.

125015 QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

Môn học Quản trị chất lượng cung cấp những kiến thức phục vụ cho công tác quản lý chất lượng sản phẩm trong tất cả các giai đoạn từ khởi đầu đến kết thúc một chu kì sản xuất – tiêu thụ sản phẩm. Trong đó bao gồm; chất lượng trong công việc, trong dịch vụ, trong mỗi quá trình, mỗi bộ phận, mỗi con người …đều được đề cập nhằm đảm bảo đạt được chất lượng toàn diện của mỗi sản phẩm, dịch vụ đến tay người tiêu dùng.
Các kiến thức cơ bản được nghiên cứu trong học phần là:
- Những khái niệm cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng
- Các phương thức quản lý chất lượng và quản lý chất lượng toàn diện
- Các phương pháp, kỹ thuật, công việc để quản lý chất lượng
- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn và quản lý Nhà nước về chất lượng.
Tài liệu tham khảo:
- Bùi Nguyên Hùng, Nguyễn Thúy Quỳnh Loan (2018), Quản lý chất lượng, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
- Nguyễn Đình Phan (2018), Giáo trình Quản trị chất lượng, NXB. ĐH Kinh tế quốc dân

125016 QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

Là môn học thuộc kiến thức ngành quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp những kiến thực căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược, các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược, mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.
Tài liệu tham khảo:
- Fred R. David, "Quản Trị Chiến Lược: Khái luận và các tình huống" phiên bản lần thứ 14, NXB Kinh tế TP.HCM, 2020
- Hoàng Văn Hải, "Quản trị chiến lược", NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2017
- Ngô Kim Thanh, "Giáo trình Quản trị chiến lược", NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2018
- Nguyễn Hoàng Việt, "Giáo trình quản trị chiến lược toàn cầu", NXB Hà Nội, 2017

125017 QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng và những kỹ năng cần thiết để dùng quản trị chuỗi cung ứng vào trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau khi học xong môn học này, người học:

Nắm vững những kiến thức nền tảng về chuỗi cung ứng, hiểu rõ giá trị và vai trò chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Nắm được kiến thức và kỹ năng quản lý các hoạt động liên quan trong quy trình hoạch định và thu mua của chuỗi cung ứng.

Nắm được kiến thức và kỹ năng quản lý các hoạt động liên quan trong quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm.

Đánh giá công nghệ thông tin hiện có, xu hướng công nghệ thông tin mới và hiểu rõ cách thức ứng dụng công nghệ thông tin này vào các quy trình chi cung ứng.

Sử dụng các mô hình và hệ thống đo lường để đánh giá hiệu suất hoạt động chuỗi cung ứng.

Có kiến thức và kỹ năng xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng

Tài liệu tham khảo:

Đinh Bá Hùng, Lê Hữu Hoàng (2020) Quản trị chuỗi cung ứng, TP.HCM, NXB Kinh tế TP.HCM

Phan Chí Anh, Nguyễn Thu Hà (2021) Quản trị chất lượng chuỗi cung ứng, NXB. ĐH Quốc gia Hà Nội

125018 QUẢN TRỊ DỰ ÁN

Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị một dự án đầu tư từ việc lựa chọn giám đốc cho DA, tổ chức thực hiện dự án, lập tiến độ thực hiện dự án, kiểm soát dự án và kết thúc dự án. Môn học này giúp cho sinh viên có kỹ năng cao hơn về đánh giá và quản trị một dự án..

Tài liệu tham khảo:

Richart Newton (Đặng Thị Thúy dịch), Tất tần tật về quản trị dự án, NXB Lao Động XH, 2019.

Nguyễn Thị Hải Như, Microsoft project 2010 và Ứng dụng trong quản lý dự án XD, NXB XD, 2018.

125019 QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc am hiểu môi trường kinh doanh toàn cầu, nhận diện những thách thức và tận dụng cơ hội mang đến cho các doanh nghiệp trong bối cảnh Việt nam tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Nội dung chương trình gồm 3 phần chính: quá trình quốc tế hoá nền kinh tế thế giới, môi trường hoạt động của các công ty kinh doanh quốc tế; các phương thức thâm nhập thị trường thế giới; các chiến lược chức năng mà các công ty kinh doanh quốc tế thực hiện.

Tài liệu tham khảo:

- Charles W. L. Hill, Ngô Thị Ngọc Huyền dịch và hiệu đính ...[và những người khác] (2017), *Kinh doanh quốc tế hiện* đại, Nhà xuất bản kinh tế TP Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thanh Hòa Bình, Lưu Tiến Dũng (2017), *Quản trị kinh doanh quốc tế*, Tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Lạc Hồng.
- John J. Wild & Kenneth L. Wild (2014), *International Business*, Pearson, USA

125020 QUẢN TRỊ MARKETING

Môn học cung cấp hệ thống kiến thức và kỹ năng làm công tác quản trị maketing : phân tích thị trường, quyết định các vấn đề chiến lược của maketing như lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị, thiết` kế các chiến lược Maketing hỗn hợp: chiến lược sản phẩm, chiến lược giá cả, chiến lược phân phối, chiến lược thúc đẩy. Hoạch định và tổ chức thực hiện các chương trình maketing, lãnh đạo, kiểm soát và đánh giá các kết quả hoạt động của maketing.

Tài liệu tham khảo:

Tập thể giảng viên Khoa Kinh doanh quốc tế-Marketing (2020) Quản trị Marketing Philip Kotler (tái bản lần thứ 15), NXB. Hồng Đức

125021 QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Trong tất cả các nhiệm vụ của quản trị, quản trị con người là nhiệm vụ trung tâm và quan trọng nhất vì tất cả các vấn đề khác đều phụ thuộc vào mức độ thành công của quản trị con người. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nguồn nhân lực;hoạch định, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Kim Dung (2018), Quản trị nguồn nhân lực, NXB Tài chính
- Đặng Đình Đào, Nguyễn Đức Diệp, Nguyễn Thị Diệu Chi(2020), Quản trị nguồn nhân lực logistics ở Việt Nam , NXB Dân trí

125022 QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KHỦNG HOẢNG

Rủi ro là một vấn đề luôn xảy ra trong mọi hoạt động, từ hoạt động trong kinh doanh đến các hoạt

động trong đời sống hằng ngày. Quản trị rủi ro là hành động không thể thiếu đối với các doanh nghiệp, giúp hoạt động của doanh nghiệp được duy trì, ổn định và giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra. Môn học quản trị rủi ro trình bày các vấn đề như: nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, tài trợ rủi ro nhằm giúp người học có thể xếp loại rủi ro và giảm thiểu rủi ro về tài chính, về giá và đầu tư, giảm thiểu mọi tổn thất của rủi ro.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Liên Diệp, Võ Tấn Phong, Quản trị rủi ro doanh nghiệp: tiếp cận theo khung tích hợp của COSO, NXB Hồng Đức, 2016.
- Dale F. Cooper, Stephen Grey, Project Risk Management guidelines: managing risk in large projects and complex procurements, John Wiley & Son, Inc, 2017.
- Michel Crouhy, Dan Galai, Robert Mark, The essentials of risk management, McGraw Hill Company, 2017.

125023 QUẢN TRỊ SẢN XUẤT

Môn học cấp những khái niệm cơ bản về công tác tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp và các công tác hoạch định như: Dự báo nhu cầu, Hoạch định công suất, Hoạch định nhu cầu vật tư… Môn học cũng nhằm đào tạo các kỹ năng quản trị tác nghiệp như: Điều độ sản xuất, Bố trí mặt bằng… và công tác kiểm tra đánh giá hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Quản trị tác nghiệp (2018), Nguyễn Thành Hiếu, Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung, Hoàng Trung, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- Tin học ứng dụng trong quản trị sản xuất (2018), Lê Đức Tâm, NXB Xây dựng

125024 QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

Môn học Quản Trị Tài Chính trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính như: phân tích tài chính, lập kế hoạch tài chính, lượng giá chứng khoán, các vấn đề về đầu tư và hoàn vốn, cơ cấu vốn, chi phí vốn và phân tích rủi ro tài chính…..

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp (2020),Nhiều tác giả, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
- Tài chính hành vi (2018), Nhiều tác giả, NXB Kinh tế Tp.HCM.
- Khủng hoảng tài chính (2019), Nhiều tác giả, NXB Kinh tế Tp.HCM.

125026 THANH TOÁN QUỐC TẾ

Môn học trình bày chi tiết về những kiến thức về thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh hối đoái và vận dụng nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro tỉ giá; các phương tiện thanh toán được sử dụng trong thanh toán quốc tế; nắm vững cách thức lựa chọn và sử dụng các phương thức thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương

Tài liệu tham khảo:

Gs.Ts Nguyễn Văn Tiến - Ts Nguyễn Thị Hồng Hải, Giáo Trình :Thanh Toán Quốc Tế Và Tài Trợ Ngoại Thương, NXB Thống Kê, 2019

125027 THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Cơ chế hoạt động của một thị trường chứng khoán bao gồm: hệ thống giao dịch, phương thức giao dịch và thanh toán trên thị trường chứng khoán, phương thức xác định giá khớp lệnh và cách khớp lệnh, niêm yết chứng khoán, chỉ số giá chứng khoán và những quy định hiện hành trong mọi hoạt động có liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Đặc điểm, tính chất và sự khác biệt của các hoạt động chứng khoán như: chứng khoán cơ bản bao gồm: trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi và cổ phiếu thường; chứng khoán phái sinh bao gồm: Right, Warrant, Futures, Forward và Option.

Những kỹ thuật cơ bản trong phân tích chứng khoán và định giá chứng khoán như: phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật, các phương pháp định giá chứng khoán như chiết khấu dạng tiền, tỷ số P/E, CAPM...

Tài liệu tham khảo:

- Benjamin Graham (Lê Quốc Phương dịch), Nhà đầu tư thông minh, NXB Thế Giới, 2020
- Phan Thị Hời, Trương Anh Minh, Giáo trình Thị trường chứng khoán, ĐHLH, 2017.
- Đỗ Văn Lộc, Bùi Văn Thuy, Giáo trình Thị trường chứng khoán, ĐHLH, 2017.

125029 THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản, tổng quan về thương mại điện tử. Các chính sách, chiến lược và phương pháp tiến hành. Sử dụng các công cụ điện tử để tiến hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có tham gia hoạt động thương mại điện tử. Hiểu và đánh giá vai trò, tầm quan trọng của TMĐT đối với nền kinh tế quốc dân. Nghiên cứu, xây dựng các mô hình TMĐT; lập kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử cho doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Việt Khôi, Giáo trình thương mại điện tử,

ĐH QG Hà Nội, 2020
Josh Macdonal, Khánh An, Khởi nghiệp kinh doanh thời 4.0, Công ty TNHH Văn hóa và truyền thông 1980S Book, 2019.

125033 NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán như: bản chất, chức năng, yêu cầu, (nguyên tắc) của kế toán, hệ thống phương pháp kế toán, trình tự chun về kế toán các yếu tố, các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, tổ chức công tác và bộ máy kế toán.
Tài liệu tham khảo:
Nguyễn Hữu Ánh, Phạm Đức Cường (2020) Giáo trình Nguyên lý Kế Toán, NXB. ĐH Kinh tế quốc dân .
Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn (2018) Nguyên lý Kế Toán, TP.HCM. NXB. Tài chính
Sách tham khảo:
Các văn bản pháp lý chung vế kế toán luật kế toán, các điều lệ chế độ tổ chức kế toán và các văn bản khác có liên quan (kể cả các luật) về kinh tế và kinh doanh.

125034 TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản: chức năng tài chính tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính nhà nước, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp; hoạt động của hệ thống ngân hàng nhằm ổn định hệ thống tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán, … cho nền kinh tế.
Tài liệu tham khảo:
Cao Thị Ý Nhi, Đặng Anh Tuấn, Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ, ĐH Kinh tế quốc dân, 2018.

125035 MARKETING QUỐC TẾ

Môn học này cung cấp cho sinh viên các chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, Marketing, những kiến thức cơ bản về Marketing quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Nội dung chủ yếu bao gồm: phân tích, đánh giá môi trường marketing quốc tế, xác định các phương thức thâm nhập thị trường thế giới, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược marketing quốc tế.
Tài liệu tham khảo:
Philip R. Cateora & John L. Graham, 16th Edition (2017) Marketing quốc tế-bản dịch nhiều tác giả, NXB. Kinh tế TP.HCM
Trần Minh Đạo, Vũ Trí Dũng (2018), giáo trình Markeing quốc tế, Hà Nội, ĐH KInh tế quốc dân

125045 KINH TẾ HỌC

Kinh Tế Học hướng đến bài toán đáp ứng nhu cầu vô hạn của con người trong điều kiện tài nguyên khan hiếm. Môn học gồm 2 phần, (1) kinh tế học Vi mô hướng đến các bài toán của cá nhân người tiêu dùng và nhà sản xuất; (2) Kinh tế học Vĩ mô liên quan đến các vấn đề chung của nền kinh tế quốc dân. Qua môn này, người học có thể hiểu biết các khái niệm cơ bản của kinh tế học như luật cung cầu, cơ chế thị trường, sự lựa chọn của người tiêu dùng, hành vi của nhà sản xuất, lạm phát, thất nghiệp, chu kỳ kinh tế, hệ thống tài chính tiền tệ cũng như là các chính sách kinh tế vĩ mô của quốc gia.
Tài liệu tham khảo:
Vũ Kim Dung, Nguyễn Văn Công, Giáo trình kinh tế học, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018
N. Gregory Mankiw Kinh tế học vi mô – Khoa Kinh tế trường ĐH Kinh tế TPHCM dịch ,Kinh tế học vĩ mô, NXB Hồng Đức, 2020
N. Gregory Mankiw Kinh tế học vĩ mô – Khoa Kinh tế trường ĐH Kinh tế TPHCM dịch ,Kinh tế học vĩ mô, NXB Hồng Đức, 2020

125046 HÀNH VI TỔ CHỨC

Nguồn lực chủ yếu hình thành nên tổ chức chính là con người, mọi hoạt động củacon người đều nhằm mục đích thực hiện mục tiêu của tổ chức. Môn học hành vi tổ chức cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để phân tích, giải thích và dự đoán hành vi con người trong bối cảnh tổ chức những ảnh hưởng của hành vi đến việc thực hiện nhiệm vụ. Nghiên cứu hành vi tổ chức được thực hiện trên cả ba cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức.
Tài liệu tham khảo:
- PGS.TS. Phạm Thúy Hương, TS. Phạm Thị Bích Ngọc (2019), Giáo trình Hành vi tổ chức, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- Steven L. McShane, Mary Ann Von Glinow (2018), Organizational behavior: emerging knowledge, global reality, New York: McGraw-Hill education

125048 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học (NCKH). Cách thu thập dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Cách xử lý dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp trong nghiên cứu. Cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.
Ngoài ra, môn học được biên soạn với nhiều nội

dung cung cấp những thông tin, những kiến thức cơ bản, các bước trong NCKH, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp định tính, định lượng và cách trình bày các kết quả NCKH. Môn học này sẽ mang lại những kiến thức bổ ích và những thông tin thiết thực cho sinh viên và những người bắt đầu làm công tác NCKH.

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Cao Đàm (2018), Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Hà Nam Khánh Giao, Bùi Nhất Vương (2019), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - cập nhật SmartPLS, NXB Tài chính.

125052 KHỞI NGHIỆP VÀ ỨNG DỤNG

Môn học Khởi nghiệp và ứng dụng nhằm mục đích trang bị cho học viên những kiến thức căn bản về khởi sự kinh doanh để có thể vận dụng vào thực tế, thực hiện được một dự án khởi nghiệp. Cung cấp những kỹ năng giúp học viên tư duy, tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá ý tưởng kinh doanh, nâng cao năng lực thực hành, năng lực giải quyết vấn để có thể khởi nghiệp, làm giàu cho bản thân và cho xã hội.

Tài liệu tham khảo:

- Cú hích khởi nghiệp: chiến lược quản lý thông minh cho nhà lãnh đạo hiện đại, Jennifer Dulski, Nguyễn Phượng Linh, NXB Lao động 2019
- Khởi nghiệp kinh doanh thời 4.0, Josh MacDonald, Khánh An, Nhà xuất bản lao động 2019
- Không đến một: bài học về khởi nghiệp hay cách xây dựng tương lai, Peter Thiel, Blake Master, Trần Quốc Khánh, Nhà xuất bản Trẻ 2018.

125053 LUẬT KINH TẾ

Học phần Luật Kinh tế nghiên cứu địa vị pháp lý của chủ thể kinh doanh và pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cụ thể gồm: Quy chế pháp lý về thành lập và quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, vấn đề tổ chức lại và giải thể sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; dấu hiệu doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Luật Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. HCM, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2015

125054 NGHIỆP VỤ XUẤT NHẬP KHẨU

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, giúp sinh viên nắm vững kiến thức và các kỹ năng giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp có hoạt động mua bán với thương nhân nước ngoài. Môn học cũng hỗ trợ sinh viên có kiến thức và kỹ năng làm việc tại công ty nước ngoài.

Giáo trình:

- Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt (2016), *Quản trị xuất nhập khẩu,* NXB Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh

Tài liệu tham khảo:

- Incoterms 2010: quy tắc của ICC về sử dụng các điều kiện thương mại quốc tế và nội địa (2013) , Hà Nội, NXB Thông tin và Truyền thông.
- https://iccwbo.org/resources-for-business/incoterms-rules/incoterms-2020/

125055 TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Môn học này cung cấp những kiến thức và kỹ năng về hệ thống thông tin doanh nghiệp như một trong các bộ phận chức năng quan trọng nhất tạo nên sự thành công của mọi tổ chức doanh nghiệp trong nền kinh tế xã hội hiện đại. Học phần trình bày cách thức sử dụng và tái tổ chức hệ thống thông tin để khai thác hệ thống một cách có hiệu quả nhằm góp phần tạo ra những hàng hoá và dịch vụ có chất lượng cao và dành được lợi thế cạnh tranh.

Tài liệu tham khảo:

Trần Thị Song Minh, Hệ thống thông tin quản lý, ĐH Kinh tế quốc dân, 2019

Nguyễn Văn Dũng, Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động HTTT kế toán của các DNVN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, NCKH, 2018.

125056 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

Giúp sinh viên có được những kiến thức về văn phạm và các thuật ngữ tiếng anh trong lĩnh vực quản trị để phục vụ cho công tác tham khảo, nghiên cứu, học tập trước mắt và phục vụ cho công tác kinh doanh đối ngoại sau này.

Tài liệu tham khảo:

- Kate Baade, Christopher Holloway, John Hughes (2020),Business result. Advanced: Student's book with online practice, NXB oxford university press
- Nói sao để thành công: trau dồi tiếng Anh trong kinh doanh, lan Bercu (2018), NXB trẻ

125057 QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro là một vấn đề luôn xảy ra trong mọi hoạt động, từ hoạt động trong kinh doanh đến các hoạt động trong đời sống hằng ngày. Quản trị rủi ro là

hành động không thể thiếu đối với các doanh nghiệp, giúp hoạt động của doanh nghiệp được duy trì, ổn định và giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra. Môn học quản trị rủi ro trình bày các vấn đề như: nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, tài trợ rủi ro nhằm giúp người học có thể xếp loại rủi ro và giảm thiểu rủi ro về tài chính, về giá và đầu tư, giảm thiểu mọi tổn thất của rủi ro.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Liên Diệp, Võ Tấn Phong, Quản trị rủi ro doanh nghiệp: tiếp cận theo khung tích hợp của COSO, NXB Hồng Đức, 2016.
- Dale F. Cooper, Stephen Grey, Project Risk Management guidelines: managing risk in large projects and complex procurements, John Wiley & Son, Inc, 2017.
- Michel Crouhy, Dan Galai, Robert Mark, The essentials of risk management, McGraw Hill Company, 2017.

125058 KHỞI SỰ KINH DOANH

Môn học trang bị kiến thức và kỹ năng khởi sự kinh doanh cho sinh viên đại học thuộc ngành quản trị kinh doanh. Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để sinh viên có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội làm ăn hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch khởi sự kinh doanh giúp sinh viên nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

Tài liệu tham khảo:

- Cú hích khởi nghiệp: chiến lược quản lý thông minh cho nhà lãnh đạo hiện đại, Jennifer Dulski, Nguyễn Phượng Linh, NXB Lao động 2019
- Khởi nghiệp kinh doanh thời 4.0, Josh MacDonald, Khánh An, Nhà xuất bản lao động 2019
- Không đến một: bài học về khởi nghiệp hay cách xây dựng tương lai, Peter Thiel, Blake Master, Trần Quốc Khánh, Nhà xuất bản Trẻ 2018.

125059 NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO

Về kiến thức

Nhằm mục tiêu trang bị cho sinh viên ngành quản trị những nguyên tắc cơ bản nhất trong nghệ thuật lãnh đạo.

Cụ thể:

- Nắm được bản chất của lãnh đạo.
- Nắm được quyền lực và sự ảnh hưởng.
- Nắm được hiệu quả của quyền lực và chiến lược ảnh hưởng.
- Nắm được phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo.
- Nắm được bản chất của công việc và vai trò của người lãnh đạo.
- Nắm được phong cách lãnh đạo.
- Nắm được lãnh đạo theo tình huống.
- Nắm được lãnh đạo mới về chất.
- Nắm được lãnh đạo ra quyết định nhóm.

Về kỹ năng

Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu đánh giá hiệu quả lãnh đạo của một cá nhân/ doanh nghiệp.

Hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề trong quá trình lãnh đạo.

Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

Về thái độ

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận cách thức tổ chức, thực hiện và đo lường hiệu quả nghệ thuật lãnh đạo của một cá nhân/ doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Long Văn, Nghệ Thuật Lãnh Đạo, NXB Chính Trị Quốc Gia, 2019
- Robin Sharma, Phạm Anh Tuấn, Điều vĩ đại đời thường, Nxb. Trẻ, 2019.

125062 TIN HỌC ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về áp dụng phần mềm thống kê SPSS trong nghiên cứu các vấn đề kinh tế kinh doanh (Thực hành Mã hóa và nhập liệu, kết xuất kết quả thống kê mô tả, kiểm định Độ tin cậy, kết xuất kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA cho dữ liệu). Viết thuyết minh kết quả và đưa ra các hàm ý chính sách từ kết quả ứng dụng nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo:

Trần Thị Kim Thu, Đỗ Văn Huân (2019), Giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
Ngô Văn Thứ, Nguyễn Mạnh Thế (2019), Giáo trình thống kê thực hành: với sự trợ giúp của SPSS và STATA, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

125063 TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản: chức năng tài chính tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; hoạt động của thị trường

tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính nhà nước, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp; hoạt động của hệ thống ngân hàng nhằm ổn định hệ thống tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán, … cho nền kinh tế.
Tài liệu tham khảo:
Cao Thị Ý Nhi, Đặng Anh Tuấn, Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ, ĐH Kinh tế quốc dân, 2018.

125064 QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

Là môn học thuộc kiến thức ngành quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp những kiến thực căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược, các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược, mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.
Tài liệu tham khảo:
- Fred R. David, "Quản Trị Chiến Lược: Khái luận và các tình huống" phiên bản lần thứ 14, NXB Kinh tế TP.HCM, 2020
- Hoàng Văn Hải, "Quản trị chiến lược", NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2017
- Ngô Kim Thanh, "Giáo trình Quản trị chiến lược", NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2018
- Nguyễn Hoàng Việt, "Giáo trình quản trị chiến lược toàn cầu", NXB Hà Nội, 2017

125065 VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Môn học cung cấp cho người học kiến thức về văn hóa doanh nghiệp trong doanh nghiệp và tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp. Các lý thuyết và kiến thực thực tế về văn hóa và những khía cạnh sâu xa của văn hóa doanh nghiệp. Từ các lý thuyết đó, người học có thể xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiệu quả cho doanh nghiệp trong vai trò là một thành viên hay người tư vấn của doanh nghiệp đó. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, người học làm quen với văn hóa doanh nghiệp đang được áp dụng tại các doanh nghiệp thực tế hiện nay.
Tài liệu tham khảo:
- Phạm Thanh Tâm (2020), Văn hóa doanh nghiệp tiến trình hội nhập quốc tế, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
- Jonathan Raymond, Hoàng Trang (2019), Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, NXB Lao động.

125068 QUẢN TRỊ SỰ KIỆN

Môn học "Quản trị sự kiện" thuộc hệ thống kiến thức ngành quản trị. Nội dung môn học cung cấp kiến thức căn bản về về việc tổ chức một sự kiện hay hội nghị; hình thành chủ đề, lập chương trình và dự toán ngân sách; nghiên cứu thiết kế và lập kế hoạch một sự kiện - hội nghị một cách khoa học; công tác chuẩn bị sao cho mang lại hiệu quả cao; biết cách quản lý công tác hậu cần và tổ chức, điều hành các hoạt động của sự kiện
Tài liệu tham khảo:
- Phạm Thị Huyền, Nguyễn Hoài Long (2018), Marketing dịch vụ, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân

125070 KINH TẾ HỌC

Kinh Tế Học hướng đến bài toán đáp ứng nhu cầu vô hạn của con người trong điều kiện tài nguyên khan hiếm. Môn học gồm 2 phần, (1) kinh tế học Vi mô hướng đến các bài toán của cá nhân người tiêu dùng và nhà sản xuất; (2) Kinh tế học Vĩ mô liên quan đến các vấn đề chung của nền kinh tế quốc dân. Qua môn này, người học có thể hiểu biết các khái niệm cơ bản của kinh tế học như luật cung cầu, cơ chế thị trường, sự lựa chọn của người tiêu dùng, hành vi của nhà sản xuất, lạm phát, thất nghiệp, chu kỳ kinh tế, hệ thống tài chính tiền tệ cũng như là các chính sách kinh tế vĩ mô của quốc gia.
Tài liệu tham khảo:
- **Vũ Kim Dung, Nguyễn Văn Công**, Giáo trình kinh tế học, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018
- N. Gregory Mankiw Kinh tế học vi mô – Khoa Kinh tế trường ĐH Kinh tế TPHCM dịch ,Kinh tế học vĩ mô, NXB Hồng Đức, 2020
- N. Gregory Mankiw Kinh tế học vĩ mô – Khoa Kinh tế trường ĐH Kinh tế TPHCM dịch ,Kinh tế học vĩ mô, NXB Hồng Đức, 2020

126011 LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

Môn Lịch sử văn minh thế giới thuộc khối kiến thức khoa học xã hội dành cho mọi sinh viên làm việc trong ngành dịch vụ. Nghiên cứu lịch sử văn minh là một cách thức đánh dấu trình độ phát triển về hiểu biết của con người. Qua đó, bản chất của con người cũng được khẳng định. Bởi vì, chỉ có con người sau khi đã phát triển ở một mức độ nhất định mới đủ khả năng tìm hiểu về chính mình và cuộc sống xã hội.
Tài liệu tham khảo:
Vũ Dương Ninh, Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Quốc

Hùng, Đinh Ngọc Bảo (2018), Lịch sử văn minh thế giới, NXB Giáo dục Việt Nam

126012 LUẬT DU LỊCH

Luật du lịch là môn khoa học pháp lý chuyên ngành. Luật du lịch nghiên cứu các quy định cơ bản và cần thiết về quyền lợi, nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động du lịch, các loại hình kinh doanh du lịch, xúc tiến du lịch và hợp tác du lịch, vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch và hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.
Tài liệu tham khảo:
- Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, Luật du lịch Việt Nam 2017, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
- Minh Ngọc (2017), Luật du lịch, NXB Lao động xã hội, Hà Nội

126015 NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN

Nghiệp vụ nhà hàng – khách sạn là môn học hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng về cơ bản trong ngành nhà hàng – khách sạn như nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ phục vụ bàn, nghiệp vụ buồng, nghiệp vụ giám sát.
Tài liệu tham khảo:
- Hà Khánh Nam Giao, Nguyễn Văn Bình (2020), Giáo trình Nghiệp vụ nhà hàng, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

126027 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH DU LỊCH

Tiếng Anh chuyên ngành du lịch là một môn học cần thiết dành cho sinh viên trong lĩnh vực dịch vụ du lịch – lữ hành, đam mê du lịch. Môn học giúp cho sinh viên có thể quảng bá hình ảnh của đất nước Việt Nam đến với du khách và bạn bè quốc tế. Sinh viên sau khi học xong môn học có thể giao tiếp, sử dụng thành thạo các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong công việc của một hướng dẫn viên du lịch chuyên nghiệp ở các tour trong và ngoài nước.
Tài liệu tham khảo:
- Philip T. Kotler, John T. Bowen, James C. Makens, Seyhmus Baloglu (2017), Marketing for hospitality and tourism, NXB United Kingdom: Pearson

126028 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH

Bảo vệ môi trường du lịch là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường và môi trường du lịch, tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường trong du lịch. Đồng thời đưa ra được các giải pháp nhằm phát triển du lịch bền vững.
Tài liệu tham khảo:
- Luật du lịch Việt Nam 2017. NXB Chính trị quốc gia sự thật. Hà Nội
- Nghị định 28/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo

126029 CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

Môn Cơ sở Văn hóa Việt Nam là một môn cơ sở ngành cho sinh viên các ngành học liên quan đến du lịch, nhằm tìm hiểu, nghiên cứu những đặc trưng cơ bản, các quy luật hình thành và phát triển của một nền văn hóa cụ thể. Cơ sở văn hóa Việt Nam trang bị những hiểu biết cơ bản về nền văn hóa dân tộc Việt. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể vận dụng văn hoá vào kinh doanh sản phẩm du lịch ; biết khai thác, bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hoá Việt Nam.
Tài liệu tham khảo:
Trần Quốc Vượng (Tái bản 2020), Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục VN.
Võ Văn Thành, Văn hoá Nam bộ qua cái nhìn Sơn Nam, NXB Trẻ 2018

126030 DU LỊCH BỀN VỮNG

Là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đạo tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Bao gồm các nội dung: khái quát về du lịch bền vững; nguyên tắc và chính sách phát triển du lịch bền vững; đánh giá tính bền vững của du lịch; phát triển bền vững một số loại hình du lịch.
Tài liệu tham khảo:
- Cẩm nang diễn giải du lịch bền vững (2020), Trung tâm Nhật Bản – ASEAN (AJC)
- Handbook of successful and innovative practices for a sustainable tourism inside Protected Areas
- CEETO - Central Europe Eco-Tourism: tools for nature protection Ver. 2.0 11/2018

126032 KỸ NĂNG HOẠT NÁO VÀ SƠ CỨU

Hoạt náo là một kỹ năng vô cùng cần thiết đối với các bạn sinh viên, đặc biệt là sinh viên du lịch. Môn học hình thành cho sinh viên sự hài hước, giao tiếp duyên dáng, biết cách tổ chức các trò chơi nhằm mang đến không khí vui vẻ và thoải mái cho du khách, tự tin hơn trong giao tiếp, khả năng nói, thuyết minh và làm chủ một vấn đề đang nói, có khả năng giải quyết được các tình huống cơ bản thường gặp khi dẫn tour…
Tài liệu tham khảo:
Đỗ Hải Yến (Chủ biên) 2019, Giáo Trình Sơ, Cấp Cứu Trong Hoạt Động Hướng Dẫn Du Lịch, NXB ĐHQG

Hà Nội

126033 – LỄ HỘI - PHONG TỤC – TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM

Môn Phong tục – tín ngưỡng – lễ hội Việt Nam trang bị kiến thức chuyên sâu về phong tục – tín ngưỡng và lễ hội truyền thống của người Việt. Để sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tham gia một cách có ý thức vào việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc, đồng thời giúp cho sinh viên biết khái quát hóa cũng như viết được những bài thuyết minh giới thiệu văn hóa Việt Nam cho khách du lịch.
Tài liệu tham khảo:
- Vũ Hồng Vận, Tín ngưỡng thờ mẫu của người Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật - 2020
- Phan Cẩm Thượng, Tập tục đời người, NXB Hội nhà Văn - 2017
- Nguyễn Văn Huyên, Hội Hè Lễ Tết Của Người Việt (Tái Bản 2020), NXB Thế giới

126034 MARKETING DU LỊCH

Marketing du lịch được giảng dạy nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu trong nghệ thuật Marketing đối với khách du lịch, nhận diện khách hàng của mình và đề ra các chiến lược nhằm đem đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng.
Tài liệu tham khảo:
- Phạm Thị Huyền, Nguyễn Hoài Long (2018), Giáo trình Marketing dịch vụ, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội
- Vũ Trí Dũng (2018), giáo trình Markeing quốc tế, Hà Nội, ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội

126035 NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH

Môn học này giúp sinh viên hiểu được các yêu cầu cần có của một người hướng dẫn viên du lịch, các khái niệm, quy trình và các phương pháp hướng dẫn du lịch, cách giải quyết các tình huống thực tế phát sinh.
Bên cạnh đó, môn học này giúp sinh viên thực hành nghiệp vụ hướng dẫn khách tham quan tại các loại điểm tham quan khác nhau, tự tin hơn trong giao tiếp, khả năng nói, thuyết minh và làm chủ một vấn đề đang nói, có khả năng giải quyết được các tình huống cơ bản thường gặp khi dẫn tour…
Tài liệu tham khảo:
- Như Quỳnh - Như Hoa (2017), Cẩm nang hướng dẫn du lịch Việt Nam, NXB Thế giới
- Nhóm Trí Thức Việt, Non Nước Việt Nam 63 Tỉnh Thành, NXB Hồng Đức - 2018

126036 QUẢN TRỊ BÁN HÀNG TRONG DU LỊCH

Là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Bao gồm các nội dung khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; kỹ năng bán hàng và quản lý chế độ khách hàng lớn; lập kế hoạch bán hàng; tổ chức địa điểm bán; kiểm soát bán hàng; chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.
Tài liệu tham khảo:
Vũ Minh Đức - Vũ Huy Thông (2018), Giáo trình quản trị bán hàng, ĐH Kinh tế quốc dân.

126037 QUẢN TRỊ ĐA VĂN HÓA

Học phần trang bị kiến thức về văn hóa, quản trị đa văn hóa, các khía cạnh văn hóa và ảnh hưởng của văn háo đến kinh doanh dịch vụ du lịch; trang bị kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa kinh doanh du lịch, về văn hóa giao tiếp và đàm phán, sự khác biệt trong giao tiếp và đàm phán qua các nền văn hóa khác nhau; trang bị các kiến thức và kĩ năng để vượt qua sự khác biệt văn hóa trong môi trường kinh doanh dịch vụ du lịch.
Tài liệu tham khảo:
Đỗ Hữu Hải (2019), Giáo trình văn hóa doanh nghiệp, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội

126038 QUẢN TRỊ DỰ ÁN DU LỊCH

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về quản trị dự án du lịch: các phương pháp xây dựng ngân lưu, thẩm định dự án du lịch, quản lý dự án du lịch theo thời gian, cân đối nguồn lực khi thực hiện dự án du lịch,… qua đó nhận thức tầm quan trọng của việc quản trị dự án trong ngành du lịch và biết vận dụng những kiến thức môn học vào công việc và cuộc sống.
Tài liệu tham khảo:
Richart Newton (Đặng Thị Thúy dịch), Tất tần tật về quản trị dự án, NXB Lao Động XH, 2019.
Nguyễn Thị Hải Như, Microsoft Project 2010 và Ứng dụng trong quản lý dự án XD, NXB XD, 2018.

126039 QUẢN TRỊ KINH DOANH DỊCH VỤ LƯU TRÚ

Tổng quan về kinh doanh khách sạn, Cơ sở vật chất kỹ thuật và quy trình đầu tư xây dựng khách sạn. Tổ chức bộ máy của khách sạn. Tổ chức kinh doanh lưu trú của khách sạn. Marketing trong kinh doanh khách sạn. Quản trị chất lượng dịch vụ của khách sạn. Tổ chức hoạt động kinh doanh Resort. Quản trị nguồn nhân lực của khách sạn. Phân tích kết quả

kinh doanh và tài chính của khách sạn.
Tài liệu tham khảo:
Lưu Tiến Dũng và Trần Thị Thu Hiền. (2019). Quản trị khách sạn - nhà hàng. Đồng Nai: Trường Đại học Lạc Hồng (tài liệu lưu hành nội bộ)
Hoàng Minh Khang (2016) Phương pháp xây dựng thực đơn, NXB Lao Động, Hà Nội

126040 QUẢN TRỊ KINH DOANH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG

Là học phần bắt buộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Bao gồm các nội dung về quản trị nhà hàng, quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại nhà hàng; kế hoạch thực đơn; quản trị hoạt động phục vụ trong nhà hàng, phòng tiệc của khách sạn.
Tài liệu tham khảo:
Lưu Tiến Dũng và Trần Thị Thu Hiền. (2019). Quản trị khách sạn - nhà hàng. Đồng Nai: Trường Đại học Lạc Hồng.(tài liệu lưu hành nội bộ)
Hoàng Minh Khang (2016) Phương pháp xây dựng thực đơn, NXB Lao Động, Hà Nội

126041 QUẢN TRỊ KINH DOANH LỮ HÀNH

Quản trị kinh doanh lữ hành là bộ môn nghiên cứu về phương pháp quản lý và điều hành kinh doanh doanh nghiệp lữ hành; phát triển sản phẩm, khai thác thị trường, tìm kiếm và mở rộng các đối tác trong và ngoài nước. Xây dựng chiến lược phát triển và phương án kinh doanh hiệu quả.
Tài liệu tham khảo:
- Chủ biên: Hà Nam Khánh Giao, Giáo trình Quản trị Kinh doanh Lữ hành, NXB Thống kê 2020
- Peter Robinson, Leeds Beckett University, UK, Michael Lück, AUT University Auckland, New Zealand, Stephen Smith, University of Guelph, Canada; Tourism 2nd Edition 2020
- Stephen Smith, Practical Tourism Research 2016, CABI Tourism Texts 2nd Edition

126042 QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ LỄ HỘI

Quản trị sự kiện và lễ hội là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức về các loại hình du lịch sự kiện và hội nghị, lễ hội, các loại hình tổ chức quản lý thực hiện loại dịch vụ này. Quy trình phục vụ khách hàng đối với mỗi loại dịch vụ cho từng loại khách hàng và kích thích sự tái sử dụng dịch vụ của khách hàng.
Tài liệu tham khảo:
Phạm Thị Huyền, Nguyễn Hoài Long (2018), Marketing dịch vụ, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân

126043 TÂM LÝ VÀ NGHỆ THUẬT GIAO TIẾP, ỨNG XỬ TRONG KD DU LỊCH

Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong du lịch là bộ môn quan trọng nhằm trang bị cho người học một số kiến thức tổng hợp về sự nảy sinh, quá trình hình thành và phát triển cũng như cơ chế hình thành tâm lý, các hiện tượng tâm lý của du khách trong quá trình du lịch, các nguyên tắc ứng xử và giao tiêp trong du lịch.
Tài liệu tham khảo:
Trường Đại học Luật Hà Nội (2020). Giáo trình Tâm lý học đại cương, NXB Công an nhân dân, Hà Nội

126044 THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU HÀNH TOUR

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kĩ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá Tour, hoạt động marketing và bán Tour du lịch, công tác tổ chức thực hiện và những công việc của một nhân viên điều hành tour
Tài liệu tham khảo:
- Võ Văn Sen, Ngô Thanh Loan, Ngô Thị Phương Lan (2018), Xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù cho Đồng bằng Sông Cửu Long lý thuyết và thực tiễn, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM
- Phạm Thị Huyền, Nguyễn Hoài Long (2018), Giáo trình Marketing dịch vụ, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- Như Quỳnh - Như Hoa (2017), Cẩm nang hướng dẫn du lịch Việt Nam, NXB Thế giới
- Nhóm Trí Thức Việt (2018), Non Nước Việt Nam 63 Tỉnh Thành, NXB Hồng Đức

126046 TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 1

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bảng chữ Hangeul, cách ghép chữ, viết chữ đúng trật tự. Kết thúc học phần 1 sinh viên được phải nắm vững bảng chữ cái, cách ghép chữ và được trang bị khoảng 60 từ vựng mới. Trong quá trình học, học viên học được các kĩ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ căn bản để đủ trình độ học tiếp các chương trình tiếng Hàn kế tiếp.
Tài liệu tham khảo:
연세한국어 1-1, YONSEI KOREAN 1-1 (English Version)연세대학교한국어학당편,
연세대학교출판부, (2017) [Tiếng Hàn 1-1 (bản tiếng Anh), Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH

Yonsei, NXB ĐH Yonsei]

연세한국어활용연습1, YONSEI KOREAN WORKBOOK 1 (English Version)연세대학교한국어학당편,

연세대학교출판부, (2017). [Thực hành tiếng Hàn Yonsei 1, Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei].

126047 TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 2

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những mẫu ngữ pháp cơ bản ở mức độ sơ cấp và những từ vựng liên quan đến đời sống hằng ngày như gia đình, ăn uống, giờ giấc... Trong quá trình học, sinh viên học được các kĩ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ căn bản để đủ trình độ học tiếp các chương trình tiếng Hàn kế tiếp.

Tài liệu tham khảo:

[1] 연세한국어 1-1, YONSEI KOREAN 1-1 (English Version)연세대학교한국어학당편,

연세대학교출판부, (2017) [Tiếng Hàn 1-1 (bản tiếng Anh), Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei.]

[2] 연세한국어활용연습1, YONSEI KOREAN WORKBOOK 1 (English Version)연세대학교한국어학당편,

연세대학교출판부, (2017). [Thực hành tiếng Hàn Yonsei 1, Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei].

126048 TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 3

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những mẫu ngữ pháp cơ bản ở mức độ sơ cấp và những từ vựng liên quan đến đời sống hằng ngày như việc mua sắm, đi lại sử dụng phương tiện công cộng, gọi điện thoại... Trong quá trình học, sinh viên học được các kĩ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ căn bản để đủ trình độ học tiếp các chương trình tiếng Hàn kế tiếp.

Tài liệu tham khảo:

[1] 연세한국어 1-1, YONSEI KOREAN 1-1 (English Version)연세대학교한국어학당편,

연세대학교출판부, (2017) [Tiếng Hàn 1-1 (bản tiếng Anh), Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei]

[2] 연세한국어활용연습1, YONSEI KOREAN WORKBOOK 1 (English Version)연세대학교한국어학당편,

연세대학교출판부, (2017). [Thực hành tiếng Hàn Yonsei 1, Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei].

126049 TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 4

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những mẫu ngữ pháp cơ bản ở mức độ trung cấp và những từ vựng liên quan đến đời sống hằng ngày như mùa, thời tiết, gọi điện thoại, sở thích... Ngoài phần từ vựng, ngữ pháp, sinh viên học được các kĩ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại,nhằm giúp sinh viên hứng thú rèn luyện và phát triển các kĩ năng nghe, nói để có thể giao tiếp được với khách du lịch người Hàn Quốc.

Tài liệu tham khảo:

연세한국어 1-2, YONSEI KOREAN 1-2 (English Version)연세대학교한국어학당편,

연세대학교출판부, (2017) [Tiếng Hàn 1-2 (bản tiếng Anh), Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei]

연세한국어활용연습1, YONSEI KOREAN WORKBOOK 1 (English Version)연세대학교한국어학당편,

연세대학교출판부, (2017). [Thực hành tiếng Hàn Yonsei 1, Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei].

126050 TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 1

Học phần bao gồm bảng chữ Kana và 6 bài (bài 1 - bài 6) của sách Marugoto (Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản). Mỗi bài có những mẫu ngữ pháp cơ bản nhất trong tiếng Nhật và các tình huống giao tiếp thực tế ở Nhật Bản nên qua bài học SV có thể nắm được cách giao tiếp cơ bản bằng tiếng Nhật; sử dụng từ vựng trong bài để chào hỏi người Nhật.

Tài liệu tham khảo:

Marugoto A1 - Hiểu biết ngôn ngữ, [まるごと A1 ーりかい、2019]、NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Marugoto A1 - Hoạt động giao tiếp, [まるごと A1 ーかつどう、2019]、NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

126051 TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 2

Học phần bao gồm 6 bài (bài 7 - bài 12) của sách Marugoto (Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản). Mỗi bài

có những mẫu ngữ pháp tiếp theo được sử dụng hàng ngày trong tiếng Nhật và các tình huống giao tiếp thực tế ở Nhật Bản nên qua bài học SV có thể nắm được cách giao tiếp bằng tiếng Nhật; sử dụng từ vựng trong bài để chào hỏi người Nhật và có thể đọc hiểu, viết được các đoạn văn ngắn.
Tài liệu tham khảo:
Marugoto A1 - Hiểu biết ngôn ngữ, [まるごと A1 ーりかい、2019]、NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
Marugoto A1 - Hoạt động giao tiếp, [まるごと A1 ーかつどう、2019]、NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

126052 TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 3

Học phần bao gồm 6 bài (bài 13 - bài 18) của sách Marugoto (Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản). Mỗi bài có những mẫu ngữ pháp tiếp theo được sử dụng hàng ngày trong tiếng Nhật và các tình huống giao tiếp thực tế ở Nhật Bản nên qua bài học SV có thể nắm được cách giao tiếp bằng tiếng Nhật; sử dụng từ vựng trong bài để chào hỏi người Nhật và có thể đọc hiểu, viết được các đoạn văn ngắn
Sinh viên học được việc phân loại tính từ, lượng từ, từ chỉ thời lượng, các cách biến đổi thì, thể của tính từ, các cấu trúc diễn đạt thái độ yêu, ghét, giỏi, dở việc nào đó, cách đếm số lượng người, đồ vật theo từng chủng loại, địa danh... có liên quan đến du lịch. Trong mỗi bài, SV được giải thích những điểm ngữ pháp mới, sau đó luyện tập và vận dụng vào thực tế thông qua nhiều hình thức như hỏi đáp với GV, đàm thoại với bạn trong lớp, dịch Nhật – Việt, Việt – Nhật, đọc hiểu và trả lời câu hỏi…
Tài liệu tham khảo:
Marugoto A1 - Hiểu biết ngôn ngữ, [まるごと A1 ーりかい、2019]、NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
Marugoto A1 - Hoạt động giao tiếp, [まるごと A1 ーかつどう、2019]、NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

126053 TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 4

Học phần gồm 6 bài (từ bài 12-17) của giáo trình みんなの日本語初級I (Minna no Nihongo Shokyu I) tập trung vào việc phân loại, cách chia và so sánh các tính từ; giới thiệu cấu trúc câu mục đích, giới thiệu thể て, và cách sử dụng; giới thiệu mẫu câu xin phép, cấu trúc câu cấm đoán; giới thiệu cấu trúc câu khả năng, sở thích; giới thiệu cấu trúc câu liên kết động từ, tính từ.
Trong mỗi bài, SV được giải thích những điểm ngữ pháp mới, sau đó luyện tập và vận dụng vào thực tế thông qua nhiều hình thức như hỏi đáp với GV, đàm thoại với bạn trong lớp, dịch Nhật – Việt, Việt – Nhật, đọc hiểu và trả lời câu hỏi…
Tài liệu tham khảo:
みんなの日本語初級I (2002) (Minna no Nihongo Shokyu I), スリーエーネットワーク3A Corporation.
みんなの日本語初級I ベトナム語語彙訳 (Minna no Nihongo Shokyu I betonamugo goiyaku)
みんなの日本語初級I (Minna no Nihongo Shokyu I), 漢字 I (英語版)

126055 TỔNG QUAN DU LỊCH

Tổng quan du lịch là một môn học có vị trí quan trọng nhằm trang bị cho người học những kiến thức khái quát cơ bản nhất về các vấn đề liên quan đến lịch sử hình thành, phát triển của ngành du lịch trên thế giới cũng như ở Việt Nam.
Tài liệu tham khảo
Phan Văn Hải (2020): Giáo trình Tổng quan du lịch. Đại học Lạc Hồng, Tài liệu lưu hành nội bộ.

126056 TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH

Tuyến điểm du lịch là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên nhằm phát triển du lịch ở nước ta, các điểm du lịch, tuyến du lịch tại các vùng du lịch với những sản phẩm du lịch đặc trưng và hướng khai thác ở Việt Nam.
Tài liệu tham khảo:
- Bùi Thị Hải Yến (Tái bản năm 2020), Tuyến điểm du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội
- Như Quỳnh - Như Hoa (2017), Cẩm nang hướng dẫn du lịch Việt Nam, NXB Thế giới
- Nhóm Trí Thức Việt, Non Nước Việt Nam 63 Tỉnh Thành, NXB Hồng Đức - 2018

126057 VĂN HÓA ẨM THỰC

Văn hóa ẩm thực là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức khái quát về văn hoá, văn hoá ẩm thực Việt Nam và một số nước trên thế giới. Kiến thức này được vận dụng cho xây dựng thực đơn cũng như trong tổ chức phục vụ ăn uống trong du lịch
Tài liệu tham khảo:
- Hoàng Minh Khang - TS. Lê Anh Tuấn (2018), Giáo trình Văn hoá Ẩm thực, NXB Lao Động
- Võ Hoàng Nhân, Món Xưa Vị Nay - Nét Đương Đại Trong Ẩm Thực Việt, NXB Phụ Nữ, 2019
- Gary Paul Nabhan, Thức Ăn, Gen Và Văn Hóa - Ẩm Thực Về Với Cội Nguồn, NXB Thế giới, 2019

126058 ĐỊA LÝ DU LỊCH

Địa lý du lịch là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản về du lịch, quá trình hình thành và phát triển ngành du lịch, các điều kiện phát triển du lịch, công tác tổ chức lãnh thổ du lịch, cách phân vùng du lịch và các vùng du lịch ở Việt Nam.
Tài liệu tham khảo:
- Nguyễn Minh Tuệ, Vũ Đình Hòa (2017), Địa lý du lịch: Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội

126059 KINH TẾ DU LỊCH

Môn học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về du lịch như các khái niệm về du lịch, lịch sử hình thành và phát triển của du lịch, những điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động đi du lịch của con người cũng như các hoạt động kinh doanh của con người, các điều kiện để phát triển du lịch , thời vụ du lịch và các nhân tố như cơ sở vật chất kỹ thuật, con người, đánh giá hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp du lịch.
Tài liệu tham khảo:
TS. Hồ Thị Minh Phương, (2019), Phát triển kinh tế du lịch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trong hội nhập quốc tế (sách chuyên khảo)

126061 NGHI THỨC VÀ LỄ TÂN

Môn học này giúp sinh viên hiểu được các nghi thức và nghiệp vụ cơ bản khi đón tiếp các đoàn khách tại bộ phận lễ tân của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch
Bên cạnh đó, môn học này giúp sinh viên tổ chức đón tiếp hiệu quả các đoàn khách quốc tế tại các doanh nghiệp lữ hành, các khách sạn hay nhà hàng trong hoạt động kinh doanh du lịch
Tài liệu tham khảo:
- Võ Anh Tuấn (2018) *Lễ tân ngoại giao thực hành,* NXB Chính trị quốc gia sự thật
- **Hà Khánh Nam Giao, Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Sơn Tùng (2020) *Giáo trình Quản trị Kinh doanh Khách sạn*, NXB Thống kê**

126062 THUYẾT MINH TẠI ĐIỂM ĐẾN

Môn học này giúp sinh viên hiểu được các yêu cầu cần có của một người hướng dẫn viên du lịch, các khái niệm, quy trình và các phương pháp hướng dẫn du lịch, cách giải quyết các tình huống thực tế phát sinh trong hướng dẫn du khách tại điểm đến du lịch
Bên cạnh đó, môn học này giúp sinh viên thực hành nghiệp vụ hướng dẫn khách tham quan tại điểm đến du lịch, tự tin hơn trong giao tiếp, khả năng nói, thuyết minh và làm chủ một vấn đề đang nói, có khả năng giải quyết được các tình huống cơ bản thường gặp khi hướng dẫn khách…
Tài liệu tham khảo:
Đoàn Hương Lan (2016), Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, NXB Lao Động, Hà Nội

127005 ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Nội dung nêu những vấn đề cơ bản của việc đầu tư trực tiếp, gián tiếp của nước ngoài (tư nhân cũng như chính phủ) tại Việt Nam. Sinh viên cũng được tìm hiểu về việc chuyển giao công nghệ, lập luận kinh tế, kỹ thuật cho việc đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
Tài liệu tham khảo:
- Fiona Beveridge (2016), Globalization and International Investment, Routledge
- Luật đầu tư nước ngoài qua các giai đoạn

127010 LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Pháp luật về các hoạt động thương mại, về mua bán hàng hóa, xúc tiến thương mại, về các hoạt động trung gian thương mại, về việc chế tài trong thương mại và giải quyết các tranh chấp trong thương mại. Môn học giúp sinh viên nắm vững những qui định về luật pháp khi hoạt động trong lĩnh thương mại và dịch vụ.
Tài liệu tham khảo:
- Luật thương mại 2005
- Giáo trình luật thương mại quốc tế P1 P2 2017

127018 VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về các tổ chức vận tải trên thế giới, qui trình giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, nghiệp vụ lựa chọn, đàm phán và thuê phương tiện chuyên chở hàng hóa XNK bằng đường biển, đường không, đa phương thức…, nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa trong giao dịch thương mại quốc tế, rèn luyện kỹ năng hoàn thành các chứng từ vận tải sau khi giao hàng.
Tài liệu tham khảo:
- TS Đỗ Quốc Dũng, ThS Trần Hoàng Giang, ThS Nguyễn Thành Long, Giao nhận vận tải và bảo hiểm, NXB Tài Chình, 2015.
- Phạm Mạnh Hiển, Phan Hữu Hạnh, Nghiệp vụ giao nhận vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương, NXB Lao động Xã hội, 2015
Incoterms 2020, NXB Thông tin và Truyền thông,

2020
Đặng Dương, Cảng Biển Và Logistics - Nhìn Lại Một Hành Trình Phát Triển, NXB Dân Trí, 2021

127019 LOGISTICS

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về chuỗi cung ứng logistics, triển khai các hoạt động lập kế hoạch, cung ứng, tồn trữ, phân phối và quản lý hàng hóa đảm bảo tính hiệu quả, an toàn và kinh tế, các phương pháp tổ chức, điều hành dịch vụ vận tải đa phương thức liên quan đến xuất nhập khẩu và phân phối hàng hóa.
Tài liệu tham khảo:
- Đặng Đình Đào, Trần Văn Bão, Phạm Cảnh Huy, Đặng Thị Thúy Hồng, Giáo trình quản trị logistics: dùng cho ngành kinh tế và quản trị kinh doanh, NXB Tài Chính, Tp. Hồ Chí Minh,2018

127021 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG 1

Giúp sinh viên có được những kiến thức cũng như kỹ năng cần thiết để đọc, hiểu, một số bài tiếng Anh về kinh tế, về trao đổi thương mại quốc tế. Tìm hiểu các khái niệm, các qui luật kinh tế bằng tiếng Anh.
Tài liệu tham khảo:
- Nguyễn Thành Yến (2017), Tiếng Anh trong thương mại toàn cầu, NXB tổng hợp TPHCM
- Fiona talbot (2018), Tuyệt kỹ tiếng Anh thương mại, NXB Đà nẵng

127022 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG 2

Giúp sinh viên có được những kiến thức cũng như kỹ năng cần thiết để đọc, hiểu các bài học chuyên sâu về hoạt động ngoại thương. Giúp sinh viên có thể tự viết đơn xin việc bằng tiếng Anh, soạn và viết các hợp đồng ngoại thương bằng tiếng Anh.
Tài liệu tham khảo:
- Courtland L. Bovée, John V. Thill (2021), Business communication today, NXB Pearson Education Limited
- Michael Duckworth, John Hughes, Rebecca Turner , Business result. Upper-intermediate: Student's book with online practice, NXB Oxford University Press, 2020

127023 QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc am hiểu môi trường kinh doanh toàn cầu, nhận diện những thách thức và tận dụng cơ hội mang đến cho các doanh nghiệp trong bối cảnh Việt nam tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Nội dung chương trình gồm 3 phần chính: quá trình quốc tế hoá nền kinh tế thế giới, môi trường hoạt động của các công ty kinh doanh quốc tế; các phương thức thâm nhập thị trường thế giới; các chiến lược chức năng mà các công ty kinh doanh quốc tế thực hiện.
Tài liệu tham khảo:
- Charles W. L. Hill, Ngô Thị Ngọc Huyền dịch và hiệu đính ...[và những người khác] (2017), *Kinh doanh quốc tế hiện* đại, Nhà xuất bản kinh tế TP Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thanh Hòa Bình, Lưu Tiến Dũng (2017), *Quản trị kinh doanh quốc tế*, Tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Lạc Hồng.
- John J. Wild & Kenneth L. Wild (2014), *International Business*, Pearson, USA

127024 THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP NGOẠI THƯƠNG

Danh cho sinh viên ngành Ngoại thương bước đầu tiếp cận với môi trường thực tế tại các Công ty – Xí nghiệp về các môn học nghiệp vụ đã được cung cấp lý thuyết tại, ...
Tài liệu tham khảo:
Tạ Văn Lợi (2019), *Nghiệp vụ ngoại thương*, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân

127025 KINH TẾ QUỐC TẾ

Môn học này trình bày các lý thuyết thương mại đầu tư quốc tế, các công cụ can thiệp vào mậu dịch tự do cũng như các hình thức liên kết kinh tế quốc tế, sự dịch chuyển nguồn lực quốc tế, tài chính quốc tế giúp sinh viên nắm vững cơ sở lý luận, phân tích khoa học bản chất của thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng thương mại quốc tế, lợi ích của liên kết kinh tế quốc tế khu vực, toàn cầu.
Tài liệu tham khảo:
- Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Như Bình (2019), *Giáo trình hội nhập kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
- Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai (2019), *Giáo trình kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

127027 THANH TOÁN QUỐC TẾ

Môn học trình bày chi tiết về những kiến thức về thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh hối đoái và vận dụng nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro tỉ giá; các phương tiện thanh toán được sử dụng trong thanh toán quốc tế; nắm vững cách thức lựa chọn và sử dụng các phương thức thanh toán quốc tế trong

hợp đồng ngoại thương
Tài liệu tham khảo:
Gs.Ts Nguyễn Văn Tiến - Ts Nguyễn Thị Hồng Hải Giáo Trình :Thanh Toán Quốc Tế Và Tài Trợ Ngoại Thương, NXB Thống Kê, 2019

127028 THỰC HÀNH KHAI BÁO HẢI QUAN

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về các qui định pháp luật hải quan, nghiệp vụ khai báo hải quan, các quy tắc xuất xứ, kỹ năng sử dụng phần mềm chuyên dùng cho khai báo hải quan điện tử, rèn luyện kỹ năng cập nhật thông tin văn bản pháp luật ứng dụng khi sinh viên ra trường và làm việc tại các công ty kinh doanh xuất – nhập khẩu, đại lý hải quan hoặc tham gia vào đội ngũ của các cán bộ - công chức hải quan.
Tài liệu tham khảo:
- East Asia Business Council (2019), *Ebook on East Asia Customs Procedures*.
- Nguyễn Thanh Hòa Bình. (2020). *Nghiệp vụ khai hải quan*, Tài liệu lưu hành nội bộ ĐH Lạc Hồng.
- Cục Hải quan TPHCM (2019), Cẩm nang nghiệp vụ hải quan TPHCM

127029 QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG

Quản trị quan hệ khách hàng là hoạt động không thể thiếu của các doanh nghiệp. Môn học nghiên cứu bản chất của quan hệ khách hàng và hoạt động quản trị quan hệ khách hàng, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc tổ chức và quản lý hoạt động chăm sóc khách hàng của doanh nghiệp. Phân tích, đánh giá, thiết lập cơ sở dữ liệu khách hàng, xây dựng quy trình quản lý khách hàng, hiểu biết về công nghệ thông tin và tự động hoá ứng dụng trong quản trị quan hệ khách hàng.
Tài liệu tham khảo:
- Francis Buttle, Stan Maklan (2019), *Customer Relationship Management*, *4th edition,* NXB Routledge, Newyork, USA.
- Nguyễn Dương (2020) *Trải Nghiệm Khách Hàng Xuất Sắc,* NXB Thế giới

127030 KỸ NĂNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng thực hành và cập nhật những úng dụng phần mềm tiện ích mới giúp công việc khai thác, và báo cáo xử lý dữ liệu hiệu quả bao gồm sử dụng bảng tính với Ms Excel nâng cao, biên tập trang thông tin điện tử bằng WordPress, ứng dụng Power BI trong trực quan hóa dữ liệu.
Tài liệu tham khảo:
Greg Deckler *(2019) Learn Power BI: A Beginner's Guide to Developing Interactive Business Intelligence Solutions Using Microsoft Power BI*, Packt Publishing, Limited

128008 LUẬT CẠNH TRANH

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường; về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh; các hành vi hạn chế cạnh tranh. Môn học còn trang bị cho sinh viên các kĩ năng cần thiết khi tham gia tố tụng canh tranh.
Tài liệu tham khảo:
Văn bản pháp luật liên quan đến môn học Luật cạnh tranh.
- Luật cạnh tranh năm 2018
- NĐ số 35/2020/NĐ- CP của Chính phủ qui định chi tiết 1 số điều của Luật cạnh tranh 2018
- NĐ số 75/2019/NĐ-CP của Chính phủ qui định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh

128009 LUẬT CHỨNG KHOÁN

Học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về chứng khoán, qui chế pháp lý về các loại hình chứng khoán: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quĩ đầu tư, các công cụ phái sinh; cơ chế pháp lý điều chỉnh hoạt động phát hành các loại chứng khoán trên thị trường sơ cấp; chế độ pháp lý hoạt động chuyển nhượng, mua bán chứng khoán trên thị trường thứ cấp, địa vị pháp lý của chủ sở hữu chứng khoán; các qui định của pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán: tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán, hoạt động tự doanh và quản lý danh mục đầu tư.
Giới thiệu khái quát về thị trường chứng khoán, lịch sử hình thành thị trường chứng khoán, vị trí vai trò của thị trường tài chính nói riêng và nền kinh tế thị trường nói chung. Các loại hình thị trường chứng khoán, chức năng của từng loại thị trường; những nội dung pháp lý cơ bản về chứng khoán, các loại hình chứng khoán; địa vị pháp lý các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán, các chủ thể kinh doanh chứng khoán…
Tài liệu tham khảo:
- Giáo trình Luật Chứng khoán, Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân – 2021.
- Lê Thị Thu Thủy, Giáo trình luật chứng khoán, ĐH QG Hà Nội, 2017
- Quốc hội nước CHXHCNVN, Luật chứng khoán,

NXB Sự thật, 2019

128012 LUẬT ĐẤT ĐAI

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về luật đất đai, quyền và nghĩa vụ trong quản lý và phân phối đất đai cũng như quyền và nghĩa vụ của các chủ thể sử dụng đất.

Các kiến thức cơ bản:

- Khái niệm Luật đất đai: trình bày khái quát các vấn đề cơ bản như sở hữu đất đai; khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguồn của Luật đất đai.
- Quan hệ pháp luật đất đai: trang bị những kiến thức cơ bản của pháp luật đất đai về chủ thể; phân loại đất; quyền và nghĩa vụ của các loại chủ thể quan hệ pháp luật đất đai.
- Quản lý thông tin, dữ liệu và tài chính về đất đai: cung cấp những thông tin mang tính kỹ thuật liên quan đến các hoạt động quản lý đất đai của Nhà nước.
- Điều phối đất đai: bao gồm các hoạt động quan trọng thực hiện quyền sở hữu, quản lý của Nhà nước đối với đất đai để đưa đất đai vào sử dụng một cách hợp lý, hiệu quả.
- Quyền của người sử dụng đất: trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về quyền chung của người sử dụng đất;
- Nghĩa vụ của người sử dụng đất: phần trọng tâm là nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất sẽ được truyền đạt đầy đủ cho sinh viên.
- Xử lý hành vi vi phạm pháp luật đất đai; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai: đây là cơ chế và hoạt động nhằm đảm bảo việc chấp hành pháp luật đất đai của các chủ thể.

Tài liệu tham khảo:

- Lưu Quốc Thái, Phạm Văn Võ, Nguyễn Thị Kiều Oanh (2017) Giáo trình Luật đất đai, TP.HCM, NXB. Hội Luật gia Việt Nam
- Nguyễn Vũ Thiên Kim (2021) Luật đất đai, NXB. Lao động

128014 LUẬT HIẾN PHÁP

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hiến pháp như sự ra đời, đặc điểm, bản chất của hiến pháp; Hiến pháp Tư sản, Hiến pháp xã hội chủ nghĩa; đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, quốc tịch Việt Nam, chế độ bầu cử, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Là hệ thống các vấn đề lý luận và pháp lý về Luật Hiến pháp, môn học được chia thành 2 đơn vị học trình, bao gồm:

- Những vấn đề chung về Luật Hiến pháp, bao gồm: Những vấn đề lí luận cơ bản về khoa học luật hiến pháp, luật hiến pháp và hiến pháp; Chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, chính sách đối ngoại, an ninh, quốc phòng; Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Chế độ bầu cử.
- Những vấn đề về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước gồm các cơ quan trong bộ máy nhà nước như: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án, Viện kiểm sát, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Kiểm toán Nhà nước...

Tài liệu tham khảo:

Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam,* Nxb. Tư pháp, Hà Nội, năm 2019.
Trường Đại học Luật TP. HCM, *Giáo trình bầu cử trong nhà nước pháp quyền*, Nxb Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam, 2017
Hiến pháp 2013
Luật tổ chức Quốc hội 2014 (sửa đổi, bổ sung 2020)
Luật tổ chức chính phủ 2015 (sửa đổi, bổ sung 2019)
Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi, bổ sung 2019)
Luật quốc tịch Việt Nam 2008 (sửa đổi, bổ sung 2014)

128015 LUẬT HÌNH SỰ

Hiểu được khái niệm và nội dung pháp lý của các chế định cơ bản của luật Hình sự: tội phạm, cấu thành tội phạm, giai đoạn phạm tội, đồng phạm, các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi, trách nhiệm hình sự và hình phạt, các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, quyết định hình phạt và các biện pháp trách nhiệm hình sự khác (tha, miễn, giảm).

Nắm bắt được các quy định của pháp luật hình sự về 1 số tội phạm phổ biến: Các tội phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; các tội phạm sở hữu; các tội phạm chế độ hôn nhân và gia đình; Các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; Các tội phạm về chức vụ.

Phân tích khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của Luật hình sự Việt Nam với tư cách là một ngành luật, một ngành khoa học pháp lý hình sự và là một đạo luật của Nhà nước; Những vấn đề lý luận cơ bản về tội phạm và cấu thành tội phạm, khánh thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm; Các giai đoạn thực hiện tội phạm; Đồng phạm; Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi; Trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp tư pháp; Quyết định hình phạt và các biện pháp giảm, miễn hình phạt và thời hạn chấp hành

hình phạt; Trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội;
Phân tích dấu hiệu pháp lý của các loại tội phạm phổ biến và đường lối xử lý đối với tội phạm cụ thể, như: Các tội phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; các tội phạm sở hữu; các tội phạm chế độ hôn nhân và gia đình; Các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; Các tội phạm về chức vụ.
Tài liệu tham khảo:
Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, phần chung Trường Đại học Luật Hà Nội,, NXB Công an nhân dân, năm 2016.
Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, phần các tội phạm (quyển 1), Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam năm 2016
Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, phần các tội phạm (quyển 2), Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam năm 2016

128017 LUẬT KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động kinh donh bất động sản. Trong đó, sinh viên phải xác định được nội hàm của hoạt động kinh doanh bất động sản, các quyền và nghĩa vụ của chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bất động sản, các qui định của pháp luật về hoạt động quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản.
Thông qua môn học, sinh viên sẽ nắm bắt được:
Khái quát chung về thị trường bất động sản.
Các qui định chung của pháp luật về hoạt động kinh doanh bất động sản.
Pháp luật điều chỉnh về hoạt động kinh doanh nhà ở.
Các nghĩa vụ tài chính về đối với người sở hữu, sử dụng bất động sản.
Tài liệu tham khảo:
Giáo trình luật đất đai Trường Đại học Luật HCM, Nxb.Hồng Đức, 2018

128018 LUẬT LAO ĐỘNG

Nội dung phần I gồm các vấn đề sau:
Quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường.
Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật lao động.
Những nguyên tắc của ngành luật.
Quan hệ pháp luật lao động
Giới thiệu khái quát về các chế định của luật lao động.
Nội dung phần II gồm các vấn đề sau:
Các chế định liên quan trực tiếp đến tranh chấp lao động.
Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động.
Tài liệu tham khảo:
Bộ luật lao động 2019
Luật Bảo hiểm xã hội 2014
Luật việc làm 2013
Các văn bản hướng dẫn thi hành

128019 LUẬT MÔI TRƯỜNG

Những khái niệm cơ bản về môi trường thuộc các lĩnh vực : kỹ thuật môi trường, địa môi trường, kinh tế môi trường... tạo cơ sở khoa học cho việc tiếp cận ở mức có thể hiểu và áp dụng được các văn bản pháp quy kỹ và thấy được mối quan hệ giữa khoa học pháp lý về môi trường với các khoa học khác về môi trường.
Khái niệm về luật môi trường: cơ sở ra hình thành, định nghĩa luật môi trường, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật môi trường, các nguyên tắc của luật môi trường, nguồn và cấu trúc nguồn của luật môi trường.
Nội dung của học phần được thể hiện và chuyển tải qua 3 chương:
Chương 1 gồm những vấn đề mang tính tổng quan về luật môi trường;
Chương 2 gồm những vấn đề liên quan đến pháp luật Việt nam về môi trường;
Chương 3 gồm những vấn đề liên quan đến Luật quốc tế về môi trường.
Tài liệu tham khảo: Giáo trình Luật môi trường – Trường ĐH Luật Hà Nội, NXB CAND, năm 2019.

128021 LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm chung luật sở hữu trí tuệ Việt Nam, các đối tượng sở hữu trí tuệ, xác lập quyền, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cơ chế bảo vệ.
Với môn học này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức lý luận chung về luật sở hữu trí tuệ như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ, vấn đề đối tượng của sở hữu trí tuệ, xác lập quyền, thời hạn bảo hộ, quyền và nghĩa vụ của chủ thể, cơ chế bảo hộ. Ngoài ra, nội dung cụ thể về các đối tượng của quyền SHTT như quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, bí mật kinh doanh; quyền đối với giống cây trồng sẽ được đi sâu phân tích, lý giải đề từ đó đề ra cơ chế bảo hộ hữu hiệu đối với từng đối tượng cụ thể.

Tài liệu tham khảo:
- Trường Đại Học Luật Tp. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ,* NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, 2017
- Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019)

128028 PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ

Trang bị khối lượng kiến thức về các lý thuyết về đầu tư trong kinh tế học; các hoạt động đầu tư nhằm mục đích kinh doanh; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư; Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; Khuyến khích và ưu đãi đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài. Ngoài ra, nội dung giảng dạy còn khái quát những lý thuyết về hiệu quả kinh tế trong thực thi pháp luật về đầu tư tại Việt Nam.
Học phần bao gồm những vấn đề cơ bản của pháp luật về đầu tư Việt Nam: Những vấn đề lý luận cơ bản về đầu tư và pháp luật đầu tư; các hình thức đầu tư; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư; các biện pháp đầu tư, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư; thủ tục đầu tư, triển khai dực án đầu tư; hoạt động đầu tư kinh doanh vốn nhà nước và đầu tư ra nước ngoài.
Tài liệu tham khảo:
Giáo trình luật đầu tư, Trường ĐH Luật Hà Nội, NXB CAND, 2015

128030 PHÁP LUẬT VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về thương mại điện tử;các nguyên tắc của việc giao kết hợp đồng thương mại điện tử, trình tự, thủ tục giao kết hợp đồng thương mại điện tử; những hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử và cơ chế bảo vệ người tiêu dùng trong giao dịch thương mại điện tử.
Học phần pháp luật về thương mại điển tử bao gồm các khái niệm và các đặc điểm cơ bản của thương mại điện tử, các hình thức của thương mại điện tử, những vấn đề pháp lý quan trong của hợp đồng thương mại điện tử, những vấn đề cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, cơ chế bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử.
Tài liệu tham khảo:
Giáo trình Thương mại điện tử, Khoa QTKD - trường ĐH Công Nghiệp TP.HCM 2018

128032 TƯ PHÁP QUỐC TẾ

Giúp sinh viên tìm hiểu hệ thống những nguyên tắc và quy phạm pháp luật được xây dựng nhằm điều chỉnh quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài; vai trò của tư pháp quốc tế với đời sống sinh hoạt quốc tế, quyền lợi của các chủ thể tham gia quan hệ Tư pháp quốc tế.
Tài liệu tham khảo:
Trường Đại học Luật TP. HCM. giáo trình Tư pháp quốc tế (Phần chung), Nxb Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, 2016
Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.
Incoterms 2020; UCP 600 của ICC
Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý giữa CHXHCN Việt Nam và các nước.

128033 TƯ VẤN PHÁP LÝ TRONG DOANH NGHIỆP

Với các kiến thức đã được trang bị ở các môn học: Luật Dân sự;chủ thể kinh doanh, thương mại hàng hóa và dịch vụ, cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, thương mại quốc tế, tố tụng dân sự, lao động, sinh viên sẽ có được khối lượng kiến thức tổng hợp, vững vàng trong việc tư vấn cho doanh nghiệp tất cả các vấn đề liên quan đến văn bản, hợp đồng, cố vấn tranh tụng, triển khai hoạt động kinh doanh đúng pháp luật, hạn chế rủi ro trong kinh doanh.
Nghiên cứu, thu thập các thông tin pháp luật cần thiết; cập nhật các văn bản pháp luật, các quy định mới ban hành của các cơ quan có thẩm quyền liên quan tất cả các lĩnh vực thuộc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
Nội dung chính của học phần là: Áp dụng các quy định của pháp luật về các môn học liên quan trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp nhằm đảm bảo nền tảng pháp lý cho tất cả mọi hoạt động của doanh nghiệp; làm rõ hình thức tổ chức công tác pháp chế trong doanh nghiệp; mối quan hệ giữa tổ chức pháp chế trong doanh nghiệp với hoạt động tổ chức, quản lý nội bộ doanh nghiệp; tổ chức pháp chế trong doanh nghiệp với các hoạt động bên ngoài, với các hình thứ tư vấn khác nhằm phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp.
Tài liệu tham khảo:
Nguyễn Bá Bình (Chủ biên), Nghề luật – những nghĩ suy, NXB Tư pháp, 2017
Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Nghiệp vụ của luật sư về tư vấn pháp luật, tư vấn hợp đồng, NXB Thống kê, 2018

128035 CÁC CƠ QUAN VÀ TỔ CHỨC TƯ PHÁP

- Các cơ quan và tổ chức Tư pháp là môn học tự chọn, cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và tổ chức, bộ máy của các cơ quan tư pháp của Nhà nước như: Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra,

Cơ quan thi hành án (Hình sự và Dân sự). Bên cạnh đó, môn học còn cung cấp những kiến thức cần thiết về các tổ chức bổ trợ tư pháp hiện nay như: Đoàn Luật Sư; Các Văn phòng Luật sư; Các Tổ chức giám định Tư pháp; Các Trung tâm tư vấn pháp luật; Các Văn phòng Công chứng; Các doanh nghiệp Bán đấu giá tài sản; Các Văn phòng thừa phát lại.

Tài liệu tham khảo:

❖ Sách, giáo trình chính:

- Trần Việt Dũng, đào tạo luật thông qua mô hình phiên tòa giả định, Nxb Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TP. HCM, 2016
- TS. Phan Hữu Thư, Kỹ năng hàng nghề luật sư, NXB Công an nhân dân, 2017
- Văn bản quy phạm pháp luật:

1. Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014;
2. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;
3. Luật Công chứng năm 2014;
4. Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015
5. Luật Thi hành án Hình sự năm 2011
6. Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015
7. Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)
8. Bộ luật Tố tụng Dân sự sự năm 2015
9. Luật Công chứng năm 2014
10. Luật Luật sư năm 2006 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2012);

❖ **Website:**

1. Website:http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc
2. Website: http://www.vksndtc.gov.vn/.
3. Website: http://liendoanluatsu.org.vn/

❖ **Tạp *chí, báo tham khảo***

- Tạp chí Luật học
- Tạp chí Nhà nước và pháp luật
- Tạp chí Dân chủ và pháp luật
- Tạp chí nghiên cứu lập pháp (www.nclp.org.vn)
- Tạp chí Tổ chức nhà nước
- Tạp chí Toà án nhân dân
- Báo Pháp luật Việt Nam
- Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh

128045 PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

Học Phần pháp luật thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc cơ bản của Luật thương mại Việt Nam; đối tượng, phạm vi và phương pháp điều chỉnh của luật thương mại, quy định về thương nhân – một trong những chế định cơ bản của luật thương mại; quyền và nghĩa vụ của thương nhân trong hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại chủ yếu của thương nhân, các chề tài trong hoạt động thương mại theo qui định của Luật Thương mại 2005.

Học phần pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển hệ thống pháp luật thương mại Việt Nam; những vấn đề lý luận cơ bản về thương nhân; áp dụng pháp luật đối với hoạt động thương mại; về hoạt động mua bán hàng hóa, hoạt động cung ứng dịch vụ; một số vấn đề lý luận cơ bản về trung gian thương mại; một số nội dung cơ bản nhất về chế tài trong hoạt động thương mại và phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại bằng trọng tài.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Pháp luật về thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ, *Trường ĐH Luật TP.HCM,* NXB Hồng Đức, 2018.
- Luật Thương mại năm 2005
- Các Văn bản hướng dẫn thi hành

128046 PHÁP LUẬT VỀ CHỦ THỂ KINH DOANH

Nắm vững địa vị pháp lý của các loại hình tổ chức kinh tế và hộ kinh doanh tại Việt Nam hiện nay và các quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Học phần chủ thể kinh doanh nghiên cứu địa vị pháp lý của chủ thể kinh doanh và pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cụ thể gồm: Quy chế pháp lý về thành lập và quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, vấn đề tổ chức lại và giải thể sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; dấu hiệu doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Pháp luật về Chủ thể kinh doanh, Trường Đại học Luật TP. HCM, NXB Hồng Đức, 2016.

128047 LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có thể nắm bắt được những nội dung cơ bản như: Nguồn gốc của nhà nước và pháp luật; các kiểu nhà nước và pháp luật; hình thức nhà nước, bộ máy nhà nước; Nhà nước CHXHCNViệt Nam. Hiểu, phân tích và đánh giá được các hiện tượng pháp lý trên thực tế như: Quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật; Pháp chế; cơ chế điều chỉnh pháp luật.

Tài liệu học tập:

- Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật, Trường Đại học Luật Hà Nội - NXB Tư pháp, Hà Nội, 2020.
- Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, năm 2020
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2020)

128050 LUẬT LAO ĐỘNG

Nội dung phần I gồm các vấn đề sau:
Quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường.
Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật lao động.
Những nguyên tắc của ngành luật.
Quan hệ pháp luật lao động
Giới thiệu khái quát về các chế định của luật lao động.
Nội dung phần II gồm các vấn đề sau:
Các chế định liên quan trực tiếp đến tranh chấp lao động.
Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động.
Tài liệu tham khảo:
Bộ luật lao động 2019
Luật Bảo hiểm xã hội 2014
Luật việc làm 2013
Các văn bản hướng dẫn thi hành.

128053 CÔNG PHÁP QUỐC TẾ

Môn học cung cấp:
- Khái niệm, sự hình thành luật quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản; Nguồn của luật quốc tế.
- Nghiên cứu quốc gia và những vấn đề pháp lý liên quan đến quốc gia.
- Nghiên cứu các vấn đề pháp lý liên quan đến quốc tịch và những vấn đề pháp lý khác liên quan đến dân cư trong quan hệ quốc tế.
- Nghiên cứu các vấn đề pháp lý liên quan đến lãnh thổ quốc gia.
- Nghiên cứu các vấn đề pháp lý liên quan đến biên giới quốc gia.
- Nghiên cứu khái niệm, cách xác định và quy chế pháp lý của các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền quốc gia
- Nghiên cứu các vấn đề pháp lý liên quan đến pháp luật quốc tế điều chỉnh quan hệ ngoại giao và lãnh sự .

Tài liệu tham khảo:
- Giáo trình Công pháp quốc tế - Phần chung (2016), TP.HCM, NXB. Hội Luật gia Việt Nam
- Giáo trình Công pháp quốc tế - Quyển 2 (2016), TP.HCM, Hội Luật gia Việt Nam
- Giáo trình Công pháp quốc tế - Quyển 2 (2019) TP.HCM, ĐH Luật TP.HCM
- Luật quốc tế - Lý luận và thực tiễn – TS. Trần Văn Thắng – ThS. L Mai Anh – NXB Giáo dục, H Nội 2001
- Hiến chương LHQ
- Công ước Viên 1969 về Luật điều ước quốc tế
- Các văn bản Công pháp quốc tế và các văn bản pháp luật Việt Nam có liên quan – NXB chính trị quốc gia năm 2010

128055 LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tham nhũng, phòng chống tham nhũng; các quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng cũng như việc phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng; Việc thu hồi tài sản trong quá trình xử lý tham nhũng; Vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và xã hội trong quá trình phòng, chống tham nhũng
Tài liệu tham khảo
Luật phòng chống tham nhũng 2018
ThS Nguyễn Mạnh Cường (chủ biên), Pháp luật về phòng chống tham nhũng và xử lý các hành vi phạm tội, NXB Lao động, 2020

128056 LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

Môn học "Luật trọng tài thương mại" cung cấp hệ thống kiến kiến thức về pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại (tranh chấp tư) bằng trọng tài.
Môn học giúp sinh viên nắm vững những qui định pháp luật về trọng tài, thỏa thuận trọng tài, trọng tài viên..., phương thức tố tụng trọng tài như cuộc họp giải quyết, phán quyết và thi hành quyết định trọng tài...
Tài liệu tham khảo:
- Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC), 2018. Trọng tài và phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn.
- Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam, 2018. 50 phán quyết trọng tài quốc tế chọn lọc.
- Luật trọng tài thương mại năm 2010
- Các văn bản hướng dẫn thi hành

128058 KỸ THUẬT SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

Môn học trang bị cho sinh viên nắm vững các kỹ thuật soạn thảo các loại hợp đồng thương mại; nắm vững kỹ năng rà soát, xem xét các loại hợp đồng thương mại phổ biến trong hoạt động thương mại của các chủ thể kinh doanh. Đồng thời môn học cũng hệ thống lại những kiến thức chung về hợp đồng và các loại hợp đồng trong hoạt động thương mại bao gồm: Khái quát chung về hợp đồng trong

thương mại, phân loại hợp đồng trong thương mại, các nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng trong thương mại, chủ thể và thẩm quyền giao kết hợp đồng trong hoạt động thương mại, quyền và nghĩa vụ các bên trong quá trình thực hiện và giải quyết tranh chấp hợp đồng trong thương mại trong các loại hợp đồng cụ thể. Nội dung này là cơ sở giúp sinh viên thực hiện tốt kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại.

Tài liệu tham khảo:

Tập bài giảng "Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại" Đoàn Nguyễn Minh Thuận – Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ, 2017

128059 KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ thuật soạn thảo văn bản như là: Hình thức của văn bản, kỹ năng soạn thảo văn bản, thể thức chung của văn bản, Cách thức trình bày của các thể thức trong văn bản. Đồng thời, những nội dung về sử dụng ngôn ngữ, các loại câu và dấu câu trong văn bản cũng như cách thức soạn thảo, trình bày, bố cục, ngôn ngữ sử dụng trong từng loại văn bản thông dụng sẽ được cung cấp đầy đủ và chuẩn mực nhất cho người học.

Tài liệu tham khảo:

- Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình xây dựng văn bản pháp luật*, NXB Tư pháp, 2021
- Nghị định 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư

128060 LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và Luật hành chính như: quản lý hành chính nhà nước; ngành luật hành chính, quan hệ pháp luật hành chính, nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; quyết định hành chính, địa vị pháp lý của cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ công chức nhà nước, tổ chức xã hội và cá nhân, vi phạm hành chính và cưỡng chế hành chính; thủ tục hành chính, tố tụng hành chính. Đồng thời, môn học cũng giúp cho sinh viên có những kiến thức cần thiết để vận dụng vào thực tiễn công tác quản lý hành chính nhà nước sau này

Tài liệu tham khảo:

- Trường ĐH Luật Hà Nội, G*iáo trình Luật hành chính Việt Nam*, NXB Tư pháp Hà Nội, 2019
- Trường ĐH Luật TP. HCM, *Giáo trình Luật Tố tụng hành chính Việt Nam*, Nxb Hồng Đức- Hội Luật gia Việt Nam, 2020

128061 LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Trang bị cho sinh viên kiến thức về các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử, các khái niệm: hôn nhân, gia đình, luật HN&GĐ, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật HN&GĐ Việt Nam, quy định của pháp luật hiện hành kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật, quan hệ vợ chồng, quan hệ cha, mẹ, con, cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình, ly hôn, quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Qua đó:

- Giúp sinh viên hiểu vị trí của LHN&GĐ cũng như mối quan hệ giữa pháp luật hôn nhân gia đình với các quan hệ pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- Giúp sinh viên phân biệt các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình như: kết hôn, quan hệ vợ chồng, quan hệ cha, mẹ, con, cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình, ly hôn, … từ đó có thể đối chứng với thực trạng các vấn đề liên quan trong đời sống xã hội và rèn luyện kỹ năng nhận biết và phân tích những vấn đề mang tính pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.
- Giúp sinh viên vận dụng một số quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình để giải quyết các tình huống liên quan trong thực tiễn thông qua việc phân tích, phản biện các vấn đề liên quan.

Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình (2018), Trường Đại học Luật TP.HCM, NXB Hồng Đức.

128062 PHÁP LUẬT VỀ CHỦ THỂ KINH DOANH

Nắm vững địa vị pháp lý của các loại hình tổ chức kinh tế và hộ kinh doanh tại Việt Nam hiện nay và các quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Học phần chủ thể kinh doanh nghiên cứu địa vị pháp lý của chủ thể kinh doanh và pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cụ thể gồm: Quy chế pháp lý về thành lập và quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, vấn đề tổ chức lại và giải thể sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; dấu hiệu doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Tài liệu tham khảo:

- Đại học Luật TP. HCM, Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh, Nxb Hồng đức-Hội Luật gia Việt Nam, 2016
- Luật Doanh nghiệp năm 2020
- Nghị định 01/2021/NĐ-CP quy định về đăng ký

doanh nghiệp

128063 TÌM HIỂU VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ LUẬT

Định hướng cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên Luật những kiến thức tổng quát về các lĩnh vực pháp lý, tạo tiền đề thuận lợi cho sinh viên lựa chọn được công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.
Tài liệu tham khảo:
- Trần Việt Dũng, đào tạo luật thông qua mô hình phiên tòa giả định, Nxb Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TP. HCM, 2017

128066 LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VÀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Hiểu khái niệm, nhiệm vụ, nguồn của luật tố tụng dân sự; khái niệm, thành phần chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự và địa vị pháp lý của các chủ thể trong tố tụng dân sự và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự…
Các kiến thức cơ bản:
Nghiên cứu những vấn đề chung về tố tụng dân sự như: Khái niệm và các nguyên tắc của luật tố tụng dân sự Việt Nam; cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; chứng minh, chứng cứ trong tố tụng dân sự và các vấn đề tố tụng khác.
Nghiên cứu các giai đoạn tố tụng dân sự như: khởi kiện vụ án dân sự; chuẩn bị xét xử; xét xử sơ thẩm và phúc thẩm vụ án dân sự; xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm...; thủ tục giải quyết các việc dân sự; thi hành án dân sự.
Tài liệu tham khảo:
ĐH Luật TPHCM, Giáo trình Luật tố tụng dân sự, NXB Hồng Đức, 2018

128070 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LUẬT HỌC

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học luật, phương pháp thực hiện một công trình khoa học luật, ý nghĩa của nghiên cứu khoa học luật
Tài liệu tham khảo
TS. Phan Trung Hiền, Phương pháp nghiên cứu khoa học luật, ĐH Cần Thơ, 2018.
PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện, Một số vấn đề lý luận về các phương pháp nghiên cứu và phân tích luật viết, Nxb Tư pháp 2018.

128072 LUẬT DÂN SỰ 1

Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức
+ Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về pháp luật dân sự nói chung và chế định sở hữu, tài sản và thừa kế như: Khái niệm chung luật Dân sự, Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự; Chủ thể, Khách thể, Nội dung quan hệ pháp luật Dân sự;...
+ Trang bị cho sinh viên những kiến thức luật dân sự chuyên sâu cần thiết như: Giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu dân sự; Tài sản, sở hữu, thừa kế trong luật Dân sự... Đồng thời, thông qua việc giải quyết các tình huống của môn học cũng giúp cho sinh viên có những kiến thức cần thiết để vận dụng vào thực tiễn công tác nghiên cứu, tư vấn sau này.
- Về kỹ năng
+ Nắm bắt nội dung kiến thức chung về luật dân sự từ đó có khả năng tư duy, phân tích các quy định chung về luật dân sự, các văn bản hướng dẫn luật dân sự về: Chủ thể luật dân sự, Giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu dân sự; Tài sản, sở hữu, thừa kế...
+ Áp dụng được các kiến thức đã học để xử lý các tình huống liên quan trong thực tiễn cuộc sống, như các vấn đề về thời hạn, thời hiệu, giao dịch dân sự như xác định giao dịch có hiệu lực pháp luật hay vô hiệu; hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu và vấn đề lợi ích của người thứ ba...
+ Có khả năng nhận xét, đánh giá nội dung các vấn đề lý luận chung luật dân sự trong mối quan hệ với với thực tiễn. Có thể đề xuất những kiến nghị nhằm hoàn thiện luật dân sự trong bối cảnh lịch sử tương ứng.
Tài liệu học tập:
Sách, giáo trình chính
- Giáo trình Luật dân sự, tập 1, Trường Đại học Luật TP.HCM, NXB Hồng Đức, 2018
Tài liệu tham khảo:
- Giáo trình luật dân sự, tập 1, Đại học quốc gia Hà Nội, NXB quốc gia, 2019
- Giáo trình luật dân sự, Học viện Tư pháp, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2016
- Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành

128073 LUẬT DÂN SỰ 2

Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về chế định Hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và những kiến thức luật dân sự chuyên sâu cần thiết về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng
Là hệ thống các vấn đề lý luận chung về chế định hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, học phần này được chia thành 2 đơn vị học trình, bao

gồm:
- Những vấn đề chung về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự, bao gồm: Khái niệm chung về nghĩa vụ dân sự (Quan hệ pháp luật nghĩa vụ dân sự, Chủ thể của quan hệ pháp luật nghĩa vụ dân sự, phân loại nghĩa vụ dân sự, thực hiện nghĩa vụ dân sự,…),Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự (Khái niệm chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự); Hợp đồng dân sự (Lý luận chung về hợp đồng dân sự, giao kết và thực hiện hợp đồng dân sự, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng dân sự); Một số nội dung cơ bản của một số hợp đồng dân sự thông dụng (Hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng mua bán nhà ở, hợp đồng tặng cho tài sản,…)
- Nghiên cứu chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, như:Khái niệm trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong một số trường hợp cụ thể,…).

Tài liệu tham khảo:
- Giáo trình luật dân sự, tập 2, Đại học quốc gia Hà Nội, NXB quốc gia, 2019
- Giáo trình luật dân sự, Học viện Tư pháp, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2016
- Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành

128076 LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ

Sinh viên hiểu được các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Trình tự khởi tố vụ án hình sự, điều tra vụ án hình sự, truy tố, xét xử vụ án hình sự và thủ tục thi hành bản án hình sự.

Các kiến thức cơ bản:

Nghiên cứu nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; chứng cứ trong luật tố tụng hình sự; những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự.

Nghiên cứu quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự, điều tra vụ án hình sự; truy tố; xét xử sơ thẩm; thủ tục phúc thẩm; thi hành bản án, quyết định đã có hiệu pháp luật; xét lại bản án quyết định đã có hiệu pháp luật; thủ tục tố tụng đối với vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên; hoạt động khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự; Hợp tác quốc tế trong Tố tụng hình sự.

Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Luật tố tụng hình sự, Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, năm 2018

128077 TƯ DUY PHÁP LÝ

Nghien cuu các quy luật cơ bản của tư duy và các lỗi ngụy biện phổ biến trong tranh luận; các phương pháp tư duy pháp lý căn bản; Các kỹ thuật trong hoạt động áp dụng pháp luật, thực hiện pháp luật…; Phương pháp giải thích pháp luật và vấn đề Tư duy pháp lý của hai hệ thống pháp luật lớn trên thế giới hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

Giáo trình tư duy pháp lý (đồng chủ biên: PGS. TS. Nguyễn Minh Tuấn & PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh), Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019

128078 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH LUẬT

Môn học bao hàm nhiều từ vựng về pháp luật. Các chủ đề gồm có luật công ty, luật thương mại, trách nhiệm pháp lý, luật bất động sản, luật lao động, luật công nghệ thông tin, luật hợp đồng và luật sở hữu trí tuệ. Môn học này còn giới thiệu các thuật ngữ pháp luật thông dụng liên quan đến các hệ thống pháp luật, cũng như các ngôn ngữ chuyên ngành cần thiết cho công việc hằng ngày của các luật sư.
- Professional English in Use-Law- Cambridge
- Legal Correspondence-Oxford (quyển sổ tay dành cho luật sư và sinh viên ngành luật)
- International Legal English- Cambridge + 1 Audio CD.

Tài liệu tham khảo:
- Martin Partington, Introduction to the English Legal System 2019-2020, Oxford University Press, 14th edition (July 16, 2019)
- Steve Wilson, Helen Rutherford, Tony Storey, Natalie Wortley, and Birju Kotecha, English Legal System, Fourth Edition, Oxford University Press, 2020
- Alisdair Gillespie and Siobhan Weare, The English Legal System, Eighth Edition, Oxford University Press, 2020
- KPMG International limited Publish; Vietnam Tax and Legal Handbook 2020

128079 PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

Môn học này giúp sinh viên nắm bắt những quy định của pháp luật về chế độ đăng ký, kê khai, nộp thuế đối với tất cả các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt nam, các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế.

Nội dung chính của môn học là: khái niệm, vai trò và cách thức phân loại thuế; bản chất pháp lý của những yếu tố cơ bản cấu thành nên một sắc thuế; các nguyên tắc và yêu cầu của việc xây dựng hệ thống pháp luật thuế Việt nam, vai trò, mục tiêu của các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt nam; những đặc trưng cơ bản của các sắc thuế: giá

trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu - nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường; những quy định của pháp luật đối với các loại thuế nêu trên, xử lý vi phạm pháp luật về thuế.

Tài liệu tham khảo:

ĐH Luật TPHCM, Giáo trình Pháp luật thuế, NXB Hồng Đức, 2018

128080 LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có được những kiến thức cơ bản có tính hệ thống về sự đời, tồn tại và phát triển của một số nhà nước điển hình trên thế giới qua từng thời kỳ, đặc biệt là nhà nước và pháp luật Việt Nam. So sánh, phân tích được những quy định về tổ chức hoạt động của nhà nước và nội dung khác của pháp luật qua các giai đoạn phát triển của lịch sử. Nhận diện, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa pháp lý nhân loại, đặc biệt là giá trị truyền thống, bản sắc dân tộc ta trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay ở nước ta. Cùng với tri thức của các môn học khác, người học có thể giải thích những hiện tượng pháp lý trong đời sống hiện đại, dự báo sự phát triển của nhà nước và pháp luật trong tương lai.

Tài liệu học tập:

Giáo trình

- Nguyễn Thị Thương Huyền, Dương Hồng Thị Phi Phi, Hoàng Việt (2017), Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam, Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức.

Sách chuyên khảo

- Đinh Gia Trinh: Sơ thảo lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1968.
- Đại việt sử kí toàn thư, tập 1, 2, 3, 4. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1993.
- Đỗ Bang, Tổ chức Bộ máy nhà nước triều Nguyễn giai đoạn 1802 – 1884, NXB Thuận Hóa, 1997.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (1963); Đại Nam thực lục chính biên, NXB Sử học, Hà Nội.
- Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn, NXB Giáo dục, Hà Nội 1960, tập 1.
- Trần Văn Giàu: Vai trò của quần chúng trong sự thay đổi các triều đại Lý, Trần, Hồ, Tâp san Đại học sư phạm , Hà Nội, số 1, 1955.
- Trần văn Giàu: Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử, NXB Thành phố Hồ Chí Minh 1993.
- Phan Trọng Hòa, Lịch sử nhà nước và pháp luật tư bản, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2001
- Cao Văn Liên, Phác thảo lịch sử thế giới, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2003
- Lê Nết dịch, Luật La Mã, Trường đại học Luật TP.HCM, TP.HCM, 1999
- Lương Ninh (chủ biên), Lịch sử thế giới cổ đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001
- Lương Ninh (chủ biên), Lịch sử thế giới cận đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001
- Nguyễn Gia Phu (chủ biên), Lịch sử thế giới trung đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001
- Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch, Lịch sử văn minh Ấn Độ, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004
- Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch, Lịch sử văn minh Trung Hoa, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004

Văn bản quy phạm pháp luật

- Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức), NXB Tư pháp, Hà Nội 1991.
- Một số văn bản pháp luật Việt Nam Thế kỷ XV - Thế kỷ XVIII, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1994.
- Hoàng Việt luật lệ, Nguyễn Văn Thành, Vũ trinh, Trần Hựu, NXB Văn hoá- Thông tin

128081 LUẬT NGÂN HÀNG

Sinh viên có được kiến thức lý luận về lĩnh vực ngân hàng cũng như các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, các quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng.

Hiểu được định địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt nam, địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng, tầm quan trọng của hoạt động ngân hàng và pháp luật ngân hàng trong nền kinh tế.

Nắm vững những quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, các quy định của pháp luật về cơ cấu, tổ chức và hoạt động của các tổ chức tín dụng.

Nội dung của môn học bao gồm:

Những vấn đề lý luận chung về ngân hàng và pháp luật ngân hàng

Địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng

Pháp luật về quản lý nhà nước về tiền tệ và ngoại hối.

Pháp luật điều chỉnh hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng

Pháp luật về dịch vụ thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong pháp luật ngân hàng.

Tài liệu tham khảo:

ĐH Luật TPHCM, Giáo trình Luật ngân hàng, NXB Hồng Đức, 2018

128082 LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU

DÙNG

Môn học cung cấp các kiến thức về những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở Việt Nam; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với người tiêu dùng; phương thức giải quyết tranh chấp; chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Trường ĐH Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, 2018.
- Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành

128083 LUẬT TÀI CHÍNH

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về tài chính và các qui định về tài chính, các qui định về nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp với nhà nước, cách phân tích tính đúng đắn về mới quan hệ tài chính của các khâu tài chính trong hệ thong tài chính. Môn học còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các qui định của pháp luật vào trong các tình huống thực tế để giải quyết mối quan hệ giữa doanh nghiệp và nhà nước về nghĩ vụ tài chính, về các mối quan hệ phát sinh trong quá trình quản lý tào chính của nhà nước.

Tài liệu tham khảo

- Đề cương môn Luật NSNN, ĐH Luật TPHCM, 2020:
- Giáo trình Luật Ngân sách nhà nước của trường, Đại học luật Hà Nội, 2018

129001 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Môn quản trị doanh nghiệp dành cho sinh viên đại học chuyên ngành tài chính - kế toán nhằm trang bị cho học viên những kiến thức về:

- Các loại hình doanh nghiệp
- Cách thức tổ chức bộ máy doanh nghiệp
- Cách thức bố trí máy móc thiết bị hợp lý
- Cách thức tăng hiệu quả trong lao động
- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thanh Hội (2002), *Giáo trình Quản trị nhân sự*, NXB Thống kê (Tài liệu không tái bản).
- Đồng Thị Thanh Phương (2008), *Giáo trình Quản trị Doanh nghiệp*, NXB Thống kê (Tài liệu không tái bản).
- Đồng Thị Vân Hồng (2010), *Giáo trình Quản trị Doanh nghiệp*, NXB Lao động (Tài liệu không tái bản).
- Ngô Kim Thanh (2013), G*iáo trình Quản trị Doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân (Tài liệu không tái bản).

129002 THANH TOÁN QUỐC TẾ

Môn học Thanh toán quốc tế là môn học mang tính tác nghiệp rất cao, là môn học nghiệp vụ chính của sinh viên chuyên ngành Tài chính Ngân hàng và Ngoại thương, là môn bổ trợ cho sinh viên các chuyên ngành kinh tế khác.

Môn học Thanh toán quốc tế gồm hai phần chính: Phần một tìm hiểu chuyên sâu về các lĩnh vực: tỷ giá hối đoái, thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ (Spot, Arbitrage, Forward, Swap, Options, Futures Market); phần hai tìm hiểu các phương tiện thanh toán quốc tế (Bill of Exchange, Promissory Note, Cheque, Payment Card), các phương thức thanh toán quốc tế (T/T, Open Account, COD – CAD, L/C, Collection) và bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Ngọc Thị Kim Loan (2020), Giáo trình lưu hành nội bộ Thanh toán quốc tế, Khoa Tài chính – Kế toán trường Đại học Lạc Hồng
- Trầm Thị Xuân Hương, ... [và những người khác] (2008) , Thanh toán quốc tế, NXB Lao động xã hội. (Tài liệu không tái bản)
- Lê Phan Thị Diệu Thảo, Lê Thị Anh Đào, Nguyễn Phước Kinh Kha, ... [và những người khác] (2014), Giáo trình thực hành nghiệp vụ thanh toán quốc tế, NXB Phương Đông. (Tài liệu không tái bản)
- Nguyễn Minh Kiều, Võ Thị Tuyết Anh, Hoàng Thị Minh Ngọc, Phan Chung Thủy (2014), Bài tập và bài giải thanh toán quốc tế, NXB Lao động xã hội. (Tài liệu không tái bản)
- Charles W.L. Hill (2005), International Business, McGraw-Hill/Irwin, New York. (Tài liệu không tái bản)
- Donald A. Ball (2008), International business: the challenge of global competition, McGraw-Hill/Irwin. (Tài liệu không tái bản)

129010 THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư là môn học mang tính tổng hợp và thực tiễn cao. Môn học này giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học ở những môn quản lý chức năng, xây dựng kế hoạch, trực tiếp tham gia soạn thảo một số phần của dự án tiền khả thi và khả thi.

Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ

bản trong việc nhận diện các cơ hội đầu tư để xác định ý tưởng hình thành dự án; Lập và thẩm định một dự án đầu tư cụ thể. Đồng thời môn học này cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng xây dựng các mô hình tài chính và các phương pháp phân tích rủi ro trong việc đánh giá hiệu quả dự án đầu tư.
Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiết lập và thẩm định một dự án đầu tư đồng thời cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức hiện đại về phân tích ngân lưu của một dự án, các quan điểm khác nhau trong thẩm định dự án đầu tư, đánh giá rủi ro của một dự án.
Sau khi học môn này sinh viên sẽ đạt được những kỹ năng sau:
+ Nắm bắt được các kiến thức cơ bản về dự án đầu tư.
+ Nắm bắt được các nội dung và yêu cầu cần thiết để lập một dự án, sinh viên có thể thiết lập và thẩm định dự án một cách khoa học.
+ Nắm bắt được các yêu cầu, nội dung và phương pháp thẩm định dự án
+ Đánh giá tính khả thi, hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế xã hội của một dự án.
Tài liệu tham khảo:
- Haukuringi Inji Jonasson, Hoạch định chiến lược dự án, NXB Thế Giới, 2020
- Haukuringi Inji Jonasson, Lãnh đạo dự án, NXB Thế Giới, 2020
- Nguyễn Quốc Ấn, Phạm Thị Hà, Phan Thị Thu Hương, Nguyễn Quang Thu, Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư: lý thuyết và bài tập, NXB Thống kê, 2007(Tài liệu không tái bản)
- Trần Văn Quyền, Lữ Phi Nga, Lê Thuỳ Trang, Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư, Khoa TC-KT (LHU), 2014. (Tài liệu lưu hành nội bộ)
- Phạm Xuân Giang, Lập - Thẩm định và quản trị dự án đầu tư, NXB Tài chính, 2010 (Tài liệu không tái bản)
- Nguyễn Quang Thu, Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư: lý thuyết và bài tập, NXB Thống kê, 2009 (Tài liệu không tái bản)
- Đỗ Phú Trần Tình, Lập và thẩm định dự án đầu tư: lý thuyết, tình huống, bài tập, NXB Giao thông vận tải, 2009. (Tài liệu không tái bản)
- Đặnh Minh Trang, Tính toán dự án đầu tư, NXB Thống Kê, 2002(Tài liệu không tái bản)

129012 THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Học phần này cung cấp tổng quan về thị trường tài chính và thị trường chứng khoán; nguồn cung ứng chứng khoán; niêm yết và phát hành chứng khoán; các loại chứng khoán; phương thức giao dịch trên thị trường chứng khoán; phân tích và lưa chọn danh mục đầu tư.
Tài liệu tham khảo:
- Ross Westerfield Jafee, Corporate Finance, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM – 2019.
- Bùi Văn Vần, Tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính, 2015 (Tài liệu chưa có tái bản mới)
- Trần Văn Quyền (2018), Thị trường chứng khoán, Đại học Lạc Hồng, tài liệu nội bộ.

129030 NGHIỆP VỤ XUẤT NHẬP KHẨU

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, giúp họ hiểu biết về các công tác giao dịch, hiểu cách soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp có hoạt động mua bán với thương nhân nước ngoài.
Tài liệu tham khảo:
- Võ Thanh Thu "Kỹ Thuật Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu", Lao động xã hội, 2006 (Tài liệu không tái bản)
- Hà Thị Ngọc Oanh, Giáo trình Kỹ thuật kinh doanh thương mại quốc tế, Lao động xã hội, 2014(Tài liệu không tái bản)
- Bùi Xuân Lưu, Nguyễn Hữu Khải "Giáo tình Kinh tế ngoại thương" NXB Lao Động Xã Hội 2014 (Tài liệu không tái bản)
- Nguyễn Văn Luyện, Lê Thị Bích Thọ, Dương Anh Sơn "Giáo trình Luật hợp đồng thương mại quốc tế", NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM 2007. Luật Doanh Nghiệp Việt Nam. (Tài liệu không tái bản)
- Charles W.L. Hill, "International Business", McGraw-Hill/Irwin, New York.
- Courtland L. Bovee, John V. Thill, Business communication today, Courtland L. Bovee, John V. Thill, Pearson, 2012 (Tài liệu không tái bản)

129044 KẾ TOÁN CHI PHÍ

Học phần kế toán chi phí giá thành bao gồm những kiến thức về các phương pháp tính giá thành, cách phân loại chi phí, phân tích biến động chi phí.
Tài liệu tham khảo:
- Đoàn Ngọc Quế, Phạm Văn Được, Huỳnh Lợi, Kế toán chi phí (2013), – Đại học kinh tế TP.HCM, NXB Kinh Tế TP.HCM, 2013. (Tài liệu không tái bản)
- Huỳnh Lợi (2010), Kế toán chi phí, NXB Giao thông vận tải. (Tài liệu không tái bản)
- Phan Đức Dũng (2009), Kế toán chi phí giá thành: Lý thuyết, bài tập và bài giải, NXB Thống Kê. (Tài liệu không tái bản)
- Nguyễn Khắc Hùng (2011), Kế toán chi phí, NXB Lao động. (Tài liệu không tái bản)

129048 KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

Học phần này bao gồm những kiến thức chuyên môn về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; Kế toán vốn bằng tiền;Kế toán các khoản

ứng trước; Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tiền lương và phân tích tiền lương; Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm công nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn kế toán tài chính, "Kế toán tài chính 1", ĐH Lạc Hồng, năm 2021
- ĐH kinh tế TPHCM, "Giáo trình kế toán tài chính 1" NXB Kinh Tế TP.HCM, năm 2017.
- ĐH kinh tế TPHCM, "Tài liệu kế toán tài chính 1" NXB Kinh Tế TP.HCM, năm 2020.
- Phạm Đức Cường, "Kế toán tài chính công cụ ra quyết định trong kinh doanh", NXB Tài chính, năm 2020
- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài tập và bài giải kế toán tài chính, Phan Đức Dũng, Nguyễn Kim Chung, Nguyễn Thị Diện, Tài chính, 2014 (Tài liệu không tái bản)
- Chế độ kế toán doanh nghiệp theo TT200/2014/TT-BTC
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01, 02, 03, 04, 06, và 10.
- Website của Bộ tài chính: www.mof.gov.vn
- Website của Tổng cục thuế: www.gdt.gov.vn

129049 KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2

Môn này cung cấp việc phân tích, quản lý và phát triển các luồng tài chính ra và vào doanh nghiệp, các khoản phải thu, phải trả, các khoản ứng trước trong doanh nghiệp.Kế toán quá trình mua bán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại. Bên cạnh đó, nó còn cung cấp kiến thức xác định kết quả kinh doanh.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn kế toán tài chính, "Kế toán tài chính 2", ĐH Lạc Hồng, năm 2021
- ĐH kinh tế TPHCM, "Giáo trình kế toán tài chính 2" NXB Kinh Tế TP.HCM, năm 2017.
- ĐH kinh tế TPHCM, "Tài liệu học tập kế toán tài chính 2" NXB Kinh Tế TP.HCM, năm 2020.
- Phạm Đức Cường, "Kế toán tài chính công cụ ra quyết định trong kinh doanh", NXB Tài chính, năm 2020
- Luật kế toán
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Chế độ kế toán (Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp).
- Website của Bộ tài chính: www.mof.gov.vn
- Website của Tổng cục thuế: www.gdt.gov.vn

129051 KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 3

Môn học kế toán tài chính 3 trang bị cho sinh viên những kiến thức về:

- Kiến thức về nghề nghiệp kế toán tài chính đầu tư tài chính
- Kiến thức về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp đầu tư tài chính
- Kiến thức về trình tự hạch toán kế toán một số phần hành kế toán (kế toán chứng khoán kinh doanh, các loại đầu tư tài chính, dự phòng đầu tư tài chính, kế toán bất động sản đầu tư, kế toán phát hành trái phiếu, kế toán hoạt động tài chính và hoạt động khác, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và cổ phiếu quỹ)..

1. Tài liệu tham khảo:
2. Kế toán tài chính 3,(2021) bộ môn Kế toán tài chính, ĐH Lạc Hồng.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp theo TT200/2014/TT-BTC
4. Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016;
5. Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014;
6. Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012.
7. Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009;
8. Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007;
9. Chuẩn mực kế toán số 5 (VAS 5): Bất động sản đầu tư;
10. Chuẩn mực số 7 (VAS7): Kế toán khoản đầu tư vào công ty liên kết;
11. Chuẩn mực số 8 (VAS 8): Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh;
12. Chuẩn mực số 14: Doanh thu và thu nhập khác;
13. Chuẩn mực số 16: Chi phí lãi vay.

129052 KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Học phần này cung cấp những thông tin cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị; sự khác biệt và mối quan hệ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị; các kiến thức cơ bản về phân loại chi phí và giá thành trong kế toán quản trị. Trên cơ sở đó xây dựng các phương pháp tính giá, phương pháp lập dự toán, kiểm soát chi phí, phân tích chi phí trong mối quan hệ Chi Phí – Khối Lượng – Lợi Nhuận cũng như tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị.

Tài liệu tham khảo:

14. TS. Đoàn Ngọc Quế - Th.S Đào Tất Thắng – TS. Lê Đình Trực – Giáo trình Kế Toán Quản Trị - Khoa Kế toán – Kiểm toán – Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh – NXB Lao Động – Năm 2019.
15. TS Phạm Văn Dược - Th.S Đào Tất Thắng – Bài tập Kế Toán Quản Trị - Khoa Kế toán – Kiểm

toán – Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh – NXB Lao Động – Năm 2018.
16. TS Trần Đình Phụng – Th.S Phạm Ngọc Toàn – Th.S Trần Văn Tùng – Giáo trình Kế Toán Quản Trị - Khoa Kế Toán Tài Chính - Trường Đại học Tôn Đức Thắng - NXB Lao Động – Năm 2018
17. Giáo trình chính: Ts. Huỳnh Đức Lộng , Giáo trình kế tóan quản trị
18. Sách tham khảo: Các giáo trình kế toán quản trị của các trường Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học kinh tế Tp.HCM, Học viện tài chính…

129061 KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

Học phần này trang bị cho người học hiểu được đặc điểm chung của doanh nghiệp xây lắp ảnh hưởng đến công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp, trình bày được các yếu tố cơ bản trong công tác kế toán đơn vị chủ đầu tư. Sinh viên sau khi học xong học phần này có thể hiểu và vận dụng hạch toán kế toán các nghiệp vụ liên quan đến chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp, kế toán doanh thu trong doanh nghiệp xây lắp, kế toán chi phí trong doanh nghiệp xây lắp, kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp, kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản ở đơn vị chủ đầu tư, kế toán quá trình đầu tư và quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản ở đơn vị chủ đầu tư.

Tài liệu tham khảo:

19. Đại học kinh tế, TP. HCM, "Tài liệu học tập kế toán tài chính, 3" NXB kinh tế TP. HCM, 2020
20. Phạm Đức Cường, "Kế toán tài chính công cụ ra quyết định trong kinh doanh", NXB Tài chính, năm 2020.
21. Bộ môn Hệ thống thông tin, Khoa Kế toán – Kiểm toán, trường ĐH Kinh tế TP.HCM, Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp, Nhà xuất bản Phương Đông, 2012. (Tài liệu không tái bản)
22. Phạm Thị Tuyết, Làm kế toán không khó, Kế toán trong doanh nghiệp xây lắp, Nhà xuất bản dân trí, 2019.
23. Tài liệu tham khảo
24. Chế độ kế toán doanh nghiệp xây lắp
25. Võ Văn Nhị, "Kế toán doanh nghiệp xây lắp và kế toán đơn vị chủ đầu tư", NXB kinh tế, 2010 (Tài liệu không tái bản)
26. Nguyễn Phương Liên , "Hướng dẫn kế toán doanh nghiệp xây lắp", NXB Tài Chính, năm 2010 (Tài liệu không tái bản)
27. TS Nguyễn Vũ Nguyệt, Ths. Nguyễn Thị Hòa, "Giáo trình Kế toán doanh nghiệp xây lắp", NXB Tài chính, 2010 (Tài liệu không tái bản)

129062 ĐỐI CHIẾU KẾ TOÁN QUỐC TẾ

Học phần kế toán Mỹ đối chiếu kế toán VN bao gồm những kiến thức tối thiểu cần thiết về hệ thống Kế toán ở một số nước trên thế giới. Đặc biệt là các nước phát triển, qua đó rút những kinh nghiệm quý báu để áp dụng phù hợp với tình hình Kế toán tại Việt Nam. Đây là môn chuyên ngành trong khối ngành Kế toán.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn kế toán tài chính, Khoa Tài chính-Kế toán trường ĐH Lạc Hồng (2020), Đối chiếu kế toán quốc tế, Lưu hành nội bộ.
- Phan Đức Dũng (tái bản 2014), Kế toán Mỹ đối chiếu kế toán Việt Nam-lý thuyết, bài tập và bài giải, NXB Thống kê.
- Andreas Krimpmann (2015), Principles of group accounting under IFRS, John Wiley & Sons, Inc.
- https://www.ifrs.org
- https://www.fasb.org
- https://www.icaew.com
- http://www.mof.gov.vn

129063 KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán hành chính sự nghiệp như: Kế toán tiền, vật tư, tài sản cố định, các nghiệp vụ thanh toán, nguồn kinh phí vốn, kế toán các khoản thu chi hoạt động sự nghiệp và kinh doanh trong đơn vị hành chính sự nghiệp, quyết toán kinh phí và báo cáo tài chính.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn Kế toán công – Đại học kinh tế TP.HCM, Kế toán hành chính sự nghiệp, NXB Kinh tế TP. HCM, 2020.
- Bộ Tài chính, Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp - quản lý mới về quản lý tài chính, ngân sách năm 2014, NXB Tài chính, 2014. (Tài liệu không tái bản)
- Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp: Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017
- http://www.mof.gov.vn
- http://www.webketoan.vn/
- Kế toán hành chính sự nghiệp thuộc bộ môn kế toán Khoa Kế toán – Kiểm Toán, ĐH Lạc Hồng – lý thuyết và bài tập
- Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (Ban hành theo QĐ 19 ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính- Nhà xuất bản Tài chính 2006)
- Các văn bản pháp lý chung về tài chính công.

129064 TIN HỌC ỨNG DỤNG NGÀNH KẾ TOÁN 1

Hiện nay việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán trở nên phổ biến và ngày càng phát triển. Với sự hỗ trợ của máy tính, việc xử lý thông tin cuả kế toán đã

được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác và đạt hiệu quả cao. Do vậy, hiện nay không ít doanh nghiệp đã có những định hướng chiến lược ứng dụng tin học vào công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng để tăng cường hiệu quả quản lý, điều hành doanh nghiệp,chương trình giảng dạy sẽ đi vào những nội dung chính sau:như cung cấp những kiến thức căn bản về tổ chức công tác kế toán và có thể ứng dụng ngay khi đi làm tại doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- TS.Đặng Văn Sáng, Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán báo cáo tài chính báo cáo thuế GTGT trên excel (tái bản lần thứ 12 - 2020), Nhà Xuất Bản Tài Chính
- Trần Mạnh Dũng, Nguyễn Thị Xuân Hồng, Phạm Đức Cường,…(2019), Hướng dẫn thực hành sổ kế toán và lập báo cáo tài chính, Nhà Xuất Bản Tài Chính.
- Chế độ kế toán doanh nghiệp: theo thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 (06/2015), NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- IIG Vietnam (2016), Microsoft Office Excel 2010: phần nền tảng, NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- Chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016.
- Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 của Quốc hội
- Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14

129065 TIN HỌC ỨNG DỤNG NGÀNH KẾ TOÁN 2

Môn học cung cấp cho sinh viên ngành Kế toán những kiến thức cơ bản về việc sử dụng và khai thác các hệ thống thông tin kinh tế nói chung và các hệ thống thông tin kế toán nói riêng trong các hoạt động kế toán và kiểm toán.Những vấn đề chính môn học đề cập đến là: Các hệ thống thông tin kinh tế dựa trên máy tính, Khái niệm và nguyên tắc xây dựng hệ thống thông tin kế toán, Qui trình phát triển một hệ thống thông tin kế toán , Phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế của hệ thống thông tin kế toán. Một phần mềm được lựa chọn để phát triển các ứng dụng trong hệ thống thông tin kế toán . Những ứng dụng đó bao gồm Xử lý bảng biểu kế toán, Phân tích thông tin kế toán, Sử dụng các hàm tài chính – kế toán, Quản trị cơ sở dữ liệu kế toán trong một phần mềm cụ thể.

Tài liệu tham khảo:

28. Giáo trình điện tử và bài tập thực hành Misa SME.NET 2020 thuộc công ty CP Misa.
29. https://sme.misa.vn/

129069 – KINH TẾ HỌC

Môn học Kinh tế học trang bị cho sinh viên những kiến thức thuộc hai lĩnh vực Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô, trong đó:

Kiến thức:

- ***Phần 1***: Kiến thức về Kinh tế vi mô giới thiệu đến người học các nguyên lý cơ bản của kinh tế học và giúp phát triển khả năng hiểu được các lý thuyết về kinh tế vi mô ở mức độ nhập môn thông qua các nguyên lý cơ bản. Môn học bắt đầu với các phương pháp tư duy như một nhà kinh tế, sau đó phát triển khả năng phân tích cung và cầu trên thị trường. Tiếp theo sẽ là hành vi của các doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường khác nhau. Sau cùng là tìm hiểu về sự lựa chọn của người tiêu dung.
- ***Phần 2:*** Kiến thức về Kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt/thặng dư thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá. Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Trên cơ sở đó, môn học sẽ nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách ổn định hóa như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Ngoài ra, môn học này cũng giúp chúng ta tìm hiểu về tăng trưởng kinh tế và phân tích các nguồn tăng trưởng kinh tế và bài học kinh nghiệm của các nước và các khu vực khác nhau trên thế giới.

❖ **Kĩ năng**

- Tính toán và xây dựng các hàm kinh tế như hàm cầu, hàm cung, hàm sản xuất…
- Vẽ đồ thị và miêu tả đồ thị
- Nghiên cứu và đánh giá thị trường, đưa ra giải pháp xử lý
- Trình bày vấn đề và cách nhìn nhận cá nhân về vấn đề kinh tế đó.

❖ **Thái độ**

Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và quá trình giảng dạy của giảng viên. Sẵn sàng giải quyết các tình huống kinh tế được nêu ra.

Tài liệu tham khảo:

- David Begg, Stanley Fischer and Rudiger Dornbusch, Kinh tế học vi mô. Nhóm giảng viên Khoa kinh tế học Đại học Kinh tế quốc dân dịch, Hà Nội, NXB Thống Kê 2007 (Tài liệu chưa tái bản)
- N.Gregory Mankiw, Ronald D.Kneebone, Kenneth J. McKenzie and Nicolas Rowe, Principles of Microeconomics, Canada Thomson, 2002 (Tài liệu chưa tái bản)

- Nguyễn Văn Dần, Kinh tế học vi mô, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2008. (Tài liệu chưa tái bản)
- Trương Thị Hạnh, Kinh tế vi mô, NXB Thống Kê, 2008 (Tài liệu chưa tái bản)
- http://www.wikipedia.org

129070 THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

Môn học Nguyên lý thống kê trang bị cho sinh viên những kiến thức như sau:
- Hiểu và nắm được hệ thống các bước nghiệp vụ thống kê phục vụ yêu cầu tổ chức thu thập, xử lý, trình bày và phân tích dữ liệu.
- Hiểu và vận dụng hệ thống các phương pháp thống kê trong thu thập thông tin ban đầu, xử lý các thông tin đã thu thập, phân tích, dự đoán hiện tượng phục vụ cho mọi mục đích sử dụng thông tin trong quản lý.
- Ứng dụng các phần mềm làm công cụ xử lý dữ liệu trên nền tảng lý thuyết về các phương pháp nhằm biết khai thác công cụ tính toán, đồng thời biết đọc các kết quả tính toán từ công cụ phục vụ cho việc đưa ra quyết định

Tài liệu tham khảo:
- Đồng Thị Vân Hồng (2010), Giáo trình Thống kê doanh nghiệp: dùng cho trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề, NXB lao động (Tài liệu không tái bản).
- Nguyễn Công Nhự (2017), Giáo trình thống kê doanh nghiệp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- Nguyễn Công Nhự (2020), Giáo trình Thống kê doanh nghiệp, NXB Đại học kinh tế Quốc Dân.
- Trần Thị Kim Thu, Đỗ Văn Huân (2018), Giáo trình thống kê trong nghiên cứu thị trường, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- Ngô Văn Thứ, Nguyễn Mạnh Thế (2019), Giáo trình thống kê thực hành: với sự trợ giúp của SPSS và STATA, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

129071 THỰC HÀNH CHỨNG TỪ SỔ SÁCH

Chế độ chứng từ và sổ kế toán là những nội dung cơ bản của Chế độ kế toán do Nhà nước ban hành để áp dụng trong các Doanh nghiệp, môn học có tính thực hành từ việc lập , sử dụng cho đến quá trình bảo quản và lưu trữ theo chế độ hiện hành .

Tài liệu tham khảo:
- Ths. Nguyễn Thị Nga, PGS. TS Trần Văn Hợi (2018), "Thực Hành Kế Toán Tài Chính Trong Các Doanh Nghiệp Nhỏ Và Vừa", Học Viện Tài Chính-Hà Nội, Nhà Xuất Bản Tài Chính
- TS Nguyễn Thị Xuân Hồng (2018), "Hướng Dẫn Thực Hành Sổ Kế Toán Và Lập Báo Cáo Tài Chính", NXB Tài Chính
- "Hướng dẫn thực hành kế toán trên sổ kế toán" (2010), ĐH Kinh tế, TP.HCM, Nhà xuất bản thống kê Hà Nội(Tài liệu không tái bản)
- "Chế độ kế toán doanh nghiệp" (2017), Bộ Tài Chính, Nhà xuất bản Tài chính.
- TS Hà Thị Ngọc Hà và TS Nguyễn Tuấn Phương, "Hướng dẫn thực hành thuế và kế toán thuế", Nhà xuất bản tài chính.
- Chế độ kế toán doanh nghiệp theo TT200/2014/TT-BTC
30. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Hệ thống báo cáo tài chính, chế độ chứng từ và sổ kế toán – Bộ Tài Chính – Nhà xuất bản tài chính – 2006. (Tài liệu không tái bản)
31. Hướng dẫn thực hành kế toán trên sổ kế toán , ĐH Kinh tế , TP.HCM , Nhà xuất bản thống kê Hà nội – 2009. (Tài liệu không tái bản)

129072 THỰC HÀNH KHAI BÁO THUẾ

Trang bị cho sinh viên những kiến thức văn bản qui phạm về pháp luật thuế, hoá đơn chứng từ mới nhất do BTC và tổng cục thuế ban hành.
Hiểu biết đúng đắn và có hệ thống những vấn đề cơ bản về thuế theo quy định của pháp luật thuế hiện hành. Phân biệt từng sắc thuế đang áp dụng tại các doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện nay.
Biết cách kê khai thuế trên phần mềm HTKK của tổng cục thuế.
Tính toán được số tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế hiệ hành.

Tài liệu tham khảo:
- Nguyễn Viết Hùng (2021), Thuế TAX 2021, NXB tổng hợp TPHCM
- Chính Sách Thuế - Luật Quản Lý Thuế & Các Quy Định Pháp Luật Mới Nhất Về Thuế Giá Trị Gia Tăng, Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp, Thuế Thu Nhập Cá Nhân, NXB Tài Chính – 2020
- Luật thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2016 và văn bản hướng dẫn thi hành

129073 PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chương trình môn học bao gồm lý luận chung về phân tích kinh doanh, phân tích kết quả và tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất, phân tích chi phí sản xuất và giá thành, phân tích tiêu thụ và lợi nhuận, phân tích tình hình tài chính . Các nội dung phân tích thể hiện thông qua các chỉ tiêu kinh tế cụ thể cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:
- Phân tích hoạt động kinh doanh - Bộ môn kế toán

quản trị - phân tích hoạt động kinh doanh – Đại học kinh tế TP.HCM, NXB Lao Động, 2013.(Tài liệu không tái bản)
- Huỳnh Đức Lộng, Phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp, NXB Thống Kê, 1997. (Tài liệu không tái bản)
- Kế toán chi phí, Bộ môn kế toán quản trị - phân tích hoạt động kinh doanh – Đại học kinh tế TP.HCM, NXB Thống kê, 2006. (Tài liệu không tái bản)

129074 KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 3

Môn học kế toán tài chính 3 trang bị cho sinh viên những kiến thức về:
- Kiến thức về nghề nghiệp kế toán tài chính đầu tư tài chính
- Kiến thức về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp đầu tư tài chính
- Kiến thức về trình tự hạch toán kế toán một số phần hành kế toán (kế toán chứng khoán kinh doanh, các loại đầu tư tài chính, dự phòng đầu tư tài chính, kế toán bất động sản đầu tư, kế toán phát hành trái phiếu, kế toán hoạt động tài chính và hoạt động khác, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và cổ phiếu quỹ)..

Tài liệu tham khảo:

32. Kế toán tài chính 3,(2021) bộ môn Kế toán tài chính, ĐH Lạc Hồng.
33. Chế độ kế toán doanh nghiệp theo TT200/2014/TT-BTC
34. Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016;
35. Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014;
36. Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012.
37. Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009;
38. Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007;
39. Chuẩn mực kế toán số 5 (VAS 5): Bất động sản đầu tư;
40. Chuẩn mực số 7 (VAS7): Kế toán khoản đầu tư vào công ty liên kết;
41. Chuẩn mực số 8 (VAS 8): Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh;
42. Chuẩn mực số 14: Doanh thu và thu nhập khác;
43. Chuẩn mực số 16: Chi phí lãi vay.

130006 TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1

Môn Tài chính doanh nghiệp 1 là môn học dành cho sinh viên khối ngành kinh tế tài chính ngân hàng với những vấn đề cơ bản nhất về lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp, hoạch định chiến lược tài chính. Những vấn đề môn học đề cập đến bao gồm : Các vấn đề chung về Tài chính doanh nghiệp, giá trị tiền tệ theo thời gian, các phương pháp định giá chứng khoán, đánh giá rủi ro của dự án, mối quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất sinh lợi hoạch định ngân sách vốn đầu tư, xây dựng và thẩm định dòng tiền và phương pháp xác định chi phí sử dụng vốn dài hạn của dự án.

Tài liệu tham khảo:

- Nhóm tác giả Nguyễn Trung Trực, Phạm Thị Phương Loan, Nguyễn Thị Bích Thảo, Lại Cao Mai Phương, Giáo trình Tài chính doanh nghiệp phần 1 , Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2013 (Tài liệu chưa tái bản)
- Nhóm tác giả Nguyễn Trung Trực, Phạm Thị Phương Loan, Nguyễn Thị Bích Thảo, Lại Cao Mai Phương, Giáo trình Tài chính doanh nghiệp phần 2 , Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2014(Tài liệu chưa tái bản)
- Nguyễn Ngọc Định (chủ biên), Toán Tài Chính , NXB Thống kê, 2003(Tài liệu chưa tái bản)
- Trần Ngọc Thơ (chủ biên), Tài chính doanh nghiệp hiện đại, NXB Thống kê, 2007(Tài liệu chưa tái bản)
- Nguyễn Minh Kiều, Tài chính doanh nghiệp , NXB Lao động xã hội, 2012(Tài liệu chưa tái bản)
- Bùi Hữu Phước, Tài chính doanh nghiệp, Nhà xuất bản Lao động Xã hội, 2008(Tài liệu chưa tái bản)
- Đồng Thị Hồng Vân, Tài chính doanh nghiệp dành cho hệ cao đẳng nghề, Nhà xuất bản lao động, 2010
- TS. Nguyễn Ngọc Định (chủ biên) Toán Tài Chính , NXB Thống kê - 2002. (Tài liệu chưa tái bản)
- www. Tapchitaichinh.vn
- www.financeplus.vn
- www.cophieu68.vn
- www. CafeF.vn

130012 NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Nghiệp vụ NHTM là môn học giới thiệu về hoạt động kinh doanh của các NHTM. Hoạt động kinh doanh NHTM nhìn chung là hoạt động kinh doanh sản phẩm dịch vụ tiền tệ; bao gồm nghiệp vụ huy động vốn, cấp tín dụng, dịch vụ thanh toán ngân quỹ, và các hoạt động khác liên quan đến tài chính tiền tệ. Môn học giúp sinh viên có kiến thức tổng quan về Ngân hàng thương mại, một bộ phận quan trọng trong hệ thống tài chính của một nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Minh Kiều (2009), Nghiệp vụ ngân hàng thương mại: dành cho sinh viên chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán- NXB Thống kê (Tài liệu không tái bản)
- Nghiệp vụ ngân hàng thương mại: lý thuyết và bài tập- Lê Thị Mận- Lao động xã hội, 2010 (Tài liệu

không tái bản)
- Nghiệp vụ ngân hàng thương mại: lý thuyết, bài tập & bài giải: dùng cho sinh viên chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán- Nguyễn Minh Kiều, NXB Tài Chính, 2015(Tài liệu không tái bản)
- Hệ thống bài tập, bài giải và dạng đề thi Nghiệp vụ ngân hàng thương mại- Nguyễn Đăng Dờn, Hoàng Đức , Trần Huy Hoàng, Trầm Thị Xuân Hương, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2011 (Tài liệu không tái bản)
- Bài tập và bài giải Nghiệp vụ ngân hàng thương mại-Nguyễn Minh Kiều- Lao động xã hội, 2014 (Tài liệu không tái bản)
- Bài tập và bài giải Nghiệp vụ ngân hàng thương mại- Nguyễn Minh Kiều - Lao động xã hội, 2014 (Tài liệu không tái bản)
- Giáo trình Nguyên lý & nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thu Thủy, Lê Thị Thanh, Nguyễn Thị Hà Thanh- Thống kê, 2014 (Tài liệu không tái bản)

130013 TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 2

Môn Tài chính doanh nghiệp 2 là môn học dành cho sinh viên khối ngành kinh tế tài chính ngân hàng với những vấn đề cơ bản nhất về lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp, phân tích và hoạch định chiến lược tài chính. Những vấn đề môn học đề cập đến bao gồm : quyết định cấu trúc vốn trong thực tiễn, phương thức các doanh nghiệp phát hành chứng khoán, phân tích tình hình tài chính, lập kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn, chiến lược tài chính và quản trị tài sản ngắn hạn. Sau môn học sinh viên có thể: Nắm được các phương thức doanh nghiệp phát hành chứng khoán. Nắm vững kiến thức vế quyết định cấu trúc vốn trong thực tiễn. Phân tích tình hình tài chính. Lập kế hoạch tài chính, đủ kiến thức về chiến lược tài chính. Nắm vững kiến thức về định giá chứng khoán, định giá công ty. Quản trị hàng tồn kho và quản trị tiền mặt hiệu quả. Đủ kiến thức để làm việc tại các ngân hàng, hay bộ phận tài chính của các doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:
- Ross Westerfield Jafee, Corporate Finance, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM – 2019.
- Hauker Ingi Jonasson, Hoạch định chiến lược dự án, Nhà xuất bản Thế giới, 2019.
- Hauker Ingi Jonasson - Helgi thor Ingason, Hoạch định chiến lược dự án, Nhà xuất bản Thế giới, 2019.
- Trần Văn Quyền, Tài chính doanh nghiệp, Đại học Lạc Hồng. Tài liệu nội bộ - 2018.
- Bùi Văn Vần, Tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính, 2015 (Tài liệu chưa có tái bản mới)
- Nhóm tác giả Nguyễn Trung Trực, Phạm Thị Phương Loan, Nguyễn Thị Bích Thảo, Lại Cao Mai Phương, Giáo trình Tài chính doanh nghiệp phần 1 , Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2013(Tài liệu chưa có tái bản mới)

130018 KIỂM TOÁN

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về kiểm toán, các hình thức kiểm toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp. Ý nghĩa của việc tìm hiểu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với công tác kiểm toán. Những khái niệm cơ bản trong kiểm toán và ý nghĩa của chúng đối với việc thực hiện kiểm toán. Các khái niệm và quy trình cơ bản sử dụng trong việc chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán trong các loại hình kiểm toán khác nhau. Sau khi học xong, sinh viên có những kỹ năng cơ bản về kiểm toán để phân tích, đánh giá tình hình doanh nghiệp. Trang bị cho người học phương pháp cơ bản để tìm hiểu, kiểm tra, và giải quyết vấn đề trong tổ chức kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghệp.

Tài liệu tham khảo:
- Bộ môn kiểm toán, Khoa Tài chính-Kế toán trường ĐH Lạc Hồng (2020), Giáo trình Kiểm toán, lưu hành nội bộ.
- Bộ môn kiểm toán – Đại học kinh tế TP.HCM, Kiểm toán, NXB Lao Động, 2019.
- Phạm Đức Cường, Trần Mạnh Dũng, Trần Trung Tuấn, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Viện Kế toán - Kiểm toán (2018), Báo cáo tài chính: trình bày, phân tích, kiểm tra và kiểm toán, NXB Tài chính.
- Trần Thị Giang Tân, Vũ Hữu Đức, Võ Anh Dũng, ... [và những người khác] (2018), Kiểm soát nội bộ, NXB Kinh Tế TP.HCM.
- Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 ngày 2012.
- Thông tư 70/2015/TT-BTC Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán
- Chương trình kiểm toán mẫu của VACPA.
- www.ifac.org
- http://www.vacpa.org.vn

130028 MARKETING NGÂN HÀNG

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết marketing trong hoạt động ngân hàng, nắm được việc xây dựng chiến lược marketing cũng như nắm vững các đặc điểm, đặc trưng cho những sản phẩm của kinh doanh ngân hàng. Sinh viên được đào tạo chuyên sâu các kỹ năng bán hàng -sản phẩm của ngân hàng. Cung cấp kiến thức cơ bản về Marketing của NHTM, giúp sinh viên sau khi ra trường có thể làm việc tại các NHTM và TCTD khác. Sau khi học môn học này sinh viên có thể vận dụng

lý thuyết vào các tình huống thực tế về hoạt động marketing trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ tài chính của một NHTM hiện đại.

Tài liệu tham khảo:

- Trịnh Quốc Trung (2014), Marketing ngân hàng, NXB Lao Động Xã Hội (Tài liệu không tái bản)
- Giáo trình Marketing ngân hàng, Trương Quang Thông, NXB Kinh tế TP.HCM (Tài liệu không tái bản)
- Giáo trình Marketing ngân hàng, Hoàng Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Tài liệu lưu hành nội bộ. (Giáo trình đặc thù)
- (Link tải: https://lib.lhu.edu.vn/BookViewDetail/24359/LS/Giao-trinh-Marketing-ngan-hang.html)
- Marketing insights from A to Z: 80 concepts every Manager needs to know. Philip Kotler, United States of America: John Wiley & Sons, Inc., 2003 (Chưa có tài liệu thay thế)
- (Link tải: https://lib.lhu.edu.vn/BookViewDetail/13045/ER/Marketing-Insights-from-A-to-Z-80-Concepts-Every-Manager-Needs-To-Know.html.)
- Website các NHTM tại Việt Nam, sách giáo, giáo trình
- Trương Quang Thông, (2012), Giáo trình Marketing ngân hàng, Tp. Hồ Chí Minh: Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. (Tài liệu không tái bản)
- Trịnh Quôc Trung, Nguyễn Văn Sáu, Trần Hoàng Mai, (2009), Marketing ngân hàng, Tp. Hồ Chí Minh: Thống kê. (Tài liệu không tái bản)
- Trương Quang Thông, (2012), Giáo trình Marketing ngân hàng, Tp. Hồ Chí Minh: Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. (Tài liệu không tái bản)

130034 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH

Học phần này được giảng dạy bằng tiếng Anh về các nội dung như tổng quan về tài chính, tài chính doanh nghiệp, các bảng báo cáo tài chính , các giao dịch trong kinh doanh, các nghiệp vụ ngân hàng. Hướng dẫn sinh viên học và cơ bản đọc được các tài liệu tiếng Anh hiện đang được sử dụng tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Định hướng cho sinh viên các hoạt động tiếng Anh trong thực tiễn như lập các báo cáo tài chính mà sinh viên sẽ làm việc trong tương lai tại các doanh nghiệp trong nước và có vốn đầu tư nước ngoài.

Tài liệu tham khảo:

- Lữ Phi Nga, Hoàng Thị Quỳnh Anh, (2018), Giáo trình lưu hành nội Anh văn chuyên ngành Tài chính, Khoa Tài chính – Kế toán, trường Đại học Lạc Hồng.
- Trần Thị Phương Thảo, (2019), Anh văn chuyên ngành Tài chính – Kế toán, Khoa Tài chính – Kế toán, trường Đại học Lạc Hồng.
- Helena Gomm, (2019), Englishs for banking and finance 1, Pearson Education.
- John Rogers, (2018), New edition Market leader: Intermediate business English practice file, Pearson Education.

130045 THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Môn học được xây dựng hướng nâng cao khả năng tiếp cận thực tiễn cho sinh viên ở chuyên ngành tài chính ngân hàng. Giúp sinh viên sau khi kết thúc chương trình học tại trường, có thể nhanh chóng hòa nhập với công việc sau này, thành thạo về nghiệp vụ chuyên môn về tài chính và ngân hàng. Qua môn học này sinh viên sẽ được củng cố lại kiến thức tài chính doanh nghiệp và luật doanh nghiệp, ứng dụng những lý thuyết được học vào công việc thực tế, đặc biệt là các nghiệp vụ ngân hàng thương mại, khả năng phân tích tài chính doanh nghiệp cho sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Thực hành nghiệp vụ Ngân hàng thương mại, Khoa Tài Chính – Kế Toán, Trường Đại học Lạc Hồng (lưu hành nội bộ), 2015. (Giáo trình đặc thù)
2. Giáo trình Thực hành nghiệp vụ Tài Chính Doanh Nghiệp, Khoa Tài Chính – Kế Toán, Trường Đại học Lạc Hồng (lưu hành nội bộ), 2015. (Giáo trình đặc thù)

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Minh Kiều, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại: dành cho sinh viên chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán- Nxb Thống kê, 2009. (Tài liệu chưa tái bản)
- Nguyễn Minh Kiều (chủ biên), Tài chính doanh nghiệp căn bản, NXB Thống kê, 2009. (Tài liệu chưa tái bản)
- Trần Ngọc Thơ (Chủ biên), Tài chính doanh nghiệp hiện đại, NXB Thống kê, 2007. (Tài liệu chưa tái bản)
- Hệ thống bài tập, bài giải và dạng đề thi Nghiệp vụ ngân hàng thương mại- Nguyễn Đăng Dờn, Hoàng Đức , Trần Huy Hoàng, Trầm Thị Xuân Hương, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2011 (Tài liệu chưa tái bản)
- Luật các tổ chức tín dụng, Nxb Chính trị quốc gia, 2012. (Tài liệu chưa tái bản)
- Các quy định và văn bản hiện hành của Ngân hàng Nhà Nước. (Tài liệu đặc thù)
- Luật xây dựng - luật đấu thầu của quốc hội khóa XIII và hướng dẫn chi tiết thực hiện hoạt động quản lý đầu tư xây dựng mới nhất, Nxb Lao động xã hội, 2014
- Luật đầu tư, Nxb Chính trị quốc gia, 2008 (Tài liệu đặc thù)

- Các quy định và văn bản hiện hành liên quan đến công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. (Tài liệu đặc thù)
- Các văn bản và quy định hiện hành liên quan đến Quản lý chất lượng công trình. (Tài liệu đặc thù)

130049 TOÁN TÀI CHÍNH

Môn Toán Tài chính là môn học cơ sở ngành dành cho sinh viên khối ngành tài chính - ngân hàng với những vấn đề cơ bản nhất về lĩnh vực toán trong ngành tài chính . Những vấn đề môn học đề cập đến bao gồm: Cách tính lãi đơn, lãi kép,chuỗi tiền tệ theo thời gian, chiết khấu thương phiếu, vay vốn, tài khoản vãng lai, trái phiếu, cổ phiếu và đầu tư dài hạn. Sau khi học xong môn toán tài chính học viên sẽ nắm được kiến thức toán trong ngành tài chính, kỹ thuật chiết khấu dòng tiền và các kỹ thuật tính toán những chỉ tiêu cơ bản khác trong ngành tài chính.

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Hữu Phước, Toán tài chính: hệ thống lý thuyết – bài tập – bài giảng, NXB Thống Kê (tái bản 2012).
- Đỗ Thiên Anh Tuấn, Toán tài chính ứng dụng: hướng dẫn thực hành chi tiết bằng excel, NXB Tài chính, (2015).
- Trần Văn Quyền, Nguyễn Cao Quang Nhật, Giáo trình Toán tài chính, Khoa Tài chính – Kế toán (LHU) – Tài liệu lưu hành nội bộ (2015).

130050 NGUYÊN LÝ VÀ THỰC HÀNH BẢO HIỂM

Môn Nguyên lý và thực hành bảo hiểm là môn học dành cho sinh viên khối ngành kinh tế tài chính ngân hàng với những vấn đề cơ bản nhất về lĩnh vực bảo hiểm. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản trong lĩnh vực bảo hiểm từ đó giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu những kiến thức chuyên sâu hơn trong lĩnh vực bảo hiểm. Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có khả năng tự nghiên cứu về lĩnh vực bảo hiểm và có thể tham gia công tác tại các tổ chức bảo hiểm thương mại hoặc có liên quan đến bảo hiểm thương mại.

Tài liệu tham khảo:

- Hồ Thủy Tiên, Nguyễn Tấn Hoàng, Nguyễn Tiến Hùng, Nguyễn Thanh Nguyên Vũ (2014), Bảo hiểm hàng hải, NXB Tài chính. (Tài liệu không tái bản)
- Võ Thị Hồng Phúc, Lê Thuỳ Trang, Nguyên lý thực hành bảo hiểm, Khoa TC-KT (LHU), 2014 (Tài liệu chưa tái bản).
- Luật bảo hiểm xã hội - luật bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (sửa đổi, bổ sung) năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành mới nhất, Nhà xuất bản Lao động.
- Tìm hiểu Luật bảo hiểm xã hội (2013), Nhà xuất bản Lao động. (Tài liệu chưa tái bản)

130053 KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Môn học kế toán ngân hàng tập trung giới thiệu nội dung và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tại các ngân hàng thương mại của Việt Nam và của các tổ chức tín dụng Việt Nam nói chung. Nội dung môn học không những cung cấp kiến thức về kế toán trong lĩnh vực ngân hàng, mà còn giúp sinh viên có điều kiện ôn lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng. Trên cơ sở các nghiệp vụ kế toán, các đối tượng có liên quan như nhà quản trị, cơ quan thuế, cổ đông…Kiểm soát toàn bộ vốn và tài sản của ngân hàng cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh, và sự phân chia lợi nhuận trong ngân hàng.

Tài liệu tham khảo:

- Trương Thị Hồng (2008) - 234 sơ đồ tài khoản kế toán ngân hàng, Tp. Hồ Chí Minh- Đại Học Kinh Tế TPHCM (Tài liệu không tái bản)
- Trương Thị Hồng (2009), Bài tập tình huống về kế toán ngân hàng- Tp. Hồ Chí Minh, NXB Lao động (Tài liệu không tái bản)
- Bài tập & bài giải Kế toán ngân hàng-Nguyễn Thị Loan, Lâm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Đức Long (2009), Tp. Hồ Chí Minh, NXBThống kê. (Tài liệu không tái bản)
- Nguyễn Thị Loan, Lâm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Đức Long (2010) Kế toán ngân hàng, NXB Thống kê . (Tài liệu không tái bản)
- Trương Thị Hồng (2015),Lý thuyết, bài tập và câu hỏi trắc nghiệm kế toán ngân hàng: theo hệ thống tài khoản sửa đổi năm 2014- Tp. Hồ Chí Minh: NXB Kinh tế (Tài liệu không tái bản)

130054 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Môn học Phương Pháp Nghiên Cứu Khoa Học cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp nghiên cứu giúp cho sinh viên thực hiện được các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Bên cạnh nền tảng phương pháp, môn học này giúp sinh viên có được những kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xác định vấn đề, kỹ năng tìm kiếm và thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, kỹ năng thuyết trình, trình bày trước đám đông, kỹ năng phản biện, kỹ năng báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học. Môn học này giúp sinh viên hiểu nền tảng lý thuyết căn bản của phương pháp nghiên cứu và có được những kỹ năng cần thiết để lập kế hoạch, thực hiện và trình bày kết quả nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Vào cuối môn học, sinh viên

có thể:
- Hiểu các khái niệm dùng trong lý thuyết nghiên cứu và thực tiễn nghiên cứu kinh doanh.
- Biết cách định nghĩa vấn đề nghiên cứu và hiểu qui trình thực hiện nghiên cứu.
- Biết các cách thức thu thập dữ liệu và sử dụng phù hợp cho từng loại nghiên cứu.
- Biết các kỹ thuật chọn mẫu và thủ tục thực hiện chọn mẫu.
- Hiểu công việc phân tích dữ liệu và các công cụ thực hiện phân tích, và các diễn giải kết quả phân tích.
- Hiểu qui trình viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo:
- Vũ Cao Đàm, (2018), Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Giáo dục.
- Hà Nam Khánh Giao, Bùi Nhất Vương (2019), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - cập nhật SmartPLS: giáo trình cao học, Nhà xuất bản Tài chính.
- Nguyễn Đình Thọ (2014), Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Tài chính (Tài liệu không tái bản).
- Nguyễn Đình Thọ (2016), Phương pháp tập mờ fsQCA và nghiên cứu khoa học kinh doanh tại Việt Nam: sách chuyên khảo dành cho nghiên cứu sinh và các nhà nghiên cứu về khoa học kinh doanh, Tp. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ (Tài liệu không tái bản).
- Đinh Phi Hổ - Võ Văn Nhị - Trần Phước (2018), Nghiên cứu định lượng trong kế toán kiểm toán, NXB Tài chính.

130055 TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Nội dung chính của môn học tập trung vào tìm hiểu môi trường tài chính quốc tế, các thị trường tiền tệ giao ngay, giao sau, có kỳ hạn và thị trường các quyền chọn tiền tệ thế giới; mối liên hệ giữa tỷ giá hối đoái với lãi suất(IRP), giữa lạm phát, lãi suất và tỷ giá thông qua lý thuyết ngang giá sức mua PPP và hiệu ứng Fisher quốc tế IFE; dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá, tài trợ và đầu tư quốc tế ngắn hạn, dài hạn; khủng hoảng tài chính quốc tế và những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam. Học xong môn học này sinh viên có thể hiểu và vận dụng vào trong thực tế để phân tích các diễn biến tài chính quốc tế.

Tài liệu tham khảo:
- Nguyễn Văn Tiến (2013), Bài tập và bài giải tài chính quốc tế, NXB Thống kê. (Tài liệu không tái bản)
- Tài chính quốc tế (2012), Tài chính quốc tế, NXB 10. - Cengage Learning (Tài liệu không tái bản)
- Trần Ngọc Thơ, Nguyễn Ngọc Định (2009), Tài chính quốc tế, NXB Thống kê. (Tài liệu không tái bản)
- Lê Phan Thị Diệu Thảo, Nguyễn Trần Phúc (2015), Tài chính quốc tế, NXB Phương Đông. (Tài liệu không tái bản)
- Nguyễn Thị Ngọc Trang, Nguyễn Thị Liên Hoa, Trần Ngọc Thơ, Nguyễn Ngọc Định, Nguyễn Khắc Quốc Bảo(2006), Tài chính quốc tế: Ứng dụng Excel cho các bài tập & giải pháp , NXB Thống Kê (Tài liệu không tái bản)
- Nguyễn Ngọc Bảo Quốc, Đoàn Thị HônHồng Nga (2015), Giáo trình Tài chính quốc tế, NXB: nội bộ LHU (Tài liệu không tái bản)

130056 QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các công cụ phòng ngừa rủi ro tài chính như hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng giao sau, quyền chọn, hoán đổi và ứng dụng của những công cụ này trong thực tiễn để phòng ngừa rủi ro. Xác định được giá trị và hiệu quả của các công cụ phòng ngừa rủi ro tài chính như hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng giao sau, quyền chọn.

Tài liệu tham khảo:
- Nguyễn Thị Ngọc Trang (2007), Quản trị rủi ro tài chính, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. (Tài liệu chưa tái bản)
- Nguyễn Minh Kiều (2009), Quản trị rủi ro tài chính, NXB Thống kê (Tài liệu chưa tái bản).
- Bùi Lê Hà, Nguyễn Văn Sơn, Ngô Thị Ngọc Huyền, Nguyễn Thị Hồng Thu (2000), Giới thiệu về Thị trường Future và Option, NXB Thống kê (Tài liệu chưa tái bản).

130058 KINH TẾ LƯỢNG

Môn học kinh tế lượng trang bị cho sinh viên những kiến thức, như: Hiểu và nắm được hệ thống kiến thức cơ bản để ước lượng một cách đúng đắn các quan hệ kinh tế, kiểm định giả thuyết về các mối quan hệ kinh tế;

Hiểu và vận dụng các phương pháp ước lượng, kiểm định, dự báo được các quy luật kinh tế: ước lượng đường cầu, đường cung, ước lượng hàm sản xuất. lãi suất, tỷ giá,….; Hiểu và vận dụng được lý thuyết vào thực tế trong doanh nghiệp. Ứng dụng các phần mềm làm công cụ xử lý dữ liệu trên nền tảng lý thuyết về các phương pháp nhằm biết khai thác công cụ tính toán, đồng thời biết đọc các kết quả tính toán từ công cụ phục vụ cho việc đưa ra quyết định.

Tài liệu tham khảo:
- Phan Thành Tâm (2010), Kinh tế lượng, Nhà xuất bản thống kê (Tài liệu không tái bản).

- Phan Thành Tâm (2012), Lý thuyết và bài tập Kinh tế lượng, Nhà xuất bản thống kê (Tài liệu không tái bản).
- Jeffrey M. Wooldridge, Trần Thị Tuấn Anh (2017), Nhập môn kinh tế lượng: cách tiếp cận hiện đại 1, Nhà xuất bản Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
- Jeffrey M. Wooldridge, Trần Thị Tuấn Anh (2017), Nhập môn kinh tế lượng: cách tiếp cận hiện đại 2, Nhà xuất bản Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.

130059 PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chương trình môn học bao gồm lý luận chung về phân tích kinh doanh, phân tích kết quả và tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất, phân tích chi phí sản xuất và giá thành, phân tích tiêu thụ và lợi nhuận, phân tích tình hình tài chính . Các nội dung phân tích thể hiện thông qua các chỉ tiêu kinh tế cụ thể cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn Kế toán quản trị và phân tích hoạt động kinh doanh - Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh - Khoa Tài Chính Kế Toán Đại học Lạc Hồng 2019 (Lưu hành nội bộ).
- Phân tích hoạt động kinh doanh - Bộ môn kế toán quản trị - phân tích hoạt động kinh doanh – Đại học kinh tế TP.HCM, NXB Lao Động, 2013.(Tài liệu không tái bản)
- Huỳnh Đức Lộng, Phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp, NXB Thống Kê, 1997.(Tài liệu không tái bản)
- Kế toán chi phí, Bộ môn kế toán quản trị - phân tích hoạt động kinh doanh – Đại học kinh tế TP.HCM, NXB Thống kê, 2006. (Tài liệu không tái bản)

130060 THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Môn học cung cấp các cơ sở lý luận của việc thẩm định giá tài sản và các phương pháp định giá tài sản là bất động sản (nhà cửa, đất đai…), động sản (máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển…). Phần đầu của môn học sẽ giới thiệu các vấn đề cơ bản liên quan đến khoa học thẩm định giá. Phần tiếp theo của môn học sẽ giới thiệu các phương pháp thẩm định giá tài sản ứng dụng cho nhà cửa và máy móc thiết bị. Thẩm định bất động sản là môn học chuyên ngành mang tính tổng hợp và thực tiễn cao. Sinh viên học thành công từ môn học này sẽ có khả năng nắm vững các kiến thức và phương pháp thẩm định giá ứng dụng cho bất động sản và động sản. Sinh viên học tốt môn học này sẽ có kỹ năng tác nghiệp cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc thẩm định giá bất động sản và động sản trong nghiệp vụ tín dụng ngân hàng hoặc trong các ngành, lĩnh vực kinh tế khác.

Tài liệu tham khảo:

-Nguyễn Ngọc Vinh , Nguyễn Quỳnh Hoa (2014) Giáo trình Thẩm định giá Bất động sản, Nhà Xuất Bản Lao động Xã hội.(Tài liệu chưa tái bản)
- GEORGE H. ROSS (2017), Chiến lược đầu tư Bất động sản của Donald Trumb, Nhà Xuất Bản Lao Động.

130061 TIN HỌC ỨNG DỤNG NGÀNH TÀI CHÍNH

Môn học này cung cấp những kiến thức mở rộng trên nền Microsoft Excel. Ngoài việc thiết lập được bảng tính, các tính toán cơ bản, sử dụng đồ thị trong tính toán, xây dựng các bảng tính dữ liệu như: các hàm về tài chính, thống kê, dự báo, tìm kiếm,… Bên cạnh đó là việc ứng dụng Microsoft Excel trong các lĩnh vực tài chính và đầu tư chứng khoán như: Phân tích tài chính công ty, Hoạch định tài chính, Phân tích đánh giá các loại rủi ro, Phân tích và đánh giá các dự án đầu tư, Xác định các danh mục đầu tư hiệu quả, Xây dựng các mô hình định giá chứng khoán và doanh nghiệp, Quản trị các danh mục đầu tư…

Môn Tin học ứng dụng ngành tài chính giúp sinh viên sử dụng nhiều công cụ do Microsoft Excel hỗ trợ trong lĩnh vực Tài chính một cách hiệu quả. Sau khi học môn này, sinh viên có khả năng thiết lập được các bài toán tài chính trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên máy tính, hoạch định được ngân sách, thiết lập được mô hình thẩm định dự án đầu tư phức tạp, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp...

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Tin học ứng dụng ngành tài chính, Khoa Tài chính – Kế toán (LHU), 2015 (Tài liệu lưu hành nội bộ)

Tài liệu tham khảo:

- Đặng Văn Sáng, Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán báo cáo tài chính và báo cáo thúê GTGT trên Excel, NXB Tài chính, 2020.
- Giáo trình Tin học ứng dụng ngành tài chính, Khoa Tài chính – Kế toán (LHU), 2015 (Tài liệu lưu hành nội bộ)
- Đỗ Thiên Anh Tuấn, Tin học ứng dụng trong phân tích và đầu tư tài chính, NXB Lao động xã hội, 2014. (Tài liệu không tái bản)
- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (Tập 1), NXB Hồng Đức, 2008. (Tài liệu không tái bản)
- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (Tập 2), NXB Hồng Đức, 2008. (Tài liệu không tái bản)

130062 TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

Môn học Tài chính tiền tệ thuộc nhóm các môn cơ sở ngành cung cấp cho sinh viên thuộc chuyên ngành tài chính – kế toán nói riêng và khối ngành kinh tế nói chung những kiến thức cơ bản về phạm trù tài chính - tiền tệ, lạm phát, lãi suất, tín dụng, thị trường tiền tệ, ngân sách nhà nước và các chính sách tiền tệ, thị trường tài chính quốc tế… Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên có tiền đề vững chắc để có thể dễ dàng nghiên cứu sâu hơn ở các môn học chuyên ngành.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Ngọc Hoàng, Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ, NXB Kinh tế tài chính (2015) (Tài liệu chưa tái bản)
- Cao Thị Ý Nhi, Đặng Anh Tuấn, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, NXB Đại học kinh tế quốc dân (2018)

130063 THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Môn học thị trường tài chính trang bị cho sinh viên những kiến thức về:

- Hệ thống tài chính và các thành phần về hệ thống tài chính
- Cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính như cấu trúc thị trường
- Cơ chế hoạt động của thị trường tài chính
- Đặc điểm của công cụ giao dịch trên thị trường
- Mối tương quan giữa lãi suất, lạm phát và các công cụ tài chính
- Cung cấp những kiến thức cơ bản về các định chế tài chính

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Kim Yến, Nguyễn Minh Kiều, Thị trường tài chính và các định chế tài chính, NXB Tài chính TP.HCM (2014) (Tài liệu không tái bản)
- Cao Thị Ý Nhi, Đặng Anh Tuấn, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, NXB Đại học kinh tế quốc dân (2018)

130064 NGHIỆP VỤ XUẤT NHẬP KHẨU

Môn học nghiệp vụ xuất nhập khẩu trang bị cho sinh viên những kiến thức về:

- Kiến thức về hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Hiểu biết về các công tác giao dịch xuất nhập khẩu
- Hiểu cách soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp có hoạt động mua bán với thương nhân nước ngoài.

Tài liệu tham khảo:

- Võ Thanh Thu "Kỹ Thuật Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu", Lao động xã hội, 2006 (Tài liệu không tái bản)
- Hà Thị Ngọc Oanh, Giáo trình Kỹ thuật kinh doanh thương mại quốc tế, Lao động xã hội, 2014 (Tài liệu không tái bản)
- Bùi Xuân Lưu, Nguyễn Hữu Khải "Giáo tình Kinh tế ngoại thương" NXB Lao Động Xã Hội 2014 (Tài liệu Không tái bản)
- Nguyễn Văn Luyện, Lê Thị Bích Thọ, Dương Anh Sơn "Giáo trình Luật hợp đồng thương mại quốc tế", NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM 2007. Luật Doanh Nghiệp Việt Nam. (Tài liệu không tái bản)
- Charles W.L. Hill, "International Business", McGraw-Hill/Irwin, New York.
- Courtland L. Bovee, John V. Thill, Business communication today, Courtland L. Bovee, John V. Thill, Pearson, 2012 (Tài liệu Không tái bản)

130065 QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Môn Quản trị ngân hàng thương mại là môn học dành cho sinh viên khối ngành kinh tế tài chính ngân hàng, môn học này giúp sinh viên tìm hiểu về báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại, mô hình đo lường lợi nhuận và rủi ro trong hoạt động ngân hàng, phân tích hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại, quản trị nghiệp vụ đầu tư của ngân hàng thương mại, quản trị nguồn vốn và thanh toán của ngân hàng thương mại, sản phẩm và chiến lược sản phẩm của ngân hàng, phân tích đối thủ cạnh tranh trong ngành ngân hàng, hoạch định và tiến hành thực hiện chiến lược kinh doanh.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Minh Kiều (2009), Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Thống kê (Tài liệu chưa tái bản)
- Giáo trình Quản trị ngân hàng thương mại - Nguyễn Ngọc Bảo Quốc, Đỗ Văn Lộc – Tài liệu nội bộ - 2016. (Giáo trình đặc thù)
- Nghiệp vụ ngân hàng thương mại: lý thuyết, bài tập & bài giải: dùng cho sinh viên chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán- Nguyễn Minh Kiều, NXB Tài Chính, 2015 (Tài liệu chưa tái bản)
- Giáo trình Nguyên lý & nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thu Thủy, Lê Thị Thanh, Nguyễn Thị Hà Thanh- Thống kê, 2014 (Tài liệu chưa tái bản)
- Quản trị ngân hàng thương mại - PGS. TS Phan Thị Cúc – NXB. Giao thông vận tải – 2017
- Nghiệp vụ ngân hàng thương mại: Lý thuyết, bài tập & bài giải: dùng cho sinh viên chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán- Nguyễn Minh Kiều, NXB Tài Chính, 2015 (Tài liệu chưa tái bản)

131003 NGHE 1 – TIẾNG NHẬT

Sau khi kết thúc 45 tiết học sinh viên nghe hiểu

được nội dung cuộc hội thoại và trả lời được những câu sử dụng trong giao tiếp thông thường. Ngoài việc nghe để làm các bài tập theo yêu cầu mà sách giáo khoa đề ra để kiểm tra độ nghe hiểu của sinh viên, giáo viên còn phải yêu cầu sinh viên nghe và lặp lại để kiểm tra cách phát âm, mức độ nhớ chính xác từ vựng… Bên cạnh đó sv thực hành hội thoại thông qua hoạt động chia nhóm và phân vai.

Tài liệu tham khảo

1. 小林卓爾, 2012 みんなの日本語初級1, 第２版本冊』、 スリーエーネットワークTakuji Kobayashi, 2012, Minna No Nihongo Sơ cấp 1 - Cuốn 2 - Honsatsu, Nxb. 3A Network、 (Thư viện ngành Nhật Bản học)
2. Akiko Makino, 2018, Minna No Nihongo Sơ cấp 1 – Nghe hiểu Tasuku 25, Nxb. 3A Network (牧野 昭子、2018、『みんなの日本語初級1聴解タスク25』、スリーエーネットワーク (Thư viện ngành Nhật Bản học)
3 国際交流基金、2007、『DVDで学ぶ日本語エリンが挑戦！にほんごできます VOL 1』、株式会社 凡人社 Quỹ giao lưu quốc tế, 2007, "Hoc tiếng Nhật bằng DVD Erin thử thách! Bạn có thể học tiếng Nhật VOL1, Nxb. Bonjinsha. (Thư viện ngành Nhật Bản học)
4.西口光一、2015、『NEJ Giáo trình tiếng Nhật căn bản theo chủ đề Vol 1』, NXB ĐH Sư phạm TP.HCM.

131006 NÓI 1 – TIẾNG NHẬT

Bộ môn Nói rèn luyện sinh viên thực hành giao tiếp tiếng Nhật với người Nhật trong các tình huống ở nhiều lĩnh vực thông qua các hoạt động đóng vai, thuyết trình, phát biểu. Ngoài việc luyện các mẫu câu, bài đàm thọai sẵn có trong sách giáo khoa, sinh viên còn luyện tập theo nhóm ở mọi tình huống dưới sự giám sát của giảng viên người bản xứ, để họ kịp thời chửa lỗi sai cũng như cách phát âm của sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

1.「みんなの日本語初級I」（2017年）、株式会社スリーエーネットワークTiếng Nhật cho mọi người Sơ cấp I (Thư viện ngành Nhật Bản học)
2. ヒューマンアカデミー日本語学校、（2021年）つなぐ日本語初級１、株式会社アスク出版

131009 ĐỌC 2 – TIẾNG NHẬT

Ở Đọc hiểu 2, sinh viên tìm hiểu về ý nghĩa, cách đọc, cách viết chữ Hán (100 chữ). Sinh viên sẽ phân biệt được cách viết các chữ Hán, nhận ra các chữ Hán khác nhau. Đồng thời sinh viên sẽ thực hành viết chữ Hán. Bên cạnh đó, sinh viên ứng dụng các kiến thức ngữ pháp đã học và các kiến thức xã hội để đọc bài và nắm bắt ý chính của bài đọc, xác nhận lại cách đọc chữ Hán đã học. Đồng thời luyện tập kỹ năng đọc hiểu với nội dung và độ dài phù hợp.

Tài liệu tham khảo:

1.みんなの日本語初級I漢字ベトナム語版 – Tiếng Nhật cho mọi người, sơ cấp I, Chữ Hán II (NXB 3A Corporation, 2018).
2.みんなの日本語初級I：初級で読めるトピック２５ – Tiếng Nhật cho mọi người, sơ cấp I, 25 bài đọc hiểu sơ cấp. (NXB 3A Corporation, 2016).
3. みんなの日本語初級I：漢字練習帳 – Tiếng Nhật cho mọi người, sơ cấp I, Bài tập chữ Hán 1 (NXB 3A Corporation, 2015).
- Bảng tra Hán tự thường dụng.

131011 VIẾT 3 – TIẾNG NHẬT

Môn Viết 3 giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng viết những câu văn, những bài văn theo chủ đề khó hơn. Sinh viên sẽ tiếp tục thực hành viết nhật kí, giới thiệu bản thân hoàn chỉnh khi đi xin việc làm. Đồng thời, sinh viên còn thực hành viết cảm tưởng, suy nghĩ về vấn đề xã hội và trình bày trước lớp.

Tài liệu tham khảo:

1.門脇薫、西馬薫、向井直子（1999）『みんなの日本語初級やさしい作文』スリーエーネットワーク出版 Kaoru Kadowaki, Kaoru Nishima, Naoko Mukai (1999), Tập làm văn đơn giản – Tiếng Nhật sơ cấp cho mọi người, Nxb. 3A Network ((Thư viện ngành Nhật Bản học)
2.板坂元（2003）『日本語で学ぶ日本事情 日本を知る』スリーエーネットワーク出版 Gen Itasaka (2003), Hiểu biết tiêngs Nhật – Tin tức Nhật Bản dùng để học tiếng Nhật, Nxb. 3A Network. (Thư viện ngành Nhật Bản học)
3.山田あき子（2002）『タスクによる楽しい日本語の読み』専門教育出版Yamada Akiko (2002), Đọc hiểu tiếng Nhật theo Topic, Nxb. Giáo dục chuyên môn. (Thư viện ngành Nhật Bản học)

131019 VIẾT 4 – TIẾNG NHẬT

Ở môn Viết 4, sinh viên sẽ được thực hành viết báo cáo công việc hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. Sinh viên sẽ ứng dụng kiến thức ngữ pháp để thực hành viết. Bên cạnh đó, sinh viên cũng trình bày bài viết của mình trước lớp.

Tài liệu tham khảo:

1.話す・書くにつながる! 日本語読解 初中級、
2.基礎からのジャンプアップノート 現代文読解・書き込みドリル

3. 徹底！活用ドリル書いて覚える、書いて見につく

131020 NGHE 4 – TIẾNG NHẬT

Tiếp theo Nghe 3, ở môn nghe 4 sinh viên có thể nghe hiểu và trả lời được những câu sử dụng trong giao tiếp thường ngày. Sinh viên có thể chuẩn bị cho kỳ thi năng lực tiềng Nhật N4. Sinh viên thực hành nghe, làm các bài tập theo yêu cầu mà sách giáo khoa đề ra để kiểm tra độ nghe hiểu của sinh viên, sinh viên nghe và lặp lại để kiểm tra cách phát âm, mức độ nhớ chính xác từ vựng… Bên cạnh đó sinh viên được chia nhóm và phân vai để sinh viên thực hành được đoạn hội thoại mà sinh viên đã được nghe.

Tài liệu tham khảo:

1.国際交流基金、2007、『DVDで学ぶ日本語 エリンが挑戦！にほんごできます　VOL 1』、株式会社　凡人社　Quỹ giao lưu quốc tế, 2007, "Hoc tiếng Nhật bằng DVD Erin thử thách! Bạn có thể học tiếng Nhật VOL1, Nxb. Bonjinsha. ((Thư viện ngành Nhật Bản học)

2.田中真一、2006、『日本語の発音教室　理論と練習』、株式会社　ツナノ Shinichi　Tanaka, 2006, Lý luận và luyện tập phát âm tiếng Nhật, Nxb. Tsunano ((Thư viện ngành Nhật Bản học)

3.小林卓爾、2012、『みんなの日本語初級1,　第２版 本冊』、 スリーエーネットワーク. Takuji Kobayashi, 2012, Minna No Nihongo Sơ cấp 1 - Cuốn 2 - Honsatsu, Nxb. 3A Network (Thư viện ngành Nhật Bản học).

131028 VIẾT 5 – TIẾNG NHẬT

Môn Viết 5 – Tiếng Nhật sẽ chú trọng cho sinh viên thực hành viết tóm tắt nội dung, cảm nghĩ sau khi đọc bài văn, bài báo,...Sinh viên sẽ trình bày trước lớp cảm nghĩ của bản thân trước những nội dung bài viết.

Tài liệu tham khảo**:**

1.小野恵久子、遠藤千鶴、大久保伸枝、山中みどり、話す・書くにつながる！日本語読解 初中級（2020年）、株式会社アルク (Ono Ekuko, Endo Chizuru, Okubo Nobue, Yamanaka Midori, năm 2020, Tiếng Nhật Đọc hiểu trình độ sơ trung cấp liên quan đến kĩ năng Nói, Viết, NXB Aruku)

2.ニ通信子、佐藤不二子、（2014年）、留学生のための論理的な文章の書き方、株式会社スリーエーネットワーク (Nitsu Nobuko, Sato Fujiko, năm 2014, cách viết đoạn văn mang tính lý luận dành cho du học sinh, NXB công ty cổ phần Network)

131036 VIẾT 6 – TIẾNG NHẬT

Ở môn Viết 6 – Tiếng Nhật, sinh viên sẽ sử dụng các kiến thức đã học để viết cv, sơ yếu lí lịch, hồ sơ xin việc. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ thực hành viết các quy trình công việc. Sau khi hoàn thành bài viết, sinh viên sẽ trình bày trước lớp, phát biểu ý kiến của bản thân.

Tài liệu tham khảo:

1.小野恵久子、遠藤千鶴、大久保伸枝、山中みどり、話す・書くにつながる！日本語読解 中上級（2020年）、株式会社アルク (Ono Ekuko, Endo Chizuru, Okubo Nobue, Yamanaka Midori, năm 2020, Tiếng Nhật Đọc hiểu trình độ trung thượng cấp liên quan đến kĩ năng Nói, Viết, NXB Aruku)

2.ニ通信子、佐藤不二子、（2014年）、留学生のための論理的な文章の書き方、株式会社スリーエーネットワーク (Nitsu Nobuko, Sato Fujiko, năm 2014, cách viết đoạn văn mang tính lý luận dành cho du học sinh, NXB công ty cổ phần Network)

131037 VĂN HỌC NHẬT BẢN

Môn Văn học Nhật Bản dành cho sinh viên thuộc ngành Nhật Bản nhằm trình bày những đặc trưng cơ bản, các giai đoạn phát triển của một nền văn học. Văn học Nhật Bản trang bị những kiến thức cơ bản về nền văn học Nhật Bản.

Tài liệu tham khảo:

1. Nhật Chiêu, Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868, NXB Giáo dục, năm 2003.
2. Đào Thị Thu Hằng, Văn hóa Nhật Bản và Yasunari Kawabata, NXB Giáo dục, năm 2007.
3. Eichi Aoki, Nhật Bản đất nước và con người, NXB Văn học, năm 2006.

131055 ĐẤT NƯỚC HỌC NHẬT BẢN

Môn học cung cấp lượng kiến thức nền cho sinh viên về các đề tài văn hoá xã hội Nhật Bản. Phần lý thuyết cung cấp cho sinh viên những đặc trưng trong văn hoá xã hội Nhật Bản, những khuynh hướng nghiên cứu, cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu được áp dụng tại Mỹ và Nhật trong những năm gần đây. Qua phần thực hành sinh viên sẽ học được cách tìm tài liệu, sắp xếp nội dung trình bày và phát triển kỹ năng thuyết trình, đồng thời bồi dưỡng khả năng nghiên cứu độc lập một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hoá xã hội của Nhật Bản. Sinh viên sẽ nắm được những kiến thức đầy đủ và tương đối sâu sắc về nhân học và văn hóa, xã hội Nhật Bản,

biết lý giải những đặc điểm của nền văn hóa và xã hội Nhật Bản. Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên hệ thống hóa những kiến thức tổng quan về địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội của nước Nhật, biết đánh giá các yếu tố địa lý và dân cư có tác động đến sự phát triển toàn diện của Nhật Bản như thế nào, biết cách phân tích và giải thích các hiện tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội của nước Nhật.

Tài liệu tham khảo:

1.Ruth Benedict, Hoa cúc và Gươm, NXB Hồng Đức, 2016.
2. 呉座 勇一、(2017年) 戦争の日本中世史、新潮社 Yuichi Goza, Lịch sử trung thế Nhật Bản về chiến tranh, Nxb. Shinchousha, 2017.
3. 井沢 元彦、(2015年) 井沢元彦の激闘の日本史 北条時宗と元寇の危機、角川学芸出版 Motohiko Izawa, Lịch sử Nhật Bản - Hojo Tokimune và nguy cơ giặc Nguyên Mông, Nxb. Văn nghệ Kadogawa, 2015.

131058 TIẾNG NHẬT THƯƠNG MẠI 2

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến tiếng Nhật thương mại trình độ trung cấp. Trong giờ học, sinh viên sẽ được làm quen với các tình huống luyện tập thực tế trong công ty, nơi kinh doanh, buôn bán. Sinh viên sẽ sử dụng tiếng Nhật thương mại để xử lý tình huống liên quan đến các văn bản thương mại, giao dịch. Sinh viên học hỏi thêm từ vựng, các mẫu câu thường dùng trong thương mại.

Tài liệu tham khảo:

1.青ルミ、(2018年)日本人がよく使う日本語会話オノマトペ基本表現180、Jリサーチ出版。) Aomiru, 180 mẫu câu cơ bản từ tượng thanh trong hội thoại tiếng Nhật mà người Nhật thường sử dụng, Nxb. Jrisa-chi,
2.岩澤みどり、寺田則子、（2014年）、日本企業への就職—ビジネス会話トレーニング、株式会社アスク出版 (Iwazawa Midori, Terada Noriko, năm 2014, Huấn luyện hội thoại thương mại làm việc trong các công ty Nhật Bản, NXB Asuku)
3.奥村真希、安河内貴子、2015年、日本語ビジネス文書マニュアル、株式会社アスク出版 (Okumura Maki, Yasukouchi Takako, năm 2015, Hướng dẫn các bài viết tiếng Nhật thương mại, NXB Asuku)
4. 奥山貴之, 宇津木奈美子、(2020年), 考える人のための【上級】日本語読解、凡人社(Takayuki Okuyama, Namiko Utsuki, Đọc hiểu tiếng Nhật [cấp cao] để tư duy, Nxb. Bonjinsha, 2020).
5. 大久保 伸枝, 山中 みどり, 小野 恵久子, 遠藤 千鶴、(2016年) 話す・書くにつながる! 日本語読解 中上級、アルク(Nobue Okubo, Midori Yamanaka, Ekuko Ono, Chizuru Endo, Liên kết kỹ năng nói – viết! Đọc hiểu tiếng Nhật – Trung thượng cấp, Nxb. Aruku, 2016).

131059 BIÊN PHIÊN DỊCH – TIẾNG NHẬT 1

Ở môn học này sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức lý thuyết về lý luận dịch thuật, kỹ năng dịch thuật với các loại hình dịch thuật khác nhau. Ở môn Biên Phiên Dịch tiếng Nhật 1,sinh viên sẽ thực hành dịch biểu mẫu, giấy tờ hành chính, dịch email, tin tức, kỹ năng dịch xuôi các loại văn bản ở mức độ cao hơn về các lĩnh vực văn hóa, xã hội, kinh tế, môi trường, khoa học, vv... Ngoài dịch viết thì sinh viên sẽ thực hành dịch nói từ Nhật sang Việt hoặc ngược lại.

Sau khi học xong môn học này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về nguyên tắc dịch, qua đó rèn luyện được phản xạ nhanh nhạy bén trong quá trình ứng dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Có sự so sánh về mặt ngữ pháp, ngữ âm giữa hai ngôn ngữ Tiếng Nhật và Tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo:

1. Nhiều tác giả, (2016), Kỷ yếu hội thảo Giảng dạy Biên – Phiên dịch bậc đại học, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
2. Nguyễn Thị Thanh Thủy (chủ biên), (2022), Rèn luyện kỹ năng Phiên dịch, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. 石黒 圭、(2019年) 日本語教師のための 実践・読解指導、くろしお出版。) Kei Ishiguro, Hướng dẫn đọc hiểu và thực hành dành cho giảng viên tiếng Nhật, Nxb. Kuroshio, 2019.
4. 山下 暁美, 沢野 美由紀、(2019年)改訂版 書き込み式でよくわかる 日本語教育文法講義ノート、アルク。Akemi Yamashita, Miyuki Sawano, Sổ tay bài giảng ngữ pháp dạy tiếng Nhật dễ hiểu cho các loại văn phong viết (bản hiệu đính), Nxb. Aruku, 2019. ()
5.小野 恵久子, 遠藤 千鶴, 大久保 伸枝, 山中 みどり、話す・書くにつながる! 日本語読解 初中級、アルク、2018年。(Ekuko Ono, Chizuru Endo, Nobue Okubo, Midori Yamanaka, Liên kết kỹ năng Nói và Viết – Đọc hiểu tiếng Nhật Sơ trung cấp, Nxb. Aruku, 2018)

131061 KINH TẾ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Môn học Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương Cung cấp cho sinh viên những kiến thức đầy đủ và sâu sắc về một khu vực kinh tế năng động nhất hiện nay – kinh tế châu Á – Thái Bình Dương.

Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Thị Chỉnh, Giáo trình kinh tế châu Á-Thái Bình Dương, NXB Thống kê, 2005
2. Nguyễn Trọng Chuẩn (Chủ biên), Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam – Lý luận và Thực tiễn, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002
3. Soon, Tính năng động của kinh tế Hàn Quốc, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2000
4. Martin Wolf, Những bài học từ sự thành công của nền kinh tế Nhật Bản, NXB TP Hồ Chí Minh, 1990
5. Dương Phú Hiệp – Phạm Hồng Thái (Chủ biên): Nhật Bản trên đường cải cách, NXB Khoa học Xã hội, 2004
6. Justin Yifu Lin – Fang Cai – Zhou Li, Phép lạ Trung Quốc, NXB TP Hồ Chí Minh, 1998
7. Võ Đại Lược (Chủ biên), Bối cảnh quốc tế và những xu hướng điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế ở một số nước lớn, NXB KHXH, 2003
8. Jun Ma, Trung Quốc: nhìn lại một chặng đường phát triển, NXB Trẻ, 2002
9. Kazushi Ohkawa – Hirohisa Kahawa, Kinh nghiệm công nghiệp hoá của Nhật Bản và sự thích dụng của nó đối với nền kinh tế các nước đang phát triển, NXB KHXH, 2004
10. Yasukiko Nakasone, Chiến lược quốc gia của Nhật Bản trong thế kỷ XXI, NXB Thông tấn, 2004
11. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế; Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương; Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc; Tạp Chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á.

131063 BIÊN PHIÊN DỊCH – TIẾNG NHẬT 2

Tiếp nối Biên phiên dịch tiếng Nhật (1), Biên phiên dịch tiếng Nhật (2) tiếp tục trang bị và rèn luyện cho người học nắm vững lý luận về phiên dịch với các loại hình dịch thuật khác nhau. Sinh viên sẽ được thực hành dịch tin tức trên NHK, dịch các loại văn bản Việt – Nhật, dịch hội nghị, dịch truyện,...Sau khi học xong môn học này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về nguyên tắc phiên dịch, qua đó rèn luyện được phản xạ nhanh nhạy bén trong quá trình ứng dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Có sự so sánh về mặt ngữ pháp, ngữ âm giữa hai ngôn ngữ Tiếng Nhật và Tiếng Việt. Đồng thời bộ môn này tập trung chủ yếu vào phiên dịch, giúp cho sinh viên thực hành phiên dịch trực tiếp.

Tài liệu tham khảo:

1. 石黒 圭、(2019年) 日本語教師のための 実践・読解指導、くろしお出版。(Kei Ishiguro, Hướng dẫn đọc hiểu và thực hành dành cho giảng viên tiếng Nhật, Nxb. Kuroshio, 2019).
2.Nguyễn Thị Thanh Thủy (chủ biên), (2022), Rèn luyện kỹ năng Phiên dịch, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. 山下 暁美, 沢野 美由紀、改訂版 書き込み式でよくわかる　日本語教育文法講義ノート、アルク、2019年。Akemi Yamashita, Miyuki Sawano, Sổ tay bài giảng ngữ pháp dạy tiếng Nhật dễ hiểu cho các loại văn phong viết (bản hiệu đính), Nxb. Aruku, 2019.
4.小 野 恵久子, 遠藤 千鶴, 大久保 伸枝, 山中 みどり、話す・書くにつながる!　日本語読解　初中級、アルク、2018年。Ekuko Ono, Chizuru Endo, Nobue Okubo, Midori Yamanaka, Liên kết kỹ năng Nói và Viết – Đọc hiểu tiếng Nhật Sơ trung cấp, Nxb. Aruku, 2018)

131064 VIẾT 2 – TIẾNG NHẬT

Sinh viên sẽ sử dụng tất cả các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp đã học để viết thành thạo nội dung xoay quanh các chủ đề như ước mơ tương lai, sở thích của bản thân, viết nhật kí. Đồng thời, thông qua môn học này sinh viên sẽ học hỏi thêm cách viết của bạn bè trong lớp, trao đổi nội dung bài viết với nhau, tự tin trình bày ý kiến của chính mình theo từng chủ đề.

Tài liệu tham khảo:

1. 門脇薫、西馬薫（1999）『みんなの日本語初級　やさしい作文』スリーエーネットワーク出版(Minanonihongo Shyokyu Yasashii sakubun. Tiếng Nhật sơ cấp, viết văn dễ dàng)
2.国際交流基金関西国際センター（2013）『まるごと　日本の言葉と文化　入門A1理解』株式会社三修社出版 (Marugoto Nihonnokotoba to bunka Nyumon A1 Rikai)
3.. 国際交流基金関西国際センター　(2014) 『まるごと　日本の言葉と文化　入門A2理解』株式会社三修社出版 Marugoto Nihonnokotoba to bunka Nyumon A2 Rikai
4. 友松悦子 (2008)　『小論文への１２のステップ』, スリーエーネットワーク.(shouronbunheno 12 no suteppu)

131076 ĐỌC 3 – TIẾNG NHẬT

ở Môn Đọc 3, sinh viên sẽ thực hành đọc những văn bản ở cấp độ cuối sơ cấp. Sinh viên chia nhóm thảo luận về các nội dung bài đọc, đưa ra ý kiến và phát biểu trước lớp. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên phải tự trau dồi và luyện tập để ứng dụng kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao tốc độ, năng lực đọc.

Tài liệu tham khảo:

1. 牧野昭子、沢田幸子、重川明美、田中よね、水野マリ子、（2001年）みんなの日本語初級II 初級で読めるトピック25」株式会社スリーエーネットワーク

Tiếng Nhật cho mọi người - 25 bài đọc hiêu Sơ cấp II (Thư viện ngành Nhật Bản học)
2. 新矢麻紀子、古賀千世子、高田亨、御子神慶子 （2017年）「みんなの日本語初級II漢字」、株式会社スリーエーネットワーク
Tiếng Nhật cho mọi người - Chữ Hán Sơ cấp II (Thư viện ngành Nhật Bản học)
3. 「みんなの日本語初級II 漢字練習長」、東京国際日本語学院（2004年）
Tiếng Nhật cho mọi người - Luyện tập chữ Hán Sơ cấp II (Thư viện ngành Nhật Bản học)
4. 桑原里奈、木林理恵, (2016年）「日本語能力試験公式問題集スピードマスタ読解Ｎ5」Ｊリサーチ（Luyện thi năng lực Nhật ngữ Supido - đọc hiểu N5 (Thư viện ngành Nhật Bản học)
5. 市川綾子、瀬戸口彩、松本隆 （2019年）、「日本語能力試験合格Ｎ４・５」、アルク
Luyện thi năng lực Nhật ngữ Gokaku - N4 N5 (Thư viện ngành Nhật Bản học)

131085 NGHE 2 – TIẾNG NHẬT

Tiếp theo giáo trình nghe 1, sinh viên tiếp tục học 60 tiết nghe 2. Sau khi kết thúc, sinh viên có thể nghe hiểu và trả lời được những câu sử dụng trong giao tiếp thông thường hàng ngày. Sinh viên có thể dự kỳ thi năng lực Nhật ngữ N5
Ngoài việc nghe để làm các bài tập theo yêu cầu mà sách giáo khoa đề ra để kiểm tra độ nghe hiểu của sinh viên, giáo viên còn phải yêu cầu sinh viên nghe và lặp lại để kiểm tra cách phát âm, mức độ nhớ chính xác từ vựng… Bên cạnh đó cần phải chia nhóm và phân vai để sinh viên thực hành hội thoại, phát biểu lại những gì đã nghe
Tài liệu tham khảo:
1. 小林卓爾、（2017年）、『みんなの日本語初級1, 第２版 本冊』、 スリーエーネットワーク (Thư viện ngành Nhật Bản học) （Minnanonihongo shokyu 1 Giáo trình tiếng Nhật Minna sơ cấp 1
2. 牧野 昭子、2018、『みんなの日本語初級1聴解タスク25』、スリーエーネットワーク
Minnanonihongo shokyu 1 Chyoka tasuku 25 Giáo trình tiếng Nhật Minna sơ cấp 1 Nghe 25 (Thư viện ngành Nhật Bản học)
3. 国際交流基金、（2007年）、『DVDで学ぶ日本語 エリンが挑戦！にほんごできます VOL 1』、株式会社 凡人社 . Quỹ giao lưu quốc tế, 2007, “Hoc tiếng Nhật bằng DVD Erin thử thách! Bạn có thể học tiếng Nhật VOL1, Nxb. Bonjinsha. (Thư viện ngành Nhật Bản học)
4. 田中真一、（2006年）、『日本語の発音教室 理論と練習』、株式会社 ツナノ
Nihongonohatsuonnkyoshitsu riron to renshyu (Thư viện ngành Nhật Bản học)
5. 三井昭子、（2010年）毎日聞き取り50、日本語の凡人社。50 bài nghe luyện tập mỗi ngày
6. 文化外国語専門学校,（2013年）楽しく聞こう１、文化外国語専門学校 Giáo trình luyện nghe Tanoshikukikou 1

131086 NÓI 2 – TIẾNG NHẬT

Tiếp theo Nói 1, Bộ môn Nói 2 rèn luyện sinh viên thực hành giao tiếp tiếng Nhật với người Nhật trong các tình huống ở nhiều lĩnh vực thông qua các hoạt động đóng vai, thuyết trình, phát biểu. Ngoài việc luyện các mẫu câu, bài đàm thọai sẵn có trong sách giáo khoa, sinh viên còn luyện tập theo nhóm ở mọi tình huống dưới sự giám sát của giảng viên người bản xứ, để họ kịp thời chửa lỗi sai cũng như cách phát âm của sinh viên.
Tài liệu tham khảo:
1.スリーエーネットワーク、(2017)皆の日本語初級１第2版、株式会社スリーエーネットワーク) Giáo trình tiếng Nhật Minna sơ cấp 1 (2017), Công ty cổ phần 3A
2. ヒューマンアカデミー日本語学校、（2021年）つなぐ日本語初級１、株式会社アスク出版
3.アスク出版日本語編集部、（2020年）はじめての日本語能力試験 合格模試 N5、アスク出版 (Hajimeteno Nihongo noryokushiken Gokakumoushiki N5).

131087 HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NHẬT BẢN

Môn học Hệ thống chính trị Nhật Bản trang bị cho SV sự hiểu biết về mối quan hệ biện chứng giữa thương tầng chính trị và hạ tầng cơ sở. Cung cấp cho SV những kiến thức về đời sống chính trị Nhật Bản: cấu trúc, hoat động quyền lực.
Tài liệu tham khảo:
1. Hồ Sĩ Qúy, 2005. Về giá trị và giá trị Châu Á. NXB CTQG
2. GS. Nguyễn Hồng phong, 1998. Văn hóa chính trị Việt Nam – Truyền thống hiện đại. NXB Văn hóa – Thông tin
3. Kishimoto Koishi , 1997. Politics in Japan. Japan Echo Inc. Tokyo
4. Viện Khoa học chính trị, 2000. Tập bài giảng chính trị học. NXB CTQG
5. GS. Dương Phú Hiệp, 1996. Tìm hiều nền hành

chính Nhật Bản. NXB KHXH.
6. Hòang Văn Việt, 2007. Các quan hệ chính trị ở Phương Đông. NXB ĐHQG TP HCM
7. Edwin O.Reischower, 1994. Nhật Bản – Qúa khứ và hiện tại. NXB KHXH
8. Nhât Bản trong thế giới Đông Á và Đông Nam Á, 2003. NXB TP HCM
9. TS. Cao Văn Liên, 2003. Tìm hiều các nước và các hình hình thức Nhà nước trên thế giới.NXB Thanh niên
10. TS. Nguyễn Đăng Dung, 1997. Luật Hiến pháp nước ngoài. NXB Đồng Nai.
11. Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản (và Đông Bắc Á)

131088 NÓI 4 – TIẾNG NHẬT

Ở môn Nói 3, sinh viên sẽ sử dụng các mẫu ngữ pháp đã học để thực hành các bài hội thoại với các tình huống, ngữ cảnh khác nhau. Sinh viên còn luyện tập theo nhóm dưới sự giám sát của giảng viên người bản xứ, phát biểu trước cả lớp, được gv bản xứ chửa lỗi sai cũng như cách phát âm.

Tài liệu tham khảo:

1. 小林卓爾、2012、『みんなの日本語初級1, 第２版　本冊』、 スリーエーネットワーク, 2012 Takuji Kobayashi, 2012, Minna No Nihongo Sơ cấp 1 - Cuốn 2 - Honsatsu, Nxb. 3A Network (Thư viện ngành Nhật Bản học)
2.富阪　容子, 2005, 滑らか日本語会話、アルク出版社. Yoko Tomisaka, 2005, Đàm thoại tiếng Nhật lưu loát, 2005, Nxb.Aruku (Thư viện ngành Nhật Bản học)
3.ヒューマンアカデミー日本語学校、（2020年）つなぐ日本語初級2、株式会社アスク出版

131094 NGHE 3 – TIẾNG NHẬT

Tiếp theo Nghe 2, ở môn nghe 3 sinh viên có thể nghe hiểu và trả lời được những câu sử dụng trong giao tiếp thường ngày. Sinh viên có thể chuẩn bị cho kỳ thi năng lực tiềng Nhật N4. Sinh viên thực hành nghe, làm các bài tập theo yêu cầu mà sách giáo khoa đề ra để kiểm tra độ nghe hiểu của sinh viên, sinh viên nghe và lặp lại để kiểm tra cách phát âm, mức độ nhớ chính xác từ vựng… Bên cạnh đó sinh viên được chia nhóm và phân vai để sinh viên thực hành được đoạn hội thoại mà sinh viên đã được nghe.

Tài liệu tham khảo:

1. 小林卓爾、(2017年)、『みんなの日本語 初級2 第2版 本冊 』、スリーエーネットワークGiáo trình tiếng Nhật Minna sơ cấp 2 ,Công ty cổ phần 3A (Thư viện ngành Nhật Bản học)
2. 牧野 昭子、（2019年）、『みんなの日本語初級2聴解タスク25』、スリーエーネットワーク Giáo trình tiếng Nhật Minna sơ cấp 2 Công ty cổ phần 3A (Thư viện ngành Nhật Bản học)
3. 国際交流基金、（2008年）、『DVDで学ぶ日本語　エリンが挑戦！にほんごできます　VOL 2』、株式会社　凡人社　（DVD de Manabu Nihongo Erin Chyosen ! Nihongo Dekiru）(Thư viện ngành Nhật Bản học)
4. 田中真一、（2006年）、『日本語の発音教室理論と練習』、株式会社　ツナノ　（Nihongo Hatsuon kyoshitsu Rironto Renshyu ）(Thư viện ngành Nhật Bản học)

131098 NGỮ PHÁP 3 – TIẾNG NHẬT

Tiếp theo Ngữ pháp 2, Môn Ngữ pháp 3 tiếp tục cung cấp cho sinh viên phần còn lại kiến thức ngữ pháp ở cấp độ sơ cấp của tiếng Nhật. Sinh viên hiểu ý nghĩa, cách sử dụng, thực hành các bài tập, có thể ứng dụng để viết được những câu đơn giản, ứng dụng vào môn đọc, nghe nói những câu cấp độ đầu sơ cấp. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên phải tự trau dồi và luyện tập để ứng dụng kiến thức ngữ pháp đã học nhằm phát triển đồng bộ cả bốn kỹ năng.

Tài liệu tham khảo:

1.スリーエーネットワーク、(2017)　皆の日本語初級2第2版、株式会社スリーエーネットワーク Giáo trình tiếng Nhật Minna sơ cấp 2 (2017), Công ty cổ phần 3A
2.スリーエーネットワーク、(2017)　皆の日本語標準問題集2第2版、株式会社スリーエーネットワーク) Giáo trình tiếng Nhật Minna bài tập cơ bản sơ cấp 2 (2017), Công ty cổ phần 3A
3. スリーエーネットワーク、(2017) 皆の日本語文型練習帳2第2版、株式会社スリーエーネットワーク) .Giáo trình tiếng Nhật Minna bài tập mẫu câu sơ cấp 2 (2017), Công ty cổ phần 3A.

131106 NGỮ PHÁP 1 – TIẾNG NHẬT

Môn Ngữ pháp trang bị cho sinh viên các cấu trúc ngữ pháp cơ bản đã học. Sinh viên hiểu ý nghĩa, cách sử dụng, thực hành các bài tập, có thể ứng dụng để viết được những câu đơn giản, ứng dụng vào môn đọc, nghe nói những câu cấp độ đầu sơ cấp. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên phải tự trau dồi và luyện tập để ứng dụng kiến thức ngữ pháp đã học nhằm phát triển đồng bộ cả bốn kỹ năng.

Tài liệu tham khảo:

1.スリーエーネットワーク、(2017)　皆の日本語初級１第2版、株式会社スリーエーネットワーク Giáo trình tiếng Nhật Minna sơ cấp 1 (2017), Công

ty cổ phần 3A ()
2.スリーエーネットワーク、(2017)、皆の日本語標準問題集１第2版株式会社スリーエーネットワークGiáo trình tiếng Nhật Minna bài tập cơ bản sơ cấp 1 (2017), Công ty cổ phần 3A
3.スリーエーネットワーク、(2017)皆の日本語文型練習帳１第2版、株式会社スリーエーネットワークGiáo trình tiếng Nhật Minna bài tập mẫu câu sơ cấp 1 (2017), Công ty cổ phần 3A.

131107 NÓI 3 – TIẾNG NHẬT

Ở môn Nói 3, sinh viên sẽ sử dụng các mẫu ngữ pháp đã học để thực hành các bài hội thoại với các tình huống, ngữ cảnh khác nhau. Sinh viên còn luyện tập theo nhóm dưới sự giám sát của giảng viên người bản xứ, phát biểu trước cả lớp, được gv bản xứ chửa lỗi sai cũng như cách phát âm.
Tài liệu tham khảo:
1. スリーエーネットワーク、「みんなの日本語初級I」（2017年）株式会社スリーエーネットワークGiáo trình tiếng Nhật Minna sơ cấp 1 (2017), Công ty cổ phần 3A
2. 金子史朗（著）、深田みのり、黒川美紀子、宮下智子（2006年）『マンガで学ぶ日本語会話術』、アルク出版社。（Mangademanabu Nihongokaiwashutsu）
3. ヒューマンアカデミー日本語学校、（2020年）つなぐ日本語初級2、株式会社アスク出版
4.国際交流基金、簗島　史恵（2007年）「DVDで学ぶ日本語　エリンが挑戦　にほんごできます。Vol　1」株式会社　凡人社。（DVD de Manabu Nihongo Erin Chyosen ! Nihongo Dekiru Vol.1）
5. 国際交流基金、簗島　史恵（2007年）「「DVDで学ぶ日本語　エリンが挑戦　にほんごできます。Vol　2」株式会社　凡人社。。（DVD de Manabu Nihongo Erin Chyosen ! Nihongo Dekiru　Vol.２

131117 NGHIỆP VỤ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG VÀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Môn học giúp sinh viên:
- Nắm được toàn bộ các kiến thức về pháp luật thuế TNCN hiện hành và chính sách về lao động - tiền lương như: Quy định về giao kết hợp đồng lao động, nội dung và hình thức của HĐLĐ, thời gian thử việc, tiền lương trong thời gian thử việc, các quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, trợ cấp thôi việc, mất việc làm hay những quy định về tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, cũng như các quy định về đối thoại tại nơi làm việc, thỏa ước lao động tập thể, đăng ký thang bảng lương, nội quy lao động...
- Nắm vững các kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, các quy định về thể thức văn bản hành chính, kỹ thuật trình bày, bố cục của các văn bản hành chính, cũng như thành thạo các thao tác căn chỉnh, định dạng và trình bày các văn bản hành chính một cách chuyên nghiệp nhất.
Nắm được các kỹ năng về quản lý và tuyển dụng nhân sự như: Phương pháp xây dựng bản mô tả công việc, lập kế hoạch tuyển dụng, cách tìm kiếm và lựa chọn ứng viên phù hợp, nghệ thuật phỏng vấn ứng viên...ngoài ra còn biết cách soạn thảo thử tuyển dụng (Letter offer) và hợp đồng lao động, cũng như xây dựng các biểu mẫu về nhân sự.
- Biết cách xây dựng nội quy lao động, quy chế lương, thưởng trong doanh nghiệp và nắm rõ qutrình, các bước khai trình, lập báo cáo sử dụng lao động định kỳ, cách xây dựng, đăng ký thang bảng lương cũng như là thỏa ước lao động tập thể, đăng ký thỏa ước lao động tập thể. Bên cạnh đó, còn nắm được các thủ tục và cách lập hồ sơ xin Giấy phép lao động (Work permit) và Thẻ tạm trú (TRC) cho Lao động nước ngoài. Ngoài ra, còn có thể lập thành thạo bảng chấm công, bảng tính lương, BHXH, thuế TNCN và phiếu thanh toán lương tự động trên Excel.
- Hiểu về phần mềm kê khai bảo hiểm xã hội (KBHXH) và hệ thống nộp hồ sơ bảo hiểm điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, cũng như hệ thống khai báo và nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội IVAN. Thành thạo các nghiệp vụ liên quan đến BHXH-BHYT-BHTN như: Cấp thẻ BHYT hàng năm, báo tăng, giảm lao động, thanh toán ốm đau, thai sản, điều chỉnh mức đóng...
- Biết cách đăng ký mã số thuế TNCN, đăng ký mã số thuế người phụ thuộc và cách tính toán thuế TNCN
Tài liệu tham khảo:
1. Nguyễn Thành Độ, Giáo trình Quản trị văn phòng, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
2. Quang Minh, Cẩm Nang Nghiệp Vụ Dành Cho Cán Bộ Tư Pháp, Văn Phòng Luật Sư & Trợ Giúp Pháp Lý, NXB Lao Động.

131118 ĐỌC 1 – TIẾNG NHẬT

Môn đọc hiểu 1, sinh viên tìm hiểu về ý nghĩa, cách đọc, cách viết chữ Hán (100 chữ). Sinh viên sẽ phân biệt được cách viết các chữ Hán, nhận ra các chữ Hán khác nhau. Đồng thời sinh viên sẽ thực hành viết chữ Hán. Bên cạnh đó, sinh viên ứng dụng các kiến thức ngữ pháp đã học và các kiến thức xã hội

để đọc bài và nắm bắt ý chính của bài đọc, xác nhận lại cách đọc chữ Hán đã học.
Tài liệu tham khảo:
1.みんなの日本語初級I：漢字ベトナム語版 – Tiếng Nhật cho mọi người, sơ cấp I, Chữ Hán I (NXB 3A Corporation, 2016).
2. みんなの日本語初級I：初級で読めるトピック２５ – Tiếng Nhật cho mọi người, sơ cấp I, 25 bài đọc hiểu sơ cấp. (NXB 3A Corporation, 2017).
3.みんなの日本語初級I：漢字練習帳 – Tiếng Nhật cho mọi người, sơ cấp I, Bài tập chữ Hán 1 (NXB 3A Corporation, 2016).

131119 NGỮ PHÁP 2 – TIẾNG NHẬT

Tiếp theo Ngữ pháp 1, Môn Ngữ pháp 2 tiếp tục cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp cơ bản ở cấp độ sơ cấp của tiếng Nhật. Sinh viên hiểu ý nghĩa, cách sử dụng, thực hành các bài tập, có thể ứng dụng để viết được những câu đơn giản, ứng dụng vào môn đọc, nghe nói những câu cấp độ đầu sơ cấp. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên phải tự trau dồi và luyện tập để ứng dụng kiến thức ngữ pháp đã học nhằm phát triển đồng bộ cả bốn kỹ năng.
Tài liệu tham khảo:
1.スリーエーネットワーク、(2017) 皆の日本語初級１第2版、株式会社スリーエーネットワーク) Giáo trình tiếng Nhật Minna sơ cấp 1 (2017), Công ty cổ phần 3A
2. (スリーエーネットワーク、(2017)、皆の日本語標準問題集１第2版株式会社スリーエーネットワーク) Giáo trình tiếng Nhật Minna bài tập cơ bản sơ cấp 1 (2017), Công ty cổ phần 3A
3.スリーエーネットワーク、(2017) 皆の日本語文型練習帳１第2版、株式会社スリーエーネットワーク) Giáo trình tiếng Nhật Minna bài tập mẫu câu sơ cấp 1 (2017), Công ty cổ phần 3A
4.スリーエーネットワーク、(2017) 皆の日本語初級2第2版、株式会社スリーエーネットワーク) Giáo trình tiếng Nhật Minna sơ cấp 2 (2017), Công ty cổ phần 3A (
5.スリーエーネットワーク、(2017) 皆の日本語標準問題集2第2版、株式会社スリーエーネットワーク(Giáo trình tiếng Nhật Minna bài tập cơ bản sơ cấp 2 (2017), Công ty cổ phần 3A
6. スリーエーネットワーク、(2017) 皆の日本語文型練習帳2第2版、株式会社スリーエーネットワーク) Giáo trình tiếng Nhật Minna bài tập mẫu câu sơ cấp 2 (2017), Công ty cổ phần 3A

131120 VIẾT 1 – TIẾNG NHẬT

Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng viết đoạn văn ngắn, đơn giản trình độ sơ cấp theo từng chủ đề bằng cách vận dụng các mẫu ngữ pháp đã học. Kết thúc môn học, sinh viên trang bị các kỹ năng triển khai đoạn văn, liên kết các đoạn văn, nắm vững các mẫu ngữ pháp đã học và các từ vựng có liên quan. Sau khi kết thúc môn học, Sinh viên biết cách vận dụng các mẫu ngữ pháp và kết hợp từ vựng để viết thành một câu văn hoàn chỉnh. Sau đó, triển khai thành các đoạn văn nhỏ và hình thành một bài văn hoàn chỉnh với đầy đủ nội dung theo yêu cầu. Sinh viên có thể viết các đoạn văn hoàn chỉnh theo từng chủ đề.
Tài liệu tham khảo:
1. 門脇薫、西馬薫（1999）『みんなの日本語初級　やさしい作文』スリーエーネットワーク出版(Minanonihongo Shyokyu Yasashii sakubun. Tiếng Nhật sơ cấp, viết văn dễ dàng)
2.国際交流基金関西国際センター（2013）『まるごと　日本の言葉と文化　入門A1理解』株式会社三修社出版 (Marugoto Nihonnokotoba to bunka Nyumon A1 Rikai)
3.国際交流基金関西国際センター (2014)『まるごと　日本の言葉と文化　入門A2理解』株式会社三修社出版 Marugoto Nihonnokotoba to bunka Nyumon A2 Rikai
4. 友松悦子 (2008) 『小論文への１２のステップ』, スリーエーネットワーク.(shouronbunheno 12 no suteppu)

131121 TIẾNG NHẬT TỔNG HỢP 1

Ở môn này sinh viên sẽ học và thực hành những cấu trúc cơ bản ở trình độ trung cấp thông qua các bài đọc trong sách. Sau đó sinh viên sẽ ứng dụng vào trong viết câu, dịch câu, hội thoại,... Sinh viên sẽ so sánh, phân biệt được các mẫu ngữ pháp có ý nghĩa gần giống nhau hoặc giống nhau.
Tài liệu tham khảo:
1. スリーエーネットワーク(2015年)みんなの日本語、中級 Ｉ 、株式会社スリーエーネットワーク、Giáo trình tiếng Nhật Minna Trung cấp 1, công ty cổ phần 3A, năm 2015
2. スリーエーネットワーク、2016年みんなの日本語中級１標準問題集、、株式会社スリーエーネットワーク Giáo trình bài tập cơ bản tiếng Nhật Minna Trung cấp 1, công ty cổ phần 3A, năm 2016
1. 牧野昭子、沢田幸子、重川明美、田中よね、水野マリ子（2001年）「みんなの日本語初級II 初級で読めるトピック25」、株式会社スリーエーネットワーク
Tiếng Nhật cho mọi người - 25 bài đọc hiêu Sơ cấp II (Thư viện ngành Nhật Bản học)

2. 新矢麻紀子、古賀千世子、高田亨、御子神慶子（2017年）「みんなの日本語初級II漢字」、、株式会社スリーエーネットワークTiếng Nhật cho mọi người - Chữ Hán Sơ cấp II (Thư viện ngành Nhật Bản học)
3.花井喜朗、（2018年）、ポップカルチャーで学ぶ初中級日本語、黒潮出版 (Hanai Yoshiro, năm 2018, Học tiếng Nhật sơ trung cấp qua văn hóa, NXB Kuroshio)
4.「日本語能力試験公式問題集Ｎ４」、日本国際教育支援協会（2012年）
Luyện thi năng lực Nhật ngữ tổng hợp N4, Qũy giao lưu Quốc tế (Thư viện ngành Nhật Bản học)
5. 桑原里奈、木林理恵2016年）「日本語能力試験公式問題集スピードマスター読解Ｎ4」、Ｊリサーチ（Luyện thi năng lực Nhật ngữ Supido - đọc hiểu N4 (Thư viện ngành Nhật Bản học)
6. 田代ひとみ、宮田聖子、荒巻朋子、坂本まり子、（2018年）「日本語能力試験新完全マスター読解Ｎ4」、スリーエーネットワークLuyện thi năng lực Nhật ngữ Shinkanzen – đọc hiểu N4 (Thư viện ngành Nhật Bản học)

131122 TIẾNG ANH GIAO TIẾP 1

Môn học này cung cấp cho các sinh viên vốn từ vựng cần thiết và các cấu trúc ngữ pháp đơn giản để sử dụng trong các tình huống giao tiếp hằng ngày như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về gia đình, đồ vật, hỏi về thời gian, nói về khả năng, phát biểu cảm nghĩ thích hoặc không thích điều gì, thức ăn, diễn đạt những việc đã làm trong quá khứ và chủ động tiếp tục học tập ở cấp độ cao hơn.
Môn học Tiếng Anh giao tiếp 1 gồm 7 bài (7 units) – 45 tiết.
Tài liệu tham khảo:
1. Cunningham, S., Moor, P., Crace, A. (2013). *Cutting Edge: Elementary (3rd edition)*. England: Pearson Education Limited. (Tài liệu không tái bản)
2. Rea, D. & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press. (Tài liệu không tái bản)
3. Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). *Speak Now 1*. New York: Oxford University Press. (Tài liệu không tái bản)

131123 ĐÀM THOẠI 1 - TIẾNG NHẬT

Ở môn học này, sinh viên sẽ thực hành kĩ năng nghe và kĩ năng nói. Sinh viên sẽ nghe và tóm tắt các nội dung đã nghe theo từng chủ đề, lĩnh vực. Sau khi nghe, sinh viên sẽ luyện tập nói như phát biểu lại nội dung đã nghe, hỏi bạn bè các câu hỏi liên quan đến bài nghe. Sinh viên còn được chia nhóm để thực hiện các bước luyện tập nói như đóng vai, phỏng vấn, phát biểu, tranh luận giữa các nhóm với nhau,...
Tài liệu tham khảo:
1. 宮城幸枝、太田淑子、紫田正子、(2007年), 新毎日聞き取り50日(上)、(Shinmainichikikitori. 50 nichi. 50 ngày nghe hiểu tiếng Nhật mới (thượng) 日本語の凡人者。
2. 安藤恵理子・今川和、(2010年)、耳から覚える日本語能力試験聴解トレーニングN3、株式会社アルク (Mimikaraoboeru Nihongonouryokushiken Chyokai Toreiningu. Luyện thi năng lực tiếng Nhật N3 Nghe nhớ)
3. 新JLPT研究会、(2010年), 日本語能力試験模式と対策N3、アスク出版社。(Nihongo NoryokushikenMoshikitotaisaku N3. Năng lực Nhật ngữ N3
4. インターカルト日本語学校、(2019年)一発合格日本語能力テキスト＆実践問題集 N3、株式会社ナツメ社。(Ihhatsugoka Nihongo Noryoku tekisuto &Jissenmondaishu N3 Bài tập mô tả thi năng lực Nhật ngữ N3)..
5.斎藤仁志、深澤道子、掃部知子、酒井理恵子、中村雅子、吉本惠子、(2021年)、シャドーイング 日本語を話そう 初～中級編 [インドネシア語・タイ語・ベトナム語版]、くろしお出版。（JadooinguNihongowo hanasou shou～chyukyu）
6.小松 正史、(2018年) 毎日耳トレ! ~1ヵ月で集中脳・記憶脳を鍛える~【CD付】、ヤマハミュージックメディア。(Mainichi mimi tore! Ikkagetsude Shyuchyunou. Kiokunou wo Kitaeru)
7.松浦真理子、（２０１４年）日本語音読トレーニング、株式会社アスク出版 (Nihongo ondoku Toreiningu Tập Luyện đọc tiếng Nhật))

131124 TIẾNG NHẬT THƯƠNG MẠI 1

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến tiếng Nhật thương mại trình độ trung cấp. Trong giờ học, sinh viên sẽ được làm quen với việc thực hành các tình huống luyện tập thực tế trong công ty, nơi kinh doanh, buôn bán. Sinh viên sẽ sử dụng tiếng Nhật thương mại để xử lý tình huống (chào hỏi, giới thiệu, tiếp điện thoại, tiếp khách, bán hàng…).
Thông qua môn học sinh viên biết cách vận dụng tiếng Nhật thương mại để xử lý các tình huống thường gặp trong công ty, nơi làm việc…biết thêm

từ vựng, các mẫu câu thường dùng trong thương mại. Luyện tập giao tiếp thương mại

Tài liệu tham khảo:

1.青ルミ、(2018年)日本人がよく使う日本語会話オノマトペ基本表現180、Jリサーチ出版、。Aomiru, 180 mẫu câu cơ bản từ tượng thanh trong hội thoại tiếng Nhật mà người Nhật thường sử dụng, Nxb. Jrisa-chi, 2018.

2.山崎正志（2014年）、 ビジネス文書の書き方とマナー、高橋書店

3.大久保 伸枝, 山中 みどり, 小野 恵久子, 遠藤 千鶴、(2016年) 話す・書くにつながる! 日本語読解中上級、アルク、。Nobue Okubo, Midori Yamanaka, Ekuko Ono, Chizuru Endo, Liên kết kỹ năng nói – viết! Đọc hiểu tiếng Nhật – Trung thượng cấp, Nxb. Aruku, 2016.

131125 TIẾNG NHẬT TỔNG HỢP 2

Ở môn này sinh viên sẽ học và thực hành những cấu trúc cơ bản ở trình độ trung cấp thông qua các bài đọc trong sách. Sau đó sinh viên sẽ ứng dụng vào trong viết câu, dịch câu, hội thoại,... Sinh viên sẽ so sánh, phân biệt được các mẫu ngữ pháp có ý nghĩa gần giống nhau hoặc giống nhau. Ngoài ra, sinh viên còn thực hành các bài tập luyện thi năng lực Nhật ngữ trình độ N3

Tài liệu tham khảo:

1.株式会社スリーエーネットワーク、(2015年)、みんなの日本語中級 I、株式会社スリーエーネットワーク(Minnano Nihongo Chuykyu 1. Tiếng Nhật cho mọi người trung cấp 1)

2.「大学・大学院 (2015年)、留学生の日本語 1 読解編」アカデミック・ジャパニーズ研究会.(Ryugakuseinonihongo 1 Dokkaihen)

3.「大学・大学院 留学生の日本語 3 論文読解編」(2015年)アカデミック・ジャパニーズ研究会.(Daigaku Daigakuin Ryugakuseino Nihongo 3 Ronbundokkai hen

Tài liệu tham khảo:

1. スリーエーネットワーク(201)5年みんなの日本語、中級 I 、株式会社スリーエーネットワーク) Giáo trình tiếng Nhật Minna Trung cấp 1, công ty cổ phần 3A, năm 2015

2.株式会社スリーエーネットワーク、(2016年) みんなの日本語中級１標準問題集、、株式会社スリーエーネットワーク) Giáo trình bài tập cơ bản tiếng Nhật Minna Trung cấp 1, công ty cổ phần 3A, năm 2016 (

3. スリーエーネットワーク (2015年) みんなの日本語、中級 II 、株式会社スリーエーネットワーク) Giáo trình tiếng Nhật Minna Trung cấp 2, công ty cổ phần 3A, năm 2015 (

4. (株式会社スリーエーネットワーク、(2016年) みんなの日本語中級2 標準問題集、、株式会社スリーエーネットワーク) Giáo trình bài tập cơ bản tiếng Nhật Minna Trung cấp 2, công ty cổ phần 3A, năm 2016

131126 TIẾNG ANH GIAO TIẾP 2

Môn học Tiếng Anh giao tiếp 2 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần Tiếng Anh giao tiếp 1, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp (Elementary). Qua đó, người học có khả năng luyện tập nghe và nói những bài hội thoại, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên bày tỏ quan điểm, ý kiến và cảm xúc bằng tiếng Anh qua các chủ đề và tình huống thực tế như:

- sắp xếp một buổi tối ra ngoài giải trí với bạn
- nói về một món quà mang đặc trưng của đất nước mình để tặng cho gia đình một người bạn ở nước ngoài
- mô tả ngoại hình, quần áo và tính cách
- hỏi về hàng hóa và dịch vụ
- nói về những dự định và kế hoạch trong tương lai
- nói về học hành và sự nghiệp
- nói chuyện qua điện thoại về những chủ đề khác nhau

và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Tài liệu tham khảo:

1. Cunningham S., Moor P., & Crace A. (2013). *Cutting Edge (3rd edition): Elementary*. Harlow: Pearson Education Limited. (Tài liệu không tái bản)

2. Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). *Speak Now 2*. New York: Oxford University Press. (Tài liệu không tái bản)

131127 ĐÀM THOẠI TIẾNG NHẬT 2

Ở môn học này, sinh viên sẽ thực hành kĩ năng nghe và kĩ năng nói. Sinh viên sẽ nghe và tóm tắt các nội dung đã nghe theo từng chủ đề, lĩnh vực. Sau khi nghe, sinh viên sẽ luyện tập nói như phát biểu lại nội dung đã nghe, hỏi bạn bè các câu hỏi liên quan đến bài nghe. Sinh viên còn được chia nhóm để thực hiện các bước luyện tập nói như đóng vai, phỏng vấn, phát biểu, tranh luận giữa các nhóm với nhau,...Ngoài ra, sinh viên sẽ phát biểu trình bày suy nghĩ, ý kiến của bản thân.

Tài liệu tham khảo:

1.中村かおり (著)、 福島佐知 (著)、 友松悦子 (著)、(2012年)、新完全マスター聴解日本語

能力試験N3、 スリーエネットワーク
(Shinkanzemasuta Luyện thi năng lực N3, nghe)
2.宮城幸枝、太田淑子、紫田正子、(2007年)、新毎日聞き取り50日(上)、日本語の凡人者。(Shinmainichikikitori 50 ngày nghe (thượng)
3.宮城幸枝、太田淑子、紫田正子、(2007年)、新毎日聞き取り50日(下)、日本語の凡人社 (Shinmainichikikitori 50 ngày nghe (Hạ)
4.西隈俊哉、相場康子、坂本勝信、（2010年）、パターン別徹底ドリル日本語能力試験N3、アルク出版社。(Patan Betsu Tette Doriru Nihongonoryoukushi ken- Năng lực Nhật ngữ N3)
5.水谷信子、（2015年）、分かる！話せる！日本語会話発展文型88、有限会社Jリサーチ出版 (Wakaru! Hanaseru! Nihongokaiwa hatten Bunkei 88. Hiểu, có thể nói!88 câu mẫu trong hội thoại tiếng Nhật)
6.清 ルミ (著)、（201６年）、日本人がよく使う日本語会話　お決まり表現180、有限会社Jリサーチ出版 (Nihonjinga yoku Tsukau Nihongokaiwa Okimarihyougen 180. 180 cách nói đực quy định trong hội thoại tiếng Nhật mà người Nhật thường dùng)

131128 TIẾNG NHẬT TỔNG HỢP 3

Ở môn này sinh viên sẽ học và thực hành những cấu trúc cơ bản ở trình độ trung cấp thông qua các bài đọc trong sách. Sau đó sinh viên sẽ ứng dụng vào trong viết câu, dịch câu, hội thoại,... Sinh viên sẽ so sánh, phân biệt được các mẫu ngữ pháp có ý nghĩa gần giống nhau hoặc giống nhau. Ngoài ra, sinh viên còn thực hành các bài tập luyện thi năng lực Nhật ngữ trình độ N2

<u>Tài liệu tham khảo</u>:

1.株式会社スリーエーネットワーク、(2015年)、みんなの日本語中級　I、株式会社スリーエーネットワーク(Minnano Nihongo Chuykyu 1. Tiếng Nhật cho mọi người trung cấp 1)
2.「大学・大学院　(2015年)、留学生の日本語 1　読解編」アカデミック・ジャパニーズ研究会.(Ryugakuseinonihongo 1 Dokkaihen)
3.「大学・大学院　留学生の日本語　3　論文読解編」(2015年)アカデミック・ジャパニーズ研究会.(Daigaku Daigakuin Ryugakuseino Nihongo 3 Ronbundokkai hen)

<u>Tài liệu tham khảo:</u>

1.株式会社スリーエーネットワーク、(2016年) みんなの日本語中級２、、株式会社スリーエーネットワークGiáo trình tiếng Nhật Minna Trung cấp 2, công ty cổ phần 3A, năm 2016 (
2.株式会社スリーエーネットワーク、(2016年) みんなの日本語中級2　標準問題集、、株式会社スリーエーネットワーク) Giáo trình bài tập cơ bản tiếng Nhật Minna Trung cấp 2, công ty cổ phần 3A, năm 2016 (
3. 国書日本語学校、(2020年)日本語能力試験20日で合格N3文字・語彙・文法、、国書刊行会 Giáo trình luyện thi năng lực Nhật ngữ N3 20 ngày (từ vựng, chữ Hán, Văn phạm) năm 2020
4.水谷信子、(2018年)日本語N3文法・読解まるごとマスター、、有限会社Jリサーチ出版　Giáo trình luyện thi năng lực Nhật ngữ N3 thành thạo (Văn phạm, đọc hiểu) năm 2018
5.国書日本語学校、2020年、日本語能力試験20日で合格N2文字・語彙・文法、国書刊行会 Giáo trình luyện thi năng lực Nhật ngữ N2 20 ngày (từ vựng, chữ Hán, Văn phạm) năm 2020

131129 TIẾNG ANH GIAO TIẾP 3

Môn học Tiếng Anh giao tiếp 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần Tiếng Anh giao tiếp 1, và 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh cũng như các kỹ năng ngôn ngữ khác như đọc, viết ở mức độ tiền trung cấp về các lĩnh vực/chủ đề:
+ Giải trí và Thể thao
+ Những sự kiện đã xảy ra
+ Làm việc và nghỉ ngơi
+ Những ngày trọng đại
+ Miêu tả ngoại hình
+ Du lịch
+ Sự thành công
Bên cạnh đó sinh viên được trang bị các thì ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khiếm khuyết giúp sinh viên tự tinh hơn trong giao tiếp hàng ngày và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời. Môn học Tiếng Anh giao tiếp 3 gồm 7 bài – 45 tiết.

<u>Tài liệu tham khảo</u>:

1. Cunningham, S., Moor, P. & Crace, A. (2013). *Cutting Edge (3rd edition): Pre-Intermediate.* England: Pearson Education Limited. (Tài liệu không tái bản)
2. Craven, M. (2012). *Breathough Plus 2 (3rd edition).* London: Macmillan Education. (Tài liệu không tái bản)
3. Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L., A., & Rea, D. (2011). *English Unlimited: Pre-intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press. (Tài liệu không tái bản)

131130 ĐÀM THOẠI TIẾNG NHẬT 3

Ở môn học này, sinh viên sẽ thực hành kĩ năng nghe và kĩ năng nói. Sinh viên sẽ nghe và tóm tắt các nội dung đã nghe theo từng chủ đề, lĩnh vực như: văn hóa, xã hội, lịch sử,.... Sau khi nghe, sinh viên sẽ luyện tập nói như phát biểu lại nội dung đã nghe, hỏi bạn bè các câu hỏi liên quan đến bài nghe. Sinh viên còn được chia nhóm để thực hiện các bước luyện tập nói như đóng vai, phỏng vấn, phát biểu, tranh luận giữa các nhóm với nhau,...Ngoài ra, sinh viên sẽ phát biểu trình bày suy nghĩ, ý kiến của bản thân.

Tài liệu tham khảo:

１．清 ルミ (著)、（2018年）、日本人がよく使う日本語会話オノマトペ基本表現180、有限会社Jリサーチ出版 (Nihonjinga yoku tsukau Nihongokaiwa Onomatope Kihonhyougen 180. 180 Mẫu câu cơ bản sử dụng từ tượng thanh trong hội thoại mà người Nhật thường dùng)
3.大沼聡、2010、『新文化初級日本語II』、文化外国語専門学校 (ShinBunkashoukyu Nihongo 2. Văn hóa mới sơ cấp 2)
4.清水崇文、（2020年）中上級学習者のためのブラッシュアップ日本語会話、株式会社スリーエーネットワーク
5. 西隈 俊哉、2010、『パターン別 徹底ドリル日本語能力試験N3』、株式会社アルク (Patan Betsu Tette Doriru Nihongonoryoukushi ken- Triệt để nâng cao nâng lực tiếng Nhật N3)
6.水谷信子、（2019年）、分かる！話せる！日本語会話基本文型88、有限会社Jリサーチ出版 (Wakaru! Hanaseru! Nihongokaiwa hatten Bunkei 88. Hiểu, có thể nói!88 câu mẫu trong hội thoại tiếng Nhật)
7.ボイクマン 総子、（2006年）、『聞いて覚える話し方 日本語生中継・中級編1』、モリモト印刷株式会社 (Namachyukei Shouchyukyu. Tiếng Nhật trực tiếp trung cấp)
8.黒埼典子、（２０１２年）、中級日本語で挑戦！スピーチ＆ディスカッション、株式会社凡人社 (Chyukyu Nihongode Chyosen! Supiichi & Deisukasshon. Thách thức Tiếng Nhật trung cấp! Hùng biện và thảo luận)

131131 BIÊN PHIÊN DỊCH TIẾNG NHẬT 3

Ở môn học này, sinh viên sẽ được thực hành chủ yếu là phiên dịch nói ở các ngữ cảnh kinh doanh, ngoại giao, ngữ cảnh nhà máy. Ngoài ra, sinh viên còn được học các kĩ thuật linh hoạt khi dịch bối cảnh, tăng tốc độ dịch lên. Sau khi học xong môn học này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về nguyên tắc phiên dịch, qua đó rèn luyện được phản xạ nhanh nhạy bén trong quá trình ứng dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Tài liệu tham khảo:

1. 石黒 圭、(2019年) 日本語教師のための 実践・読解指導、くろしお出版。(Kei Ishiguro, Hướng dẫn đọc hiểu và thực hành dành cho giảng viên tiếng Nhật, Nxb. Kuroshio, 2019).
2.Nguyễn Thị Thanh Thủy (chủ biên), (2022), Rèn luyện kỹ năng Phiên dịch, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3.小 野 恵久子, 遠藤 千鶴, 大久保 伸枝, 山中 みどり、話す・書くにつながる! 日本語読解 初中級、アルク、2018年。Ekuko Ono, Chizuru Endo, Nobue Okubo, Midori Yamanaka, Liên kết kỹ năng Nói và Viết – Đọc hiểu tiếng Nhật Sơ trung cấp, Nxb. Aruku, 2018)

131132 TIẾNG NHẬT THƯƠNG MẠI 3

Ở môn học này, sinh viên được học các kiến thức liên quan đến tiếng Nhật thương mại trình độ trung cấp. Trong giờ học, sinh viên sẽ được làm quen với các tình huống luyện tập thực tế trong công ty, nơi kinh doanh, buôn bán. Sinh viên sẽ sử dụng tiếng Nhật thương mại để xử lý tình huống liên quan đến các văn bản thương mại, giao dịch. Đồng thời qua đó sinh viên biết cách vận dụng tiếng Nhật thương mại để xử lý các tình huống thường gặp trong công ty, nơi làm việc… Sinh viên sẽ thực hành viết các văn bản thương mại được dùng trong giao dịch công ty, nơi làm việc.

Tài liệu tham khảo:

1.青ルミ、(2018年)日本人がよく使う日本語会話オノマトペ基本表現180、Jリサーチ出版。) Aomiru, 180 mẫu câu cơ bản từ tượng thanh trong hội thoại tiếng Nhật mà người Nhật thường sử dụng, Nxb. Jrisa-chi,
2.岩澤みどり、寺田則子、（2014年）、日本企業への就職—ビジネス会話トレーニング、株式会社アスク出版 (Iwazawa Midori, Terada Noriko, năm 2014, Huấn luyện hội thoại thương mại làm việc trong các công ty Nhật Bản, NXB Asuku)
3.奥村真希、安河内貴子、2015年、日本語ビジネス文書マニュアル、株式会社アスク出版 (Okumura Maki, Yasukouchi Takako, năm 2015, Hướng dẫn các bài viết tiếng Nhật thương mại, NXB Asuku)
4. 奥山貴之, 宇津木奈美子、(2020年), 考える人のための【上級】日本語読解、凡人社(Takayuki Okuyama, Namiko Utsuki, Đọc hiểu tiếng Nhật [cấp cao] để tư duy, Nxb. Bonjinsha, 2020).

5. 大久保 伸枝, 山中 みどり, 小野 恵久子, 遠藤 千鶴、(2016年) 話す・書くにつながる! 日本語読解 中上級、アルク(Nobue Okubo, Midori Yamanaka, Ekuko Ono, Chizuru Endo, Liên kết kỹ năng nói – viết! Đọc hiểu tiếng Nhật – Trung thượng cấp, Nxb. Aruku, 2016).

131133 TIẾNG ANH GIAO TIẾP 4

Tiếng Anh giao tiếp 4 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần Tiếng Anh giao tiếp 1, 2, và 3, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ-trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.
Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: miêu tả các đặc điểm địa lý các vùng miền, miêu tả và so sánh đời sống xưa và nay, chăm sóc sức khỏe, những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống, miêu tả vật dụng, miêu tả tính cách con người, nói về tiền bạc, và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.
Môn học Tiếng Anh giao tiếp 4 gồm 7 bài (7 units: Từ Unit 8 đến Unit 14) – 45 tiết.
Tài liệu tham khảo:
1.Cunningham, S., Moor P., & Crace, A. (2013). *Cutting Edge 3rd edition: Pre-Intermediate*. England: Pearson Education Limited. (Tài liệu không tái bản)
2.Rea, D. & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Pre-Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press. (Tài liệu không tái bản)
3.Richards, J.C. & Bohlke, D. (2013). *Four Corners 3*. Cambridge: Cambridge University Press. (Tài liệu không tái bản)

131135 NGHIỆP VỤ XUẤT NHẬP KHẨU

Môn Nghiệp vụ Xuất Nhập Khẩu sẽ trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức và kỹ năng làm việc thực tế trong lĩnh vực Xuất Nhập Khẩu, Logistics, Hải quan. Nội dung bài học có thể áp dụng thực tế, sinh viên có cơ hội thực hành trên các chứng từ, tình huống thực tế của các công ty xuất nhập khẩu . Khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ nắm vững kiến thức về:
-Quy trình xuất nhập khẩu hàng hóa
- Giao nhận vận tải, Logistics/Freight forwarding
- Thanh toán quốc tế
- Bảo hiểm trong hoạt động ngoại thương
- Giao dịch và hợp đồng ngoại thương
- Chứng từ xuất nhập khẩu
- Hải quan: chính sách quản lý hải quan, thực hành khai báo hải quan điện tử ECUS/VNACCS, thủ tục chuyên ngành thực tế các nhóm hàng
Tài liệu tham khảo:
1. Tạ Văn Lợi, Nghiệp vụ ngoại thương, NXB Đại học kinh tế quốc dân, năm 2019.
2. Đặng Đình Đào, Dịch Vụ Logistics Ở Việt Nam Trong Tiến Trình Hội Nhập Quốc Tế, NXB Dân Trí. năm 2019.
3. Đặng Đình Đào, Giáo Trình Quản Trị Logistics (Dùng Cho Ngành kinh Tế Và Quản Trị Kinh Doanh), NXB Tài Chính, năm 2018.

131135 NGHIỆP VỤ THƯ KÝ

Môn học Nghiệp vụ thư ký nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về nghiệp vụ của người thư ký văn phòng, trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc một cách khoa học, như biết tổ chức nơi làm việc, thu thập, xử lý thông tin, soạn thảo, ban hành, quản lý văn bản, kỹ năng giao tiếp và công tác lễ tân.
Môn nghiệp vụ Thư Ký được giảng dạy bằng tiếng Nhật sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng quản trị văn phòng, nghiệp vụ Thư ký – Trợ lý bằng tiếng Nhật ,để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong quá trình quản trị hành chính văn phòng tại cơ quan, doanh nghiệp Nhật.
Tài liệu tham khảo:
1.実務技能検定協会、(2012年) 秘書検定集中講義 ２級、早稲田教育出版、。Hiệp hội kiểm định năng lực nghiệp vụ, Bài giảng chuyên sâu kiểm định thư ký – Bậc 2, Nxb. Giáo dục Waseda, 2012.
2. 実務技能検定協会、(2012年) 秘書検定集中講義 ３級、早稲田教育出、。Hiệp hội kiểm định năng lực nghiệp vụ, Bài giảng chuyên sâu kiểm định thư ký – Bậc 3, Nxb. Giáo dục Waseda, 2012.)
3.小河原義朗・木谷直之（著）、(2020年)「再話」を取り入れた日本語授業 初中級からの読解、凡人社、。Yoshiro Ogawara, Naoyuki Kitani, Bài giảng tiếng Nhật "tường thuật lại" – Đọc hiểu từ bậc sơ trung cấp, Nxb. Bonjinsha, 2020.

132012 NGHE 3 - TIẾNG HÀN

Trang bị cho sinh viên cách nghe và xác định ý chính, thông tin chi tiết, tạo sự suy luận cho cuộc hội thoại hoặc bài nói chuyện trong khoảng 5-8 phút. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị kỹ năng trình bày ý kiến của mình về những chủ đề cụ thể, đưa ra quan điểm cá nhân, xây dựng cuộc đối thoại ngắn trong các tình huống giao tiếp.
Tài liệu tham khảo:

1. 연세대학교 한국어학당 (2020), 새 연세 한국어 듣기와 읽기 3-1, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nghe và Đọc Yonsei mới 3-1, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)
2. 연세대학교 한국어학당 (2020), 새 연세 한국어 듣기와 읽기 3-2, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nghe và Đọc Yonsei mới 3-2, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)
3. 경희한국어 교재편찬위원회 (2020), 경희 한국어 중급1: 듣고 말하기, 경희대학교출판문화원
(Uỷ ban biên soạn giáo trình Tiếng Hàn Kyunghee (2020), Tiếng Hàn Kyunghee trung cấp 1: Nghe và Nói, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)

132014 ĐỌC 3 - TIẾNG HÀN

Môn học gồm những bài luyện đọc với nội dung đa dạng phong phú theo chủ đề giúp sinh viên mở rộng vốn từ ở các lĩnh vực khác nhau, nâng cao khả năng đọc hiểu tiếng Hàn với những mẫu câu dài, nhiều thành phần. Thông qua các bài đọc, sinh viên còn nắm bắt được suy nghĩ của người Hàn, có cái nhìn tổng quan về sự khác biệt trong văn hóa ứng xử Hàn – Việt.

<u>Tài liệu tham khảo</u>:

1. 이정희 (2017), 경희 한국어 읽기3 (Get it Reading), Hawoo Publishing Inc 출판부.
(Lee Jung Hee (2017), Đọc tiếng Hàn Kyoenghee 3, NXB Hawoo Publishing INC)
2. Các bộ đề TOPIK trình độ trung cấp.

132019 ĐỌC 4 - TIẾNG HÀN

Môn học nhằm mở rộng vốn từ vựng và nâng cao khả năng trình bày suy nghĩ, ý kiến cho sinh viên bằng nhiều dạng biểu hiện câu khác nhau thông qua nhiều chủ đề đọc đa dạng. Thông qua các câu hỏi khởi động trước mỗi bài viết người đọc sẽ học được cách chuẩn bị kiến thức nền cho bản thân trước khi đọc hiểu một vấn đề. Ngoài ra, câu hỏi hiểu bài và bài tập từ vựng giúp người học nâng cao khả năng đọc hiểu tiếng Hàn Quốc mà không cần thông qua quá trình chuyển ngữ nhằm tạo phản xạ cho não bộ.

<u>Tài liệu tham khảo</u>:

1. 이정희 (2017), 경희 한국어 읽기4 (Get it Reading), Hawoo Publishing Inc 출판부.
(Lee Jung Hee (2017), Đọc tiếng Hàn Kyoenghee 4, NXB Hawoo Publishing INC)
2. Các bộ đề TOPIK trình độ trung cấp.

132024 NGHE 5 - TIẾNG HÀN

Môn học giúp sinh viên thực hành nghe tiếng Hàn, ôn tập lại những kiến thức sinh viên đã thu thập qua các môn học từ các học kỳ trước qua các bài nghe với chủ đề đa dạng. Đồng thời hướng dẫn sinh viên thực hành việc nghe và phân biệt các đơn vị ngôn ngữ theo cấp độ nâng dần: từ, ngữ, câu. Đặc biệt sinh viên thực hành việc nghe các đoạn văn, tin tức… theo đúng ngữ điệu, "nhạc điệu" đặc trưng của tiếng Hàn.

<u>Tài liệu tham khảo</u>:

1. 연세대학교 한국어학당 (2020), 새 연세 한국어 듣기와 읽기 5-1, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nghe và Đọc Yonsei mới 5-1, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)
2. 연세대학교 한국어학당 (2020), 새 연세 한국어 듣기와 읽기 5-2, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nghe và Đọc Yonsei mới 5-2, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)
3. 경희한국어 교재편찬위원회 (2020), 경희 한국어 중급1: 듣고 말하기, 경희대학교출판문화원
(Uỷ ban biên soạn giáo trình Tiếng Hàn Kyunghee (2020), Tiếng Hàn Kyunghee trung cấp 1: Nghe và Nói, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)

132025 ĐỌC 5 - TIẾNG HÀN

Cung cấp cho sinh viên một lượng lớn từ vựng, mẫu câu, kiến thức về đất nước và con người Hàn Quốc thông qua các chủ đề về tự nhiên, cuộc sống, kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội... đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc báo, tạp chí, và nhiều thể loại văn bản, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu, tóm tắt, phát biểu ý kiến ở trình độ trung cấp 2.

<u>Tài liệu tham khảo:</u>

1. 이정희 (2017), 경희 한국어 읽기4 (Get it Reading), Hawoo Publishing Inc 출판부.
(Lee Jung Hee (2017), Đọc tiếng Hàn Kyoenghee 4, NXB Hawoo Publishing INC)
2. Các bộ đề TOPIK trình độ trung cấp.

132027 NGHE 6 - TIẾNG HÀN

Cung cấp cho sinh viên từ vựng, cách diễn đạt, kiến thức liên quan đến những chủ đề khác nhau, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và kỹ năng nghe để dịch Hàn-Việt với nhiều nội dung khác nhau như hội thoại, tin tức, phim ảnh, âm nhạc…tương đương trình độ trung cấp 2.

<u>Tài liệu tham khảo</u>:

1. 연세대학교 한국어학당 (2020), 새 연세 한국어 듣기와 읽기 6-1, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nghe và Đọc Yonsei mới 6-1, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)
2. 경희한국어 교재편찬위원회 (2020), 경희 한국어 중급2: 듣고 말하기, 경희대학교출판문화원
(Uỷ ban biên soạn giáo trình Tiếng Hàn Kyunghee (2020), Tiếng Hàn Kyunghee trung cấp 2: Nghe và Nói, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)

132029 ĐỌC 6 - TIẾNG HÀN

Cung cấp cho sinh viên một lượng lớn từ vựng, mẫu câu, kiến thức về đất nước và con người Hàn Quốc thông qua các chủ đề về tự nhiên, cuộc sống, kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội... đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc báo, tạp chí, và nhiều thể loại văn bản, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu, tóm tắt, phát biểu ý kiến ở trình độ trung cấp 2.
Tài liệu tham khảo:
1. 이정희 (2017), 경희 한국어 읽기5 (Get it Reading), Hawoo Publishing Inc 출판부.
(Lee Jung Hee (2017), Đọc tiếng Hàn Kyoenghee 5, NXB Hawoo Publishing INC)
2. Các bộ đề TOPIK trình độ trung cấp.

132032 TIẾNG HÀN THƯƠNG MẠI

Môn học được chia làm 3 chủ đề chính là văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc, các thuật ngữ chuyên ngành và những mẫu báo kinh tế nhằm giúp sinh viên giai đoạn đầu trung cấp làm quen với các thể loại từ vựng, văn bản chuyên ngành khác nhau một cách có hệ thống. Trang bị các từ chuyên môn về tiếng Hàn trong lĩnh vực thương mại, cũng như kỹ năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ tiếng Hàn chuyên ngành cần thiết cho sinh viên khi làm việc tại một doanh nghiệp Hàn Quốc trong và ngoài nước.
Tài liệu tham khảo:
1. 김재욱 외 (2019), 베트남인을 위한 비즈니스 한국어 중급, HUINE.
(Kim Jae Uk (2019), Tiếng Hàn thương mại trung cấp dành cho người Việt, HUINE)
2. 김재욱 외 (2019), 베트남인을 위한 비즈니스 한국어 중급 활용, HUINE.
(Kim Jae Uk (2019), Tiếng Hàn thương mại ứng dụng trung cấp dành cho người Việt, HUINE)

132035 NGHE 7- TIẾNG HÀN

Cung cấp cho sinh viên từ vựng, cách diễn đạt, kiến thức liên quan đến những chủ đề khác nhau ở trình độ cao cấp, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghe để phân tích và dịch Hàn-Việt ở các nội dung có thời lượng dài.
Tài liệu tham khảo:
1.연세대학교 한국어학당 (2020), 새 연세 한국어 듣기와 읽기 6-2, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nghe và Đọc Yonsei mới 6-2, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)
3. 경희한국어 교재편찬위원회 (2020), 경희 한국어 고급1: 듣고 말하기, 경희대학교출판문화원
(Uỷ ban biên soạn giáo trình Tiếng Hàn Kyunghee (2020), Tiếng Hàn Kyunghee cao cấp 1: Nghe và Nói, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)

132037 ĐỌC 7 - TIẾNG HÀN

Cung cấp các nội dung, biểu hiện ngôn ngữ tiếng Hàn cần thiết cho người học tiếng Hàn ở trình độ cao cấp về các lĩnh vực nghệ thuật, kinh tế, tư tưởng, chính trị...; rèn luyện kỹ năng đọc thành thạo nhiều loại văn bản tiếng Hàn.
Tài liệu tham khảo:
1. 이정희 (2017), 경희 한국어 읽기5 (Get it Reading), Hawoo Publishing Inc 출판부.
(Lee Jung Hee (2017), Đọc tiếng Hàn Kyoenghee 5, NXB Hawoo Publishing INC)
2. Các bộ đề TOPIK trình độ trung cấp.

132049 KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH TIẾNG HÀN

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, thiết thực về lý thuyết dịch nói. Sinh viên nắm vững những yêu cầu về chuẩn bị chủ đề, chuẩn bị thuật ngữ...trước khi dịch, hiểu rõ 3 giai đoạn của quá trình dịch, rút kinh nghiệm sau khi dịch và có khả năng ứng dụng vào thực tiễn. Nắm vững các thủ pháp dịch và ứng dụng thành thạo, linh hoạt vào thực tế dịch, nhận biết các kiểu lỗi dịch, nguyên nhân và cách khắc phục, phòng tránh...
Tài liệu tham khảo:
1. Nghiêm Thị Thu Hương (2021), Nhập môn Biên-phiên dịch tiếng Hàn,
2. Lê Huy Khoa (2019), Kỹ năng nghề phiên dịch, NXB Alpha books.

132054 NGHE 2 - TIẾNG HÀN

Cung cấp vốn từ, cách diễn đạt, luyện kỹ năng nghe và một phần kỹ năng nghe - dịch cho người học ở trình độ tương đương sơ cấp 2 với các chủ đề đa

dạng; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phát âm, giao tiếp, thuyết trình bằng tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp và cận trung cấp.
Tài liệu tham khảo:
1.이정희 (2017), 경희 한국어 듣기2 (Get it Listening), Hawoo Publishing Inc 출판부. (Thư viện ngành)
(Lee Jung Hee(2017), Nghe tiếng Hàn Kyoenghee 2, NXB Hawoo Publishing INC)
2. 경희 언어교육원, 경희 한국어 말하기 2 (Get it Speaking), 2017, Hawoo Publishing Inc 출판부 (Thư viện ngành)
(Viện giáo dục ngôn ngữ Kyoenghee(2017), Nói tiếng Hàn Kyoenghee 2, NXB Hawoo Publishing INC)

132055 ĐỌC 2 - TIẾNG HÀN

Môn học giúp sinh viên có kiến thức và kĩ năng đọc hiểu tiếng hàn cơ bản. Sinh viên vận dụng kiến thức này vào việc đọc hiểu những thông tin đơn giản trong các tài liệu ngắn như các bản tin, các bài tùy bút, các đoạn trích ngắn từ các bài báo với chủ đề đa dạng cũng như các bài hội thoại giao tiếp thông thường. Bên cạnh đó môn học còn nâng cao vốn từ vựng, ngữ pháp, là môn học hỗ trợ chính giúp sinh viên phát triển kĩ năng viết tiếng Hàn.
Tài liệu tham khảo:
1. 이정희 (2017), 경희 한국어 읽기2 (Get it Reading), Hawoo Publishing Inc 출판부.
(Lee Jung Hee (2017), Đọc tiếng Hàn Kyoenghee 2, NXB Hawoo Publishing INC)
2. Các bộ đề TOPIK trình độ sơ cấp.

132082 ĐẤT NƯỚC HỌC HÀN QUỐC

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức khái quát về đất nước Hàn Quốc (Nam Hàn) bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục.... Môn học đồng thời cung cấp cho sinh viên cơ hội luyện tập các kỹ năng phân tích phê phán, làm việc theo nhóm, nghiên cứu liên ngành, và kỹ năng tranh luận.
Tài liệu tham khảo:
1. Nhiều tác giả (2013), Hàn Quốc – đất nước và con người, NXB Thời đại.
2. 법무부 출입국·외국인정책본부 (2012), 한국사회 이해 (ebook), 법무부 출입국·외국인정책본부.
(Bộ phận chính sách người nước ngoài – cục xuất nhập cảnh (2012), Hiểu về xã hội Hàn Quốc (ebook), Bộ phận chính sách người nước ngoài – cục xuất nhập)

132089 NHÂN HỌC – VĂN HOÁ – XÃ HỘI HÀN QUỐC

Trang bị cho sinh viên ngành Hàn Quốc học những kiến thức cơ bản về tính cách con người, bản sắc riêng của nền văn hóa và tổ chức xã hội đất nước Hàn Quốc. Học xong môn này, sinh viên có thể hiểu biết thêm về tính cách dân tộc Hàn, tính tôn ty trật tự bị ảnh hưởng mạnh mẽ mởi Nho giáo, bản sắc văn hóa hơn 4000 năm phát triển và đặc điểm cấu trúc xã hội Hàn Quốc, biết lý giải những đặc điểm của nền văn hóa và xã hội dân tộc Hàn.
Tài liệu tham khảo:
1. Kim Moon-jo (2018), Người Hàn Quốc họ là ai?, NXB Văn hoá văn nghệ.
2. Cho Yong-hee, Han Yu-mi, Tcho Hye-young (2019), 100 từ khoá văn hoá Hàn Quốc dành cho người nước ngoài, NXB Hồng Đức.
3. Lê Quang Thêm (2019), Văn hoá văn minh và văn hoá truyền thống Hàn, NXB Đại học quốc gia Tp.HCM

132096 ĐỌC 1 - TIẾNG HÀN

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về hệ thống chữ cái tiếng Hàn, từ vựng sơ cấp liên quan đến cuộc sống hàng ngày, phục vụ thực hành kỹ năng đọc hiểu tiếng Hàn cơ bản. Bước đầu hướng sinh viên vào việc đọc viết câu ngắn, đọc hiểu những thông tin đơn giản trong các tài liệu thường gặp, những hội thoại giao tiếng thông thường theo chủ đề trình độ sơ cấp.
Tài liệu tham khảo:
1. 이정희 (2017), 경희 한국어 읽기1 (Get it Reading), Hawoo Publishing Inc 출판부.
(Lee Jung Hee (2017), Đọc tiếng Hàn Kyoenghee 1, NXB Hawoo Publishing INC)
2. Các bộ đề TOPIK trình độ sơ cấp.

132097 ÂM HÁN VÀ TIẾNG HÀN

Môn học này nhằm mục đích giúp người học nắm được các từ Hán cơ bản và nâng cao khả năng sáng tạo từ dựa trên việc liên kết những từ Hán cơ bản đó. Bên cạnh đó, với việc đọc những âm của những từ có chứa chữ Hán sẽ có thể hỗ trợ tốt cho việc tăng cường khả năng đọc hiểu của người học.
Tài liệu tham khảo:
1. 박기선 (2020), 외국인을 위한 실용한자어, HUINE
2. Hoàng Thắng (2020), Tổng hợp âm Hán – Hàn, chinh phục mọi thử thách tiếng Hàn, NXB Đồng Nai.

132103 NÓI 3 - TIẾNG HÀN

Nhằm để giúp phát triển những kỹ năng nói cho sinh viên về các tình huống trong thực tế, cũng như trong đời sống nội dung chính của mỗi bài học đều dựa trên những tình huống đối thoại hằng ngày. Danh sách những từ mới được đưa ra ở mỗi phần kết thúc của đoạn hội thoại chính. Ngoài ra những từ vựng mới còn có trong phần ngữ pháp và cách diễn đạt. Những từ này sẽ được sử dụng từ đầu đến cuối trong mỗi bài học nhằm giúp tăng cường khả năng vốn từ đa dạng cho sinh viên khi học.

Tài liệu tham khảo:

1. 권수현 외 (2019), 경희한국어 중급1: 듣고 말하기, 경희대학교출판문화원.
(Kwon Su-hyun (2019), Tiếng Hàn Kyunghee trung cấp 1: Nghe và Nói, Viện văn hoá xuất bản Đại học Kyunghee)
2. 연세대학교 한국어학당 (2019), 새 연세 한국어 말하기와 쓰기 3-1, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nói và Viết Yonsei mới 3-1, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)
3. 연세대학교 한국어학당 (2019), 새 연세 한국어 말하기와 쓰기 3-2, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nói và Viết Yonsei mới 3-2, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)

132104 NÓI 4 - TIẾNG HÀN

Môn này cung cấp cho sinh viên những bài hội thoại nhằm giúp phát triển những kỹ năng nói trung cấp về các tình huống trong thực tế cũng như trong đời sống. Nội dung chính của mỗi bài được dựa trên những tình huống đối thoại hằng ngày, nhưng cách diễn đạt là trình độ cao. Danh sách những từ mới được đưa ra ở mỗi phần kết thúc của đoạn hội thoại chính, ngoài ra những từ vựng mới còn có trong phần ngữ pháp và cách diễn đạt. Riêng bài luyện tập, câu hỏi được đưa ra ở phần từ vựng. Những từ này sẽ được sử dụng từ đầu đến cuối trong mỗi bài học nhằm giúp tăng cường khả năng vốn từ đa dạng cho sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

1. 권수현 외 (2019), 경희한국어 중급1: 듣고 말하기, 경희대학교출판문화원.
(Kwon Su-hyun (2019), Tiếng Hàn Kyunghee trung cấp 1: Nghe và Nói, Viện văn hoá xuất bản Đại học Kyunghee)
2. 연세대학교 한국어학당 (2019), 새 연세 한국어 말하기와 쓰기 4-1, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nói và Viết Yonsei mới 4-1, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)
3. 연세대학교 한국어학당 (2019), 새 연세 한국어 말하기와 쓰기 4-2, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nói và Viết Yonsei mới 4-2, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)

132111 NGỮ PHÁP - VIẾT 1

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chữ cái tiếng Hàn, từ vựng, ngữ pháp, cấu trúc, cách diễn đạt sơ cấp khi viết tiếng Hàn trong nhiều tình huống cụ thể liên quan đến đời sống thường ngày; đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng viết thành thạo các câu và đoạn văn tiếng Hàn cơ bản trong các văn cảnh đơn giản, tương đương với trình độ Topik 1; giúp sinh viên hình thành ý thức luyện tập viết thường xuyên nhằm nâng cao năng lực viết tiếng Hàn.

Tài liệu tham khảo:

1. 김정숙, 정명숙, 김유정(2019), 초급 한국어 쓰기, 국립한국어원, 한림 출판사
(Kim Jeong-suk, Jung Myung-sook, Kim Yu-jeong (2019), Viết tiếng Hàn sơ cấp, Viện tiếng Hàn quốc gia, NXB Hallim.)
2. 이정희, 김성용, 박선희, 조효정 (2019), 경희대학교 바로 한국어 문법 1, 하우 출판사
(Jeong-hee, Kim Seong-yong, Park Seon-hee, Jo Hyo-jeong (2019), Ngữ pháp tiếng Hàn chuẩn 1 - Kyoenghee, NXB Hawoo.)

132112 NÓI 2 - TIẾNG HÀN

Môn học nhằm phát triển kỹ năng thực hành giao tiếp tiếng Hàn trình độ sơ cấp dựa trên những chủ để thân thuộc trong cuộc sống. Với định hướng chú trọng giao tiếp thực dụng, sau khi kết thúc môn học, sinh viên không chỉ tạo được phản xạ nghe nói tiếng Hàn mà còn tiếp thu được các kiến thức xã hội cơ bản cần thiết phù hợp với văn hóa Hàn Quốc.

Tài liệu tham khảo:

1. 권수현 외 (2019), 경희한국어 초급1: 듣고 말하기, 경희대학교출판문화원.
(Kwon Su-hyun (2019), Tiếng Hàn Kyunghee sơ cấp 1: Nghe và Nói, Viện văn hoá xuất bản Đại học Kyunghee)
2. 연세대학교 한국어학당 (2019), 새 연세 한국어 말하기와 쓰기 2-1, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nói và Viết Yonsei mới 2-1, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)
3. 연세대학교 한국어학당 (2019), 새 연세 한국어 말하기와 쓰기 2-2, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn

Nói và Viết Yonsei mới 2-2, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)

132113 NGỮ PHÁP - VIẾT 2

Cung cấp kiến thức viết Tiếng Hàn về vốn từ vựng, ngữ pháp, cách diễn đạt tương ứng với cấp độ viết sơ cấp 2 với các dạng bài: văn tường thuật, lập kế hoạch, thư mời, giới thiệu, bài cảm nhận, viết thư, thắc mắc và yêu cầu, văn miêu tả qua các chủ đề đơn giản như công việc thường ngày, lập kế hoạch, gửi thư mời, viết thư thăm hỏi, viết thông báo, bài cảm nhận sau khi đi du lịch, sở thích, miêu tả người và đồ vật,...; bồi dưỡng ý thức chủ động, năng lực sáng tạo của sinh viên khi tìm ý và triển khai ý tưởng, từ đó khuyến khích ý thức học tập suốt đời cho sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

1. 김정숙, 정명숙, 김유정 (2019), 초급 한국어 쓰기, 국립한국어원, 한림 출판사

(Kim Jeong-suk, Jung Myung-sook, Kim Yu-jeong (2019), Viết tiếng Hàn sơ cấp, Viện tiếng Hàn quốc gia, NXB Hallim.)

2. 이정희, 김성용, 박선희, 조효정 (2019), 경희대학교 바로 한국어 문법 2, 하우 출판사

(Jeong-hee, Kim Seong-yong, Park Seon-hee, Jo Hyo-jeong (2019), Ngữ pháp tiếng Hàn chuẩn 2 - Kyoenghee, NXB Hawoo.)

132114 DẪN NHẬP TIẾNG HÀN

Giới thiệu khối kiến thức ngôn ngữ học tiếng Hàn tổng quát trong các lĩnh vực chính là ngữ âm, ngữ pháp (hình thái và cú pháp), ngữ nghĩa, từ vựng..., trang bị cho sinh viên ngành Hàn Quốc học những kiến thức cơ bản về mặt ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, từ vựng, văn tự, phương ngôn, kính ngữ... của tiếng Hàn.

Tài liệu tham khảo:

1. 박덕유, 김은혜 (2019), 외국어로서의 한국어학, 역락

(Park Duk-yu, Kim Un-hye (2019), Hàn ngữ học bằng tiếng nước ngoài, NXB Yoknak

2. 허용 (2020), 외국어로서의 한국어학 이해, 소통

(Ho Yong (2020), Hiểu Hàn ngữ học bằng tiếng nước ngoài, NXB Sotong)

132115 NGỮ PHÁP - VIẾT 3

Cung cấp cho sinh viên các điểm ngữ pháp, mẫu câu phổ biến trong hoạt động đời sống hằng ngày như tự giới thiệu, tên các món ăn, mua sắm ở chợ, mời, lưu thông trên đường v.v...; rèn luyện kỹ năng viết ở trình độ sơ trung cấp.

Tài liệu tham khảo:

1. 김정숙, 정명숙, 김유정(2019), 중급 한국어 쓰기, 국립한국어원, 한림 출판사

(Kim Jeong-suk, Jung Myung-sook, Kim Yu-jeong (2019), Viết tiếng Hàn trung cấp, Viện tiếng Hàn quốc gia, NXB Hallim.)

2. 이정희, 김성용, 박선희, 조효정 (2019), 경희대학교 바로 한국어 문법 3, 하우 출판사

(Jeong-hee, Kim Seong-yong, Park Seon-hee, Jo Hyo-jeong (2019), Ngữ pháp tiếng Hàn chuẩn 3 - Kyoenghee, NXB Hawoo.)

132116 NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU

Môn học này cung cấp cho sinh viên công cụ về mặt lí thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với tiếng Hàn, hai ngôn ngữ có nhiều điểm khác biệt về mặt loại hình và ngữ pháp nhưng cũng có những điểm giống nhau về mặt từ loại, hay trật tự từ. Đưa ra các chủ đề, định hướng nghiên cứu cho sinh viên giúp người học có cái nhìn sâu hơn trên phương diện đối chiếu hai ngôn ngữ Hàn Việt; cung cấp các thao tác cụ thể được sử dụng trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ. Vận dụng kiến thức, phương pháp đối chiếu ngôn ngữ Hàn-Việt trong công việc biên phiên dịch song ngữ Hàn-Việt.

Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Mạnh Hùng (2008), Ngôn ngữ học đối chiếu, NXB Giáo dục.

2. Lê Quang Thêm (2019), Nghiên cúu đối chiếu các ngôn ngữ, NXB Đại học quốc gia Tp.HCM

132117 NGỮ PHÁP - VIẾT 4

Cung cấp từ vựng, mẫu câu, kiến thức liên quan đến một số chủ đề cơ bản; rèn luyện kỹ năng viết ở trình độ sơ trung cấp.

Tài liệu tham khảo:

1. 김정숙, 정명숙, 김유정(2019), 중급 한국어 쓰기, 국립한국어원, 한림 출판사

(Kim Jeong-suk, Jung Myung-sook, Kim Yu-jeong (2019), Viết tiếng Hàn trung cấp, Viện tiếng Hàn quốc gia, NXB Hallim.)

2. 이정희, 김성용, 박선희, 조효정 (2019), 경희대학교 바로 한국어 문법 3, 하우 출판사

(Jeong-hee, Kim Seong-yong, Park Seon-hee, Jo Hyo-jeong (2019), Ngữ pháp tiếng Hàn 3 - Kyoenghee, NXB Hawoo.)

132118 NÓI 5 - TIẾNG HÀN

Cung cấp cho sinh viên các mẫu hội thoại liên quan đến cuộc sống thường nhật, thông qua nội dung các bài học, sinh viên còn có thể tìm hiểu về văn hóa

ứng xử và đời sống xã hội của người Hàn Quốc. Nội dung các chủ đề và bài tập thực hành không những giúp sinh viên thực hành nói tiếng Hàn mà còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày suy nghĩ cũng như bày tỏ ý kiến của bản thân về các tình huống thực tế trong cuộc sống hàng ngày ở mức độ phức tạp hơn.

Tài liệu tham khảo:

1. 권수현 외 (2019), 경희한국어 중급2: 듣고 말하기, 경희대학교출판문화원.

(Kwon Su-hyun (2019), Tiếng Hàn Kyunghee trung cấp 2: Nghe và Nói, Viện văn hoá xuất bản Đại học Kyunghee)

2. 연세대학교 한국어학당 (2019), 새 연세 한국어 말하기와 쓰기 5-1, 연세대학교출판문화원.

(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nói và Viết Yonsei mới 3-1, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)

132119 NGỮ PHÁP - VIẾT 5

Giới thiệu cho sinh viên các cấu trúc ngữ pháp trung cấp 2, ôn tập lại quy trình viết văn bản tiếng Hàn, luyện tập sửa bài viết và cách viết giấy wongoji (bản thảo) tiếng Hàn, cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết, ngữ pháp dùng trong ngữ cảnh viết, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng viết trong nhiều văn phong khác nhau.

Tài liệu tham khảo:

1. 김정숙, 정명숙, 김유정 (2019), 중급 한국어 쓰기, 국립한국어원, 한림 출판사

(Kim Jeong-suk, Jung Myung-sook, Kim Yu-jeong (2019), Viết tiếng Hàn sơ cấp, Viện tiếng Hàn quốc gia, NXB Hallim.)

2. 이정희, 김성용, 박선희, 조효정 (2019), 경희대학교 바로 한국어 문법 4, 하우 출판사

(Jeong-hee, Kim Seong-yong, Park Seon-hee, Jo Hyo-jeong (2019), Ngữ pháp tiếng Hàn chuẩn 4 - Kyoenghee, NXB Hawoo.)

3. Các đề thi TOPIK luyện Viết mới nhất cập nhật theo từng năm

132120 KỸ NĂNG SOẠN THẢO VĂN BẢN VÀ THUYẾT TRÌNH TIẾNG HÀN

Trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về ngôn ngữ để soạn thảo email và văn bản trao đổi thương mại bằng tiếng Hàn, cụ thể như: mẫu văn bản, thư tín trong đời sống; mẫu văn bản, thư tín trong các lĩnh vực: giao dịch thương mại thông thường, văn bản trao đổi trong công ty – doanh nghiệp, các loại báo cáo – thư mời – thông báo ... trong cơ quan hành chính và doanh nghiệp Hàn Quốc, trang bị kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Hàn trước đám đông. Ở học phần này, sinh viên có thể hiểu các thuật ngữ hành chính, các khái niệm và cách biểu đạt ngôn từ trong văn bản thư tín tiếng Hàn, hiểu biết về các loại mẫu thư tín văn bản hành chính tiêu biểu của Hàn Quốc, nắm được các mẫu câu thường dùng khi thuyết trình. Vận dụng kiến thức ngôn ngữ Hàn Quốc ở bậc Trung cấp để soạn thảo các mẫu văn bản hành chính điển hình của Hàn Quốc, để trình bày ý tưởng khoa học cho nhiều đối tượng khán giả.

Tài liệu tham khảo:

1. 김은영 외 (2020), 유학생을 위한 교양 한국어 : 보고서 쓰기에서 발표 하기까지, 박이정

(Kim Un-yong và các tác giả (2020), Tiếng Hàn cho du học sinh: từ viết báo cáo đến thuyết trình, NXB Park E-jeong.)

2. 김경훤 외 (2016), 말하기 능력을 키우는 발표의 기술, 성균관대학교 출판부.

(Kim Kyeong-hyun (2016), Kỹ thuật thuyết trình làm tăng khả năng nói, NXB Đại học Song Kyun-kwan.)

132121 CHUYÊN ĐỀ TOPIK II – NGHE

Cung cấp cho sinh viên từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng nghe và thực hành các đề thi năng lực tiếng Hàn (Topik) trình độ trung cấp 1, giúp sinh viên có khả năng thi Topik trình độ Topik II cấp 3 kỹ năng Nghe.

Tài liệu tham khảo:

1. Châu Thùy Trang (2021), Cẩm nang luyện thi Topik II듣기, NXB Hồng Đức.

2. Lê Huy Khoa (2020), Đề thi năng lực tiếng Hàn Topik II, NXB Đại học Quốc Gia.

3. Ra Hye Min, Park Cheong Yoon, Hồ Hồng Anh dịch (2021), Bứt phá điểm thi kỹ năng Nghe Topik II, NXB Hồng Đức.

132122 TIẾNG ANH GIAO TIẾP 1

Môn học không chỉ đem đến cách học tiếng Anh giao tiếp hiệu quả mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh. Bên cạnh phần lý thuyết, môn học còn cung cấp các bài tập thực hành giúp sinh viên phát triển khả năng nói phản xạ trong những tình huống giao tiếp quen thuộc.

Tài liệu tham khảo:

1. Victoria Boobyer (2017), English for everyone – Business English (course book level 1), NXB Tổng hợp Tp.HCM

2. Thomas Booth, Trish Burrow (2017), English for everyone – Business English (practice book level 1), NXB Tổng hợp Tp.HCM

132123 TIẾNG HÀN SẢN XUẤT

Cung cấp kiến thức về từ vựng, ngữ pháp tiếng Hàn trong môi trường nhà máy, phân xưởng tại doanh nghiệp Hàn Quốc. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành sản xuất và những tài liệu về kế hoạch, báo cáo, quy trình sản xuất... trong các công ty Hàn Quốc.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội (2017), Chương trình tiếng Hàn dùng trong sản xuất, chế tạo.
2. Lê Huy Khoa (2020), Giáo trình luyện dịch trung cao cấp tiếng Hàn Quốc, NXB Tổng hợp TP. HCM.
3. Lê Huy Khoa, Lê Hữu Nhân, Phạm Thị Thanh Lan (2018), Từ điển chuyên ngành Hàn Việt 40 lĩnh vực, NXB Tổng hợp TP. HCM.

132124 TIẾNG ANH GIAO TIẾP 2

Môn học không chỉ đem đến cách học tiếng Anh giao tiếp hiệu quả mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh. Bên cạnh phần lý thuyết, môn học còn cung cấp các bài tập thực hành giúp sinh viên phát triển khả năng nói phản xạ trong những tình huống giao tiếp quen thuộc.

Tài liệu tham khảo:

1. Victoria Boobyer (2017), English for everyone – Business English (course book level 2), NXB Tổng hợp Tp.HCM
2. Thomas Booth, Trish Burrow (2017), English for everyone – Business English (practice book level 2), NXB Tổng hợp Tp.HCM

132125 CHUYÊN ĐỀ TOPIK II – ĐỌC

Học phần này tập trung hướng dẫn sinh viên tăng kỹ năng đọc hiểu trong đề thi Năng lực tiếng Hàn (TOPIK) trình độ trung-cao cấp. Thông qua học phần này, sinh viên có thể nắm được lượng lớn từ vựng, mẫu câu tiếng Hàn nâng cao, vận dụng được từ vựng, ngữ pháp, hoán dụng ngữ xuất hiện trong các bộ đề thi thực tế để ứng dụng trong những tình huống viết văn cụ thể như: viết email, viết thông báo, nhận xét biểu đồ, viết bài văn nghị luận xã hội…

Tài liệu tham khảo:

1. 박송영 외 (2017), New Topik II 토픽 비법 읽기, 박이정
(Park Song-yong (2017), Bí quyết Đọc Topik – New Topik, NXB Park E-jeong.)
2. 이현지, 김리나 (2022), 한국어능력시험 COOL TOPIK 2: 읽기, 한글파크
(Lee Hyun-ji, Kim Li-na (2022), Thi năng lực tiếng Hàn COOL TOPIK 2: Đọc, NXB Hangeul Park.)

132126 NÓI 6 - TIẾNG HÀN

Cung cấp cho sinh viên từ vựng, cách diễn đạt, kiến thức liên quan đến những chủ đề khác nhau, đồng thời hướng dẫn kỹ năng, chiến lược nói tùy theo mục đích diễn đạt, nhận xét, thể hiện ý kiến cá nhân, luyện phát âm, tập nói theo chủ đề, tình huống giao tiếp tương đương trình độ trung cấp 2.

Tài liệu tham khảo:

1. 권수현 외 (2019), 경희한국어 중급2: 듣고 말하기, 경희대학교출판문화원.
(Kwon Su-hyun (2019), Tiếng Hàn Kyunghee trung cấp 2: Nghe và Nói, Viện văn hoá xuất bản Đại học Kyunghee)
2. 연세대학교 한국어학당 (2019), 새 연세 한국어 말하기와 쓰기 5-2, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nói và Viết Yonsei mới 5-2, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)

132127 NGỮ PHÁP - VIẾT 6

Giới thiệu cho sinh viên các cấu trúc ngữ pháp trung cấp 2, ôn tập lại quy trình viết văn bản tiếng Hàn, luyện tập sửa bài viết và cách viết giấy wongoji (bản thảo) tiếng Hàn, cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết, ngữ pháp dùng trong ngữ cảnh viết, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng viết trong nhiều văn phong khác nhau.

Tài liệu tham khảo:

1. 김정숙, 정명숙, 김유정 (2019), 중급 한국어 쓰기, 국립한국어원, 한림 출판사
(Kim Jeong-suk, Jung Myung-sook, Kim Yu-jeong (2019), Viết tiếng Hàn trung cấp, Viện tiếng Hàn quốc gia, NXB Hallim.)
2. 이정희, 김성용, 박선희, 조효정 (2019), 경희대학교 바로 한국어 문법 4, 하우 출판사
(Jeong-hee, Kim Seong-yong, Park Seon-hee, Jo Hyo-jeong (2019), Ngữ pháp tiếng Hàn chuẩn 4 - Kyoenghee, NXB Hawoo.)
3. Các đề thi TOPIK luyện Viết mới nhất cập nhật theo từng năm

132128 TIẾNG ANH GIAO TIẾP 3

Môn học không chỉ đem đến cách học tiếng Anh giao tiếp hiệu quả mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh. Bên cạnh phần lý thuyết, môn học còn cung cấp các bài tập thực hành giúp sinh viên phát triển khả năng nói phản xạ trong những tình huống giao tiếp quen thuộc.

Tài liệu tham khảo:
1. Victoria Boobyer (2017), English for everyone – Business English (course book level 2), NXB Tổng hợp Tp.HCM
2. Thomas Booth, Trish Burrow (2017), English for everyone – Business English (practice book level 2), NXB Tổng hợp Tp.HCM

132129 CHUYÊN ĐỀ TOPIK II – VIẾT

Học phần này tập trung hướng dẫn sinh viên luyện viết những câu 51, 52, 53, 54 trong đề thi Năng lực tiếng Hàn (TOPIK) trình độ trung-cao cấp. Thông qua học phần này, sinh viên có thể nắm được kỹ năng viết tiếng Hàn nâng cao, vận dụng được những ngữ pháp đã học để ứng dụng trong những tình huống viết văn cụ thể như: viết email, viết thông báo, nhận xét biểu đồ, viết bài văn nghị luận xã hội…
Tài liệu tham khảo:
1. 박미경, 권제은 (Park Mi-kyung, Kwon Je-eun) (2019), TOPIK 쓰기의 모든 것 (Tất tần tật về viết TOPIK), NXB 박이정 (Pjbook)

132130 NÓI 7 - TIẾNG HÀN

Cung cấp cho sinh viên từ vựng, cách diễn đạt, kiến thức liên quan đến những chủ đề khác nhau ở trình độ cao cấp, đồng thời hướng dẫn kỹ năng, chiến lược nói tùy theo nhiều mục đích ở mức độ phức tạp như giới thiệu, tư vấn, đánh giá, suy luận, biểu hiện cảm xúc...; luyện tập diễn đạt theo chủ đề, tình huống giao tiếp tương đương trình độ cao cấp.
Tài liệu tham khảo:
1. 권수현 외 (2019), 경희한국어 고급1: 듣고 말하기, 경희대학교출판문화원.
(Kwon Su-hyun (2019), Tiếng Hàn Kyunghee cao cấp 1: Nghe và Nói, Viện văn hoá xuất bản Đại học Kyunghee)
2. 연세대학교 한국어학당 (2019), 새 연세 한국어 말하기와 쓰기 6-1, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nói và Viết Yonsei mới 6-1, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)

132131 NGỮ PHÁP - VIẾT 7

Luyện tập sửa bài viết và cách viết giấy wongoji (bản thảo) tiếng Hàn; luyện viết văn nghị luận, báo cáo theo định dạng bài thi Topik - Viết câu 53, 54.
Tài liệu tham khảo:
1. 김정숙, 정명숙, 김유정 (2019), 고급 한국어 쓰기, 국립한국어원, 한림 출판사
(Kim Jeong-suk, Jung Myung-sook, Kim Yu-jeong (2019), Viết tiếng Hàn cao cấp, Viện tiếng Hàn quốc gia, NXB Hallim.)
2. 이정희, 김성용, 박선희, 조효정 (2019), 경희대학교 바로 한국어 문법 5, 하우 출판사
(Jeong-hee, Kim Seong-yong, Park Seon-hee, Jo Hyo-jeong (2019), Ngữ pháp tiếng Hàn chuẩn 4 - Kyoenghee, NXB Hawoo.)
3. Các đề thi TOPIK luyện Viết mới nhất cập nhật theo từng năm

132132 BIÊN DỊCH TIN TỨC, BÁO CHÍ

Môn học sử dụng các bài báo, tin tức v.v… tại thời điểm học làm tài liệu phân tích; đồng thời sử dụng chủ đề thời sự từ các bài báo này để rèn luyện kĩ năng biên dịch, mở rộng vốn từ vựng đa ngành, cách hành văn và luyện tập biên dịch, hiệu đính bài dịch.
Tài liệu tham khảo:
1. Tài liệu giảng viên biên soạn.
2. 나찬연 외 (2019), 한국어 학습자를 위한 한국 시사 읽기, 오미
(Na Jang-yeon và các tác giả (2019), Đọc báo Hàn Quốc dành cho người học tiếng Hàn, NXB Omi.)

132133 VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về bản chất cấu thành văn hóa trong doanh nghiệp; vai trò, ảnh hưởng, chức năng của văn hóa trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp; các lý thuyết và kiến thực thực tế về văn hóa và những khía cạnh sâu xa của văn hóa tổ chức trong doanh nghiệp Hàn Quốc; nắm được cơ cấu quản lý, và vận hành trong doanh nghiệp Hàn Quốc, cách hành xử trong doanh nghiệp, lý do văn hóa là một trong những yếu tố quan trọng cấu thành nên bản sắc, và sự thành công của doanh nghiệp.
Tài liệu tham khảo:
1. Kim Moon-jo (2018), Người Hàn Quốc họ là ai?, NXB Văn hoá văn nghệ.
2. Tài liệu giảng viên biên soạn.

132134 NGHE NÓI 1 - TIẾNG HÀN

Cung cấp kiến thức cơ bản nhất về bảng chữ cái tiếng Hàn, từ vựng cơ bản thuộc trình độ sơ cấp, cũng như ngữ pháp và các cách biểu hiện từ vựng, mẫu câu, kiến thức liên quan đến một số chủ đề cơ bản; rèn luyện kỹ năng Nghe và Nói những hội thoại cơ bản thuộc trình độ sơ cấp.
Tài liệu tham khảo:
1. 연세대학교 한국어학당 (2020), 새 연세 한국어

듣기와 읽기 1-1, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nghe và Đọc Yonsei mới 1-1, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)
2. 연세대학교 한국어학당 (2020), 새 연세 한국어 말하기와 쓰기 1-1, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nói và Viết Yonsei mới 1-1, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)
3. 경희한국어 교재편찬위원회 (2020), 경희 한국어 초급1: 듣고 말하기, 경희대학교출판문화원
(Uỷ ban biên soạn giáo trình Tiếng Hàn Kyunghee (2020), Tiếng Hàn Kyunghee sơ cấp 1: Nghe và Nói, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)

132135 NGHE 4 - TIẾNG HÀN

Cung cấp vốn từ, cách diễn đạt, luyện kỹ năng nghe và một phần kỹ năng nghe - dịch cho người học ở trình độ tương đương trung cấp 1 với các chủ đề đa dạng; hướng dẫn kỹ năng, chiến lược nghe tùy theo mục đích diễn đạt, trình bày, hỏi đáp, giao tiếp.
Tài liệu tham khảo:
1. 연세대학교 한국어학당 (2020), 새 연세 한국어 듣기와 읽기 4-1, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nghe và Đọc Yonsei mới 4-1, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)
2. 연세대학교 한국어학당 (2020), 새 연세 한국어 듣기와 읽기 4-2, 연세대학교출판문화원.
(Trung tâm tiếng Hàn ĐH Yonsei (2020), Tiếng Hàn Nghe và Đọc Yonsei mới 4-2, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)
3. 경희한국어 교재편찬위원회 (2020), 경희 한국어 중급1: 듣고 말하기, 경희대학교출판문화원
(Uỷ ban biên soạn giáo trình Tiếng Hàn Kyunghee (2020), Tiếng Hàn Kyunghee trung cấp 1: Nghe và Nói, Viện văn hoá xuất bản ĐH Yonsei.)

133004 VIẾT 1 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 1 dành cho sinh viên năm thứ nhất ngành Trung Quốc học, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của kỹ năng phát âm; Quy tắc phát âm, các phụ âm, các nguyên âm, vần, thanh điệu (dấu) và ghép vần; Quy tắc bút thuận, đếm nét, học và viết theo bộ; Các câu nói thường dùng trong lớp; Các câu nói thường dùng trong giao tiếp. Sau khi học xong môn này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về luyện nói tiếng Trung Quốc như: Hiểu được nguyên lý về ngữ âm tiếng Trung Quốc, so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa ngữ âm tiếng Trung Quốc và tiếng Việt.
Tài liệu tham khảo:
- Dương Ký Châu, Trần Thị Thanh Liên (dịch) Giáo trình Phát triển Hán ngữ (tập 1 thượng) 汉语教程第一册上, Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội, năm 2017.

133008 VIẾT 2 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 2 chú trọng rèn luyện dành cho sinh viên năm thứ nhất ngành Trung Quốc học, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng viết lòng ghép với kỹ năng khẩu ngữ, kỹ năng đọc hiểu. Sinh viên nắm được các chủ đề như: Chào hỏi nhau, tự giới thiệu, thăm hỏi lẫn nhau....; Các câu nói thường dùng trong giao tiếp: thăm hỏi, làm quen, thăm hỏi nhu cầu; Các phần ngữ pháp cơ bản; Cách viết bút thuận và bộ thủ của chữ Hán. Sau khi học xong môn học này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về luyện nói tiếng Trung Quốc như: hiểu được nguyên lý về ngữ âm tiếng Trung Quốc, so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa ngữ âm tiếng Trung Quốc và tiếng Việt.
Tài liệu tham khảo:
- Dương Ký Châu, Trần Thị Thanh Liên (dịch) Giáo trình Phát triển Hán ngữ (tập 1 hạ) 汉语教程第一册下, Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội, năm 2017.

133010 NGHE 3 – TIẾNG TRUNG

Trang bị cho sinh viên nắm vững thông qua các tình huống để mở rộng lượng từ vựng, huấn luyện khả năng nghe hiểu những câu đơn giản và những đoạn hội thoại ngắn, nghe hiểu được các tình huống thông thường.Việc dạy môn học này là một trong những hình thức huấn luyện ngôn ngữ, nhằm giúp người học dần dần nâng cao trình độ tổng thể và cách biểu đạt ngôn ngữ.
Tài liệu tham khảo:
- Lý Danh Khởi, Vương Nhan, GT Nghe Hán ngữ sơ cấp (quyển hạ) 李铭起、王彦主编, 《初级汉语听力》（下）, NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, Năm 2014.

133012 VIẾT 3 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 3 chú trọng rèn luyện dành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc

sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng viết lòng ghép với kỹ năng khẩu ngữ, kỹ năng đọc hiểu. Sinh viên nắm được các chủ đề như: Chào hỏi nhau, tự giới thiệu, tình hình giao thông, các mùa trong năm, đi mua sắm....; Các câu nói thường dùng trong giao tiếp: thăm hỏi, làm quen, thăm hỏi nhu cầu; Các phần ngữ pháp cơ bản; Tập viết một đoạn văn ngắn hoặc kể lại một câu chuyện đã nghe...
Tài liệu tham khảo:
- Dương Ký Châu, Trần Thị Thanh Liên (dịch) Giáo trình Phát triển Hán ngữ (tập 2 thượng) 汉语教程二·册上, Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội, năm 2017.

133016 – NHÂN HỌC – VĂN HÓA – XÃ HỘI TRUNG QUỐC

Môn học này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Trung Quốc học và Ngôn ngữ Trung Quốc (tiếng Trung Quốc) những kiến thức cơ bản tổng quan về những vấn đề về Xã hội bao gồm các chính sách cơ bản về an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tận dụng các nguồn lợi từ tài nguyên thiên nhiên… ; văn hóa Trung Quốc với những tư tưởng truyền thống; Tôn giáo và các phong tục truyền thống của người Trung Quốc xưa và nay; tổng quan về văn học văn chương Trung Quốc.
Đây là môn học được giảng dạy bằng tiếng Trung Quốc nên sinh viên sẽ được cung cấp một lượng lớn từ vựng , thuật ngữ tiếng Hoa (dưới dạng song ngữ Hoa – Việt) đủ để sinh viên trau dồi kỹ năng biên phiên trên lĩnh vực Văn hóa - Xã hội và con người của Trung Quốc.
Tài liệu tham khảo:
- Hoàng Tiến Dũng, Giáo trình Nhân học văn hóa xã hội Trung Quốc (giáo trình nội bộ), Đại học Lạc Hồng, năm 2017.

133018 NGHE 4 – TIẾNG TRUNG

Trang bị cho sinh viên nắm vững thông qua các tình huống để mở rộng lượng từ vựng, huấn luyện khả năng nghe hiểu những câu đơn giản và những đoạn hội thoại ngắn, nghe hiểu được các tình huống thông thường.Việc dạy môn học này là một trong những hình thức huấn luyện ngôn ngữ, nhằm giúp người học dần dần nâng cao trình độ tổng thể và cách biểu đạt ngôn ngữ.:
Tài liệu tham khảo:
- Lý Danh Khởi, Vương Nhan, GT Nghe Hán ngữ trung cấp (quyển thượng) 李铭起、王彦主编, 《中级汉语听力》（上）, NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, Năm 2014.

133019 NÓI 4 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng rèn luyện dành cho sinh viên năm thứ hai (HKII) ngành Trung Quốc học và ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ và những lễ nghi trong giao tiếp. Sau khi học xong môn này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về luyện nói tiếng Trung Quốc như: hiểu được tầm quan trọng về trọng âm trong tiếng Trung Quốc và ý nghĩa khác nhau giữa chúng. Cơ bản hiểu được những lễ nghi trong giao tiếp của người TQ như: làm khách và tiếp khách, từ đó sinh viên có thể so sánh đối chiếu với những lễ nghi làm khách và tiếp khách của người Việt Nam. Rèn luyện kỹ năng nói. Nói lưu loát một số mẫu câu giao tiếp cơ bản và nói được cả đoạn văn.Giúp sinh viên nắm vững được các từ ngữ thường dùng trong giao tiếp, mẫu câu giao tiếp cơ bản và các từ ngữ liên quan đến các chủ đề hội thoại để mạnh dạn giao tiếp với người khác qua những chủ đề thông dụng như: Sở thích, tặng quà, nhận quà, yêu cầu... Giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào chủ điểm hội thoại và trong giao tiếp và từ đó SV có thể biểu đạt thành đoạn văn dài.
Tài liệu tham khảo:
[1] Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình Phát triển Hán ngữ-Nói-giao tiếp sơ cấp 2, NXB Hồng Đức, 2019
[2] Mao Duyệt New Target Chinese spoken language, Quyển 4(10 bài) 《新目标汉语口语课本》, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2020.

133020 VIẾT 4 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 4 dành cho sinh viên năm thứ hai ngành Trung Quốc học, cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Trên cơ sở các bài khóa với nội dung sâu sắc về nhân sinh quan, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học để viết lại bài khóa với ngôn ngữ của mình, trả lời những câu hỏi liên quan, và viết những đoạn văn theo một số chủ đề có liên quan đến nội dung bài khóa với những từ trọng điểm hoặc các cấu trúc ngữ pháp gợi ý. Bài tập của phần này xoay quanh các cấu trúc ngữ pháp, cách dùng từ trọng điểm để củng cố thêm nội dung đã học. Sau khi học môn này sinh viên nắm được một lượng từ vựng lớn, hiểu thêm về văn hóa ứng xử của người Trung Quốc. Đồng thời biết sử dụng

cách dùng của một số từ hoặc cụm từ thông dụng.
Tài liệu tham khảo:
- Dương Ký Châu, Trần Thị Thanh Liên (dịch) Giáo trình Phát triển Hán ngữ (tập 2 hạ) 汉语教程二·册下, Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội, năm 2017.

133022 NGHE 5 – TIẾNG TRUNG

Trang bị cho sinh viên nắm vững thông qua các tình huống để mở rộng lượng từ vựng, huấn luyện khả năng nghe hiểu những câu đơn giản và những đoạn hội thoại ngắn, nghe hiểu được các tình huống thông thường.Việc dạy môn học này là một trong những hình thức huấn luyện ngôn ngữ, nhằm giúp người học dần dần nâng cao trình độ tổng thể và cách biểu đạt ngôn ngữ.
Tài liệu tham khảo:
- Lý Danh Khởi, Vương Nhan, GT Nghe Hán ngữ trung cấp (quyển hạ) 李铭起、王彦主编, 《中级汉语听力》（下）, NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, Năm 2014.

133023 NÓI 5 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng vào việc rèn luyện, nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Hoa của sinh viên theo những chủ đề trong bài học (trình độ trung cấp). Để sinh viên có thể vận dụng tốt trong việc giao tiếp trong xã hội, thảo luận những vấn đề nóng trong xã hội, giải quyết những tình huống trong cuộc sống, giúp SV tự tin hơn trong giao tiếp với người bản xứ. Rèn luyện kỹ năng nói cho SV, nâng cao khả năng biểu đạt tiếng Hán của SV. Giúp SV nắm vững được các điểm ngữ pháp, các mẫu câu và từ ngữ liên quan đến các chủ đề phổ biến xoay quanh cuộc sống như: Lỡ hẹn; tìm đối tượng của giới trẻ ngày nay, bạn có sở thích gì? Tái hôn; Hạnh phúc là gì ? Cuộc sống của người già ở trong nước của bạn, Nam nữ bình đẳng; Mâu thuẫn gia đình; Theo bạn nên viết đơn xin việc như thế nào? Chuẩn bị những gì trước khi đi phỏng vấn; Bạn thích tổ chức đám cưới lớn hay nhỏ? Thói quen ăn uống của bạn? Cái gì so với sức khỏe quan trọng hơn? Điểm lợi và hại của việc nuôi động vật trong nhà; Ở thành phố sướng hơn hay là ở nông thôn sướng hơn? Bạn nghĩ sao khi mà hiện nay có rất nhiều người thích đi du học theo phong trào? Nếu bạn có tiền và có thời gian bạn sẽ đi đâu du lịch?...Vận dụng những kiến thức được học ở lớp để có thể tự đọc thêm sách và tự nghiên cứu tốt phần ngữ âm và học thuộc lòng những mẫu câu thường dùng trong giao tiếp.
Tài liệu tham khảo:
[1] Nguyễn Thị Thanh Huệ, Tiếng Trung ngoại thương Kinh doanh thành công, tập 1, NXB Dân Trí, 2018
[2] Mao DuyệtNew Target Chinese spoken language, Quyển 5(15 bài) 《新目标汉语口语课本》, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2020.

133024 VIẾT 5 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 5 với giáo trình mới, cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Các bài khóa với nội dung đa dạng, sinh viên có thể nắm được một lượng thông tin về văn hóa đất nước và con người Trung Quốc, vận dụng những kiến thức đã học để viết lại bài khóa với ngôn ngữ của mình, trả lời những câu hỏi liên quan, và viết những đoạn văn theo một số chủ đề có liên quan đến nội dung bài khóa với những từ trọng điểm hoặc các cấu trúc ngữ pháp gợi ý. Bài tập của phần này xoay quanh các cấu trúc ngữ pháp, cách dùng từ trọng điểm để củng cố thêm nội dung đã học. Sau khi học môn này sinh viên nắm được một lượng từ vựng lớn, hiểu thêm về văn hóa ứng xử của người Trung Quốc. Đồng thời có thể viết một bài văn miêu tả, thuật lại, phân tích, chứng minh bằng Tiếng Hán.
Tài liệu tham khảo:
- Dương Ký Châu, Trần Thị Thanh Liên (dịch) Giáo trình Phát triển Hán ngữ (tập 3 thượng) 汉语教程三·册上, Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội, năm 2017.

133025 HÁN NGỮ VĂN PHÒNG

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong công ty, chú trọng rèn kỹ năng giao tiếp trong các tình huống giao dịch tiêu biểu bằng tiếng Trung Quốc, hình thành năng lực đàm phán trong thương mại. Giúp sinh viên tự tin hơn, ngoài ra, sinh viên cũng được trang bị kỹ năng và phương pháp viết các văn bản, sử dụng thành thạo các thuật ngữ, cấu trúc và mẫu câu tiêu biểu, qua đó hình thành kỹ năng soạn thảo các văn bản thông dụng.
Tài liệu tham khảo:
- The Zishi, Minh Nguyệt chủ biên, Tự Học Tiếng Trung Dành Cho Nhân Viên Văn Phòng The Zishi NXB Thời Đại, năm 2018.

133029 NGHE 6 – TIẾNG TRUNG

Trang bị cho sinh viên nắm vững thông qua các tình huống để mở rộng lượng từ vựng, huấn luyện khả

năng nghe hiểu những câu đơn giản và những đoạn hội thoại ngắn, nghe hiểu được các tình huống thông thường.Việc dạy môn học này là một trong những hình thức huấn luyện ngôn ngữ, nhằm giúp người học dần dần nâng cao trình độ tổng thể và cách biểu đạt ngôn ngữ.

Tài liệu tham khảo:

- Lý Danh Khởi, Vương Nhan,GT Nghe Hán ngữ cao cấp (quyển thượng) 李铭起、王彦主编，《高级汉语听力》（上），NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, Năm 2014.

133030 NÓI 6 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng vào việc rèn luyện, nâng cao kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Hoa của sinh viên theo những chủ đề trong bài học (trình độ cao cấp), để sinh viên có thể vận dụng tốt vào trong việc giao tiếp xã hội hằng ngày, thảo luận những vấn đề phổ biến và những chủ đề nóng trong xã hội, giải quyết những tình huống trong cuộc sống, giúp sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp với người bản xứ. Giúp SV cũng cố những từ ngữ giao tiếp mang đậm nét văn hóa dân tộc, có thể thảo luận, tranh luận trình bày quan điểm 1 cách có hệ thống, nhằm mục đích nâng cao khả năng biểu đạt. Giúp SV nắm vững được các điểm ngữ pháp, các mẫu câu và từ ngữ liên quan đến các chủ đề phổ biến xoay quanh cuộc sống như:chính trị thế giới, kinh tế, văn hóa, cuộc sống....Bên cạnh đó cung cấp một số kiến thức khẩu ngữ trong giao tiếp tiếng Hán cho SV như: Cách sử dụng ngôn từ thăm hỏi, hàn huyên, giới thiệu và tự giới thiệu, hỏi thăm, thỉnh cầu, cám ơn, xin lỗi.... Giúp SV nắm được kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ khẩu ngữ trong tiếng Hán.

Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Thị Thanh Huệ, Tiếng Trung ngoại thương Kinh doanh thành công, tập 2, NXB Dân Trí, 2018

[2] New Target Chinese spoken language, Quyển 6(15 bài) 《新目标汉语口语课本》, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2020.

133031 VIẾT 6 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 6 với giáo trình mới, cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Các bài khóa với nội dung đa dạng, sinh viên có thể nắm được một lượng thông tin về văn hóa đất nước và con người Trung Quốc, vận dụng những kiến thức đã học để viết lại bài khóa với ngôn ngữ của mình, trả lời những câu hỏi liên quan, và viết những đoạn văn theo một số chủ đề có liên quan đến nội dung bài khóa với những từ trọng điểm hoặc các cấu trúc ngữ pháp gợi ý. Bài tập của phần này xoay quanh các cấu trúc ngữ pháp, cách dùng từ trọng điểm để củng cố thêm nội dung đã học. Sau khi học môn này sinh viên nắm được một lượng từ vựng lớn, hiểu thêm về văn hóa ứng xử của người Trung Quốc. Đồng thời có thể viết một bài văn miêu tả, thuật lại, phân tích, chứng minh bằng Tiếng Hán.

Tài liệu tham khảo:

- Dương Ký Châu, Trần Thị Thanh Liên (dịch) Giáo trình Phát triển Hán ngữ (tập 3 hạ) 汉语教程三·册下，Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội, năm 2017.

133032 ĐỌC 6 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 6 cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Trên cơ sở các bài khóa với nội dung phong phú trong các mặt các lĩnh vực, sinh viên có thể trả lời những câu hỏi liên quan, phán đoán đúng sai nội dung của đoạn văn, chọn đáp án đúng và học được cấu trúc ngữ pháp trọng điểm. Sinh viên chỉ cần đọc hiểu đoạn văn, không cần hiểu hết tất cả các từ trong đoạn văn mà vẫn có thể nắm hết ý toàn đoạn văn. Sinh viên nắm được một số kỹ năng đọc hiểu cơ bản như: đọc lướt, đọc nhanh tìm thông tin...

Tài liệu tham khảo:

- Bành Chí Bình, Giáo trình đọc hiểu Hán ngữ - quyển 3 (11 - 26) tái bản lần 3 汉语阅读教程中级1, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 2018.

133036 NÓI 7 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng rèn luyện dành cho sinh viên năm thứ tư (HK7) ngành Trung Quốc học, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ Cao cấp bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ.

Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Thị Thanh Huệ, Tiếng Trung ngoại thương Kinh doanh thành công, tập 3, NXB Dân Trí, 2018

[2] New Target Chinese spoken language, Quyển 6 (15 bài) 《新目标汉语口语课本》, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2020.

133037 VIẾT 7 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 7 với giáo trình mới, cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Các bài khóa với nội dung đa dạng, sinh viên có thể nắm được một lượng thông tin về văn hóa đất nước và con người Trung Quốc, vận dụng những kiến thức đã học để viết lại bài khóa với ngôn ngữ của mình, trả lời những câu hỏi liên quan, và viết những đoạn văn theo một số chủ đề có liên quan đến nội dung bài khóa với những từ trọng điểm hoặc các cấu trúc ngữ pháp gợi ý. Bài tập của phần này xoay quanh các cấu trúc ngữ pháp, cách dùng từ trọng điểm để củng cố thêm nội dung đã học. Sau khi học môn này sinh viên nắm được một lượng từ vựng lớn, hiểu thêm về văn hóa ứng xử của người Trung Quốc. Đồng thời có thể viết một bài văn miêu tả, thuật lại, phân tích, chứng minh bằng Tiếng Hán. Luyện cách viết bài văn cho sinh viên, giúp sinh viên viết văn theo lối tư duy của người Trung Quốc, học được cách diễn đạt rõ ràng súc tích.

Tài liệu tham khảo:

- Dương Ký Châu, Trần Thị Thanh Liên (dịch) Giáo trình Phát triển Hán ngữ (tập 3 hạ) 汉语教程三·册下, Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội, năm 2017.

133057 ĐỌC 4 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 4 cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Trên cơ sở các bài khóa với nội dung sâu sắc sinh viên có thể trả lời những câu hỏi liên quan, phán đoán đúng sai nội dung của đoạn văn, và học được cấu trúc ngữ pháp trọng điểm. Sinh viên chỉ cần đọc hiểu đoạn văn, không cần hiểu hết tất cả các từ trong đoạn văn mà vẫn có thể nắm hết ý toàn đoạn văn.

Tài liệu tham khảo:

[1] Bành Chí Bình,Giáo trình đọc hiểu Hán ngữ - quyển 2 (16-20) tái bản lần 3汉语阅读教程第二册，修订版3, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 2018.

[2]Bành Chí Bình, Giáo trình đọc hiểu Hán ngữ - quyển 3 (1 - 10) tái bản lần 3汉语阅读教程第三册，修订版3, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 2018.

133058 ĐỌC 5 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 5 cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Trên cơ sở các bài khóa với nội dung phong phú trong các mặt các lĩnh vực, sinh viên có thể trả lời những câu hỏi liên quan, phán đoán đúng sai nội dung của đoạn văn, chọn đáp án đúng và học được cấu trúc ngữ pháp trọng điểm. Sinh viên chỉ cần đọc hiểu đoạn văn, không cần hiểu hết tất cả các từ trong đoạn văn mà vẫn có thể nắm hết ý toàn đoạn văn.

Tài liệu tham khảo:

- Bành Chí Bình, Giáo trình đọc hiểu Hán ngữ - quyển 3 (11 - 26) tái bản lần 3 汉语阅读教程中级1, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 2018.

133061 NGHIỆP VỤ THƯ KÝ - TIẾNG TRUNG

Môn học Nghiệp vụ thư ký – tiếng Trung nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về nghiệp vụ của người thư ký văn phòng, trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc một cách khoa học, như biết tổ chức nơi làm việc, thu thập, xử lý thông tin, soạn thảo văn bản bằng tiếng Việt và tiếng Trung, ban hành, quản lý văn bản, kỹ năng giao tiếp và công tác lễ tân, công tác tổ chức hội nghị, hội thảo...vv

Tài liệu tham khảo:

[1] Đàm Thư Vượng, Quản lý những công việc văn phòng 办公室事务管理第二 NXB Đại học Nhân Dân Trung Quốc , năm 2016.

[2] Quản lý những công việc văn phòng (bản 2) Lý Cường Hoa, Ngô Lương Cần NXB Đại học Khoa Kỹ Trung Hoa, Tháng 7 năm 2017.

133066 ĐỌC 1 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 1 dành cho sinh viên năm thứ nhất ngành Trung Quốc học, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của kỹ năng nhận biết chữ Hán; Bộ thủ; Cách viết chữ Hán; Quy tắc bút thuận, đếm nét, học và viết theo bộ; Các câu nói thường dùng trong lớp; Các câu nói thường dùng trong giao tiếp. Sau khi học xong môn này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về chữ Hán, nắm được một số từ vựng cơ bản.

Tài liệu tham khảo:

- Bành Chí Bình, Giáo trình đọc hiểu Hán ngữ - quyển 1 (1-12) tái bản lần 3 汉语阅读教程第一册，修订版3, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 2018

133071 ĐỌC 2 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 2 giúp sinh viên nhận biết được mặt chữ Hán, học thêm các bộ thủ, cách viết chữ Hán. Ngoài ra còn rèn kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên. Trong giai đoạn này sinh viên có thể đọc hiểu một đoạn văn ngắn và phân biệt được các chữ Hán có cách viết giống nhau nhưng nghĩa thì khác nhau. Ngoài ra, sinh viên còn học được cách diễn đạt một đoạn văn theo một chủ đề nhất định, có thể liên hệ với kỹ năng nói và kỹ năng viết.

Tài liệu tham khảo:

- Bành Chí Bình, Giáo trình đọc hiểu Hán ngữ - quyển 1 (13-25) tái bản lần 3 汉语阅读教程第一册，修订版3, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 2018

133072 ĐỌC 3 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 3 giúp sinh viên nhận biết được nhiểu chữ Hán, học thêm các bộ thủ, cách viết chữ Hán. Ngoài ra còn rèn kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên. Ở đây, sinh viên có thể đọc hiểu một đoạn văn ngắn và phân biệt được các chữ Hán có cách viết giống nhau nhưng nghĩa thì khác nhau, hoặc ghép từ ngữ lại thành một cụm từ, thành một câu hoàn chỉnh, từ đó ghép nhiều câu hoàn chỉnh thành một đoạn văn. Ngoài ra, sinh viên còn học được cách diễn đạt một đoạn văn theo một chủ đề nhất định, có thể liên hệ với kỹ năng nói và kỹ năng viết.

Tài liệu tham khảo:

- Bành Chí Bình,Giáo trình đọc hiểu Hán ngữ - quyển 2 (1-15) tái bản lần 3 汉语阅读教程第二册，修订版3, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 2018.

133074 NGỮ PHÁP HÁN NGỮ HIỆN ĐẠI

Chú trọng rèn luyện dành cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu tạo từ vựng, cụm từ (đoản ngữ), cấu tạo cụm từ hay đoản ngữ, từ loại, thành phần câu, các loại câu, câu đơn và câu phức. Qua đó rèn luyện được phản xạ nhanh nhạy bén trong quá trình hiểu rõ nắm bắt ý nghĩa diễn đạt trong các câu, tình huống, hội thoại, đoạn văn trong các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Có sự so sánh về mặt ngữ pháp giữa hai ngôn ngữ Tiếng Hoa và Tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Ngữ pháp Tiếng Hán Hiện đại, Đinh Sùng Minh 现代汉语语法教程 丁崇明 北京大学出版社 2018年5月第4次印刷, NXB Đại học Bắc Kinh, Tái bản lần thứ tư tháng 5 năm 2018

133076 KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN – TIẾNG TRUNG

Môn học này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Trung Quốc học và Ngôn ngữ Trung Quốc (tiếng Trung Quốc) những kiến thức cơ bản tổng quan về kỹ năng đàm phán trong giao dịch thương mại.

Đây là môn học nghiệp vụ được giảng dạy bằng tiếng Trung Quốc nên sinh viên sẽ được cung cấp một lượng lớn từ vựng , thuật ngữ tiếng Hoa (dưới dạng song ngữ Hoa – Việt) đủ để sinh viên trau dồi kỹ năng đàm phán trên lĩnh vực giao dịch thương mại của Trung Quốc và Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Vương Huệ Linh, Chu Hồng, Nguyễn Thị Minh Hồng (dịch), Giáo trình tiếng Trung ngoại thương kinh doanh thành công (2-3) 卓越汉语商务致胜 , NXB Dân Trí, 2018.

133080 ĐỌC 7 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 7 với giáo trình mới này là giáo trình đọc hiểu báo chí, cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Trên cơ sở các bài khóa là nội dung những bài báo được đăng trên các tờ báo và tạp chí, sinh viên có thể nắm được cách hành văn trong văn viết, so sánh được với văn nói, các từ ngữ viết tắt, cùng với nội dung phong phú trong các mặt các lĩnh vực, sinh viên có thể trả lời những câu hỏi liên quan, phán đoán đúng sai nội dung của đoạn văn, chọn đáp án đúng và học được cấu trúc ngữ pháp trọng điểm. Sinh viên chỉ cần đọc hiểu đoạn văn, không cần hiểu hết tất cả các từ trong đoạn văn mà vẫn có thể nắm hết ý toàn đoạn văn.

Tài liệu tham khảo:

- Bành Chí Bình, Giáo trình đọc hiểu Hán ngữ cao cấp 1汉语阅读教程高级1, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 2018.

133089 CHỈNH ÂM

Trang bị kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Trung và chú trọng rèn luyện kỹ năng phát âm cho sinh viên (năm thứ nhất ngành Trung Quốc học), bao gồm các nội dung sau:

Bộ máy phát âm và quy tắc phát âm;
Thanh mẫu, vận mẫu;
Ghép vần và thanh điệu;
Biến thanh, khinh thanh và âm cuốn lưỡi;
Ngữ điệu trong câu.

Tài liệu tham khảo:

- Ngữ Âm, Văn Tự, Từ Vựng Tiếng Trung Quốc Châu

A Phí - Lưu Hớn Vũ NXB Đại Học Sư Phạm 2017.

133114 NÓI 3 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng rèn luyện kỹ năng giao tiếp (kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp) dành cho sinh viên năm thứ hai (HKI) ngành Trung Quốc học, bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ. Rèn luyện kỹ năng nói cho sinh viên như: Nói lưu loát một số mẫu câu giao tiếp cơ bản. Giúp sinh viên nắm vững được các, mẫu câu giao tiếp cơ bản và các từ ngữ liên quan đến các chủ đề hội thoại để mạnh dạn giao tiếp với người khác qua những chủ đề thông dụng như: con người, quê hương, cuộc sống, nhà ở, mua sám, nghề nghiệp..... Giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào chủ điểm hội thoại và trong giao tiếp hằng ngày.
Tài liệu tham khảo:
[1] Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình Phát triển Hán ngữ-Nói-giao tiếp sơ cấp 2, NXB Hồng Đức, 2019
[2] New Target Chinese spoken language, Quyển 3(10 bài) 《新目标汉语口语课本》, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2020.

133115 NHẬP MÔN ĐẤT NƯỚC HỌC TQ – KINH TẾ- LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Môn học này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Trung Quốc học và Ngôn ngữ Trung Quốc (tiếng Trung Quốc) những kiến thức cơ bản tổng quan về những vấn đề về đất nước Trung Quốc như: địa lý, kinh tế, chính trị, giáo dục, ngoại giao….
Đây là môn học được giảng dạy bằng tiếng Trung Quốc nên sinh viên sẽ được cung cấp một lượng lớn từ vựng , thuật ngữ tiếng Hoa (dưới dạng song ngữ Hoa – Việt) đủ để sinh viên trau dồi kỹ năng biên phiên trên lĩnh vực Văn hóa - Xã hội và con người của Trung Quốc.
Tài liệu tham khảo:
- Nguyễn Đình Phức - Võ Ngọc Tuấn Kiệt, Giáo trình Đất nước học Trung Quốc, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2021.

133116 NGHIỆP VỤ VI TÍNH VĂN PHÒNG - TIẾNG TRUNG

Môn này cung cấp cho sinh viên 3 nội dung như sau:
Một là, nhận biết và ghi nhớ các từ vựng cơ bản được sử dụng trong bộ công cụ văn phòng Office 2010 bản tiếng Trung (Giản thể) gồm Word, Excel và Powerpoint;
Hai là, các thủ thuật liên quan đến việc biên tập văn bản và tính toán trong bảng tính và trình bày trong trình chiếu;
Ba là, Sinh viên được thực hành trực tiếp để làm các bài tập (tiếng Trung giản thể).
Bên cạnh đó, sinh viên còn được học một số nội dung về sử lí sự cố máy tính thông thường, có thể áp dụng trực tiếp vào công việc văn phòng tại Công ty. Phần này được lồng ghép trong khi giáo viên giảng dạy các học phần OFFICE: MS WORD, MS EXCEL VÀ MS POWERPOINT.
Tài liệu tham khảo:
[1] Hoàng Tiến Dũng Bài giảng Nghiệp vụ vi tính văn phòng - Tiếng Trung (Giáo trình nội bộ), Đại học Lạc Hồng, 2018;
[2] Hậu Bính Diệu 侯炳耀, office 2019 thực chiến từ nhập môn đến tinh thông 《Office 2019办公应用实战从入门到精通》, NXB Bưu điện nhân dân, 2019.

133117 NGHE 7 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng rèn luyện cho sinh viên năm thứ tư ngành Trung Quốc học, trang bị cho người học kỹ năng nghe ở trình độ tiền cao cấp thông qua nội dung nghe các vấn đề văn hóa và xã hội.
Các bài văn có độ khó ở mức tiền cao cấp liên quan đến các vấn đề văn hóa và xã hội.
Giải thích các cụm thành ngữ mới, các chủ điểm ngữ pháp, ngữ dụng và chức năng ngữ dụng
Dạng đề thi HSK ở mức trung cấp
Tài liệu tham khảo:
- Lý Danh Khởi, Vương Nhan, GT Nghe Hán ngữ cao cấp (quyển hạ) 李铭起、王彦主编, 《高级汉语听力》（下）, NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, Năm 2014

133119 NÓI 1 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng rèn luyện dành cho sinh viên năm thứ nhất ngành Trung Quốc học và Ngôn ngữ Trung Quốc, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ. Bao gồm: Bộ máy phát âm, Quy tắc phát âm, Các phụ âm, Các nguyên âm, vần, Thanh điệu (dấu) và ghép vần, Các câu nói thường dùng trong lớp: Chào hỏi nhau, tự giới thiệu, thăm hỏi lẫn nhau...., Các câu nói thường dùng trong giao tiếp: chào hỏi, tuổi tác, quốc gia, ẩm thực, mua sắm, sở thích…. Sau khi học xong môn học này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về luyện nói tiếng Trung Quốc như: hiểu được nguyên lý về ngữ âm tiếng Trung Quốc, so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa ngữ âm tiếng Trung Quốc và tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo:
[1] Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình Phát triển Hán ngữ-Nói-giao tiếp sơ cấp 1, NXB Hồng Đức, 2019
[2] New Target Chinese spoken language, Quyển 1(10 bài) 《新目标汉语口语课本》, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2020.

133120 NGHE 1 – TIẾNG TRUNG

Môn học này cung cấp cho sinh viên một lượng từ vựng khoảng 300 từ. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên những mẫu câu trong các tình huống giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày của người Trung Quốc. Thông qua những đoạn hội thoại này, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghe hiểu, cách biểu đạt những tình huống giao tiếp thông thường trong giai đoạn sơ cấp, cũng như ngữ điệu theo phong cách của người Trung Quốc, làm tiền đề để tiếp tục học lên giai đoạn trung và cao cấp.
Tài liệu tham khảo:
- Lý Danh Khởi, Vương Nhan, GT Nghe Hán ngữ sơ cấp (quyển thượng) 李铭起、王彦主编,《初级汉语听力》（上）, NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, Năm 2014

133121 NGHE 2 – TIẾNG TRUNG

Môn học này cung cấp cho sinh viên một lượng từ vựng khoảng 500 từ. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên những mẫu câu trong các tình huống giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày của người Trung Quốc. Thông qua những đoạn hội thoại này, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghe hiểu, cách biểu đạt những tình huống giao tiếp thông thường trong giai đoạn sơ cấp, cũng như ngữ điệu theo phong cách của người Trung Quốc, làm tiền đề để tiếp tục học lên giai đoạn trung và cao cấp.
Tài liệu tham khảo:
- Lý Danh Khởi, Vương Nhan, GT Nghe Hán ngữ sơ cấp (quyển thượng) 李铭起、王彦主编, 《初级汉语听力》（上）, 北京语言大学出版社, 2014年, NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, Năm 2014

133122 NÓI 2 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng rèn luyện kỹ năng giao tiếp (kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp） dành cho sinh viên năm thứ nhất (HKII) ngành Trung Quốc học và Ngôn ngữ Trung Quốc, bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp (kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp. Dành cho sinh viên năm thứ nhất (HKII) ngành Trung Quốc học, bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ.. Rèn luyện kỹ năng nói cho sinh viên như: Nói lưu loát một số mẫu câu giao tiếp cơ bản. Giúp sinh viên nắm vững được các điểm ngữ pháp, mẫu câu giao tiếp cơ bản và các từ ngữ liên quan đến các chủ đề hội thoại để mạnh dạn giao tiếp với người khác qua những chủ đề thông dụng như nói về thời tiết, sức khỏe, học tập, du lịch, phương tiện giao thông…Giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào chủ điểm hội thoại và trong giao tiếp hằng ngày, Tăng cường khả năng tự học, hợp tác và làm việc theo nhóm của sinh viên.
Tài liệu tham khảo:
[1] Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình Phát triển Hán ngữ-Nói-giao tiếp sơ cấp 1, NXB Hồng Đức, 2019
[2] New Target Chinese spoken language, Quyển 2(10 bài) 《新目标汉语口语课本》, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2020.

133123 HÁN TỰ

Môn học này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc những kiến thức cơ bản về đặc điểm của Hán tự, song song đó cũng hướng dẫn sinh viên cách viết Hán tự, từ đó sinh viên có thể xem đọc và tự viết được Hán tự.
Đồng thời, sinh viên cũng được cung cấp một lượng từ vựng có thể sử dụng trong sinh hoạt thường ngày(dưới dạng song ngữ Hoa – Việt)
Môn học này chú trọng đến việc rèn luyện khả năng tự viết được Hán tự của sinh viên.
Tài liệu tham khảo:
[1] Ngữ Âm, Văn Tự, Từ Vựng Tiếng Trung Quốc Châu A Phí - Lưu Hớn Vũ NXB Đại Học Sư Phạm 2017

133124 KỸ NĂNG QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

Môn học này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Trung Quốc học và Ngôn ngữ Trung Quốc (tiếng Trung Quốc) những kiến thức cơ bản tổng quan về kỹ năng quản trị hành chính nhân sự trong các công ty, xí nghiệp.
Đây là môn học nghiệp vụ được giảng dạy bằng tiếng Trung Quốc nên sinh viên sẽ được cung cấp một lượng lớn từ vựng , thuật ngữ tiếng Hoa (dưới dạng song ngữ Hoa – Việt) đủ để sinh viên trau dồi kỹ năng quản trị hành chính nhân sự trong các công ty, xí nghiệp có sự dụng Hoa ngữ tại Trung Quốc và Việt Nam.
Tài liệu tham khảo:

[1] Tôn Thế Huyền, Toàn thư quản lý nguồn nhân lực孙世玄：《人力资源管理实用必备全书》, NXB Đại học Thanh Hoa, 2014
[2] Phùng Bảo Chu, Đông Lập Kim, Quản lý nhân sự dạy bạn quản lý nhân sự thực tế từ vỡ lòng đến tinh thông, 《资深HR教你人力资源管理实操从入门到精通》, NXB nhân dân Quảng Đông, 2019
[3] Whitney Jonhson, Đỗ Hoàng Lan, Kỹ năng quản lý nhân sự chuyên nghiệp. NXB 1980 Books. 2019.
[4] Barbara Mitchell, Lê Đức Thuận, Quản trị nhân sự đúng. NXB Alphabooks.2019.
[5] John C. Maxwell, Hà Quang Hùng, 21 Phẩm chất vàng của nhà lãnh đạo. 2019.

133126 NGHIỆP VỤ LỄ TÂN NGOẠI GIAO – NV LƯU TRÚ TIẾNG TRUNG

Môn học mô tả tổng quan về hoạt động của Lễ tân ngoại giao cũng như hướng dẫn sinh viên cách tổ chức hoạt động Lễ tân ngoại giao, đặc biệt là thực hiện được một số thao tác nghiệp vụ cơ bản về lễ tân khách sạn, nhà hàng và buồng.
Tài liệu tham khảo:
- Trần Thúy Anh và các tác giả (2014). Giáo Trình Du Lịch Văn Hóa Những Vấn Đề Lý Luận Và Nghiệp Vụ. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

133127 HOA VĂN ỨNG DỤNG

Trang bị cho sinh viên những lý luận chung công việc soạn thảo văn bản trong lĩnh vực giao dịch thương mại, công văn hành chính bằng ngôn ngữ Hán. Ngoài phần lý thuyết ra, sinh viên còn được trang bị kỹ năng thực hành viết, cách sử dụng từ ngữ thích hợp trong từng loại văn bản theo đúng văn phong của Trung Quốc. Từ đó giúp sinh viên tự tin hơn trong quá trình làm việc tại các đơn vị có sử dụng tiếng Trung Quốc.
Tài liệu tham khảo:
- Nguyễn Thị Hoàng Oanh, Hoa văn ứng dụng thông dụng (Giáo trình nội bộ), Đại học Lạc Hồng, 2017.

133128 NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH

Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan về du lịch như kiến thức về tuyến điểm du lịch, loại hình du lịch, sản phẩm du lịch, điều kiện phát triển du lịch, khách du lịch, lao động trong du lịch... Đặc biệt, môn học cung cấp những kiến thức, những những yêu cầu và những kỹ năng cần thiết cho công tác hướng dẫn du lịch đối với hướng dẫn viên.
Tài liệu tham khảo:
- Đoàn Hương Lan, Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, NXB Lao động, 2016.

133129 NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

Trang bị các kiến thức về: Khái niệm về nghề sư phạm; Các phương pháp dạy tiếng Trung thường dùng trên giảng đường; Các tình huống phát sinh trong quá trình dạy học và phương hướng giải quyết.
Sau khi học xong môn học này, sinh viên hiểu được những yêu cầu cần có ở người làm nghề sư phạm và khái niệm về nghề này.
Có thể thực hiện việc dạy tiếng Trung một cách tự tin bằng cách áp dụng các phương pháp dạy học đã học được.
Từ đó, giúp sinh viên nâng cao được khả năng truyền đạt, giao tiếp, tự tin và sáng tạo trong quá trình hành nghề sư phạm, cụ thể là việc dạy tiếng Trung cho người Việt Nam.
Tài liệu tham khảo:
[1]
徐子亮/吴仁甫：《实用对外汉语教学法》，北京大学出版社，2016年。

133130 NGHIỆP VỤ XUẤT NHẬP KHẨU

Môn học Nghiệp vụ xuất nhập khẩu là môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động Nghiệp vụ xuất nhập khẩu. Cụ thể, môn học đi sâu tìm hiểu về các nghiệp vụ vận tải quốc tế, quy cách đóng gói hàng hóa vận tải quốc tế, bảo hiểm trong ngoại thương, thủ tục hải quan và an ninh Nghiệp vụ xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, cùng với xu thế toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng và nhu cầu về tính hiệu quả trong chuỗi cung ứng quốc tế, môn học cũng nhấn mạnh vai trò của Nghiệp vụ xuất nhập khẩu và quản trị chuỗi cung ứng nhằm tạo nên lợi thế cạnh tranh trong hoạt động thương mại quốc tế.
Tài liệu tham khảo:
Giáo trình
[1]. Trần Huỳnh Thúy Phượng (chủ biên) (2022). Giáo trình Kỹ thuật kinh doanh xuất nhập khẩu. NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
[2]. Hoàng Văn Châu (chủ biên) (2009). Giáo trình Logistics và Vận tải quốc tế. NXB Thông tin và Truyền thông.
Tài liệu tham khảo
[3]. Đoàn Thị Hồng Vân (chủ biên) (2010). Giáo trình Logistics – Những vấn đề cơ bản. NXB Lao động – Xã hội.
[4]. *Pierre A. David, Richard D. Stewart (2010). International Logistics: The Management of International Trade Operations. 3rd edition, Cengage Learning.*
[5]. Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt (2010).

Quản trị xuất nhập khẩu. NXB Lao động - Xã hội.
[6]. *Nguyễn Như Tiến (2011). Giáo trình Vận tải và giao nhận trong ngoại thương. NXB Khoa học và Kỹ thuật.*

133131 KỸ NĂNG BIÊN - PHIÊN DỊCH THƯƠNG MẠI

Môn học này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Trung Quốc học và Ngôn ngữ Trung Quốc (tiếng Trung Quốc) những kiến thức cơ bản tổng quan kỹ năng biên phiên dịch từ cơ bản đến nâng cao.
Đây là môn học nghiệp vụ được giảng dạy bằng tiếng Trung Quốc nên sinh viên sẽ được cung cấp một lượng lớn từ vựng , thuật ngữ tiếng Hoa (dưới dạng song ngữ Hoa – Việt) đủ để sinh viên trau dồi kỹ năng biên phiên từ cơ bản đến nâng cao trên nhiều lĩnh vực.
Tài liệu tham khảo:
- Phan Thế Anh, Giáo trình biên phiên dịch Việt Hán 潘世英主编，《越-汉翻译教材》，雒鸿大学内部流行，2015年 , Đại học Lạc Hồng lưu hành nội bộ, năm 2015.

134012 CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

Môn học dành cho sinh viên các ngành thuộc khoa Đông Phương, nhằm trình bày những đặc trưng cơ bản, các quy luật hình thành và phát triển của một nền văn hóa cụ thể. Cơ sở văn hóa Việt Nam trang bị những hiểu biết tối thiểu về nền văn hóa dân tộc Việt. Để sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tham gia một cách có ý thức vào việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc.
Tài liệu tham khảo:
1. Chu Xuân Diên, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB ĐHQG Thành Phố Hồ Chí Minh, 2008.
2. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục, 1999.
3. Trần Quốc Vượng, Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2010

135101 LISTENING 1 (NGHE HIỂU 1)

Môn học này cung cấp cho học viên vốn kiến thức tiếng Anh bao gồm từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm thông qua việc thực hành những bài tập nghe liên quan đến những vấn đề cuộc sống hằng ngày như chào hỏi, miêu tả ngoại hình và tính cách, du lịch, mua sắm, dùng bữa tại nhà hàng, xem phim, ngày tháng, trang phục, các vấn đề về sức khỏe, giao thông và các hoạt động giải trí cuối tuần. Môn học cũng giúp học viên phát triển khả năng truyền tải thông tin trong giao tiếp và khả năng tự học và học tập suốt đời thông qua các hoạt động trò chơi, thảo luận nhóm và các bài thực hành hội thoại.
Giáo trình:
Scanlon, J., (2016). *Q: Skills for success 1 listening and speaking*. 2nd Ed. Oxford University Press
Tài liệu tham khảo:
Scanlon, J., (2020). *Q: Skills for success 1 listening and speaking*. 3rd Ed. Oxford University Press.

135103 READING 1 (ĐỌC HIỂU 1)

Môn học này giúp sinh viên phát triển khả năng đọc hiểu thông qua nội dung các bài đọc phong phú và thực tế thuộc nhiều chủ đề khác như nghệ thuật, văn hóa, lịch sử, môi trường, sức khỏe, sự kiện khoa học, khoa học xã hội, công nghệ, sở thích, thể thao, v.v... Đồng thời môn học này giúp sinh viên ứng dụng các kỹ năng đọc như đọc quét, đọc lướt, tóm tắt ý chính, đoán nghĩa của từ qua ngữ cảnh và kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và xã hội trong việc nắm vững nội dung các bài đọc.
Giáo trình
Malarcher, C., & Janzen, A. (2010). *Reading Challenge 1* (2nd ed.). Compass Publishing.
Tài liệu tham khảo
Latham-Koenig, C., Oxeden, C., Lambert, J., & Seligson, P. (2019). *American English File 1* (3rd ed.). Oxford.

135114 WRITING 1 (VIẾT 1)

Môn học Writing 1 cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng viết các mẫu câu cơ bản trong tiếng Anh để người học có thể viết được các câu tiếng Anh đúng cú pháp và ngữ nghĩa. Ngoài ra học phần Writing 1 còn hướng dẫn người học phương pháp tự học và rèn luyện khả năng viết các loại câu tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua việc giới thiệu các phương pháp tự học tiếng Anh, các nguồn tài liệu và các chương trình luyện tập viết tiếng Anh trực tuyến, luyện tập đánh giá và nhận xét bài viết của người học cùng cấp độ theo cặp, nhóm… giúp người học có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.
Tài liệu học tập:
Folse, K., Muchmore-Vokoun, A., Solomon, E. V., & Reagan, N. (2019). *Great Writing 1: Great Sentences for Great Paragraphs* (5th ed.). Heinle Cengage Learning.
Tài liệu tham khảo:
1. Butler, L. (2017). *Longman Academic Writing Series*: *Sentences to paragraphs* (2nd ed.). Pearson Education.
2. Bohlke, D. (2018). *Skillful 1. Reading & Writing,*

Student's Book pack (2nd ed.). Macmillan Education.

135115 PRONUNCIATION 1 (LUYỆN ÂM 1)

Môn học này cung cấp cho người học một phần kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh bao gồm 12 nguyên âm, 8 nhị trùng âm, nguyên tắc nhấn âm trong từ, cách thể hiện giọng điệu để thể hiện những chức năng ngôn ngữ cơ bản trong một đoạn hội thoại qua các dạng câu hỏi, câu tường thuật và câu cảm thán. Những kiến thức này giúp người học phát âm và thể hiện các khía cạnh giao tiếp của ngữ âm một cách chính xác. Môn học này đồng thời giúp người học phát triển khả năng làm việc nhóm và cá nhân, cũng như khả năng tự học thông qua các hoạt động như trò chơi về phát âm, hội thoại, hát tiếng Anh và các bài tập về nhà yêu cầu người học tự nghiên cứu.

Giáo trình:

Tan, N. D. D., & Hien, T. D. (2022). *Pronunciation 1*. Lac Hong University.

Tài liệu tham khảo:

1. Baker, A. (2006). Sheep or ship. Cambridge: Cambridge University Press.

2. Carley, P., & Inger, M.M (2019). American English Phonetics and Pronunciation Practice. Boston: Routledge.

135116 GRAMMAR 1 (NGỮ PHÁP 1)

Học phần Grammar 1 hệ thống lại kiến thức ngữ pháp liên quan đến các từ loại (parts of speech), chức năng và cách sử dụng chúng để tạo nên các thành phần chính trong câu (sentence elements). Ngoài ra, sinh viên cũng được học về cách phân loại danh từ, các từ hay cụm từ tương đương với danh từ, thì của động từ, chức năng của động từ khiếm khuyết, sự so sánh tính từ và trạng từ, sự hòa hợp giữa chủ từ và động từ,… nhằm giúp sinh viên áp dụng các kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và xã hội vào các ngữ cảnh thực tế, đồng thời thực hiện các công việc dịch thuật (nói, viết) một cách chính xác thông qua việc sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh.

Giáo trình

Raymond, M. (2019). *English Grammar in Use*. 5th Edition. Cambridge University Press.

Tài liệu tham khảo

1. Robin, T. and Gouzerh (2019). *Intermediate English Grammar for ELS Leaners*. 3rd Edition. McGraw-Hill.

2. Ronald, C., Michael. M., Geraldine, M., & Anne, O. (2016). *English Grammar Today*. 4th edition. Cambridge University Press.

135117 ENGLISH STUDY SKILLS (KỸ NĂNG HỌC TIẾNG ANH)

Kỹ năng học tiếng Anh là môn học tiếng Anh được thiết kế dành cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh, sử dụng tiếng Anh như một ngoại ngữ. Khóa học nhằm giới thiệu cho sinh viên không chỉ phương pháp và kỹ năng học tập nói chung mà còn cách học tiếng Anh nói riêng ở trình độ đại học nhằm giúp sinh viên đạt được kết quả học tập như mong muốn, có được kiến thức chung và các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, cũng như thái độ nghề nghiệp đúng đắn trong tương lai. .

Khóa học sẽ giúp học viên vượt qua những nỗi sợ hãi rất chính đáng trong việc thi cữ cũng như áp lực học tập, từ đó khám phá ra một cách học hoàn toàn mới và tích cực, làm nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu sau này.

Giáo trình

Phong, T. H. A., Phu, N. M., et al. (2022). *English Study Skills.* Lac Hong University.

Tài liệu tham khảo

1. Graham, A. (2018). *English for Academic Purposes: A Handbook for Students (Critical Study Skills)* (1st ed.). Critical Publishing.

135118 SPEAKING 1 (NÓI 1)

Học phần Speaking 1 cung cấp cho sinh kiến thức về ngôn ngữ bao gồm từ vựng, phát âm, các mẫu câu để diễn đạt những chức năng ngôn ngữ khác nhau. Những kiến thức này được giới thiệu trong các bài hội thoại, kết hợp với ngữ liệu minh họa trong các bài nghe về các chủ đề quen thuộc như: *bạn bè, sở thích, con người, hoạt động hằng ngày, gia đình, mua sắm, ẩm thực, quá khứ và tương lai.* Từ những kiến thức này, sinh viên có thể phát triển kỹ năng nói để có thể diễn đạt ý kiến một hiệu quả trong những tình huống giao tiếp thực tế.

Bên cạnh đó, môn học này còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc cá nhân, và làm việc nhóm thông qua những hoạt động nói cá nhân, theo cặp, hoặc theo nhóm mà trong đó sinh viên phải thảo luận và tương tác với nhau trong và trình bày trước lớp những ý kiến của mình.

Giáo trình

Richards, J. C., & Bohlke, D. (2012). *Speak now 1.* Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo:

Grant, L., & Yu, E.E. (2017). *Well said (Intro) (2nd edition)*. National Geographic Learning.

135201 LISTENING 2 (NGHE HIỂU 2)

Môn học này giúp sinh viên cũng cố kiến thức và kỹ năng nghe tiếng Anh đã được học ở học phần

Listening 1, đồng thời tiếp tục nâng cao và hoàn thiện kỹ năng nghe ở trình độ pre-intermediate. Cụ thể hơn, người học sẽ luyện tập những kỹ năng nghe để nắm bắt ý chính, nghe và so sánh hai đối tượng, xác định nguyên nhân và kết quả của sự việc, nghe suy diễn thông qua những chủ đề quen thuộc về cuộc sống hằng ngày như nói chuyện phiếm, cuối tuần, ngoại hình, bạn qua thư, nhà hàng, tiệc tùng, ngắm cảnh, tình yêu, du lịch, làm thủ tục tại sân bay.
Bên cạnh đó, học phần Listening 2 còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học bằng việc rèn luyện kỹ năng nghe tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, cũng như khả năng làm việc nhóm thông qua những hoạt như trò chơi, thảo luận nhóm và các bài thực hành hội thoại.
Giáo trình:
Lougheed, L. (2003). Learning to Listen 3. Thailand: Macmillan Publishers Limited.
Tài liệu tham khảo:
1. Chase, B.T. (2018). Pathways 1: Listening, Speaking, and Critical Thinking (2nd edition). USA: National Geographic Learning
2. Williams, J. (2017). 21st Century Communication: Listening, Speaking and Critical Thinking (Student Book 2). Boston: National Geographic Learning.

135202 SPEAKING 2 (NÓI 2)

Học phần Speaking 2 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nói tiếng Anh đã học ở học phần Speaking 1, đồng thời nâng cao và hoàn thiện kỹ năng nói ở trình độ pre-intermediate. Cụ thể hơn, người học sẽ được luyện tập kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc như *bạn bè và gia đình, nhà hàng, sức khỏe, nghề nghiệp, thời gian rảnh, du lịch, phong cách và thời trang* và *ý kiến*. Từ đó người học sẽ trở nên thành thạo và tự tin hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ khi giao tiếp với người khác trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể.
Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm thông qua những hoạt động nói theo cặp hoặc thảo luận theo nhóm, cũng như kỹ năng tự học thông qua các chương trình học trực tuyến mà qua đó sinh viên có thể ứng dụng các chức năng ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng hiệu quả trong những tình huống thực tế liên quan đến các chủ đề đã học để làm nền tảng tự học về sau.
Giáo trình
Richards, J. C., & Bohlke, D. (2012). *Speak Now 2*. Oxford University Press.
Tài liệu tham khảo:
Bohlke, D., & Lockwood, R. B. (2018). *Skillful Listening and Speaking 2* (2nd edition). London: Macmillan Eduation.

135203 READING 2 (ĐỌC HIỂU 2)

Môn học này tiếp tục giúp sinh viên phát triển khả năng đọc hiểu ở mức độ intermediate thông qua nội dung các bài đọc phong phú như nghệ thuật, văn hóa, lịch sử, môi trường, sức khỏe, sự kiện khoa học, khoa học xã hội, công nghệ, sở thích, thể thao, v.v... Đồng thời môn học này giúp sinh viên ứng dụng các kỹ năng đọc, kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và xã hội trong việc nắm vững nội dung các bài đọc mang tính thực tế cao. Môn học này cũng giúp ích cho sinh viên phát triển khả năng đọc hiểu phục vụ cho mục đích tự học và nghiên cứu suốt đời.
Giáo trình
Malarche, C., & Janzen, A. (2010). *Reading Challenge 2* (2nd ed.). Compass Publishing.
Tài liệu tham khảo
Latham-Koenig, C., Oxeden, C., Lambert, J., & Seligson, P. (2019). *American English File 2* (3rd ed.). Oxford.

135204 WRITING 2 (VIẾT 2)

Môn học Writing 2 giúp người học nắm được cấu trúc cơ bản của một đoạn văn, cụ thể qua các loại đoạn văn được hướng dẫn như qui trình, miêu tả, tường thuật và trình bày quan điểm, từ đó giúp sinh viên truyền đạt ý tưởng hiệu quả qua các đoạn văn. Môn học này cung cấp những hướng dẫn cơ bản và các bài tập mở rộng cùng với các hoạt động về việc viết đoạn văn ở trình độ trung cấp (tương đương B1 trong CEFR). Môn học đáp ứng được nhu cầu của người học trong việc luyện tập ngữ pháp cơ bản, từ vựng, và chính tả thông qua những bài viết mẫu và bài tập thực hành ý nghĩa. Người học cũng sẽ được từng bước luyện tập viết đoạn theo qui trình khoa học và phát triển sản phẩm cuối cùng qua các bài tập đa dạng và thiết thực, giúp người học có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.
Tài liệu học tập
Folse, K. S., Muchmore-Vokoun, A., & Solomon, E. V. (2019). *Great Writing 2: Great Paragraphs* (5th ed.). Boston, USA: CENGAGE Learning.
Tài liệu tham khảo
1. Hogue, A. (2017). *Longman Academic Writing Series: Paragraphs* (3rd ed.). Pearson Education.
2. Rajinder, S. D. (2019). *A New Approach to Paragraph Writing.* Arya Publishing Company.

135217 GRAMMAR 2 (NGỮ PHÁP 2)

Môn học này tiếp tục củng cố và nâng cao kiến thức ngữ pháp ở trình độ trung, cao cấp thông qua các bài học ngữ pháp về các chủ đề như động từ khiếm khuyết, cấu trúc chủ động bị động, câu điều kiện, cấu trúc nhấn mạnh, câu tường thuật, v.v…để giúp sinh viên nắm vững ngữ pháp tiếng Anh nâng cao cũng như diễn đạt ý tưởng khi viết và nói tiếng Anh một cách chính xác trong những tình huống giao tiếp khác nhau.

Giáo trình

Raymond, M. (2019). *English Grammar in Use*. 5th Edition. Cambridge University Press.

Tài liệu tham khảo

1. Robin, T. and Gouzerh (2019). *Intermediate English Grammar for ELS Leaners*. 3rd Edition. McGraw-Hill.
2. Ronald, C., Michael. M., Geraldine, M., & Anne, O. (2016). *English Grammar Today*. 4th edition. CUP.

135218 PRONUNCIATION 2 (LUYỆN ÂM 2)

Học phần Pronunciation 2 củng cố cho sinh viên những kiến thức ngữ âm trong học phần Pronunciation 1, đồng thời tiếp tục cung cấp cho người học kiến thức về các nguyên tắc phát âm các phụ âm, nối âm, nhấn trong câu và các nguyên tắc thể hiện giọng điệu trong nhiều ngữ cảnh khác nhau, nhằm hỗ trợ người học phát triển kỹ năng nghe và nói tiếng Anh. Ngoài ra, môn học này cũng giúp người học phát triển khả năng tự học và học tập suốt đời thông qua các bài tập về nhà yêu cầu người học cần tự nghiên cứu và các hoạt động sử dụng các nguồn tiếng Anh ngoài lớp học như: phim tiếng Anh, bài hát tiếng Anh, v.v.

Giáo trình

Loc, H.V., & Vi, N.T.K. (2022). *Pronunciation 2*. Lac Hong University.

Tài liệu tham khảo:

1. Baker, A. (2006). *Sheep or ship.* Cambridge: Cambridge University Press.
2. Carley, P., & Inger, M.M (2019). *American English Phonetics and Pronunciation Practice.* Boston: Routledge

135312 LISTENING 3 (NGHE HIỂU 3)

Ở học phần này, sinh viên được củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nghe tiếng Anh đã học ở học phần Nghe 1, Nghe 2 và bắt đầu tiếp cận nhiều kĩ năng nghe tiếng Anh khác nhau ở mức độ pre-intermediate (tiền trung cấp), đòi hỏi khả năng ghi nhớ thông tin nhiều hơn. Cụ thể hơn, người học sẽ luyện tập kỹ năng *nghe hiểu ý chính, ý chi tiết, nghe từ khóa, dự đoán nội dung trong bài nghe*, hoặc *nhận biết được thái độ của người nói và hiểu được định nghĩa của các từ mới trong ngữ cảnh* thông qua các chủ đề như: *tính cách, thời gian, tốc độ, nhà cửa, kích thước, kiểu dáng, tốc độ, tầm nhìn, cực độ, cuộc sống, công việc* để từ đó giúp người học có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng kỹ năng nghe và nói tiếng Anh trong các tình huống văn hóa và xã hội cụ thể.

Bên cạnh đó, học phần Listening 3 cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học và rèn luyện kỹ năng nghe tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến nhằm giúp sinh viên có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.

Giáo trình

Bakers, L., & Gershon, S. (2012). *Skillful Listening & Speaking 1.* Macmillan Education.

Tài liệu tham khảo:

Chase, B.T., Johannsen, K.L., MacIntyre, P., Najafi, K., & Fettig, C. (2018). *Path way 2 (2nd edition)*. National Geographic Learning.

135313 SPEAKING 3 (NÓI 3)

Học phần Speaking 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nói tiếng Anh đã học ở học phần Speaking 1 và Speaking 2, đồng thời tiếp tục hoàn thiện và nâng cao kỹ năng nói ở trình độ pre-intermediate. Cụ thể hơn, người học sẽ được luyện tập kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc như *con người, kỳ nghỉ, công việc lặt vặt, những câu chuyện, bạn bè, việc kinh doanh, văn hóa* và *tương lai*. Từ đó người học sẽ trở nên thành thạo và tự tin hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ khi giao tiếp với người khác trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể.

Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm thông qua những hoạt động nói theo cặp hoặc thảo luận theo nhóm, cũng như kỹ năng tự học thông qua các chương trình học trực tuyến mà qua đó sinh viên có thể ứng dụng các chức năng ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng hiệu quả trong những tình huống thực tế liên quan đến các chủ đề đã học để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình

Richards, J. C., & Bohlke, D. (2012). *Speak Now 3*. Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo:

1. Boyle, M., & Kisslinger E. (2018). *Skillful Listening and Speaking 3* 2nd edition. London: Macmillan Eduation.
2. Bonesteel, L. (2017). 21st Century Communication: *Listening, Speaking, and Critical Thinking*. Student Book 3. Boston: National Geographic Learning.

135315 WRITING 3 (VIẾT 3)

Học phần Writing 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng viết đã học được ở các học phần Writing 1, Writing 2 đồng thời nâng cao và phát triển khả năng viết ở mức độ cao cấp thông qua việc thực hành và rèn luyện kỹ năng viết mô tả biểu đồ, quy trình, bài luận trong các bài thi tiếng Anh quốc tế (IELTS) dưới hình thức học thuật (Academic). Môn học này đồng thời giúp giúp sinh viên làm quen các dạng bài viết trong các bài thi tiếng Anh quốc tế và phát triển khả năng truyền đạt ý tưởng một cách hiệu quả qua các bài viết luận ở mức độ upper-intermediate (tương đương trình độ B2 trong CEFR).

Giáo trình

Wang, X. Y. (2020). *Basic IETLS Writing.* NXB Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo

1. Richard, B. & Lewis, R. (2017). *IELTS Advantage: Writing Skills.* A step-by-step guide to a high IELTS writing score. Delta Publishing.
2. New Oriental Education & Technology Group. (2017) Intensive IELTS Writing. Ho Chi Minh City Tong Hop Publisher.

135318 MORPHOLOGY (HÌNH THÁI HỌC)

Môn học này giúp sinh viên nhận dạng và phân tích cấu trúc của từ, hiểu và sử dụng đúng các loại từ loại (parts of speech), hiểu được cấu tạo và quá trình hình thành từ trong tiếng Anh. Cụ thể hơn, người học sẽ được học về định nghĩa của hình thái học trong tiếng Anh, hình vị, tha hình vị, các loại từ và cấu tạo từ, quá trình biến đổi từ như từ được tạo mới hoàn toàn, từ vay mượn, từ bị cắt bớt, từ được tạo từ việc lấy chữ cái đầu…. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ có thể vận dụng kiến thức của học phần này vào các môn học khác như Syntax, Semantics trong chương trình đào tạo của Khoa cũng như làm nền tảng cho việc tự học và nghiên cứu về sau của sinh viên.

Giáo trình:

Nghia, P.T. (2022). *Hình thái học*. Trường Đại học Lạc Hồng.

Tài liệu tham khảo:

Thanh, T. M. (2019). *Hình thái học tiếng Anh (tái bản lần 4)*. NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.

135319 READING 3 (ĐỌC HIỂU 3)

Thông qua việc giới thiệu các kỹ năng đọc kết hợp với việc thực hành các chiến thuật, thủ thuật đọc và thực hành ngôn ngữ, môn học Reading 3 giúp người học mở rộng vốn từ vựng, nắm rõ cấu trúc và kỹ năng làm bài thi đọc hiểu theo hình thức của kỳ thi chứng chỉ IELTS (International English Language Testing Systems), nhằm xây dựng một nền tảng vững chắc về khả năng đọc hiểu và sử dụng tiếng Anh của người học. Học phần Reading 3 không chỉ khơi dậy niềm yêu thích tiếng Anh của người học mà còn trang bị cho người học kỹ năng tự học và rèn luyện khả năng đọc hiểu tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp như phương pháp học tiếng Anh, các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, phương pháp học tập theo cặp, nhóm,… giúp người học có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.

Tài liệu học tập

Juan, Z. (2019). *Basic IELTS Reading*. NXB Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo:

1. British Council (2017). *Bí Quyết Luyện Thi IELTS: IELTS Essential Guide* (3rd ed.). Women's Publisher.
2. Cambridge IELTS 14 Academic Student's Book with Answer: Authentic Examination Papers. (2019). Cambridge: Cambridge University Press.
3. New Oriental Education & Technology Group. (2019) *Intensive IELTS Reading*. Ho Chi Minh City Tong Hop Publisher

135404 WRITING 4 (VIẾT 4)

Môn học Writing 3 giúp người học phát triển kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể viết một bài luận chuẩn trong tiếng Anh theo các thể loại khác nhau (tường thuật, so sánh, nguyên nhân – kết quả và tranh luận). Môn học này cung cấp những hướng dẫn cơ bản và các bài tập mở rộng cùng với các hoạt động về việc viết luận ở trình độ cao trung cấp và nâng cao (tương đương B2 trong CEFR). Thêm vào đó, các hoạt động viết, ngữ pháp, và từ vựng hỗ trợ từng bước xây dựng kĩ năng người học cần để viết được các bài luận hay và cung cấp dữ liệu viết luận trong tiếng Anh, cách sắp xếp các đoạn văn và tính mạch lạc. Người học cũng sẽ được từng bước luyện tập viết luận theo qui trình khoa học và phát triển sản phẩm cuối cùng qua các bài tập đa dạng và thiết thực.

Tài liệu học tập

Folse, K. S., Muchmore-Vokoun, A., & Solomon, E.V. (2019). *Great Writing 4: Great Essays* (4th ed). Boston, USA: CENGAGE Learning.

Tài liệu tham khảo

1. Oshima, A. & Hogue, A. (2017). *Longman Academic Writing Series: Essays* (5th ed.). Pearson Education
2. **Karen, M. (2020). *Essay Writing: Argumentative Essay Writing Guide Book for College Students*. Independently Published.**

135410 SYNTAX (CÚ PHÁP HỌC)

Với thời lượng 45 tiết, nội dung môn Cú pháp học chú trọng đến việc phân tích cấu trúc của cụm từ, mệnh đề và câu trong tiếng Anh thông qua việc làm rõ các thành phần cấu tạo bằng hình thức sử dụng sơ đồ hình cây. Nội dung môn học còn bao gồm việc sử dụng sơ đồ hình cây để phân tích và làm rõ nghĩa của các cụm từ, câu mơ hồ và đa nghĩa. Ngoài những yêu cầu phân tích cấu trúc, phần bài tập của môn học này còn bao gồm những yêu cầu đọc hiểu, viết và biên dịch nhằm nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ của học viên. Môn học này còn là nền tảng để học tập và nghiên cứu về sau.

Giáo trình:

Thanh, T. M. (2019). *Cú pháp học tiếng Anh (tái bản lần 3)*. NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.

Tài liệu tham khảo:

Tan, N.D.D. (2022). *Syntax (biên soạn)*. Lac Hong University.

135411 LISTENING 4 (NGHE HIỂU 4)

Học phần Listening 4 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nghe tiếng Anh đã học ở học phần Listening 1, Listening 2, Listening 3 đồng thời nâng cao và hoàn thiện kỹ năng nghe ở trình độ intermediate - tương đương B1 trong Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung châu Âu (CEFR). Cụ thể hơn, người học sẽ luyện tập kỹ năng nghe hiểu ý chính, nghe lấy thông tin chi tiết, nghe có chủ đích, nghe suy diễn thông qua các chủ đề như *sức khỏe, cộng đồng, không gian sống, tòa nhà lớn, sự thành công, áp lực trong cuộc sống, nỗi sợ, kỳ nghỉ, nguồn nước, kỹ năng thuyết phục* để từ đó giúp người học có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng kỹ năng nghe và nói tiếng Anh trong các tình huống văn hóa và xã hội cụ thể.

Bên cạnh đó, học phần Listening 4 cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học và rèn luyện kỹ năng nghe tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến nhằm giúp sinh viên có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.

Giáo trình

Bohlke, D., & Lockwood, R. B. (2016). *Skillful Listening & Speaking 2.* London: Macmillan Education.

Tài liệu tham khảo:

1. Bonesteel, L. (2017). 21st Century Communication: *Listening, Speaking, and Critical thinking* (Student book 3). Boston: National Geographic Learning.

2. Chase, B.T., Johannsen, K.L., MacIntyre, P., Najafi, K., & Fettig, C. (2018). *Pathways 3: Listening, Speaking, and Critical Thinking* (2nd edition). USA: National Geographic Learning.

135412 BUSINESS SPEAKING 1 (NÓI THƯƠNG MẠI 1)

Học phần Business Speaking 1 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nói tiếng Anh đã học ở học phần Speaking 1, Speaking 2, Speaking 3, đồng thời nâng cao và hoàn thiện kỹ năng nói ở trình độ pre-intermediate. Cụ thể hơn, người học sẽ được luyện tập kỹ năng giao tiếp (thảo luận) bằng tiếng Anh trong môi trường kinh thương như: gặp gỡ mọi người, giao tiếp qua điện thoại, lên lịch cho các cuộc hẹn, giới thiệu về hiệu suất kinh doanh của công ty, các sản phẩm và dịch vụ của công ty, đưa ra quyết định, khiếu nại, kiểm tra tiến độ, dự đoán triển vọng trong tương lai, quy định và lời khuyên khi làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức các cuộc họp và thảo luận, và chuẩn bị một bài phát biểu ngắn. Từ đó người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ khi thảo luận với người khác trong môi trường kinh thương, đồng thời có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể.

Giáo trình

Margaret H. (2014) *Business Plus Level 1* Student's Book, Book 1. Cambridge: Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo

Dubicka. I . et al. (2018) *Business Partner B1+ Coursebook*. Pearson Education, Limited.

135414 BUSINESS READING 1 (ĐỌC THƯƠNG MẠI 1)

Môn học này giúp người học làm quen với môi trường giao tiếp bằng văn bản trong lĩnh vực kinh doanh/ thương mại thông qua các bài đọc như email, lịch trình, blog kinh doanh, báo cáo tài chính, danh thiếp và trang web của công ty,… Đây cũng là bước khởi đầu chuẩn bị cho người học trước khi bước qua những học phần cao hơn của tiếng Anh thương mại, tạo một nền tảng kiến thức và kỹ năng cần thiết cho môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và tạo tiền đề để học viên có thể học tập và nghiên cứu về sau.

Giáo trình

Osborn, A. (2014). *Collins English for Business: Reading*, Ho Chi Minh City General Publishing House.

Tài liệu tham khảo

Cotton, D., Falvey, D. & Kent, S. (2007). *New Market Leader Elementary,* Pearson Education Limited.

135418 INTRODUCTION TO BRITISH CULTURE AND SOCIETY (DẪN NHẬP MÔN VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI ANH)

Học phần Introduction to British Culture & Society cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về địa lý tự nhiên, lịch sử, văn hóa, cuộc sống, con người nước Anh nhằm giúp sinh viên mở rộng kiến thức về đất nước, văn hóa và con người nước Anh, phát triển kiến thức ngôn ngữ và các kỹ năng ngoại ngữ.
Từ đó người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể và để làm nền tảng tự học về sau.
Giáo trình
O'Driscoll, J. (2013). *Britain for Learners of English* (2nd ed.). Oxford: OUP.
Tài liệu tham khảo
Anh, D., & Lien, T. (2002). *British Culture.* Vietnam Education Publishing House Limited Company.

135419 BRITISH IDENTITY AND LIFESTYLE (LỐI SỐNG VÀ TÍNH CÁCH NGƯỜI ANH)

Học phần British Identity & Lifestyle cung cấp kiến thức cơ bản về tính cách và lối sống của người Anh. Cụ thể:
- Giúp sinh viên khám phá những ảnh hưởng của vị trí địa lý, môi trường, khí hậu của Anh, các chủng tộc, những quan điểm về tôn giáo và chính trị lên tính cách của người Anh, các tầng lớp xã hội và những nét tính cách, ứng xử đặc thù của họ.
- Giúp sinh viên tiếp cận lối sống Anh thông qua việc nghiên cứu đời sống xã hội, nhà ở, ẩm thực, cách ăn mặc, thể thao, thú vui giải trí.
- Đồng thời giúp sinh viên đưa ra những so sánh với tính cách và lối sống của người Việt Nam.
Từ đó người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể và để làm nền tảng tự học về sau.
Giáo trình
1. O'Driscoll, J. (2013). *Britain for Learners of English* (2nd ed.). Oxford: OUP.
Tài liệu tham khảo:
1. McDowall, D. (2007). *Britain in Close Up*. An Indepth Study of Contemporary Britain. Longman.

135420 NGOẠI NGỮ 2 – HP1 (Chọn 01 trong 03: Chinese 1, Japanese 1 hoặc Korean 1)
CHINESE 1 (TIẾNG TRUNG 1)

Học phần Chinese 1 rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết dành cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, đặc biệt chú trọng trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp thông qua một số chủ đề xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày (chào hỏi, hỏi thăm sức khỏe, gia đình, bạn bè, mua sắm, học hành, ngày tháng sinh nhật...) và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ, kỹ năng giao tiếp. Bao gồm:
Quy tắc phát âm, các phụ âm, các nguyên âm, vần, thanh điệu và ghép vần
Các câu nói thường dùng trong lớp: Chào hỏi nhau, tự giới thiệu, thăm hỏi lẫn nhau, mua sắm, sở thích....
Các câu nói thường dùng trong giao tiếp: thăm hỏi, làm quen, thăm hỏi nhu cầu,...
Giáo trình
Vinh Kế Hoa (2019). *Phát triển Hán ngữ tổng hợp sơ cấp 1, Tập1,* Nhà xuất bản Hồng Đức.

JAPANESE 1 (TIẾNG NHẬT 1)

Tiếng Nhật 1 cung cấp cho người học về các mẫu câu văn phạm tiếng Nhật cơ bản. Giúp cho người học có thể sử dụng từ vựng kết hợp các mẫu câu vào trong hội thoại, nghe, đàm thoại, viết, ...
Giáo trình:
- 国際交流基金 – まるごと一りかい (A1)
- 国際交流基金 – まるごと一かつどう (A1)
Tài liệu tham khảo:
- 平井悦子・三輪幸子、みんなの日本語初級１文型練習帳、2000年、株式会社スリーエーネットワーク
- 株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語標準問題集１、1999年、株式会社スリーエーネットワーク

KOREAN 1 (TIẾNG HÀN 1)

Chú trọng rèn luyện phát âm, giao tiếp dành cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp thông qua một số chủ đề xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày (chào hỏi, hỏi thăm, mua sắm, học hành, hỏi vị trí, hỏi về đồ vật, số đếm, thời khóa biểu trong ngày...) và những kiến thức cơ bản của kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết. Bao gồm:
- Quy tắc phát âm, các phụ âm, các nguyên âm, vần, thanh điệu và ghép vần
- Các câu nói thường dùng trong lớp: Chào hỏi nhau, tự giới thiệu, thăm hỏi lẫn nhau, mua sắm, ...
- Các câu nói thường dùng trong giao tiếp: Thăm hỏi, làm quen, thăm hỏi nhu cầu....
Giáo trình:
세종한국어1, 세종학당, 국립국어원, 2013.

135501 LISTENING 5 (NGHE HIỂU 5)

Học phần Listening 5 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nghe tiếng Anh đã học ở học phần Listening 1, Listening 2, Listening 3, Listening 4, đồng thời nâng cao và hoàn thiện kỹ năng nghe ở trình độ upper-intermediate (tương đương B2 trong CEFR). Cụ thể hơn, người học sẽ luyện tập kỹ năng nghe hiểu ý chính, ý chi tiết, hiểu quan điểm của người nói, đánh giá những luận điểm giống và khác nhau, phân biệt các mối quan hệ giữa nguyên nhân và hệ quả, ghi chú ý chính của các bài giảng, nhận biết được thái độ của người nói và hiểu được định nghĩa của các từ mới trong ngữ cảnh thông qua các chủ đề như: *danh tính, thiết kế, ý tưởng, lửa, sự chuyển động, bệnh tật, sự sinh tồn, động lực, âm thanh* và *tương lai*, để từ đó giúp người học có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng kỹ năng nghe và nói tiếng Anh trong các tình huống văn hóa và xã hội cụ thể.

Giáo trình

Baker, L., & Kisslinger, E. (2018). *Skillful Listening and Speaking 3* 2nd edition. London: Macmillan Education.

Tài liệu tham khảo

Bonesteel, L. (2017). 21st Century Communication: *Listening, Speaking, and Critical thinking* (Student book 3). Boston: National Geographic Learning.

135504 BUSINESS SPEAKING 2 (NÓI THƯƠNG MẠI 2)

Học phần Business Speaking 2 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nói tiếng Anh đã học ở học phần Speaking 1, Speaking 2, Speaking 3, và Business Speaking 1, đồng thời nâng cao và hoàn thiện kỹ năng nói ở trình độ intermediate. Cụ thể hơn, người học sẽ được luyện tập và phát triển kỹ năng đàm phán bằng tiếng Anh trong kinh doanh tại doanh nghiệp: bắt đầu từ sự chuẩn bị, đặt mục tiêu, sắp xếp cuộc họp, đề xuất, đưa ra một đề nghị mới, kỹ năng ứng phó khi gặp bế tắc và tiếp cận đối tác để có thể tạo nên một cuộc đàm phán thành công. Từ đó người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ khi đàm phán với người khác, đồng thời có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể.

Giáo trình

LaFond, C., Vine, S. & Welch, B. (2010) *English for Negotiating*. Oxford: Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo

Bovee, C. & Thill, J. (2012) *Business communication today 14th edition.* Boston: Pearson

135507 SEMANTICS (NGỮ NGHĨA HỌC)

Môn Ngữ nghĩa học trang bị cho sinh viên chuyên ngữ những khái niệm cơ bản về ngữ nghĩa học trong tiếng Anh. Cụ thể hơn, người học sẽ được học về định nghĩa ngữ nghĩa học, nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn, quan hệ về nghĩa, hình thái tu từ, tiền giả định, hàm ý (presupposition and implicature), hành động ngôn từ và hành động trung ngôn…Từ đó, sinh viên có thể vận dụng những hiểu biết cơ bản về kiến thức ngữ nghĩa học vào việc sử dụng tiếng Anh, cũng như làm nền tảng cho việc tự học và nghiên cứu về sau của sinh viên.

Giáo trình:

Thanh, T. M. (2019). *Ngữ nghĩa học tiếng Anh - English Semantics (tái bản lần 5).* NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.

Tài liệu tham khảo:

Hurford, J.R. & Heasley, B. (1984). Semantics: A Course book. Cambridge: CUP

135508 BUSINESS READING 2 (ĐỌC THƯƠNG MẠI 2)

Môn học này cung cấp vốn từ vựng, ngôn ngữ và kỹ năng mà sinh viên cần để giao tiếp hiệu quả trong cả hai tình huống trang trọng và thân mật tại nơi làm việc thông qua các bài đọc thực tế như các bài báo, tạp chí, thư điện tử… trong lĩnh vực thương mại. Những chủ đề bài học bao gồm: Làm quen với công việc mới, Hoạt động mua và bán, Kỹ năng văn phòng, Săn tìm công việc phù hợp, … Đặc biệt, với mỗi bài đọc, sinh viên sẽ tham gia các dạng hoạt động khác có liên quan đến bài đọc vừa học nhằm rèn luyện thêm các kỹ năng về từ vựng, nói và viết, tạo một nền tảng để học viên có thể học tập và nghiên cứu về sau.

Giáo trình

Hobbs M., Keddle S.J. (2011). *Oxford English for Careers: Commerce 2*. Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo

Hughes, J. & Naunton, J (2018) *Business Result: Intermediate*. Oxford University Press.

135509 INTRODUCTION TO AMERICAN CULTURE AND SOCIETY (NHẬP MÔN VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI MỸ)

Học phần Introduction to American Culture and Society cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về địa lý tự nhiên, lịch sử, văn hóa, cuộc sống, con người nước Mỹ nhằm giúp sinh viên mở rộng kiến thức về đất nước, văn hóa và con người nước Mỹ, phát triển kiến thức ngôn ngữ và các kỹ năng ngoại ngữ.

Từ đó người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể và để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình

Datesman, M. K., Crandall, J. A., & Kearny, E. N. (2014). *American ways: An introduction to American culture. Pearson*.

Pearson.

Tài liệu tham khảo

Crowther, J. (Ed.) (1999). *Oxford Guide to Britain and American Culture*. Oxford: OUP.

135510 AMERICAN IDENTITY AND LIFESTYLE (LỐI SỐNG VÀ TÍNH CÁCH NGƯỜI MỸ)

Học phần American Identity and Lifestyle cung cấp kiến thức cơ bản về tính cách và lối sống của người Mỹ.

Cụ thể: Giúp sinh viên khám phá những ảnh hưởng của vị trí địa lý, môi trường, khí hậu của Hoa Kỳ, các chủng tộc, những quan điểm về tôn giáo và chính trị lên tính cách của người Mỹ, các tầng lớp xã hội và những nét tính cách, ứng xử đặc thù của họ. Giúp sinh viên tiếp cận lối sống Mỹ thông qua việc nghiên cứu đời sống xã hội, nhà ở, ẩm thực, cách ăn mặc, thể thao, thú vui giải trí. Đồng thời giúp sinh viên đưa ra những so sánh với tính cách và lối sống của người Việt Nam

Từ đó người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể và để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình

Datesman, M. K., Crandall, J. A., & Kearny, E. N. (2014). *American ways: An introduction to American culture*. Pearson.

Tài liệu tham khảo

Crowther, J. (Ed.) (1999). *Oxford Guide to Britain and American Culture*. Oxford: OUP.

135511 NGOẠI NGỮ 2 – HP2 (chọn 01 trong 03: Chinese 2, Japanese 2 hoặc Korean 2)
CHINESE 2 (TIẾNG TRUNG 2)

Học phần Chinese 2 tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết dành cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, đặc biệt chú trọng trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp thông qua một số chủ đề xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày (chào hỏi, hỏi thăm sức khỏe, gia đình, bạn bè, mua sắm, học hành, ngày tháng sinh nhật...) và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ, kỹ năng giao tiếp. Bao gồm:

Quy tắc phát âm, các phụ âm, các nguyên âm, vần, thanh điệu và ghép vần

Các câu nói thường dùng trong lớp: Chào hỏi nhau, tự giới thiệu, thăm hỏi lẫn nhau, mua sắm, sở thích,....

Các câu nói thường dùng trong giao tiếp: thăm hỏi, làm quen, thăm hỏi nhu cầu,...

Giáo trình

Vinh Kế Hoa (2019). *Phát triển Hán ngữ tổng hợp sơ cấp 1, Tập1,* Nhà xuất bản Hồng Đức.

JAPANESE 2 (TIẾNG NHẬT 2)

Tiếng Nhật 2 là môn học cung cấp cho người học những cấu trúc cơ bản ở trình độ sơ cấp. Thông qua vốn từ vựng kết hợp với cấu trúc ngữ pháp, người học có thể ứng dụng vào việc giao tiếp với người Nhật, rèn luyện kỹ năng thêm các kỹ năng khác như đọc, viết, nghe,...

Giáo trình:

- 国際交流基金 – まるごと一りかい (A1)
- 国際交流基金 – まるごと一かつどう (A1)

Tài liệu tham khảo:

1. 平井悦子・三輪幸子、みんなの日本語初級１文型練習帳、2000年、株式会社スリーエーネットワーク
2. 株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語標準問題集１、1999年、株式会社スリーエーネットワーク

KOREAN 2 (TIẾNG HÀN 2)

Chú trọng rèn luyện phát âm, giao tiếp dành cho sinh viên chuyên ngành Anh ngữ, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp thông qua một số chủ đề xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày (thời tiết, thời gian, lên lịch hẹn, hoạt động cuối tuần, học tiếng Hàn, kế hoạch...) và những kiến thức cơ bản của kỹ năng nghe, nói, đọc, viết kỹ năng giao tiếp. Bao gồm: Quy tắc phát âm, các phụ âm, các nguyên âm, vần, ngữ điệu, luyến âm...

Giáo trình:

세종한국어1, 세종학당, 국립국어원, 2013.

135601 BUSINESS READING 3 ((ĐỌC THƯƠNG MẠI 3)

Môn học này tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức ngôn ngữ và hiểu biết liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, cùng với việc phát triển kỹ năng đọc tiếng Anh thương mại ở trình độ cao trung cấp (Upper - Intermediate). Nội dung của các bài đọc có

liên quan đến các chủ đề như: Các dự án kinh doanh, Dịch vụ khách hàng, Khởi nghiệp, Đạo đức kinh doanh ,… sẽ cung cấp cho người học những kỹ năng thực tế giúp người học có đủ sự tự tin, sẵn sàng cho môi trường làm việc liên quan đến thương mại kinh doanh sau khi tốt nghiệp, đồng thời tạo một nền tảng để học viên có thể học tập và nghiên cứu về sau.

Giáo trình

Badde, K. et al. (2020) *Business Result: Upper-intermediate. 2nd edt.* Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo

Cotton, D., Falvey, D., & Kent, S. (2012). *Market Leader: Upper-intermediate: Business English Course Book*. Pearson Education.

135602 BUSINESS WRITING 2 (VIẾT THƯƠNG MẠI 2)

Môn học Business Writing 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về các loại thư phổ biến; đặc biệt là tập trung về các loại thư xin việc và sơ yếu lý lịch (CV). Bên cạnh đó sinh viên cũng được học về giao tiếp bằng thư tín trong môi trường thương mại, những nguyên tắc chung về viết thương mại cũng như kiến thức, từ vựng và kỹ thuật viết thư cho các mục đích xin việc, phỏng vấn và tuyển dụng. Đồng thời sinh viên cũng được làm quen với các dạng báo cáo thương mại phổ biến. Môn học này cũng nhằm giúp sinh viên phân biệt được cấu tạo cơ bản, cách thức và quy định viết các loại thư xin việc, phỏng vấn và báo cáo thương mại cũng như nắm vững các cấu trúc, từ vựng tương ứng với văn phong từng loại thư, CV và báo cáo. Bên cạnh đó sinh viên cũng tích hợp được các kỹ năng như tổng hợp thông tin, tóm tắt và đưa ý chính.

Tài liệu học tập chính

Barnard, R.& Meehan, A. (2005) *Writing for the Real World 2: An Introduction to Business Writing*. Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo

Wallwork, A. (2014). *CVs, Resumes, and LinkedIn: A Guide to Professional English*. Springer.

135604 BUSINESS WRITING 1 (VIẾT THƯƠNG MẠI 1)

Môn học Business Writing 1 cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về giao tiếp bằng thư tín trong môi trường thương mại, những nguyên tắc chung về viết thương mại cũng như kiến thức, từ vựng và kỹ thuật viết email cho các mục đích giao dịch thương mại thông thường như: thư mời, thư đặt hàng, thư khiếu nại, thư đề xuất… Đồng thời qua 60 tiết học, sinh viên cũng được làm quen với các dạng thức của bản ghi nhớ (memo). Môn học này cũng nhằm giúp sinh viên phân biệt được cấu tạo cơ bản, các kiểu và quy định viết các loại email và memo thương mại cũng như nắm vững các cấu trúc, từ vựng tương ứng với văn phong từng loại hình email và memo. Bên cạnh đó sinh viên cũng tích hợp được các kỹ năng như: tổng hợp thông tin và làm quen với các kỹ năng giải quyết các tình huống thương mại gần với thực tế bên ngoài.

Tài liệu học tập chính

Hird, B.A. (2019) *Business Letter and E-mail Writing*: An Indexed Handbook. Lulu Publishing Service.

Tài liệu tham khảo:

Chapman, R. (2015). *English for emails*. Oxford University Press.

135608 TRANSLATION 1 (BIÊN DỊCH 1)

Học phần Biên dịch 1 trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản trong biên dịch cũng như giúp sinh viên nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng thông qua việc đọc hiểu các bài văn dịch ở ngôn ngữ nguồn (source language) và biên dịch lại bằng ngôn ngữ đích (target language). Cụ thể khi học môn này, sinh viên sẽ được học lý thuyết biên dịch, các kỹ thuật và các bước khi dịch, quy luật song song và tính tương cận trong dịch thuật, dịch nghĩa bóng, và dịch chính xác. Ngoài ra, trong suốt quá trình học sinh viên có cơ hội làm quen với các loại văn bản và ngữ cảnh khác nhau trong biên dịch và biết sử dụng ngôn ngữ theo văn phong của người bản ngữ. Môn học còn giúp sinh viên có thể biên dịch các câu, đoạn Anh-Việt, Việt-Anh trong quá trình học tại trường cũng như quá trình học tập và nghiên cứu suốt đời của sinh viên.

Giáo trình:

Nghia, P.T. (2020). *Translation 1*. Lac Hong University.

Tài liệu tham khảo:

Lâm, L.H et al. (2009). *Luyện Dịch Anh-Việt, Việt Anh.* NXB Tổng Hợp TP. HCM.

135609 RESEARCH WRITING (VIẾT NGHIÊN CỨU KHOA HỌC)

Học phần Research Writing giúp người học phát triển khả năng viết đã học ở các học phần Writing 1, Writing 2, Writing 3 và Writing 4, đồng thời giúp người học làm quen những kiến thức nền tảng về nghiên cứu khoa học như các loại hình nghiên cứu, các thiết kế nghiên cứu, phương pháp lấy dữ liệu, cách lấy mẫu, các thành phần cần thiết của một bài báo nghiên cứu v.v… Học phần này cũng tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng viết cần

thiết như cách trích dẫn, tóm tắt, thiết kế bảng câu hỏi khảo sát, mô tả phương pháp, v.v… để từ đó sinh viên có thể viết một đề cương hoàn chỉnh và hỗ trợ viết khóa luận tốt nghiệp.

Tài liệu giảng dạy:

Phu, L. T. (2020). *Research Writing.* Lac Hong University.

Tài liệu tham khảo:

1. Folse, K. S., & Pugh, T. (2019). *Great Writing 5: From Great Essays to Research* (5th ed.). National Geographic/(ELT).
2. Lester, J. D., & Lester, Jr., J. D. (2018). *Writing Research Papers A Complete Guide* (16th ed.). New York: Pearson.

135610 ENGLISH FOR FOREIGN TRADE (TIẾNG ANH DÙNG TRONG LĨNH VỰC NGOẠI THƯƠNG)

Học phần English for Foreign Trade trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về ngoại thương như Tổ chức Vận chuyển, Tải và dỡ hàng, Vấn đề vận chuyển thế giới, Đơn hàng xuất khẩu, Tài liệu xuất khẩu, Chứng từ vận chuyển, Đơn hàng xuất khẩu: Thủ tục hải quan, Thanh toán trong thương mại quốc tế. Những khái niệm này sẽ được kết hợp với các hoạt động thực hành ngôn ngữ và kỹ năng để giúp sinh viên phát triển cả kiến thức về ngoại thương cũng như ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) với trọng tâm là kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống có liên quan tới lĩnh vực ngoại thương.

Bên cạnh đó, học phần English for Foreign Trade cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học và rèn luyện kỹ năng tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, nhằm giúp sinh viên có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.

Giáo trình:

Marion, G. (2013) *English for Logistics*. Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo

Marina, M.; Carlos, M.; Rubena, L. (2013) *English for International Trade 1*. Oxford University Press.

135611 LISTENING 6 (NGHE HIỂU 6)

Học phần Listening 6 giúp người học củng cố kỹ năng nghe tiếng Anh đã học ở học phần nghe trước đó, đồng thời hoàn thiện kỹ năng nghe ở trình độ advanced (tương đương C1 trong CEFR). Cụ thể hơn, người học sẽ thực hành các kỹ năng nghe nâng cao như: nghe và suy đoán thái độ của người nói, nghe hiểu cách vận dụng một học thuyết vào các tình huống khác trong một bài giảng, xác định thông tin chính trong một luận điểm, nghe và lựa chọn thông tin để ghi chú và tóm tắt, nghe hiểu cách sắp xếp dữ liệu định tính và các mẫu đại diện, nghe hiểu cách sử dụng các ví dụ minh họa để hỗ trợ ý cho một luận điểm, nghe và dự đoán kết quả dựa trên các lí lẽ và bằng chứng, nghe và nhận biết thứ tự logic, nghe và xác định những phát biểu cần được biện hộ, nghe nhận ra các giả định ngầm, v.v., thông qua các chủ đề như: *hội họp, trò chơi, hoài cổ, rủi ro, sự ngổn ngang, di sản, sự mở rộng, sự thay đổi, dòng chảy* và *mâu thuẫn*, để từ đó giúp người học có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng kỹ năng nghe và nói tiếng Anh trong các tình huống văn hóa và xã hội cần sử dụng kỹ năng tư duy phản biện.

Bên cạnh đó, học phần Listening 6 cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học và rèn luyện kỹ năng nghe tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, làm nền tảng để sinh viên có khả năng học tập và nghiên cứu về sau.

Giáo trình

Pathare, E., & Pathare, G. (2018). *Skillful Listening and Speaking 4 2nd edition*. London: Macmillan Education.

Tài liệu tham khảo

Dummet, P., & Hughes, J. (2018). *Life 2nd edition: Advanced.* Boston: National Geographic Learning.

135612 PRESENTATION SKILLS (KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH)

Với thời lượng 60 tiết, môn học này được thực hiện dưới hình thức lý thuyết xen kẽ bài tập củng cố và thực thành thuyết trình. Nội dung môn học chú trọng vào các chủ điểm về các bước chuẩn bị và thực hiện một bài thuyết trình, cấu trúc của một bài thuyết trình, cách sắp xếp và trình bày nội dung, một số kỹ thuật thuyết trình thường gặp, nguyên tắc trong việc sử dụng ngôn ngữ hình thể và các phương tiện hỗ trợ, và cách trả lời câu hỏi. Ngoài ra, quá trình luyện tập cũng chú trọng đến phương pháp học tập và làm việc cá nhân và làm việc nhóm, qua đó học viên có thể tự chủ trong việc tự học về sau.

Giáo trình

1. Grussendorf, M. (2008). *English for Presentation.* OUP.
2. Williams, E.J. (2008). *Presentations in English.* Macmillan.

Tài liệu tham khảo:

Lucas, S. E., (2019) *The art of public speaking*. 13th ed. McGraw-Hill Education.

135623 TEACHING METHODOLOGY 1 (PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY 1)

Trong môn học này, sinh viên được cung cấp lý thuyết về giảng dạy Tiếng Anh cho hai kĩ năng nghe (listening) và nói (speaking) đang được phổ biến, cập nhật trên khắp thế giới, phương pháp tổ chức lớp học sao cho phù hợp theo hướng giao tiếp. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn thực hành giảng dạy hai kĩ năng nghe (listening) và nói (speaking), kĩ năng làm việc theo cặp theo nhóm, kĩ năng lập kế hoạch bài giảng và thiết kế giáo án giảng dạy phù hợp với nội dung chương trình và giải quyết các vấn đề trong quá trình tổ chức lớp học và hướng dẫn học sinh học tập.

Giáo trình

1. Harmer, J. (2015). *The Practice of English Language*. (fifth edition). Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

1. Harmer, J. (2018). *How to teach English*. Addison Wesley Longman Limited (First Published 1998)
2. Harmer, J. (2018). *How to teach listening*. Pearson Education Limited.

135701 OFFICE SKILLS (KỸ NĂNG VĂN PHÒNG)

Môn học này giúp sinh viên tìm hiểu và nhận dạng các loại cấu trúc của doanh nghiệp, các phòng ban và vị trí thiết yếu trong công ty. Bên cạnh đó, sinh viên có thể hiểu thêm về chức năng và nhiệm vụ của một nhân viên trong công ty như nhân viên văn phòng, nhân viên phục vụ khách hàng,… Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên biết và vận dụng những quy tắc ứng xử phù hợp nơi công sở cũng như trong giao tiếp với cấp trên, đồng nghiệp và khách hàng. Qua đó, sinh viên có thề làm quen với cách làm việc chuyên nghiệp, đồng thời tăng cường khả năng giao tiếp, vận dụng tiếng Anh trong các tình huống kinh doanh.

Giáo trình:

Nghia, P.T. (2019). *Giáo trình nội bộ môn Kỹ năng văn phòng*. Trường Đại học Lạc Hồng.

Tài liệu tham khảo:

1. O'Keeffe M. et al. (2018) *Business Partner: Level 6. Pearson* FT Press.
2. Stanberry, K. & Byars, S. (2018) *Business Ethics*. Open Stax.

135702 BUSINESS WRITING 3 (VIẾT THƯƠNG MẠI 3)

Môn học Business Writing 3 tăng cường củng cố cho sinh viên kiến thức về cách viết một số loại thư có chức năng chuyên sâu cho giao dịch thương mại như: thư yêu cầu, thư đặt chỗ trước, thư khiếu nại, thư đặt hàng… Đồng thời, sinh viên cũng được học cách viết báo cáo công việc, tiến trình hay sự kiện (reports). Bên cạnh đó, để trang bị cho sinh viên đầy đủ các kiến thức về thư tín thương mại môn học này còn hướng dẫn sinh viên các hình thức trình bày phổ biến của một bản hợp đồng với đầy đủ các thành phần nội dung cơ bản.

Tài liệu học tập chính:

1. Barnard, R.& Meehan, A. (2005) *Writing for the Real World 2: An Introduction to Business Writing*. Oxford University Press.
2. Lougheed, L. (2003). *Business Correspondence: A Guide to Everyday Writing*. 2nd Ed. Longman.

Tài liệu tham khảo:

Ho, T., Vuong, H. & Than, T. (2020). *Formulation and Translation of International Business Contracts. Vietnamese edition.* Nhan Tri Viet Co.ltd.

135708 TRANSLATION 2 (BIÊN DỊCH 2)

Học phần Translation 2 nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng thông qua việc đọc hiểu các bài văn dịch ở ngôn ngữ nguồn và biên dịch lại bằng ngôn ngữ đích, trang bị thêm cũng như giúp sinh viên có cơ hội thực hành nhuần nhuyễn những thủ thuật biên dịch đã được dạy ở Translation 1. Thông qua các bài luyện dịch tại lớp và ở nhà, sinh viên nắm bắt và rèn luyện các kỹ năng dịch thuật để có thể dịch các tài liệu liên quan đến các lĩnh vực thông thường của cuộc sống như giáo dục, văn hóa nghệ thuật , khoa học-kĩ thuật, y tế-sức khỏe, hôn nhân - gia đình, và chính trị từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại, cũng như có thể dịch những bản dịch thường gặp trong thương mại (thương hiệu, cạnh tranh, quảng cáo,…). Môn học còn giúp sinh viên có thể biên dịch các đoạn, các văn bản Anh-Việt, Việt-Anh phục vụ cho việc học tại trường cũng như quá trình tự học và nghiên cứu suốt đời của sinh viên.

Giáo trình:

Nghia, P.T. (2020). *Translation 2*. Lac Hong University.

Tài liệu tham khảo:

Dung, N.D. (2014). *Giảng trình biên dịch và phiên dịch tiếng Anh*. NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.

135709 PREPARATION FOR INTERNATIONAL TESTS (KHOÁ CHUẨN BỊ CHO CÁC BÀI THI QUỐC TẾ)

Môn học Preparation for International Tests cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về các bài thi Tiếng Anh quốc tế phổ biến hiện nay, bao gồm TOEIC, TOEFL, và IELTS. Dạng thức của đề thi, sơ lược các kỹ năng và chiến lược làm bài hiệu quả, thang điểm quy đổi tương đương giữa ba bài thi này, địa điểm đăng ký thi, và lệ phí thi,… sẽ được giới thiệu để người học có những định hướng phù

hợp cho bản thân trong việc lựa chọn ôn luyện và đăng ký thi với bài thi nào. Ngoài ra, học phần Preparation for International Tests chọn bài thi TOEIC làm trọng tâm để luyện tập với nhiều bài học chuyên sâu cung cấp các kỹ năng và chiến lược dành riêng cho bài thi TOEIC. Nhờ đó, người học có thể cải thiện các kỹ năng Tiếng Anh và đạt tới trình độ nâng cao và cũng như tự tin đăng ký tham dự kỳ thi TOEIC quốc tế sau khi hoàn thành khóa học. Đặc biệt, do học phần này cung cấp các kỹ năng tự học và tự ôn luyện cho các kỳ thi quốc tế nên sẽ tạo lập được nền tảng vững chắc để sinh viên có thể học tập và nghiên cứu suốt đời.

Giáo trình:

Anderson, P., Chadwick, M. K., & Shin, W. (2018). *Taking the Toeic Skills and Strategies (Second Edition)*. Ho Chi Minh City: First News.

Tài liệu tham khảo:

1. Cullen, P., French, A., & Jakeman, V. (2014). *The Official Cambridge Guide to IELTS*. Cambridge: Cambridge University Press.
2. *The Official Guide to the TOEFL Test (Fourth Edition)* (2012). New York: McGraw-Hill.

135710 COMMUNICATION SKILLS (KỸ NĂNG GIAO TIẾP)

Học phần Communication Skills trang bị cho người học kiến thức chính về bản chất của quá trình giao tiếp tại nơi làm việc, các hình thức giao tiếp, ứng xử linh hoạt, những yếu tố cá nhân, văn hóa ảnh hưởng tới quá trình giao tiếp và những nguyên tắc, kỹ năng, chiến thuật cần tuân thủ để có thể giao tiếp thành công trong cuộc sống, công việc và kinh doanh. Đồng thời, học phần hỗ trợ sinh viên trong việc phát triển kỹ năng biên phiên dịch tài liệu liên quan tới công việc và trong lĩnh vực thương mại. Bên cạnh đó, học phần Communication Skills cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học tiếng Anh qua các chương trình và khóa học trực tuyến, ứng dụng các chức năng ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng hiệu quả trong những tình huống liên quan đến tiếng Anh dành cho lĩnh vực thương mại và để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình

Barker, Allan. (2019) *Improve Your Communication Skill* 5th Edition. Kogan Page Limited

Tài liệu tham khảo

Tuhovsky, Ian. (2017) *The Science of Effective Communication*. Amazon Digital Services LLC.

135737 TEACHING METHODOLOGY 2 (PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY 2)

Trong môn học này, sinh viên được cung cấp lý thuyết về giảng dạy Tiếng Anh cho hai kĩ năng đọc (reading) và viết (writing) đang được phổ biến, cập nhật trên khắp thế giới, phương pháp tổ chức lớp học sao cho phù hợp theo hướng giao tiếp. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn thực hành giảng dạy hai kĩ năng (reading) và viết (writing), kĩ năng làm việc theo cặp theo nhóm, kĩ năng lập kế hoạch bài giảng và thiết kế giáo án giảng dạy phù hợp với nội dung chương trình và giải quyết các vấn đề trong quá trình tổ chức lớp học và hướng dẫn học sinh học tập.

Giáo trình

1. Harmer, J. (2015). *The Practice of English Language*. (fifth edition). Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

1. Harmer, J. (2018). *How to teach English*. Addison Wesley Longman Limited (First Published 1998)
2. Harmer, J. (2018). *How to teach writing*. Pearson Education Limited.

135802 ENGLISH FOR MARKETING (TIẾNG ANH TRONG LĨNH VỰC TIẾP THỊ)

Thông qua các chủ đề thực tế, môn học này giúp học viên tự tin và giao tiếp hiệu quả hơn bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh có liên quan đến tiếp thị và quảng cáo. Môn học cũng cung cấp thêm cho học viên những kỹ năng cần thiết như kỹ năng chăm sóc khách hàng, tổ chức sự kiện, chiến thuật tiếp thị, v.v… đưa học viên gần hơn với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp, đồng thời tạo một nền tảng để học viên có thể học tập và nghiên cứu về sau.

Giáo trình

Gore S. (2011). *English for Marketing and Advertising*. Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo

Duckworth, M., Turner, R. A., & Lane, A. (2012). *Business Result: Advanced: Business Result: Advanced; Student's Book*. Oxford University Press.

135803 ENGLISH FOR BUSINESS MANAGEMENT (TIẾNG ANH DÙNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN TRỊ KINH DOANH)

Học phần English for Business Management trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về quản trị doanh nghiệp như Lãnh đạo là gì, Văn hóa và thay đổi, Tổ chức và cơ cấu hoạt động, Quản lý sản xuất, Chiến lược và môi trường kinh doanh, Chiến lược quản lý tài chính, Ngân sách, Quyết định và rủi ro, Quản trị nhân sự, Phát triển nguồn nhân lực, Quan hệ công nghiệp, Quản lý marketing. Những khái niệm này sẽ được kết hợp với các hoạt động thực hành

ngôn ngữ và kỹ năng để giúp sinh viên phát triển cả kiến thức về quản trị học cũng như ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) với trọng tâm là kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống có liên quan tới vấn đề quản trị. Bên cạnh đó, học phần English for Business Management cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học và rèn luyện kỹ năng tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, nhằm giúp sinh viên có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.

Giáo trình

Mckeown, A. & Wright R. (2011). *Professional English in Use Management*. Cambridge University Press.

Tài liệu tham khảo

Jones, G. & George, J. (2009) *Contemporary management*. Boston: McGraw-Hill/Irwin.

135817 INTERPRETATION (PHIÊN DỊCH)

Học phần Interpretation giới thiệu một số yêu cầu cơ bản trong phiên dịch và giúp sinh viên bước đầu rèn luyện một số kỹ năng phiên dịch, thực hành những thủ thuật giúp tăng cường trí nhớ, ghi chép … đồng thời giúp phát triển năng lực ngôn ngữ tiếng Anh.

Từ đó người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ khi thảo luận với người khác trong môi trường kinh thương, đồng thời có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể và để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình:

Hien, T. D. & Dung, D. T. H. (2020). *Interpretation.* Lac Hong University.

Tài liệu tham khảo:

Grant, D. & McLarty, R. (2006). *Business Basics*. New Ed. Oxford University Press.

ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

LỊCH TRÌNH NĂM HỌC 2022 - 2023
KHÓA HỌC 2018 - 2019 - 2020 - 2021- 2022

THÁNG 7/2022				THÁNG 8/2022					THÁNG 9/2022				THÁNG 10/2022			
04/07	11/07	18/07	25/07	01/08	08/08	15/08	22/08	29/08	05/09	12/09	19/09	26/09	03/10	10/10	17/10	24/10
09/07	16/07	23/07	30/07	06/08	13/08	20/08	27/08	03/09	10/09	17/09	24/09	01/10	08/10	15/10	22/10	29/10

KHÓA: 2022 — NHẬP HỌC, HỌC QUÂN SỰ, HỌC CHÍNH TRỊ — HỌC KỲ 1 - KHÓA 2022

KHÓA: 2018, 2019, 2020, 2021 — HỌC KỲ 1 - KHÓA 2018, 2019, 2020, 2021

THÁNG 11/2022					THÁNG 12/2022				THÁNG 1/2023					THÁNG 2/2023		
31/10	07/11	14/11	21/11	28/11	05/12	12/12	19/12	26/12	02/01	09/01	16/01	23/01	30/01	06/02	13/02	20/02
05/11	12/11	19/11	26/11	03/12	10/12	17/12	24/12	31/12	07/01	14/01	21/01	28/01	04/02	11/02	18/02	25/02

HỌC KỲ 1 - KHÓA 2022 (12 tuần) — THI HẾT HỌC PHẦN — KHÓA 2022 NGHỈ TẾT — HỌC KỲ 2 - KHÓA 2022

DT — THI HẾT HỌC PHẦN — KHÓA 2018, 2019, 2020, 2021 NGHỈ TẾT — HỌC KỲ 2 - KHÓA 2018, 2019, 2020, 2021

THÁNG 3/2023					THÁNG 4/2023				THÁNG 5/2023				THÁNG 6/2023			
27/02	06/03	13/03	20/03	27/03	03/04	10/04	17/04	24/04	01/05	08/05	15/05	22/05	29/05	05/06	12/06	19/06
04/03	11/03	18/03	25/03	01/04	08/04	15/04	22/04	29/04	06/05	13/05	20/05	27/05	03/06	10/06	17/06	24/06

HỌC KỲ 2 - KHÓA 2022 — DT — THI HẾT HỌC PHẦN

HỌC KỲ 2 - KHÓA 2018, 2019, 2020, 2021 — DT — THI HẾT HỌC PHẦN

Ghi chú :

DT: Dự trữ

14/01: 23/12 Âm Lịch
19/01: 28/12 Âm Lịch
28/01: 07/01 Âm Lịch
04/02: 14/01 Âm Lịch

"Kỳ thi phụ HK1 vào buổi tối từ 15/08 đến 20/08/2022"
"Kỳ thi phụ HK2 vào buổi tối từ 06/02 đến 11/02/2023"

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

LÂM THÀNH HIỂN
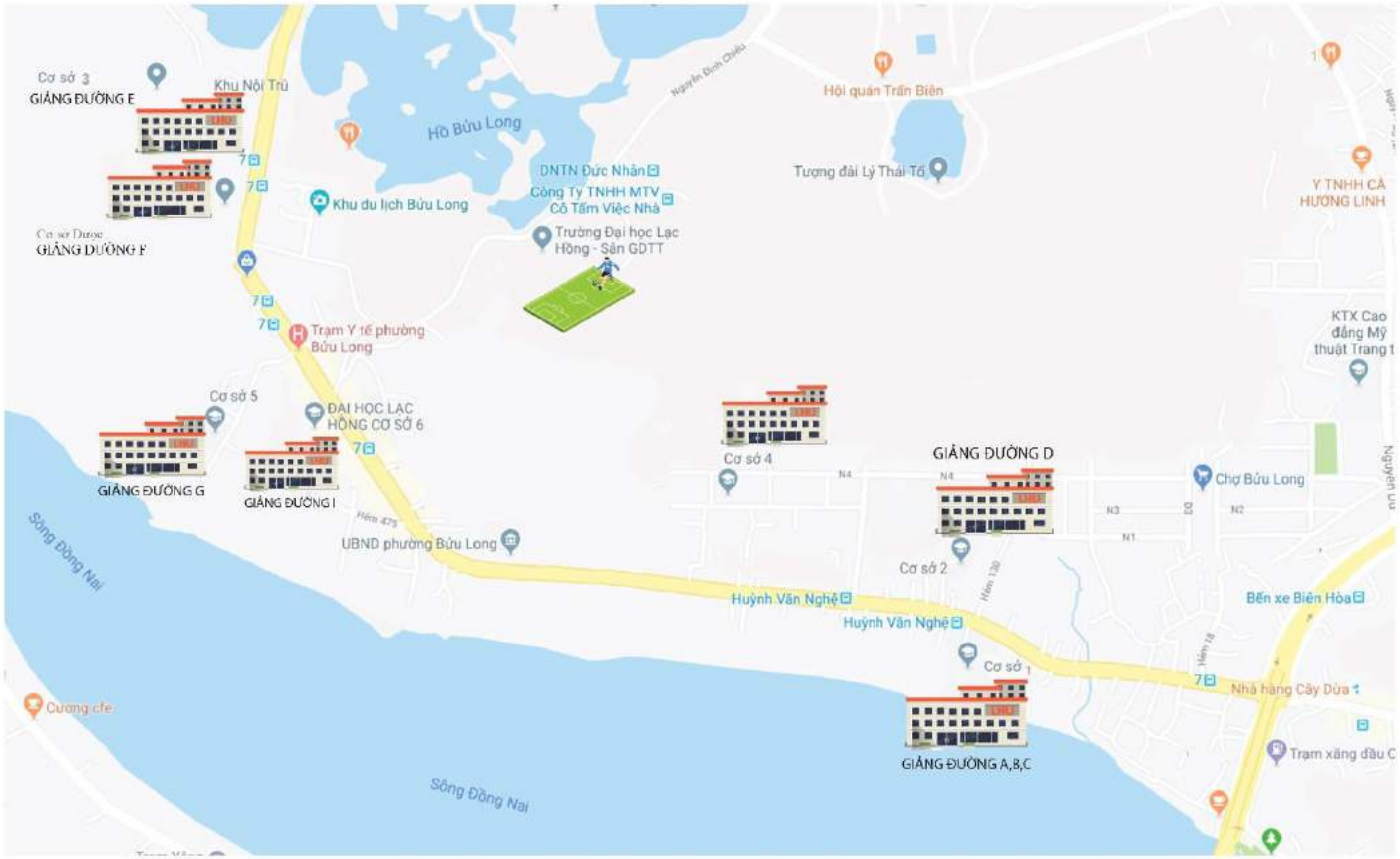
SƠ ĐỒ ĐẾN CÁC CƠ SỞ CỦA ĐẠI HỌC LẠC HỒNG